

ĐẠI-ĐẠO TAM-KỶ PHỔ-ĐỘ
TÒA-THÁNH TÂY-NINH



LỊCH SỬ
ĐẠO CAO ĐÀI
VỀ GIÁO LÝ
(1925 – 1955)

.....
H.T. TRẦN VĂN RẠNG
.....



TÀI LIỆU SƯU TẦM 2022
hai•không•hai•hai

Ebook được làm theo tài liệu phổ biến trên Website **caodaihistoric3.blogspot.com**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen.351@live.com*

Thành thật tri ơn HT. TRẦN VĂN RẠNG, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE CAODAIHISTORIC3.BLOGSPOT.COM đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngò hầu GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 15/04/2023

Tâm Nguyên

Website: **tusachCAODAI.wordpress.com**

Lịch Sử **ĐẠO CAO-ĐÀI về GIÁO-LÝ**

Soạn Giả: HT. TRẦN VĂN RẠNG

MỤC LỤC

PHẦN PHÁT ĐOAN 21

CHƯƠNG I: XÃ HỘI MIỀN NAM KHI CAO ĐÀI GIÁO XUẤT HIỆN	21
1. Miền Nam là đất thuộc địa Pháp	21
2. Các tầng lớp xã hội	22
3. Văn hoá thời Pháp thuộc	24
CHƯƠNG II: SỰ XUẤT HIỆN ĐẠO CAO ĐÀI	26
1. Sự thành lập Tòa Thánh Tây Ninh	26
2. Sự phân chia chi phái	27
3. Hội Thánh Cao Đài	28
a) Hiệp Thiên Đài	28
b) Cửu Trùng Đài	30
c) Các cơ quan đặc biệt	31
d) Cơ quan hành chính địa phương	31

PHẦN THỨ NHẤT: THỜI KỲ KHAI ĐẠO 34

CHƯƠNG I: THIÊN NHÂN XUẤT HIỆN LẦN ĐẦU	34
CHƯƠNG II: THIÊN NHÂN XUẤT HIỆN TRONG VŨ TRỤ	38
I. ĐẠO CAO ĐÀI THỜ ĐỨC TIN NHÂN LOẠI	38
1. Thiên Nhân xuất hiện trong vũ trụ 1996	38
II. VŨ TRỤ QUAN ĐẠO CAO ĐÀI	43
1. Thất thập nhị địa	46
2. Tứ đại bộ châu	46
3. Tam thiên thế giới	47
4. Tam thập lục thiên	47
III. NHÂN SINH QUAN ĐẠO CAO ĐÀI	48
1. Thể xác: Đệ nhứt xác thân (xác phàm)	52
2. Chơn Thân: Đệ nhị xác thân (thân thiêng liêng)	52
3. Chơn linh: linh hồn, điểm Linh-Quang	53

CHƯƠNG III: TỜ KHAI TỊCH ĐẠO	57
I. 12 ĐỆ TỬ ĐẦU TIÊN	57
II. TỜ KHAI TỊCH ĐẠO	58

PHẦN THỨ HAI: ĐẠI LỄ KHAI ĐẠO 63

CHƯƠNG I: HAI TIẾNG CAO ĐÀI	63
I. Tuyên Ngôn Khai Đạo Của Đức Cao Đài	63
1. Hòa bình	65
2. Dân chủ	65
3. Cộng hưởng	66
4. Tự do	66
II. CHỮ “MỤC” LÀ MẬT NGỮ TU CHƠN	68
1. Chữ “mục” hàm chứa bát quái	69
2. Cái đích dẫn đến tu chơn	70
3. Trời – người hiệp nhất	72
CHƯƠNG II: ĐÊM HỘI YẾN ĐIỀU TRÌ CUNG ĐẦU TIÊN	75
CHƯƠNG III: TIÊU NGŨ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ	82
CHƯƠNG IV: THAM THIÊN LŨNG ĐỊA	89
I. NGŨ PHẦN PHÁP THÂN HƯƠNG	89
II. THAM THIÊN LŨNG ĐỊA	89
1. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc	92
2. Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư	95
3. Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang	97
4. Bảo Đạo Ca Minh Chương	99
5. Hiến Pháp Trương Hữu Đức	101
CHƯƠNG V: BÁT TIÊN GIÁNG TRẦN LẬP ĐẠO	104
1. Lý Thiết Quả	105
2. Chung Ly Quyền	106
3. Lữ Động Tân	107
4. Trương Quả Lão	108
5. Lam Thế Hòa	109
6. Hà Tiên Cô	111

7. Hàn Trương Tử.....	112
8. Tào Quốc Cửu.....	115

PHẦN THỨ BA: PHÁP CHÁNH TRUYỀN, TÂN LUẬT 118

CHƯƠNG I: ĐỨC CHỈ TÔN PHONG THÁNH	118
1. Thầy trực Chơn-Thần Phạm Công Tác (14-3 Bính Dần)...	118
2. Thầy phong Thánh lần đầu Tiên (ngày 15-3 Bính Dần)....	120
3. Đạo khai thì tà khởi (29-6 Bính Dần)	121
4. Thầy phong Thánh lần thứ hai (ngày 1-7 Bính Dần).....	121
CHƯƠNG II: ẤN TỔNG KINH VÀ HIẾN CHÙA.....	123
1. Ngài Thơ xin ấn tổng kinh và Thánh tượng Thiên Nhân (ngày 12-7 Bính Dần).....	123
2. Hòa Thượng Như Nhân hiến chùa Gò Kén cho Đạo Cao Đài (ngày 16-7 Bính Dần).....	125
CHƯƠNG III: PHÁP CHÁNH TRUYỀN	129
1. Các đàn cơ phổ độ đầu Tiên.....	129
2. Thầy chọn tiếng Việt Nam để lập Đạo (29-7 Bính Dần) ...	133
3. Thầy dạy làm 7 cái ngai (11-8 Bính Dần)	135
4. Thầy dạy lập Thánh thất và Tân Luật (12-8 Bính Dần)	135
5. Thầy giữ nhạc lễ cổ truyền Việt Nam (21-8 Bính Dần).....	136
6. Thầy ban tịch Đạo nữ phái và Thiên phong Chức-sắc nữ phái (14-10 Bính Dần)	137
7. Thầy lập Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài (16-10 Bính Dần).....	138
CHƯƠNG IV: TÂN LUẬT	141
1. Thầy dạy lập Tân Luật (2-11 Bính Dần)	141
2. Đức Lý dạy bùa chữ Khí (9-11 Bính Dần).....	141
3. Đức Lý dạy tổ chức cải luật (14-11 Bính Dần).....	142
4. Thầy dạy về Tân Luật (20-11 Bính Dần)	142
5. Đức Lý dạy về cơ bút (25-11 Bính Dần)	143
6. Đức Lý cho thơ Ngụ Đời (8-12 Bính Dần)	144
Bài số 1 (Điều Thái Cực)	144
Bài số 2 (Điều Lương Nghi).....	144

Bài số 3 (Điều Tứ Tượng).....	145
Bài số 4 (Điều Bát Quái).....	145
Bài số 1 (<i>TRÊN TƯ THỜI GIỮA TAM TÀI GỌI LÀ ĐIỀU VĂN TAM TÀI</i>).....	146
Bài số 2 (Trên Bát tuyết giữa là Ngũ Hành gọi là Điều văn Ngũ Hành).....	146
Bài số 3 (Trên là Lưỡng Khí giữa là Cửu Thiên).....	147
Bài số 4 (Trên Thập Nhị Thời, giữa Thập Điện Diêm Cung gọi là Điều văn Thập điệu).....	148
Bài số 5.....	148
Bài số 6 (Điều Thập Nhị Khai Thiên Động Đình Hồ).....	149
7. Đức Lý dạy cách dâng Tân Luật (13-12 Bính Dần).....	149
8. Đức Lý dạy tiếp Tân Luật (14-12 Bính Dần).....	150

PHẦN THỨ TƯ: XÂY DỰNG TÒA THÁNH 152

CHƯƠNG I: PHÁP CHÁNH TRUYỀN NỮ PHÁI	152
1. Đức Lý lập Pháp Chánh Truyền nữ phái (ngày 1-1 Đinh Mão 1927).....	152
2. Thầy lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài (ngày 12-1 Đinh Mão).....	153
3. Đức Lý dạy ban hành Tân Luật (ngày 15-1 Đinh Mão 1927)	157
4. Chi chi cũng ở Tây Ninh.....	159
CHƯƠNG II: CHỌN ĐẤT XÂY TÒA THÁNH	162
1. Xây dựng đất Tây Ninh (ngày 18.1 Đinh Mão 1927).....	162
2. Chọn Tây Ninh làm Thánh địa (ngày 19-1 Đinh Mão 1927).....	164
3. Lục long phò ấn (ngày 23-1 Đinh Mão 1927).....	165
4. Đức Chí Tôn dạy lập Tòa Thánh cho xứng đáng.....	165
5. Đức Lý dạy vị trí Tòa Thánh (ngày 27-1 Đinh Mão 1927) ..	167
6. Đức Chí Tôn dạy chánh trị đời khác Đạo (ngày 5-2 Đinh Mão 1927).....	168
7. Thánh ngôn ban hành phải có ấn ký của Đầu Sư (ngày 10-4 Đinh Mão 1927).....	170
8. Thấy ra lệnh cuối tháng 6 âm lịch ngưng cơ bút phổ độ	

(ngày 2–5 Đinh Mão 1927).....	171
9. Trách nhiệm của các vị phò loan gần hoàn toàn (ngày 13–5 Đinh Mão 1927)	172
10. Hội Thánh ngoại giáo (ngày 29–6 Đinh Mão 1927).....	174
11. Vấn đề ngưng cơ bút phổ độ.....	179
12. Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn dạy Hội Thánh Ngoại Giáo (ngày 13–12 Đinh Mão 1927).....	184
13. Đạo phục Bảo Sanh Quân (ngày 15–12 Đinh Mão 1927) ..	185

PHẦN THỨ NĂM: HÀNH ĐẠO NƠI TÒA THÁNH 188

CHƯƠNG I: ĐỨC CHỈ TÔN SẮP ĐẶT VIỆC HÀNH ĐẠO.....	188
1. Thấy sắp đặt việc hành Đạo nơi Tòa Thánh (ngày 5–1 Mậu Thìn 1928)	188
2. Phương châm hành Đạo (ngày 29–2 Mậu Thìn 1928).....	189
3. Thấy dạy Đức Hộ Pháp làm Tịnh thất (ngày 16–3 Mậu Thìn 1928)	191
4. Đức Lý khuyên Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài hiệp nhau điều đình nền Đạo (ngày 7–5 Mậu Thìn 1928).....	193
5. Đức Cao Thượng Phẩm ra khỏi Tòa Thánh (ngày 25–7 Mậu Thìn 1928).....	194
6. Đức Hộ Pháp mua đất lập Phạm Nghiệp (Trung tuần tháng 8 năm Mậu Thìn)	195
7. Đức Hộ Pháp đi Phú Mỹ (ngày 18–8 Mậu Thìn 1928).....	196
8. Thấy dạy làm tháp cho Ca Bảo Đạo (ngày 19.10 Mậu Thìn 1928)	198
9. Đức Cao Thượng Phẩm đăng Tiên (ngày 1–3 Kỷ Tỵ 1929) ..	199
CHƯƠNG II: HỘI THÁNH LẬP NỘI LUẬT	201
1. Đức Hộ Pháp lấy Long Tuyên Kiếm (ngày 29–2 Canh Ngọ 1930)	201
2. Khởi công xây dựng Tòa Thánh (ngày 14–5 Canh Ngọ 1930)	207
3. Nghi tiết đại đàn và tiểu đàn cho các Thánh thất (ngày 17–6 Canh Ngọ 1930).....	209
4. Phát giấy thông hành cho Đạo hữu (ngày 8–10 Canh Ngọ	

1930)	211
5. Đức Lý Giáo Tông tái thủ quyền hành (ngày 5-11 Canh Ngọ 1930)	213
6. Đức Lý Giáo Tông lập thập hình (ngày 30-11 Canh Ngọ 1930)	214
CHƯƠNG III: PHÁP CHÁNH TRUYỀN CHÚ GIẢI	216
1. Nghi tiết Đại Đàn – Tiểu Đàn số văn và lễ cúng tứ thời. ...	216
2. Ông bà Thái Thơ Thanh xin lập Thái Cực Đồ (ngày 2-1 Tân Mùi 1931)	219
3. Lục Nương giải về Nhựt Nguyệt Mạo và Đạo phục Bảo Quân (ngày 25-1 Tân Mùi 1931)	222
4. Đức Quyền Giáo Tông kêu gọi Chức-sắc hành Đạo theo Tân Luật (ngày 15-2 Tân Mùi 1931)	223
5. Đạo phục Chức-sắc và chức việc phải y một kiểu (ngày 26-2 Tân Mùi 1931)	226
6. Pháp Chánh Truyền chú giải là tân pháp của ĐĐTKPĐ (ngày 26-5 Tân Mùi 1931)	227
7. Đạo Cao Đài không làm chánh trị (ngày 14-7 Tân Mùi 1931)	228
8. Hội Thánh lập nội luật Tòa Thánh (ngày 1-10 Tân Mùi 1931)	229
9. Giáo hội Gnostique (Đức) xin hiệp với Cao Đài (ngày 4-10 Tân Mùi 1931)	230
10. Đại hội Nhơn Sanh lần 1 (ngày 15.10 Tân Mùi 1931)	231
11. Đức Quyền Giáo Tông gửi thư đến các nước (ngày 22-10 Tân Mùi 1931)	238
12. Giáo Hữu Trần Quang Vinh vận động tự do tín ngưỡng (ngày 22-11 Tân Mùi 1931)	241
13. Thượng Hội ân xá Chức-sắc Thiên phong (5-12 Tân Mùi 1931)	245
14. Chương trình hành sự của Hiệp Thiên Đài (Ngày 17-12 Tân Mùi 1931)	245
CHƯƠNG IV: HỘI NHƠN SANH	250
1. Đức Hộ Pháp lập Phạm Môn (ngày 3-1 Nhâm Thân 1932) .	250

2. Hội Thánh in Thánh ngôn hiệp tuyển (ngày 14-1 Nhâm Thân 1932) 253
3. Nội luật Thượng Hội (ngày 22-1 Nhâm Thân 1932) 254
4. Ngài Ngô Văn Chiêu liễu Đạo (ngày 13-3 Nhâm Thân 1932) 259

CHƯƠNG V: ĐIỀU TRỊ CUNG CHO THI 266

1. Hội Thánh cẩn thận cơ bút (ngày 30-5 Nhâm Thân 1932).. 266
2. Ngưng chức Phối Sư Thái Ca Thanh (ngày 24-7 Nhâm Thân 1932) 272
3. Điều Trị Cung giảng cho thi (ngày 15-8 Nhâm Thân 1932). 274
4. Lập ban cai quản Thánh thất (ngày 16-9 Nhâm Thân 1932) 276
5. Bà Đoàn Thị Điểm giảng cơ cho Nữ Trung Tòng Phận (ngày 26-2 Quý Dậu 1933) 277
6. Nhóm Hội Vạn Linh ngày 11-6-1933 là sai phép (ngày 18-5 Quý Dậu 1933)..... 278
7. Quyền Đầu Sư Ngọc Trang Thanh tổ chức “Hội Vạn Linh” (ngày 19-5 Quý Dậu 1933) 279
8. Cách tuyển chọn Hội Viên và Phái Viên Hội Nhơn Sanh (ngày 14-10 Quý Dậu 1933) 281
9. Khai trừ tất cả kẻ nào vi phạm kỷ luật của Hội Thánh (ngày 27-10 Quý Dậu 1933) 284
10. Tờ giao quyền..... 286
11. Lục Nương giảng cơ dạy chuyển cho Hiệp Thiên Đài cầm quyền Đạo (ngày 29-12 Quý Dậu 1933)..... 287
12. Tiếp Dẫn Đạo Nhơn hối tiếc chuyện bất hòa 289

PHẦN THỨ SÁU: ĐỨC HỘ PHÁP CHƯỜNG QUẢN NHỊ HỮU HÌNH ĐÀI 307

CHƯƠNG I: ĐỨC HỘ PHÁP CHƯỜNG QUẢN NHỊ HỮU HÌNH ĐÀI 307

1. Ông Lê Văn Trung trả Bắc Đẩu Bội Tinh (ngày 19-1 Giáp Tuất 1934)..... 307
2. Ông Nguyễn Ngọc Tương dùng bạo lực chiếm Tòa Thánh (ngày 20-1 Giáp Tuất 1934)..... 310
3. Ông Trần Văn Toàn giảng cơ 315
4. Pierre Pasquier bị thiêu vì âm mưu diệt Đạo 315

5. Đức Cao Thượng Phẩm khuyên Cao Quỳnh Diêu trở về Tòa Thánh (ngày 15-7 Giáp Tuất 1934)	317
6. Nội luật Thánh Thất (ngày 15-7 Giáp Tuất 1934).....	317
7. Đức Lý và Đức Hộ Pháp định quyết chi phái là tả Đạo bàng môn (ngày 16-7 Giáp Tuất 1934)	318
8. Nguyễn Du giảng cơ (ngày 21-7 Giáp Tuất 1934).....	322
9. Đức Quyền Giáo Tông quy thiên (ngày 13-10 Giáp Tuất 1934)	323
10. Buộc Chức-sắc phệ đời hành Đạo (ngày 8-11 Giáp Tuất 1934)	326
11. Toàn quyền Pháp cho phép Đạo Cao Đài phổ thông Bắc Kỳ (ngày 9-11 Giáp Tuất 1934).....	330
12. Hội Thánh đồng ý Đức Hộ Pháp cầm quyền nhị hữu hình đài (ngày 10-11 Giáp Tuất 1934).....	334
13. Đức Hộ Pháp lập tòa Hiệp Thiên Đài (ngày 21-11 Giáp Tuất 1934).....	336
14. Đức Hộ Pháp đòi sổ bộ, đất đai Thánh địa và ông Tương trả lời (ngày 5-12 Giáp Tuất 1934)	337
CHƯƠNG II: LUẬT LỆ CHUNG CỦA CÁC HỘI	339
HỘI THÁNH	354

PHẦN THỨ BẢY: ĐỨC HỘ PHÁP CHUYỂN PHẠM MÔN THÀNH PHƯỚC THIÊN 362

CHƯƠNG I: CHỨC SẮC HIỆP THIÊN ĐÀI CẤP DƯỚI	362
1. Ông Nguyễn Ngọc Tương lên chức Giáo Tông của Ban Chính Đạo (ngày 8-1 Ất Hợi 1935).....	362
2. Thầy phong Dương Văn Giáo chức Bảo Cô Quân (ngày 10-1 Ất Hợi 1935)	364
3. Đức Hộ Pháp chuyển Phạm Môn thành Cơ Quan Phước Thiện	365
4. Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn lập các phẩm Chức-sắc cấp dưới Hiệp Thiên Đài	368
CHƯƠNG II: CÁC ĐĂNG CHO KINH TẬN ĐỘ	370
1. Toàn quyền Pháp cho Đạo Cao Đài được tự do tín ngưỡng (ngày 12-4 Ất Hợi 1935).....	370

3. Chia Nam Kỳ thành 5 tỉnh Đạo (ngày 15-7 Ất Hợi 1935) ..	375
4. Các Đấng cho kinh Tận độ (ngày 1-8 Ất Hợi 1935)	378
5. Giáo Sư Thượng Bấy Thanh truyền Đạo khắp Đông Pháp (ngày 4-8 Ất Hợi 1935).....	379
6. Bà Đoàn Thị Điểm ra thai đố cho Văn Minh Điện (ngày 14-8 Ất Hợi 1935)	380
7. Bà Nữ Chánh Phối Sư kêu gọi nữ phái ủng hộ việc xây dựng Tòa Thánh (ngày 15-8 Ất Hợi 1935).....	383
8. Bát Nương giáng cơ tại Thánh địa Bạch Vân Nam Vang (ngày 24-8 Ất Hợi 1935).....	386
9. Tiêu Diêu Đạo Sĩ giáng cơ tại Thánh địa Bạch Vân Nam Vang (ngày 25-8 Ất Hợi 1935).....	387
10. Cơ quan Phước Thiện là của Hội Thánh (ngày 19-12 Ất Hợi 1936)	388
CHƯƠNG III: KINH THỂ ĐẠO.....	389
1. Đức Hộ Pháp truyền 4 phép bí tích (ngày 9-1 Bính Tý 1936)	389
2. Đoàn Thị Điểm giáng cơ cho Tân Kinh (ngày 16-1 Bính Tý 1936)	390
3. Đức Hộ Pháp mở khoa thi Luật Sự Hiệp Thiên Đài đầu Tiên (ngày 23-5 Bính Tý 1936).....	390
4. Ông Lê Bá Trang quy liễu tại Bến Tre (ngày 29-5 Bính Tý 1936)	392
5. Ông Lê Bá Trang bị đọa ở cõi Âm Quang (ngày 11-6 Bính Tý 1936)	395
6. Toàn quyền Pasquier nhận tội đàn áp Đạo Cao Đài (ngày 3-8 Bính Tý 1936)	396
7. Đức Hộ Pháp cấm Chức-sắc, tín đồ làm chánh trị (ngày 17-8 Bính Tý 1936)	397
8. Lễ đại tường Đức Quyền Giáo Tông (ngày 13-10 Bính Tý 1936)	399
9. Đức Hộ Pháp làm lễ khởi công xây dựng Tòa Thánh (ngày 1-11 Bính Tý 1936)	401
CHƯƠNG IV: LỄ KHÁNH THÀNH THÁNH THẤT KIM BIÊN.....	406

1. Giáo Sư Thượng Bửu Thanh vâng lệnh HTNG đến Hà Nội hành Đạo	406
2. Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh qui vị tại Vũng Liêm (ngày 8-4 Đinh Sửu 1937)	407
3. Lễ khánh thành Thánh thất Kim Biên (ngày 13-4 Đinh Sửu 1937)	408
4. Cứu tế nạn nhân lũ lụt (ngày 1-9 Đinh Sửu 1937)	420
5. Đức Hộ Pháp thuyết Đạo về luật thương yêu (ngày 14-10 Đinh Sửu 1937)	421
6. Tờ thỉnh nguyện của giáo dân Hà Nội	426
7. Công việc truyền Đạo tại Hà Nội	430
8. Ước vọng của Hội Thánh Cao Đài	432
9. Đạo luật năm Mậu Dần (ngày 8-1 Mậu Dần 1938)	436
10. Hội Thánh dạy toàn Đạo cầu nguyện cho thế giới được hòa bình (ngày 13-8 Mậu Dần 1938)	440
11. Hội Thánh dạy cách lạy và tang tế sự (ngày 18-8 Mậu Dần 1938)	442
12. Đức Hộ Pháp thuyết về chơn pháp (ngày 15-9 Mậu Dần 1938)	445
13. Thành lập Hội Thánh Phước Thiện (ngày 19-10 Mậu Dần 1938)	446
14. Chánh phủ Pháp khoan hồng với Đạo Cao Đài (ngày 18-11 Mậu Dần 1938)	449
15. Đức Chí Tôn lập Đạo Cao Đài làm cơ quan chuyển thế (ngày 1-12 Mậu Dần 1938)	450
16. Cách lập Ban Kỳ Lão	453
CHƯƠNG V: HỘI NGHỊ QUỐC TẾ VỀ TÔN GIÁO	456
1. Ân phong, ân xá, thăng thưởng, hàm phong, truy phong (ngày 12-6 Kỷ Mão 1939)	456
2. Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Gabriel Gobron dự hội nghị quốc tế về tôn giáo	458
1. Hội nghị quốc tế Thần linh học Barcelone (1934)	459
2. Hội nghị thế giới về tôn giáo ở Luân Đôn (1936)	459
3. Hội nghị Thần linh học thế giới ở Glasgow (1937)	460

4. Hội nghị thể giới về tín ngưỡng tại Ba-lê (1939).....	461
3. Khai mạc đại hội Phước Thiện (ngày 22-10 Kỷ Mão 1939) ..	466
4. Cấm kêu Đức Hộ Pháp bằng thầy (ngày 28-2 Canh Thìn 1940)	471

PHẦN THỨ BẢY: THỜI THÁI BÌNH THỊNH TRỊ 474

CHƯƠNG I: TRẦN THÁNH PHI CHÂU.....	474
CHƯƠNG II: HẾT MÙA PHÁP NẠN.....	484
CHƯƠNG III: THỜI THÁI BÌNH THỊNH TRỊ.....	492
1. Khái niệm về thời thái bình	492
2. Hội nghị Nhơn Sanh và Phước Thiện	493
3. Lễ trấn Thần Toà Thánh Tây Ninh:.....	494
4. Lễ rước quả Càn Khôn an vị Toà Thánh.....	497
5. Báo Ân Từ	498
6. Đạo Đức Học Đường	500
7. Đoàn Hướng Đạo Sinh Cao Đài.....	504
8. Văn phòng Hiệp Thiên Đài	506
9. Phái Tiên Thiên về Toà Thánh.....	507
10. Tịnh Thất và Trí Huệ Cung.....	508
11. Lập phố chợ Long Hoa	511
12. Trai đường	513
13. Các phủ tử trong vùng Thánh Địa:.....	514
14. Lễ đăng điện Xá Lợi Phật.....	515
15. Khảo Cứu Vụ.....	516
16. Bảo Đại ban cho Đạo Cao Đài đất xây dựng TTTN.....	517
17. Đức Hộ Pháp sang Đài Loan	523
18. Báo Quốc Từ.....	524
19. Đạo Cao Đài ra quốc tế.....	525
Lễ Khánh Thành Tòa Thánh	526
Lễ Thiêu Xác Các Thánh Tông Đồ	528
CHƯƠNG IV: QUÁ TRÌNH XÂY CẤT TÒA THÁNH.....	529
CHƯƠNG V: KIẾN TRÚC TÒA THÁNH.....	535
1. Mặt trước Đền Thánh	535

2. Bên trong Đền Thánh	537
3. Bát Quái Đài	541
4. Các kiến trúc quanh Đền Thánh	544
5. Triết lý kiến trúc	552
CHƯƠNG VI: Ý NGHĨA THỜ THIÊN NHÂN	558
1. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là gì?	558
2. Cao Đài là gì?	559
3. Cách xếp đặt trên thiên bàn	559
4. Ý nghĩa Thánh tượng Thiên Nhân	560
5. Cách hiến lễ	568
6. Tại sao phải cúng tứ thời?	568
7. Tại sao phải lạy?	569
8. Tại sao mặc đồ trắng?	571
CHƯƠNG VII: NGÔI THỜ ĐỨC CHÍ TÔN	572
Tại sao Thiên Nhân tượng trưng cho Thượng Đế?	573
Càn Khôn là gì?	578
Kinh Dịch giải về Càn Khôn ra sao?	580
Đạo dịch và lân mã	586
CHƯƠNG VIII: VÍA ĐỨC CHÍ TÔN	595
PHỤ LỤC	603



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN KHOA SÀI GÒN
LUẬN ÁN TIẾN SĨ SỬ HỌC
SVTS TRẦN VĂN RẠNG

LỊCH SỬ
ĐẠO CAO ĐÀI VỀ GIÁO LÝ
ĐẠI ĐẠO NĂM THỨ – 50.
1975

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN KHOA SÀI GÒN

Không tán thành cũng như không phản đối những
ý kiến được phát biểu trong tập luận văn này. Những ý
kiến đó, tác giả luận văn hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Giáo sư bảo trợ luận văn
Tiến Sĩ Châu Long



TÒA THÁNH TÂY NINH



BÁO AN TỪ – ĐỀN THỜ PHẬT MẪU TẠM

PHẦN PHÁT ĐOAN

CHƯƠNG I: XÃ HỘI MIỀN NAM KHI CAO ĐÀI GIÁO XUẤT HIỆN

1. MIỀN NAM LÀ ĐẤT THUỘC ĐỊA PHÁP

Muốn hiểu rõ Đạo Cao Đài, ta hãy đặt nền Tân tôn giáo này vào hoàn cảnh đất nước khi Đạo khai. Theo hoà ước Patenôtre 1884 thì người Pháp không có quyền can thiệp vào việc nội trị của nước Việt Nam, nhưng đại diện Pháp luôn luôn tìm cách lấn quyền Triều đình Huế. Sau Đạo dụ năm 1925 thì vua Việt Nam không còn một chút thực quyền, chỉ còn giữ việc tế tự trời đất và lăng miếu. Trong nước mọi việc đều do người Pháp quyết định. Viên Toàn quyền là chúa tể nắm tất cả quyền hành.

Toàn quyền do sắc lệnh của Tổng thống Pháp bổ nhiệm đóng ở Hà Nội điều khiển guồng máy chính trị, xã hội, tài chánh, kinh tế cả Liên bang Đông Dương. Phụ việc có Tổng thư ký hay Phó toàn quyền, Tổng giám đốc các nha chuyên môn, Tổng tư lệnh và Tư lệnh Hải quân.

Bắc Kỳ và Trung Kỳ là hai xứ bảo hộ, riêng Nam Kỳ là đất thuộc địa do Pháp trực tiếp cai trị. Từ năm 1862 đến 1879 võ quan phụ trách nền hành chánh. Sau năm 1879, văn quan thay thế. Phủ Thống đốc Nam Kỳ đặt tại Saigon, do Viên Thống đốc cầm đầu, phụ việc có Phó thống đốc, Giám đốc các sở chuyên môn.

Hai Hội Đồng Tư Vấn là Hội Đồng Tư Mật và Hội Đồng Quản Hạt như ông Lê Văn Trung là Nghị viên Hội đồng này. Nam Kỳ được chia làm 20 tỉnh trừ đô

thành Saigon, Chợ Lớn. Đứng đầu mỗi tỉnh là viên Tham Biện Pháp và Phó Tham biện, chủ sự các phòng chuyên môn và công chức Việt Pháp.

Tỉnh chia ra quận do một Quận trưởng người Pháp cai trị, một ít quận do Đốc phủ Việt Nam phụ trách như quận Phú Quốc do quan phủ Ngô Văn Chiêu trông coi. Tổng thì có cai tổng, làng có ban Hội tế, đứng đầu là Hương cả đến Hương chủ, Hương trưởng. (*Nguyễn Thế Anh, Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ – Saigon 1970*)

2. CÁC TẦNG LỚP XÃ HỘI

Với chính sách chia để trị này, những vị vua yêu nước đều bị truất phế hoặc bị đày ra khỏi đất nước như vua Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân. Giai cấp xã hội cũng bị đảo lộn, trật tự mới được sắp xếp.

a.) Giới trí thức: thì gồm có nhóm chống Pháp thành lập các Mặt trận hoặc đảng như Đảng Lập Hiến hoạt động mạnh trong vụ bầu cử Hội đồng thuộc địa (*Conseil colonial*) thành lập năm 1925 do Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long (*một tín hữu Cao Đài*) lãnh Đạo. Đảng thanh niên xuất hiện ở Saigon vào tháng 3 năm 1926 phản đối việc Pháp bắt giam Nguyễn An Ninh và dự đám tang cụ Phan Chu Trinh. Đảng Phục Việt ra đời ngày 14-7-1925 xin ân xá cho cụ Phan Bội Châu. Việt Nam Quốc Dân Đảng thành lập năm 1926 do Nguyễn Thống và Nguyễn Thái Học gây cuộc khởi nghĩa ở Yên Bái – Năm 1925 Nguyễn Ái Quốc lập Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội chống Pháp. Chính những cuộc nổi dậy này ảnh hưởng nhiều đến việc thành lập quân đội Cao Đài và Việt Nam Phục Quốc Hội.

Nhóm thỏa hiệp do Pháp đào tạo từ các trường thuộc địa, phải lắng nghe lời họ để được vinh thân phì da, họ sống cách biệt với dân chúng như Hoàng Cao Khải, Trần Bá Lộc. Trong Đạo Cao Đài thì có quan phủ Vương Quan Kỳ, quan phủ Ngô Văn Chiêu, hai ông này rất mến Đạo, thương dân, nhưng vẫn sợ Pháp dòm ngó.

b) Giới trưởng giả và điền chủ: toàn là đại phú gia, họ có ruộng cò bay thẳng cánh, thường sống ở tỉnh, lâu lâu mới về làng trâu lúa thóc. Có kẻ ác nhưng cũng có người hiền như bà Lâm Ngọc Thanh là đại diện điền chủ ở Vũng Liêm, đã giúp phần lớn trong việc tạo tác các Thánh Thất.

c) Giới trung lưu gồm có trung nông, tiểu thương, công tư chức. Các thành phần này theo Đạo Cao Đài đông nhất và cũng là những đệ tử đầu Tiên của nền Tân Tôn Giáo. Họ làm việc cho chính phủ bảo hộ làm công chức như quý ông Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Lê Văn Trung v.v... và làm việc cho các xí nghiệp tư như Cao Quỳnh Diêu. Tuy họ làm việc với người Pháp, nhưng đa số đều bất mãn vì hoàn cảnh nước nhà bị đô hộ. Ngày tháng chỉ còn biết làm bạn với cây cỏ hoặc người khuất mặt, hoặc tham gia cách mạng. Nhờ vậy mà việc xây bàn (*table tournante*) được thịnh hành trong thời đó.

d) Giới cần lao gồm có thợ thuyền và nông dân, đời sống của họ thật cơ cực, sống trong các túp lều xiêu vẹo. Con cái họ thiếu ăn, thiếu mặc và lễ đương nhiên là thất học. Kịp khi Đạo Cao Đài khai mở là nguồn cứu tinh của họ nên xin nhập môn rất đông. Bởi thế ta không lấy làm lạ, tận trong thôn quê sẵn đã đều có

Thánh Thất.

3. VĂN HOÁ THỜI PHÁP THUỘC

a) **Ảnh hưởng văn học Tây phương** bỏ Hán học, chính quyền Pháp mở trường Pháp Việt. Số người theo Tây học tăng nhanh vì thấy chữ quốc ngữ vừa dễ học, vừa đủ khả năng diễn đạt tư tưởng. Chính ông Trương Văn Tràng (*sau là Tiếp Pháp Chơn Quân*), thuở nhỏ theo học chữ Hán sau bỏ vào trường Việt Pháp.

Tuy vậy, quốc văn còn trong thời kỳ phôi thai. Nhóm Đông Dương tạp chí, Nam Phong tạp chí cố gắng làm cho được tròn trịa, nhưng đến thời Tự lực Văn Đoàn mới được như ngày nay. Chính vì thế mà lời văn, từ ngữ trong Thánh ngôn, kinh sách Đạo thời Khai-Đạo cũng chịu ảnh hưởng đó.

b) **Thơ cổ vẫn được duy trì** điều này là một sự hiển nhiên trong các văn phẩm Đại Đạo. Nhóm thơ mới như Thế Lữ, Lưu Trọng Lư không trấn áp được thơ cổ của Tân Đà, Á Nam, Đông Hồ, Thuần Đức (*Bảo Pháp Chơn Quân*) là một thi sĩ đương thời chuyên về thơ luật.

c) **Âm nhạc cổ vẫn còn địa vị**, tuy bị âm nhạc cải cách của giới trẻ lấn át. Hát bội, cải lương, hát chèo, chầu văn cúng tế vẫn được lưu hành. Tuy cổ nhạc Việt Nam bị hạn hẹp trong nhịp, điệu, thể thức trình bày phức tạp, nhưng Cao Đài giáo dùng làm âm nhạc chánh. Chèo thuyền là hình thức hát bội pha hát chèo rất hợp với quan cảm của người Việt Nam. Ông Cao Quỳnh Diêu (*sau là Bảo Văn Pháp Quân*) rất rành về cổ bản, đã chỉ vẽ cho các nhạc công Bộ Lễ.

d) **Kiến trúc** ảnh hưởng nhiều Tây phương. Năm 1924 chính quyền Pháp cho mở trường Cao Đẳng Mỹ

thuật truyền bá bộ môn hội họa, điêu khắc Toà Thánh Tây Ninh là một sự tổng hợp mỹ thuật Đông phương và Tây phương. Một công trình vĩ đại tiêu biểu cho nghệ thuật Việt Nam trong buổi giao thời. (*Lê Thành Khôi, về Việt Nam, Histoire et civilisation, Paris Les Editions du Minut 1955*)

e) **Phong tục thay đổi**, những giá trị cổ hữu của dân tộc Việt Nam bị các tư tưởng mới như tự do cá nhân, nam nữ bình quyền đàn áp. Quyền của cha mẹ bị suy giảm, Thanh niên nam nữ tìm cách thoát ly gia đình. Cách phục sức từ thành đến tỉnh cũng thay đổi. Đàn ông cắt tóc, phụ nữ ăn vận theo lối mới. Các lễ nghi hôn nhân, tế tự được tiết giảm.

Các tôn giáo Phật, Lão, Nho độc tôn từ các triều Lê, Lý, Trần đến triều Gia Long thêm Đạo Thiên chúa bành trướng mau lẹ, dù bị tàn sát và cấm theo Đạo. Có lẽ dựa vào đó, nhà văn hoá Hồ Hữu Tường, trong loạt bài trăm tư đã nghĩ rằng mảnh đất duy nhất có thể thực hiện được nền văn hoá tổng hợp chính là Việt Nam. Nền văn hoá truyền thống của ta khác biệt với mọi nền văn hoá trên thế giới, tinh Thần Tam Giáo trở thành ý thức hệ cho dân tộc, thêm vào ý thức hệ văn minh khoa học của Thiên Chúa giáo. Do đó người ta hy vọng nền văn hoá Việt Nam là một nền móng cho thời kỳ phục hưng tôn giáo của toàn thế giới. Muốn được điều đó, Việt Nam phải là một quốc gia độc lập, thống nhất để có đủ thời gian phục hưng cơ sở văn hoá, mà hiện nay ba điều kiện để thành công, thiên thời, địa lợi, nhân hoà chưa có đủ, chỉ có thiên thời là Đấng Thượng Đế đã cho khai mở một nền Tân Tôn Giáo năm 1926 qui tam giáo, hiệp ngũ chi.

CHƯƠNG II: SỰ XUẤT HIỆN ĐẠO CAO ĐÀI

1. SỰ THÀNH LẬP TÒA THÁNH TÂY NINH

Bắt đầu từ ngày 12-11-1926 (1 tháng 10 Bính Dần) cuộc truyền Đạo ở lục tỉnh phải tạm ngưng vì các Chức-sắc đều phải quy tụ về Từ Lâm Tự (một ngôi chùa do vị sư trụ trì là Hòa Thượng Như Nhân tình nguyện hiến cho Đạo) để chuẩn bị ngày khánh thành chùa này, đồng thời cũng là ngày Khai-Đạo đầu Tiên. Từ việc trang hoàng đến việc đón tiếp quan khách đều được Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giảng cơ giảng cơ chỉ dẫn từng chi tiết cho các Chức-sắc.

Đêm 18-11-1926 (14 rạng 15 tháng 10 năm Bính Dần) là đêm lễ chính thức với sự tham dự của quan khách khắp nơi. Ông Lê Văn Trung được ủy thác thay mặt toàn Đạo để mời các quan khách Pháp Việt. Số người tham dự thật đông đảo và Hội Thánh đã tiếp đón họ hết sức niềm nở, chu đáo. Tuy nhiên vì số người quá đông nên buổi cầu cơ bớt thanh tịnh và kém phần trang nghiêm. Vì thế bọn tà quái mới đại náo đàn cơ. Bọn chúng đã nhập vào ông Lê Thế Vĩnh tự xưng là Tề Thiên Đại Thánh và nhập vào cô Vương Thanh Chi (con gái ông Vương Quang Kỳ) xưng là Phật Bà Quan Âm. Hai người trên đây đã tiến đến bắt tay nhau rồi nhảy múa khiến cho không khí buổi đàn hết sức náo loạn. Nhiều người hầu đàn đã sợ hãi và lần lượt bỏ ra về.

Nhân cuộc biến loạn đó, những tín đồ Phật giáo đã từng bỏ tiền ra xây Từ Lâm Tự làm áp lực với Hòa Thượng Như Nhân để đòi chùa lại. Thấy thế, Đức Lý Thái Bạch giảng cơ ra lệnh cho Hội Thánh phải tìm một địa điểm mới để lập Thánh Địa.

Các Chức-sắc đều tuân lệnh Đức Lý nhưng phân vân không biết chọn lựa nơi nào vì tỉnh Tây Ninh quá rộng. Thấy Hội Thánh chưa định được địa điểm, Đức Chí Tôn liền giáng cơ cho biết Ngài đã quyết định chọn Long Thành làm Thánh địa.

Sau đó, nhờ sự mách bảo của Đức Lý Thái Bạch, Hội Thánh đã mua được khu rừng rộng 96 mẫu tây của ông Aspar với giá 25.000\$.

Mua đất xong rồi lại còn một vấn đề khổ nhọc nữa là khai phá khu rừng này vì lúc bấy giờ nơi đó còn rừng rậm, cây to, đầy thú dữ. Tuy nhiên tinh thần của các tín đồ rất cao nên khi Hội Thánh vừa ban hành lệnh khai phá rừng thì số người tham dự làm công quả đó rất đông và nhiều nhất là các Đạo hữu người Miên. Chẳng bao lâu khu đất dành riêng để cất Tòa Thánh đã được dọn dẹp khang trang và Đền Thánh tạm cùng vài văn phòng cần thiết đều cất xong.

Đến ngày 23-3-1927 Hội Thánh trả chùa lại cho Hòa Thượng Như Nhãn và dời về làng Long Thành.

2. SỰ PHÂN CHIA CHI PHÁI

Theo ông Gabriel Gobron thì có 11 chi phái sau đây:

- **Minh chơn lý**, chủ trưởng Nguyễn Văn Ca ở Mỹ Tho
- **Ban chính Đạo**, chủ trưởng Nguyễn Ngọc Tương ở Bến Tre
- **Tiên thiên**, chủ trưởng Lê Kim Tỵ ở Phú Nhuận
- **Thông thiên đài**, chủ trưởng Quách Văn Nghĩa, Lê Quang Hộ ở Gò Công
- **Liên hòa tông phái**, chủ trưởng Nguyễn Phan Long, Trần Văn Quế ở Sài Gòn

- **Minh chơn Đạo** hay Công đồng hội giáo, chủ trưởng Cao Triều Phát ở Bạc Liêu
- **Trung hòa học phái**, chủ trưởng Trương Kế An ở Thủ Dầu Một
- **Tây tông vô cực**, chủ trưởng Nguyễn Bửu Tài ở Bến Tre
- **Tuyệt cốc**, chủ trưởng Nhuận và Ruộng ở Tây Ninh
- **Chiếu minh đàn**, chủ trưởng Tư Quỳnh ở Cái Khế, Cần Thơ
- **Nữ trung hòa phái**, chủ trưởng Ngọc Nhiên Hương, Lê Ngọc Trinh ở Sài Gòn.

3. HỘI THÁNH CAO ĐÀI

A) HIỆP THIÊN ĐÀI

Hiệp Thiên Đài có hai nhiệm vụ là nhiệm vụ thiêng liêng và nhiệm vụ phạm trần.

- **Nhiệm vụ thiêng liêng:** là nơi để Giáo Tông đến thông công cùng Đức Chí Tôn và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hiệp Thiên Đài cũng là nơi Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng giáng cơ ban hành Thánh ngôn hoặc luật pháp Đạo. Hiệp Thiên Đài tượng trưng cho hồn của Đạo.
- **Nhiệm vụ phạm trần:** là truyền bá, giữ gìn tất cả giáo pháp luật lệ của Đạo mà Bát Quái Đài truyền ra hầu tránh tình trạng sửa cải chơn truyền khiến chánh giáo ra phạm giáo. Với nhiệm vụ vô cùng hệ trọng này nên Hiệp Thiên Đài phải vô tư trong hành Đạo.

Hiệp Thiên Đài đặt dưới quyền chưởng quản của Hộ Pháp kiêm chưởng quản chi Pháp. Tả có Thượng

Sanh chương quản chi Thế, hữu có Thượng Phẩm chương quản chi Đạo. Dưới ba phẩm này có 12 phẩm nữa gọi là Thập Nhị Thời Quân được phân đẳng cấp như sau:

Thượng Phẩm	Hộ Pháp	Thượng Sanh
Bảo Đạo	Bảo Pháp	Bảo Thế
Hiển Đạo	Hiển Pháp	Hiển Thế
Khai Đạo	Khai Pháp	Khai Thế
Tiếp Đạo	Tiếp Pháp	Tiếp Thế

Đạo Cao Đài là một tôn giáo mới, hiện đại nên cơ chế tổ chức có đủ các ban khảo cứu về các ngành để thích ứng với thời đại văn minh.

Vì lẽ đó, trong Tân Luật Pháp Chánh Truyền (Paris Gasnier 1952, trang 99) có ghi:

“Ngoài ra Pháp Chánh Truyền dưới quyền Hộ Pháp thì còn Bảo Văn Pháp Quân (Arts et Belle Lettres) trước Thầy phong đồ làm Tiếp Lễ Nhạc Quân, nay đã vào chánh vị đặng chỉnh đốn lễ nhạc lại cho hoàn toàn.

Bảo Sanh Quân (Assistance publique) Thầy đang phong đồ làm Tiếp Y Quân đặng tới ngày thành Đạo.

Bảo Học Quân (Enseignement) và nhiều Chức-sắc khác nữa Thầy chưa lập”.

“À part ces Grands dignitaires dont les attributions sont déterminés par le Maître suprême, il existe d'autre member du Hiệp Thiên Đài qui sont placés ous l'aurité du Hộ Pháp, tels que le conservateur des Arts et Belles Lettres, le protecteur de l'Assistance publique, le protecteur de l'Enseignement et d'autres académiciens

dont Hô Phap attend encore la venue”

- (*Constitution Religieuse du Caodaïsme; Paris, Dervy 1953, page 146*)

Trong khóa Hạnh Đường năm Nhâm Tý (1972) huấn luyện Giáo Hữu, bài số 05/Luật pháp do Đạo huynh Chương Ấn giảng, xác định Thập Nhị Bảo Quân (*Les douze Académiciens techniques*) tức Hàn Lâm Viện Cao Đài gồm 12 chức phẩm (*thuộc chi Thế Hiệp Thiên Đài*):

1. Bảo Sanh Quân coi việc cứu tế, từ thiện, tương tế.
2. Bảo Cô Quân bảo vệ người cô thế, cô nhi, quả phụ, tàn tật.
3. Bảo Văn Pháp Quân coi về văn hóa nghệ thuật.
4. Bảo Học Quân coi về học thuật.
5. Bảo Y Quân coi về y tế xã hội.
6. Bảo Huyền Linh Quân hướng dẫn thiên định tu chơn.
7. Bảo Thiên Văn Quân coi về vũ trụ học, lịch Đạo.
8. Bảo Địa Lý Quân coi về phong thủy, địa chất.
9. Bảo Sĩ Quân coi về kẻ sĩ, trí thức, nhân sĩ.
10. Bảo Nông Quân coi về nông nghiệp.
11. Bảo Công Quân coi về hoạt động công ích, kỹ thuật, khoa học.
12. Bảo Thương Quân coi về kinh tế, xã hội

B) CỬU TRÙNG ĐÀI

Cửu Trùng Đài là một đài có chín cấp cao thấp khác nhau. Đài này là cơ quan hành pháp của Đại Đạo.

Chức sắc Cửu Trùng Đài nam phái gồm: Giáo Tông, Chương Pháp, Đầu Sư, Phối Sư, Giáo Sư, Giáo Hữu, Lễ Sanh, Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự, Đạo Hữu.

Chức sắc Cửu Trùng Đài nữ phái không có phẩm Giáo Tông và Chương Pháp, chỉ từ Đầu Sư đổ xuống đến Đạo Hữu.

Cửu Trùng Đài có nhiệm vụ giáo hóa, phổ truyền nền Đạo khắp mọi nơi.

C) CÁC CƠ QUAN ĐẶC BIỆT

- **Hội Thánh Phước Thiện** là một tổ chức xã hội của Đạo Cao Đài với mục đích cứu giúp những kẻ nghèo khó, nuôi dưỡng người già nua, dưỡng dục trẻ thơ cô cút, bảo bọc những kẻ tật nguyền, cô độc. Người làm công việc phước thiện phải có tình thương yêu rộng lớn, bất vụ lợi, có đức tính nhẫn nại.

Hội Thánh Phước Thiện trực thuộc Hiệp Thiên Đài, dưới quyền chương quản của chi Đạo.

Hội Thánh Phước Thiện gồm 12 cấp gọi là thập nhị đẳng cấp thiêng liêng : Phật tử, Tiên tử, Thánh nhơn, Hiền nhơn, Chơn nhơn, Đạo nhơn, Chí thiện, Giáo thiện, Hành thiện, Thỉnh thiện, Tân dân, Minh đức.

- **Ban Thế Đạo** là cơ quan vừa giúp đời (*Thế*) vừa giúp Đạo (*Đạo*). Ban Thế Đạo thu nhận và đón tiếp tất cả những nhân tài, trí thức đầy đủ khả năng, nhiệt tâm giúp cơ Đạo nhưng chưa hoàn toàn phứt đời hành Đạo.

D) CƠ QUAN HÀNH CHÁNH ĐỊA PHƯƠNG

Châu Thành Thánh Địa

– **Chức sắc Cửu Trùng Đài**: Ngoại ô Thánh địa của Tòa Thánh Tây Ninh gồm 18 phận Đạo đặt dưới quyền cai trị của một vị Khâm Thành (*thường là phẩm Giáo*

Sư) và dưới vị này có 3 vị Phó Khâm Thành (*thường là phẩm Giáo Hữu*). Mỗi vị coi 6 phạm Đạo. Ba vị đó là: Phó Khâm Thành Bắc, Phó Khâm Thành Nam, Phó Khâm Thành trung ương. Để phụ tá các vị này có một Quản văn phòng, một bí thư và nhiều phụ trách.

Mỗi phạm Đạo có vị Đầu phạm đứng đầu (*thường là Giáo Hữu hoặc Lễ Sanh*) và dưới là Quản văn phòng (*thường là Lễ Sanh*).

Phạm Đạo lại chia làm nhiều hương Đạo, mỗi hương Đạo do vị Đầu hương cai trị và coi sóc 108 nóc gia. Vị đầu hương thường là Chánh Trị Sự.

– **Chức sắc Hiệp Thiên Đài:** Vị đại diện bộ Pháp Chánh ở Thánh địa gọi là Pháp Chánh Thánh Địa. Dưới vị này có 3 vị Pháp Chánh miễn đặt bên cạnh 3 vị Phó Khâm Thành.

– **Chức sắc Phước Thiện** cao nhất là vị Quản châu thành. Dưới là 3 vị Quản châu thành. Chức sắc Phước Thiện đứng đầu phạm là Quản phạm. Tổ chức phước thiện ở mỗi hương Đạo là Bàn Cai Quản.

Các Trấn Đạo

Ngoài Thánh địa ra, tổ chức hành chánh địa phương của Đạo Cao Đài gồm có Trấn Đạo, Châu Đạo, Tộc Đạo, Hương Đạo.

Trấn Đạo chia làm nhiều châu (*mỗi châu tương ứng với một tỉnh của quốc gia*). Châu chia làm nhiều tộc (*tộc tương ứng với một quận*) mỗi tộc có nhiều hương (*hương tương ứng với một xã*).

Đứng đầu Trấn Đạo là ông Khâm Trấn (*Cửu Trùng Đài*) và ông Quản Trấn (*Phước Thiện*).

Đứng đầu Châu Đạo là ông Khâm Châu (*Cửu Trùng Đài*) và ông Quán Châu (*Phước Thiện*).

Đứng đầu Tộc Đạo là ông Đầu Tộc (*Cửu Trùng Đài*) và ông Quán Tộc (*Phước Thiện*).

Đứng đầu hương Đạo là một Bàn Trị Sự (*Cửu Trùng Đài*) và Bàn Cai Quản (*Phước Thiện*). Riêng Bộ Pháp Chánh thì có một vị Sĩ Tải Pháp Chánh coi từng vùng (*mỗi vùng gồm 2, 3 tỉnh*) và vị Luật Sự Pháp Chánh trông coi từng tỉnh.



THÁNH TƯỢNG THIÊN NHÃN THEO ĐỨC NGÔ VĂN CHIÊU

PHẦN THỨ NHỨT: THỜI KỲ KHAI ĐẠO

CHƯƠNG I: THIÊN NHÂN XUẤT HIỆN LẦN ĐẦU



NG NGÔ VĂN CHIÊU¹ TRẤN NHẬM Ở HÀ TIÊN ĐƯỢC ÍT LÂU THÌ ĐƯỢC LỆNH ĐI PHÚ QUỐC (26-10-1920).

Phú Quốc là một hải đảo có nhiều danh lam thắng tích, nổi tiếng nhất là chùa Sùng Hưng, chùa Quảng Tế, chùa Quan Âm. Ba cảnh chùa sau này thật xứng đáng là một danh lam bậc nhất của hải đảo mà du khách đến viếng thăm một lần chắc không thể nào quên được. Cả ba chùa đều ở trên núi Dương Công. Chùa Sùng Hưng ở dưới, chùa Quảng Tế ở giữa và chùa Quan Âm ở trên cùng. Chùa Sùng Hưng là ngôi chùa do hai chùa Sùng Nghĩa Tự và Hưng Nhân Tự trước kia được sửa lại làm một mà thành. Chùa Quảng Tế kiến trúc thật đẹp, có vẻ cổ kính nhưng chùa Quan Âm lại hơn về phong cảnh u tịch.

“Chùa cất trên tuyệt đỉnh, trước mặt thì có núi cao bình án, sau lưng thì có biển rộng hoành triều, rất được thế non thế nước. Tường đá rào tre quanh co, các thứ

1 Ngô Văn Chiêu sanh ngày 28-2-1978 (mùng 7 tháng giêng năm Mậu Dần) trong một căn nhà lá nằm ở sau ngôi chùa thờ ông Quan Đế tại quận Bình Tây tỉnh Chợ Lớn. Thân phụ là Ngô Văn Xuân và thân mẫu là Lâm Thị Quý.

Tương truyền lúc ông mới sinh ra, ông không chịu bú sữa mẹ mà chỉ uống nước gạo thổi. Sau đó, ông được một người cô ở Mỹ Tho đem về nuôi dưỡng. Ông sống với người cô này đến năm 12 tuổi thì được vào ở nội trú trong trường rồi sau đó lại được học bổng nhà nước cho lên học ở trường Chasseloup-Laubat Saigon. Đến năm 21 tuổi, ông đậu bằng thành chung và ra làm quan.

nhàn hoa cổ thụ, u ảo thanh tinh vô cùng”.²

Chính ngôi chùa Quan Âm này là nơi ông Chiêu thường lui tới để cầu Tiên sau khi đến trấn nhậm tại quận Dương Đông thuộc hải đảo Phú Quốc. Tuy đàn cầu Tiên ở chùa Quan Âm đã có từ trước khi ông Chiêu đến đây nhưng việc cầu Tiên ở đàn này thường rất khó khăn, trong năm ba lần cầu chỉ được một hai lần Tiên giáng. Từ khi ông Chiêu đến tham dự thì việc cầu Tiên trở nên dễ dàng. Mọi người vừa ngạc nhiên vừa vui mừng về hiện tượng này. Ai nấy đều thầm cảm ơn ông Chiêu vì có lẽ nhờ sự hiện diện của ông mà chư Tiên giáng cơ gần như thường xuyên. Về sau một vị Tiên Ông nhận ông Chiêu làm đệ tử và thường giáng cơ dạy Đạo cho ông. Tuân lời Tiên Ông³ vào ngày 8-2-1921 (*mồng một Tết Tân Dậu*) ông Chiêu khởi sự ăn chay trường. Tuy nhiên, những bí truyền của Tiên Ông được ông tuyệt đối giữ bí mật theo đúng lời dặn của Người. Thấm thoát ông Chiêu đi vào đường Đạo đã 3 năm và thường được Tiên Ông khen là có Đạo hạnh cao. Để ban đặc ân cho ông và để nung chí ông gắng công tiếp tục tu hành, dần dần Tiên Ông cho thấy vài hiện tượng huyền bí.

Một chiều kia, vào khoảng cuối tháng Giêng âm lịch năm Giáp Tý (1924), trong lúc đang ngồi hóng mát nơi ven biển, bỗng nhiên ông thấy một cảnh thật đẹp hiện ra trên biển cả nơi chỗ trời nước giáp nhau. Cảnh đó vừa khuất lại hiện ra một cảnh khác. Ông ngồi ngắm

2 Đông Hồ, Thăm đảo Phú Quốc, Nam phong số 124, Decembre 1927, tr.545.

3 Tiên Ông đã giáng cơ dạy ông như sau: “*Chiêu tam niên trường trai*” (*Chiêu phải ăn chay trường ba năm*). Theo Lịch sử quan phủ Ngô Văn Chiêu, sđd, tr.13.

một cách mê say và mãi mười lăm phút sau, cảnh Thần Tiên ấy mới biến mất. Sau này trong một đàn cơ, Tiên Ông cho biết đó là cảnh Bồng Lai. Từ đó, ông hết lòng tin tưởng Tiên Ông và quyết chí lập bàn thờ để phụng Người, nhưng suy nghiệm mãi vẫn chưa tìm ra được hình ảnh gì để thờ phượng. Một buổi sáng, trong khi ông ngồi trên chiếc võng sau dinh quận Dương Đông, bỗng nhiên ông thấy xuất hiện trước mặt con mắt thật lớn, hào quang chói ngời như Mặt Trời. Ông sợ hãi vô cùng vội nhắm mắt lại, không dám nhìn lâu. Một lúc lâu sau khi ông mở mắt ra thì con mắt vẫn chưa biến mất mà lại có phần chói ngời hơn nữa. Bỗng nhiên, ông chợt hiểu rằng Tiên Ông cho ông hình tượng để thờ phượng. Ông vội vàng quỳ xuống chấp tay khẩn nguyện và cảm tạ Tiên Ông, con mắt liền tự nhiên lu dần rồi biến mất.

Ít lâu sau, chưa kịp vẽ hình tượng để thờ thì ông lại thấy con mắt xuất hiện lần thứ hai. Do đó, ông vội vẽ ngay con mắt (*tức Thiên Nhân*) để thờ phượng, không dám chậm trễ nữa. Từ đấy, ông không còn thấy con mắt xuất hiện lần nào nữa cả¹.

Sau khi ông Chiêu thờ phượng Thiên Nhân rồi thì Tiên Ông mới xưng danh táng là “*Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*” và chỉ dạy ông phải kêu Người bằng “*Thầy*” chứ không được phép dùng danh xưng nào khác. Mọi lời khuyên của Tiên Ông đều được ông Chiêu nhất nhất tuân theo.

Thấm thoát ông phục vụ ở Phú Quốc đã gần 4 năm. Đến ngày 30-4-1924, ông được lệnh đổi về Saigon.

Đầu Tiên, ông được bổ làm việc ở sở Tân Đáo (23-3-1899). Đến năm 1902 vì mẹ bị bệnh nên ông đến một đàn Tiên của chi Minh Thiện ở Thủ Dầu Một

1 Lịch sử quan phủ Ngô Văn Chiêu, sdd, tr.14.

(*Bình Dương*) để xin thuốc. Ông bắt đầu làm quen với việc hầu đàn thính Tiên từ Đạo đó. Tuy nhiên, cuộc đời ông cũng bình thường chưa có gì đặc biệt cả. Đến năm 1909, ông đổi về làm việc ở Tân An và đến năm 1917, tuy thi đậu tri huyện nhưng ông vẫn tiếp tục làm việc ở Tân An cho đến cuối năm 1919, sau khi thân mẫu từ trần, ông được lệnh đổi đi Hà Tiên.



ĐỨC NGÔ MINH CHIẾU

CHƯƠNG II: THIÊN NHÃN XUẤT HIỆN TRONG VŨ TRỤ



THIÊN NHÃN XUẤT HIỆN TRONG VŨ TRỤ

I. ĐẠO CAO ĐÀI THỜ ĐỨC TIN NHÂN LOẠI

1. THIÊN NHÃN XUẤT HIỆN TRONG VŨ TRỤ 1996

Nếu đọc giả là người đầu tiên đọc sách Cao Đài, lại đọc phải quyển sách này thì thật là khó, vì sách này chỉ nhắc nhớ, để gợi mở. Sách lại không chú thích dòng dài, bởi lẽ đã giải nghĩa rõ ở các sách khác cùng tác giả.

Đến thời điểm này mà nhiều đọc giả còn lầm

lẫn giữa Đạo Phật và Đạo Cao Đài. Có người còn cho Đạo Cao Đài không đại đồng vì không thờ Hối giáo và Bà La Môn giáo.

Hãy khảo sát Bát Quái Đài Đền Thánh, ta sẽ thấy dưới linh vị J. Christ có long vị Nourm Dinh, đó là vị Thánh Hối giáo (*Theo Larousse Universel Paris, 1923*). Còn Tam Thế Phật trên nóc Bát Quái Đài là ba vị Thần Bà La Môn (*Hindu*). Trên nóc Hiệp Thiên Đài, người ta tưởng lầm là chữ Vạn Phật giáo nhưng thực ra đó là dấu hiệu cổ của Đạo Bà La Môn mà Đạo Cao Đài gọi là chữ “*Nhật kếp*” theo cách gọi của bà Võ Tắc Thiên.

Mặt khác, ông Ngô Văn Chiêu nhờ huệ nhãn đã thấy Thiên Nhãn hiển hiện trong không gian từ 1920, mãi đến năm 1925, các ông Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư nhờ ngọa thụy miên pháp thấy được Thiên Nhãn.

Dù vậy, hơn hai triệu tín đồ thiết kế Thiên bàn thờ đức tin nhân loại, không tránh khỏi lời dèm pha mê tín, nhưng nhân sanh vẫn trung thành lời dạy của Đức Chí Tôn:

*“Một nước nhỏ nhoi trong vạn quốc
Mai sau làm chủ mới lạ kỳ.”*

Đó là ước mong người dân của nước bị trị, có người cho là không tưởng, chẳng thể nào qui Tam Giáo hiệp Ngũ Chi hay Quốc Đạo được, lý tưởng đại đồng xa vời. Tuy nhiên, lời nguyện cầu của các tín hữu được Thượng đế ban ân “*Nơi lòng Thầy ngự động Thầy hay*” để niềm tin đến cho nhân loại: “*Thiên hạ thái bình*”.

Số là năm 1996, cơ quan hàng không và không gian Hoa Kỳ NASA đã chụp hình một ngôi sao qua ống kính viễn vọng tên là NEBULA HOURGLASS. Các

học giả cho đây là “Con mắt Thượng Đế”¹ nhìn xuống trần gian mà ông Ngô Văn Chiêu nhờ huệ nhãn thấy từ năm 1920.

(Tìm Thiên Nhân này trên Internet www.hiddenmeangs.com, rồi tìm đến trang tiêu đề Hourglass Nebula hay Supernova 1987A, hiện có hơn ba mươi vạn người nhìn thấy Thiên Nhân, một thực thể trong vũ trụ, chứ không phải một thứ mê tín vô căn cứ).

Hourglass Nebula có dạng giống như những vòng tròn đỏ rực như lửa, xếp thành hai nhóm theo chiều đứng và cắt nhau theo các tuyến hình cánh cung, tạo nên một không gian giới hạn bởi các hình cánh cung mà bên trong là một hình tượng rực rỡ của một con mắt có đủ lòng đen, con ngươi và đuôi mắt mà các nhà khoa học gọi là con mắt vũ trụ (*The Celestial eye*) tức Thiên Nhân theo giáo lý Cao Đài.

Theo tài liệu của cơ quan NASA một số nhà nghiên cứu tôn giáo đặt ra sự liên hệ đến Thánh Kinh Mathieu đoạn 6 câu 22 viết: “Con mắt là đèn của thân thể. Nếu mắt người sáng sủa thì thân thể người sẽ được xán lạn”. Trong Thánh ngôn, Đức Cao Đài dạy:

“Nhãn thị chủ tâm
Lưỡng quang chủ tế”

1 Con mắt của Thượng Đế: có một tôn giáo đã từng vẽ con mắt để làm biểu tượng cho Thượng Đế. Và điều đó đã được khoa học xác minh bằng một bức ảnh của viễn vọng kính Hubble chụp được vào ngày 15.12.2004. Trong ảnh này, hình con mắt hiện ra rõ ràng “như ban ngày” dù cho ngoan cổ đến mấy cũng không thể cãi được. Chẳng biết đây là sự ngẫu nhiên trùng hợp hay đã được thiên cơ báo trước? Và nếu đã được báo trước thì báo trong hoàn cảnh nào, chi tiết ra sao? Chuyện này xin nhường lại cho các bậc cao minh phân xử. (*Báo CA TpHCM số 146, ngày 25.12.2004*)

Hiện nay, những ai muốn nhìn thấy Thiên nhân vũ trụ này phải nhìn qua viễn vọng kính không gian Hubble (ta nhìn thấy qua mạng Internet đã dẫn trước).

Tuy nhiên, khoa học gia G.Sonneborn của cơ quan Nasa ở Greenbelt, Maryland Tiên đoán: “Hiện tại các tia sáng phát xuất của ngôi sao này không thể thấy được, nhưng nó đang bắt đầu sáng rực với sự phát xuất của tia hồng quang tuyến. Sự va chạm cực kỳ mạnh mẽ của các tia này có thể cho địa cầu (68) chúng ta thấy Thiên Nhân này với con mắt thường vào năm 2005”.

Tất một lời, Đức Chí Tôn đã dùng huyền diệu cho nhân loại thấy Thiên Nhân trong vũ trụ để cho con người biết Thượng Đế trên trời cao là có thật, chớ không phải hàng giáo lãnh Cao Đài tưởng tượng tạo ra.

Sau lời Tiên đoán của nhà khoa học G.Sonneborn, nhân loại sẽ thấy Thiên Nhân bằng mắt trần vào năm 2005. Thật vậy, báo công an Tp.HCM loan báo kính Hubble chụp được hình Thiên Nhân vào ngày 15-12-2004. Tháng sau, tại vườn Linh Đức Lập (tỉnh Long An là nơi giáng sinh ông Phạm Công Tắc, là phước địa của ông Ngô Văn Chiêu), Thiên Nhân nhìn xuống trần gian để cứu khổ, cứu nạn nhân sanh bị bệnh trầm kha, chỉ cần một luồng sáng thiêng liêng len quanh thân thể là được giải bệnh. Nhờ sự huyền diệu đó, khách thập phương đến vườn Linh Đức Lập rất đông. Nhờ đó số tín đồ Cao Đài tăng lên đáng kể.

Sự xuất hiện Thiên Nhân trong vũ trụ là một hiện tượng huyền bí để xác định:

1. Một nền Tân Tôn Giáo của nhân loại đã ra đời
“Có một giáo lý mới mở đủ khả năng kèm chế nhân

loại trong sự thương xót chúng sanh” (Thánh ngôn ngày 01-10-1926)

2. Báo hiệu ngày phán xét hội Long Hoa sẽ đến, không sớm tu thì không còn dịp nào nữa. “*Chính mình Thầy đến dạy dỗ các con mà không giao chánh giáo cho tay phàm nữa.*”

Bổn nguyên của Đạo Cao Đài là duy nhất Thần với biểu tượng Thiên Nhân. Còn những cách thể hiện bày biện bên ngoài Thiên Nhân chỉ là sự biểu lộ lòng tôn kính đối với hàng giáo lãnh của các tôn giáo đã có từ trước mà thôi.

3. Tóm lược thiên cơ chuyển hóa (*Tu hành đắc Đạo*)

Thầy dạy về Thiên Nhân trên sao Bắc Đẩu vì Bắc Đẩu là một trung tâm vũ trụ nơi Thầy ngự. Thầy là đại vũ trụ (*Đại Linh Quang*), nhân sanh là tiểu vũ trụ (*Tiểu Linh Quang*) xuống trần đầu thai gọi là Điểm Linh Quang (*Thầy là các con...*).

Khi đứa bé ra đời (*do khí huyết phụ mẫu*) được Điểm Linh Quang nhập vào nê hườn cung (*Bá Hội*) có sức nóng nên làm đứa trẻ khóc ré lên. Từ đó đứa trẻ có hiểu biết.

Thầy Mẹ mới dạy nó đường Thiên Đạo tu chơn đại đồng, vị tha học làm người minh triết. Cha mẹ sanh dạy tu thân vị kỷ của con đường thế Đạo là làm lành lánh dữ.

Nên sự thương yêu phân hai: tu chơn và tu kĩ. Tu kĩ dễ hơn nên nhiều người theo nhưng đắc Đạo thì ít. Khi “*nghe chuông thoát tục*” mà không “*mở cờ tuyệt sinh*” được vì bị tầng điện ly ngăn trở bởi tu chưa thành mà ta thường nói là do Kim Quang Sứ ngăn đường.

Khoa học chứng minh tầng điện ly (*Heavy Side*) bao quanh trái đất cao từ 200–300 km. (*chính tầng này phản hồi làn sóng giúp ta nghe được radio*). Phi thuyền Tiên Thánh có tầng số dao động cao nên ra khỏi tầng điện ly dễ dàng.

Còn tu chơn là theo Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống và luyện Đạo theo “*Trường dưỡng tinh khí Thần*”¹, khi đắc Đạo vượt qua tầng điện ly dễ như Thánh Tiên vì “*chơn hồn vịnh níu Chơn Linh*” để được “*mau như điện chiếu, nhẹ thành bóng mây*” là đắc Đạo rồi.

Linh hồn là điểm Linh Quang (*hạt ánh sáng*) không có chân tay mặt mũi chi hết (*những thứ đó là của cha mẹ sanh*) khi chết thì xác thân thoái trầm. Linh hồn được lên Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống nhưng Bạch Ngọc Kinh xét thấy còn mang tội lỗi thì phải đầu kiếp lại cõi trần để bồi công lập đức. Đó là luân hồi theo Đạo Cao Đài (*chuyển luân định phẩm cao thăng*) là vậy.

II. VŨ TRỤ QUAN ĐẠO CAO ĐÀI

Đạo Cao Đài phát sinh và phát triển trong thời đại khoa học tiến bộ, nên nghi lễ thờ cúng cũng rất khác xưa. Đức Cao Đài dạy thờ Ngài như sau:

“Thầy giao cho con (Bính) làm một trái Càn Khôn. Một trái như trái đất tròn quay. Bề kinh tâm ba thước,

1 Thiên tượng quẻ ly được Đức Hộ Pháp ban cho hành giả tu chơn. Thiên tượng hình vuông, cạnh 12 ly, mỗi gạch quẻ 2 ly. Chính giữa có gắn hạt chai biểu trưng cho đồng tử (*con người*).

Vật liệu bằng kim loại, khoen đeo ở trên chỉ vòng vô vi, dây đeo 6 tác bằng kim loại hay chỉ.

Ý nghĩa: Thiên-Nhân là quẻ Ly, dây đeo 6 tác ám chỉ lục tự Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Chỉ đeo 5 màu tượng trưng cho ngũ hành gọi là dây niệt do chữ phạn Nirvana (*Niệt-va-na*) tức Niết Bàn.

ba tấc, vì là cơ mầu nhiệm tạo hóa trong ấy, mà sơn màu xanh da trời. Cung Bắc Đẩu và tinh tú vẽ trên Càn Khôn ấy.

“Thầy kể Tam Thập Lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu ở không không trên không khí, còn lại Thất Thập Nhị Địa và Tam Thiên Thế Giới đều là tinh tú. Tính lại 3072 ngôi sao, phải vẽ lên đó cho đủ. Con (Bính) dở sách thiên văn Tây ra coi mà bắt chước.

Tại ngôi Bắc Đẩu, con phải vẽ hai cái bánh lái (Thất Tinh) cho đủ và sao Bắc Đẩu cho rõ ràng. Trên vì sao Bắc Đẩu vẽ con mắt Thầy (Thiên Nhân). Đáng lẽ trái ấy phải bằng chai, đúc bên trong ngọn đèn (Thái Cực) thường sáng. Ấy là lời cầu nguyện (thiên hạ thái bình) rất quý báu cho cả nhơn loại Càn Khôn thế giới đó” (Đàn đêm 12-08 Bính Dần, ngày 17-09-1926).

Thật vậy, Đúc Chí Tôn dạy ta thờ đức tin nhân loại. Xét kỹ, Quả Càn Khôn không chỉ là trái đất mà gồm cả thiên cầu. Các tinh tú nói trên xa gần khác nhau, nhưng trong đêm mắt ta nhìn như ghi trên một hình cầu màu xanh to lớn (do hiệu quả của phép phối cảnh). Đó là thiên cầu, vì nước Việt Nam (gần xích Đạo) nên thấy sao Bắc Đẩu nằm ngang trên đường chân trời (tức ngang tầm mắt) chớ không phải Thiên Nhân vẽ trên đường xích Đạo.

Vậy Càn Khôn là gì? Càn Khôn là Đạo, là thái cực. Lý giải đơn giản hơn:

- Càn là Trời, là Vua, là cha, là chồng, là đầu, là cứng, là lãnh đạo, là vàng, là băng, là đỏ thắm, là thiên thể...
- Khôn là đất, là nhân dân, là vợ, là mẹ, là mềm, là

sắc vàng, là vãn, là bưng...

Càn Khôn là âm dương trong trời đất. Nói rằng âm dương chỉ là một cũng được vì âm dương là hai động lực căn bản tạo thành vũ trụ.

Đức Cao Đài đã dạy: “*Đạo Thầy không chi lạ, không ngoài hai lẽ âm (Khôn) dương (Càn)*”.

Về quan niệm vũ trụ, Thầy dạy: “*Khí Hư Vô sinh một mình Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực... Thầy phân Thái Cực ra lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, bát quái biến hóa vô cùng*”.

▪ (TNHT quyển II, trang 62).

Khi Thái Cực động thì sinh ra dương, khi tĩnh thì sinh ra âm, một động một tĩnh làm cơ bản cho nhau. Đến lúc dương biến, âm hợp thì thủy, hỏa, mộc, kim, thổ sinh ra. Ngũ hành nếu xếp đặt thuận hợp với nhau thì bốn mùa tạo thành sẽ vận hành đều đặn.

Quả Càn Khôn đường kính 3,3m lý giải theo toán học thì biến hóa khôn lường, ẩn tàng triết lý sâu xa (xem *Lý giải quả Càn Khôn cùng người viết*).

$3-3 = 0$ biểu tượng hư vô (*trời đất chưa phân*)

$3:3 = 1$ biểu tượng Thái Cực (*ngôi Đức Chí Tôn*) quả cầu số 1

$3 \times 3 = 9$ biểu tượng thái dương (*mặt trời*)

$3+3 = 6$ biểu tượng thái âm (*mặt trăng*)

Chỉ có hai con số 3 mà gom cả lý thuyết về vũ trụ, nếu không là Đức Chí Tôn thì không ai có thể viết nổi.

Thánh ngôn viết: “*Thầy kể Tam Thập Lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu ở không không trên không khí...*”.

Trong vũ trụ có nhiều thái dương hệ, thiên hà, tinh tú, định tinh, hành tinh... gom lại lấy ý mà hiểu:

1. THẤT THẬP NHỊ ĐỊA

Bảy mươi hai quả cầu trong thái dương hệ, địa cầu ta đang ở là số 68. Đức Chí Tôn dạy: “*Bực đế vương nơi địa cầu 68 chưa bằng một người thường nơi địa cầu 67*”. Như vậy số địa cầu càng nhỏ thì càng thanh cao (*Thiểu tắc đắc, đa tắc hoặc*).

Theo Thần học Đạo Cao Đài thì:

- **Quả cầu 72:** U minh (*đen tối*) địa
- **Quả cầu 71:** Kim thạch (*sắt đá*)
- **Quả cầu 70:** Thảo mộc (*cây cỏ*)
- **Quả cầu 69:** Thú cầm (*thú chim*)
- **Quả cầu 68:** Nhân sanh, có con người ở, có 5 châu, 5 biển, có nhiều sắc dân đều là con của Thượng Đế (*Thượng Đế hằng hữu, xem Đại Đạo giáo lý và triết lý, cùng người viết*).
- **Quả cầu 67:** Thần Thông Nhơn, con người minh triết giỏi hơn người ở địa cầu 68.
- **Quả cầu 66:** Thánh nhân
- **Quả cầu 65:** Tiên cung
- **Quả cầu 64:** Phật xứ
- **Quả cầu 63:** Bát Quái Đài

2. TỬ ĐẠI BỘ CHÂU

Ở thái dương hệ khác gồm có Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Bắc Cưu Lưu Châu. Họ giỏi hơn ta và điều khiển ta. Họ tinh thông minh triết nên có thể vào tam thiên thế giới hay Tam Thập Lục Thiên mà tu thành chánh quả.

Xem thế, 72 quả cầu lơ lửng trong không gian, không có thập điện diêm vương trong lòng đất.

3. TAM THIÊN THẾ GIỚI

Trong luật tam thế, Đức Cao Thượng Phẩm giảng dạy: *“Mấy em thử phân loại Tam Thiên Thế Giới và Thất Thập Nhị Địa coi thử?”*

Bạch: Tam Thiên Thế Giới là ở tầng trên bao phủ, còn Thất Thập Nhị Địa ví như bàn cờ ở dưới.

Đức Cao Thượng Phẩm viết: *“Phải vậy đó, Tam Thiên Thế Giới là ngôi vị, còn Thất Thập Nhị Địa là trường thi công quả”.*

4. TAM THẬP LỤC THIÊN

Trong bài thuyết Đạo, Đức Hộ Pháp nhắc lại lời dạy của Đức Chí Tôn: *“Thái Cực sanh lưỡng nghi tức tam thiên vị tức ba ngôi Trời. Dưới ba ngôi ấy có tam thập tam thiên (33 tầng trời) cộng với ba ngôi trên là Tam Thập Lục Thiên.*

“Tại sao Bắc Đẩu con vẽ hai bánh lái cho đủ...đỡ sách thiên văn Tây ra mà coi”.

Tôn giáo Cao Đài thuận khoa học nên Đức Cao Đài dạy đồ sách Tây. Chòm sao đại hùng tinh hay thất tinh Bắc Đẩu ở cách xa ta 140 triệu năm ánh sáng, thật ra chòm sao này có tới 126 ngôi sao mà mỗi vì sao lại cách xa hàng trăm năm ánh sáng. Sao Bắc Đẩu nằm trên đuôi tiểu hùng tinh, được bao quanh bằng sao Thiên Long, Thiên Hậu...(Theo *Le Manuel de l'éclaireur, Edition Delachaux Paris VII, pages 504, 505*).

Theo bài Thánh ngôn trên, vũ trụ quan của Đạo

Cao Đài gồm 2 phần: vô hình và hữu hình.

- Phần vô hình gồm Tam Thập Lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu trên thượng tầng không gian.
- Phần hữu hình gồm Thất Thập Nhị Địa (72 quả cầu) và Tam Thiên Thế Giới (3000 thế giới) cộng chung 3072 tinh cầu (hành tinh, định tinh, vệ tinh...) đều là những ngôi sao.

Trong Tam Thiên Thế Giới và Thất Thập Nhị Địa các tinh cầu nhẹ nhàng thì ở trên, còn các quả cầu nặng nề thì ở bên dưới. Càng lên cao thì càng thanh trong, càng xuống thấp thì càng trọng trước.

Trong Thất Thập Nhị Địa, các quả cầu được đánh số từ 1 đến 72, số 1 nhẹ nhút, số 72 nặng nhứt. Bốn quả cầu cuối trọng trược hơn địa cầu 68 mà ta đang sống. Tuy nhiên, địa cầu 68 cũng có phần trược nhiều, gọi là cõi ta bà nên phải tu mới đắc quả được.

III. NHÂN SINH QUAN ĐẠO CAO ĐÀI

Giáo lý Đạo Cao Đài xác nhận rằng con người có mặt ở trần gian là nhờ tu luyện nhiều năm để chuyển kiếp, từ thảo mộc thành người vượn (*Homo Sapiens*) đến con người hiện đại.

*Chuyển luân định phẩm cao thăng
Hư vô bát quái trị Thần qui nguyên*

* KINH PHẬT MẪU CAO ĐÀI

Đức Chí Tôn dạy vào đêm Rằm tháng 9 năm Bính Dần như sau:

“Khai thiên địa vốn nơi Thầy, sanh Tiên Phật cũng Thầy. Thầy đã nói một Chơn Thần mà biến hóa Càn Khôn thế giới và cả nhơn loại.

Thầy là chư Phật, chư Phật là thầy.

Các con là chư Phật, chư Phật là các con

Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Thầy khai Bát Quái mà tác thành Càn Khôn thế giới nên mới gọi là pháp. Pháp có mới sanh ra Càn Khôn vạn vật rồi mới có người, nên gọi là Tạng. Thầy là Phật (trên các Phật) chủ cả Pháp và Tạng lập thành các Đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy”

▪ (TNHT Q1, trang 32).

Đức Chí Tôn lại dạy về sự sống và sự chết:

“Các con đã sanh ra tại thế này, ở tại thế này. Thầy hỏi: Các con chết rồi, các con đi đâu?”

Cả kiếp luân hồi thay đổi từ nơi vật chất mà ra thảo mộc, từ thảo mộc đến thú cầm, loài người phải chịu chuyển kiếp ngàn năm, muôn muôn lần mới đến địa vị nhân phẩm. Nhân phẩm nơi thế này chia ra phẩm giá mỗi hạng. Bạc đế vương nơi địa cầu (68), chưa vào đặng bạc chót của địa cầu 67. Trong địa cầu 67 như loại cũng phân ra đẳng cấp đường ấy. Cái quý trọng của mỗi địa cầu càng tăng thêm hoài cho tới đệ nhất cầu, Tam Thiên Thế Giới, qua khỏi Tam Thiên Thế Giới thì mới đến Tứ Đại Bộ Châu. Qua Tứ Đại Bộ Châu mới vào đặng Tam Thập Lục Thiên. Vào Tam Thập Lục Thiên rồi phải chuyển kiếp tu hành nữa, mới đặng lên đến Bạch Ngọc Kinh”

▪ (TNHT Q1, trang 71).

Theo hai bài Thánh ngôn trên, tất cả Chơn-Linh trong Càn Khôn vũ trụ gọi là vạn linh và được chia làm tám bậc cao thấp khác nhau gọi là Bát Hồn:

1. Kim thạch hồn,
2. Thảo mộc hồn,
3. Thú cầm hồn,
4. Nhơn hồn,
5. Thần hồn,
6. Thánh hồn,
7. Tiên hồn,
8. Phật hồn.

Trong Luật tam thể, Đức Cao Thượng Phẩm giảng giải về sự tiến hóa của Bát Hồn như sau:

Sau một chuyển, các chất khí liên hiệp với tế bào tụ lại, biến thành vạn vật. Chất khí chưa hình thành chỉ là cục lửa bị Khí Dương Quang đốt cháy, nhờ Điều Trì Cung thân Thập Nhị Địa Chi mà biến Khí Dương Quang và chất khí thành Ngũ Hành. Nhờ đó, đất, nước, sắt, đá và lửa nảy sinh trước tiên. Đó là **Kim Thạch Hồn**.

Sau một chuyển nữa các loại Kim Thạch tiêu ra Chất Khí rồi liên hiệp với các tế bào lại mà tạo thành cây cỏ. Đó là **Thảo Mộc Hồn**.

Sau một chuyển nữa, các cây cỏ phân tế bào mà liên đới với ngũ hành tạo nên bách thú. Trong đó phần ở trên khô gọi là cầm thú, còn phần ở dưới nước gọi là thủy ngư. Đó là **Thú Cầm Hồn**.

Sau một chuyển nữa, trong loài cầm thú bước vào cơ tấn hóa, tạo nên thỉ tổ loài người là La Hầu, tức là người khỉ. La Hầu lần lần sanh hóa là nhờ điểm Linh-Quang của Chí Tôn mà lần đến thành người. Đó là **Nhơn Hồn**.

Nhơn hồn nào được trọn trung trọn hiếu thì bước vào **Thần vị**.

“Biết được chơn chánh, trọn Đạo nhân luân tức là vào Thánh vị. Đến Thánh hồn trau dồi thông suốt phần thể Đạo. Trong phần thể Đạo tu tạo được bí pháp mà

bước qua thể pháp Thiên Đạo, tức là **Tiên Vi**. Khi lập được thể pháp Thiên Đạo suy tâm nên bí pháp Thiên Đạo, tức là đặc pháp, ấy là **Phật Vi**”.

Đức Cao Thượng Phẩm xác nhận loài người hiện đại là do loài người vượn (*Homo Sapiens*) tiến hóa thành người phù hợp với khoa khảo cổ học.

Theo Thần học Cao Đài, Nhơn loại được chia làm 3 hạng người:

1. Hóa-Nhơn,
2. Nguyên-Nhơn,
3. Quí-Nhơn.

- Hóa-Nhơn tiến hóa từ loài thú cầm, lúc đầu tính khí còn khù khờ nên thô lỗ, hình dáng còn thô kệch, xấu xí, chưa đủ khôn ngoan để xây dựng một cuộc sống tốt đẹp. Họ là nhóm người nguyên thủy còn ăn lông, ở hang động.

Vì thế đức Thượng Đế mới cho các Nguyên-Nhơn khôn ngoan giáng trần khai hóa các hóa nhân.

- Nguyên-Nhơn được sanh ra từ thuở Khai Thiên. Các hồn Nguyên-Nhơn xuống trần nhập vào bào thai của các nữ Hóa-Nhơn mà sanh ra Nguyên-Nhơn.

Các Nguyên-Nhơn này giữ được Thiên tính, trí não thông minh sáng suốt, đứng lên giáo dục Hóa-Nhơn thoát đời dã man, xây dựng xã hội tiến bộ. Theo giáo lý Cao Đài có 100 ức Nguyên-Nhơn xuống trần tản mạn khắp địa cầu. Đã có 8 ức Nguyên-Nhơn giữ được bốn tánh thiên lương, giúp đời làm xong nhiệm vụ đã trở về Thiên Đình, còn lại 92 ức bị nhiễm ô ố nên còn trầm luân nơi cõi ta bà.

- Quỷ là ám chỉ những kẻ ác độc, đầy thú tính hung dữ nên bị đọa vào hàng quỷ vị. Khi đầu kiếp nơi cõi trần phải tu luyện và làm công quả, đó là Quỷ-Nhơn (*mặt người mà dạ thú*).

Tóm lại, nhưn loại hiện hữu trên địa cầu 68 có 2 nguồn gốc phát sinh.

- a. Từ thú cầm tiến hóa thành người đó là Hóa-Nhơn. Họ vốn là người nguyên thủy, tổ tổ của loài người.
- b. Từ Thiên Đình giáng sanh làm người cõi trần để học hỏi, tiến hóa. Họ là những Nguyên-Nhơn, còn lại trần gian 9.200.000 người. Số đó nhỏ so với 7 tỉ nhưn loại hiện nay.

Con người ta dù có Đạo hay không, Đức Chí Tôn đều ban 3 thể: Thể Xác, Linh Hồn và Chơn Thần.

1. THỂ XÁC: ĐỆ NHỨT XÁC THÂN (XÁC PHÀM)

Xác phàm do tinh cha huyết mẹ tạo nên, được nuôi dưỡng bằng sữa và thực phẩm. Khi già các tế bào không còn hoạt động được thì chết. Thể xác thoái trầm thối rữa biến thành đất cát nên Đạo gọi là giả thân, xác thân tạm mượn cõi trần. (*Đám ma gọi cho đúng là đám tang*).

2. CHƠN THẦN: ĐỆ NHỊ XÁC THÂN (THÂN THIÊNNG LIÊNG)

Trong TNHT Q1, trang 6 Đức Chí Tôn dạy:

“Chơn Thần là gì? Là nhị xác thân (Périsprit) là xác thân thiêng liêng. Khi còn ở nơi xác thân thì rất khó xuất riêng ra đặng.

Chơn Thần ấy của các Thánh, Tiên, Phật là huyền diệu vô cùng, bất tiêu bất diệt. Bậc chơn tu khi còn xác phàm nơi mình, lúc đắc Đạo có thể xuất ra trước lúc

chết mà vân du thiên ngoại. Chơn Thần ấy mới đặng phép đến trước mặt Thầy”.

“Mỗi kẻ phàm dưới thế này đều có 2 xác phàm: một phàm gọi là Corporel, còn một thiêng liêng gọi là Spirituel. Cái thiêng liêng do cái phàm mà ra nên gọi nó là bán hữu hình, nên có thể thấy đặng mà có thể cũng không thấy đặng...”

▪ (TNHT Q1, trang 29)

Con người đứng phẩm tối linh

Nửa người nửa Phật nơi mình anh nhi.

▪ *Kinh tam Thánh*

Trong Luật Tam Thế, bà Bát Nương dạy: “Nơi ao Diêu Trì có một đài phát hiện Âm Quang, đài ấy thấu lằng Sanh Quang của Ngôi Thái Cực, rồi đem Dương Quang hiệp với Âm Quang mà tạo nên Chơn Thần cho mọi vạn linh trong Càn Khôn vũ trụ”, như kinh Phật Mẫu dạy:

Hiệp âm dương hữu hạp biến sanh

Càn khôn sản xuất hữu hình

Một mai thể xác chết đi, Chơn Thần và Linh Hồn xuất ra khỏi thể xác mà trở về cõi Thiêng Liêng.

Chơn Thần liên hệ và điều khiển thể xác bằng 7 dòng điện tử nên nó tạo ra 7 dây oan nghiệt. Vì thế, Đức Chí Tôn ban phép đoạn căn, cắt đứt 7 dây oan nghiệt để thể xác không còn níu kéo Chơn Thần.

3. CHƠN LINH: LINH HỒN, ĐIỂM LINH-QUANG

Đức Chí Tôn dạy (TNHT Q1, trang 102) rằng: “Thầy đã nói ra, nơi thân phàm của mỗi đứa Thầy đều cho một Chơn-Linh gìn giữ cái chơn mạng sinh tồn.

Thầy tưởng chẳng cần nói, các con cũng hiểu rõ rằng: Đấng Chơn-Linh ấy vốn vô tư, mà lại đặng phép giao thông cùng cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật và các Đấng trọn lành nơi Ngọc Hư Cung, nhứt nhứt điều lành và việc dữ đều ghi chép không sai đặng dâng vào Tòa Phán Xét. Bởi vậy, một mảy không qua, dữ lành đều có trả. Lại nữa, cái Chơn-Linh ấy có tánh Thánh nơi mình, đã chẳng phải gìn giữ các con mà thôi, mà còn dạy dỗ các con, thường nghe đời gọi lộn là lương tâm, là đờ”.

▪ (TNHT Q2, trang 66).

“Các con đừng vì tư lợi mà làm mất nhơn cách thì rất uổng các điểm Linh-Quang của Thầy đặt để vào xác thân của các con lắm”.

▪ (TNHT Q1, trang 102)

Mỗi người có đủ 3 hồn: Sanh Hồn, Giác Hồn, Linh Hồn. Linh hồn là quan trọng hơn cả vì nhờ nó mà ta phân biệt con người với cầm thú.

Chơn Linh hay Linh hồn ở trong Chơn Thần. Chơn Thần ở trong xác phàm, in khuôn xác phàm. Khi Chơn-Linh, Chơn-Thần xuất ra khỏi thể xác thì tim ngừng đập, thể xác đã chết. Lúc ấy, Chơn-Linh và Chơn-Thần trở về cội ngôi, trở thành một bậc nơi cõi Thiêng Liêng.

“Nếu kẻ không tu, làm đủ bốn phận làm người, khi hồn rời khỏi xác cứ theo đẳng cấp gắn lên trên mà luân hồi lại nữa, thì biết chừng nào hội hiệp cùng Thầy.

Nên Thầy cho quyền rộng rãi khắp nơi cả nhơn loại Càn Khôn thế giới, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng. Mà hại thay! Mắt Thầy chưa đặng hữu hạnh hoan lạc thấy đặng kẻ ấy. Vậy Thầy dặn: Đạo

là nơi các con nên quý trọng lắm vậy”.

▪ (TNHT Q1, trang 75)

Đạo Cao Đài “đại ân xá” nên đóng cửa Địa Ngục, mở tầng Thiên, “vô địa ngục, vô quỷ quan” mà phổ độ chúng sanh. Những hồn có tội đưa đến cõi Âm Quang được Thất Nương Diêu Trì Cung giáo hóa các nữ tội, còn Địa Tạng giáo hóa nam tội đồ để được tiêu diêu.

“Nói cho cùng, nếu trọn kiếp dẫu gây lắm tội tình, vào phút chót biết ăn năn tự hối, cầu khẩn Chí Tôn độ rỗi thì cũng lánh khỏi cửa Âm Quang, lại còn hưởng đặng nhiều ân huệ của Chí Tôn, do các chơn hồn tự hối tự độ hay nhờ con cái cầu rỗi”.

▪ (TNHT Q2, trang 92).

Bà Thất Nương giảng giải về Cõi Âm Quang như vậy:

“Âm quang là nơi Thân linh học gọi là trường đình của chư hồn giải thể hay nhập thể. Đại Từ Phụ định nơi ấy là Tịnh Tâm Xá, nghĩa là nơi chư hồn đến xét mình coi trong kiếp sanh có bao nhiêu điều phước tội.

Nếu trọn kiếp dù gây lắm tội tình mà phút chót biết ăn năn tự hối cầu khẩn Chí Tôn độ rỗi thì cũng lánh xa cõi Âm Quang”

▪ (TNHT Q2, trang 92)

Tắt một lời, khi Đức Chí Tôn đến Khai-Đạo (1926) thì đại ân xá, đóng cửa địa ngục, giải phóng hết tội hồn đi đầu kiếp với cõi trần để làm công quả trả nợ đời, chớ không bị Thập Điện Diêm Vương hành tội như rao truyền của Ngũ Chi Minh Đạo. Trong lòng đất không hề có ngư đầu mã diện trị tội các cô hồn một cách gớm ghiếc.

Nguồn gốc con người là người vượn, được Thượng Đế ban cho điểm Linh-Quang nên khi chết xác thối trầm, linh hồn (hay điểm Linh-Quang) lại trở về nơi cõi Thiêng Liêng. Vậy cuộc sống con người có 2 giai đoạn nối tiếp nhau.

Thoạt đầu con người sống nơi Cõi Thiêng Liêng được an nhàn tự tại. Nhưng vì nhu cầu học hỏi để tiến hóa nên du học xuống phàm gian.

Linh hồn đó nhập vào bà mẹ mang thai mà thành người phàm. Trần gian là trường thi công thợ khổ để giải khổ và thoát khổ, trở về ngôi vị cũ, chấm dứt chuyển du học.

Đó là quan điểm mới mẻ của Đạo Cao Đài. Đời sống nơi Cõi Thiêng Liêng là để an dưỡng, đặt kế hoạch cho chuyển du học đến các quả cầu khác. Đời sống nơi các tinh cầu là để làm việc, học hỏi kinh nghiệm để tiến lên thành người minh triết.

Tóm lại, nhân sinh quan Đạo Cao Đài là một triết lý tiến bộ mà từ trước đến nay nhiều nhà triết lý, khoa học gia hết lời tranh cãi.

Nguồn gốc con người từ loài vượn (*Homo Sapiens*) tiến hóa, giác ngộ thông minh là nhờ điểm Linh-Quang của Thượng Đế (*Thầy là các con*), xuống trần học hỏi trở thành Tiên Phật (*các con là Thầy*) cuối cùng bằng Trời.

“Tu hành là học làm Trời

Chớ đâu kiếp kiếp làm người thế gian.”

Điều đó chứng tỏ con người có linh hồn (điểm Linh-Quang) bất tiêu bất diệt, dẫn đến hiện tượng cơ bút, các đấng thông linh qua Chơn-Thần các đồng tử mà giáo dục con người. Chơn Thần là điểm nổi bật

trong giáo lý của Đạo Cao Đài, nhờ đó giải thích các hiện tượng từ vật chất đến tinh Thần, từ hữu hình đến vô hình. Nên nhớ, con người thiêng liêng vốn vô hình chỉ có 2 thể: Linh Hồn và Chơn-Thần tồn tại vì xác thân đã thối rữa.

Theo giáo lý Cao Đài, con người chết rồi thì vĩnh du Tiên cảnh (*bất cứ ai*) về trình diện Đức Chí Tôn và Phật Mẫu xem xét tội phước. Trong kiếp sống làm nhiều tội thì phải đầu kiếp lại cõi trần, lấy công chuộc tội. Đến khi làm được toàn việc tốt đẹp, xứng đáng là một tiểu Thượng Đế (*tiểu Linh-Quang, tiểu vũ trụ*) thì được hội hiệp cùng Đức Chí Tôn và chư Tiên Phật.

CHƯƠNG III: TỜ KHAI TỊCH ĐẠO

I. 12 ĐỆ TỬ ĐẦU TIÊN

Vào 30 Tết (12-2-1926), theo lệnh Đức Chí Tôn, các môn đệ đầu Tiên đi thăm và chúc Tết gia đình các Đạo hữu. Đêm đó, ông Ngô Văn Chiêu làm pháp đàn, phò loan là hai ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc. Mỗi ông đều được Đức Chí Tôn cho một bài thi tứ tuyệt mà bài của ông Lê Văn Trung là lời Tiên tri về cơ phổ độ sẽ phát triển.

*“Đã thấy ven mây lối mặt dương
Cùng nhau xúm xít dẫn lên đường
Đạo cao phó có tay cao độ
Gần gũi sau ra vạn dặm trường.”*

Sau đó, các ông vội trở về nhà ông Lê Văn Trung để lập đàn giao thừa. Đức Chí Tôn phân nhiệm các môn đệ như sau: *“Trung, Kỳ, Hoài ba con phải lo thay mặt Chiêu mà đi độ người, nghe và tuân theo...”* “Đặc,

con phải hiệp vào đảng giúp đỡ Trung. Nghe và tuân theo”. “Đức, Hậu tập cơ. Sau theo mấy anh con độ người. Nghe và tuân theo”.

Vào mùng 9 tháng Giêng năm Bính Dần (Chủ nhật 21-2-1926), các ông thiết lễ vía Đức Chí Tôn lần đầu Tiên tại nhà ông Vương Quan Kỳ. Đức Cao Đài giảng dạy:

*Bầu tòa thơ thới trở thêm hoa
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà
Chung hiệp ráng vun nền Đạo đức
Bền lòng son sắt đến cùng Ta.*

Ông Chiêu xin Đức Chí Tôn điểm danh các vị cao đồ. Cơ liên gõ:

*CHIÊU KỲ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh,
BẢN Đạo khai SANG QUÍ GIẢNG thành;
HẬU ĐỨC TẮC (Ư thiên địa cảnh
Hườn Minh Mân đáo thủ đài danh.*

(Mười hai chữ lớn trong ba câu trên là tên của mười hai người môn đệ trước hết của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, còn ba chữ xiêng lớn trong câu chót là tên ba vị hầu đàn, còn tên Sang có hai người là Võ Văn Sang và Cao Hoài Sang).

II. TỜ KHAI TỊCH ĐẠO

Sài gòn, ngày 7 tháng 10 năm 1926

Thưa ông Thống đốc,

Những người ký tên dưới đây hân hạnh trình báo cho ông biết những điều sau: ở Đông Dương, từ xưa đến nay đã có tam giáo (Phật, Lão, Khổng). Tổ Tiên chúng tôi đã tu theo giáo lý tam giáo và sống hạnh phúc

nhờ nghiêm, nhất noi theo những lời dạy làm lành của giáo chủ tam giáo. Ngày xưa, con người sống vô tư đến mức có thể ngủ không cần đóng cửa và chẳng tham lượm của rơi ngoài đường. (*"Gia vô bế hộ, lộ bất thập di"*) là câu nói đã được ghi trong sử sách của chúng tôi.

Than ôi! Thời đại tốt đẹp đó không còn nữa bởi những lý do dưới đây:

Tín đồ của các tôn giáo tìm cách chia rẽ nhau, trong khi vạn giáo đều có chung một mục đích là làm lành lánh dữ, thờ kính Đấng Tạo Hóa.

1. Họ lại canh cải chánh truyền làm sai lạc các giáo lý thiêng liêng quý báu.
2. Sự ganh đua theo bả vinh hoa, phú quý, lòng tham vọng của loài người, tất cả là những nguyên-nhân chính của những bất đồng tư tưởng hiện nay. Người Việt Nam bây giờ đã từ bỏ mỹ tục và truyền thống ngày xưa.

Thấy tình cảnh đau lòng đó, một nhóm người Việt Nam bao gồm những người có nhiệt tình với truyền thống và mộ tu hành đã nghiên cứu canh tân tất cả các tôn giáo này lại làm một thành Đạo Cao Đài hay là Đại Đạo. Tiêu ngữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có nghĩa là kỳ ba đại ân xá, tên này do Đức Chí Tôn ban cho và Ngài đã giáng trần phò hộ cho những người ký tên dưới đây thành lập nền Tân Tôn Giáo này.

Đức Chí Tôn ngự đến với danh xưng Ngọc Hoàng Thượng Đế tức Cao Đài hay "*Đấng Tối Cao, Thượng Đế Toàn Năng*".

Qua cặp đồng tử phò loan, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế truyền cho những người ký tên dưới đây các Thánh

giáo cốt để truyền bá tôn chỉ tam giáo thời xưa.

Nền giáo lý mới sẽ dạy cho nhân sanh những điều sau:

1. Luân lý cao thượng của Đức Khổng Phu Tử
2. Đạo đức của Phật giáo và Lão giáo là làm lành lánh dữ, thương yêu nhân loại, sống hòa thuận, xa lánh mọi sự chia rẽ và chiến tranh.

Chúng tôi hân hạnh giới thiệu kèm theo cho ông xét:

- Một vài đoạn trích lục trong tập “*Thánh ngôn*” của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, những lời dạy quý báu hơn tất cả mọi điều hiện hữu trên thế gian này.
- Một vài đoạn trong quyển kinh cầu nguyện mà Đức Thượng Đế đã dạy chúng tôi.

Những người ký tên dưới đây theo đuổi mục đích đưa loài người trở lại thời xa xưa hòa bình và hòa hợp. Nhờ đó, con người sẽ hưởng tới một thời đại mới hạnh phúc khôn cùng. Nhân danh đa số những người Việt Nam đã tán đồng hoàn toàn những nghiên cứu này, có kèm danh sách đính kèm, những người có tên dưới đây hân hạnh tuyên bố cho ông hay rằng chúng tôi sẽ phổ truyền cho toàn thể loài người giáo lý thiêng liêng này. Tin tưởng trước rằng nền Tân Tôn Giáo này sẽ mang tới cho mọi chúng ta hòa bình và hòa hiệp, những người ký tên dưới đây yêu cầu ông hãy chánh thức tiếp nhận tuyên ngôn (*lập Đạo*) của chúng tôi.

Thưa ông Thống đốc, xin ông ghi nhận những cảm tình trân trọng và chân thành của chúng tôi.

Danh sách (28) môn đệ ký tên Tờ Khai Tịch Đạo

1. Bà Lâm Ngọc Thanh, nghiệp chủ Vũng Liêm.
2. Ông Lê Văn Trung cựu Thượng Nghị viên, ngũ

- đảng Bắc Đẩu Bội Tinh, Chợ Lớn.
3. Ông Lê Văn Lịch, thầy tu làng Long An, Chợ Lớn.
 4. Ông Trần Đạo Quang, thầy tu làng Hạnh Thông Tây, Gia Định.
 5. Ông Nguyễn Ngọc Tương, tri phủ, chủ quận Cần Giuộc.
 6. Ông Nguyễn Ngọc Thơ, nghiệp chủ, Sài Gòn.
 7. Ông Lê Bá Trang, đốc phủ sứ, Chợ Lớn.
 8. Ông Vương Quan Kỳ, tri phủ sở thuế thân, Sài Gòn.
 9. Ông Nguyễn Văn Kinh, thầy tu Bình Lý thôn, Gia Định.
 10. Ngô Tường Vân, thông phán sở tạo tác, Sài Gòn.
 11. Ông Nguyễn Văn Đạt, nghiệp chủ, Sài Gòn.
 12. Ông Ngô Văn Kim, điền chủ, Cần Giuộc.
 13. Ông Đoàn Văn Bản, đốc học Cầu Kho, Sài Gòn.
 14. Ông Lê Văn Giảng, thơ ký kế toán, Sài Gòn.
 15. Ông Huỳnh Văn Giỏi, thông phán sở Tân đảo, Sài Gòn.
 16. Ông Nguyễn Văn Tường, thơ ký sở tuần cảnh, Sài Gòn.
 17. Ông Cao Quỳnh Cư, thơ ký sở thương chánh, Sài Gòn.
 18. Ông Phạm Công Tắc, thơ ký sở thương chánh, Sài Gòn.
 19. Ông Cao Hoài Sang, thơ ký sở thương chánh, Sài Gòn.
 20. Ông Nguyễn Trung Hậu, đốc học tư thực Đa Kao.
 21. Ông Trương Hữu Đức, thơ ký sở hỏa xa, Sài Gòn.
 22. Ông Huỳnh Trung Tuất, nghiệp chủ, Sài Gòn.

23. Ông Nguyễn Văn Chúc, cai tổng, Chợ Lớn.
24. Ông Lại Văn Hành, hương cả, Chợ Lớn.
25. Ông Nguyễn Văn Trò, giáo viên, Sài Gòn.
26. Ông Nguyễn Văn Hương, giáo viên, Đa Kao.
27. Ông Võ Văn Kinh, giáo tập, Cần Giuộc.
28. Ông Phạm Văn Tỷ, giáo tập, Cần Giuộc.”



QUẢ CÀN KHÔN LÚC CÒN Ở CHÙA GÒ KÉN (TỪ LÂM TỰ)

PHẦN THỨ HAI: ĐẠI LỄ KHAI ĐẠO

CHƯƠNG I: HAI TIẾNG CAO ĐÀI

I. TUYÊN NGÔN KHAI ĐẠO CỦA ĐỨC CAO ĐÀI

Sở dĩ, ngày 14 tháng 10 năm Bính Dần gọi là ngày Khai-Đạo, vì ngay từ đêm mở Đạo, Đức Cao Đài đã chính thức lần đầu Tiên ban cho đôi câu liên lập giáo.

CAO THƯỢNG CHÍ TÔN ĐẠI ĐẠO HÒA BÌNH DÂN CHỦ MỤC ĐÀI TIỀN SÙNG BÁI TAM KỲ CỘNG HƯỞNG TỰ DO QUYỀN.

Chữ “Mục”-“目” nằm trong chữ “Đạo”-“道” tức Đạo quyền (là cách nói kiểu hoán dụ) đương đầu với cường quyền thuộc địa Pháp.

Sự ra đời của Đạo Cao Đài đáp ứng nhu cầu tâm linh của quần chúng Nam Kỳ thời bấy giờ vì ý thức hệ cũ đã mất sinh lực. Việc xây dựng tôn giáo mới (Cao Đài) trên nền tảng truyền thống nước ta và Việt hóa các luồng tư tưởng Đông-Tây là việc làm mới mẻ không tránh khỏi những điều thách đố.

Trong quyền Miền Nam đầu thế kỷ XX Sơn Nam đã viết “Xây dựng một nếp sống tinh Thần khá ấm áp, bình đẳng lấy tình yêu huynh đệ làm trọng, sống chết có nhau, giữ trung can nghĩa khí, khó khăn, hiểm động. Đúng là nếp sống tinh Thần kết tinh Đạo Phật, Lão, Khổng”. Đó là tinh Thần Đạo Cao Đài hôm nay.

Sơn Nam lại tiếp “Khổng Tử là vị Thánh mà dân gian ít ai biết, nếu biết thì chẳng được trọng vọng cho lắm”.

Còn “Phật giáo ít có điều kiện ăn sâu vào đời sống tinh Thần của đại đa số nông dân”. (Đình Văn Hạnh, Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của người Việt ở nam bộ, NXB

Trẻ, 1999).

Về Đạo Lão, trong “*Tiếp cận với đồng bằng sông Cửu Long*”, Sơn Nam lại viết “*Trong nhân gian, không nghe ai nói đích danh Đạo Lão. Không có trường phái nào rõ rệt, chỉ gọi nôm na là tu Tiên*”. Nhờ Đạo Cao Đài đã làm sống dậy tam giáo.

Vì thế, Đức Phạm Hộ Pháp đã viết trong “*Rapport adressé par le Sacerdoce Caodaïque à M. Le Président de la commission d'enquête dans les territoires d'Outre-Mer*” (Sài gòn Tín Đức Thư Xã 1937) như sau “*Đa số chán ngán với tôn giáo cổ truyền...Nhiều cuộc chống đối nổ ra giữa Lão giáo, Khổng giáo và giáo sĩ Đạo Thiên Chúa đến lưu huyết... Cần thiết tạo ra một nơi (!) di dưỡng tinh Thần mới phù hợp với tâm đức của dân Việt*”.

Trước đó trong Tờ khai tịch Đạo (7-10-1926), tiên bối Lê Văn Trung gửi lên thống đốc Nam Kỳ Le Fol với lời lẽ đầy khí phách.

“*Nhân danh đông đảo những người Việt Nam hân hạnh tuyên bố cho ông biết là chúng tôi sẽ truyền bá cho toàn thể nhân loại giáo lý thiêng liêng...*”

“*...Những người ký tên dưới đây yêu cầu ông hãy chính thức chấp nhận tuyên ngôn của chúng tôi.*”

Tại sao Đạo Cao Đài lập ra ở Nam Kỳ mà không ở nơi nào khác? Ta trở lại câu liền tuyên ngôn sẽ rõ (*dịch ra quốc ngữ*):

- *Nền Đại Đạo của Chí Tôn rất cao thượng đem đến hòa bình, dân chủ Đạo (Đạo là Thánh đức)*
- *Đạo kỳ ba trước đức Cao Đài sùng bái sẽ được cộng hưởng quyền tự do Bốn tiêu chí mà Đức Chí*

Tôn đưa ra : hòa bình, dân chủ, cộng hưởng, tự do rất phù hợp với nhu cầu tâm linh của nhân dân Nam Kỳ lúc bấy giờ vì họ đang bị áp bức, mất tự do dân chủ.

1. HÒA BÌNH

Dân miền nam vốn từ Bắc, Trung di cư vào vùng đất mới. Thạch Phương trong “*Văn hóa dân gian người Việt ở Nam Bộ*” đã viết “*Dùng chân trên vùng đất mới, cộng đồng lưu dân dần dần vươn tới một tầm nhìn, một cách nghĩ khoáng đạt và năng động hơn. Hiện thực bày ra trước mắt người nông dân rộng mở hơn. Tâm mắt không còn bị lũy tre làng và bờ đê che chắn nữa*”. Tấm lòng họ bình thản hòa hoãn hơn. Cây ngọt trái lành, đồng xanh vườn rộng bao la nên tình cảm an bình nảy nở thương yêu mọi người, không phân biệt Việt, Hoa, Khmer.

Tờ Lục tỉnh Tân Văn (số 5 trang 3, 4) tác giả Tây Hiên (bút danh của ngài Lê Văn Trung) đã viết “*phải rõ nghĩa đồng bào và làm sao cho mọi người có ý tưởng như nhau, tin nhau thì việc gì cũng dễ...mọi việc mới chóng thành*”. Đó là điều kiện để thành lập tôn giáo mới, đa tôn giáo, đa sắc tộc.

2. DÂN CHỦ

Nhân dân miền Nam chân chất càng về phương nam chừng nào thì tính thuần hậu càng phát triển chừng ấy. Thạch Phương lại viết “*Càng đi về phương nam chất phong kiến nhạt dần, thay vào đó là tinh thần dân chủ, bình đẳng thể hiện ngay trong đời sống cộng đồng thôn xã cũng như trong đời thường của mỗi gia đình*”.

Tình nghĩa tương liên, gắn bó đó là nguồn gốc sâu xa của tính dân chủ bình đẳng của người Nam Kỳ. Chính người Nam Kỳ đã hòa hợp đồng điệu trong tổ chức Đạo Cao Đài chỉ có anh lớn, em nhỏ (*hiền huynh, hiền đệ*), còn áo mào phẩm trật Chức-sắc là để châu lễ Đức Chí Tôn và các đấng, sau lễ là cuộc sống hòa đồng bình đẳng trong sinh hoạt xã hội.

3. CỘNG HƯỞNG

Nhà người miền nam không có lũy tre che chắn hay bờ đê làm rào phân cách. Các hiền nhà đều có lu nước mát cho bất cứ ai, có nơi còn đào giếng thí làm của chung.

Trong “*Gia Định Thành Thông Chí*”, Trịnh Hoài Đức viết về phong tục ở Nam Kỳ “*có khách đến nhà đầu Tiên gia chủ dâng trâu cau, sau đó dâng cơm bánh, tiếp đãi trọng hậu không kể người thân sơ, quen lạ tông tích ở đâu đều thâu nạp khoản đãi*”.

Thế nên Đạo Cao Đài chỉ thành lập vài năm Thánh thất được xây dựng khắp Nam Kỳ, đó là nhờ sự đóng góp tự nguyện của các Đạo hữu và các nhà hảo tâm có thiện cảm với Đạo Cao Đài.

4. TỰ DO

Thích tự do mới tha phương cầu thực, về phương nam lập nghiệp. “*Nơi đất mới (phương Nam) rộng rãi, con người không cần sự bon chen như nơi đất hẹp người đông. Họ sống rộng rãi cởi mở và hào hiệp hơn. Sự gò bó cứng nhắc, hẹp hòi được họ cởi bỏ để sáng tạo ra một phong cách sống tự do, phóng khoáng hơn*” (*Đình Văn Hạnh, sách đã dẫn*). Có lẽ vì thế mà họ dễ dàng chấp

nhận Đạo Cao Đài, một tôn giáo mở thờ cả tam giáo ngũ chi.

Họ bị đàn áp dưới hai tầng áp bức phong kiến và thực dân. Trong khi đó Đức Cao Đài phán “*Đạo khai là ách nước hầu mãn*”. Đạo đã mở gông xiềng áp bức cho họ, họ được giải thoát, trách làm sao họ không theo Đạo Cao Đài để được cứu rỗi.

Bà Werner trong chuyên khảo “*Pleasant politics and religious sectarianism: Peasand anh priest in the Cao Dai in Viet Nam*” đã viết: “*Đạo Cao Đài là phong trào quần chúng rộng lớn xuất hiện đầu Tiên ở Nam Kỳ... Vào khoảng năm 1930 có từ năm trăm ngàn đến một triệu nông dân theo Đạo, trong lúc tổng số dân Nam Kỳ là từ bốn triệu đến bốn triệu rưỡi (trang 4-15).*”

Trong “*Histoire et philosophie du Caodaisme*”, G.Gobron dẫn theo G.Abadie cho rằng vào năm 1932 số tín đồ Cao Đài ở Nam Kỳ lên tới hơn một triệu trong lúc số dân Nam Kỳ lúc bấy giờ là ba triệu rưỡi.

Tóm lại, bốn tiêu chí mà Đức Chí Tôn ban ra đã hợp hoàn cảnh, đã hợp lòng người, tình lý vẹn vẻ đôi đường. Với chủ trương tín ngưỡng hòa đồng bao dung nhân dân Nam Kỳ không thấy bất cứ điều gì ngăn trở, hoàn toàn tự do, hoàn toàn dân chủ và cộng hưởng chung thành quả mà Đạo đạt được.

Để vỗ về khoảng trống tâm linh, người dân Nam Kỳ đã tìm thấy cái phao cứu nạn ở Đạo Cao Đài, xây dựng cái mới trên nền truyền thống cũ, mới mẽ mà gần gũi, huyền bí mà thân quen, đơn giản ở tín đồ nhưng ràng buộc ở giáo hội để Chức-sắc đủ tư cách dìu dẫn nhưn sanh trên đường Thánh đức.

Bốn tiêu chí: bình đẳng, dân chủ, tự do và chung hưởng đã gọi mở cho mọi người Nam Kỳ hơn hở đến với Đạo Tam Kỳ (*tên gọi lúc Đạo mới mở*).

Bản tuyên ngôn Khai-Đạo của Đức Cao Đài đã phản ánh đúng thực trạng đất Nam Kỳ vào thời đầu Khai-Đạo (1926–1932) là chỗ dựa tinh Thần của toàn Đạo và là cái phao cứu hộ cho người Nam Kỳ lúc bấy giờ.

II. CHỮ “MỤC” LÀ MẬT NGỮ TU CHƠN

Vào ngày 25 tháng 2 năm 1926, Đức Cao Đài dạy về việc thờ Thiên Nhân như sau:

*Nhãn thị chủ tâm
Lưỡng quang chủ tế
Quang thị Thần
Thần thị thiên
Thiên giả, ngã giả.*

Trong chữ “*nhãn*” (眼) hàm chứa chữ “*mục*” (目). Chín tháng sau (*tháng 11 năm 1926*), Đức Chí Tôn cho hiển thị chữ “*mục*” trong câu liễn ngày Khai-Đạo (*đã dẫn*).

Thầy đã dùng phép hoán dụ chữ “*mục*” rất cô đọng sử dụng như một mật ngữ giúp nhưn sanh đường vào lý sống Đạo đức tu chơn. “*tả mục Thần quang*”, “*thiên khai huỳnh Đạo*”.

Đồng Đạo đi vào ra cử Thánh thất đều thấy chữ “*mục*” mà không nghĩ là chữ “*Đạo*”, nếu bỏ “*con mắt*” thì không còn Đạo nữa. Chữ “*mục*” là một mật ngữ tu chơn, vào chùa là phải nghĩ ngay Thiên nhân Thầy. Từ mồng 8 tháng 4 năm 1926 cơ đã dạy: “*Muốn trọn câu phổ độ... phải bày bữu pháp (tu chơn) ra*”. Vì lúc hội

Chức-sắc thành lập Tân Luật, Đức Chí Tôn dạy: “*Khởi đầu lập luật gọi là tịnh thất luật*”.

Thấy chữ “mục” là thấy Đạo nhưng chưa am tường cái đích của Đạo là tu chơn. Vì chữ “mục” hàm chứa bát quái. Bát quái là cái đích sẽ dẫn ta đến giải thoát.

1. CHỮ “MỤC” HÀM CHỨA BÁT QUÁI

Theo “*Trung y nhân khoa giải nghĩa*” mắt con người được chia thành 8 khuếch. Mỗi khuếch là một vùng tượng trưng cho một quẻ:

- **Thiên khuếch:** gồm lòng trắng ở hai bên phải trái của lòng đen, thuộc phổi, tượng Càn.
- **Địa khuếch:** gồm mi trên và mi dưới thuộc tý và bao tử, tượng Khôn.
- **Thủy khuếch:** gồm đồng tử thuộc thận, tượng Khảm.
- **Hỏa khuếch:** gồm hai khóe mắt thuộc tim và mạng môn, thuộc Ly.
- **Lôi khuếch:** gồm lòng trắng phía trên lòng đen thuộc ruột non, tượng Chấn.
- **Sơn khuếch:** gồm vòng giáp đồng tử và lòng đen thuộc mật, tượng Cấn.
- **Phong khuếch:** lòng đen thuộc gan, tượng Tốn.
- **Trạch khuếch:** lòng trắng phía dưới lòng đen, thuộc bàng quan, tượng Đoài.

Đối với ngũ tạng (*ngũ hành*) mắt chia thành 5 vùng hợp với các điều trên. Mi mắt thuộc Tý – Thổ, hai khóe mắt thuộc Tâm – Hỏa, lòng trắng thuộc Phế – Kim, lòng đen thuộc Can – Mộc, đồng tử thuộc Thận – Thủy.

2. CÁI ĐÍCH DẪN ĐẾN TU CHƠN

Trong mỗi người đều có bát quái ở mắt và các cơ quan sau:

- Gan tượng Tốn vì gan và Tốn đều thuộc Mộc, gan hóa Phong, Tốn tạo gió.
- Phổi tượng Càn vì phổi và Càn đều thuộc Kim, phổi chứa khí trời mà Càn là trời.
- Tâm tượng Ly vì tim và Ly đều thuộc hỏa, tim phát xuất Thần minh mà Ly là sáng.
- Thận tượng Khảm vì thận và Khảm đều thuộc thủy, thận là cơ quan trọng yếu mà Khảm là hiểm yếu.
- Tỳ tượng Khôn vì cùng thuộc thổ, tỳ tạo ra cốc khí mà Khôn tác thành vật.
- Mật tượng Chấn vì cùng thuộc Mộc, mật xuất phát quyết đoán mà Chấn là sấm động.
- Vị tượng Cấn vì cùng thuộc Thổ, bao tử chứa thức ăn, mà Cấn là núi chứa quặng mỏ.
- Ruột già tượng Đoài vì cùng thuộc kim, ruột già chứa phần mà Đoài là đầm lầy chứa bùn lầy.

Theo luật cộng thông của học thuyết “*thiên nhân hợp nhất*”, thái cực tương đương với đơn điền (*dưới rốn ba thốn*) là trọng tâm sanh mạng, nơi hội tụ năng lượng và chuyển hóa. Luồng khí năng lượng ấy, hành giả luyện khí gọi là đơn (*thuốc*).

Lưỡng nghi phân thân thể con người trên dưới trước sau, phải trái thành ba phương vị vật thể từ tính sinh mạng lớn: đứng thẳng, dọc ngang lập thành hệ tọa độ ba chiều của nhân thể; năng lượng cơ thể con người theo đó vận hành không ngừng nghỉ.

Tứ tượng chỉ các mặt nhân thể. Tất cả mặt từ rốn trở lên tiếp với trời, mặt từ rốn trở xuống liền với đất, theo Tiên thiên bát quái lấy 2 quẻ Càn Khôn trên dưới biểu thị trời đất, chiều ngang trái phải Khảm Ly biểu thị nước lửa. Trước sau là chiều dọc với 2 quẻ Cấn Đoài biểu thị núi đầm thông khí. Trong ngoài là Chấn Tốn biểu tượng sấm gió nổi lo toan.

Sanh mạng con người có 3 điểm: Tinh, Khí, Thần. Tinh là hình thể sanh mạng. Khí là năng lượng sanh mạng vận động. Thần là cơ cấu điều tiết khiến cho âm dương trong người được thăng bằng.

Thế nên, Đức Chí Tôn chủ yếu dạy luyện Khí. Luyện Khí chủ yếu là điều Thần, giữ gìn bên trong thân thể là điều quan trọng nhất. Thần là cái ngự trị hoạt động sống khử trừ hết thảy tạp niệm “*tâm viên ý mã*” mà giữ ý tâm tại đơn điền (*duới rốn ba thốn*) nên luyện Khí, còn gọi là luyện đơn.

Đơn điền là cái đỉnh (*vạc có ba chân biểu thị tam bửu*) giống như nửa cái nồi, nên cổ thư có câu: “*Nửa cái nồi nấu Càn Khôn, một hạt gạo (đơn) bao trời đất*” (*Bán liên oa chủ Càn Khôn, nhất lập mễ bao thiên địa*).

Tinh, Khí, Thần là thuốc luyện đơn trong cái đỉnh đó. Hành giả làm thế nào để được tam bửu vào đỉnh. Tinh – mặt trời là động lực đầu tiên của vạn vật sinh trưởng nên Chu dịch biểu tượng bằng quẻ Ly, y học gọi là tâm hỏa, là nguồn gốc của Thần, người xưa ví như gái đẹp.

Tinh – mặt trăng là thể để vạn vật dựa vào nên Chu dịch biểu tượng bằng quẻ Khảm, y học gọi là thận thủy, là nguồn gốc của tinh, người xưa ví như đứa trẻ:

Thận thủy theo can mộc, thăng lên về bên trái. Tâm hỏa theo phế kim hạ xuống về bên phải, gặp nhau ở tỳ ngay chính giữa. Tỳ thổ là đất mẹ của vạn vật nên người xưa ví như bà hoàng. Đứa trẻ, người con gái đẹp lấy bà hoàng làm môi giới, biểu tượng thủy hỏa giao nhau, hai quẻ Khảm (*trên*) Ly (*dưới*) gọi là ký tế, đưa tam bửu vào đỉnh.

Thuốc tam bửu sau khi vào đỉnh, trước dùng võ hỏa nấu tức dùng ý niệm đưa hơi thở từ từ vào đơn điền (*ruộng thuốc*). Kế đó dùng văn hỏa ôn dưỡng theo âm khơi mạch vào đơn điền, mạch nhâm vừa mở thì các mạch khác cũng đều mở, khí đến vĩ lư qua giáp tích lên ngọc chẩm tới nê hoàn (*xem “Trường dưỡng tinh khí Thần” – cùng người viết*).

Khi luyện thở mặt hướng về sao Bắc Đẩu, vì sao Bắc Đẩu là cái gậy chỉ huy thiên thể vận hành. Cơ thể con người cũng ứng với sao Bắc Đẩu nên lấy sao đó làm Thần. Muốn ý niệm tập trung thì ý phải nương theo hơi thở. Nếu để ý vụ vợ sản sinh thì tâm hỏa thịnh, còn để ý niệm phân tán thì thận thủy hàn. Lúc đó, hành giả nên ngưng luyện đơn. Theo bà Bát Nương dạy tịnh luyện của cơ phổ độ rất tiến bộ rộng rãi “*Phải tìm cho được cái tịnh trong cái động*” và “*Muốn tịnh luyện lúc nào cũng được*” (*Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư và luật tam thể, trang 168*).

3. TRỜI – NGƯỜI HIỆP NHẤT

Theo thuyết “*Thiên nhưn hiệp nhưt*” con người là một hình ảnh thu nhỏ của Càn Khôn vũ trụ. Quan hệ giữa thiên nhiên và con người có tính chất đồng dạng và hợp nhất. Thế nên, ta chỉ cần quan sát bầu

trời với những vì sao mà khi một trẻ sơ sinh mới ra đời đã chịu ảnh hưởng sâu xa nên có thể qua tinh tú đoán biết được số phận và tương lai của con người là vậy.

Trong Kinh Dịch, lý thuyết ngũ hành tương quan với nhân thể từ đi đứng, cử chỉ, lời nói, gương mặt, hợp sọ... đều chứa đựng các thông tin của quá khứ, hiện tại và tương lai.

Trong nhân tướng học, khuôn mặt là yếu tố quan trọng nhất. Khuôn mặt con người sánh như bầu trời mà mặt trời là nhãn cầu trái, mặt trăng là nhãn cầu phải (*tức lưỡng quang chủ tể*), các vì sao là những nốt ruồi và lông mày tượng trưng cho mây.

Năm bộ phận trên khuôn mặt tương ứng với ngũ hành:

- 1) Trán và lông mày là hỏa thuộc tâm.
- 2) Đôi mắt là mộc thuộc can.
- 3) Hai mũi là kim thuộc phế.
- 4) Cái miệng là thổ thuộc tỳ.
- 5) Hai tai là thủy thuộc thận.

Còn kích thước hình dáng của hợp sọ nói lên tri thức của một người.

Khuôn mặt của một người tác thành 5 loại: tròn, vuông, xoan, tam giác, chữ nhật và tương ứng với một số tính cách nhất định.

Dưới đây là so sánh hình thái giữa trời và người:

Học thuyết luyện Khí của Đạo Cao Đài và Kinh Dịch trùng hợp nhau nếu không nói là một. Luyện chơn nhứt khí của Đạo là hợp lại nguyên khí trong người

và huyền khí ngoài trời làm một dẫn xuống biển khí (*khí hải*) dưới rốn ba thốn. Các Đạo sĩ gọi chỗ này là đờn điền (*ruộng đờn thuốc*) nên luyện khí còn gọi là luyện đờn.

Bụng là trọng tâm thân thể của con người, là nơi hội tụ chơn khí nên người ta coi bụng là Thái Cực vì nơi đó tiếp cận với thần kinh xương cùn và nhóm thần kinh khoang bụng. Thế nên khi luyện Khí lấy khí mặt trời làm động lực đầu Tiên, dịch lý biểu tượng bằng quẻ Ly. Ly (*con mắt*) là tâm hỏa, là nguồn gốc của Thần chỉ cần hợp với tinh cơ thể nữa thì Tinh, Khí, Thần gom về một mối mà đạt Đạo bước vào hàng phẩm Thánh thể.

Chức sắc hàng Thánh thể phải có Thánh tính để độ đời, làm nước vinh Đạo sáng hầu xây dựng tình huynh đệ đại đồng.

Ngấn gọn, Đức Chí Tôn ban cho toàn Đạo t nhân, Thiên mục. Đức Hộ Pháp ban Thiên tượng quẻ Ly (*con mắt*) làm phù hiệu cho chư tín hữu đeo (*như Thánh giá bên Thiên Chúa*).

CHƯƠNG II: ĐÊM HỘI YẾN ĐIỀU TRÌ CUNG ĐẦU TIÊN

Ngài Cao Quỳnh Cư mời hai ngài Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang qua nhà mình xây bàn, mời cô Đoàn Ngọc Quế về dạy làm thi. Nhân tiện, ba ngài hỏi cô Quế về việc thượng giới, cô tiết lộ đôi điều khiến các ngài càng thêm mê học hỏi. Rồi cô gọi ngài Cao Quỳnh Cư là trưởng ca, ngài Phạm Công Tắc là nhị ca, ngài Cao Hoài Sang là tam ca, cô là tứ muội.

Đến ngày 3-8-1925 (15-7 Ất Sửu), thiết đàn xây bàn, các ngài được cô Đoàn Ngọc Quế báo tin, có một Đấng đến tiếp xúc với ba ngài.

Thi

*Ớt cay cay ớt găm mà cay,
Muối mặn ba năm muối mặn dai.
Túng lú đi chơi nên tấp lại,
Ăn bòn chẳng chịu tấp theo ai.*

* A-Ấ-Ấ

Ngài Phạm Công Tắc nghe thi lạ, lòng có ý hơi khó chịu, liền đó Đấng này cho thêm bài thi:

Thi

*Đời hiệp lẫn nhau nỡ chẳng thương,
Thương đời nên mới đến đem đường.
Đường dài vó ngựa tua bền sức,
Sức yếu lòng người khó để gương.
Gương Đạo noi theo đường Thuấn Đế,
Đế dân vẹn giữ lối Văn Vương.
Vương hầu lê thứ ai là chí,
Chí quyết làm cho thế khác thường.*

* A-Ấ-Ấ

Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi Đấng A-Ă-Â mấy tuổi, tên họ là gì. Ông gõ bàn hoài không ngừng. Ngài Phạm Công Tắc hỏi Ông ở đâu thì được cho bài thi:

Thi

*Trời trời mình không mới thiệt bản,
Một nhành sen trắng nấu nường thân.
Ở nhà mượn đám mây xanh kịt,
Đỡ gót nhờ con hạc trắng ngân.
Bố hóa người đời gây mối Đạo,
Gia ân đồ đệ dựng nền nhân.
Chùng nào đất dậy trời thay xác,
Chư Phật, Thánh, Tiên xuống ở trần.*

Đến ngày 18-8-1925 (1-8 Ất Sửu), cô Đoàn Ngọc Quế giảng bàn, các ngài hỏi rằng: “Em còn có chị em nào nữa biết làm thi, xin cầu khẩn đến dạy ba anh em Qua làm thi”. Cô Đoàn Ngọc Quế trả lời: “Có chị Hồn Liên Bạch, Lục nường với Nhứt nường làm thi hay lắm”. Và cô lại thêm: “Ba anh muốn cầu thì ngày đó ba anh phải ăn chay, cầu mới được”¹

Ba ngài vâng ý cô Đoàn Ngọc Quế, ngày cầu, ba ngài đều ăn chay.

Đến ngày 25-8-1925 (8-8 Ất Sửu), Đấng A-Ă-Â giảng dạy ba ngài vào rằm tháng 8 năm đó thiết tiệc chay thỉnh Đức Diêu Trì Kim Mẫu và chư vị Cửu nường đến dự. Đến ngày 14-8 âm lịch thì Đức Nhân Âm Đạo Trưởng giảng cho thơ mời các ngài họa.

Thi

*Rừng tòng ngày tháng thú quen chùng,
Nhuộm mắt dòm coi thế chuyển luân.*

1 Những lời đối thoại trên đây đều trích trong sách “Đạo Sử Xây Bàn” của bà Đầu sư Hương Hiếu.

*Rượu cúc một bầu Trăng gió hứng,
Non sông dạo khắp lối đêm Xuân.*

Bài họa của ngài Phạm Công Tắc như vậy:

Họa vận.

*Cuộc thế lắm than đã quá chừng,
Ai là những bậc vẹn thường luân?
Thiếu quang nhật thúc không chờ đợi,
Tế thế an bang phi kiếp xuân.*

Đến ngày 1-9-1925 (15.8 Ất Sửu) tại nhà ngài Cao Quỳnh Cư, số 134 Bourdais (nay là đường Calmette, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh) giữa nhà lập bàn hương án, chưng các hoa thơm và xông trầm trọn ngày. Các ngài mặc quốc phục quỳ trước hương án cầu nguyện các Tiên nương dự tiệc. Lễ bái xong các ngài cũng ngồi vào bàn tiệc. Bà Nguyễn Thị Hiếu (tức bà nữ Đầu sư Hương Hiếu) gấp đồ ăn để vào chén cho 9 vị và trên bàn thờ Đức Phật Mẫu. Đó là thể pháp tượng trưng cho bí pháp của Đạo Cao Đài, mà hàng năm về sau đến ngày tháng này đều tổ chức lễ Hội Yến Diêu Trì Cung do Hiệp Thiên Đài chủ trì.

Sau đó các ngài xây bàn, Đấng A-Ă-Â giáng cho bài thi và Đức Phật Mẫu cùng Cửu vị Tiên nương mỗi vị đều giáng cho một bài mà ngày nay hàng năm thài để hiến lễ.²

* **Phật Mẫu**

*Cửu kiếp Hiên Viên thọ sắc Thiên
Thiên thiên cửu phẩm đắc cao huyền
Huyền hư tác thế Thần Tiên nữ*

2 (Xem Công đức Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Nữ Phật – Trần Văn Rạng).

Nữ hảo thiện căn đoạt cửu Thiên.

*** Nhứt nương**

*Hoa thu ủ như màu thẹn Nguyệt
Giữa thu ba e tuyết Đông về
Non sông trải cánh Tiên lờ
Mượn câu thi hứng vui đề chào nhau.*

*** Nhị nương**

*Cẩm tú văn chương hà khách đạo?
Thi Thần tửu Thánh vấn thùy nhân?
Tuy mang lấy tiếng hồng quần
Cảnh Tiên còn mẩn côi trần anh thư.*

*** Tam nương**

*Tuyển đức năng hành Đạo
Quảng trí đắc cao quyền.
Biển mê lắc lẻo con thuyền,
Chở che khách tục Cửu Tuyền ngăn sông.*

*** Tú nương**

*Gấm lót ngõ chùa vừa gót ngọc,
Vàng treo nhà ít học không ưa.
Đội trang nho sĩ tài vừa,
Đẳng giao khởi phụng chẳng ngừa Tiên thi.*

Ngũ nương

*Liễu yếu điệu còn ghen nét đẹp
Tuyết trong ngần khó phép so thân
Hiu hiu nhẹ gót phong trần
Đài sen mấy lượt gió Thần đưa hương.*

*** Lục nương**

*Huệ ngào ngạt đưa hơi vò điệu,
Đứng tài ba chẳng thiếu tư phong
Nương mây như thả cánh hồng,*

Tiêu điều phát phướn cõi tòng đưa Tiên.

* **Thất nương**

*Lễ bái thường hành tâm Đạo khởi
 Nhân từ tái thế tử vô ưu.
 Ngày Xuân gọi thế hảo cừ,
 Trăm duyên phước tục khó bù buồn Tiên.*

* **Bát nương**

*Hồ Hồn hoa sen trắng nở ngày
 Càng gần hương đẹp lại càng say.
 Trêu Trăng hằng thói dẫu mày,
 Cột mây tranh chúc Phật đài thêm hoa.*

* **Cửu nương**

*Khiết sạch duyên trần vẹn giữ,
 Bạc Liêu ngôi cũ còn lời.
 Chính chuyên buồn chẳng trọn đời,
 Thương người noi Đạo, Phật trời cũng thương.*

Nhờ mười bài thi trên mà ta biết tên, phong cách và việc làm của Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên nương¹.

Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung ngày rằm tháng 8 là ngày các con nhớ ơn báo hiếu Đức Mẹ, biểu tượng cho nguồn sống (vườn đào là sự trường tồn) và nguồn vui (ngày lễ anh em tú phương về sum họp). Ngày 16-8 al là ngày Đức Mẹ đãi yến các con (giờ phát quà cho nhi đồng tại Trai đường).

Đức Phạm Hộ Pháp giải rõ (15-8 Kỷ Sửu) như sau: “Cổ Pháp định cho các chơn hồn về nơi Diêu Trì Cung hưởng được Hội Yến Bàn Đào, uống được Tiên tửu, mới nhập vô cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống”.

1 (Xem Công đức Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Nữ Phật-cùng tác giả).

Khi tái cầu, cô Lục nương (*tức Jeanne d'Arc*) giảng cho thêm bài (*Xem Đạo sử cương, quyển 1*) và mời ngài làm thi liên ngâm. Bà xướng:

1. Liên ngâm I

*Trót đã đa mang cái nợ đời,
Gánh đời nặng lắm khách trần ơi.*

LỤC NƯƠNG

*Oằn vai Thần Đạo non sông vắng,
Chịu kiếp trần ai gió bụi vùi.*

CAO QUỲNH CƯ

*Thương hải tang điền xem lắm lúc,
Công danh phú quý nhắm trò chơi.*

PHẠM CÔNG TẮC

*Ở đời mới hẳn rằng đời khó,
Khó một đôi năm dễ khó đời.*

CAO HOÀI SANG

2. Liên ngâm II

*Ở thế sao chê tiếng thế buồn,
Buồn vui hai lẽ lấy chi đong.*

LỤC NƯƠNG

*Cân đai tuế nguyệt trêu hồn bướm,
Tên tuổi phong ba lắm bụi hồng.*

CAO QUỲNH CƯ

*Chiếc bách đập đồn dòng bích thủy,
Phồn hoa mờ mịt giấc huyền lương.*

PHẠM CÔNG TẮC

*Bờ dương chờ đặng phong trần rảnh,
Quả gánh thơ đòn đạo bốn phương.*

CAO HOÀI SANG

▪ (*Đạo sử xây bàn Tây Ninh 1967, trang 16*)

Thu

*Im lìm cây cỏ vẫn in màu,
 Mờ mịn vườn Xuân điểm sắc Thu.
 Gió dậy xao trời mây cuốn ngọc,
 Sương lồng ướt đất liễu đeo châu.
 Ngựa vàng ruỗi vó thoi đưa sáng,
 Thơ ngọc trao gương đậm vẽ lâu.
 Non nước điều hiu Xuân vắng chúa,
 Nhìn quê cảnh úa giục cơn sầu.*

* LỤC NƯƠNG

Nhờ tình thân mật đó, Lục Nương cho biết cô Đoàn Ngọc Quế là Thất nương Diêu Trì Cung.

Đêm 14-9-1925 (29-8 Ất Sửu) khi xây bàn, Đấng A-Ă-Â giáng, ba vị hỏi sao lâu quá không đến. Ngài đáp rằng vì tiết lộ Thiên cơ cho ba vị nên bị Ngọc Hư bắt tội. Ba ngài phải lập hương án giữa trời để chịu tội thay cho Đấng A-Ă-Â. Đến ngày rằm tháng 9 năm đó Đấng A-Ă-Â giáng cho một bài thi.

Thi

*Một tòa Thiên các ngọc lâu lâu,
 Liền bắc cầu qua nhấp nhóa sao.
 Vạn trượng then cài ngăn Bắc Đẩu,
 Muôn trùng nhịp khảm hiệp Nam Tào.
 Chư Thần lóa mắt màu thường đổi
 Liệt Thánh kinh tâm phép vẫn cao
 Đòi đổi chộp giăng doanh đờ nổi
 Vững bền muôn kiếp chẳng hề xao.*

CHƯƠNG III: TIÊU NGŨ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

▶ Đêm 31-12-1925 (15-11 Ất Sửu) Đấng A-Ã-Â giảng dạy:

“Ba con thương Thầy lắm há?”

Con thấy đặng sự hạ mình của A-Ã-Â như thế nào chưa? Con có thấu đáo cái quyền năng của Thầy chưa? Người quyền thế lớn nhất như vậy có thể hạ mình bằng A-Ã-Â chăng?

A-Ã-Â là Thầy.

Thầy đến với các con thế ấy, con thương Thầy không?

Cao Quỳnh Cư bạch: Thấy nhưn sanh chưa rõ sự huyền diệu của Thầy, họ nói phạm thượng, ba con bình vực Thầy, ba con cãi vả với họ.

Thầy biết... Cười...

Sự nhỏ nhẹ của Thất Nương đó, con bằng mấy mún gì chưa? Học hỏi sự nhỏ nhẹ ấy.

Sự cao kỳ của Lục Nương, con có đặng mấy mún gì chưa? Học hỏi sự cao kỳ ấy.

Sự nhân đức của Nhứt Nương, con có chút đỉnh gì chưa? Phải học sự nhân đức của Nhứt nương.

Tình nghĩa yêu mến của con có bằng Bát Nương không? Phải học.

Sự kính nhường, ba con bằng Cửu Nương chăng? Phải học.

Phải học tình nhân ái, trung tín, cứu giúp. Ba con có đặng như Cửu Thiên Nương Nương (tức Đức Phật Mẫu) chăng? Phải học gương.

Hạ gương tận diệt, Thầy sai Thân, Thánh, Tiên, Phật và chính mình Thầy, vì thương chúng sanh cũng

hạ mình đến với các con, mượn việc xây bàn đưa giỡn với các con để các con vui mà học Đạo, hầu khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cứu vớt chúng sanh”.

Tuyên ngữ **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ** đến nay mới được khai chúng. Năm 1920, đấng Thượng Đế đến dạy Đạo ngài Ngô Văn Chiêu ở Phú Quốc chỉ xưng là Cao Đài Ngọc Đế, nhiều người lầm tưởng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phát xuất từ Phú Quốc.

Trong “*Đại Đạo căn nguyên*” của Nguyễn Bảo Pháp xác định rõ ràng: “*Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phát nguyên tại Sài Gòn. Trước kỳ Khai Đạo, Thượng Đế đã truyền lệnh cho chư Thần, Thánh, Tiên, Phật giáng cơ nhiều chỗ đặng cảnh tỉnh nhơn tâm, cùng để lời Tiên tri rằng Đại Đạo hoằng khai. Như đàn tại Miếu Nổi (Bến Cát, Gò Vấp, Gia Định) đêm 17.6 năm Quý Hợi (30-7-1923) Tào Quốc Cựu đại Tiên giáng cơ dạy như vậy:*

“Khá ráng luyện Đạo kẻo uổng, vì Đạo là món báu trong trời nên mới gặp Đạo mở kỳ ba. Hữu duyên đắc ngộ Tam Kỳ độ”.

Đàn tại Đất Hộ (chùa Ngọc Hoàng Đa Kao), đêm 22-7 Quý Hợi (2-10-1923) Huệ Quang Đại Đế giáng cơ như vậy:

*HUỆ phát Tam Kỳ Đạo dĩ khai
QUANG minh từ hưởng thượng tam tài
ĐẠI phúc kim đờn Thần đắc ngộ
ĐẾ quân giáng hạ nhữ vô tai*

Xem thế, “*Tam Kỳ Phổ Độ*” lập giữa chợ Sài Gòn. Đó là lối tu chợ hay tu tâm. Tu giữa chợ mới gọi là “*đại ẩn ẩn thành thị*” hay “*Nhứt tu thị, nhị tu sơn*”. Cách tu, lối tu theo thời cuộc mà biến đổi cho phù hợp với đời. Thời còn ăn lông ở lỗ, hang núi là nơi ở thiên nhiên.

nên con người chọn lối tu núi tức tu Tiên. (Đức Ngô Minh Chiêu hành Đạo vô vi ở núi Phú Quốc). Khi con người biết quần tụ cất nhà để ở thì nảy ra lối tu chùa. Người sanh đẻ càng ngày càng đông giành giựt nhau từ miếng ăn, manh áo. Khổng Tử kêu gọi con người phải giữ bát điều mục, sinh ra lối tu tế của nho giáo. Xã hội ngày càng tiến bộ, chỗ nào cũng có người, chỗ nào cũng có chợ thì có lối tu chợ tức tu tâm. (Đạo Tâm). Xét qua quá trình các phương pháp tu từ tu núi, tu chùa, tu tế, tu chợ, chắc chắn tu chợ là lối tu khổ luyện nhất.

Những điều vừa trình bày trên không thể nào nói cơ phổ độ thoát thai từ bên vô vi. Và cũng không thể nói: “Một Thánh Thất (tức Trước Lý Minh Đài, nhà của Chưởng nghiêm pháp quân Nguyễn Phát Trước) thuộc phần phổ độ để các môn đệ bên vô vi giữa Thánh ý truyền bí pháp lại cho hàng đệ tử thiện căn” (Đồng Tân, Lịch sử Đạo Cao Đài, Sài Gòn, Cao Hiên 1972, trang 113). Vì chính Thánh thất này khai sinh quyển Đại thừa chơn giáo (1936), sau khi Đức Ngô Minh Chiêu qui vị ba năm. Thế thường người ta phân biệt vô vi, phổ độ là hai mà quên lời dạy của Đức Chí Tôn “Cùng nhau một Đạo tức cùng Cha”. Chẳng lẽ vô vi mà không phổ độ, phổ độ theo kiểu vô vi chớ! Còn phổ độ chẳng lẽ không tịnh luyện nhưng phần phổ độ chúng sanh theo tuyên ngữ “đại ân xá” vượt trội hơn mà thôi.

Vô vi và phổ độ song hành như lẽ trời đất phải có dương âm: “Thầy lập bát quái (có quả Càn Khôn ở trên) mà tác thành Càn Khôn thế giới” (Lý giải quả Càn Khôn, Trần Văn Rạng). Có âm dương mới sanh sanh hóa hóa, nhờ đó mà Đạo mới truyền tới thất ức niên đặng.

Đức Cao Đài Tiên Ông (*biểu tượng phần dương*) dìu dẫn Đức Ngô Minh Chiêu thờ Thiên-Nhãn. Đức Phật Mẫu và Cửu Nương (*biểu tượng phần âm*) độ dẫn nhóm Cao, Phạm vào Đạo. Điều đó là một Tiên triệu quá hiển nhiên. Nói theo Dịch lý, trong âm có dương và trong dương có âm. Khi gọi là dương vì dương trỗi hơn âm và khi gọi là âm vì âm nhiều hơn dương có thể thôi. Nói rõ hơn, khi gọi là vô vi vì lo vô vi nhiều hơn phổ độ và khi gọi là phổ độ vì lo việc hoằng Đạo nhiều hơn tịnh luyện, chớ không phải không có tịnh luyện.

Đạo Cao Đài là bao la đại đồng, nếu không thấy được đại đồng mà chỉ thấy tiểu dị thì làm sao gọi là Đại Đạo. Đạo đã truyền bao nhiêu thập niên mà người Đạo lẽ nào chưa thông lý tưởng đại đồng?

Các ngài lúc bấy giờ chưa rõ mỗi Đạo lớn là thế nào và giáo lý ra sao hay lấy giáo lý các tôn giáo đã có.

Thế nên đêm 2-1-1926 (18-11 Ất Sửu), Đấng Cao Đài Thượng Đế giảng dạy:

“Cư, Tắc hai con đừng lấy làm việc chơi nhé. Thầy dặn hai con một điều: nhứt nhứt phải đợi lệnh Thầy, chảng nên lấy ý tứ riêng mà phán đoán nghe.”

Phận sự hai con, trách nhiệm hai con Thầy đã định trước, song ngày giờ chưa đến, phải tuân lời Thầy nghe. Từ đây Thầy khởi sự dạy Đạo”.

Ngày 2-1-1926 là ngày lịch sử trong khoảng đời tâm linh của ngài Phạm Công Tắc và Cao Quỳnh Cư, vì từ đây Đức Chí Tôn mới thật sự dạy Đạo cho các ngài. Vì vậy các ngài gặp điều gì khó khăn thì triệu thỉnh các đấng thiêng liêng. Đêm mừng 4 tháng đó, Đức Chí Tôn giảng cơ quả rằng:

“Thầy đã nói A-Ã-À là Thầy, Diêu Trì Cung là cung Diêu Trì, các Thánh đều có quả đó là những đấng Thầy lựa sai đến dạy dỗ mấy con, đừng triệu thường vì mỗi vị đều có phận sự riêng.

Chư Tiên và chư Thánh đều có quả, song đừng triệu về mà chơi, kỳ dư có điều gì học hỏi”.

Đến ngày 9-1-1926 (25-11 Ất Sửu), Đấng Cao Đài Thượng Đế giảng dạy các ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đến đường Quai Testard-Chợ Lớn. (bây giờ là đường Châu Văn Liêm) độ ông Lê Văn Trung, ngài Phạm Công Tắc có vẻ không bằng lòng vì:

“Buổi nọ, ông Lê Văn Trung đang làm Thượng nghị viên, hội đồng thượng nghị viện thời Pháp lớn lắm. Ông là người Nam duy nhất làm đến bậc đó thôi. Ông là người quá sức đời, tôi và đức Cao Thượng Phẩm (tức ông Cao Quỳnh Cư) không hạp chút nào. Tôi kỵ hơn hết, nhứt định không làm điều đó được. Một ông quan trong thời mất nước không thể tả hết.

Khi chúng tôi ôm cái cơ đến nhà ngài đặng Đức Chí Tôn độ. Mục đích của chúng tôi là Đức Chí Tôn bảo đâu làm đó vậy thôi. Khi vô tới nhà chúng tôi thú thật với ngài rằng: Chúng tôi được lệnh Đức Chí Tôn đến nhà anh phò loan cho Đức Chí Tôn dạy Đạo.

Ông biết Đấng đó hơn chúng tôi vì vào khoảng tháng 5 Ất Sửu (tháng 6-1925) tại Chợ Gạo (Chợ Lớn) nơi nhà Nguyễn Bá Vân có thiết đàn thỉnh Tiên, ông Nguyễn Hữu Đắc có đưa ông Lê Văn Trung đến hầu đàn nhiều lần. Khi Đức Lý độ ông Trung ngộ Đạo thì mắt ông sáng lên. Đàn Chợ Gạo từ đó bị bế. Nghĩa là dù ai có cầu các đấng vẫn không giáng.

Lo sắp đặt bàn ghế, sửa soạn buổi phò loan rồi bắt ông nhập môn.

Trong nhà có một người con nuôi tên là Thạnh còn nhỏ độ 12 tuổi. Hai cha con kiếm được cơ đâu không biết, vái rồi cầu cơ. Khi phò loan thặng nhỏ ngủ, ông thì thức. Cơ chạy hoài. Ông hỏi thì Đức Chí Tôn trả lời, chỉ có hai người biết với nhau mà thôi. Từ đó ông mới tin có Đức Chí Tôn”.

- *(Theo bài thuyết Đạo đêm Giáp Ngọ của Đức Phạm Hộ Pháp).*

Thật ra nội dung của đàn cơ là Đức Cao Đài cho ngài Lê Văn Trung biết, chính ngài đã truyền lệnh cho Đức Lý độ dẫn ông nơi đàn Chợ Gạo. Đức Chí Tôn dặn rằng: *“Trung nhứt tâm nghe con. Sống cũng nơi Thầy và thác cũng nơi Thầy. Con lấy sự sáng của con mà suy lấy”* (Theo Đại Đạo Căn Nguyên của Nguyễn Bảo Pháp, 1930).

Từ lúc chấm dứt việc xây bàn thay vào phò cơ thì hai ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc làm đồng tử nên tất cả những bài từ trước của các đấng giáng cho đều do cặp cơ nguyên thủy này viết ra. Vì vậy ngài Cao Hoài Sang thấy mình hơi thừa, rồi lần lần ít chịu đi hầu đàn. Các ngài mới xin Đấng Cao Đài để lời dạy bảo. Đấng Cao Đài Thượng Đế giáng rằng: *“Nó thật thừa, vả lại nó còn mang xác phàm. Ai dưới thế này đặng trọn vẹn, các con chỉ cho Thầy coi?”*

Các ngài đã thọ làm môn đệ Đấng Cao Đài đã lâu nhưng chưa thờ vì chưa biết cách thức thờ thế nào nên mới xin dạy cách thức để thờ thì Đấng Cao Đài Thượng Đế dạy: *“Đến Chiêu xem cách thức nó thờ Thầy, bảo nó hiệp một với các con”*.

Vâng lệnh Đấng Cao Đài, các ngài Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc đến nhà ông Ngô Văn Chiêu ở số 110 đường Bonnard (*nay là đường Lê Lợi, Tp. Hồ Chí Minh*) để quan sát cách thờ. Ngài Ngô Văn Chiêu thờ Thầy rất kỹ, tận trên cao và ngay chính giữa nhà thật kín đáo. Có ai đến chơi nhà, khó mà biết được vì ông là người rất dè dặt, không phải là bạn tu thì không bao giờ chỉ dẫn.

Vào năm 1921 lúc làm chủ quận Phú Quốc, một buổi sáng lối 8 giờ, Đức Chí Tôn đã hiện con mắt (*Thiên-Nhãn*) nhiều lần và dạy ngài cách thờ. Năm 1924, ngài đổi về Sài Gòn thì cũng tiếp tục thờ Thầy (*Thiên-Nhãn*) và tu đơn như trước. Kịp đến khi Đức Chí Tôn chuyển cơ phổ độ cho nhóm ngài Phạm Công Tắc thì các ngài đến đây để xem cách thờ phượng về truyền bá trong Đạo hữu.

Vì ngài Lê Văn Trung rộng rãi, ngày 15-12 Ất Sửu, ngài thượng Thánh tượng Thiên Nhãn có mời các ông Ngô Văn Chiêu, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Nguyễn Trung Hậu, Vương Quan Kỳ, Đoàn Văn Bản, Nguyễn Văn Hoài, Trương Hữu Đức, Võ Văn Sang, Lê Văn Giảng, Lý Trọng Quý, Lê Thế Vinh... Đấng Cao Đài giảng cơ dạy: “*Thầy vui thấy các con thuận hòa cùng nhau. Thầy muốn các con như vậy hoài. Ấy là lễ hiến cho Thầy rất trang trọng.*”

*Chẳng quản đồng tông mới một nhà
Cùng nhau một Đạo tức cùng cha
Nghĩa nhân đành gửi thân trăm tuổi
Dạy lẫn cho nhau đặng chữ hòa.*

CAO ĐÀI TIÊN ÔNG

CHƯƠNG IV: THAM THIÊN LƯƠNG ĐỊA

I. NGŨ PHẦN PHÁP THÂN HƯƠNG

Trong chiếc lư hương trên Thiên Bàn luôn luôn có năm cây hương xếp thành hai hàng. Hàng trong có ba cây tượng trưng tam tài (*thiên, địa, nhơn*), hàng ngoài có hai cây. Đủ năm cây tượng trưng cho ngũ khí, cũng tượng trưng cho ngũ phần pháp thân hương (*giới hương, định hương, huệ hương, tri kiến hương, giải thoát hương*).

Trong phép tu luyện, người tu hành không dễ gì mà tiến thẳng đến giai đoạn siêu phàm nhập Thánh đó mà phải qua năm giai đoạn tùy theo công đức mình nhiều hay ít: giới, định, huệ, tri kiến và giải thoát. Cứ qua một giai đoạn tu tập trên đây thì con người sẽ có một thứ hương thơm riêng. Nghĩa là năm sự thơm lành hợp lại tạo nên pháp thân.

Vì thế năm thứ hương ấy quý nhất, quý hơn bất cứ loại hương nào bằng vật chất mà nhơn sanh cúng dâng lên Đức Chí Tôn.

II. THAM THIÊN LƯƠNG ĐỊA

Trên Thiên Bàn còn có ba ly rượu, tách nước trà và tách nước trắng tượng trưng nguyên lý tham thiên lương địa.

Một ly nước trắng và một ly nước trà ($1+1=2$), số 2 là số lưỡng địa nên phải cúng đủ ba ly rượu (*số 3 là số tham thiên*).

Như ta đã biết, số dương là những số lẻ 1, 3, 5, 7, 9 và số âm là những số chẵn 2, 4, 6, 8, 10. Trong các số trên thì số $9 = 1+3+5$ là do toàn số lẻ (*dương*) cộng lại

mà thành nên số 9 được gọi là số thuần dương hay lão dương tức số trời (*thiên*) và số $6 = 2+4$ là do toàn số chẵn (*âm*) cộng lại mà thành nên số 6 được gọi là số thuần âm hay lão âm tức là số đất (*địa*).

Ngoài ra số trời $9 = 3 \times 3$ tức là gấp ba lần ba nên số 3 được gọi là số tham thiên (*ngang với trời*) còn số đất $6 = 2 \times 3$ tức là hai lần ba nên số 2 gọi là lưỡng địa (*hai lần mà thành đất*). Do đó hai số 2 và 3 gọi là số tham thiên lưỡng địa. Số 2 và số 3 hợp lại tạo thành số 5 là số của hành thổ. Thiệu Khang Tiết nói rằng: “*Thổ giả âm dương, lão thiếu, mộc, hỏa, kim, thủy xung khí chi, sở kết dã*” (*Thổ là nơi mà âm dương, tứ tượng (lão thiếu là lão dương, lão âm, thiếu dương, thiếu âm) cùng các hành mộc, hỏa, kim, thủy kết hợp tất cả với nhau tạo thành Khí Hư Vô*).

Như vậy thổ (số 5) là nơi chứa Khí Hư Vô (*tức Đạo*) và đầy đủ cả âm dương, ngũ hành.

Lại nữa, hai số tham thiên lưỡng địa là đầu mối của việc lập quẻ, chế ra hào. Thuyết Quái Truyện viết rằng: “*Tham thiên lưỡng địa nhi ý số, quan biến ư âm dương nhi lập quái, phát huy ư cương nhu nhi sinh hào*” nghĩa là: dựa vào hai số tham thiên (số 3) lưỡng địa (số 2) để quan sát sự biến hóa của âm dương mà lập quẻ, phát huy được cứng mềm mà sinh ra các hào.

Vậy đã có hai rồi thì phải có ba cho đúng luật tham thiên lưỡng địa vậy.

Gần đây, nguyên lý 3, 2 (*tham thiên, lưỡng địa*) đó đã được đem áp dụng vào khoa vật lý học nguyên tử. Nguyên là có hai nhà bác học người trung hoa là Lý Chính Đạo (*Lee Tsung Dao*) và Dương Chấn Ninh

(Yang Chen Ninh) đã đem thí nghiệm và chứng minh được rằng khi một hạt nguyên tử nổ thì sẽ phóng ra những ly tử âm và ly tử dương dài không đồng đều nhau, tia ly tử dương bao giờ cũng dài 3 đơn vị và tia ly tử âm dài 2 đơn vị nghĩa là theo đúng luật $3/2$ của hai số tham thiên lưỡng địa. Nhờ cuộc thí nghiệm và chứng minh thành công này, hai nhà vật lý trẻ tuổi đã được giải thưởng Nobel về vật lý học năm 1957.

Bảo Ba, một triết gia Trung Hoa đã giải thích về hai chữ tham (*tham thiên*) và lưỡng (*lưỡng địa*) như sau: “*Có thể lia nhau được là tam (ba), không thể lia nhau được là tham (ba). Có thể lia nhau được là nhị (hai), không thể lia nhau được là lưỡng (hai)*”-Nguyễn Hữu Lương, Kinh Dịch với vũ trụ quan Đông Phương, trang 152).

Tóm lại, việc chưng bày ba ly rượu cùng hai tách nước trên thiên bàn thật là đúng theo nguyên lý tham thiên lưỡng địa của dịch học vậy.

Ngoài ra tham thiên còn thể hiện qua ba bửu tháp của Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh và lưỡng địa thể hiện hai tháp phía sau là Ca Bảo Đạo, Trương Hiến Pháp.



1. ĐỨC HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC.

Đức Ngài sanh vào tiết Đoan, ngọ (5.5) năm Canh Dần (21.6.1890) bên bờ sông Vàm Cỏ Tây, làng Bình Lập, tỉnh Tân An (nay là Long An).

Đức Ngài là con thứ tám trong gia đình, thân phụ là Phạm Công Thiện và thân mẫu là La Thị Đường.

Thuở thiếu thời ngài Phạm Công Tắc là một thiếu niên khỏe mạnh, tư chất thông minh đỉnh ngộ. Có điều lạ vì sanh nhằm ngày Khuất Nguyên, trăm mình xuống sông Mịch La, cũng là ngày Lưu Thần, Nguyễn Triệu nhập Thiên thai nên thỉnh thoảng ngài ngủ thiếp

đi như người chết, khiến cả nhà lo âu, bà cụ cố buồn rầu sợ ngài mệnh bạc.

Năm 1896, Ngài cấp sách đến trường tiểu học, có lúc học chữ nho rồi sau học trường Chasseloup-Laubat (nay là trường Jean-Jacques Rousseau, đường Hồng Thập Tự, Sài Gòn).

Ngài cũng tham gia phong trào Đông Du do hai ông Gilbert Chiếu (*Trần Chánh Chiếu*) và Dương Khắc Ninh nhưng không xuất dương qua Nhật được do phong trào bị mật thám Pháp phát hiện. Ngoài ra, Ngài tham gia viết các báo như: Công luận, La Cloche fêlée (*Chuông rè*) của Nguyễn An Ninh, La voielibre... (*Tiếng nói tự do*), Nông cổ Mín đàm, Lục tỉnh tân văn.

Năm 1910 Ngài vào làm thư ký sở thương chánh Sài Gòn. Năm sau 21 tuổi, Ngài vâng lệnh mẫu thân lập gia đình với bà Nguyễn Thị Nhiều, hạ sanh được tám người con, nhưng còn hai cô Phạm Hồ Cẩm và Phạm Hương Tranh.

Vào năm Ất Sửu (1925) để tìm hiểu huyền vi và bị mật thiên liêng, Đức Ngài cùng quý ông Cao Quỳnh Cừ, Cao Hoài Sang, Cao Quỳnh Diêu... họp nhau xây bàn tại nhà ông Sang gần chợ Thái Bình. Vong linh đầu Tiên nhập bàn là cụ Cao Quỳnh Tuân thân sinh của Ngài Cừ. Trong các Chơn-Linh đó có một vị xưng là A-Ấ-Ấ.

Ngày 25-4-1926 (14-3 *Bính Dần*) tại nhà Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật, Ngài thọ thiên ân Hộ Pháp, chưởng quản Hiệp Thiên Đài.

Công nghiệp lớn lao của Đức Ngài là xây dựng Tòa Thánh. Đặt viên gạch đầu Tiên năm 1933, qua năm

1936 mới khởi công xây cất, đến năm 1941 công cuộc kiến trúc bên ngoài vừa hoàn thành nhưng chưa kịp trang hoàng thì Đức Ngài bị lưu đày. Năm 1946, Đức Ngài trở về nước tiếp tục sửa sang. Năm 1954 thì hoàn tất và lễ khánh thành tổ chức vào đầu tháng giêng năm Ất Mùi (1955).

Đức Ngài hết lòng xây dựng nghiệp Đạo, đem phương sách hay lo cho nhơn sanh. Vào đầu tháng 8 năm Ất Mùi (1955), vị Tổng Tư Lệnh quân đội Cao Đài khi được quốc gia hóa ra lệnh thành lập ban thanh trừng, bắt Đạo hữu giam cầm, cầm lỏng Đức Ngài tại Hộ Pháp Đường. Để tránh cảnh đồng Đạo tương tàn nên Đức Ngài tự lưu vong sang đất Cao Miên.

Mặt dầu nơi đất khách nhưng Đức Ngài vẫn âu lo cho nghiệp Đạo, cho quê hương đất nước nên Ngài ngọa bệnh không lâu, quy Thiên vào mùng 10 tháng 4 Kỷ Hợi (17-5-1959) hưởng thọ 70 tuổi.

2. ĐỨC THƯỢNG PHẨM CAO QUỲNH CỬ.



Đức Ngài tên Cao Quỳnh Cử sinh năm 1887 tại làng Hiệp Ninh, tổng Hàm Ninh Thượng, tỉnh Tây Ninh trong một gia đình thế phiệt nho phong. Đức Ngài là bào đệ của Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu và bạn đời là Nữ Đầu Sư Hương Hiếu. Đạo hạnh nhu hòa và ngôn từ chúng ái.

Đức Ngài đang làm sở tạo tác tại Sài Gòn thì Đức Chí Tôn Khai-Đạo, Ngài liền phước đời hành Đạo. Ngài cùng với quý ông Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang xây bàn buổi Đạo phôi thai.

Ngày 15-8 Ất Sửu (1-9-1925) Hội Yến Diêu Trì Cung

đầu Tiên tại nhà Ngài số 134 Bourdais (*nay là Calmette, Sài Gòn*).

Đến ngày 25-4-1926 (15-3 *Bính Dần*) Ngài thọ Thiên phong Thượng Phẩm cùng lượt với Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Thượng Sanh Cao Hoài Sang, Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt...

Tuy hành Đạo ngắn ngủi có 4 năm công nghiệp nhưng Đức Ngài đáng nêu vào Đạo sử cho người sau noi dấu.

Nhà Đức Ngài là nơi phát tích xây bàn để tiếp nhận những Thiên điệp đầu Tiên của Bạch Ngọc Kinh. Thế nên vào đêm 25-12-1925 Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế phán rằng: “*Nhà này (nhà Ngài) sẽ đầy ơn Ta, giờ ngày gần đến đời linh. Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa*”.

Đức Ngài phế thân hành Đạo trước nhứt và vững niềm tin hơn cả. Kiểu mẫu áo mào đầu Tiên làm tại nhà Đức Ngài do bà nữ Đầu Sư Hương Hiếu (*bạn đời của Ngài cắt may*).

Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung cũng nhập môn theo Đạo tại nhà Ngài vào 11-1-1926.

Đức Chí Tôn mượn đôi tay Ngài chấp nhang để trực Thần của Ngài Phạm Công Tắc ra để Chơn-Linh Hộ Pháp nhập vào đêm 13-5 *Bính Dần* tại nhà Lê Văn Trung.

Ngài cất tòa Thánh tạm đầu Tiên bằng tranh, di cốt Phật Tổ và an vị nơi Đại Đồng Xã.

Đức Ngài quy Thiên ngày 1-3 *Kỷ Tỵ* (1929) tại Thảo Xá Hiên Cung, thọ 42 tuổi, đắc vị Kim Tiên. Ngươn linh của Ngài là Hồn Chung Ly trong bát Tiên.

3. ĐỨC THƯỢNG SANH CAO HOÀI SANG.



Đức Thượng Sanh quý danh là Cao Hoài Sang, sanh ngày 11-9-1900 tại xã Thái Bình, tỉnh Tây Ninh. Thân sinh là cụ Cao Hoài Ân, thân mẫu là bà Hồ Hương Lự (nữ *Đầu Su*). Đức Ngài là con út trong gia đình có ba anh em. Người anh cả là Tiếp Đạo Cao Đức Trọng, chị là Giáo Sư Cao Hương Cường.

Sau khi thi đỗ bằng thành chung, Đức Ngài làm việc tại sở thương chánh (*tức quan thuế Sài Gòn*) cho đến chức tham tá thương chánh rồi hồi hưu. Thuở thanh niên, Ngài lập gia đình hạ sinh 9 người con. Trong thời gian làm viên chức, Ngài còn là một nhạc sĩ tài

hoa của trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn. Ngươn linh của Ngài là Lữ Đồng Tân, thối tiêu, một người thích tiêu dao với thiên nhiên.

Suốt quãng đời làm viên chức, Đức Ngài nổi tiếng thanh liêm dù làm ngành quan thuế có nhiều cám dỗ.

Vào hạ tuần tháng 7 năm 1925 Đức Ngài cùng các ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc họp nhau xây bàn, tìm hiểu cội vô hình, lần hồi Ngài ngộ Đạo và được thọ phong Thượng Sanh vào ngày 25-4-1926 cùng với quý ông kể trên.

Đức Ngài được Hội Thánh mời cầm giềng mối Đạo từ năm 1957 sau khi Đức Hộ Pháp lưu vong sang Nam Vang.

Trong 14 năm cầm quyền Đạo, Đức Ngài vững tay chèo chống thuyền Đạo lướt qua nhiều cơn khải đảo.

Ngày 18-1 Tân Hợi (13-2-1971) tại Hạnh Đường, Hội Thánh đãi tiệc chư Chức-sắc, chức việc và nhơn viên công quả, Đức Thượng Sanh đến dự và ban huấn từ có đoạn: *“Chúng ta phải đồng tâm nhứt trí tiếp lực giữ thanh danh của Tòa Thánh Tây Ninh, uy quyền của Hội Thánh và nhân cách phi thường của người tu thì dù gặp khó khăn cũng sẽ lướt qua để xây dựng cho nền Đại Đạo một tương lai sáng lạng và tươi đẹp hơn”*. Đây được xem như lời di ngôn của Đức Ngài.

Vì lo cho nền Đạo nên Đức Ngài ngộ bệnh rồi quy Thiên ngày 26-3 Tân Hợi (21-4-1971) hồi 17 giờ để lại niềm tiếc thương vô hạn cho Hội Thánh và toàn Đạo.

4. BẢO ĐẠO CA MINH CHƯƠNG.



Ngài Bảo Đạo quý danh Ca Minh Chương sanh năm Giáp Tý (1864) tại làng Mỹ Lộc, tổng Phước Điền Trung, quận Cần Giuộc (*Chợ Lớn*), nay thuộc tỉnh Gò Công.

Ngài trưởng thành trong một gia đình thuần phong nho giáo nên hấp thụ được tinh Thần Đạo đức. Bản tính Ngài ôn hòa khiêm cung được tiếng là người con chí hiếu. Thêm vào lòng quảng đại thương đời, dân trong làng đề bạt Ngài làm hương bộ. Với chức vụ này trong thời Pháp thuộc rất khó hành sự nhưng Ngài chẳng quản gian nan binh vực quyền lợi dân, chống

áp chế và các sắc thuế bóp nghẹt dân sinh. Song thế lực của bọn thực dân quá lớn, bọn xu phụ quyền thế quá đông, Ngài chán chê cảnh quan trường vinh nhục, cáo quan về làm giáo viên tại làng Mỹ Lộc, thanh bần để đào tạo tương lai dân tộc.

Với thời gian rảnh rỗi và tự do khoáng đạt của một nhà giáo, ngài theo Đạo Minh Sư, một trong Ngũ Chi Minh Đạo (*Minh Sư, Minh Thiện, Minh Đường, Minh Tân, Minh Lý*) trường trai giữ hạnh tu thân, vui cảnh nâu sòng gẩn như chuẩn bị cho mạng lệnh Thiên phong mai hậu.

Năm Bính Dần (1926), Đức Chí Tôn khai nền Đại Đạo, Ngài liền nhập môn cầu Đạo và được Thiên phong chức Bảo Đạo Chơn Quân trong Thập Nhị Thời Quân. Ngài phết đời hành Đạo, lu gia cất ái phò cơ truyền bá Đạo. Nhờ thiên tánh ôn hòa thuần lương, dân chúng yêu mến kính nể nên theo Đạo rất đông, chẳng mấy chốc khắp miền thôn quê hẻo lánh quê Ngài đều hiểu tôn chỉ Đạo Cao Đài.

Ngài còn mở trường Huyện Lộc và Bà Rịa (*nay là Phước Tuy*) cho trẻ em có nơi học hành vì thời Pháp thuộc, việc học rất hạn chế.

Vì quá miệt mài với trách nhiệm thiêng liêng, cộng vì tuổi cao sức yếu, vừa hành Đạo được 3 năm thì Ngài đăng Tiên ngày 19-10 Đinh Mão (1927) tại quê nhà, hưởng thọ 75 tuổi. Đám tang Ngài được cử hành theo lễ Đạo rất trọng thể, Bửu tháp xây tại làng Mỹ Lộc. Sau Hội Thánh rước xác Ngài về cải táng trên phần đất dành cho Hiệp Thiên Đài, nơi ngã tư Ao Hồ.

Dù đã trở về nơi Thiêng Liêng Hằng Sống với lòng

khoan dung đại độ của bậc Chơn Quân, Ngài đã giáng cơ nhường quyền hữu hình cho vị Hiến Tài Hồ Tấn Khoa với chức vị Bảo Đạo.

5. HIẾN PHÁP TRƯỞNG HỮU ĐỨC



Ngài Hiến Pháp tên thật là Trương Hữu Đức sanh ngày mùng 2 tháng 2 năm Canh Dần (1890) tại làng Hiệp Hòa (Chợ Lớn) con ông Trương Văn Tựu (*Thiên phong Giáo Sư phái Ngọc*) và bà Lê Thị Nhụy.

Ngài làm việc ở sở hỏa xa Sài Gòn, sau bị buộc sang làm thông dịch viên cho sở mật thám Nam Kỳ. Đến năm 1952, Ngài về nghỉ hưu ở Hiệp Hòa.

Năm 1925, Ngài sang nhà ông Cao Quỳnh Cư quan sát các ông Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Cư xây bàn. Ngài hoài nghi nên về tập làm thử thì vong linh người anh nhập bàn cho hai vị thuốc trị lành bệnh hậu của Ngài trên 20 năm qua. Ngài lại bắt chước Đức Phạm Hộ Pháp chấp bút chỉ được cho thi một lần duy nhất.

*Minh Đức mừng nay đã gặp Thầy
Chẳng còn ao ước cái không hay
Mừng cầu Âu, Á càng thêm mặt
Mừng cậu còn đồ đã chịu chay.*

Ngày Khai-Đạo (15-10 Bính Dần) Ngài đặc phong Hiến Pháp hợp cùng Bảo Pháp là cặp cơ truyền Đạo. Lắm lúc phải đi suốt đêm, có đêm Ngài phải lên tận chùa Gò Kén để chấp cơ cho nhơn sanh nhập môn cầu Đạo.

Ngài cũng nhờ Ôn-Trên bố hóa mà trị được các bệnh phù thủng, dịch tả, cảm... huyền diệu trị bệnh bằng nhân điện chỉ xảy ra trong giai đoạn đầu và chấm dứt huyền diệu đó năm 1927 khi có lệnh ngưng cơ bút.

Khi còn làm việc ở sở mật thám Nam Kỳ Ngài đã cứu Đạo ra khỏi sự hiểu lầm trầm trọng. Vốn là Đức Cao Thượng Phẩm ban hành bản “*Cáo phó chúng sanh*”, ngoài bìa có đề: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà không có chứa chữ Hán nên Nha tổng giám đốc sở mật thám Hà Nội dịch là “*Đạo lớn cứu vớt ba kỳ*”. Ngài phải dịch là “*Đạo lớn mở lần thứ ba*”.

Năm 1955, khi quốc gia hóa quân đội Cao Đài, Ngài mới trở về tòa Thánh làm việc. Năm 1956 Ngài cùng với Ngài Bảo Thế thay mặt Hội Thánh ký thỏa ước

Bính Thân, cam kết Đạo không làm chính trị.

Mặc dù Ngài không nhận đại diện cho phong trào Hòa Bình Chung Sống nhưng vẫn bị chánh quyền cấm trú 2 năm tại Sài Gòn.

Năm 1962 Ngài về tòa Thánh nhận chức vụ trưởng quản Bộ Pháp Chánh, trưởng ban kiểm duyệt, ban Đạo sử rồi quyền trưởng quản Hiệp Thiên Đài, sau đó lên thực thụ.

Thời trưởng ban Đạo sử, theo Thánh giáo của Đức Hộ Pháp (1969) Ngài chỉ Đạo Hiền Tài Trần Văn Rạng soạn quyển Đại Đạo Sử Cương, quyển sử đầu Tiên được in ấn trong Đạo Cao Đài.

Thời trưởng quản HTĐ, Ngài tiếp tục xây dựng cơ sở Đạo, phò cơ với ngài Khai Đạo phong 3 vị Bảo Quân và 3 vị Phối Sư. Vì tuổi già sức yếu, Ngài quy Thiên năm 1976, hưởng thọ 86 tuổi.

CHƯƠNG V: BÁT TIÊN GIẢNG TRẦN LẬP ĐẠO

HIỆC CHI TRÊN CÔI TUẦN HOÀN NÀY CŨNG DO THIÊN THƠ ĐỊNH SẴN. LÚC MỚI THÊU MÔN ĐỆ ĐẦU TIÊN, Đức Chí Tôn đã dùng huyền diệu cho Ngài Ngô Minh Chiêu thấy cảnh bồng lai để ham Đạo mà trọn tu làm người nhân chứng thứ nhứt trong Đạo. Chính cảnh Bồng Lai báo hiệu cho bát Tiên lâm phạm lập Đạo cứu đời.

Vào đêm 17-6 Quý Hợi (30-7-1923) tại Miếu Nổi, Tào Quốc Cựu giảng cơ khuyển tu như sau:

“Chư nhu có phúc có duyên nên mới gặp Đạo ở kỳ thứ ba. Hữu duyên đắc ngộ Tam Kỳ độ. Tiên Thánh đều lâm phạm mà độ kẻ Nguyên-Nhân” (Đại Đạo Căn Nguyên, năm 1930)

Miếu Nổi nằm trên cồn đất độ trăm thước ở giữa sông Bến Cát, một nhánh của sông Bình Lợi (Gia Định).

Theo sách Tư Nguyên và Quảng Sự Loại, bát Tiên là những người phạm tu thành Tiên. Kể thứ tự như sau:

- | | |
|-------------------|------------------|
| 1. Lý Thiết Quả | 5. Lam Thế Hòa |
| 2. Chung Ly Quyên | 6. Hà Tiên Cô |
| 3. Lữ Động Tân | 7. Hàn Trương Tử |
| 4. Trương Quả Lão | 8. Tào Quốc Cừu |

Trong kỳ ba giáo Đạo này, bát Tiên giảng trần phổ độ chúng sanh với thi phạm xác thật là:

- | | |
|-------------------|-------------------|
| 1. Lê Văn Trung | 5. Lâm Quang Bính |
| 2. Cao Quỳnh Cư | 6. Huỳnh Hương Hồ |
| 3. Cao Hoài Sang | 7. Vương Quan Kỳ |
| 4. Ca Minh Chương | 8. Ngô Văn Chiêu |

1. LÝ THIẾT QUẢ

Người đất Giáp, sinh đời nhà Tùy, tên là Hồng Thủy, tiểu tự Thiết Quả (*hay Quấy*). Người khô ngô, tu luyện ở Nham Động. Trước khi đi học với Lão Tử, Thiết Quả dặn đệ tử: “*Xác ta ở đây, hồn ta đi trong 7 ngày. Sau thời gian đó ta không về thì hủy xác*”. Mới 6 ngày, mẹ bị đau, người học trò vội hủy xác Thầy. Lý Thiết Quả xong việc trở về, không thấy xác, nên nhập vào tử thi của một kẻ hành khất. Do đó, Lý Thiết Quả có chân què, vẻ mặt và thân hình xấu xí, tay cầm bầu rượu.

Ông Lê Văn Trung (1876 – 1934) có gương linh của Lý Thiết Quả. Hai vị này có điểm giống nhau là cứu độ người. Người Chợ Lớn sinh ra trong một gia đình Nho phong. Ông rất thông minh năm 17 tuổi đã được bổ vào ngạch Thư ký Soái phủ Sài Gòn. Năm 1906, ông đắc cử Hội Đồng Quản Hạt. Năm 1911, ông đề xướng trường Nữ Học Đường, được Bắc Đẩu Hội Tinh.

Được Đức Cao Thượng Phẩm phổ độ, ngày 6-10-1925, ông từ chức Nghị viên để phước đời hành Đạo. Ngày 23-4-1925 đắc phong Đầu Sư, Thánh danh Thượng Trung Nhật. Ngày 03-10 Canh Ngọ Đức Lý Giáo Tông ban cho Ngài chức Quyển Giáo Tông hữu hình (1930).

Sau cơn bệnh nhẹ, Ngài vĩnh du Tiên cảnh vào ngày 13-10 Giáp Tuất (19-11-1934), liên đài được xây tháp phía sau Bát Quái Đài Tòa Thánh. Tính từ ngày Khai Đạo (19-11-1926) tại Gò Kén đến ngày Đức Ngài qui Tiên đúng 8 năm không thừa không thiếu 1 ngày. Điều ấy đúng vào con số Bát Tiên mà Ngài là người đứng đầu và trên cả chúng sanh.

Đức Phạm Hộ Pháp đề thơ (1949) như vậy:

*Bầu linh, gậy sắt quảy du Nam,
Nương bóng Từ Bi đến cõi phàm...
Bảy bạn, ai còn nơi cõi thế,
Đông du xin nhắc chuyện ông Lam.*

2. CHUNG LY QUYỀN

Chung Ly Quyền, tự Vân Phòng, người đất Hàm Dương, làm tướng đời Hớn, nên còn gọi là Hớn Chung Ly. Chung Ly râu dài, mặt sáng, mình cao tám thước nên được vua Hớn phong làm Nguyên soái đi đánh quân Phiên. Lý Thiết Quả thấy Chung Ly ham chinh chiến nên khiến cho thất trận chạy lạc vào núi gặp đệ tử ông Đông Huê. Ông ấy mời cơm chay rồi nói:

*“Công danh như bọt nước, phú quý như đèn trước gió.
Thừa dịp này, tướng quân nên đi tu, ham chi phú quý”.*

Chung Ly hỏi: *“Luyện phép chi được sống lâu?”.*

Đông Huê đáp: *“Trống lòng là đừng lo chi cả, đặc bụng là không ham mê sắc dục lo gì không trường thọ”.*

Chung Ly Quyền xin thọ giáo. Sau gặp Chính Dương Chơn Nhơn truyền thêm phép Tiên và đắc Đạo. Tay cầm cây Long tu phiến.

Ông Cao Quỳnh Cư (1887–1929) có gương linh của Chung Ly Quyền. Hai vị này có điểm giống nhau là tâm tu. Ông sinh trong gia đình Nho phong ở Hiệp Ninh (Tây Ninh).

Trong thời kỳ làm Thơ ký Sở Tạo Tác tại Sài Gòn, ông thường cùng các bạn họp xây bàn, được Đấng A Ồ A giảng đàn cho thi. Sau được Đức Phật Mẫu và Thất Nương hướng dẫn vào đường Đạo.

Ngày 23-4-1925, ông thọ phong Thượng Phẩm, sau

khi lập bàn Vọng Thiên cầu Đạo (1-11 *Ất Sửu*). Ngày 7-10-1926 lập thờ khai Tịch Đạo với chánh phủ Pháp. Ngày 18-11-1926 (14-10 *Bính Dần*) thiết Đại Lễ Khai Đạo tại Từ Lâm Tự.

Ngài phò cơ viết ra Bộ Pháp Chánh Truyền, thành lập Hội Thánh.

Năm 1928, Ngài bị khảo đảo, sau khi Thánh Thất dời về chùa mới ở làng Long Thành. Quá đau lòng, Ngài lâm bệnh và qui Tiên (1-3 *Kỷ Tỵ*) tại Thảo Xá Hiên Cung, liên đài được xây cánh trái trước Toà Thánh.

3. LỮ ĐỒNG TÂN.

Lữ Đồng Tân, tên là Nham, tên chữ là Động Tân, thuộc gia đình vọng tộc đời Đường.

Ông mắt phụng, mày tằm, tay dài như vượn, cổ cao, mũi thẳng, xương gò má nhô lên, thích ăn mặc như Đạo sĩ. Năm 20 tuổi lấy hiệu là Thuần Dương, thi đỗ cử nhân. Khi đến Trường An, Lữ Đồng Tân gặp Chung Ly Quyền trong một quán trọ. Chung Ly muốn ông đi tu nên bày việc nấu nôi kê. Trong khi Lữ Đồng Tân ngủ mê, thấy mình thi đỗ Trạng Nguyên, cập đệ, hai lần cưới con gái nhà quyền thế. Có sui gia, cháu nội ngoại đầy đủ. Con cháu đều đỗ đạt vẻ vang, hạnh phúc trong 40 năm. sau bị nịnh thần vu oan, bị tịch biên gia sản và bị đày qua núi Lãnh Biểu, cực khổ vô cùng, ông ôm mặt khóc rồi giựt mình thức giấc. Ông thấy Chung Ly Quyền còn nấu nôi kê chưa chín nên phá lên cười và nói: “*Huỳnh Lương do vi thực, nhất mộng đảo Hoa Tư*” (Nôi kê chưa chín, mộng đã đến nước Hoa Tư)

Rồi ông quay sang Chung Ly hỏi: “Ông biết tôi nằm

mơ thấy gì không?”.

Chung Ly đáp: “*Chiêm bao 40 năm, công việc cả muôn mà không đầy giây lát. Việc được không đủ mừng, việc mất không đủ lo, nhưng có ý thức đại giác, thế gian này chỉ là giấc mộng lớn mà thôi*”.

Lữ Đồng Tân nghe lời nói phải, giác ngộ, bèn lay Chung Ly Quyền và xin theo học phép Tiên. Sau Đồng Tân đắc Đạo, tay cầm thư hùng kiếm.

Ông Cao Hoài Sang (1900–1971) có người linh của Lữ Đồng Tân. Hai vị này có điểm giống nhau thích âm nhạc.

Ông sanh trong gia đình Đạo đức ở xã Thái Bình (Tây Ninh). Sau khi đỗ Thành Chung, ông vào làm việc ở Sở Thương Chánh Sài Gòn. Ông cũng ngộ Đạo một lượt với ông Cao Quỳnh Cư và đức phong Thượng Sanh (19–11–1926).

Ngày 16–7–1970, Ngài về hành Đạo tại Tòa Thánh với danh vị Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài. Ngày 21–1–1965, tạo tư cách Pháp nhân cho Đạo và đưa Ban Thế Đạo vào vai trò nhập thế.

Sau cơn cảm nhẹ, lúc 17 giờ ngày 21–4–1971, Ngài triều Thiên, đắc vị Kim Tiên.

4. TRƯƠNG QUẢ LÃO

Trương Quả Lão là con dơi trắng tu hành thành Tiên, làm bạn với Lý Thiết Quả, ở ẩn trong núi Trung Điền (Hàng Châu). Tên thật là Trương Quả, chữ Lão là già được người đời thêm vào.

Dưới đời Đường, niên hiệu Khai Phong (713–733), Võ Hậu cho triệu về Kinh, nửa đường ông giả chết.

Đường Minh Hoàng nhiều lần đem sắc rước, ông mới chịu ra và được phong là Ngân Thanh Lộc Đại phu. Sau ông xin về ẩn dật trên núi, lấy hiệu là Thông Huyền Tiên sinh, qui Tiên dưới đời Thiên Bảo (742-755).

Thật ra, thời nào người ta cũng thấy ông Tiên cuội lửa đó vì ông tự nói: “*Ta sinh năm Giáp Tý đời Nghiêu*”. Tay cầm cây gậy như một ông già (lão).

Ông Ca Minh Chương (1864-1927) là một nhà cựu học thâm nho, ở làng Mỹ Lộc (Chợ Lớn), có gương linh của Trương Quả Lão. Hai vị có điểm giống nhau đều sinh năm Giáp Tý và hay xuất hiện ở dương trần. (Ông Chương xuất hiện dưới xác của Hồ Bảo Đạo).

Ông bản tính ôn hòa, khiêm cung, được tiếng là người con chí hiếu. Thêm vào lòng quảng đại thương đời, dân trong làng cử ông làm Hương Bộ. Ông cho mở trường học huyện Phước Lộc ở Bà Rịa.

Khi Đạo mới khai, Ngài phế đời theo Đạo và đắc phong Bảo Đạo. Người cao tuổi nhất trong Đạo lúc bấy giờ. Vì tuổi cao lại miệt mài với trách nhiệm thiêng liêng, Ngài đăng Tiên vào ngày 19-10-Đinh Mão (1927) và giảng cho bài thi:

*Từ đây ra khỏi chốn nhơn gian
Thủy tú sơn tịnh thích chí nhân
Vì bởi lực căn lòng chẳng bợn
Cho nên mới đăng nhập Tiên bang*

5. LAM THỂ HÒA.

Lam Thế Hòa là ông Tiên bị đày đọa làm khách trần, tính tình thuần hậu nhất trong bát Tiên.

Ông thích mặc áo rộng màu xanh, buộc dây lưng đen.

thật to, một chân đi đất, một chân đi giày. Mùa hạ mặc áo lót bông, mùa đông nằm trên tuyết. Thường ngày, ông cầm cặp sanh dài 3 thước ta, vừa đi, vừa nhịp ca ngoài chợ mà kiếm tiền bố thí cho người nghèo.

Đạp ca Lam Thế Hòa

*Thế giới năng kỷ hà?
Hồng nhân nhất xuân thu
Lưu quang nhất trịch thoa
Cổ nhân hôn hển khứ bất phản
Kim nhân phân lai cánh đa
Triệu kỵ loan phụng cáo bích lạc
Mộ kiến tang điền sinh bạch ba
Trường cảnh minh huy tại không tế
Kim ngân cung khuyết cao ta nga*

Dịch ca:

*Nhịp chân ca Thái Hòa
Thế giới được bao lâu?
Nhan sắc như xuân cội
Thời hạn tựa thoi đưa
Người xưa không trở lại
Người mới đến quá thừa
Sáng cười loan trời thắm
Chiều dâng thành sóng xa
Không trung lâu đài sáng
Cung điện cao nguy nga*

Về sau, trong lúc uống rượu với Lý Thiết Quả nơi Hào Lương, bỗng trên mây có xe hạc, tiếng tiêu thanh thoát đưa hai ông bay bổng, trở về Tiên vị, tay ông cầm giỏ hoa lam.

Phối sư Thái Bính Thanh tên thật Lâm Quang Bính (1873 -1931) người Rạch Giá là người linh của Lam Thế Hòa. Hai vị giống nhau ở tánh tình thuần hậu, ý tứ từ hòa, thương người nghèo.

Ông được phong Giáo sư phái Thái ngay từ buổi đầu. Ông chưa rõ tự sự mới bạch rằng: Thưa thầy, Lam Thế Hòa mặc áo xanh, sao Thầy ban cho phái Thái (áo vàng). Đức Chí Tôn chuyển cơ viết: “Đó là bí pháp, con biết sao được”.

Vai trò của ông trong việc xây dựng Toà Thánh cũng rất lớn. “*Hộ Pháp, Thượng phẩm, nội trưã này phải cắm một cây viết vào đầu cơ, lấy một miếng giấy lớn, vào điện phò loan cho Lão vẽ (khuôn viên Toà Thánh). Bính Thanh phải có mặt, còn kỳ dư không cho ai vào điện hết, nghe à!*”

6. HÀ TIÊN CÔ

Hà Tiên Cô là người con gái mang họ Hà ở huyện Linh Lăng, tỉnh Hồ Nam, tên là Tố Nữ, sanh vào đời Đường.

Thuở nhỏ, trên đầu có 6 xoáy, mọi người lấy làm kỳ. Năm 15 tuổi, cô xin cha mẹ đến ở khe Vân Mẫu. Đêm nằm mộng thấy Tiên dạy ăn hột Vân Mẫu sẽ nhẹ mình và trường thọ.

Cô vội đi tìm hạt Vân Mẫu thì gặp Lý Thiết Quả và Lữ Đồng Tân đang hái thuốc. Thấy cô gần thành Tiên, Lữ Đồng Tân cho cô một quả Đào. Cô ăn mới nửa trái thì thấy không đói nữa, biết được mọi sự họa phúc, lành dữ trên đời. Mọi người cho cô là Thần Tiên, cất lều cho cô ở và gọi cô là Hà Tiên Cô.

Bà Võ Hậu nghe tiếng, cho người đến rước, đi được nửa đường, cô biến mất. Sau Lý Thiết Quả độ dẫn hai mẹ con, cô đều thành Tiên. Tay Hà Tiên. Cô cầm bông sen.

Hà Tiên. Cô là gương linh của bà giáo sư Hương Hồ (*Huỳnh Thị Hồ*) con gái của bà Đầu sư Hương Thanh (*Lâm Thị Thanh*). Bà Bát Nương giảng đàn, bà Hồ có kinh nguyệt không lên lâu được nên Bà Bát Nương dạy:

Thi

*Thân phận phàm như trước đã đành
Chẳng vì nguyệt huyết kỳ anh Linh
Ấm dương Nam Nữ hoa trên bướm
Hòa ái tương sanh thủy nhập bình
Tạo hóa ví tay xây đắp trí
Chúng sanh nên mặt tạo khuôn hình
Thợ trời đâu dễ chê đồ tạo
Tốt xấu sạch dơ tại miệng mình.*

Đó là một quan niệm tiến bộ của nền tôn tôn giáo

7. HÀN TRƯƠNG TỬ

Hàn Trương Tử sinh vào đời Đường, người huyện Nam Dương kêu Hàn Dũ (*tức Xương Lê*) bằng chú.

Thuở nhỏ, theo Lữ Đồng Tân học Đạo Tiên. Sau về quê gặp ngày sinh nhật Hàn Dũ. Hàn Dũ có ý trách Hàn Trương bỏ nhà đi lưu lạc. Hàn Trương liền thưa rằng: “*Xin chú đừng giận, cháu có nghề này xin kính mừng sinh nhật*”. Nói xong, Hàn Trương nhóm đất rồi trùm lại, trong giây lát dờ ra nhiều hoa nở, mỗi cánh đều có chữ vàng:

Vân hoành Tần Lĩnh gia hà tại

Tuyết ửng Lam quan mã bất tiền

Xương Lê không hiểu gì cả. Sau vì can vua sùng Đạo Phật mà bị đày ra Triều Châu. Khi đến Tần Lĩnh, Lam quan, Hàn Dũ được Hàn Trương ra đón. Hàn Dũ nhờ đó biết được ý hai câu thơ của Hàn Trương bèn làm tiếp:

*Nhứt phong triều tấu Cửu Trùng Thiên
Tịch phiến Triều Câu lộ bát thiên
Dục vị Thánh Triều trừ tộ sự
Khảm tương suy hũ tích tàn niên
Vân hoành Tần Lĩnh gia hà tại
Tuyết ửng Lam quan mã bất tiền
Tri nhữ viễn lai ửng hữu ý
Hảo thu ngô cốt chướng giang biên*

Dịch thơ:

*Buổi sớm dâng vua một bức thư
Triều Châu chiều đến bị đày lưu
Muốn vì Thánh chúa trừ tộ nạn
Đâu tiếc cuối đời vận đã suy
Tần Lĩnh mây che nhà chốn ấy
Ái Lam tuyết phủ ngựa không đi
Biết mi hảo ý từ xa đến
Thu nhật cốt ta ở bến ni!*

Thấy Hàn Trương đoán không sai, từ đó Hàn Dũ mới trọng Đạo. Rạng ngày, Hàn Trương dâng cho chú một bầu thuốc, nói: “Chú uống thuốc này khỏi bệnh và khôn bao lâu nữa được phục chức nhờ bài văn tế cá sấu”.

Nói rồi, Hàn Trương từ biệt chú. Về sau, nhờ vua tể đuổi được cá sấu, Hàn Dũ được phục chức cũ.

Hàn Trương thành Tiên, người đời gọi là Hàn Trương Tử hay Tương Tử, tay cầm ống tiêu.

Ông Vương Quan Kỳ (1880–1940) người tỉnh Chợ Lớn, cháu nội thống chế Vương Quang Hạc, ông ngoại là nhà nho yêu nước Huỳnh Mẫn Đạt. Ông là tri phủ Sở Thuế Thâu Sài Gòn.

Song thân ông Kỳ là Vương Quan Đế và Huỳnh Thị Bảy. Ông học Lyce'e Chasseloup, đậu Diplôme, cùng làm việc với ông Ngô Văn Chiêu ở dinh thống đốc Nam Kỳ.

Ông theo Đạo được Đức Chí Tôn phong phẩm Giáo sư (26.4.1926) và cho bài kệ

Bài kệ

*Nhứt nhứt tâm hề nhứt nhứt tâm
Niên đáo tâm hề Đạo khả tấn
Vô lao công quả tri đương tác
Niên hóa niên hề Đạo tối tâm.*

Ông Kỳ là bào đệ của Vương Quan Trân, thân sinh cô Vương Thị Lễ (tức Thất Nương Diêu Trì Cung) hướng dẫn tam vị thiên sứ học Đạo buổi đầu. Trong “Con đường thiêng liêng hằng sống” Đức Phạm Hộ Pháp nói về ông như sau:

“Bản Đạo nói rõ người ấy là Vương Quan Kỳ chú ruột của Thất Nương. Người mở Đạo mà chẳng biết Đạo là gì hết và cả hành tàng (người ấy) nếu chúng ta thấy sẽ lên án là tả Đạo bàng môn chắc hẳn vậy. Người đó bạn Thiên phục giống hình đội mào Giáo Sư, áo tốt lại dắt vai, mào cầm nơi tay, bạn quần cụt ở trần đi ngật ngờ, ngật ngưỡng cười một mình không biết cười cái gì, đi ngang qua Bát Quái Đài, như không vậy”. Đó là gương linh của Hàn Trương Tử thích phóng túng tiêu dao.

8. TÀO QUỐC CỬU

Tào Quốc Cửu (*hay Cựu*) tên Hữu, là con trai thừa tướng Tào Ban, người đất Linh Thọ, em hoàng hậu, vợ của Tống Thái Tổ.

Tào Hữu, tướng khôi ngô đẹp đẽ, được vua và hoàng hậu quý mến, nên tặng cho một bài vàng. Ngược lại, người em ỷ thế hại dân. Sợ liên lụy, Tào Hữu bán hết sản nghiệp bố thí cho dân nghèo, rồi mặc đồ Đạo sĩ đi tu.

Tào Hữu gặp Lữ Thuần Dương, bị Tiên Ông nầy gạn hỏi: Đạo ở đâu mà tu? Tào Quốc Cửu chỉ trái tim.

Thuần Dương cười nói: Lòng là trời, mà trời là Đạo, đã biết cội rễ, tu chắc thành Tiên.

Tào Quốc Cửu hay Cựu xin thọ giáo và đắc Đạo. Tay cầm cặp sanh. Năm 1923 Tào Quốc Cựu giảng đàn Bến Cát (*Gò Vấp*) “*Hữu duyên đắc ngộ Tam Kỳ độ*” báo trước Đạo Tam Kỳ xuất hiện.

Ông Ngô Văn Chiêu (1878–1932) sinh tại Bình Tây, Chợ Lớn có gương linh của Tào Quốc Cựu. Hai vị giống nhau ở điểm lánh trần. Năm 1920 ông làm chủ quận Hà Tiên, rồi ra Phú Quốc mà ngộ Đạo Cao Đài. Năm 1921, Tiên Ông giảng dạy ông “*Chiêu, tam niên trường trai*”.

Một buổi sáng ngồi trên võng. Ngài bỗng thấy một con Mắt thật lớn chói lọi như mặt trời. Ông sợ vái rằng: “*Bạch Tiên Ông như phải Tiên Ông dạy đệ tử thờ Thiên Nhân, xin cho biến tức thì*”. Ông vái xong, Thiên Nhân lu dần rồi mất.

Năm 1924, do lời cầu xin, ông đã thấy được cảnh Bồng Lai. Sau đó, ông đổi về Sài Gòn liên lạc với nhóm.

xây bàn Cao Quỳnh Cư.

Đàn đêm 14-4-1926, Đấng Chí Tôn ban cho Ngài phẩm Giáo Tông. Nhưng vì tu theo vô vi nên không đi phổ độ.

Ngài về Cần Thơ lập phái Chiếu Minh vô vi rồi liễu Đạo trên sông Cửu Long (1932) và đắc vị Quốc Cựu Minh Chiêu (gồm đủ tên người linh và Thánh danh).

*Từ ngày xa thế đến Tiên bang
Lo lắng như sanh bước lạc đàng
Đức rộng cao dày là quý báu
Đặng lên Bồng cảnh chép biên hoàng*

Từ lâu, có sự hiểu lầm giữa Toà Thánh Tây Ninh truất phẩm Giáo Tông của Ngài Ngô Minh Chiêu. Thật sự, Ngài Lê Văn Trung chỉ là quyền Giáo Tông, dù sau khi Ngài Ngô Minh Chiêu đăng Tiên. Ngài Lê Văn Trung do Đức Lý phong cho để giữ Đạo về mặt hữu hình. Đạo Cao Đài từ trước tới nay chỉ có một Giáo Tông duy nhất với tịch Đạo Thanh Hương. Toàn Đạo hiện vẫn theo tịch Đạo đời Giáo Tông thứ nhất.

Bát Tiên tiền bối dự Hội Yến, được Đức Phật Mẫu ban rượu quỳnh tương và trái đào Tiên. Còn được bốn Nữ nhạc Đồng Song Thành, Vương Tử Phá, Hứa Phi Yến và An Phát Trinh đào, sáo, ca múa hầu chư Tiên Hội Yến. Ngày nay, chư vị thời quân, các Chức-sắc có người linh Bát Tiên, trong đêm Hội Yến, đứng hầu Đức Phật Mẫu và Cửu vị Nữ Phật, đãi tiệc, rót rượu, vừa thực hiện bí pháp truyền thống vừa thực hành thể pháp dương gian.



- **Từ trái qua hàng trước:** Ngô Minh Chiêu, Lâm Quang Bính
- **Hàng giữa:** Lê Văn Trung, Vương Quan Kỳ, Cao Hoài Sang
- **Hàng cuối:** Huỳnh Hương Hồ, Cao Quỳnh Cư, Ca Minh Chương

PHẦN THỨ BA: PHÁP CHÁNH TRUYỀN, TÂN LUẬT

CHƯƠNG I: ĐỨC CHÍ TÔN PHONG THÁNH

1. THẦY TRỰC CHƠN-THẦN PHẠM CÔNG TẮC (14-3 BÍNH DẪN)

Ngày 14-3 Bính Dẫn, Thầy trực Chơn-Thần Phạm Công Tắc để hiệp nhứt với Chơn-Thần Vi Hộ Pháp trong lễ Thiên phong tại nhà ngài Lê Văn Trung.

“Lịch, con đã nghe những lời thầy dặn há?”

Ngày mai lại để thêm một cái bàn dựa bên cửa sổ đằng trước ngõ vô (tại nhà Ngài Lê Văn Trung ở Chợ Lớn).

Cứ nghe dặn: Con biểu Tắc tắm rửa sạch sẽ; xông hương cho nó, biểu nó lựa một bộ đồ tây cho sạch sẽ; ăn mặc như thường, đội nón, cười... Đáng lẽ nó phải sấm khô giáp như hát bội mà mặc nó nghèo nên Thầy không biểu. Bắt nó lên đứng trên, ngó mặt vô cho ngay ngôi Giáo Tông, lấy 9 tấc vải điều đắp mặt nó lại, biểu Đức, Hậu đứng gần em, kéo xuất hồn nó té tội nghiệp. Khi chấp cơ rồi xong xả, hai con mặc Thiên phục vào rồi thì nó mới leo lên.

Lịch, con viết một lá bùa Giáng Ma Xử đưa cho Tắc nó cầm. Hai con mặc đồ thường, chừng nào Thầy triệu Ngũ Lôì và Hộ Pháp về rồi, Thầy biểu mặc vô thể mới đặng. Mấy con mai sẽ nghe dạy thêm.

► TÁI CẦU:

Bàn Thầy giáng cơ thì để trước Bàn Ngũ Lôì, khi giáng rồi thì dời đi cho trống chỗ đặng nhị vị Đầu Sư quì mà thể.

Cứ, khi đem ba bộ Thiên phục để vọng trên ba

cái ngai, thì con phải chấp bút bằng nhang như mọi lần. Đặng Thầy trấn Thần trong 3 bộ Thiên phục và ba cái ngai ấy, rồi mới kêu hai vị Đầu Sư đến quì trước bửu ngai của nó đặng Thầy vẽ phù vào mình, rồi biểu Giảng xuống lên. “*phục vị*” thì hai người leo lên ngai.

Cả thầy môn đệ đều quì xuống, biểu Tắc nó leo lên bàn, con chấp bút bằng nhang đến bên Bàn Ngũ Lôi đặng Thầy trực xuất Chơn-Thần nó ra, nhớ biểu Hậu, Đức, xông hương tay của chúng nó, như em giựt mình té thì đỡ, rồi mới biểu hai vị Đầu Sư xuống ngai, đến trước mặt Ngũ Lôi, quì, hai tay chấp trên đầu cúi ngay bùa Kim Quang Tiên là thế như vậy:

“Tôi là Lê Văn Trung tự thiên ân là Thượng Trung Nhứt và Lê Văn Lịch tự thiên ân là Ngọc Lịch Nguyệt, thể Hoàng Thiên Hậu Thổ trước bửu pháp Ngũ Lôi rằng: Làm tròn Thiên Đạo và diu dắt mấy em chúng tôi đều là môn đệ của Cao Đài Ngọc Đế, nhứt nhứt do lệnh Thầy phân định, chẳng dám chuyên quyền mà lập thành tả đạo, như ngày sau hữu tội, thì thể Ngũ Lôi tru diệt”.

Đến bàn Vi Hộ Pháp cũng cúi xuống vái y như vậy, đều câu sau như vậy: “*Như ngày sau phạm Thiên điều thể có Hộ Pháp hành pháp Đạo Tam đồ bất năng thoát tục*”.

Rồi mới biểu Giảng xuống lại nữa. “*phục vị*” thì nhị vị Đầu Sư trở lại ngai trên ngai.

Chư môn đệ đều đến lạy mỗi người 2 lạy.

Tới phiên các môn đệ từ người đến bàn Ngũ Lôi mà thể rằng:

“Tên gì...Họ gì...: thể rằng từ đây biết một Đạo Cao

Đài Ngọc Đế, chẳng đổi dạ, đổi lòng, hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì thiên tru địa lục”.

Tới trước Bàn Hộ Pháp cũng thế như vậy, rồi mới đến lạy nhị vị Đầu Sư.

Cứ bạch hỏi Thầy: – Các môn đệ đều đến bàn Ngũ Lô và Vi Hộ Pháp mà thế và đến lạy nhị vị Đầu Sư, còn anh Chiêu thì thế nào?

– Thầy sẽ đợi lòng sám hối của nó, vì đã lo sợ cầu khẩn Thầy mấy bữa rày. Nó cũng phải lạy như các môn đệ khác vậy. 11 giờ rưỡi Thầy giảng cơ, phải biểu Lịch nó lập nghi cho có lễ phép. Nghe và tuân theo.

2. THẦY PHONG THÁNH LẦN ĐẦU TIÊN (NGÀY 15-3 BÍNH DẦN)

CAO ĐÀI

Hỷ chư nhu,

Kim triều dĩ đáo Thiên Trung Quang,

Ấm hiểu thế tình tánh đức nan.

Chỉ đãi thời lai quang minh tu,

Tả ban thiếu đức, hữu ban mang.

Ráng hiểu.

- **Đức, Hậu:** phong vi Tiên Đạo Phò Cơ Đạo Sĩ.
- **Cư:** phong vi Tá Cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ.
- **Tắc:** phong vi Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ.
- **Trung, Lịch:** đã thọ sắc, cứ tước vị mà theo sắc mạng Ta.
- **Kỳ:** phong vi Tiên Sắc Lang Quân Nhậm Thuyết Đạo Sư.
- **Bản:** phong vi Tiên Đạo Công Thần Thuyết Đạo Sư.
- **Trung:** xin phẩm vị để như cũ và xin đừng cho

chư môn đệ lạy.....

- Ta nhận lời điều trước, còn điều sau phải tuân.

Chư môn đệ đồng quì lạy Thầy xin thứ tội cho ông Chiêu.

- Chiêu thiếu đức thiếu tài. Trung, con sợ ai?

Ta không vị ai. Ta biết hơn người.

Ta há không biết thương sao? Ấy cũng vì thiếu đức. Nó đã biết Ta.

Cư, tuân lời Thầy đã truyền mà thi hành.

THĂNG

3. ĐẠO KHAI THÌ TÀ KHỞI (29-6 BÍNH DẦN)

“Các con chớ ngại, ngày nay Đạo khai tức tà khởi. Vậy thì các con phải hết lòng hết sức mà gìn giữ lấy mình, đã chẳng phải giữ mình các con mà thôi, lại còn gìn giữ cả môn đệ Thầy nữa.

Cư, Tắc, Sang con ôi! Lập Đạo thành chẳng tại nơi ba con. Con đã nghe quyền hành của yêu quỷ, Thầy cho lớn đến bực nào. Chẳng phải cơ thử Thánh Tiên Phật mà thôi, lại là công bình thiêng liêng của tạo hóa.

Nếu hai đầu cân chẳng song bằng thì tiếng cân chưa đúng lý. Tự nơi các con làm thế nào cho bên Thánh đức nặng hơn tà mưu thì làm mới ra công quả.

Nội Nam phương này, như có mặt cho tà Thần yêu quái sợ thì duy có ba con. Vậy ráng giữ gìn cho thanh khiết”.

4. THẦY PHONG THÁNH LẦN THỨ HAI (NGÀY 1-7 BÍNH DẦN)

“Thơ, con dắt mấy em con đi Cần Giuộc vì tà mị

muốn nhiều hại môn đệ Thầy ở dưới. Quan Thánh và Quan Âm đợi các con xuống.”

Đi lập tức.

Tương, con không hiểu ngày nay là thế nào?

Chư Thần Thánh Tiên Phật cả thấy đều náo động cũng vì các con.

Quý Vương đến trước Bạch Ngọc Kinh xin hành xác và thử thách các con. Thầy chẳng chịu cho hành xác. Chúng nó hiệp tam thập lục động toan hại các con nên Thầy sai Quan Thánh và Quan Âm đến gìn giữ các con, nhưng phần đông chưa lập Minh Thế nên chư Thần Thánh Tiên Phật không muốn nhìn nhận.

Vì vậy mà Thầy sai mấy đứa nhỏ xuống đặng chung hiệp cùng con mà tức cấp lập thành và luôn dịp phong Thiên ân cho Tương, Kim và Thơ. Vậy con phải kêu chúng nó hội cho đủ mặt nội đêm nay.

“Các con nghe TỊCH ĐẠO:

THI

*THANH Đạo tam khai thất ức niên,
Thọ như địa quyển thanh hòa Thiên,
Vô hư qui phục nhưn sanh khí,
Tạo vạn cổ đàn chiếu Phật duyên.*

THANH là Tịch các con.

Vậy thì: “

- *Tương là Thượng Tương Thanh*
- *Kim là Thượng Kim Thanh*
- *Thơ là Thái Thơ Thanh. Phải dùng tên ấy mà thế.”*

CHƯƠNG II: ẮN TỔNG KINH VÀ HIẾN CHÙA

1. NGÀI THƠ XIN ẮN TỔNG KINH VÀ THÁNH TƯỢNG THIÊN NHÂN (NGÀY 12-7 BÍNH DẦN)

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ viết CAO ĐÀI
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

“Hỷ chư môn đệ, chư thượng đẳng nhưn sanh.

Trung, Thơ, hai con cho thượng số cầu Đạo rồi mời thượng đẳng nhưn sanh xuất ngoại đặng Thầy dạy việc.

Thơ, đem mào Thầy coi, con.

Hay cho Lâm Thị Ái Nữ, con tôi ưa hoa hòe quá! Trúng lắm, nhưng mà con vợ con nó làm coi lằng quằng trong đó quá, lại thiếu 6 cung kia nữa, thầy mặc nó! Đừng sửa nó hờn. Biểu ái nữ để bông sen coi phải hơn là để bông mai, còn mấy phía, chớ chi con Thầy nó làm nhánh dương liễu với mấy chữ Bát Quái nó làm lớn hơn mà dài xuống một chút nữa.

Thơ đưa áo lên cho Thầy coi. Đặng, phải vậy, mặc vào con. Tốt quá con há! Ấy là Tiểu phục, còn Đại phục thì đội mào và vấn khậu đỏ. Đặng rồi đó con, biểu thêu cho khéo nghe”.

Ngài Thái Thơ Thanh phát tâm muốn ắnn tổng kinh Nhựt Tụng và Thánh tượng Thiên Nhân phát cho bốn Đạo, bạch:

- Con xin in kinh đặng phát ra cho môn đệ.
- Đặng con, Thầy dặn con in chung làm một cuốn.
- Xin Thầy cho con in thêm 4000 Thánh tượng.
- Đặng. Thầy cảm ơn con.
- Thưa Thầy, con muốn lập một nhà hàng cơm.

chay.

- Hay cho con lắm, Thầy chịu.
- Thưa Thầy, cho ai coi hàng?
- Tính toán với nhau, đũa nào cũng đặng.

Tới thời điểm này, những bài kinh mà Đạo Cao Đài đã thỉnh được là:

Các bài Kinh thỉnh nơi **Minh Lý** (*Tam Tông Miếu*):

- ▣ **Niệm Hương,**
- ▣ **Khai Kinh,**
- ▣ 4 bài Chú,
- ▣ **Kinh Sám Hối,**
- ▣ Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối,
- ▣ **Kinh cầu Siêu,**
- ▣ **Bài Xưng Tụng Công Đức Thần Thánh Tiên Phật.**

Các bài do Ngài Ngô Văn Chiêu đưa qua:

- ▣ **Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế,**
- ▣ 4 Bài Dâng : Hoa, Rượu trắng, Rượu nho, Trà,
- ▣ Kinh cầu Cơ,
- ▣ Bài Thúc cơ (*Mừng thay*).

Ba Bài Kinh Tam Giáo:

- ▣ **Phật giáo,**
- ▣ **Tiên giáo,**
- ▣ **Nho giáo,**

do Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt sưu tầm và soạn ra từ các bài kinh của chi **Minh Sư** theo lệnh của Đức Chí Tôn.

Bốn Kinh Nhứt Tụng mà Ngài Thái Thơ Thanh ấn tống, đề tựa là: “*Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Kinh*”, in tại nhà in “*Xưa Nay*” năm 1926, gồm các bài Kinh sau đây:

- **Niệm Hương.**
- 4 bài Chú : Tịnh Khẩu, Tịnh Tâm, Tịnh Thân, An Thổ Địa.
- **Khai Kinh.**
- **Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.**
- 3 Bài Kinh Tam giáo : Thích giáo, Tiên giáo, Nho giáo.
- 4 Bài Dâng : Bông, Rượu trắng, Rượu lế, Trà.
- Kinh Cầu cơ, bài Mừng thay!
- **Kinh Sám Hối và Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối.**

Song song với việc ấn tống kinh Cao Đài bằng chữ quốc ngữ, Ngài Thái Thơ Thanh cũng ấn tống kinh bằng chữ Hán Nôm, để dùng cho những tín đồ cổ học.

Bốn nầy chưa có in. Bài Ngũ Nguyên, vì Bài Kinh nầy mới được các Đấng thiêng liêng ban cho vào cuối năm Bính Dần do đàn cơ tại nhà Ngài Thái Thơ Thanh ở Tân Định.

Cho nên khi in kinh đợt nhì, vào năm Đinh Mão (1927), nhà in Union, bà Hương Thanh ấn tống, bìa kinh đề là: “*Phụng Thừa Thiên Mạng, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*” nơi trang đầu có in hình tam vị Thánh tổ tam giáo, trang kế là bài Kinh Ngũ Nguyên, còn phần sau thì giống như quyển kinh in đợt nhứt. Và cũng tương tự như đợt nhứt, bà Hương Thanh in thêm kinh của Đạo Cao Đài bằng chữ Hán Nôm dành cho người cổ học, không thông chữ quốc ngữ.

Phần Kinh đặc biệt của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Kinh Tận Độ Vong Linh thì các Đấng chưa ban cho.

2. HÒA THƯỢNG NHƯ NHÃN HIẾN CHÙA GÒ KÉN CHO ĐẠO CAO ĐÀI (NGÀY 16-7 BÍNH DẦN)

Nhắc lại khi trước, hai ông bà Nguyễn Ngọc Thơ và

Lâm Ngọc Thanh nhập môn vào Đạo Cao Đài và được Đức Chí Tôn ban cho phép hôn phối (14-6 *Bính Dần*), hai ông bà bàn tính làm thế nào để độ thầy mình là Hòa Thượng Như Nhân theo Đạo luôn, nên bày tỏ ý kiến này với Ngài Lê Văn Trung.

Ngài Trung và ông Thơ cậy ông Phạm Tấn Đãi ra nhà Ngài Cao Quỳnh Cư để cậy hai Ngài Cư và Tác vào nhà ông Thơ lập đàn cầu Thầy, rồi ông bà mời Hòa Thượng Như Nhân đến hầu đàn để Đức Chí Tôn độ Hòa Thượng theo Đạo Cao Đài.

Đức Chí Tôn giảng cơ cho Hòa Thượng Như Nhân biết về việc Đức Chí Tôn mở Đạo là để chấn hưng Phật giáo, cả Lão giáo và Nho giáo nữa, vì tam giáo từ lâu đã thất chơn truyền.

Hòa Thượng suy nghĩ rất nhiều, bởi vì từ lâu nay, Hòa Thượng ôm ấp mộng chấn hưng Phật giáo, nên đã lo xây dựng chùa Từ Lâm nơi Gò Kén Tây Ninh để làm cơ sở đào tạo một lớp tu sĩ Phật giáo mới có trình độ Đạo đức cao và trình độ Phật học chánh tín để thực hiện mục tiêu này, vì Phật giáo đang trên đà xuống dốc và phân tán trầm trọng.

Việc lập cơ sở thì tương đối dễ, nhưng việc tuyển chọn để tập hợp được một số Thánh tăng chơn tu có trình độ Phật học uyên thâm, có quyết tâm vì Phật pháp để chấn hưng Phật pháp, làm nòng cốt hoàng pháp thì rất khó, gần như chưa thể thực hiện được trong lúc này. Hòa Thượng đang bận tâm rất nhiều về việc ấy thì Đức Chí Tôn đến, hé ra cho Ngài thấy một triển vọng mới rất tích cực có thể đạt đến mục tiêu chấn hưng cả Tam giáo.

Cách ít lâu sau, như có sự thúc giục của Ôn-Trên, Ngài Lê Văn Trung cùng với Ngài Lê Văn Lịch, Nguyễn Ngọc Thơ, Lâm Ngọc Thanh và hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc vào viếng Hòa Thượng Như Nhãn nơi chùa Giác Hải ở Phú Lâm. Ông Trung trình bày với Hòa Thượng về tình hình của nền Tân tôn giáo do Đức Chí Tôn mới mở ra, yêu cầu Hòa Thượng hợp tác trong công cuộc chấn hưng Tam giáo.

Hòa Thượng Như Nhãn còn đang phân vân về việc chấn hưng Phật giáo, nên do dự chưa quyết. Ngài Lê Văn Trung đề nghị Hòa Thượng cho lập một đàn cơ tại Bửu Điện của chùa để cầu Ôn Trên giúp ý kiến. Hòa Thượng liền bằng lòng, hai Ngài Cư và Tắc phò loan.

Thầy giảng cơ nói với Hòa Thượng Như Nhãn như sau:

► Ngày 16-7 Bính Dần.

THÍCH CA MẪU NI PHẬT tá danh
CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT
Giáo Đạo Nam Phương

Như Nhãn hiển đồ, nghe dạy:

Vốn từ Đạo bị bế lại thì phần nhiều hữu công tu mà thành thì ít thành, Ta rất yêu thương.

Hiển đồ có lòng giữ gìn Phật tông chánh pháp, cái địa vị cao thượng của Ta ban cho hiển đồ từ thử là cốt để đợi cho tới ngày khởi định lập pháp Tam Kỳ Phổ Độ, cho hiển đồ có đủ quyền thế mà hành chánh với Ta.

Thiên cơ khó lậu, nếu tỏ tường chơn pháp của Lô Âm Tự và Bạch Ngọc Kinh ra thì chưa ắt ngày nào Đạo đặng mở, Tam giáo qui nhứt.

Hiền đồ cũng hằng trông mong cho Đạo đặng vậy.

Hiền đồ đủ hiểu, Thánh Đạo Gia Tô lập Đạo sau hết mà Thánh quyền cao thượng là chừng nào chưa? Tiếc cho Tiên Đạo và Phật Đạo là mối Đại Đạo đã khai từ mới tạo thiên lập địa. Mỗi sự chi cũng hữu chung hữu tử, cái tận tất là đến cuối cùng, mà hễ cuối cùng chẳng dứt thì phải qui nguyên lại trước, nên gọi là tuần hoàn.

Ngày nay là buổi tuần hoàn Đại Đạo, thiên địa hoàng khai, Ta trông công hiền đồ mà lập thành cho nước Nam làm chủ nền chơn Đạo của Ta. Nơi đây là Thánh địa, Ta lập Thánh thất. Hiền đồ có lòng giúp Ta chăng?.....

Chỉ hiệp làm một mà thôi, vì Ta đã nhứt định đến với huyền diệu đặng chuyển Phật giáo lại cho hoàn toàn. Hiền đồ đừng ái ngại.

Cứ khá đọc Thánh Ngôn cho Như Nhãn hiền đồ nghe:

* THĂNG

Hòa Thượng Như Nhãn cảm động lời dạy của Đức Chí Tôn nên bằng lòng hiến chùa Từ Lâm ở Gò Kén (*Tây Ninh*) cho Đạo Cao Đài làm Thánh Thất.

Kể từ đây, Ngài Lê Văn Trung thường xưng với các tín đồ Phật giáo và với chánh quyền Pháp, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Phật giáo chấn hưng hay Phật giáo canh tân (*Bouddhisme Renové*).

Về sau Đức Lý Giáo Tông mới dịch chữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là "***Troisième Amnistie de Dieu en Orient***" tức là Ân Xá Kỳ Ba của Thượng Đế ở Phương Đông, khi Đức Lý dạy làm 6 cái ấn của 3 vị Chưởng Pháp và 3 vị Đầu Sư ngày 18-1 Đinh Mão (*dl 19-2-1927*).

CHƯƠNG III: PHÁP CHÁNH TRUYỀN

1. CÁC ĐÀN CƠ PHỔ ĐỘ ĐẦU TIÊN

Sau ngày Ngài Ngô Văn Chiêu tách riêng ra, Đấng Thượng Đế thân phục được nhiều vị trí thức và danh giá như: Đốc Phủ Lê Bá Trang, Đốc Phủ Nguyễn Ngọc Tương, Đốc Phủ Lê Văn Hóa, Đốc Phủ Mạc Văn Nghĩa, hai vợ chồng ông huyện Nguyễn Ngọc Thơ, ông Lê Văn Lịch, Đại Lão Sư Nguyễn Văn Tương, ông Nguyễn Văn Kinh, Thái Lão Sư Trần Đạo Quang, ông Lâm Quang Bính, cả thầy đều là những trang rường cột trong nền Đại Đạo.

Chư vị phò loan, ngoài 5 ông: Cự, Tắc, Sang, Hậu, Đúc, lại thêm được mấy ông: Cao Quỳnh Điều, Ca Minh Chương, Phạm Văn TƯƠI, Phạm Tấn Đãi, Nguyễn Văn Kim, Trần Duy Nghĩa, Trương Văn Tràng, Huỳnh Văn Mai, Võ Văn Nguyên.

Ban đầu, mấy ông: Trung, Kỳ, Cự, Tắc, Sang, Hậu, Đúc, Bản, Giảng, mỗi đêm đều tựu lại, khi ở nhà ông Trung (*Chợ Lớn*), khi ở nhà ông Cự (*Sài Gòn*), khi ở nhà ông Bản (*Cầu Kho*) để cầu Đấng Thượng Đế giảng cơ dạy Đạo.

Hễ mỗi lần có chư nhu đến nhập môn, Đúc Chí Tôn dạy phải đến đại đàn tại Cầu Kho. Vì vậy mà nhà ông Đoàn Văn Bản trở thành một cái đàn lệ; rồi được gọi là tiểu Thánh thất. Thánh thất Cầu Kho ban đầu rất chật hẹp, đồ đạc thiếu trước hụt sau, vì chủ nhà lúc bấy giờ đương ở trong vòng bản chật, không đủ sức mua sắm để thờ cho xứng đáng. Bàn thờ thì chỉ là một cái ghế nhỏ bằng cây giá tị, Thiên Nhân thì vẽ trên một

mảnh giấy cao chừng 3 tấc, ngang độ 2 tấc. Chiều và đậm cũng không đủ trải ra lay. Tình cảnh tuy nghèo mà mấy chục bản Đạo mới không hỏng, cứ mỗi đêm thứ bảy là đến hầu đàn. Không bao lâu, có nhiều vị Đạo tâm lo sửa sang Thánh thất.

Ông Đốc Phủ Vương Quan Kỳ chưởng quản việc cúng tế trong đàn và thuyết Đạo. Các ông: Đoàn Văn Bản, Nguyễn Trung Hậu, Tuyết Tân Thành, Lê Thế Vĩnh lo sửa soạn dọn dẹp Thánh thất cho trang nghi. Ông Lê Văn Giảng, giáo Hiền, cùng một ít Đạo hữu lo sắm đồ đạc lặt vặt trong Thánh thất.

Trong lúc đó, quý ông: Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Trần Duy Nghĩa xuống cần Giuộc lập đại đàn, khi thì ở chùa Vĩnh Nguyên, khi ở chùa Hội Phước, thêm có ông Phủ Nguyễn Ngọc Tương, ông Phủ Lê Văn Hóa, ông Lê Văn Lịch và ông Ngô Văn Kim giúp sức vào, nên trong mấy quận: Cần Giuộc, Cần Đức, thiên hạ nhập môn nườm nượp, mỗi lần thiết đàn, số người nhập môn có đến hàng trăm.

Cách không bao lâu, Đức Chí Tôn dạy lập thêm 5 cái đàn phổ độ nữa, kể chung với đàn Cầu Kho là 6 cái, kể ra:

1. **Đàn Cầu Kho:** do ông vương Quan Kỳ chưởng đàn, sau có thêm mấy ông: Ngô Tường Vân, Nguyễn Văn Muôi, Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Văn Kinh cùng với ông Kỳ luân phiên nhau lo cúng kiếng. Ông Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức phò loan. Lo sắp đặt việc lễ có quý ông: Đoàn Văn Bản, Huỳnh Văn Giỏi, Lê Văn Giảng, Nguyễn Văn Tường.

2. **Đàn Chợ Lớn:** tại nhà ông Lê Văn Trung, Ông Trung hoặc ông Lê Bá Trang chứng đàn, hai vị phò loan là: Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Diêu.
3. **Đàn Tân Kim (Cần Giuộc):** tại nhà ông cựu Hội đồng Quản hạt Nguyễn Văn Lai, tại xã Tân Kim, quận Cần Giuộc. Ông phủ Nguyễn Ngọc Tương và ông Lê Văn Lịch luân phiên chứng đàn, hai ông Ca Minh Chương và Phạm Văn Tươi phò loan. Lo sắp đặt việc cúng kiếng có quý ông: Lê Văn Tiếp, Nguyễn Văn Nhơn, Phạm Văn Tỷ, Võ Văn Kinh...
4. **Đàn Lộc Giang (Chợ Lớn):** tại chùa Phước Long ở Chợ Đệm của Yết Ma Giồng, phò loan là hai ông Trần Duy Nghĩa và Trương Văn Tràng. Thường trực nơi đàn này có quý ông: Mạc Văn Nghĩa, Trương Thành Tựu, Nguyễn Hữu Dư, vv...
Đức Chí Tôn giáng cơ dạy ông Yết Ma Giồng:
“Giồng, Thái Bạch thân chùa làm Thánh thất, lại cầu phong cho con làm Giáo Hữu. Thầy nhậm lời. Giồng, gắng công tu hành nghe.... Thầy ban ơn cho các con. Biểu Nghĩa khai Thánh thất Lộc Giang”.
5. **Đàn Tân Định:** tại nhà ông huyện Nguyễn Ngọc Thơ. Ông Thơ chứng đàn, còn phò loan là hai ông Cư và Tắc.
6. **Đàn Thủ Đức:** tại nhà ông Ngô Văn Điều, gần chợ Thủ Đức. Ông Điều chứng đàn, phò loan là hai ông Huỳnh Văn Mai và Võ Văn Nguyên.

Ngoài các đàn phổ độ kể trên, lại còn thiết đại đàn ở nhiều nơi khác nữa, giúp vào công cuộc phổ thông Thiên Đạo.

- **Đàn Trị bệnh:** Đức Chí Tôn dạy lập một cái đàn riêng biệt nơi nhà ông Trần Văn Tạ, ở số 237 đường Gallieni (nay là đường Trần Hưng Đạo) để cứu chữa bệnh nhân, nhứt là bệnh điên vì tà nhập. Thầy ban cho ông Tạ phép huyền diệu để giải bệnh tà. Công quả ấy thuộc về phần ông Trần Văn Tạ, vợ của ông là bà Trương Thị Tròn và con là Trần Văn Hoàng.

Nguyên ông Tạ là nhân viên mật thám của Pháp, được giao nhiệm vụ trà trộn vào các người cầu Đạo để theo dõi hoạt động của đàn Cầu Kho. Ông được Đức Chí Tôn gọi tên, độ ông theo Đạo và ông trở thành một tín đồ trung kiên của Đạo.

Tại đàn Cầu Kho, ngày 20.7 Bính Dần (dl 27-8-1926), Đức Chí Tôn dạy ông Trần Văn Tạ:

“Tạ, Thầy giao khổ bệnh như sanh cho con. Thầy lấy nhà con mà làm Thánh thất của Thầy”.

Ông Tạ và gia đình của ông đều làm công quả trị bệnh bằng cách cho bệnh nhân quỳ trước Thiên bàn, thành tâm cầu nguyện, sau đó cho uống một chén nước trắng đã được làm phép. Rất nhiều người khỏi bệnh một cách huyền diệu, làm cho nhiều người tin tưởng và nhập môn theo Đạo Cao Đài.

Ngoài ra còn một vài đàn khác được lập ra để thu nhận tín đồ trong vùng phụ cận của Sài Gòn và Chợ Lớn, kể ra:

- **Đàn Hội Phước Tự:** Ngày 22-7 Bính Dần (dl 29-8-1926), thường có mặt quý Ngài: Lê Văn Trung, Lê Văn Lịch, Nguyễn Ngọc Thơ, Thầy thầy Yết Ma Luật làm môn đệ và phong chức Giáo Sư Thái Luật

Thanh, tương tự như Yết Ma. Nhưng ở Vạn Phước Tự đã được Thầy phong Giáo Sư Thái Nhung Thanh vào ngày 15-7 Bính Dần (dl 22-8-1926).

- **Đàn Long Thành Tự:** tại chợ Rạch Kiến Long Hòa, quận Cần Đước, được thiết đàn vào các ngày: 14, 15 và 30, mùng 1, phò loan là hai vị: Phạm Tấn Đãi và Nguyễn Thiêng Kim. Chứng đàn có Tri Phủ Lê Văn Hóa (*Chủ quận Cần Đước*) và các ông: Lại Văn Hành, Lê Văn Gia, Bùi Duy Thần...
- **Đàn Giồng Ông Tố:** tại nhà ông Đỗ Văn Vàng, thường có các vị: Hồ Văn Đình, Hồ Văn Nhựt, Huỳnh Văn Nhẫn, Hai vị phò loan thường đến đây là: Cư và Tắc.

2. THẦY CHỌN TIẾNG VIỆT NAM ĐỂ LẬP ĐẠO (29-7 BÍNH DẦN)

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

viết CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

Cười... Thơ lên trể làm cho vắng mặt phái Thái buổi Thiên phong Như Nhãn hiền đồ, song chẳng hề chi, chờ chiều nay hai vợ chồng nó đến thì cũng đủ phái vậy. Trung, Tương, Trang, ba con phải tuân mạng lệnh nghe:

“Như Nhãn hiền đồ! Thầy không muốn nói với con bằng tiếng Hớn ngôn, vì **tiếng An Nam từ đây Thầy cho là chánh tự dựng lập Đạo của Thầy** nên buộc phải nói rõ với con.

Thời kỳ giấu Thiên cơ đã qua rồi, Thầy phong cho con là: Quán Pháp Thiên Sư Thích Đạo Chuyển Luật Lệnh Điều Đạo Sĩ, con vừa lòng chẳng?

Con đã giúp Thầy gìn giữ Thích Đạo nguyên luật từ thử, nay mới còn dựng như vậy, không thì đã ra bàng

môn tả đạo rồi. Con phải biết Thầy ngày nay trông công con mà lập thành Tân Luật Thích giáo. Con phải đại tịnh kể từ tháng 9 cho tới Rằm tháng 10, Thầy không muốn cho con lo lắng điều gì khác hơn là xét xem kinh điển lại.

Con biết ngũ chi: Minh Đường, Minh Sư, Minh Tân, Minh Lý, Minh Thiện cũng đều do nơi Phật pháp mà ra, duy giáo lý của các chi ấy thì có: Tiểu học, Đại học, Trung Dung và Tứ Thư là kinh điển mà thôi. Còn phái Lão duy có Đạo Đức Kinh và Huỳnh Đình Kinh là căn bản. Con phải xem xét hết lại mà lập Tân Luật.

Thầy nhứt định giao Thánh thất này lại cho Thơ lo lắng thế con, song sự thờ phượng phải có thay đổi chút ít, sau Thầy sẽ dạy chư Đạo hữu con định liệu.

Rằm tháng 10 này, Thầy xin con hội cả chư Hòa Thượng tại Thánh thất đây chung lo lập Tân Luật. Ngày ấy Thầy sẽ dạy cho hai vị Hòa Thượng phò loan đặng có điều chi bực ngợ thì cầu Thầy mà thôi.

Thầy phú thác một trách nhiệm nặng nề cho con, nhưng mà con đừng ái ngại. Danh giá con, Thánh Đạo Thầy trong ấy, con khá hết lòng.

Con phải hiểu rằng, hội chư Hòa Thượng trọn đời ba tháng thì hao tổn, song chẳng hề chi, để Thầy định liệu. Tuy vậy Thầy biết sức một mình con cũng đủ lập Tân Luật, nhưng mà Thầy muốn có Hòa Thượng đặng cho khỏi thành tròn, lại còn làm tay chơn Thầy để thâm phục Thích Đạo.

Thầy cậy con một điều là đòi Minh vì nó là môn đệ của con, đặng giao chức Thái Đầu Sư cho nó đi phổ độ nhưn sanh. Cái trách nhiệm ấy đáng lẽ về phần con.

song tuổi con đã cao rồi, khó bề cực nhọc, nghe à!

Thầy để con trọn quyền mà Thầy xin con an lòng. Thầy lo chung cùng con. Thầy trông cậy nơi con lắm đó.

THĂNG

3. THẦY DẠY LÀM 7 CÁI NGAI (11-8 BÌNH DẪN)

Thầy dạy ông Kiệt (*Nguyễn Văn Kiệt, Thượng Giáo Hữu*) mượn thợ đóng 7 cái ngai bằng gỗ quý dành cho: ngôi Giáo Tông, 3 Chưởng Pháp và 3 Đầu Sư ba phái.

Thầy dạy ông Bình (*Lâm Quang Bình, Thái Giáo Sư*) làm một trái Càn Khôn có vẽ Thiên Nhân để thờ.

Sau bài Thánh ngôn nầy, Thầy có dạy thêm:

“Thơ, nghe dạy:

Thầy giao trọn quyền cho con lo liệu. Con phải nhớ khi Bình đem trái Càn Khôn về, Con làm một cái cốt xây để trái ấy lên đại điện, nhớ dạy Con Mất ra ngoài, rồi con lại lên tượng Phật Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử mà đặt dựa dưới, kế ba vị ấy là: Quan Thế Âm, Thái Bạch, Quan Thánh Đế, kế nữa, ngay dưới Lý Thái Bạch là Jésus de Nazareth, kế dưới Jésus là Khương Thượng Tử Nha, còn chư Phật, Tiên, Thánh, Thần đã lên cốt thì để dài theo dưới, hiểu không con?”

4. THẦY DẠY LẬP THÁNH THẤT VÀ TÂN LUẬT (12-8 BÌNH DẪN)

“Thầy có việc nói cùng chư môn đệ. Thầy mời chư nhu xuất ngoại một giây phút, Thầy sẽ kêu vào.

Các con! Thầy đã lập thành Thánh Thất, nơi ấy là nhà chung của các con, biết à!”

Thầy lại qui tam giáo lập Tân Luật, trong rằm tháng 10 có đại hội cả Tam Giáo nơi Thánh Thất. Các

con hay à!

Sự tế tự sửa theo Tam Kỳ Phổ Độ, cũng nơi ấy mà xuất hiện ra, rõ à!

Thầy nhập ba chi lại làm một là chủ ý qui tụ các con trong Đạo Thầy lại một nhà, Thầy làm Cha chủ quản, hiểu à!

Từ đây trong nước Nam duy có một Đạo chơn thật là Đạo Thầy đã đến lập cho các con, gọi là Quốc Đạo, hiểu à!

Thầy phải buộc các con hiệp chung trí mà lo vào đó, nghe à!”.

5. THẦY GIỮ NHẠC LỄ CỔ TRUYỀN VIỆT NAM (21-8 BÍNH DẦN)

THẦY

Các con,

Thầy dặn các con, từ đây ai nói chi tùy ý, cứ nghe một Thầy thì khỏi lăm lặc.

Con Trung cứ lo Khai-Đạo, món binh khí tà quái vì đó mà tiêu diệt.

Nước Nam duy có một chủ là Thầy.

Từ trước vì có nhiều Đạo trong nước mà chẳng một Đạo nào chơn chánh làm mạnh quốc dân nên nước phải yếu, dân phải hèn. Dân tộc các con duy biết làm tớ chớ chưa biết làm chủ.

Thầy vì thất lễ công bình thiêng liêng ấy mới giáng trần lập Đạo tại Nam phương, tức là thay mặt Càn Khôn thế giới mà qui chánh truyền nhưn loại.

Trong mỗi Đạo Thầy đã lập thì hằng nói Tiên tri rằng:

Ngày kia có một nước đương trong vòng nô lệ vì Ta mà làm chủ nhưn loại. Các con hiểu à!...

Còn nhạc lễ là phép nhà Nam, Thầy muốn giữ gìn sao cho trọn vẹn. Các con hiểu.

Các con hơi nào nghe lời thế sự, một điều nào cũng chưa quyết đoán cho cùng phải quấy.

Khi Thích Ca truyền Đạo, dân Brahma cho là bàng môn vì khác Thánh Phật Đạo.

Khi Lão Tử truyền Đạo thì đời cho là phép mê hoặc.

Khi Chúa Jésus truyền Đạo thì nhà Israel gọi là cải chánh Đạo đến đổi bắt giết.

Các con muốn vừa lòng thiên hạ thì là giỏi hơn Thầy rồi.

Thầy khuyên đừng nao núng, các con ngó Thầy trước, các con coi bước Thầy đi trước, các con cứ đi theo sau Thầy là đủ. Cười....

THĂNG.

6. THẦY BAN TỊCH ĐẠO NỮ PHÁI VÀ THIÊN PHONG CHỨC-SẮC NỮ PHÁI (14-10 BÌNH DẪN)

Thầy ban Tịch Đạo nữ phái và Thiên phong Chức sắc nữ phái:

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ viết CAO ĐÀI
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

Hỉ chư môn đệ, chư ái nữ.

Nữ phái nghe Thầy khai Tịch Đạo:

HƯƠNG tâm nhứt phiến cận Càn khôn,

Huệ đức tu chơn độ dẫn hồn.

Nhứt niệm Quan Âm thùỳ bảo mạng,

Thiên niên đặng phái thủ sanh tôn.

- **Lâm thị:** phong vi Giáo Sư, lấy thiên ân Hương Thanh
- **Ca thị:** phong vi Phó Giáo Sư, lấy thiên ân Hương Thế.
- **Đường thị:** đã thọ mạng Thiên sai, cứ giữ địa vị mình.

Còn cả chư ái nữ, Thầy sẽ lập đại hội cho đủ mấy vị rồi sẽ phong sắc một lần.

Thầy ban ơn cho các con, cứ hành lễ theo lời dạy.

* THĂNG.

Trong đời Giáo Tông thứ nhứt, Chúc sắc Cửu Trùng Đài nữ phái lấy chữ HUƠNG đứng đầu Thánh danh.

Bà Lâm Ngọc Thanh có Thánh danh là: Hương Thanh.

Bà Ca Thị Thế có Thánh danh là: Hương Thế.

Bà Đãi Thị Huệ có Thánh danh là Hương Huệ.

7. THẦY LẬP PHÁP CHÁNH TRUYỀN CỬU TRÙNG ĐÀI (16-10 BÍNH DẪN)

Đêm 16-10 Bính Dẫn, Thầy viết Pháp Chánh Truyền từ phẩm Giáo Tông đến phẩm Lễ Sanh rồi thì Thầy thăng.

Đêm sau, Thầy viết tiếp phần công cử các phẩm cấp Chúc-sắc từ Lễ Sanh đến Giáo Tông.

Tất cả các đàn cơ trong những ngày Khai-Đạo đều do hai Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhứt và Ngọc Lịch Nguyệt chứng đàn, hai vị phò loan là: Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc.

Theo lời Ngài Nguyễn Trung Hậu kể lại: Thầy giảng cơ viết Pháp Chánh Truyền rất nhanh, đến độ điển ký là ông Sơn chép không kịp, Thầy biểu ông Hậu viết tiếp mới kịp.

Đây là một văn bản rất quan trọng do Thầy lập ra để làm hiến pháp tổ chức Cửu Trùng Đài với các phẩm Chức sắc nam phái.

Hiến pháp này sẽ bất di bất dịch trong thất ức niên, không ai được quyền can cải.

Chương trình Đại Lễ Khai Đạo đến ngày 16 chấm dứt.

Tuy bị Quỷ Vương khảo đảo nặng nề, nhưng Đại lễ vẫn tiến hành theo đúng chương trình qui định.

Nhơn sanh từ khắp lục tỉnh vẫn tiếp tục kéo lên Thánh Thất để cầu Đạo, tuy không còn lễ nhưng hơn sanh vẫn tấp nập vào Thánh Thất, kẻ ra người vào náo nhiệt, ban tổ chức vẫn tiếp tục lo cơm nước đãi đằng hơn sanh. Việc này kéo dài đến 3 tháng sau, đến ngày 15-1 Đinh Mão, Thầy mới ra lệnh chấm dứt.

Dù bị Quỷ nhập khuấy phá, dù bị dư luận báo chí mỉa mai, dù rằng bị người đời và các tín đồ Phật giáo chê bai, dù rằng có một vài Chức-sắc ngã lòng thối bước, nhưng các người cầu Đạo vẫn đến rất đông, hết lớp này tới lớp khác, chỉ trong 3 tháng sau ngày Khai Đạo, số người nhập môn vào Đạo được cả vạn người.

Nhiều người hiểu biết, quan tâm về tôn giáo, càng nghe nhiều lời công kích chùng nào thì càng quan sát về Đạo chùng nấy, thành thử những người công kích lại chính là người giới thiệu Đạo Cao Đài cho nhiều người biết.

Chư vị Chức-sắc cao cấp của Đạo Cao Đài thấy hơn sanh nượ nượ đến Thánh Thất cầu Đạo, mỗi ngày có đến hàng trăm người, thì trong lòng được an ủi rất nhiều, dần dần hết phiền muộn, đức tin thêm vững chắc, càng hết lòng phụng sự nền Đạo.

Kết quả Đại Lễ Khai Đạo rất mỹ mãn. Đạo Cao Đài tức Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một thực thể hiển nhiên, không ai có thể tiêu diệt được.

Có một điều mới xem là nghịch lý nhưng đó lại là sự thật đối với nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn: **càng gây khó khăn cho Đạo, càng muốn tiêu diệt Đạo chừng nào thì Đạo lại phát triển nhanh chừng ấy.**

Đúng như lời của Đức Chí Tôn: *“Muốn khuấy rối bao nhiêu, Đạo lại càng phát mau bấy nhiêu.”*

CHƯƠNG IV: TÂN LUẬT

1. THẦY DẠY LẬP TÂN LUẬT (2-11 BÍNH DẪN)

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ viết CAO ĐÀI
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

Hỷ chư môn đệ, chư ái nữ, chư nhu, chư tín nữ.

Trung bạch Thầy xin cho đình lại, qua ngày thứ bảy tới sẽ nạp Luật cho Thầy phê chuẩn.

– Phải ở luôn luôn nơi Thánh Thất dựng lập Luật sẵn. Nghe Thầy dạy:

Khởi đầu lập Luật Tu gọi là: **Tịnh Thất Luật.**

Kế nữa lập Luật Trị gọi là: **Đạo Pháp Luật.**

Ba là lập Luật Đời gọi là: **Thế Luật.**

Các con hiểu à!

2. ĐỨC LÝ DẠY BÙA CHỮ KHÍ (9-11 BÍNH DẪN)

THÁI BẠCH

Hỷ chư Đạo hữu, chư Đạo muội, chư nhu, chư thiện nam tín nữ.

Thánh Thất đã an, chư hiền hữu lo chỉnh nghi cho tinh tấn. Thầy dạy Thượng Trung Nhật hiền hữu lo sắp đặt thế nào cho ra nghi tiết thì sắp đặt.

Sau lưng bàn thờ Hộ Pháp, phải để một miếng nỉ dài, ngang một thước rưỡi, cao ba thước, thêu chữ bùa Lão vẽ đây. (*Bùa chữ KHÍ*).

Như có thế làm một cái bàn thờ ba nấc, giữa cao, hai bên bằng, cho Thượng Phẩm, Thượng Sanh đứng.

Chư Đạo hữu chỉnh đàn cho Thầy ngự. Ai chẳng y

quan tử tế xuất ngoại. Nghe và tuân mạng.

3. ĐỨC LÝ DẠY TỔ CHỨC CẢI LUẬT (14–11 BÍNH DẦN)

THÁI BẠCH

Hỷ chư Đạo hữu, chư Đạo muội.

Thượng Trung Nhựt, Hiền hữu nghe dạy:

Phải viết thơ cho các Thánh nói rằng:

Buổi lập Luật phải ngưng sự phổ độ lại đôi chút. Lo cho xong Tân Luật thì mới truyền bá chơn Đạo rõ lý hơn.

Vậy ngày Đại lễ Thánh giáo Giáng sinh, phải có mặt tại đây cho đủ và nạp Luật cho kịp ngày ấy.

Làm lễ xong, qua ngày kế thì chư Thánh mặc đại phục, vào đại điện bái, rồi hiền hữu biểu sắp ghế vòng theo đại điện. Hiền hữu và Ngọc Lịch Nguyệt lên tọa bửu vị, rồi theo chúc phận chư Thánh mà ngồi vòng hai bên như lúc hiền hữu còn tại Thượng Nghị Viện, đặng cải luật đó vậy.

Hiền hữu chưởng quản làm chủ Hội, mỗi vị Thánh đều đặng quyền cãi lẽ, nghe à!

Phải giữ phép, kẻ trước người sau, tùy phiên nhau cho có lẽ: phái Thái trước, phái Thượng giữa, phái Ngọc chót.

Phải viết thơ cho Tương và Trang nạp Luật cho kịp một lượt với Thơ, nghe à!...

4. THẦY DẠY VỀ TÂN LUẬT (20–11 BÍNH DẦN)

Đức Lý Giáo Tông giảng cơ trước để dạy Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt:

THÁI BẠCH

Đại hỷ! Đại hỷ!

Lão mừng chư Đạo hữu. Chính đàn cho Thầy ngự.

Trung! Hiền hữu nhớ mời hội từ 6 giờ mới chí 11 giờ nghỉ; chiều từ 2 giờ tới 6 giờ nghỉ; tối từ 8 giờ tới 11 giờ nghỉ. Như chưa hoàn toàn, ngày mai cũng phải vậy. Thầy dạy phải tuân y theo lời.

Luật lệ truyền lâu dài, chư Đạo hữu phải ráng cẩn thận nghe:

5. ĐỨC LÝ DẠY VỀ CƠ BÚT (25–11 BÌNH DẪN)**THÁI BẠCH KIM TINH**

Hỷ chư Đạo hữu, chư Đạo muội, chư chúng sanh.

Cười... Hườn, nghe Lão.

Việc cơ bút, hiền hữu tuy chưa rõ thấu huyền diệu cho trọn mặc dầu, chớ kỳ trung cũng đã hiểu biết chút đỉnh. Chẳng phải ai cấm cơ mà đều đặng huyền diệu hết. Lão giải nghĩa:

Có ba phẩm đồng tử phò loan:

- Một là Giáng tâm,
- Hai là Mê,
- Ba là Giáng thủ.

Tây phương gọi là: Intuitif, Semi-intuitif, et Automatique:

Thầy đã cho hiền hữu chấp cơ một đôi khi quả có huyền diệu, nhưng mà có nhiều khi tà bốn thân hiền hữu nó lại choán lấy hết Thiên ý mà dịch trật, vì vậy mà hiền hữu nhiều phen thất chí, nhứt là khi thai bào con hiền hữu, hiểu à! Thầy dạy hiền hữu cùng Phước

Sanh chọn kẻ khác cầu Thầy, hầu truyền bá Đạo nơi
tỉnh Biên Hòa, nghe à!

6. ĐỨC LÝ CHO THƠ NGŨ ĐỜI (8-12 BÌNH DẪN)

► Đức Lý Thái Bạch giảng cơ ngày 8 tháng chạp Bình
Dẫn (11-1-1927)

BÀI SỐ 1 (ĐIỀU THÁI CỰC)

*Đời hằng đổi nước non không đổi,
Giữ nhưn luân nhờ mỗi Đạo truyền,
Nhặng lo trọng tước cao quyền
Đem thân trần cấu gieo miền trầm luân.
Biệt cảnh lá rụng đầy rừng,
Con thuyền “Bát Nhã” lừng lò độ duyên.*

Sắc

Tài

Tửu

Khí

*Lưng vui lấy chí anh hùng
Mượn gương Thần huệ dứt lần trái oan.
Vụ chữ nhân*

BÀI SỐ 2 (ĐIỀU LƯƠNG NGHI)

*Mến giang san
Phế vua quan
Ngừa trị loạn
Xem qua như chốn hí tràng,
Lẻ loi mặt nịnh lỗ làng phận trung.
Chẳng ai nắm kiếm Thư Hùng
Thành nghiêng khôn đổ, vạt rừng khôn nâng.
Sĩ dân*

Soái tướng
 Quân Thân

Chinh chuyên thay! phạm phạm nhân,
 Đỡ nương chẳng biết dựa gần người binh.
 Nghe thấy bắt động tình.

BÀI SỐ 3 (ĐIỀU TỨ TƯỢNG)

Dân dưới phép tụng đình,
 Nước dưới phép đao binh
 Nhà dưới phép luật hình,
 Còn chi hai chữ thái bình
 Ngựa nghiêng chín bệ, gập gình ba châu
 Non sông nhuộm một màu sầu,
 Nền giao cỏ láng, sân châu sương phong
 Dân chẳng hiệp đồng,
 Quan chẳng vị công
 Vua chẳng phải giòng,
 Về đông hết kể Tử Phòng,
 Đoạt binh thơ chẳng Trương Tông mưu mô.
 Tiếc thay một gánh cơ đồ,
 Xa thơ khuất dấu bóng cờ bật tâm.
 Nòi anh phong đó cơ nghiệp hỏi ai cầm?

BÀI SỐ 4 (ĐIỀU BÁT QUÁI)

Cũng xương, cũng thịt, cũng khí, cũng huyết Nam,
 Cũng văn, cũng pháp cũng phong cũng tục Nam,
 Cũng xã tắc, cũng triều đình của nhà Nam,
 Ngôi Tiên đã lẫm gót phạm,
 Kẻ chặn dân lại ra làm con buôn.
 Dân như cá chậu gà chuồng,

Tiếng oan trăm họ trêu buồn ngậm than.
Quốc gia nghèo nàn dân khó mở mang,
Lãng Điện phá hoại, Văn Miếu bỏ hoang,
Trí quân lánh mặt, hồn nước điêu tàn,
Gặp cơn ác giục loạn,
Người ngay tránh dạng đũa gian khoe mình,
Tỷ như một đám bù nhìn,
Cân đai một vẻ, thân hình một nơi.
Ấy cũng gọi đời.

BÀI SỐ 1 (TRÊN TƯ THỜI GIỮA TAM TÀI GỌI LÀ ĐIỆU VĂN TAM TÀI)

Nhơn vật khác vời
Vị chữ kim thời
Phong đời tục đổi.
Điền viên đất nổi lên vàng,
Quần vai nông chịu muôn ngàn thuế sưu
Tròn năm luống phạm cần cù,
Không nuôi thê tử không bù thân sanh.
Nhỏ từng đình
Lớn từng binh
Già năm canh
Mảnh tơi còn phạm chưa lành,
Máu đũa quan núc, mỡ dành làng ăn.
Thân trâu phải chịu nhọc nhằn,
Đòn roi lão mục, tiếng dằn thẳng chẵn.
Phải tùy phương nắng, giỏi dẫn dai dù.

BÀI SỐ 2 (TRÊN BÁT TUYẾT GIỮA LÀ NGŨ HÀNH
GỌI LÀ ĐIỆU VĂN NGŨ HÀNH)

Một thổ võ xưa kia nên tuần tú
Bị tay phạm làm xấu nét phong quang.

Ôi! Thương thay cho cấm tú giang san,
 Đầy sông ngui ngút khói thuyền,
 Đầu non súng giữ, cuối triền gương doanh,
 Công dân đắp lũy bồi thành,
 Tay mình lại cột lấy mình thắm thay!
 Nổi lương tháng bổng ngày,
 Nổi tiền hỏi bạc vay
 Nổi trả thuế đóng bài.
 Thợ hay dầu đủ sức tài,
 Dũa đêm chẳng đủ, bào ngày không kham.
 Miệng ăn quá sức tay làm,
 Thê nhi thiếu kém thân phàm chẳng no.
 Cũng trò

BÀI SỐ 3 (TRÊN LÀ LƯƠNG KHÍ GIỮ LÀ CỬU THIÊN)

Lợi bỏ
 Không lo
 Cướp to
 Giặt nhỏ
 Trường thương lấp ló ít người,
 Nơi tay vị chũng như trời nắng mưa.
 Quốc dân ăn thãi uống thừa,
 Không ngăn bán lận, khó ngừa buôn gian.
 Cửa Sài Gòn tính toán, áp chế nội hàng,
 Gạo bấp chỗ ngoại bang, giành phần xuất cảng.
 Dùng mưu phản gián Nam Bang,
 Đoạt châu cho sạch vàng ngàn bạc muôn.
 Nọc ăn máu nước thúi ruộng,
 Khô khan lạc khí hao mòn hồn tinh.
 Tính toán vốn lời mình, đừng chịu làm thình & lỗ vốn.

BÀI SỐ 4 (TRÊN THẬP NHỊ THỜI, GIỮA THẬP ĐIỆN
DIÊM CUNG GỌI LÀ ĐIỆU VĂN THẬP ĐIỆU)

Kìa quan viên Chúc-sắc bôn chôn, cũng lữ đại học khôn,
Nọ binh lính tổng làng chộn rộn, cũng lữ ngu ăn hỗn.
Mua phẩm hàm tước hộ cầu tôn, tiền ngàn không sợ tốn.
Cửa công huyện mãn nha còn,
Đạ thừa lười mỗi, cúi lòng lưng cong.
Làng xanh ứa người mùi đồng,
Ham thân nô lệ, mển vòng tôi con
Lớp lương thảng chẳng tròn, nổi vợ con ương yếu
Rủi phải cơn túng thiếu, chịu người núu kẻ đòi
Đã quen tiếng buộc lời lời,
Gian làm ra phải lỗi đời thành ngay.
Dày công đếm số mề đai
Mức vắng nhuộm tánh, viết mài tiêu tâm.
Có chi ham

BÀI SỐ 5

Nguồn nước cấm
Thủy lợi thâm
Chiếc thuyền câu ra thủ phận
Nghề xưa hạ bạc đã nhàm
Nay dân đói khó ra làm không no
Lúc giăng lưới khi đóng nò
Mãn lo tàu chận nhắng dò bè trôi.
Cá chê mỗi
Bởi quen mỗi
Khôn tránh lưới
Nào khi nguyệt giỡn sóng cười
Thú bay mặt nước chân trời ngựa nghiêng

*Kinh luân bút nổi khó truyền
Gảy câu Khương Tử, đắm thuyền Ngư Công
Song vẫn cũng một lòng...*

BÀI SỐ 6 (ĐIỀU THẬP NHỊ KHAI THIÊN ĐỘNG ĐÌNH HỒ)

*Thân đói khô như nhộng,
Hỏi ăn chi đặng sống,
Rằng hợp khí thanh không.
Lánh thân khóm bá rừng tòng,
Tiểu chưa thoát khỏi trong vòng tôi con.
Cây ăn lười búa đã mòn,
Rừng cao hết củi nổi còn không cơm.
Lão lục ngó lườm lườm
Chú sẵn đơm khẩu súng,
Non xanh vắng gót anh hùng
Rõ cơn Võ Kiệt lánh vòng Văn Vương
Thành Thang muôn mặt lưới trường
Biết khôn cầm thú kiếm đường cao sâu,
Ôi! Nạn củi quế gạo châu, thiên sâu địa thảm!*

7. ĐỨC LÝ DẠY CÁCH DÂNG TÂN LUẬT (13–12 BÍNH DẦN)

THÁI BẠCH

Hỷ chư Đạo hữu, chư Đạo muội.

Thầy dạy Lão chỉ sửa cơ mật nhiệm của luật lệ; phải tùy nguyên văn của Hội Thánh.

Lão đương quyền Giáo Tông, chư Đạo hữu cũng nên tưởng rằng Lão có xác thịt như chư Đạo hữu vậy.

Lão là Giáo Tông, tuy quyền hành chừng quản về Đạo mặc dầu, nhưng mà ba vị Chưởng Pháp vẫn hiệp một cùng Lão, có quyền can gián sửa lỗi Lão. Vậy, chúng ta tuy bốn chớ vẫn cũng một.

Phải làm lễ dâng lên ngay tượng Lão, để hai bữa, rồi Lão sẽ dẫn qua Hiệp Thiên Đài, nghe à!

Còn Hộ Pháp, Thượng Phẩm, nhị vị hiền hữu phải để ngay căn giữa một Thiên bàn, phân mười hai vị Thời Quân ra thế này:

- **Giữa, trước thiên bàn:** thì Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh đứng.
- **Trước mặt thì 4 vị Thời Quân:** Hậu, Đúc, Nghĩa, Tràng.
- **Bên hữu của Hiệp Thiên Đài thì để:** Tươi, Chương, Kim, Đãi.
- **Bên tả thì:** Mai, Nguyên, Mạnh, Phước.
- **Còn hai đĩa cắm phước:** là Mùi và Vĩnh đứng hai bên cột, gần thang lên.

Chừng Lão dâng luật thì Lão sẽ mượn hai vị Đầu Sư chịu phiên là nội lễ ngoại lễ đến thì Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh tiếp luật vào, rồi tức thì cầu cơ cho Chí Tôn giáng phán dạy, nghe à.

Chiều nầy dâng luật cho Lão.....

Lão dạy để luật nơi đại điện trọn đêm nay, mai 2 vị Chương Pháp phải cầu cơ cho Lão giao lại. Chư hiền hữu đặng đặng ơn Thầy. Lão cảm ơn lắm đó.

8. ĐỨC LÝ DẠY TIẾP TÂN LUẬT (14-12 BÌNH DẪN)

THÁI BẠCH

Hỷ chư Đạo hữu.

Nhị Đạo muội, Lão rảnh sẽ nói chuyện nghe:

Khai môn.

Lão đương quyền là Giáo Tông, ngặt nỗi lễ chúc chưa có đặng giao luật lại.

Vậy Lão cật nhị vị hiền hữu Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt thế giùm chức ấy, lên đại diện phò luật, đặng giao Hiệp Thiên Đài cho Hộ Pháp. (*Thượng Sanh vắng mặt, một ngày bỏ làm việc chẳng đặng sao há?*)

Hộ Pháp, Thượng Phẩm nghe dạy: Nhị vị hiền hữu lên bàn đứng theo phẩm mình, đợi luật đến, bái tiếp, rồi Hộ Pháp bắt ấn tay mặt của Hộ Pháp mà để trên chông luật ấy, còn Thượng Phẩm thì lấy cây Quạt mà che trên.

Nhị vị Chưởng Pháp, khi tọa vị rồi đến ngai bái thì hai người phải bái lạy như lúc hành lễ hôm qua.

Hộ Pháp nhớ, khi đưa luật thì nói: “*Kỳ một tháng nạp lại*”. Ngọc Lịch Nguyệt dạy em bắt ấn Tý, khai môn cho hết thầy chúng sanh xem, vì là luật truyền thế, ai cũng như nấy.



TÒA THÁNH TẠM NĂM 1930

PHẦN THỨ TƯ: XÂY DỰNG TÒA THÁNH

CHƯƠNG I: PHÁP CHÁNH TRUYỀN NỮ PHÁI

1. ĐỨC LÝ LẬP PHÁP CHÁNH TRUYỀN NỮ PHÁI (NGÀY 1-1 ĐINH MÃO 1927)

THÁI BẠCH

Hội Thánh nghe Lão ban sắc phục cho Nữ phái. Nghe và từ đây xem sắc tốt ấy mà hành lễ theo đẳng cấp.

Nữ phái phải tòng Đầu Sư nữ phái, song tòng quyền của Giáo Tông và Chưởng Pháp.

Đầu Sư nữ phái cũng phải chịu công cử theo luật Hội Thánh ban hành, theo luật Hội Thánh ban xử đường đời và đường Đạo.

Đầu Sư nữ phái mặc một Đạo phục y như Đạo phục Đầu Sư nam phái, phải đội một Ni Kim. Cô như các vải chùa, toàn hàng trắng, 9 dải, áo có thêu bông sen. Cái Kim. Cô có choàng từ đầu tới gót, đội mũ Phương Thiên, trên chót Phương Thiên ngang đầu tóc có Thiên Nhãn. Thầy bao quanh một vòng Minh Khí, đi giày vô ưu màu trắng, trên chót để chữ Hương, nghe à!

Phối Sư cũng mặc y như vậy, song không có mũ Phương Thiên, áo 3 dải, nhưng trước ngực có thêu Thiên Nhãn. Thầy bao quanh một vòng Minh Khí, nghe à!

Giáo Sư mặc áo ba dải, đội Kim. Cô bằng hàng trắng, không đi giày.

Giáo Hữu mặc Đạo phục như Giáo Sư, đầu không đội mũ, mà giắt một bông sen, trên bông sen có Thiên Nhãn. Thầy.

Lễ Sanh nữ phái mặc như Giáo Hữu, nhưng choàng

ngang trên đầu một đoạn vải mỏng, cột ra sau ót, thả một mí dài một mí vắn, ngay đầu tóc có giắt một bông sen.

Thầy vì thấy nhiều người vắng mặt nên phải đợi đủ mới phong chức.

Lâm Hương Thanh hiền muội phải viết thư mời đủ mặt ngày rằm này, Thầy đến phong chức lập thành nữ phái, nghe à!

* *“Chẳng hiểu có điều chi huyền bí với Thầy cùng Ngọc Hư Cung mà Thầy giao cho Đức Lý Thái Bạch lập Pháp Chánh Truyền Cứu Trùng Đài nữ phái, đặng tránh cho khỏi luật lệ Thiên điều hay chăng!*

Xem rõ lại thì Pháp Chánh Truyền truất quyền nữ phái không cho lên địa vị Chưởng Pháp và Giáo Tông.”

Chức sắc nữ phái cứu Trùng Đài chỉ có:

- ▣ 1 vị Nữ Đầu Sư
- ▣ 1 vị Nữ Chánh Phối Sư

Còn số lượng nữ Phối Sư, nữ Giáo Sư, nữ Giáo Hữu, đều không hạn định như các Chức-sắc nam phái CTĐ.

Đây là một ân huệ lớn lao mà Đức Chí Tôn dành cho nữ phái. Nữ Đầu Sư tòng quyền 3 vị Chưởng Pháp và Đức Giáo Tông.

2. THẤY LẬP PHÁP CHÁNH TRUYỀN HIỆP THIÊN ĐÀI (NGÀY 12-1 ĐINH MÃO)

**NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ viết CAO ĐÀI
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG**

Các con.

Cả chư môn đệ khá tuân mạng.

Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự cầm quyền thiêng

liêng mỗi Đạo. Hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài vẫn còn.

Thầy đã nói Ngũ Chi Đại Đạo bị qui phạm là vì khi trước Thầy giao chánh giáo cho tay phạm, càng ngày càng xa Thánh giáo mà lập ra phạm giáo, nên Thầy nhứt định đến chính mình Thầy đặng dạy dỗ các con mà thôi, chớ không chịu giao chánh giáo cho tay phạm nữa.

Lại nữa, Hiệp Thiên Đài là nơi của Giáo Tông đến thông công cùng Tam Thập Lục Thiên, tam thiên thế giới, lục thập bát địa cầu, thập điện diêm cung, mà cầu siêu cho cả nhơn loại.

Thầy đã nói sử dụng thiêng liêng, Thầy cũng nên nói sử dụng phạm trần của nó nữa.

Hiệp Thiên Đài dưới quyền Hộ Pháp chưởng quản, tả có Thượng Sanh, hữu có Thượng Phẩm.

Thầy lại chọn thập nhị thời quân chia làm ba:

1. Phần của Hộ Pháp chưởng quản về PHÁP thì
 - ▣ Hậu là Bảo Pháp
 - ▣ Đức là Hiến Pháp
 - ▣ Nghĩa là Khai Pháp
 - ▣ Tràng là Tiếp Pháp

Lo bảo hộ Luật đời và Luật Đạo, chẳng ai qua Luật mà Hiệp Thiên Đài chẳng biết.

2. Thượng Phẩm thì quyền về phần ĐẠO, dưới quyền:

- ▣ Chương là Bảo Đạo
- ▣ Tươi là Hiến Đạo
- ▣ Đãi là Khai Đạo

- Trọng là Tiếp Đạo

Lo về phần Đạo nơi tịnh thất, mấy Thánh thất, đều xem sóc chư môn đệ Thầy, binh vực chẳng cho ai phạm Luật đến khổ khắc cho đặng.

3. Thượng Sanh thì lo về phần ĐỜI:

- **Bảo Thế:** thì Phước
- **Hiển Thế:** Mạnh
- **Khai Thế:** Thân
- **Tiếp Thế:** Vĩnh

Thầy khuyên các con lấy tánh vô tư mà hành Đạo. Thầy cho các con biết trước rằng: Hễ trọng quyền ắt trọng phạt. Thầy ban ơn cho các con.

* Bài Thánh Ngôn này, Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài, ngày 12.1 Đinh Mão và phong chức chánh thức thập nhị thời quân mà trước đây, Đức Chí Tôn chỉ tạm phong là: Tiên Đạo Phò Cơ Đạo Sĩ.

Chức sắc cầm quyền Hiệp Thiên Đài gồm:

- **Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc:** chương quản HTĐ và chương quyền chi Pháp. Phụ Tá Hộ Pháp có Thượng Phẩm và Thượng Sanh;
- **Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư:** chương quyền chi Đạo.
- **Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang:** chương quyền chi Thế.

Dưới Hộ Pháp, Thượng Phẩm và Thượng Sanh có Thập nhị Thời Quân, chia ra ba Chi: Pháp, Đạo, Thế:

* Chi Pháp gồm bốn vị Thời Quân:

- **Bảo Pháp:** Nguyễn Trung Hậu.
- **Hiển Pháp:** Trương Hữu Đức.

- **Khai Pháp:** Trần Duy Nghĩa.
- **Tiếp Pháp:** Trương Văn Tràng.
- * Chi Đạo gồm bốn vị Thời Quân:
 - **Bảo Đạo:** Ca Minh Chương.
 - **Hiển Đạo:** Phạm Văn Tươi
 - **Khai Đạo:** Phạm Tấn Đãi
 - **Tiếp Đạo:** Cao Đức Trọng.
- * Chi Thế gồm bốn vị Thời Quân:
 - **Bảo Thế:** Lê Thiện Phước.
 - **Hiển Thế:** Nguyễn Văn Mạnh.
 - **Khai Thế:** Thái Văn Thâu.
 - **Tiếp Thế:** Lê Thế Vĩnh

Để dự bị Thập nhị Thời Quân, Đức Chí Tôn lập 6 cặp phò loan, phong là Tiên Đạo Phò Cơ Đạo sĩ, gồm:

- **Trương Hữu Đức–Nguyễn Trung Hậu:** Phò loan tại đàn Cầu Kho (*nhà của ông Đoàn Văn Bản*).
- **Trần Duy Nghĩa–Trương Văn Tràng:** Phò loan tại đàn Lộc Giang (*Phước Long Tự, sư trụ trì: Yết Ma Giống*).
- **Phạm Văn Tươi–Ca Minh Chương:** Phò loan tại đàn Tân Kim (*nhà Hội Đồng Nguyễn Văn Lai, xã Tân Kim, Cần Giuộc*).
- **Phạm Tấn Đãi–Nguyễn Thiêng Kim:** Phò loan tại đàn Long Thành Tự ở gần Chợ Rạch Kiến, Cần Đức.
- **Huỳnh Văn Mai–Võ Văn Nguyên:** Phò loan tại đàn Thủ Đức (*nhà của ông Ngô Văn Điều, gần Chợ Thủ Đức*).
- Nguyễn Văn Mạnh–Lê Thiện Phước

Khi lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài, ba vị phò loan: Nguyễn Thiêng Kim, Huỳnh Văn Mai, Võ Văn Nguyên không đến dự, nên ba vị này không được phong vào thập nhị thời quân Hiệp Thiên Đài. Đức Chí Tôn phong cho ba vị khác là: Thái Văn Thâu, Lê Thế Vĩnh, Cao Đức Trọng.

Ngài Cao Đức Trọng được Đức Chí Tôn phong sau cùng khi Đức Chí Tôn cho Đức Hộ Pháp lên Nam Vang mở Đạo.

Tại Nam Vang, Đức Phạm Hộ Pháp phò loan cùng Ngài Cao Đức Trọng để Đức Chí Tôn giảng thâu môn đệ.

Ngài Cao Đức Trọng được Đức Chí Tôn ân phong Tiếp Đạo ngày 27-7-1927 (Âl 29-6 Đinh Mão).

Điều rất đặc biệt là về tuổi của các vị Chức sắc HTĐ:

- Ba vị đứng đầu HTĐ có tuổi lần lượt là Tý, Sửu, Dần.
- 12 vị Thời Quân có tuổi là 12 con giáp trong Thập nhị Địa Chi.

3. ĐỨC LÝ DẠY BAN HÀNH TÂN LUẬT (NGÀY 15-1 ĐINH MÃO 1927)

THÁI BẠCH

Hỷ chư Đạo hữu, chư Đạo muội, chư chúng sanh.

Chư Đạo hữu bình thân.

Thầy đã dạy ban hành Tân Luật liền mà đã ba ngày còn nằm trước mặt Lão, tiếc thay Lão không xác thịt như chư hiền hữu vậy.

Cả Hội Thánh từ lập đến giờ chưa làm một việc nào xong hết.

Lấy liền bây giờ, ngày mai làm thế nào ban hành cho kịp. Chí Tôn rầy Lão thì lỗi tại chư hiền hữu nghe à.

Lão nói với chư hiền muội chưa đặng Thiên ân, đừng ngã lòng chi chi. Lão cũng cầu khẩn đặng số Thánh tăng thêm rộng quyền phổ độ. Cũng vì lau mình chưa sạch, chẳng hết công tu nên ra đến đời.

Mời Trục (*Hội Đồng Cao Triều Trục ở Bạc Liêu*).

Đợi Thầy giảng, tái cầu Thầy.

**NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ viết CAO ĐÀI
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG**

Các con,

Trục, Thầy mừng con. Cười...

Tâm Đạo của con Thầy biết nên lỗi của con, Thầy tha thứ đó.

Thái Bạch khi nãy muốn cho con bài thi nầy cho con suy gẫm, song Thầy không muốn người rầy con nên con gián. Thầy khuyên con biên cho nhớ, Thầy đọc:

*Hạnh đức thủ đồng mạng tác vinh,
Tinh Thần an tịnh, khí quang minh.
Phồn ba ngộ kiếp thiên niên đạo,
Cầm hạc tri hoan cứu nhứt tình.
Mẫu nhiệm chí kỳ phi vọng ngữ,
Huyền vi thủ địa phát phong thanh.
Ngã ngôn giác liễu hườn hư khách,
Vô hỏa ô kim bất tái huỳnh.*

* Ký tên: LÝ THÁI BẠCH

Con mơ màng, chừng nào tỉnh giấc, Thầy đến kêu con.

4. CHI CHI CŨNG Ở TÂY NINH

Kể từ ngày 15-10 Bính Dần tới 15.1 Đinh Mão là đúng kỳ hứa mượn chùa Từ Lâm Tự (Gò Kén) ba tháng, nên Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông quyết định trả chùa này lại cho Hòa Thượng Như Nhân, nhưng trước khi trả thì Hội Thánh phải đi kiểm mua đất cho dựng có nơi có chỗ sẵn sàng, rồi mới dọn qua đất mới mua. Có nhiều nơi hiến đất cho Đạo để cất Tòa Thánh nhưng Đức Chí Tôn không chịu và quyết định: **Chi chi cũng ở tại Tây Ninh đây mà thôi.**

Ngày đi chọn kiểm mua đất, Hội Thánh Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài gồm quý Ngài: Đầu sư Thượng Trung Nhật, Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, Thái Thơ Thanh, Thượng Tương Thanh, Ngọc Trang Thanh với vài vị Chức-sắc khác, ngồi trên hai chiếc xe hơi.

Ngày đầu đi tìm nhưng chưa thấy cuộc đất nào thích hợp, tối lại cầu hỏi Đức Lý. Đức Lý hướng dẫn để hôm sau quý Ngài đi nữa thì thấy được cuộc đất rừng mà Đức Lý Giáo Tông đã chỉ điểm, nhưng không biết chủ đất là ai, lại thấy kế bên cuộc đất này có tấm bảng đề Cao Văn Điện, ông này là bạn của Đức Cao Thượng Phẩm, nên Đức Cao Thượng Phẩm liền đi tìm ông Cao Văn Điện để hỏi người chủ của miếng đất mà Hội Thánh muốn mua. Ông Cao Văn Điện cho biết khu đất rừng ấy là của ông Aspar người Pháp, làm kiểm lâm.

Tối lại, quý Ngài cầu Đức Lý thì Đức Lý khen quý Ngài tìm đúng, miếng đất ấy gọi là Thánh địa vì ở dưới sâu trong lòng đất có Lục Long Phò Ấn.

Thế là Hội Thánh thương lượng với chủ đất là ông Aspar mua miếng đất rừng ấy. Ngài Thái Thơ Thanh

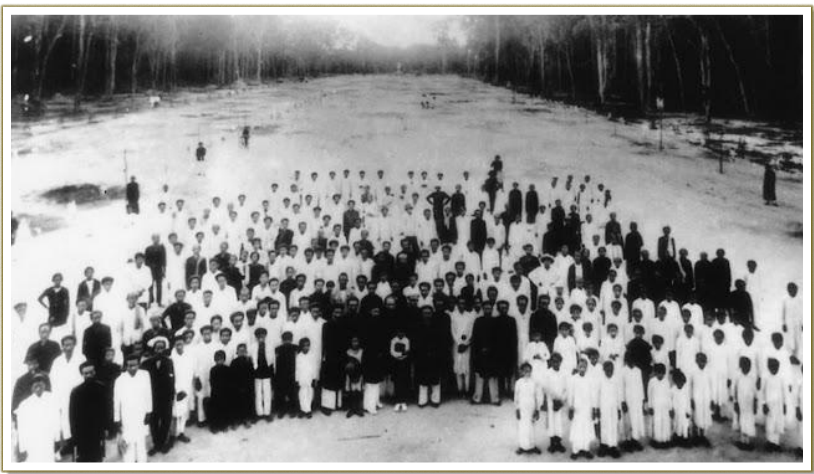
xuất tiền cho Hội Thánh mượn mua đất. Khu đất này ở tại làng Long Thành tỉnh Tây Ninh mà ngày nay là Nội Ô Tòa Thánh.

Khi đã mua được đất rồi thì Hội Thánh lo dọn đất cho trồng trái, dùng cây rừng cắt tạm lên một ngôi Thánh Thất và vài cái nhà để tạm trú, rồi lo di dời đồ đạc từ Thánh Thất Gò Kén về đất mới.

Hội Thánh quyết định sẽ giao trả chùa Gò Kén cho Hòa Thượng Như Nhân vào ngày 20.2 Đinh Mão, nên Hội Thánh phải lo xây dựng các cơ sở tạm thời nơi đất mới mua để kịp di dời tất cả đồ đạc về cơ sở mới. Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư lãnh phần xây dựng cơ sở mới và việc di dời.

Sau đây là diễn tiến từng ngày các công việc từ lúc Đức Lý dạy đi tìm mua đất, đến khi phá rừng cất Tòa Thánh tạm, di dời Trái Càn Khôn và tượng Thái Tử Sĩ Đạt Ta cỡi ngựa trắng.

Công quả phá rừng cất Tòa Thánh:





ĐÀO MÓNG CẤT TÒA THÁNH

CHƯƠNG II: CHỌN ĐẤT XÂY TÒA THÁNH

1. XÂY DỰNG ĐẤT TÂY NINH (NGÀY 18.1 ĐINH MÃO 1927)

THÁI BẠCH

Hỷ chư Đạo hữu, chư Đạo muội.

Cười... Thượng Trung Nhật, ngày nay ráng gắng nghe Lão dạy nghe:

Chẳng vì Thánh Thất, Như Nhãn, phản ngôn, mà trở phổ thông Thánh giáo.

Cười... Đã hiểu đời còn mê muội, chẳng phân định chơn giả thế nào, thậm thay! Có một điều đáng trách là một phái yêu dấu của Chí Tôn (*phái Thái*) dám cả gan nghịch Thiên mà phải đọa trầm luân muôn kiếp, xét đến công tu, khó gần giọt lụy.

Chí Tôn đau đớn bấy nhiêu, Lão càng giận bấy nhiêu. Biết bao phen, Lão cầm viết toan bôi xóa cho rồi trọn phái oan nghiệt mà Chí Tôn nằn nằn xin Lão để cho Người gia công độ rỗi.

Ngày nay, Lão nhứt định trả lại chùa này. Song, trước khi trả, phải cất Thánh Thất cho xong y như lời dạy.

Chư Đạo hữu phải hiệp sức nhau dựng lập thành Tòa Thánh, chi chi cũng ở tại Tây Ninh này mà thôi, vì là Thánh Địa, vả lại phong thổ thuận cho nhiều nước ngoại quốc đến đây học Đạo. Lão muốn nơi khác mà Chí Tôn không chịu.

Thượng Trung Nhật! Phải làm thế nào chùa đất dư ra ít nữa là 50 mẫu là cả trọn bản đồ Bạch Ngọc Kinh và cho đủ Thánh Địa ấy. Hiền hữu đi chọn đất, về cho Lão hay. Cầu khẩn Chí Tôn nghe:

Còn số bộ của tín đồ, phải làm cho hoàn toàn. Các nơi phong thêm Ban Trị Sự và chức việc hương Đạo đăng tiện lo cho chư môn đệ của Thầy. Nhiều kẻ ngã lòng cũng vì hiền hữu trễ nãi, ấy là tội với Chí Tôn lắm đó. Mỗi nơi xa Thánh Thất, phải lập thêm tiểu Thánh thất cho thuận tiện. Nếu hiền hữu không lo, trong đôi tháng nữa hiền hữu lo không kham. Đạo càng ngày càng thịnh nhiều, chư hiền hữu biếng nhác thế nào thành Đạo.

Vì vậy, Lão phong thêm Chức-sắc Hội Thánh cho phụ phí việc làm. Lão sở cậy mỗi người chung lo với Lão, hết lòng hành sự. Mỗi tín đồ phải cầm giấy chứng của Hội Thánh ban cho chúng nó, phải khai tịch họ hàng, con cái cho Hội Thánh cầm. Nhiều đứa cả gan trồng tên tráo tuổi. Chư hiền hữu đâu rõ thấu. Chức sắc phải có cấp bằng.

Chư Chưởng Pháp, Đầu Sư phải sắm ấn tín theo Tam Kỳ Phổ Độ:

Tỷ như mấy vị Chưởng Pháp thì ấn lớn hơn ấn của Đầu Sư một tí, phải làm tròn như con dấu thường, để chung quanh vòng ngoài chữ Lang sa: 3e AMNISTIE DE DIEU EN ORIENT, vòng trong để chung quanh chữ: ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ, chữ Nho. Phái Thiển thì khắc ngay giữa một cái hình bình BÁT VU, Đạo thì cây PHẮT CHỦ, Nho thì bộ XUÂN THU.

Ấn của Đầu Sư cũng in vậy, song chính giữa để chữ THÁI, THƯỢNG, NGỌC (chữ Nho) đem vào Tòa Luật đời cầu chứng cho khỏi mạo nhận. Khá làm các điều ấy, sau Lão dạy thêm nữa.

THĂNG

2. CHỌN TÂY NINH LÀM THÁNH ĐỊA (NGÀY 19-1 ĐINH MÃO 1927)

THÁI BẠCH

Chư hiền hữu chính tề, đợi kiến giá Chí Tôn.

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ viết CAO ĐÀI
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

Các con nghe:

Nơi nào Thầy ngự thì nơi ấy là Thánh địa. Thầy đã ban sắc cho Thần Hoàng Long Thành thăng lên chức Văn Xương, vào trấn nhậm làng Hiệp Ninh, dạy dỗ dân về Đạo, Thầy ban trọn quyền thưởng phạt đặng răn làng ấy cho đến ngày biết ăn năn cải quá. Vậy thì làng Long Thành, các con khá an lòng.

Còn Tòa Thánh thì Thầy muốn cho có nhưn lực hiệp cùng Thiên ý, ấy là hạnh của Thầy, các con nên xem gương mà bắt chước.

Từ Thầy đến lập Đạo cho các con đến giờ, Thầy chưa hề một mình chuyên quyền bao giờ. Các con lựa chọn nơi nào mà Hội Thánh vừa lòng thì đẹp lòng Thầy. **Các con phải chung hiệp nhau mà lo cho hoàn toàn Tòa Thánh. Chi Chi cũng tại Tây Ninh đây mà thôi.**

Các con đã hiểu Thánh ý Thầy, phải cần kiệm, mỗi sự chi vì phương tiện mà thôi.

Thơ! Thầy giao cho con góp tư bốn trong một tháng cho rồi, dặn các em con rằng: Danh thể của Đạo nơi Tòa Thánh, nghe à. Sau Thái Bạch sẽ dạy con kiểu vở.

Cấm Giảng thì các con phải chịu khổ về phần ăn uống. Bể Kéo thì địa thế hẹp hòi. Chớ chi các con khôn ngoan lấy cớ rằng: Vì lợi ích lương sanh, vì Đạo đức mà ký với chánh phủ cho các con mé rừng cấm.

bên kia đường thì đẹp lắm! Các con liệu thử.

Thơ! Tuổi Vàng thì đặng, phương chở chuyên không thuận tiện, song phong thổ tốt đẹp, con cũng yêu cầu Hội Thánh xét nét, nghe à!

Thầy ban ơn cho các con.

3. LỤC LONG PHỒ ẤN (NGÀY 23-1 ĐINH MÃO 1927)

THÁI BẠCH

Hỷ chư Đạo hữu, chư Đạo muội.

Lão khen Thái Thơ Thanh, phải đó đa không, tưởng chư hiền hữu không thấy nữa.

Lão cắt nghĩa vì sao cuộc đất ấy là Thánh địa : Sâu hơn 300 thước như con sông giữa trung tim đất giáp lại trùng giữa 6 nguồn làm như 6 con rồng doanh nhau, nguồn nước ấy trùng ngay đỉnh núi, gọi là Lục Long Phồ Ấn. Ngay miếng đất đó đặng ba đầu, một đầu ra giếng mạch Ao Hồ, hai đầu nữa bên cụm rừng bên kia.

Người Lang sa chỉ đòi 20 ngàn, nói rồi trả đúng có 15 ngàn. Lão dặn trả thành 17 ngàn, 18 ngàn thì mua đặng vậy. Còn xin khai khẩn miếng đất rừng bên kia nữa mới trọn. **Đất nay còn rẻ, miếng đất chung quanh Thánh địa ngày sau hóa vàng. Chư hiền hữu biết lo lập, ngày sau rất quý báu.**

4. ĐỨC CHÍ TÔN DẠY LẬP TÒA THÁNH CHO XỨNG ĐÁNG

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐỀ viết CAO ĐÀI
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

Các con nghe Thầy.

Chẳng phải là dưới thế này còn quyền lực nào lớn hơn Thánh quyền của Thầy, song nhiều khi Thầy đành

ngồi cười đặng xem cuộc trần xây đổi. **Lập Thánh giáo cho các con, lập công phổ độ nhưn sanh, nếu Thầy choán hết mọi sự, muôn việc đều lập thành, thì cái địa vị nơi Bạch Ngọc Kinh của các con không có giá trị.**

Có một điều là hoạn họa xảy đến cho các con thì Thầy hằng cải sửa cho khỏi lỗi hứa cùng các con.

Thầy dạy các con đừng y mình, mà cũng đừng hạ mình, lấy sự mềm mỏng mà oai quyền đối đãi cùng đời. Khôn ngoan Đạo đức là khôn ngoan nhin nhục, kiên nhẫn. Từ bấy lâu nay, ai cũng cho các con là bạc nhược, chẳng đủ trí biết đặng cái mạnh thiêng liêng là thế nào. Thầy đã đến un đức một tòa Thánh chất, tức là cái mạnh thiêng liêng đó vậy.

Tòa Thánh chất thiêng liêng phải biến ra hữu hình trước mắt kẻ phàm phu tục tử, đặng thấy, mới biết kiêng oai Thầy. Hỏi Tòa Thánh chất ấy là gì?

Các con nói thử. Cười...

Các con chẳng biết đâu, nghĩa là một tòa chứa trọn cả đức tin của các con. Cái đức tin ấy càng ngày càng tăng thêm hoài theo số nhưn sanh các con độ rồi. Nay Thầy muốn nó biến ra hữu hình là sao?

Thầy muốn tòa Thánh chất của Thầy tức là cả đức tin của các con biến thành một Tòa Thánh, cũng như xác phàm của Nolin biến thành long vị, hầu vừa giúp cho đức tin càng lớn thêm, đủ sức kềm thúc đức tin của cả nhưn loại trên mặt địa cầu này. Mà hễ kềm thúc đặng cả nhưn loại thì chưa khí giới nào mong diệt đặng. Vì vậy, Thầy lập Tòa Thánh.

Thơ nó có hiểu đến đó đâu, một đứa con cứng đầu rất nhọc Thầy dạy dỗ. Nó biết trọng tư cách phàm mà

bỏ lòng yêu mến của Thầy, nhiều phen hiệp đáp đàn anh. Thầy hằng rộng lòng tha thứ.

Trước khác nay khác, Thái Bạch cầm quyền không lòng tư vị. Thầy trước mắt cãi cho qua nhưng cũng riêng thẹn cùng Người.

Trung, con năng dạy dỗ em, kéo bề nào rất nên tội nghiệp.

Châu! Phải biên lời Thầy đem về cho anh Thơ coi, nghe: Phần đĩa nào nấy liệu, công mỗi đĩa đều ghi.

Các con ráng sức lập thành Tòa Thánh cho xứng đáng.

Thăng.

5. ĐỨC LÝ DẠY VỊ TRÍ TÒA THÁNH (NGÀY 27-1 ĐINH MÃO 1927)

THÁI BẠCH

Hỉ chư Đạo hữu, chư Đạo muội.

Bính Thanh, hình Phật Thích Ca trước Hiệp Thiên Đài đó phải làm thế nào cho đừng hư gãy, vì Chí Tôn đã trấn Thần chính nơi tay Người, nghe!

Quả Càn Khôn cũng vậy, khi tháo rời ra rồi ráp lại y như vậy. Khi tháo ra phải cầu Lão đưa Thần một đổi, rồi mới đặt tay người vào, nghe à!

Dặn đến Thánh Thất mới, phải cầu Chí Tôn trấn Thần lại nữa. Thánh Thất tạm phải cất ngay miếng đất trống, còn HTĐ tạm phải cất trước Thánh Thất tạm.

Đạo hữu phải khai phá đám rừng trước miếng đất ấy. Như vậy, ngay trung tim rừng, cách miếng đất trống chừng 3 thước rưỡi, đóng một cây nọc, đo Hiệp Thiên Đài như vậy: Ngoài Bàu Cà Na đo chừng 50 thước, đóng

một cây nọc, ấy là khuôn viên Tòa Thánh.

Lão lại dặn, từ cây nọc bên phía miếng đất, phải đo vô Bàu Cà Na 27 thước Lang sa, nghe à! Tư vuông 27 thước mỗi góc của Đài Bát Quái, nghĩa là hình nhà tròn có 8 nóc, cao từ đất lên thêm 9 thước Lang sa, làm 8 nóc rộng bao nhiêu tùy, trên Điện Bát Quái bề cao 9 thước, hình nóc tròn mô lên, chỉ có 8 nóc cho phân minh, trên đầu đài phải để cây đèn xanh.

Kế nữa là Chánh Điện, bề dài 81 thước, bề ngang 27 thước. Lão phải vẽ mới dựng.

Hai bên Hiệp Thiên Đài, bên mặt thì có Lôi Âm Cổ Đài, bên tả thì Bạch Ngọc Chung Đài. Lão phải vẽ mới dựng. Hộ Pháp, Thượng Phẩm, nội trua nầy phải cắm một cây viết vào đầu cơ, lấy một miếng giấy lớn vào điện phò loan cho Lão vẽ.

Bính Thanh phải có mặt, còn kỳ dư không cho ai vào điện hết, nghe à!

Phải mua khoảnh đất Bàu Cà Na làm Động Đình Hồ, nghe à!

* THĂNG.

6. ĐỨC CHÍ TÔN DẠY CHÁNH TRỊ ĐỜI KHÁC ĐẠO (NGÀY 5-2 ĐINH MÃO 1927)

THẦY

Các con,

Thầy tưởng các con đã hiểu, vì có nào chánh phủ Lang sa nghi ngờ như vậy, vì các con chẳng tỏ ra rõ ràng: Đạo là Đạo, còn chánh trị là chánh trị. Các con chi vì Đạo, là phận sự của các con, các con cũng chỉ biết Đạo mà thôi.

Các con cũng nên bạo gan mà nói trước mặt vạn quốc cùng chánh phủ rằng: Các con là người Đạo, biết giúp đỡ nhưn sanh, dạy dỗ nhưn sanh, chớ chẳng biết chánh trị là gì. Dầu ai buộc các con cam đoan thì Thầy tưởng, các con cũng không ái ngại.

Trong Đạo duy có một điều làm cho chánh phủ không vừa lòng, là mỗi nước muốn cho phân cách nhau mà Đạo thì hiệp, thì các con cũng nên làm ơn nói với người Lang sa rằng: Nhờ Đạo mà các sắc dân được yêu nhau, mến nhau, phải lấy sự yêu mến mà buộc tình người thì quyền hành kia mới bền vững.

Trung, con phải tức cấp lên thuyết Đạo với người Lang sa *De La Brosse* nghe, nói một phen nữa, nhưng nó chẳng nghĩ tình thì phải đánh dây thép cho chánh phủ bên Tây mà kêu nài, sau Thầy sẽ dạy.

Thơ! Con làm ơn lo Thánh địa lập Tòa Thánh, con thấy sự khó trước mắt đó, thấy chưa con? Song may một điều là chánh phủ tin cậy được hai vợ chồng con. Vậy con phải liệu biện đặng để phổ thông Đạo con nghe.

Tượng Thầy chẳng giống chi hết. Thầy vốn vô hình ảnh, Thầy tốt đẹp chưa ngòi bút phàm nào vẽ đặng, nhưng vẽ như tượng bèn hữu Thầy đó thì tốt hơn. (là tượng *Ngũ Chi*).

Cư! Con vẽ Tòa Thánh phải, song nơi để con Long Mã, con nên làm một cái đài nhỏ có cửa sổ cho không khí thông thương vô Đại điện tốt hơn.

Thơ bạch:

- Xin đúc nền Tòa Thánh bề cao 9 mét theo kiểu của Đại Tiên cho.

– Tốn kém lắm con ơi!

Bính! Con nên đo từ mé rừng dưới vào cho tới 50 mét, bỏ miếng trắng vào cho tới 50 mét, rồi kẻ 81 mét, rồi kẻ 27 mét, làm như vậy Tòa Thánh nằm trọn vào rừng mà thành ra như bao quanh một vườn thiên nhiên rất đẹp. Thấy tưởng khi con cũng đã thấy sỏi, con cứ lấy đường con cát, đo vô rừng 27 mét mà phát trống thì chùa nằm tại chỗ. Còn khi cát, con nhắm thế nào cho nóc Bát Quái Đài và Hiệp Thiên Đài cho ngay mặt trời phía Tây thì trúng, con nhớ nghe:

Thấy ban ơn cho các con.

THĂNG.

7. THÁNH NGÔN BAN HÀNH PHẢI CÓ ẤN KÝ CỦA ĐẦU SƯ (NGÀY 10-4 ĐINH MÃO 1927)

THẤY

Các con,

Trung, con phải liệu dùng thì giờ thế nào cho có đủ mà xem xét cách hành động của phần nhiều trong Đạo hữu của con buổi này.

Thầy đã phân phát phận sự đặc biệt của con mà chẳng làm cho hết lòng. Con sợ chinh lòng của Đạo hữu hơn sợ thiếu sót phận sự.

Lúc này là lúc chánh phủ đương dòm hành cử chi trong Đạo định liệu mà cho phép hay là cản ngăn. Các con hành sự mà nhiều đũa hay lấy quyền riêng để làm cho sanh sự rối trong Đạo.

Nếu con chẳng gắng công mà chăm nom việc hành tàng của chư Đạo hữu thì chẳng khỏi sanh một trường oán nhiệt lớn lao trong Đạo, mà rồi sanh linh cũng vì

đó phải chịu lỗ bước trót muôn ngàn.

Từ đây, những Thánh ngôn ban hành cho các môn đệ, cần phải có con ký tên và ấn dấu đành rành. Nếu Thánh ngôn nào mà thiếu cách phòng ấy thì chư môn đệ được phép không tuân.

Con phải cho trong cả chư môn đệ biết nghe. Thầy vốn chẳng muốn làm cho nhọc lòng của môn đệ nào mà không bổ ích chi cho nền Đạo.

Than ôi! Các con còn phải trải qua đường dài ngàn dặm, còn phải qua biết mấy vực thẳm non cao, mà đã vội muốn chia lìa phân cách nhau.

Thầy cũng đau lòng nhưng căn phần về sau của mỗi đứa đều định. Các con khá biết thương nhau mới chẳng uổng công trình đã bấy lâu nhọc khổ.

Kẻ nào gieo sự chia phân tương tàn cho các con là kẻ nghịch của đường chánh giáo. Nếu chẳng biết cái quá thì lòng từ bi của Thầy khó dung tình nữa đặng.

8. THẦY RA LỊNH CUỐI THÁNG 6 ÂM LỊCH NGƯNG CƠ BÚT PHỔ ĐỘ (NGÀY 2-5 ĐINH MÃO 1927)

Đức Chí Tôn dạy:

“Còn cuối kỳ tháng 6 đây thì Thầy phải ngưng hết cơ bút truyền Đạo.

Các con sẽ lấy hết chí thành đã un đúc bấy lâu mà lần hồi lập cho hoàn toàn mỗi Đạo.

Này là mấy lời đĩnh ninh sau rốt, khá lưu tâm”

Đức Chí Tôn nhận thấy trong bốn Đạo và dân chúng, nhiều nơi tự ý tổ chức cầu cơ chấp bút, sợ Quỷ Vương xâm nhập các đàn cơ tự phát nầy mà khuấy phá,

làm mất đức tin của bốn Đạo. Do đó, Đức Chí Tôn ra lệnh ngưng tất cả cơ bút truyền Đạo nơi tất cả các đàn cơ phổ độ. Hơn nữa, Tân Luật đã lập thành và đã ban hành từ sau ngày rằm tháng giêng năm nay, nên các Chức-sắc cứ do theo Tân Luật mà hành Đạo và cho nhập môn cầu Đạo.

Chỉ duy trì cơ bút tại Tòa Thánh Tây Ninh do Đức Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh và Thập nhị Thời Quân phò cơ để Đức Chí Tôn, Đức Lý Giáo Tông và các Đấng Thiêng Liêng cầm quyền điều hành và sắp đặt nền Đạo cùng là phong thưởng Chức-sắc.

9. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC VỊ PHÒ LOAN GẦN HOÀN TOÀN (NGÀY 13-5 ĐINH MÃO 1927)

THẤY

Các con,

Trung, Thấy vui lòng vì con đã đề chí thành về nền Đạo. Con gắng chịu khổ tâm ấy là biết lấy đức từ bi và hạo sanh của Thấy mà gieo mối thương tâm về nền chánh giáo cho sanh linh đó.

Đạo đã lập thành, Thấy cũng vì các con mà dạy trở bước đường của các con đặng yên tịnh mà chậm rãi dẫn lần sanh linh vào nơi chánh giáo. Phận sự tuy có chút nhọc nhằn mà **nếu các con biết vui với lần khổ hạnh, nét nâu sống thì các con mới đáng lãnh dấu yêu đương của Thấy ban cho.**

Trong nội tháng sáu đây thì trách nhiệm của mấy đứa phò loan gần hoàn toàn.

Vậy, Trung con để một chút ít giờ dư kể từ đây mà đi với mấy em đến mấy Thánh thất đặng Thấy có

lời cho một ít môn đệ yêu dấu đang chúng nó để ý mà hành sự cho đến cùng bước. Khi muốn đi phải tư cầu cho Thầy dạy chuyện, nghe con.

Trang, Thầy sẽ cho theo lời con xin.

Hoạch, Thầy sẽ cho con huyền diệu để giúp anh con. Thầy sẽ cho mấy em con ra mà giúp về việc phổ độ nghe con Trang. Nơi đây Thầy sẽ thanh hành cho đến cùng mà gieo lãn mỗi mẫu nhiệm thiêng liêng khắp cùng cho giống dân nào có phước mà còn lại sau khi trường náo nhiệt định hoàn sẽ tới trong lúc sau này.

Thầy đã có cho chư Tiên, Phật độ dẫn bước đường của mỗi chỗ khác nhau, các con chớ nhọc lo đến, **điều cần là mỗi đứa đều giữ cho vẹn phẩm hạnh mà Thầy đã un đúc bấy lâu đang treo gương sáng cho đàn sau gấm ghé mà bước lãn tới, đang chung vầy nhau cho đông đủ. Đứa trước đứa sau bước lên thang Thiêng Liêng mà hội hiệp cùng Thầy, cho khỏi uống công trình của Thầy đã vì các con mà lo lắng vậy.**

Mỹ Ngọc, Hoạch, Thượng Sanh, ba con công quả gắng thêm chút ít sau này nữa, rồi gia công cùng chư Đạo hữu mà vun đắp nên Đạo. Mấy lời Thầy nói nơi đây như lời chót, gắng lưu tâm cho lắm.

Việc chi chẳng có bổ ích cho Đạo mà lao về tinh Thần, khá lãn lãn cho khỏi não phiền về sau, nghe!

Trung, Trang, hai con cũng nên cho Đạo hữu Sadéc biết rằng, Thầy cũng lấy từ bi mà cho giữ y các chức Thiên phong, nhưng trừ ra Chức-sắc nào Tân Luật không định, nghe: Chúng nó **nếu chẳng làm cho xứng phận sự và có điều chi chẳng hiệp với lời Thầy đã phú thác thì chùng đó Quỷ Vương đang phép lấy lãn Thầy**

mà hành phạt.

Trung, con cũng nên xuống đó mà thay mặt cho Thầy để dìu dắt những đứa đã sa chân trái bước nghe:

Thầy ban ơn cho các con.

* THĂNG

10. HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO (NGÀY 29-6 ĐINH MÃO 1927)

Ngài Phạm Công Tắc, vâng lệnh Đức Chí Tôn xin nghỉ phép 6 tháng nơi cơ quan là Sở Thương Chánh Sài Gòn để cùng các Chức-sắc Thiên phong khác lo việc Đại Lễ Khai Đạo Cao Đài tại Thánh Thất Gò Kén, đến cuối tháng 3 năm Đinh Mão (1927) là hết thời hạn nghỉ phép.

Đức Hộ Pháp bạch hỏi Đức Chí Tôn:

- Con nên xin nghỉ luôn để lo cho Đạo hay trở lại làm việc nơi Sở Thương Chánh của chánh quyền Pháp?

Thầy đáp:

- Con chưa cần phải xin nghỉ ngay lúc này, con cứ trở lại làm việc rồi sẽ có chuyện hay.

Thế là Ngài Phạm Công Tắc trở lại Sở Thương Chánh Sài Gòn trình diện, xin tái phục vụ. Chánh quyền Pháp lo ngại, không muốn để Ngài Phạm Công Tắc làm việc ở Sài Gòn, mà muốn đổi Ngài đi làm việc nơi thật xa, để tách Ngài khỏi nhóm Chức-sắc Cao Đài, ý muốn ngăn trở bước tiến của Đạo. Nhà cầm quyền Pháp liền đổi Ngài lên làm việc ở Nam Vang (*thường gọi là Kim Biên*).

Đức Hộ Pháp phải đi Nam Vang và tạm trú tại nhà Ngài Cao Đức Trọng, anh ruột của Ngài Cao Hoài Sang,

ban ngày thì đến Sở Thương Chánh làm việc như các công chức khác.

Nhà của Ngài Cao Đức Trọng ở trong dãy phố 8 căn gọi là Phố Lang Cô, thuộc đường hẻm, phía trước là đường Ohier, nhà ông Cao Đức Trọng ở căn bìa phía đường cái đi vào, căn kế là nhà của ông Đặng Trung Chũ (*Ngạn Sơn*), căn thứ ba là nhà của ông Trần Quang Vinh (*Hiển Trung*).

Trong dãy phố này ngụ toàn là công tư chức người Việt Nam, hằng đêm thường tụ tập trước sân nhà ông Cao Đức Trọng để nói chuyện chơi và nhơn dịp hỏi thăm và làm quen với vị mới đến ngụ là Ngài Phạm Công Tắc.

Trong dịp này, Đức Hộ Pháp thuật lại việc xây bàn thỉnh Tiên, những sự huyền diệu, những điều Tiên tri về nước Việt Nam, làm cho các vị nơi đây rất thích thú và muốn được chứng kiến các việc này.

Thế là Đức Hộ Pháp cùng với Ngài Cao Đức Trọng tổ chức xây bàn tại nhà Ngài Trọng. Hai vị dùng cái bàn tròn ba chân (*giống như cái bàn tròn mà quý vị đã dùng xây bàn trước đây tại nhà Ngài Cao Hoài Sang nơi dãy phố Hàng Dừa Sài Gòn*). Hai vị đặt tay lên bàn, khi có vong nhập thì bàn gõ hơi yếu, nhưng khi có thêm một người nữa đặt tay vào thì bàn nhịp mạnh hơn. Việc xây bàn giống y như khi Đức Hộ Pháp cùng với hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Cao Hoài Sang đã làm lúc ở Sài Gòn.

Trong những bận đến chơi, có người xin hỏi về gia đạo, về tương lai, về việc nước... thì tức khắc bàn chuyển động, gõ trả lời bằng một bài thi 4 câu hoặc 8 câu.

Những vị được cho bài thi, đọc đi đọc lại, tự biết việc mình, thấy Đấng vô hình nói rất trúng, nên khen ngợi vô cùng, cho là rất linh thiêng tỏ vẻ kính trọng hơn trước. Tiếng đồn lan rộng nên càng lúc càng có nhiều người đến cầu hỏi mỗi đêm.

Việc xây bàn rất chậm chạp, mỗi đêm chỉ được năm ba bài thi, không đủ đáp ứng số người cầu hỏi đông đảo. Đức Hộ Pháp nảy ra ý kiến: Một là Đức Ngài tạo ra một tiểu ngọc cơ để cầu cho mau hơn, hình thức như cái ngọc cơ ở Tây Ninh, cũng có cần cơ, mỏ cơ, giỏ cơ đương bằng mây, ngoài phủ giây vàng, ngang miệng giỏ cơ có một cây ngang, đẹp, chính giữa có soi một lỗ cho vừa đút vào cái cốt bàn cơ. Bàn Cơ thì hình vuông như bàn cờ tướng, trên mặt có vẽ các mẫu tự theo vần tiếng Việt: A, Ă, Æ, B, C, D, Đ,... tới chữ Z, theo hình rẽ quạt. Khi đặt cơ vào cốt, hai vị phò cơ ngồi hai bên. Khi có Chơn-Linh giáng, tay hai vị phò cơ đẩy cơ chuyển động, xây qua xây lại chung quanh cái trụ cốt, mỏ cơ chỉ trên các chữ, khi mỏ cơ dừng lại trên chữ nào thì đọc chữ đó và người điển ký ghi lại từng chữ. Cách phò cơ này tuy chậm hơn cách phò ngọc cơ nơi Tòa Thánh Tây Ninh nhưng mau hơn xây bàn rất nhiều lần.

Thứ nhì buộc những người muốn cầu hỏi điều chi thì phải dâng sớ, tức là viết điều cầu hỏi lên tờ giấy rồi đội lên đầu cầu khẩn khi hầu đàn. Cơ giáng thì tuần tự kêu tên từ người và cho thi trả lời việc cầu hỏi.

Huyền diệu thay! Mỗi kỳ đàn như vậy có một hai chục người dâng sớ, hai người phò cơ là Ngài Phạm Công Tắc và Cao Đức Trọng, làm sao biết tên họ của mỗi người, mà trong mỗi bài thi trả lời đều có gọi tên người đó ở đầu bài thi. Trong tờ sớ của mỗi người dâng

lên là họ hỏi việc riêng của họ mà trong bài cơ tiếp được trả lời đúng theo sở cầu, nên họ hết sức bái phục.

Trong một đàn cơ đặc biệt lúc 21 giờ vào thượng tuần tháng 6 năm Đinh Mão, ông Trần Quang Vinh bạch hỏi về phần mình, về tương lai đối với nước non xứ sở.

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn tức Victor Hugo giáng đàn. Ông Trần Quang Vinh quỳ trước đàn khẩn nguyện chớ không có dưng sợ như thường lệ:

Cơ lên rung chuyển rất mạnh, mở cơ quay qua quay lại theo rẽ quạt trước mặt chũ một lúc rồi mới từ từ chỉ từng chũ.

Bài thi 8 câu sau đây do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn cho ông Vinh, có chũ VINH đứng đầu:

*VINH hiển tuy chưa toại thừa nguyên,
Phép nhà vẹn giữ cũng nên duyên.
Thảo ngay lòng nhớ lâu truyền hiếu,
Chánh trực xa nghe giỏi tắc thiêng.
Dặm gió chờ ngày đài các đến,
Trường danh có lúc để nêu tên.
Coi mình khá giữ mình cho vẹn,
Cái đạo trượng phu thế mới bền.*

Luôn dịp, ông Trần Quang Vinh bạch xin Đức Nguyệt Tâm ban cho Đạo hiệu, cơ liền ban cho 2 câu đối:

- **HIỂN TỔ VINH TÔNG KHẢ DĨ TRƯỢNG PHU CHI ĐẠO,**
- **TRUNG QUÂN ÁI QUỐC THỊ TRI THẦN TỬ CHI TÂM.**

Ông Trần Quang Vinh bạch hỏi tiếp: Bạch Ngài, đệ tử ước vọng sẽ được đổi về Nam Việt đặng chăng?

Ngài trả lời bằng Pháp văn:

– Possible, aide-toi le Ciel t'aidera. (*Được, giúp người Trời sẽ giúp lại*).

Đó là bước đầu để tạo đức tin về cơ bút cho các Nguyên-Nhân tại Kim Biên (*Nam Vang*), sau đó, Đức Chí Tôn dẫn lần vào đường Đạo

Ngày 29–6 Đinh Mão Đức Chí Tôn phong Chúc-sắc đầu Tiên. Đức Hộ Pháp và Ngài Cao Đức Trọng phò cơ, các vị sau đây:

- *“Bảy, Lắm, Sự, Thầy phong cho ba con chúc Giáo Hữu.*
- *Chữ, Vinh, Cửa, Thầy phong cho ba con chúc Lễ Sanh”*

Đức Hộ Pháp không thấy Thầy phong chúc cho ông Cao Đức Trọng, bèn hỏi: Bạch Thầy, còn em con, Trọng, sao Thầy không phong chúc?

Thầy đáp: Trọng thuộc chi Đạo bên Hiệp Thiên Đài.

Sau khi Thầy phong sắc rồi, tái cầu, Đức Chương Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng đàn chầu phái:

- **Ô. Lê Văn Bảy, GH phái Thượng:** Thượng Bảy Thanh.
- **Ô. Nguyễn Văn Lắm, GH phái Thượng:** Thượng Lắm Thanh.
- **Ô. Võ Văn Sự, GH phái Ngọc:** Ngọc Sự Thanh.
- **Ô. Đặng Trung Chữ, LS phái Thượng:** Thượng Chữ Thanh
- **Ô. Trần Quang Vinh, LS phái Thượng:** Thượng Vinh Thanh
- **Ô. Phạm Kim Cửa, Lễ Sanh phái Thái:** Thái Cửa.

Thanh.

Về nữ phái, Đức Chương Đạo lần lượt phong:

- **Bà Trần Kim Phụng:** Giáo Hữu Hương Phụng.
- **Bà Đặng Thị Huê** (vợ ông *Bảy*): Giáo Hữu Hương Huê.
- **Bà Nguyễn Thị Hạt** (thân mẫu ông *Chữ*): Giáo Hữu Hương Hạt.
- **Bà Huỳnh Thị Trọng** (vợ ông *Chữ*): Lễ Sanh Hương Trọng.

Quý vị Chức-sắc nam nữ trên đây là là những Chức-sắc đầu Tiên của Đạo Cao Đài tại Kim Biên để Đức Hộ Pháp lập thành Hội Thánh Ngoại Giáo, có nhiệm vụ truyền bá Đạo Cao Đài nơi các nước ngoài quốc.

Trụ sở của Hội Thánh Ngoại Giáo đặt tại Nam Vang, dưới quyền điều khiển vô vi của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn và dưới sự ủng hộ hữu hình của Đức Hộ Pháp.

Đức Hộ Pháp lưu lại Nam Vang chừng 1 năm, đến thượng tuần tháng 4 năm Mậu Thìn (1928), Đức Hộ Pháp trở về Việt Nam, hành Đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh.

11. VẤN ĐỀ NGƯNG CƠ BÚT PHỔ ĐỘ

Vào tháng 6 năm Đinh Mão (1927) Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật làm đơn xin yết kiến Thống Đốc Nam Kỳ Blanchard de la Brosse về việc Đạo Cao Đài trong thời gian 1 giờ, nhưng ông Thống Đốc không chấp thuận; kỳ thứ nhì xin yết kiến nửa giờ, cũng bị từ chối nữa, viện lý do là bận công vụ; kỳ thứ ba Ngài Đầu Sư xin yết kiến 15 phút thì được Thống Đốc chấp thuận.

Khi Ngài Thượng Đầu Sư vào gặp quan Thống Đốc, Ngài chưa kịp trình bày gì cả thì bị quan Thống Đốc quở trách lung tung, bắt bẻ đủ thứ, hết việc này tới việc khác. Quan Thống Đốc la lối một hồi rồi nhìn đồng hồ nói:

– Ông xin tiếp chuyện với tôi trong 15 phút, đến giờ này đã đủ, xin mời ông về.

Ngài Thượng Đầu Sư trả lời:

– Tôi đệ đơn xin phép quan Thống Đốc vô đây đăng hầu chuyện cùng quan Thống Đốc, mà từ hồi tôi chào quan Thống Đốc đến giờ này, ông nói hết chuyện này qua chuyện kia, còn tôi làm thinh lắng nghe chớ tôi chưa nói tiếng nào cả. Tôi xin ông là có ý nói chuyện Đạo với ông chớ đâu phải xin phép ông vô đây đăng nghe ông nói.

Chừng đó, quan Thống Đốc đáp lại:

– Vậy ông có chuyện gì muốn nói cứ nói ra, tôi nghe đây.

Ngài Thượng Đầu Sư này giờ đã nghe tự sự quan Thống Đốc quở trách về chánh trị nên để ý khoản nào quan Thống Đốc ghét, khoản nào ông ta ưa chịu. Ngài Đầu Sư lựa khoản nào ông ta ưa chịu thì nói ra, nhưng chỉ nói nửa câu chuyện thôi rồi bắt qua chuyện khác, làm cho quan Thống Đốc nghe mà tức mình, muốn biết câu chuyện đầy đủ trước sau, nên bảo Ngài Đầu Sư nói lại câu chuyện trước và giải thích câu chuyện cho rõ ràng. Ngài Đầu Sư lại nói sơ rồi lại bắt qua ca tụng chánh quyền Pháp làm cho quan Thống Đốc hài lòng không còn giận dữ nữa.

Ngài Thượng Đầu Sư hỏi quan Thống Đốc:

– Tại sao các tôn giáo khác như Phật giáo, Gia Tô giáo, Tin Lành, vv... các giáo sĩ đem giáo lý truyền bá trong nước Việt Nam mà ông cho phép, còn chúng tôi là người Việt Nam, mở Đạo tại Việt Nam mà ông lại ngăn cản, làm khó dễ với chúng tôi?

Quan Thống Đốc trả lời:

– Các tôn giáo như Phật giáo, Gia Tô giáo đem giáo lý đến đây phổ độ tất cả bằng lời nói và kinh sách, còn Đạo Cao Đài của quý ông đứng ra phổ độ bằng cơ bút, ngó coi kỳ lạ nên thiên hạ rủ nhau đến xem và xin nhập vào cho biết vì phần đông có tánh tò mò. Đó là cách mấy ông dùng để mê hoặc chúng sanh, dẫn dân chúng đi vào chỗ mê tín, nên tôi cần phải ngăn cản để kiểm soát.

Ngài Thượng Đầu Sư nghĩ tới việc Đức Chí Tôn đã ra lệnh cấm cơ bút phổ độ vào cuối tháng 6 nầy nên liền nắm lấy thời cơ, dựa vào câu nói vừa rồi của Thống Đốc mà nói rằng:

– Theo ý của quan Thống Đốc, chúng tôi sẽ đi phổ độ không có cơ bút, từ đây về sau, tôi hứa chỉ đi phổ độ bằng lời nói và kinh sách như mấy tôn giáo khác. Thế Quan Thống Đốc nghĩ sao?

Quan Thống Đốc đáp:

– Nếu quý ông cam kết đi phổ độ bằng lời nói giảng giải Đạo lý chơn thành thì tôi không ngăn cản. Trái lại, tôi nghe tin tức hay là như viên công quyền báo cáo có bằng chứng đầy đủ trong tờ biên bản thì tôi sẽ ra lệnh cấm hẳn mà còn truy tố quý ông ra tòa trừng phạt.

Ngài Thượng Đầu Sư nói:

– Để tránh tình trạng có người lợi dụng cơ bút để phá Đạo, hay gieo tội lỗi cho Đạo, tôi xin nộp cho quan Thống Đốc thông qui 12 vị Thời Quân của Đạo Cao Đài là những người có phận sự phò cơ, có dán hình 4x6, ghi rõ chức vụ ngoài đời, trong Đạo, địa chỉ, nếu những vị này cầm cơ đi phổ độ các nơi thì Hội Thánh chúng tôi chịu tội. Còn ngoài ra những người khác không có tên trong danh sách này thì hoàn toàn không phải là Chức-sắc của Đạo Cao Đài chúng tôi nên Hội Thánh chúng tôi không chịu trách nhiệm.

Ông Thống Đốc Nam Kỳ liền chấp thuận.

Vụ yết kiến này, bàn luận qua lại gần 2 giờ đồng hồ. Sau vụ yết kiến Thống Đốc Nam Kỳ Blanchard de la Brosse, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt liền về Tòa Thánh, ra một bố cáo gởi cho toàn Đạo Cao Đài, để làm yên lòng chư Đạo hữu.

Bố Cáo này không đề ngày, xin chép y lại sau đây:

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ BỐ CÁO

Cùng chư Đạo hữu,

Nay là buổi Thiên địa tuần hoàn, hoằng khai Đại Đạo, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế vì thương nhơn loại, rộng mối Đạo Trời để đui dắt nhơn sanh vào đường Đạo đức hầu hưởng phước về sau.

Trót một năm trường, chúng ta đã chẳng nài khó nhọc, ra công phổ độ khắp nơi, mong sao cả dân chúng cải ác tùng lương mà chung hưởng ngày Nghiêu thánh Thuấn.

Nay Đại Đạo đã lập thành, Tân Luật đã ban ra,

chúng ta cứ do theo mà hành Đạo. Về phần Thiên Đạo, phải hết lòng thành kính Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế cùng chư Thần Thánh Tiên Phật, phải gắng trau dồi đức hạnh, dưỡng tánh tu tâm mà hồi minh khứ ám.

Còn về phần Nhơn Đạo, ta phải tuân theo phép nước, giữ phận Thần dân, làm lành lánh dữ, mỗi mỗi phải do luật pháp mà cư xử, sưu lo thuế đóng, kính trọng quan viên, giúp nạn kẻ khó.

Xin nhớ mấy câu trong Kinh Sám Hối đây cho lắm:

Chớ làm con giặc tôi loạn,

Thuế sưu đóng đủ đừng toan kể tà.

Trong Đạo hữu mới nhập môn, có một ít người chưa rõ tôn chỉ tối cao tối trọng của Đạo Trời, buông lời đồn huyễn rằng: “*Vô Đạo rồi thì tùng luật Đạo mà thôi, khỏi chịu dưới quyền quốc pháp.*”

Lời đồn huyễn ấy rất trái lẽ, tuy tu hành mặc dầu, chớ không ra khỏi luật pháp chánh phủ. Làm đến bực Hòa Thượng mà có tội cũng chẳng khỏi bị xử theo luật hình nhà nước.

Về phần tin tưởng tự do, tôi cũng nên tỏ cho chư Đạo hữu hay rằng: Không ai đặt phép ngăn cản chúng ta trong việc phụng thờ Trời Phật. Ta tin tưởng Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, ta sùng bái Ngài, không một ai phạm đến quyền tự do ấy của ta được.

Chớ nghe đồn huyễn rằng chánh phủ bắt Đạo mà sợ, rồi dẹp Thiên bàn, cuốn Thánh tượng, ấy là một điều đại tội cùng Trời Phật đó.

Chánh phủ Đại Pháp rất công, ai làm lành được bề em tịnh, ai làm dữ bị tội tù, chúng ta tu là lo làm lành, mà đã lo làm lành thì bị tội nổi gì?

Nếu chánh phủ muốn ngăn cấm điều chi thì chạy tở châu tri, đán yết thị khắp nơi cho nhơn dân rõ biết, đầu đó phân minh, đường đường chánh chánh.

Còn nếu không có châu tri cùng yết thị thì xin chư Đạo hữu chớ vội tin mà lầm mưu của kẻ nghịch Đạo.

Trong chư Đạo hữu, thảng như có ai bị cường quyền áp chế về việc phụng thờ Thượng Đế, xin mau mau gửi thơ cho tôi. Tôi sẽ dụng hết công tâm kêu nài cùng chánh phủ để làm cho kẻ ấy biết trọng quyền tin tưởng tự do của chúng ta.

Nay kính.

Lê Văn Trung,

Thiên ân. THƯỢNG TRUNG NHỰT

12. ĐỨC NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN DẠY HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO (NGÀY 13-12 ĐINH MÃO 1927)

NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

Bản Đạo chào chư Đạo hữu, chư Đạo muội.

Bản Đạo còn một ngày nơi đây thì quyền hành buộc mình cũng còn một ngày.

Chư Đạo hữu khá nghe dạy:

Sự hả! Cười...

Linh tánh Chí Tôn đã cho nó hay trước rằng Bản Đạo sẽ phạt nó nên trốn mặt. Vì miệng nó mà Hộ Pháp chịu hàm oan, trốn tội sao cho khỏi.

Chư Đạo hữu phải hiểu rằng, nếu không phải phép huyền vi mâu nhiệm của Chí Tôn thì chưa dễ làm cho mẹ của Thượng Sanh và Tiếp Đạo phải chịu oan khức ấy đặng bao giờ.

Ngạn Sơn, khá để trí vào đó nghe!

Những điều nghị luận vô trí của chư Đạo hữu lúc nọ chẳng trúng vào đâu hết mà còn hại cho Thánh Thất nơi đây bị truất bỏ, phần nhiều Đạo hữu bị trục xuất là vì nhẹ tánh lắm nghe, nói đi nói lại mà ra đến đỗi ấy.

Ồi! Hại thay cho cái miệng mà cũng giận thay cho phàm tánh đó chút. Nếu cả thế gian có đặng một người hiểu thấu cơ Trời thì Đạo không đến đỗi phải chịu bị bế lại gần mười ngàn năm nay nơi cõi Á Đông nầy vậy.

Phải chi có Đạo tâm bền chặt thì đã thoát khỏi tội tình ấy rồi. Khá giận mà cũng khá thương đó chút.

Cười... Cũng như Thần của Sen viết mà Bản Đạo phải chịu tội liên can.

Cơ Bút! Cơ Bút! Hộ Pháp khá để ý cho lắm.

Cơ Bút có thể hại tiêu hủy Đạo đặng đó. Từ đây Bản Đạo không giáng cơ nơi nào hết, nếu có ai mượn danh Bản Đạo mới đến hiệp cùng người.

Hộ Pháp! Từ đây tới buổi về, để cho Cửu Trùng Đài liệu phương hành Đạo còn. Hộ Pháp chỉ lo về luật lệ xử đoán mà thôi, đừng giúp đỡ chi, rồi trước ngày đi giao quyền lại cho Tiếp Đạo...

13. ĐẠO PHỤC BẢO SANH QUÂN (NGÀY 15-12 ĐINH MÃO 1927)

THÁI BẠCH

Hỷ chư Đạo hữu.

Hoạch, nên may Thiên phục theo lời dạy sau đây: Áo trắng y theo của Thập nhị Thời Quân và các Chức sắc khác nơi Hiệp Thiên Đài. Mão trắng theo của Mỹ Ngọc, nhưng không có bông sen, ngay giữa mão thêu một Thiên Nhân, chí bìa dưới mão lên cho đủ chỗ thêu Thiên Nhân, chừa 4 phân, hai bên tả hữu mão, hai

Thiên Nhân, hết thảy là ba. Một sợi dây Tiên thẳng buộc vòng bìa mào, bề ngang 5 phân, bề dài 2 thước, buộc thế nào chùa Thiên Nhân ngay giữa mào ra, cho hai mối thòng xuống hai bên vai. May cho kịp đặn mừng 1 hoặc mừng 2 tới đây hầu Đức Từ Bi. Sẽ dâng cho Lão coi khi may rồi nghe.

Thượng Trung Nhựt! Đạo hữu cũng có nghe lắm điều dạy của chư Tiên về nền Đạo trong lúc này, vậy khá liệu mà làm phận sự. **Thánh ngôn nào càng yếu nên xem cho thường mà nhớ lời của Đức Chí Tôn dạy về các sự hành động.**

Đạo chậm tấn là bởi kẻ hành Đạo, chẳng do thiên ý, mà nếu biết sai, chẳng chịu sớm sửa thì nền Đạo phải hoại, kẻ hành Đạo chẳng công chi mà chúng sanh cũng không mong độ rồi đặn.

Nên biết à!

Sự cải Thánh ngôn đặn tự tác theo trí phàm là một hại chẳng nhỏ, nên chăm nom và liệu mà ngăn ngừa thói tà mị của nhiều Đạo hữu.

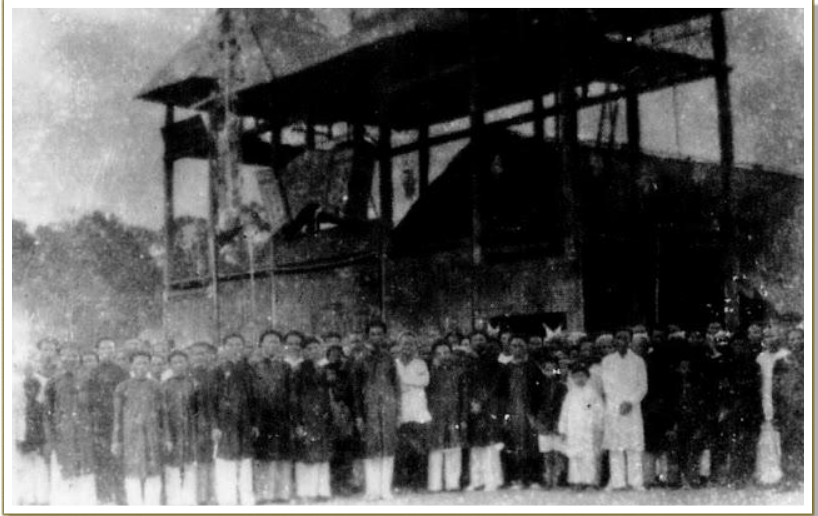
Nếu chẳng có Đức Từ Bi rộng thứ thì Lão bôi xóa hết trường công quả của Đại Đạo, đặn để cho nhiều đứa tự tôn chìm vào hang thẳm trót mấy kiếp mà răn các tánh trực phàm tục của chúng nó.

Đạo hữu nên chung trí với các Đạo hữu khác có trách nhiệm lớn lao và hiệp cùng Hiệp Thiên Đài mà sớm cải bước Đạo lại nghe.

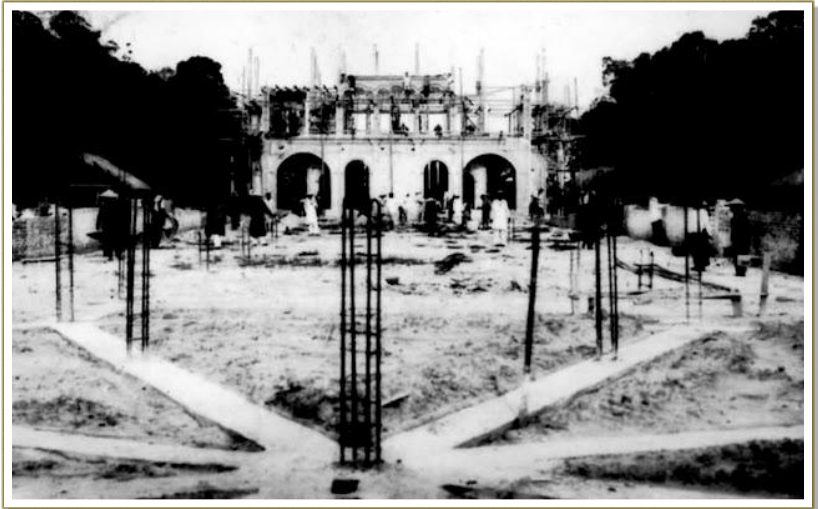
Hiệp Thiên Đài cũng tránh không khỏi sơ sẩy lớn lao, ba Đạo hữu cũng khá biết mà ngăn mình, vì kẻ trở lòng chẳng chừng đối, phải lấy hết tâm thành mà giữ cho khỏi các sự sẽ đến, cho khỏi hại đến lòng tín.

ngưỡng của nhơn sanh.

Chư Đạo hữu sẽ thấy sự hành phật riêng của mỗi đũa.



CHỨC SẮC VÀ CÔNG QUẢ CHỤP ẢNH LƯU NIỆM TRƯỚC TÒA THÁNH TẠM



XÂY CẮT ĐƯỢC MỘT PHẦN LẦU HIỆP THIÊN ĐÀI

PHẦN THỨ NĂM: HÀNH ĐẠO NƠI TÒA THÁNH

CHƯƠNG I: ĐỨC CHÍ TÔN SẮP ĐẶT VIỆC HÀNH ĐẠO

1. THẦY SẮP ĐẶT VIỆC HÀNH ĐẠO NƠI TÒA THÁNH (NGÀY 5-1 MẬU THÌN 1928)

THẦY

Các con,

Hoạch! Mặc Thiên phục rồi ra, quì giữa, xích tới bàn... Con đừng đứng chép Thánh ngôn.

Các con, Thầy muốn cho phần nhiều môn đệ Thầy đến hầu nơi Tòa Thánh kỳ vía tới đây, đứa nào phải gia đạo hàn vi không thể đến đứng thì niệm danh Thầy, dâng một tấm lòng thành thật cũng đủ là quý trọng. Nếu phần nhiều đến được thì làm cho cuộc lễ ra vẻ long trọng, hầu làm cho hưng vượng Tòa Thánh và thêm lòng ngưỡng mộ của chúng sanh.

Mỹ Ngọc! Nhạc trong Đạo chưa có vẻ chi hoàn toàn, con gắng lo dựng có thể dạy truyền ra cho nhiều đứa biết mà dùng trong khi hành đại lễ. Nhiều đứa có thể học được nhưng chẳng để lòng đến, nên lúc hữu sự, lễ nhạc gì đều chẳng trọn.

Trung! Con hiệp với Mỹ Ngọc cho lệnh biểu các môn đệ Thầy, đứa nào có thể giúp về nhạc dựng thì gắng học cho đủ mà dùng, khỏi nhọc lòng cầu nơi ngoài. Con biết à.

Phú! Học nhạc được, gắng sức giúp Đạo. Còn nhiều đứa khác, Trung và Mỹ Ngọc liệu mà lựa cho đủ.

Trung! Ngày 12 tới đây, con như đi xuống Ca cho Thầy dạy, cho Thơ hay nó đi với con và mấy em.

Bính! Con đừng thế cho Trung nơi Tòa Thánh, khi

nào Trung phải vắng mặt nơi đó chút ít.

Trung! Lịch phải ở Tòa Thánh với con, nó khứng không con? (*Bạch: Lịch nói khứng nhưng con đợi hoài tới nay chẳng thấy*).

Cười... Nhiều đứa muốn trái Thánh ý lắm. Thầy dạy từ đây, con và Lịch phải có mặt nơi Tòa Thánh, trừ ra đứa nào có lệnh dạy đi đâu hay là mắc đi việc chi về Đạo phải vắng mặt thì có Phối Sư thế được mà thôi.

Con phải chăm nom từ chút và dọn tánh chư Đạo hữu, chớ vội tin, lúc này nhiều đứa bị cám dỗ mà sai bước lẫn. Ấy là lúc tà chánh tranh giành với nhau. **Đứa nào chẳng giữ được đường ngay thì khó mong đến cùng Thầy đặng đó. Đạo chẳng khó, duy nơi tắc lòng, mà thương hại thay! Từ xưa, công quả của mấy bậc chơn tu đều trôi theo dòng bích hết, cũng vì đó mà nay cũng khó thế tránh được.**

Các con yêu dấu! Nên giữ mình cho lắm!

Nương! Công quả thiệt thòi! Thầy sẽ định sau này. Con nên gắng hết lòng khuyên nhủ là đủ.

Hộ! Thầy cho được tự liệu mà dìu dắt chư Đạo hữu, con nên gắng sức. Thầy sẽ chứng lòng.

Thầy ban ơn cho các con.

THĂNG.

2. PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐẠO (NGÀY 29-2 MẬU THÌN 1928)

LỜI TỰA

Thiết tưởng, Đạo nào cũng dạy lánh dữ làm lành. Chủ nghĩa của mỗi tôn giáo thầy đều cao thượng nhưng nếu người hành Đạo không noi theo một phương châm nào cho chánh đáng, tức nhiên Đạo cao thượng cũng hóa ra hư hèn, rồi lâu đời mới chánh truyền phải mất.

Tôi vốn không từng viết văn, lẽ không nên làm sách, song nghĩ vì trách nhiệm nặng nề, sở dĩ phải lược lục quyển sách “*Phương Châm Hành Đạo*” này mong rằng chư Đạo hữu lưỡng phái nam nữ nhứt tâm hành sự theo qui tắc chuẩn thẳng, thì rất may mắn cho nền Đạo, mà lại cũng là một điều hân hạnh cho tôi lắm đó.

Mỗi lần thuyết Đạo, chư vị Thiên phong cũng nên đem quyển sách này ra đọc cho chư tín đồ nghe rồi giải rành thêm cho mọi người dễ hiểu.

**Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 29
tháng 2 Mậu Thìn (1928)**

Thượng Đẩu sư LÊ VĂN TRUNG

Quyển sách “*Phương Châm Hành Đạo*” của Ngài Đẩu Sư Thượng Trung Nhựt gồm 20 trang, có các mục sau đây:

1. Giữ Đạo:

- ▣ Làm lành lánh dữ
- ▣ Trau dồi đức hạnh : khiêm nhượng, nhẫn nại, thuận hòa, kiên tâm, thanh liêm.

2. Người trong Đạo phải đối đãi nhau thế nào?

- ▣ Tín đồ
- ▣ Chức sắc

3. Đối với người ngoại giáo:

- ▣ Đối với quan viên Chức-sắc
- ▣ Đối với người khác Đạo
- ▣ Đối với người nghịch Đạo

4. Phổ thông thiên Đạo:

- ▣ Thuyết Đạo
- ▣ Khai đàn

5. Phải năng hầu đàn.

6. Điều lệ hầu đàn: Khi nhập đàn.

7. Phải xem sách kinh, luật lệ.

8. Phải xem kinh sách thế nào?

Ngoài ra, cũng trong năm Mậu Thìn (1928) này, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt hợp với Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt biên soạn cuốn: Tứ thời nhựt tụng kinh, chữ quốc ngữ có biên kèm chữ Nho và chữ Nôm để giải thích mỗi câu kinh.

3. THẦY DẠY ĐỨC HỘ PHÁP LÀM TỊNH THẮT (NGÀY 16-3 MẬU THÌN 1928)

THẦY

Các con,

Ủ hự! Con đứa lớn không nên lớn, đứa nhỏ không nên nhỏ, uổng công Thầy dạy dỗ từ bấy lâu nay lắm!

Một nền Đạo đức mà ra mất giá cũng tại nơi các con đó. Thầy đã lập trọn vẹn tư cách của nó, các con chỉ còn có ra công tô điểm cho nên mỹ lệ, mà các con để nông nổi như vậy, Thầy cũng muốn bỏ đi đó chút, nhưng mà đoái đến nhưn sanh và công lao khó nhọc của nhiều kẻ nên dạ không đành, mà giận cái ngày đại của các con mà thêm nổi này.

Thầy đã sẵn sẵn đẳng cấp trật tự, quyền lệnh cho các con mà các con chẳng biết phận sự của mình, biểu sao nền Đạo không bị đập đổ, khi dễ phẩm vị Thiên phong.

Cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật chình lòng, muốn toan phế hủy. Đạo mới ra loạn lạc đường ấy.

Nay đã biết rằng kẻ thù nhưn sanh, làm cho hiểu

rằng: Không Thầy nâng đỡ thì dầu cho một mối Đạo nào chơn chánh, hiệp lý thiêng liêng đi nữa, thì cũng phải bị nơi tay các con mà qui phạm ra tả Đạo.

Mặc dầu chớ Thầy rất phiền các con không nhớ lời Thầy đã Tiên tri mọi điều cho các con biết trước hết. Vì vậy mà làm cho Thầy rất tiếc công khó nhọc với các con từ khi Thầy đến dạy dỗ. Nhiều đứa dám lộng ngôn gọi sức mình là đủ, không giữ hạnh khiêm cung, phải đắc tội cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Mưu mưu kế kế hại lẫn với nhau, Thầy đã dự định cho mỗi đứa đủ quyền kềm thúc lấy nhau, đặng giữ gìn Thánh đức yêu sanh của Thầy mà bình vực lấy nhau, mà chẳng một đứa nào biết ngó đến phẩm giá mình, làm cho cả nhơn sanh phiền muộn.

Nếu Thầy phải chịu thất vọng một phen này nữa thì toàn địa cầu 68 phải bị đọa đời đời kiếp kiếp.

Thảm thay cho nhơn loại! Đau đớn thay cho nhơn loại!

Thầy cho các con biết trước rằng: Ngọc Hư Cung hằng để ý vào công cán của các con và tội tình của các con. Thầy nhứt định không dạy dỗ chi nữa hết, song **Thầy dặn các con một điều là cứ tuân y luật lệ và Thánh ngôn của Thầy mà hành Đạo.**

Trung! Cũng tại con nữa nghe.

Cử, Tắc, Chương! Như Cửu Trùng Đài không nhìn nhận quyền hành của Hiệp Thiên Đài thì các con an phận, đọi lệnh Thầy dạy biểu ngày nào cần đến các con sẽ hay.

Hiếu! Con đừng phiền não. Thầy tưởng trẻ không quên Thầy dạy dỗ. **Phải nhớ lời Thầy, đừng trách bài thi khó khăn mà bỏ trường công quả.**

Cư! Con phải sửa soạn đem các chứng cứ của con mà trình bày cho Hội Thánh hiểu biết, đừng răn kẻ vô đạo nghe.

Tắc! Làm Tịnh Thất cho rồi đừng mấy anh con vào ở. Biểu Lịch sửa đường vào Tịnh Thất ngay cửa nhà nó, cái Đài Luyện Khí trật hướng, phải xoay mặt qua chánh đông nghe.

Thầy ban ơn cho các con.

THĂNG.

4. ĐỨC LÝ KHUYÊN CỬU TRÙNG ĐÀI VÀ HIỆP THIÊN ĐÀI HIỆP NHAU ĐIỀU ĐÌNH NỀN ĐẠO (NGÀY 7-5 MẬU THÌN 1928)

THÁI BẠCH

Lão giận không muốn cho hầu đó chút nhưng Chí Tôn đã phán dạy Lão phải tuân theo, cho vào.

Lão mừng chư Đạo hữu. Cười...

Chư Hiền hữu, Lão nói thử rằng: Không biết Lão có nơi đây không há? À há! Giáo Tông mà làm gì hủ! Lão tưởng không cần nói thì chư Đạo hữu cũng đủ biết rằng: Lão cầm quyền. Giáo Tông đặng cũng nhờ nương theo chư Đạo hữu mới có phần xác mà hành chánh đặng.

Lão chẳng có lời chi cảm ơn chư hiền hữu đã tận tâm giúp Lão nên nền Đạo ngày nay mới biến như vậy.

Cười.... Cửu Trùng Đài thì không quyền, Hiệp Thiên Đài thì không lệnh, Lão dầu để hết tinh Thần thiêng liêng vào nữa cũng chẳng làm gì được, chi bằng Lão để cho chư hiền hữu dùng hết sức phàm điều đình, chừng nào không đặng, cầu đến Lão sẽ hay. Cười...

Lão cũng chẳng nên nói chi lắm mà làm cho phiền.

lòng Chí Tôn, vì lắm công chư hiền hữu, nên Đạo mới ra đến đời này!

5. ĐỨC CAO THƯỢNG PHẨM RA KHỎI TÒA THÁNH (NGÀY 25-7 MẬU THÌN 1928)

Nhắc lại, lúc trước vào đầu tháng 3 âm lịch năm Mậu Thìn, có vài Chức-sắc Cửu Trùng Đài làm đơn gửi lên Hội Thánh tố cáo Đức Thượng Phẩm thâm lạm tiền bạc của Hội Thánh.

Trong lúc Hội Thánh đang tra xét thì số người ấy xuống gặp ông Tư Mắt ở Sài Gòn, thêu dệt thêm nhiều điều phi lý để kích động Tư Mắt, vì họ biết ông Tư Mắt tánh tình bộc trực nhưng nông cạn, nóng nảy, lại hay làm liều, để kéo Tư Mắt về phe của họ. Nhóm của ông Tư Mắt, sau khi họp bàn, lập vi bằng tại Thủ Đức xong thì sau đó hẹn nhau đồng kéo lên Tòa Thánh Tây Ninh để vấn nạn Đức Cao Thượng Phẩm.

Họ đến Tòa Thánh Tây Ninh ngang nhiên làm các việc theo ý riêng của họ, không xin phép ai cả, không căn cứ vào luật pháp nào cả, bởi vì sau này được biết: Bên ngoài, họ được chánh quyền Pháp tại Tây Ninh xúi giục; bên trong thì họ được sự ủng hộ ngầm của hai Ngài Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh.

Họ yêu cầu họp các Chức-sắc hiện đang có mặt tại Tòa Thánh (*gọi là họp Hội Thánh!*) để xem xét việc này. Tổng số Chức-sắc hiện diện là 45 vị, đương nhiên trong số này có nhiều vị Chức-sắc đồng cánh với họ.

Họ trích điểm Đức Thượng Phẩm và Đức Hộ Pháp, cho rằng, Cửu Trùng Đài nay đã có đủ Cửu Viện làm việc rồi, còn Hiệp Thiên Đài có công phò cơ buổi đầu mở

Đạo, nay Đức Chí Tôn đã cấm cơ bút, nên quý Chức sắc Hiệp Thiên Đài hết nhiệm vụ, cần an tịnh nghỉ ngơi.

Họ tổ chức bỏ thăm lấy ý kiến: có 27 thăm đồng ý cho Đức Thượng Phẩm rời Tòa Thánh, trở về tư gia nghỉ ngơi, 15 thăm không đồng ý, 3 thăm trắng. Họ dùng hình thức có vẻ dân chủ này để lừa bịp dư luận vì những người bỏ thăm phần nhiều là thuộc phe cánh của họ và cuộc họp này không do Hội Thánh triệu tập. *(Tài liệu lưu lại không ghi tên 45 vị Chức sắc này!)*

Thế là họ buộc Đức Cao Thượng Phẩm và Bà Hương Hiếu rời khỏi Tòa Thánh trong vòng 24 giờ. Ông Tư Mất đe dọa, nếu bất tuân, không chịu rời Tòa Thánh thì ông sẽ bắt trói nơi gốc cây, bắn bỏ!

Đức Hộ Pháp nói: Dù 3 thăm trắng nhập với 15 thăm chống, thì cũng còn ít hơn số 27 thăm kia. Số 15 là con số của Hiệp Thiên Đài vì Hiệp Thiên Đài có 15 vị, số 27 là con số của Cửu Trùng Đài vì là bội số của 9, còn số 3 thì thêm vào bên nào cũng vậy thôi.

Bốn ngày sau, tức là ngày 29-7 Mậu Thìn, Đức Cao Thượng Phẩm cùng bà Hương Hiếu rời Tòa Thánh, dọn về ở nơi tư gia của Ngài tại làng Hiệp Ninh.

Đức Hộ Pháp sau đó cũng phải đi lánh nạn ở Thánh Thất Thủ Đức. Thánh Thất này do Ngài Thái Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh lập ra.

6. ĐỨC HỘ PHÁP MUA ĐẤT LẬP PHẠM NGHIỆP (TRUNG TUẦN THÁNG 8 NĂM MẬU THÌN)

Trung tuần tháng 8 năm Mậu Thìn (1928), Đức Hộ Pháp dùng tư bốn riêng của Ngài mua một phần đất cấp quốc lộ 22, gần chùa Gò Kén, để lập Phạm Nghiệp.

Đức Ngài đặt khoán cho ông Lê Sanh Thượng Ngươn Thanh làm một cái nhà bằng gỗ, chường nào làm xong thì chở tới dựng lên. Khi ngôi nhà được dựng xong thì Đức Ngài cho làm cái cổng, xây hai trụ hai bên, làm một tấm bảng lớn để hai chữ Phạm Nghiệp và làm đôi liễn gắn vào hai trụ cổng:

- *Phạm nghiệp thừa nhân lợi lộc công danh vô sở dụng*
- *Môn quan tích Đạo tinh Thần pháp hữu hữu cơ cầu.*

Trong thời gian lập Phạm Nghiệp, có một số Đạo tâm tình nguyện đến xin giúp việc cho Đức Ngài, mỹ ý là họ muốn được gần gũi Đức Ngài để học Đạo. Lần hồi số người này mỗi lúc một đông. Đây là bước khởi đầu để tiếp theo sau là Đức Hộ Pháp lập Phạm Môn.

7. ĐỨC HỘ PHÁP ĐI PHÚ MỸ (NGÀY 18-8 MẬU THÌN 1928)

Sau vụ ông Tư Mất dùng bạo lực đuổi xô Đức Cao Thượng Phẩm ra khỏi Tòa Thánh về ở Thảo Xá Hiền Cung; còn phần Đức Hộ Pháp thì sau khi xây dựng Phạm Nghiệp, cũng phải đi lánh nạn ở Thánh Thất Thủ Đức. Thánh Thất này do Ngài Thái Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh lập ra.

Trong thời gian Đức Hộ Pháp ở Thủ Đức, Đức Ngài chấp bút để học Đạo với Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông.

Lúc đó có một nhóm Đạo hữu Minh Thiện Đoàn ở làng Phú Mỹ, Mỹ Tho được tin Đức Hộ Pháp đang ở Thủ Đức thì họ liền tìm đến viếng thăm Đức Ngài. Nhóm Đạo hữu này gồm quý ông: Lê Văn Trung (*Phú Mỹ*), Huỳnh Văn Phương, Hàm Sung, ông Minh, ông Phú. Năm vị này lưu lại Thánh Thất Thủ Đức 8 ngày, được Đức Hộ Pháp ban cho phép giải bịnh, vì năm đó

có bệnh dịch tả lan tràn. Ông Giáo Hữu Thượng Minh Thanh hay tin cũng đến đây thọ pháp, được Đức Hộ Pháp ban phép và truyền Thần cho ông Giáo Hữu về Phú Mỹ giải bịnh bốn Đạo.

Quý ông xin phép Đức Hộ Pháp cho trở về Phú Mỹ chuẩn bị các công việc và xin Đức Hộ Pháp là 2 tháng sau sẽ lên rước Đức Ngài xuống Phú Mỹ, Đức Hộ Pháp chấp thuận.

Xin mở đầu ngoặc nói riêng về Minh Thiện Đàn:

Năm 1927, Đức Phạm Hộ Pháp và Ngài Cao Quỳnh Diêu vâng lệnh Đức Phật Mẫu đi xuống làng Phú Mỹ ở Mỹ Tho để tìm mua đất lập một Thánh Thất gọi là Khổ Hiền Trang, giao cho ông Giáo Hữu Thượng Minh Thanh làm chủ.

Đức Lý Giáo Tông giảng cơ cho bài thi khoán thủ:

KHỔ thà cam chịu chớ đùng than,
HIỀN hảo càng nhau mới vẹn toàn.
TRANG điểm ngọc lành cho đáng giá,
 Dối mài Chí thiện Thượng Minh Thanh.

Đức Phật Mẫu cũng giảng dạy phải khẩn đất nơi đây để lập một Sở Thảo Đường, ngày sau sẽ thành phước địa và cho bài thi sau đây:

THẢO ĐƯỜNG phước địa ngộ tùng hoa,
 Lục úc dư niên vô trụ hòa.
 Cộng hưởng phàm gian an lạc nghiệp,
 Thế đặng Bồng đảo định âu ca.

► Ngày 14-10 Đinh Mão (dl 8-11-1927),

Ông Đinh Công Trứ chấp cơ thì Đức Lý Giáo Tông giảng dạy lập Minh Thiện Đàn tại nhà của ông. Ông

Lê Văn Trung ở gần nhà ông Trứ cũng gia nhập Minh Thiện Đoàn (MTĐ). Hai ông được Đức Lý Giáo Tông dùng làm cặp phò loan chánh thức của MTĐ.

▶ Ngày 15-1 Mậu Thìn (dl 6-2-1928)

Bắt đầu lập đàn cầu cơ thu nhận người vào MTĐ, ông Giáo Hữu Thượng Minh Thanh chứng đàn, lập minh thệ cho mỗi người, rồi lập thông qui dâng về Tòa Thánh cho ba Ngài: Đầu Sư Thượng Trung Nhật, Đức Hộ Pháp và Đức Thượng Phẩm. MTĐ cũng được lệnh đưa người trong đàn về Tòa Thánh, từng lệnh Đức Cao Thượng Phẩm làm công quả khai phá đất rừng, cất được một cái nhà 7 căn gọi là: Nhà Sở Phú Mỹ.

▶ Ngày 15-2 Mậu Thìn (dl 6-3-1928)

Đức Lý giảng cơ dạy lập luật điều chánh pháp, ấy là nội luật điều hành MTĐ.

▶ Ngày 3-1 Kỷ Tỵ (dl 12-2-1929), Đức Quan Thánh Đế Quân giảng đàn, bảo ông Trung lập tại nhà của ông một cái đàn nữa gọi là Đồng Nghĩa Đàn để thu môn đệ vào MTĐ.

▶ Đến ngày 16-1 Kỷ Tỵ (dl 25-2-1929) Đức Lý Giáo Tông giảng dạy: “*Minh Thiện là Qui Thiện, mà Qui Thiện là Phạm Môn, nên phải hiệp với Đức Hộ Pháp.*” Do đó những vị trong MTĐ tìm cách liên lạc với Đức Hộ Pháp và xin rước Đức Hộ Pháp xuống Phú Mỹ

**8. THẤY DẠY LÀM THÁP CHO CA BẢO ĐẠO
(NGÀY 19.10 MẬU THÌN 1928)**

THẤY

Đại lộy! Cái thảm trạng chia lìa may ra có thể làm cho các con đau đớn mà biết thương yêu nhau chẳng?

Thảm! Từ thử chỉ có một mình Bảo Đạo là niên cao kỷ trưởng hơn các con hết mà buộc Thầy phải đem về, thì tưởng các con đã biết mình là cô cút về đường đời, không ai đủ trí thức hoàn toàn mà binh vực các con nữa, thì mới biết lập mình có đủ khôn ngoan tài tình Đạo đức thì địa vị các con mới trở nên cao đặng.

Thầy đòi phen phải buộc lấy hình phạt mà làm ra phần thưởng, các con đã hiểu Đạo đặng chút ít, Thầy tưởng chẳng cần phải cạn lời.

Thầy khuyên các con lấy Chương làm dây thân ái mà buộc nhau mới đặng hòa nhã nơi Hiệp Thiên Đài.

Thầy cho phép các con làm lễ táng nó cho long trọng, hầu nêu gương cho hậu tấn của Đạo.

Tắc! Phải biểu Cư xuống cho kịp làm lễ y như lời Thầy dạy đám tang của Thụ. Nhớ làm, đừng bỏ nữa nghe con. Thầy cũng nên nhắc lại với các con rằng, đủ 3 năm, phải thiêu hài cốt, lên tượng, đặng đem nó vào Bát Quái Đài, nghe:

Nơi mộ nó, phải để quan tài khỏi mặt đất một tấc và xây tháp lên y như lời Thầy đã dặn. Trên mặt tháp để chữ vàng “*Bảo Đạo Chơn Quân*” nhớ à! Thầy thăng.

9. ĐỨC CAO THƯỢNG PHẨM ĐĂNG TIÊN (NGÀY 1-3 KỶ TỴ 1929)

11 giờ trưa, Đức Cao Thượng Phẩm cho mời Đức Hộ Pháp cùng ông Bảo Văn Pháp Quân, bà Giáo Sư Hương Hiếu, Giáo Hữu Thượng Trí Thanh, Giáo Hữu Thương Kỳ Thanh, Lễ Sanh Thượng Nguơn Thanh.

Đức Thượng Phẩm nhìn Đức Hộ Pháp trời rằng: “*Nay Qua về châu Đức Chí Tôn, em ở lại hiệp với Chức sắc chung lo nền Đạo của Thầy cho được vẹn toàn mọi*

sự. Anh đâu có nhắm mắt thì sự mất cũng như còn”.

Nói rồi tuôn hai hàng nước mắt. Kế day qua nói với người bạn đời của Ngài, căn dặn để trọn tâm lo tròn phận sự. Nói dứt lời thì Ngài xuất linh hồn êm ái, gương mặt giống như người đang ngủ. Cả Chúc-sắc có mặt đều cảm động và ngậm ngùi thương tiếc.

Khi Ngài dứt hơi thì đỡ ngồi dậy, thúc xác ngồi kiết tường, trước mặt lập bàn hương án, chưng bông hoa trà quả. Đức Hộ Pháp ra kiếu cho thợ mộc đóng liên đài hình bát quái.

Thời tỵ đại liệm, rồi thành phục, tế lễ theo nghi tiết.

Hội Thánh thông tri cho toàn Đạo các tỉnh đều hay đặng hành lễ cầu nguyện cho Đức Cao Thượng Phẩm được tiêu diêu nơi miền Tiên cảnh.

Quần tại Thảo Xá Hiến Cung 3 ngày, Chúc-sắc và Đạo hữu nam nữ diếu tế rất đông.

Chức sắc Hiệp Thiên Đài cầu cơ, Đức Cao Thượng Phẩm giáng cơ tỏ vẻ vui mừng được về bái mạng Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu nơi Bạch Ngọc Kinh và Diêu Trì Cung, đều được ân ban công nghiệp buổi Khai-Đạo tròn sứ mạng.

Ngài tiếp cho một bài thi tứ tuyệt.

THI

*CAO thanh miệng thế mặc chê khen,
THƯỢNG trí màng chi tiếng thấp hèn.
PHẨM cũ ngôi xưa dầu rõ giá,
Tư bi tập tánh được thường quen.*

Ngài tỏ vẻ vui mừng vì nay đã thoát khỏi biển trần, về cảnh Thiêng Liêng Hằng sống.

CƯƠNG II: HỘ THÁNH LẬP NỘI LUẬT

1. ĐỨC HỘ PHÁP LẤY LONG TUYỀN KIỂM (NGÀY 29-2 CANH NGỌ 1930)

Trước đây, vào ngày 18-10 Mậu Thìn (1928), khi Đức Hộ Pháp chấp bút, có Bát Nương giáng, mách cho Đức Hộ Pháp biết cần phải phá cái phép ếm Long Tuyền Kiểm của triều đình Mãn Thanh nước Tàu đem qua ếm nước Việt Nam, phá phép ếm xong thì nước Việt Nam mới có nhiều nhân tài nổi lên làm cho đất nước cường thịnh được. Chừng nào thuận tiện thì Bát Nương sẽ cho biết để đi lấy phép ếm độc hại này.

Từ khi vua Quang Trung Nguyễn Huệ của nước Việt Nam đại thắng quân Mãn Thanh, giữ vững nền độc lập thì vua quan nhà Mãn Thanh rất tức giận, vì với một đại quốc như nước Tàu mà không thu phục nổi một nước nhỏ bé như Việt Nam, họ suy nghĩ và khám phá ra rằng, nguyên do là nước Việt Nam có nhiều người tài giỏi. Do đó, triều đình Mãn Thanh sai các thầy địa lý giả dạng thương buôn, qua Việt Nam đi khắp nơi, từ Bắc chí Nam, để tìm các long mạch sản xuất nhân tài của Việt Nam. Họ nhận thấy, các long mạch đã chuyển từ miền Bắc vào miền Trung và sau cùng chuyển đến miền Nam, ở tại làng Phú Mỹ tỉnh Mỹ Tho. Đây là một long mạch đầy linh khí, nơi đây sẽ sản xuất nhiều nhân tài xuất chúng làm cho nước Việt Nam phú cường.

Họ liền dùng phép ếm long mạch, không cho long mạch phát tác và đặt nơi đây một cây kiểm linh, để nếu có nhân tài sản xuất ra thì bị cây kiểm linh này giết

chết từ khi còn thơ ấu.

Đến đầu thế kỷ 20, nhà Mãn Thanh lại sai một thầy địa lý tài giỏi khác lên lút qua Việt Nam xem xét phép ếm trước và ếm thêm một lá phù nữa để tăng cường, có trấn tại đây một vị Thần để gìn giữ phép ếm, không cho ai phá hủy.

Thời gian qua, một hôm Bát Nương giáng cơ nói với Đức Hộ Pháp: ngày 29-2 Canh Ngọ (1930) tới là lúc thuận tiện để Đức Hộ Pháp đi lấy Long Tuyền Kiếm tại Phú Mỹ, phá phép ếm của triều đình Mãn Thanh nước Tàu, rồi chỉ dẫn Đức Hộ Pháp cách lấy Long Tuyền Kiếm và cách phá phép ếm vì nơi đây có một vị Thần linh giữ gìn, chỉ có người Thiên mạng mới đến lấy được mà thôi, nếu là người phạm thì sẽ bị vị Thần này xua đuổi hay giết chết.

Đến ngày này, 29-2 Canh Ngọ (dl 28-3-1930), Đức Hộ Pháp cùng với 2 vị nữ phái và 4 vị nam phái gồm: Lê Sanh Thái Chia Thanh, ông Tri, ông Chiêu, ông Lư, đến Thánh Thất Khổ Hiên Trang ở Phú Mỹ để tổ chức đi lấy phép ếm Long Tuyền Kiếm. Đức Hộ Pháp nhờ quý vị trong Minh Thiện Đoàn chuẩn bị xuống ghe và các dụng cụ phát cỏ, đào đất.

Đức Ngài chấp bút, Lỗ Ban Sư giáng nói phải đi vào Sở Thảo Đường. Thảo Đường này là chỗ do Đức Phật Mẫu chỉ dạy, khẩn một lô đất hoang 60 mẫu và khai một con kinh về các năm trước là năm Mậu Thìn (1928).

Sáng sớm ngày 30-2 Canh Ngọ (dl 29-3-1930) Đức Hộ Pháp xuống ngồi trên một chiếc ghe với 2 Chức sắc hầu cận, còn các vị khác xuống ngồi trên các chiếc xuống, bơi dọc theo kinh chợ Thầy Yến, rồi đi vào Láng

Cát.

Khi đến con kinh mà ông Đinh Công Trứ, ông Lê Văn Trung (*Phú Mỹ*) và bốn Đạo Minh Thiện. Đào khai thác, các vị xuống ghe dừng lại, phái đoàn lên bờ. Nơi đây là Sở Thảo Đường, có tạo một ngôi nhà tạm bằng cây để thờ Đức Chí Tôn. Khu đất này là một gò đất cao, rộng, giống như một ngọn núi mới nổi chưa thành hình. Đức Hộ Pháp chấp bút, Lỗ Ban sư giáng chỉ dẫn. Đức Hộ Pháp: Đi về hướng tây nam chừng 280 bước, gặp một cái gò cao nhứt, đó là chóp núi sẽ nổi, đào sâu xuống thì sẽ gặp Long Tuyền Kiếm.

Đức Hộ Pháp và phái đoàn đi đến nơi mà Lỗ Ban Sư hướng dẫn, Đức Ngài biểu đào sâu xuống, khi đào xuống khá sâu thì gặp một miếng đá lớn, khiêng miếng đá ấy lên, rồi đào xuống tiếp, gặp một khối đá nữa, trên mặt khối đá này có: 1 hình nhân bằng đồng, 1 lưỡi dao phai đã rỉ sét, 6 con cờ tướng (*gồm 1 con tướng, 2 con sĩ, 2 con xe, 1 con chốt*) và 6 đồng tiền kẽm, đặt ở 6 góc. Khiêng khối đá ấy lên và tiếp tục đào sâu xuống nữa thì đựng một cái hộp bọc chì, dài chừng 9 tấc, ngang 3 tấc, dày chừng 1 tấc 8. Mọi người đều vui mừng.

Đức Hộ Pháp nói đây là hộp đựng Long Tuyền Kiếm, phải cẩn thận lấy lên cho nguyên vẹn.

Khi lấy hộp đựng Long Tuyền Kiếm lên thì có một mạch nước trắng xóa phun lên. Đức Hộ Pháp cho biết đó là long mạch. Đức Ngài hành pháp giải khai long mạch và ra lệnh đào một cái rạch nhỏ, từ ngọn Tràm Sập, băng qua long mạch, đến con kinh lớn, để dẫn nước từ long mạch ra sông, châu lưu khắp sông ngòi cho dân tộc Việt Nam hạnh hưởng.

Đức Hộ Pháp nói: *Nay là ngày kỷ niệm nước Việt Nam dòng giống Lạc Hồng được hữu phước nhờ Đạo Trời khai mở, gỡ ách nạn cho dân tộc Việt Nam và cả nhơn loại, từ từ nước Việt Nam sẽ gỡ được ách nô lệ ngoại bang, dòng dõi tổ phụ ta sẽ được phục nghiệp, dân tộc ta sẽ có nhiều nhân tài xuất hiện, xóa ách nô lệ và làm cho đất nước phú cường. Nếu có chậm trễ là do dân tộc Việt Nam không sớm tôn thờ nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn, không đủ thương yêu nhau, mãi lo tranh danh đoạt lợi. Lại nữa, Tổ phụ ta đã vay nợ máu là Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn, ai còn dính dòng máu oan nghiệt ấy thì phải trả cho dứt rồi mới vẫn hồi được hòa bình độc lập thật sự được.*

Việc đào con rạch nhỏ này để giải khai long mạch, trừ tuyệt phép ếm Long Tuyền Kiếm của Tàu, tất cả người Minh Thiện Đoàn quyết tâm đào nội trong ngày cho xong, có chỗ nhằm đất của tư nhân, họ ra nằm vạ cản trở, nhưng khi họ nghe giải thích thì cảm thông cho việc làm công ích này. Đến khoảng 1 giờ chiều thì đào xong con rạch nhỏ này, nước trong long mạch chảy ra hòa vào nước sông, đi châu lưu cùng khắp.

Đức Hộ Pháp và phái đoàn trở về, dùng cơm tại nhà Ngài Lê Văn Trung (*Phú Mỹ*).

Sau đó, phái đoàn trở lại Thánh Thất Khổ Hiền Trang vào lúc 4 giờ chiều, nghỉ ngơi. Hôm sau, Đức Hộ Pháp đem Long Tuyền Kiếm cùng các vị Chức-sắc nam nữ trở về Tòa Thánh Tây Ninh.

Ngài Hiền Nhơn Lê Văn Trung có thuật lại cho ông Chơn Nhơn Phạm Duy Hoai nghe về việc có một người Tàu, không biết gốc gác ở đâu, đến Phú Mỹ, quanh

quần nơi đó khá lâu, sau này khi Đức Hộ Pháp đi lấy phép ếm Long TUYẾN KIỂM thì ông mới trực nhớ lại và đoán chắc người Tàu ấy đến Phú Mỹ là để ếm long mạch như đã nói ở trên.

“Thuở nhỏ, lúc ông Trung còn ôm cặp đi học, ông đi bằng xuồng đến trường học ở chợ Phú Mỹ, ông có biết một đám xác chôn chôn nơi Láng Cát. Sau đó, lúc ở quán bên đường, ông có nghe một ông lão chuyên môn làm mướn trong vùng, ai mướn chi, ông cũng làm để kiếm sống, ở làng Phú Mỹ, mọi người đều biết ông. Ông lão cần nhân công là bữa hôm có đi chôn một bà, phải đào huyệt tới bốn lần mới chôn được.

Nghe vậy, một người Tàu, đã có mặt tại Phú Mỹ và quanh quần nơi đây cả tháng rồi, ông Tàu nói là đi tìm bà con nhưng chưa gặp. Người Tàu nẩy từ bàn kế bên bước qua hỏi ông lão là đám xác chôn ở đâu? ông lão đáp là chôn ở Láng Cát. Người Tàu hỏi vì sao lại đào tới bốn huyệt vậy?

Ông lão đáp: Bởi vì đào xuống gặp đá, đá cứng quá, mới bỏ chỗ đó, qua đào chỗ khác, cứ thế mà đào đến cái thứ tư là ra bìa gân kinh thì mới đào xuống được để chôn, nhưng chôn cũng không sâu vì đá, hơn nữa trời cũng quá khuya phải về.

Người Tàu liền mướn ông lão chèo ghe đưa ông ta đến chỗ đó để ông coi, giá là 2 cắc.

Ông lão kể câu chuyện tại quán. Sau khi người Tàu đó đi xem xong thì trở về. Người Tàu ấy lại hẹn với ông lão là ngày mai nhờ ông lão chèo ghe đi một chuyến nữa. Ông lão nói rằng: không hiểu ông Tàu đi lên bờ vào trong Láng Cát kiếm cái gì không biết, chỉ

thấy ông cầm trên tay một cái bọc gói kín, và bưng theo một hủ cái bắc thảo.

Thế rồi thời gian trôi qua, ông lão làm vườn cũng không còn, và người Tàu cũng vắng đi từ dạo đó.

Cho đến một hôm, gần 14 hay 15 năm sau, sau khi Đạo Cao Đài khai mở, Đức Phạm Hộ Pháp được Quyền Thiêng Liêng chỉ dẫn đến ngay tại Láng Cát làng Phú Mỹ lấy phép ếm Long Tuyền Kiếm của người Tàu.

Lúc bấy giờ, một sự trùng hợp như có sắp xếp, khiến vùng ký ức của ông Trung chợt được đánh thức, khiến ông nhớ lại tất cả. Nếu không có Đức Phạm Hộ Pháp đi lấy Long Tuyền Kiếm thì câu chuyện của thời quá khứ đã nằm yên trong dĩ vãng.

Cho nên, lần lượt tất cả những gì ông Trung ghi nhớ được lúc thiếu thời, giờ đây thuật lại cho Đức Hộ Pháp nghe:

Đức Hộ Pháp nói: *Tại cái gò đất vàng đây là một cái núi chưa nổi. Sau này, nếu núi nổi lên thì tại đây có một thứ đá rất đẹp, nằm từng lớp, cứ lấy lên mà bán rất nhiều tiền vì nơi khác không có.*

Tại Báo Ân Từ Tòa Thánh, ông Chơn Nhơn Phạm Duy Hoai cùng các vị Phạm Môn có nghe Đức Phạm Hộ Pháp thuật lại về cây Long Tuyền Kiếm ếm tại Láng Cát Phú Mỹ như sau:

“Ở sâu dưới đất 300 thước, có một long mạch (*mạch nước ngầm*) chạy từ núi Bà Đen, qua Nội Ô Tòa Thánh, xuống tới làng Phú Mỹ tỉnh Mỹ Tho, trở lên tại Láng Cát. Cho nên Láng Cát là một linh huyết và vùng đất Phú Mỹ sẽ sản xuất nhiều hơn tài cho nước Việt Nam.

Các nhà chiêm tinh và phong thủy Tàu biết được điều đó, nên sai thầy địa lý đem Long Tuyền Kiếm sang ếm ngay linh huyết ấy, để khi có nhơn tài xuất hiện thì kiếm đó giết chết lúc còn trẻ, để nước Việt Nam không người tài giỏi chống lại người Tàu. Nhưng nghiệp quả của nước Việt Nam đã hết, Bát Nương Diêu Trì Cung giáng cơ nói với Đức Phạm Hộ Pháp đi lấy cái ếm Long Tuyền Kiếm.

Sau khi lấy xong, Đức Ngài dạy ông Trung đào một con kinh nhỏ bằng ngang linh huyết cho nước trong long mạch tràn lên, châu lưu khắp sông ngòi, phá tuyệt cái ếm của Tàu, mà dân Việt Nam lại hưởng được cái linh khí ấy của long mạch.

2. KHỞI CÔNG XÂY DỰNG TÒA THÁNH (NGÀY 14-5 CANH NGỌ 1930)

THÁI BẠCH

Hỉ chư Đạo hữu,

Trung, Thơ, nhị vị Đạo hữu đó há! Lão buồn xem Đạo còn lắm nỗi khó khăn rối rắm, đường đi nước bước đã sớm chỉ cho hết vài phần mà đi lại cũng chưa gỡ được mối nào, mà con đường sai sót lại lần lần đi tới nữa. Mấy Đạo hữu hiểu Thánh giáo như người đốt bàn chiêm bao, rồi thì kẻ hiểu một đường, người thông một nẻo, mạnh ai nấy bàn, đường ai nấy đi, chớ chẳng chung trí đồng tâm mà làm trách nhậm.

Lão đã nói, mình duy biết lấy mình và cậy nơi sức mình mà thôi. **Đạo chẳng phải một món hàng mà nay đem cầu người nầy, mai đem nài kẻ kia cho họ biết mà nhìn nhận, thật nên nhục thể Đạo quá!**

Đấng Chí Tôn đã gieo giống quý hóa rồi, thì cần phải vun trồng cho cội sơn sơ. Cội sơn sơ mới có đâm chồi trở tược, nhành lá sum sê, hoa đơm sắc sảo, rồi mới đến trái oằn sai mà thành kết quả xứng đáng. Chừng hương nức mùi, hoa đơm trái rồi, ngàn dặm cũng tìm đến hưởng nhờ giống quý, nhọc chi phải hạ mình mà làm cho nhẹ nhàng phẩm giá.

Các Đạo hữu cứ đường ngay thẳng tới, chung lưng đầu cật mà lo việc mình, thì muôn việc đều nơi Chí Tôn sắp đặt, nghe!

Trung, hiền hữu rõ chưa? Đã lắm nhiều rồi đó. Danh Đạo đã bán một lần rồi, ráng mà chuộc lại.

Tòa Thánh là cội nguồn, ngày nào được sừng sững đứng vững nêu trên miền Tây Vực này, ấy là ngày họ cầu thỉnh các Đạo hữu đó. Nên biết mà lo.

Lão kỳ cho hết năm nay, nếu chưa có vẻ gì khởi công mà tạo Tổ Đình thì nền Đạo chớ trông gì lập thành thiên niên được. Chừng ấy, cái họa muôn chung sẽ khởi mà hành động cho đến ngày tiêu diệt với qui vương. Một phần người đã mờ ám mê muội với lũ nó, rồi trông cho đến truyền nhiễm hết, rồi nơi đây là động qui đó.

Lão đợi chư Đạo hữu đặng tái lãnh trách nhiệm, nếu chẳng thi hành thì luôn Đức Chí Tôn cũng phải theo Lão mà ra khỏi kỳ phổ độ này.

Lão cho Trung, Thơ được quyền bàn tính gấp với mấy anh em mà thi hành.

Thơ, nên gắng công mà ráng sức lo nơi đây trước đã. Hiền hữu chuộc quả nhiều là nơi đó. Còn phần ở Hậu Giang, sau sẽ tính nghe. Lão trông mong.

THĂNG

3. NGHI TIẾT ĐẠI ĐÀN VÀ TIỂU ĐÀN CHO CÁC THÁNH THẤT (NGÀY 17-6 CANH NGŨ 1930)

Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu được lệnh của Đức Chí Tôn, soạn ra quyển sách mỏng: Nghi tiết Đại Đàn – Tiểu Đàn tại Tòa Thánh và các Thánh thất, để thống nhất về nghi lễ của Đạo, đã được Đức Chí Tôn duyệt chấp thuận và cho phép ban hành. Đức Hộ Pháp làm văn thư gửi qua Cửu Trùng Đài để xem xét và ban hành. Nhưng tình hình Đạo lúc đó chưa được êm ái, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật phải chờ đợi, đến nay mới ra châu tri ban hành, áp dụng thống nhất nơi các Thánh thất địa phương.

Tờ châu tri ấy chép ra như sau:

Tòa Thánh, ngày 17-6 năm Canh Ngũ (12-7-1930).

CHÂU TRI

Gởi cho chư Hiền hữu chủ Thánh thất, đầu họ và Chức-sắc Cửu Trùng Đài.

Hiền hữu yêu dấu,

Đức Hộ Pháp có gởi cho tôi một bản lễ cúng Đấng Chí Tôn và Tam giáo của Hiệp Thiên Đài soạn lại y như sau đây.

Hôm 9-2-1930 sau ngày vía của Đấng Chí Tôn, tôi có đặt một bàn hội xem xét và hết thấy đều thuận ưng ban hành y theo cuốn lễ bản ấy.

Từ đây chư Hiền hữu phải y theo đó mà hành lễ và dạy cách hành lễ cho chư Đạo hữu lưỡng phái.

Đạo là chánh lý mà chánh lý thì có một nên cách hành lễ của Đạo phải y nhau như một mà thôi. Ai canh cải bày biện coi cho huê mỹ thì tội trọng.

Từ đây, nếu còn Đạo hữu nào không biết hành lễ thì lỗi về Giáo Hữu, Lễ Sanh, Chánh Phó Trị Sự và Thông Sự, Họ nào theo Họ ấy.

Nay kính.

THƯỢNG ĐẤU SƯ Thượng Trung Nhựt.

* Tại Thánh Thất Cầu Kho Sài Gòn, ông Vương Quan Kỳ hành Đạo không đúng phép, bị Đức Lý Giáo Tông cho sứt chức từ Giáo Sư xuống Giáo Hữu, nhưng ông vẫn còn ảnh hưởng nhiều nơi Thánh Thất Cầu Kho. Ông vận động các Chức-sắc Ban Cai Quản nơi đây không áp dụng nghi lễ theo châu tri này, vì trong đó có 3 bài thài dâng Tam Bửu mới, thay thế 3 bài dâng Tam Bửu cũ mà trước đây Ngài Ngô Văn Chiêu đã chuyển qua. (Ông Kỳ là người do Ngài Chiêu phổ độ).

Do đó Thánh Thất Cầu Kho không chịu tuân hành theo các nghi lễ trong cuốn sách của Tòa Thánh Tây Ninh.

Ngày 27-9 Canh Ngọ (dl 17-11-1930) Ngài Đẩu Sư Thượng Trung Nhựt gửi văn thư cho Giáo Hữu Ngọc Minh Thanh Ban Cai quản Thánh thất Cầu Kho một văn thư có đoạn như sau:

“Tôi xin nhắc: Đạo thì một gốc, hành lễ phải y nhau một thể lệ. Vì việc lễ nhạc đọc kinh các nơi không rập nhau một thể lệ nên năm ngoái, tôi có lập một ban hội để ông Chánh Phối Sư Ngọc Trang Thanh làm Hội trưởng và mỗi Thánh thất đều có người thay mặt, bàn hội ấy xem xét cuốn Nghi Tiết Đại Đàn Tiểu Đàn. Ngày đại lễ Đức Chí Tôn, Hội Thánh cũng cử một ban hội để xem xét cuốn nghi tiết ấy. Lại nữa trong ban hội này có Chức-sắc thay mặt Cửu Trùng Đài, có Chức-sắc

thay mặt Hiệp Thiên Đài, hiệp nhau xem xét hết lẽ rồi phần đông mới định ban hành cuốn nghị tiết ngày nay đã in ra đó...

“Tôi có được thư của Hiền hữu Ngọc Minh Thanh ngày 14-11-1930 nói về cuốn sách Nghị Tiết Đại Đàn – Tiểu Đàn. Trong thư Hiền hữu Ngọc Minh Thanh nói họ Đạo Cầu Kho không thể hành lễ theo nghị tiết trong cuốn sách trên của Tòa Thánh gửi xuống... Nếu chư Hiền hữu đầu họ Đạo và chư Hiền hữu chủ Thánh thất không thi hành các việc Tòa Thánh ban hành thì trước hết phải mang tội không vâng lệnh bề trên.

“Tôi cầu khẩn ai thông minh trí thức về Tòa Thánh giúp việc đăng đem tài trí ra giúp Đạo giúp đời. Ai còn thể sự ràng buộc thì đăng dâng ý kiến (émettre les vœux), mỗi đầu năm có Hội Thánh, mới đem ý kiến ấy ra bàn nghị”

“Còn các việc Tòa Thánh ban ra thì phải ban hành lập tức một thể lệ. Đã lâu rồi, Đấng Chí Tôn kêu tôi mà nói: “Trung, bởi con sợ mích bạn hơn sợ Thầy buồn, nên mới có xưng bá xưng hầu để độc quyền lòng thế. Hành chánh phải y một thể lệ, chỗ nào có Thánh thất chẳng vậy thì chẳng nhìn là nảy sanh ra nơi Đạo Tam Kỳ, thì con hiểu lấy”.

4. PHÁT GIẤY THÔNG HÀNH CHO ĐẠO HỮU (NGÀY 8-10 CANH NGỌ 1930)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ (Năm thứ năm.)

Tòa Thánh, ngày 27-11-1930 (8-10 Canh Ngọ)

CHÂU TRI

Cho chư vị Đầu Quận Đạo và Chủ Thánh Thất.

Chư Hiền hữu, hạ ngươn vừa đến, tôi xin nhắc chư Hiền hữu coi lại mấy tờ Châu Tri của Tòa Thánh ban hành trong mấy năm nay.

Có chỗ không thi hành châu tri ấy, có chỗ thi hành không trọn vẹn, không sao lục phát ra cho Chánh Phó Trị Sự đăng truyền ra cho Đạo hữu, nên nền Đại Đạo còn chình nghiêng. Nhứt, tôi xin nhắc tờ châu tri số 44 đề ngày 16-6 11.

Tôi có nhắc xem xét giấy rãng cửa phát cho Đạo hữu. Vạn sự khởi đầu nan. Hồi ban sơ, chúng ta muốn phổ thông Đạo cho mau vì Đạo khai trể một ngày thì hại cho hơn sanh một ngày, nên ai cầu Đạo thì phát giấy rãng cửa (*Certificat de Baptême*) liền, không chờ cho thờ phượng và biết sám hối ăn năn rồi mới phát. Nhiều người giả dối đi nhập môn đôi ba chỗ, rồi xin giấy rãng cửa mỗi chỗ về, không thờ phượng, không lo tu hành ăn năn chừa lỗi, để giấy rãng cửa trong mình, đi nơi nầy chốn kia mà gạt gẫm Đạo hữu thật thà hơn mình.

Vì thấy mỗi tệt ấy, tôi mới dạy tu bộ Đạo hữu cho hoàn toàn đăng có bộ sổ Đạo hữu thiết thà thờ phượng.

Nay Hội Thánh có lập sắc phái như *Certificat de Baptême* của Đạo Thánh giáo Gia Tô, như sắc phái của Đạo Phật (*Thiền lâm*).

Chư Hiền hữu coi theo bộ đăng phát không sắc phái nầy, còn giấy rãng cửa trước đây hủy bỏ hết. Chư Hiền hữu ráng chăm nom việc phát sắc phái đây, không cho thâm tiền của Đạo hữu. Các Hộ nạp bộ Đạo cho Tòa Thánh thì có biên lai hết. Tòa Thánh cứ đo theo bộ Đạo mà phát sắc phái cho các hộ Đạo. Nơi nào lập bộ bỏ sót tín đồ của Đấng Chí Tôn thì chịu tội lấy.

Việc phát giấy thông hành cho người đi lo hành Đạo đang ngăn ngừa những kẻ giả dối, trộm lệnh cướp quyền thì nhiều nơi chưa thi hành chi hết nên có nhiều người in giấy thiệp đề ở dưới tên mình “*Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh*” rồi đi nơi nầy chốn kia khoe nói đi phổ thông Đạo, đi truyền Đạo dạy luyện Đạo, bày nhiều việc mơ hồ mộng mị.

Than ôi! Đòi Hạ Ngươn cuối cùng, mưu tà quái rất nhiều ngăn ngừa không xiết, cũng bởi trong Đạo đồ kỵ, ganh hiềm, ghét ngõ, không lập thế lo truyền trọn lời phủ ủy.

Việc mấy người đi tới công quả nơi Tòa Thánh cũng không tuân theo mấy lời dặn trong mấy châu tri nhắc trên đây.

Than ôi! Người chèo thuyền hướng tới, lắm kẻ kéo trở lui, biết chừng nào qua biển khổ!

Nay kính.

Thượng Đẩu Sư Chưởng Quản Tòa Thánh

THƯỢNG TRUNG NHỰT

5. ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG TÁI THỦ QUYỀN HÀNH (NGÀY 5-11 CANH NGỌ 1930)

Trước đây, Đức Lý Giáo Tông vì không thi hành được quyền hành Giáo Tông nên Đức Ngài xin Đức Chí Tôn từ chức.

Nguyên do nào đưa đến sự việc nầy?

Bởi vì sau khi Khai-Đạo chẳng được bao lâu thì có một vài Chức-sắc Thiên phong có ý muốn tự lập riêng, thành lập các chi phái, không tùng phục mạng lệnh của Tòa Thánh Tây Ninh.

Đó là các ông:

- Giáo Hữu Ngọc Chính Thanh (*Nguyễn Văn Chính*) lập chi phái Tiên Thiên ở Cai Lậy.
- Giáo Sư Thượng Kỳ Thanh (*Vương Quan Kỳ*) lập chi phái Cầu Kho tại Thánh Thất Cầu Kho Sài Gòn.
- Phối Sư Thái Ca Thanh (*Nguyễn Văn Ca*) lập chi phái Minh Chơn Lý ở Cầu Vỹ, Mỹ Tho.

Đức Lý Giáo Tông muốn dùng quyền hành Giáo Tông của mình để trục xuất những Chức-sắc đã tách ra lập chi phái nhưng Đức Chí Tôn can thiệp không cho, bởi vì Đức Chí Tôn biết rằng, nếu đã phân lập chi phái thì không thể gì qui tụ trở lại được, nên Đức Chí Tôn can Đức Lý để Đức Chí Tôn cố gắng kêu gọi những vị Chức-sắc ấy hồi tâm, trở về Tòa Thánh.

Do đó, Đức Lý Giáo Tông không thể điều hành được nền Đạo, nên Ngài buộc lòng phải xin từ chức.

Lòng thương yêu của Đức Chí Tôn thật vô hạn, nhưng các Chức-sắc lập chi phái, vì phạm tâm lẩn lướt Thánh chất, nên không một vị nào chịu trở về Tòa Thánh.

Do đó, Đức Chí Tôn đành phải triệu Đức Lý trở lại cầm quyền Giáo Tông để xử trị các Chức-sắc không tuân theo luật pháp của Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh và Đức Chí Tôn dạy Hội Thánh làm lễ đăng điện cho long trọng để Đức Lý tái thủ quyền hành điều đình nền Đạo.

6. ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG LẬP THẬP HÌNH (NGÀY 30-11 CANH NGỌ 1930)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ LÝ GIÁO TÔNG

Chào chư hiền hữu, chư hiền muội.

Lão đến định các hình phạt hữu vi, mỗi điều để cho chư hiền hữu chư hiền muội hiệp tâm với Lão.

Vậy thì:

- Đại tội, Lão để số 1,
- Còn Tiểu tội thì Lão để số 10.
- **Tội thứ nhất:** Trục xuất.
- **Tội thứ nhì:** Giáng cấp tới tín đồ hay là buộc hành Đạo ngoại quốc, trừ ra các xứ lân bang Nam quốc như: Ai Lao, Tần quốc.
- **Tội thứ ba:** Giáng cấp từ phẩm đương quyền xuống tới hai hay là một cấp.
- **Tội thứ tư:** Ngưng quyền từ 3 năm đến 5 năm.
- **Tội thứ năm:** Ngưng quyền từ 1 năm tới 3 năm và phạt vào Tịnh Thất.
- **Tội thứ sáu:** Phạt vào Tịnh Thất từ 1 tháng tới 1 năm mà còn hành chánh như thường.
- **Tội thứ bảy:** Thuyên bổ đi nơi khác chỗ của mình đương hành Đạo.
- **Tội thứ tám:** Phải về Tòa Thánh đăng gôn Lão và Hộ Pháp đăng học Đạo.
- **Tội thứ chín:** Phải ăn năn sám hối thọ tội cùng chúng sanh.
- **Tội thứ mười:** Hầu kẻ hữu đức hạnh của Hội Thánh định đăng cầu học Đạo.

Ấy là mười hình phạt riêng của Hội Thánh, chúng ta đồng ứng định. Vậy ngày mai, chiếu y theo trọng khinh mà định án nghe. *

THĂNG

CHƯƠNG III: PHÁP CHÁNH TRUYỀN CHÚ GIẢI

1. NGHI TIẾT ĐẠI ĐÀN – TIỂU ĐÀN SỚ VĂN VÀ LỄ CÚNG TỬ THỜI

SỚ VĂN

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(..... niên)

Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi phục nhứt

Thời duy, Thiên vận..... niên,.....
ngoạt,..... nhựt,..... thời, hiện tại Đại
Nam quốc, Tây Ninh Tỉnh,..... Quận,.....
Tổng,.....Thôn, cư trụ Tòa Thánh chi trung.

Kim hữu Thiên phong đệ tử thọ thiên
ân..... công đồng thiện nam tín nữ đẳng
quì tại điện tiền, thành tâm trình tấu.

HUYNH KIM KHUYẾT NỘI:

- Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn.
- Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

TAM TÔNG CHƠN GIÁO:

- Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.
- Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.
- Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn.

TAM KỲ PHỔ ĐỘ TAM TRẦN OAI NGHIÊM:

- Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai
- Lý Đại Tiên Trưởng Thái Bạch Kim Tinh
- Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.
- Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn
- Thái Công Tướng Phụ Quảng Pháp Thiên Tôn

- Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn.
- Thập phương chư Phật, vạn chướng chư Tiên, liên đài chi hạ.

LỄ CÚNG TƯ THỜI

Thường ngày tại Tòa Thánh và tại Thánh thất các nơi.

Nghe dứt 3 tiếng chuông nhứt¹ thì mặc Đạo phục rồi nhập đại diện, đứng bài ban tề chỉnh, tay chấp ấn tý để ngay ngực, chờ 3 tiếng chuông nhì² thì bái đặng bước vào³ giữa đứng một hàng 3 vị, ngó ngay Thiên Nhân, xá 3 xá, chún trái bước tới, chún mặt quì xuống, ngó ngay Thiên Nhân, giở tay ấn tý lên trán niệm: Nam Mô Phật, đưa tay qua gò má bên trái niệm: Nam Mô Pháp, đưa qua gò má bên mặt niệm: Nam Mô Tăng, để ngay chón thủy niệm:

- Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát (*cúi đầu*)
- Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát (*cúi đầu*)
- Nam mô Lý Thái Bạch Kim Tinh (*cúi đầu*)
- Nam mô Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân (*cúi đầu*)
- Nam mô chư Phật chư Tiên chư Thánh chư Thần (*cúi đầu*)

-
- 1 Gióng 3 tiếng chuông nhứt thì có 3 câu kệ như sau này:
 - Văn chung khẩu hướng huệ trường Càn Khôn, (*động 1 dùi*)
 - Pháp giới chứng sanh đồng đẳng bị nạn, (*động 1 dùi*)
 - Ấn đà ra để dạ ta bà ha. (*động 1 dùi*)
 - 2 Gióng 3 tiếng chuông thứ nhì có 3 câu kệ như sau này:
 - Nhứt vi u ám tắt giai văn, (*động 1 dùi*)
 - Nhứt thiết chứng sanh thành chánh giác, (*động 1 dùi*)
 - Ấn đà ra để dạ ta bà ha, (*động 1 dùi*)
 - 3 Khi bước vô thì chún phía trong bửu điện bước vô trước

Rồi thì đồng nhi tụng bài **Niệm Hương**, dứt rồi, lạy 3 lần, mỗi lần 4 gật là 12 lạy.

- **Kế tụng bài Khai Kinh:** dứt thì cúi đầu.
- **Kế tụng bài Đại La Thiên Đế:** lạy 3 lần, mỗi lần 4 gật là 12 lạy, mỗi gật niệm câu: **Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.**
- **Kế tụng bài Phật giáo:** lạy 3 lần, mỗi lần 3 gật là 9 lạy, mỗi gật niệm câu: **Nam mô Nhiên Đăng Cổ Phật Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.**
- **Kế tụng bài Tiên giáo:** lạy 3 lần, mỗi lần 3 gật là 9 lạy, mỗi gật niệm: **Nam mô Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.**
- **Kế tụng bài Thánh giáo:** lạy 3 lần, mỗi lần 3 gật là 9 lạy, mỗi gật niệm câu: **Nam mô Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn.**

Rồi thì đọc bài **Dâng Tam Bửu** tùy theo giờ cúng.

- **Giờ Tý:** đọc bài **Dâng Rượu**, lạy 1 lần 4 gật, niệm mỗi gật câu: **Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.**
- **Giờ Mẹo:** đọc bài **Dâng Trà**, lạy 1 lần 4 gật, mỗi gật niệm câu y như trên.
- **Giờ Ngọ:** đọc bài **Dâng Rượu**, lạy 1 lần 4 gật, cũng niệm y như trên.
- **Giờ Dậu:** đọc bài **Dâng Trà**, lạy 1 lần 4 gật, cũng niệm y như trên.

Kế đồng nhi đọc bài Ngũ Nguyện, rồi lạy 3 lần, mỗi lần 4 gật là 12 lạy.

Rồi thì đứng dậy, xá Thiên Bàn 3 xá, rồi day phía trái ra.¹ Bàn Hộ Pháp xá 1 xá, rồi đứng bài ban lại, chờ

1 Nghĩa là: xây vai mặt qua bên trái.

3 tiếng chuông dứt 3 câu kệ², xá 1 xá.

Chức sắc đi ra trước, kế người lớn, kế đồng nhi, đi cho nhẹ nhàng êm tịnh.

Tại nơi nhà tư của Đạo hữu, chẳng đặng phép cúng Đại đàn, cứ cúng y theo trên đây, đều khỏi có chuông và kệ:

2. ÔNG BÀ THÁI THƠ THANH XIN LẬP THÁI CỤC ĐỒ (NGÀY 2-1 TÂN MÙI 1931)

Ngài Thái Thơ Thanh và Bà Hương Thanh đồng dâng sớ lên Đức Chí Tôn xin xây dựng Thái Cục Toàn Đồ nơi Thánh địa.

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ (Đệ lục niên.)

Chánh ngoạn, sơ nhị nhựt, Tân Vị,

Khâm Thiên Tổng quản Tài Chánh, phụng sắc chương quản tài liệu, Tổng lý Công viện, Lương viện, Hộ viện, Nông viện, Phổ Độ viện, Quyền Thái Đầu Sư Chủ Tọa Hội Thánh, quản lý tạo tác tổ đình, Thái Thơ Thanh kính bút,

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đệ lục niên, Chánh ngoạn, sơ tam nhựt, Tân Vị, Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh đề bút.

Tượng mãn Đại Đạo hoàng khai Tam Kỳ Phổ Độ lưu truyền thiên vạn cổ, bủa khắp ngũ châu, thì nền

2 Gióng 3 tiếng chuông thứ ba cổ 3 câu kệ như sau này:

- Đàn tràng viên mãn Chúc-sắc qui nguyên, vĩnh mộc từ ân phong điều vô thuận, (động 1 dùi)
- Thiên phong hải chúng, quốc thối dân an, hồi hướng đàn trường tận thâm pháp giới, (động 1 dùi)
- Ấn dả ra để da ta bà ha. (động 1 dùi)

chơn Đạo phải to tát mới ra cảnh tượng thể thống Đạo cả.

Vì vậy mà hai tôi nong nả đêm ngày lo mở mang cuộc Thánh địa, chế ra miền Tây Vực, bởi nông trường cực nhọc, trên nhờ sức thiêng liêng Đại Từ Phụ ban bố, mới xui khiến mua thêm được 100 mẫu đất rừng, của tư bốn vợ chồng tôi xuất ra mua, liền tiếp Thánh địa, nối dài ra tới ngã ba đường Mít Một (*Boulevard d'Anglais*), bề mặt tiền trên 2000 thước, giáp ranh Bá Huê Viên, nối liền Động Đình Hồ, 1000 thước của Thánh địa nữa, cộng chung là 3000, cầu nguyện Đức Chí Tôn ban ơn ngày sau Hội Thánh mở mang ba phía là: Đông, Nam, Bắc, mỗi phía 3000 thước vuông vức, cộng là 12 ngàn thước, đặng xây vách thành cao lớn giáp 4 phía, dựng nên miền Tây Vực, đề hiệu là Thái Cực Toàn Đồ.

Trong chia ra hai cuộc: phía chánh Bắc, xây cửa thành lớn, đắp chữ nổi cao “*Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*”, lộ ra bốn chữ to tát là “*Đế Thiên Thượng Hoàng*”; còn phía chánh Nam, cũng tại cửa thành ba mặt như nhau, đề hiệu “*Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*”, hiện bốn chữ “*Đế Thích Phật Tổ*”; phía chánh Tây, tạo một cuộc Ngũ Quang Môn, nghĩa là Đại Thành Môn, có năm cửa Ngũ Chi Đại Đạo, hiện bốn chữ nổi “*Thái Cực Toàn Đồ*” lưỡng biên có hai cửa nhỏ hiện tám chữ “*Tả Thông Quán Nội*” và “*Hữu Đạt Thừa Minh*” còn chánh Đông Môn thì cửa thành y kiểu ba phía đề hiệu là Tây Vực Cảnh.

Trong Thái Cực Toàn Đồ chia ra hai cuộc: Bên phía Bắc là Bạch Ngọc Kinh, tạo tác Tổ Đình, có Bá Huê Viên, Động Đình Hồ, Đức Thế Tôn ngự mã thoát

trần, Đức Di Lạc giáng thế khai Long Hoa Hội. Hai bên là rừng thiên nhiên, phía sau lập Cửu Viện Cửu Trùng Đài, Thiên phong đường, Đầu Sư đường, Chánh Phối Sư đường, Hộ Pháp đường, Thái Y viện, Dưỡng Lão Ấu, Tịnh Thất Sở và Học đường, Dưỡng đường, với các xưởng bá công kỹ nghệ:

Còn các con đường: 1. Như Lai Đồi, 2. Di Lạc Đạo, 3. Phước Đức Cù, 4. Oai Linh Tiên, 5. Bình Đăng Đồi, 6. Sử Quân Tử, 7. Thái Hòa Lộ, 8. Bình Dương Đạo, 9. Tày Qui Trực Chỉ. 10. Thượng Hòa lộ.

Còn bên phía Nam thì tạo Cực Lạc Vô Vi Cảnh Giới, là đắp con đường lớn dài từ Nam chí Bắc, từ Đông giáp Tây, gọi là Tứ Tượng Đồ biến Bát Quái, chính giữa ngã tư biến ra Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, giữa trung tim, un đúc một cảnh nội điện Đế Thích, giống in như cuộc cổ tích trên chốn Đế Thiên gần nước Xiêm La vậy. Trong cảnh Cực Lạc có Bát Bộ Kim Cang và Lục Thông Cơ Sở.

Bát Bộ Kim Cang có 8 cảnh: 1. Quan Âm Các, 2. Long Nữ Điện, 3. Tàng Kinh Viện, 4. Phổ Đà Sơn, 5. Kim Cang Động, 6. Bồ Đề Ốc, 7. Tây Vực Trì, 8. Bát Bửu Tịnh Thất.

Lục Thông Cơ Sở có 6 cuộc: 1. Giảng đường 2. Tịnh đường 3. Túc đường 4. Dưỡng đường 5. Thiên Ân đường 6. Học đường.

Còn nơi phía tả Đông Nam lại xây núi Phổ Đà Sơn, trên đỉnh trung có cốt Đức Từ Hàng Đạo Nhơn thành Phật. Trong Từ Bi Lâm, các cuộc nhỏ kể ra sau đây: tạo Thất Bửu tháp, cất Thượng Liên đình và tạo Từ Thoàn lâm, trong cuộc Từ Thoàn có 3 con đường cái: 1. Bát Nhã Đạo, 2. Bồ Đề Lộ, 3. Như Ý Cảnh. Lụa

những bậc chơn tu trường trai khổ hạnh, từ trung thừa sắp lên mới cho ở vào trong cuộc Từ Thiên Lâm này, Phạm Môn này vuông vức 300 công, Khách đình Sứ quán và Thông Thiên Đài cũng tại nơi trong đó, ấy là bên hướng Nam. Còn bên hướng Bắc thì Thái Bình Địa, 500 công, cất Chợ Từ Bi, Nhà Thương, Nhà Thí, Nhà Mát, Nhà Nghỉ, bực tín đồ nhập môn theo hạ thừa sắp lên thì được phép ở.

Ước mong ngày sau, Hội Thánh mở mang cuộc Thánh địa này cho giáp hết khoảng núi Điện Bà dựng ra về nền chơn Đạo. Trân trọng một bài kính cáo, nguyện cầu Đạo mạch hoàn toàn lưu truyền, trăm họ trước sau an nhàn.

Thái Thơ Thanh, Lâm Hương Thanh kính đề. Chuyển đạt Thiên Đình, ngưỡng vọng Đại Từ Phụ Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát từ bi chứng chiếu.

Ngu đệ tử phục thủ bá báii.

Đức Chí Tôn không giáng cơ trả lời tờ sớ này mà lại giao cho Đức Lý Giáo Tông trả lời.

3. LỤC NƯƠNG GIẢI VỀ NHỰT NGUYỆT MẠO VÀ ĐẠO PHỤC BẢO QUÂN (NGÀY 25-1 TÂN MÙI 1931)

LỤC NƯƠNG

Em chào mấy anh và hiền tỷ.

Thưa chị đứng dậy.

Anh Cao Thượng Phẩm đến không đặng, nên cậy em thay mặt đối lời.

Thưa anh Cao Văn Pháp, em chẳng hiểu ý Chí Tôn định y phục của hai anh thế nào nên tốt hơn là tìm Thánh ngôn của Người mà coi lại.

Văn Pháp bạch: Lúc sửa Pháp Chánh Truyền, trải qua những Thiên phục của các Chức-sắc, Đức Giáo Tông đặt tên. mao còn sót mao Hiệp Chương của Chức sắc Hiệp Thiên Đài. Qua tưởng khi để mao Hiệp Chương không nhằm, xin em từ bỏ sửa lại giùm.

- Cười... Cái vòng tròn úp lên đầu mà đội là thể Nhựt hình, còn hình bán nguyệt của mao là thể Nguyệt tượng. Vậy thì gọi là Nhựt Nguyệt mạo.

Văn Pháp bạch: Còn sợi dây đai của Bảo Sanh Quân có hai vòng vô vi gọi là chi? Qua kiểm Thánh ngôn coi lại không đặng, em giúp luôn thể.

- Sợi dây của anh Bảo Sanh là Song Quang Thân Thông.

Văn Pháp bạch: Sợi dây đai của Qua cũng chưa biết gọi là chi mà để vào Pháp Chánh Truyền?

- Bạch Tuyệt Thân Thông.

Anh nghe và kiểm hiểu, anh Cao Văn Pháp

4. ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG KÊU GỌI CHỨC-SẮC HÀNH ĐẠO THEO TÂN LUẬT (NGÀY 15-2 TÂN MÙI 1931)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ lục niên.)

CHÂU TRI

Cho chư Chức-sắc Thiên phong, chư vị chủ Thánh thất, Chánh Phó Trị Sự và Thông Sự, chư Đạo hữu lưỡng phái.

Chư hiền hữu,

Trong 5 năm rồi, nền Đại Đạo biết bao khổ não truân chuyên mà tai nạn còn chưa dứt!

Ôi! Mới rồi đây, trong bị tà quyền, tàng ẩn, xô cho chúng ta dang nhau, kẻ tính độc quyền, người toan tự lập, cắn rứt nhau như kẻ khác nhà, gà riêng ổ.

Người ngoài chưa rõ chơn lý chánh truyền của ĐĐTKPĐ lại nghe nội công vì hờn riêng mà phản đối, nên đem lời kích bác Thánh giáo. Ấy cũng một hồi thử thách, một lúc khảo căn tu khuyên chư Đạo hữu chớ sồn chớ rúng. Bền lòng chặt dạ, dìu dắt nhau qua khỏi sông mê.

Đạo khai để tạo thế sửa đời. Có thiếu mới có tạo, có hư mới có sửa. Vậy thì cái khổ tạo thế sửa đời vẫn là phận sự của chúng ta đã hẳn. Phải biết phận mình mới an tâm tĩnh trí, liệu thế chuyển xoay. Đã khó ắt có hay, đã gay thì có thuận, bền chí xem mảy mún cơ đời.

Đã lâu rồi, Đức Lý Giáo Tông cho biết cuộc biến của Đạo ngày nay. Xin xem bài thơ dưới đây thì rõ:

*Màn trời dặng vệt ngút mây trường,
Bước đến đài hoa thấy tỏ tường.
Ngọc sáng non Côn đà gặp nẻo,
Lối mòn động Bích chớ lầm đường.
Chánh tà hai nẻo tua tìm chước,
Hư thiệt muôn phần gắng định phương.
Mê tỉnh chuông khua phân biệt tiếng,
Rừng thiền nô nức loáng mùi hương.*

Kể đây tôi xin nhắc chư hiền hữu:

Lời chê bai kích bác là thường tình thế sự, mình cứ mắt ngơ tai điếc, lo tuân y Tân Luật mà hành Đạo thì đủ rồi, vì Tân Luật làm cơ qui nhứt của tam giáo.

Kể từ ngày ban hành Tân Luật ĐĐTKPĐ thì Ngọc Hư Cung và Lô Âm Tự đã bác cựu luật và cổ pháp.

Tôi xin sao lục Thánh Ngôn của Thầy hồi năm Bính Dần ra sau đây, xin chư Hiền hữu coi và chiêm nghiệm thì hiểu rõ cái tôn chỉ của ĐĐTKPĐ.

Ngày nay, Đại Đạo lại ban hành Pháp Chánh Truyền chú giải thì Tân Pháp đã đoạt dạng. Xin chư Đạo hữu, Đạo tử, Đạo muội, lãnh mà coi thì rõ huyền bí trong Đạo.

Về việc hành chánh trong Đạo thì có Nghị Định của Đức Lý Giáo Tông phân quyền rành rẽ cho Chức-sắc Thiên phong. Xin chư vị Thiên phong ráng lo sắp đặt Chánh, Phó Trị Sự và Thông Sự cho có quyền đặc biệt.

Mỗi làng cử một Chánh Trị Sự. Mỗi xóm có một Phó Trị Sự và một Thông Sự, coi đầu dắt mấy chục Đạo hữu, phải biên tên họ ra và ký tên trong sổ.

Chánh, Phó Trị Sự và Thông Sự cứ lo khuyên Đạo hữu làm lành lánh dữ, đừng dự vô cuộc loạn ly hay là việc chi trái đường Đạo đức. An phận tùy duyên, lo làm ăn, khi rảnh thì sùng bái Trời Phật.

Thường ngày được vậy thì khỏe khoắn tinh Thần, đã yên lòng mình thì chớ, lại thuận lý Trời, xưa nay thung dung tự tại an nhàn vui vẻ mà ngâm câu của Thánh hiền đã dạy:

*Giàu ngày ba bữa, khó ba chiu,
An phận là hơn hết mọi điều.
Khát uống trà mai hơi ngát ngát,
Nực kể hiên trước gió hiu hiu.
Giang sơn tám bức là tranh vẽ,
Hoa thảo bốn mùa ấy gấm thêu.*

*Đông đánh khuya nằm, khi sớm thức,
Khác chi dân thuở dưới đời Nghiêu.*

*

*Hôm mai gió thổi hiu hiu,
Cỏ hoa là bức gấm thêu nên đồ.
Thanh u sẵn cảnh bốn mùa,
Lửa là cú chồn giang hồ mới vui?
Cảnh ưa lâu cũng quen mùi,
Bên song hóng mát nhớ người hòa thi.
Hẹp hòi nào sá quản chi,
Phen thì dậm liễu phen thì ngàn mai.*

Vấn tắt ít lời khuyên nhủ, xin chư Đạo hữu lãm tường.

Tòa Thánh, ngày rằm tháng 2 năm Tân Mùi.

Thượng Đâu Sư Thượng Trung Nhật.

**5. ĐẠO PHỤC CHỨC-SẮC VÀ CHỨC VIỆC PHẢI Y
MỘT KIỂU (NGÀY 26-2 TÂN MÙI 1931)**

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ lục niên)

Tòa Thánh, ngày 13.4.1931 (26.2 Tân Mùi).

CHÂU TRI

Gởi cho chư hiền hữu chủ Thánh thất, chư Chức-sắc Thiên phong, Chánh, Phó Trị Sự và Thông Sự lưỡng phái.

Mấy kỳ đại lễ rồi đây, tôi có để ý xem xét thấy phần nhiều chư Chức-sắc Thiên phong, Chánh Phó Trị Sự và Thông Sự mặc Đạo phục mỗi người đều khác nhau, chẳng y theo một kiểu, vì sai cách thức đã chỉ trong luật Đạo: lớp thì khác nhau, lớp thì áo dài đến gót, người

thì áo cụt trên đầu gối, cho nên khăn cùng mào và Thiên-Nhãn thêu trên mào cũng đều khác nhau, mỗi người một cách, miếng tam sắc để cũng trật, không theo 3 sắc phái. Ấy cũng bởi lỗi tại Hội Thánh chưa kịp sắp đặt được một sở lo về việc này cho có thể lệ, nên mỗi người tùy ý muốn riêng của mình mà mua sắm. Đạo thì một gốc, mỗi việc chi cũng do nơi gốc, mới hiệp lòng người, vừa Thánh ý đặng.

Vì vậy nên ngày Rằm tháng Giêng, tôi có hội hiệp với 5, 3 vị đại Thiên phong nam phái và bà Chánh Phối Sư nữ phái mà bàn tính việc này thì kết cuộc, bàn hội đã định lập tại Tòa Thánh một sở để chuyên lo riêng về việc may Đạo phục và khăn mào y nhau một kiểu, để chư Chức-sắc Thiên phong nam nữ lớn nhỏ và chư vị Chức-sắc, Chánh Phó Trị Sự và Thông Sự nam nữ lãnh về mà dùng cho y một thức lệ.

Những Đạo phục của Hội Thánh phát ra thì đều có đóng một con dấu riêng của Tòa Thánh trên chỗ nào dễ thấy, đặng ngăn ngừa những việc dối giả. Vậy từ đây, tôi xin khuyên chư Chức-sắc lưỡng phái, cả thầy đều thi hành y theo lời dạy trong tờ Châu Tri này thì sẽ được thêm một bước đường tấn hóa trong nền Đại Đạo.

Nay kính.

Chánh Ngọc Phối Sư: Ngọc Trang Thanh.

**6. PHÁP CHÁNH TRUYỀN CHÚ GIẢI LÀ TÂN PHÁP
CỦA ĐĐTKPĐ (NGÀY 26-5 TÂN MÙI 1931)**

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ lục niên)

Tòa Thánh, ngày 11-7-1931 (Ngày 26-5 Tân Mùi)

CHÂU TRI

Cho chư vị Chúc-sắc đầu họ Đạo và chủ Thánh thất.

Cuốn Pháp Chánh Truyền chú giải là một bản rất có ích, chẳng phải cho Chúc-sắc Thiên phong mà thôi, mà tín đồ cũng nên thỉnh mỗi người một cuốn, đừng coi cho biết phận sự, quyền hành của các Chúc-sắc đối với mình.

Khi trước định 6 cắc (0\$60) 1 cuốn, nay Hội Thánh định lại 2 cắc (0\$20) đừng cho mỗi Đạo hữu đều có thể thỉnh được.

Pháp Chánh Truyền chú giải là Tân Pháp của Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Ngọc Chánh Phối Sư NGỌC TRANG THANH

7. ĐẠO CAO ĐÀI KHÔNG LÀM CHÁNH TRI (NGÀY 14-7 TÂN MÙI 1931)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ lục niên)

Tòa Thánh ngày 27-8-1931 (14-7 Tân Múi)

CHÂU TRI

Cho chư Chúc-sắc Thiên phong, chư vị đầu họ, chủ Thánh thất và chư Đạo hữu lưỡng phái.

Chư hiền hữu, chư hiền muội.

Trong việc biểu tình cộng sản đã xảy ra nơi nhiều tỉnh, có một phần ít Đạo hữu chưa để đủ đức tin nơi Đại Đạo, hoặc là không thiết vào Đạo tu hành, ngã qua phía ấy, làm cho chánh phủ phải nghi ngờ mà phải phòng ngừa chúng ta, làm cho chúng ta không được thông thả trong việc tín ngưỡng tôn giáo của chúng

ta như khi mới Khai-Đạo.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ của chúng ta sùng bái là Đạo rất chơn chánh cao thượng của Đấng Chí Tôn lập ra mà độ rỗi nhơn sanh, dạy rờng những việc làm lành lánh dữ và bác ái chúng sanh, không có xen lộn vào đó những việc quốc sự bao giờ.

Muốn cho chánh phủ biết chắc lòng thành thật của chúng ta trong sự tín ngưỡng và sùng bái Đạo của Thầy thì chúng ta chẳng sợ chi mà không làm giao ước với chánh phủ.

Vậy, xin chư hiền hữu chư hiền muội, mình là người ngay thật, vui ký tên vào tờ giao ước in sẵn gửi theo đây, đặng tôi sẽ đem trình cho chánh phủ xem xét rồi, nếu chánh phủ hết sự nghi ngờ thì chánh phủ sẽ để cho chúng ta đến các Thánh thất làm lễ sùng bái Đức Chí Tôn thông thả cũng như người Đạo Gia Tô đến các nhà thờ làm lễ cúng bái Đức Chúa Trời vậy.

Tờ giao ước này làm ra 4 bản, 3 bản gửi về Tòa Thánh Tây Ninh, 1 bản để tại Thánh thất mình.

Xin chư hiền hữu ráng lo giùm cho xong rồi gửi về Tòa Thánh trong tháng Septembre:

Chánh Phối Sư THƯỢNG TƯỚNG THANH

8. HỘI THÁNH LẬP NỘI LUẬT TÒA THÁNH (NGÀY 1-10 TÂN MÙI 1931)

Đạo Cao Đài được mở ra đến nay được 6 năm. Tòa Thánh là cội nguồn nên Đạo nên cần phải có Nội Luật nghiêm trang, để cho chư Chức-sắc, Chức việc và Đạo hữu công quả lưỡng phái cư ngụ trong Nội Ô Tòa Thánh, để cho có trật tự, lễ nghĩa và Đạo đức

Hội Thánh lập ra một ban đặc biệt gồm chư Chức sắc Thiên phong của hai đài (*Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài*) để soạn thảo bốn Nội Luật nầy, sau đó lần lượt chuyển qua ba hội lập Quyền Vạn Linh: Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh, Thượng Hội, để xem xét và sửa chữa. Khi ba hội công nhận Nội Luật nầy thì Hội Thánh mới ban hành từ ngày 15-1 Nhâm Thân (20-2-1932).

9. GIÁO HỘI GNOSTIQUE (ĐỨC) XIN HIỆP VỚI CAO ĐÀI (NGÀY 4-10 TÂN MÙI 1931)

Vào những tháng đầu năm 1931, nhiều du khách người Đức đến viếng Tòa Thánh Tây Ninh, lưu tâm đến tôn giáo nầy, nên đã ghi chép, chụp nhiều ảnh, rồi trở về hải thuyền đậu ở bến tàu Sài Gòn 3 ngày. Sau đó, người ta không gặp lại họ nữa, nhưng số báo BERLINER ILLUSTRIERTE ZEITUNG ra ngày 21-6-1931 đã được gửi đến Tòa Thánh, trong đó có một bài viết nhan đề: “*Tôn giáo mới lạ của thế giới*” do W. Bossard viết kèm theo nhiều hình ảnh của Tây Ninh.

Sau cùng, đến ngày 13-11-1931, một văn thư mới từ nước Đức gửi đến Tòa Thánh để đáp lại một quyển sách nói về Phật giáo chấn hưng của Ngài Lê Văn Trung.

Nội dung của bức thư nầy, Giáo hội Gnostique xin được liên hiệp với Đạo Cao Đài. Bức thư viết bằng Pháp văn, được dịch ra Việt văn sau đây:

ÉGLISE GNOSTIQUE của ĐỨC QUỐC

P. Futlingen, ngày 13 tháng 11 năm 1931.

Kính thưa Đức Ngài,

Cao cả, quyền năng và Thánh thiện.

Thưa Đức Ngài, bức thông điệp của Đức Ngài đã

tới vùng Trung Âu chúng tôi. Tổng Giáo Hội của Église Gnostique Đức quốc mà tôi là Trưởng lão, quyết định chuẩn bị liên hiệp với Đạo Cao Đài...

Tôi được lãnh nhiệm vụ báo tin cho Đức Ngài biết sự quyết định này và kính xin Đức Ngài thông truyền cho chúng tôi về lịch sử, hiến chương, giáo lý và những nghi lễ của nền Đại Đạo của Ngài bằng tiếng Pháp, tiếng Anh, hoặc tiếng Hòa Lan, để nhờ đó chúng tôi có thể tổ chức các giáo hội Cao Đài ở những quốc gia như: Đức, Áo, Thụy Sĩ, Hòa Lan, Bỉ, Lithuaniens, Lettens và Estheniens.

Để vững tin vào sự thực hiện điều mong ước đó, xin Đức Ngài hãy xem tôi như người thuộc hạ khiêm tốn của Đức Ngài vậy.

Ký tên: GODWIN

Thánh Cha và Trưởng Lão của giáo hội Église Gnostique Đức quốc.

Grand Maitre de l'Ordre des Chevaliers de la rose mystique.

Địa chỉ: H. Godwin stuermer, Tuets (Grenzmard) ALLEMAGNE.

10. ĐẠI HỘI NHƠN SANH LẦN 1 (NGÀY 15.10 TÂN MÙI 1931)

Đúng 8 giờ sáng ngày 15-10 Tân Mùi, Đại Hội Nhơn Sanh lần đầu Tiên nhóm họp tại Tòa Thánh Tây Ninh, do Ngài Thượng Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh làm chủ tọa.

Ngài Thượng Tương Thanh đọc một bài diễn văn tỏ bày việc Đạo trước Hội Nhơn Sanh nhóm lần thứ nhất tại Tòa Thánh.

.....

Chư Hiền hữu,

Tôi lấy làm hân hạnh mà thấy chư hiền hữu chẳng nài đường xa khó nhọc, chẳng nệ tốn hao đến nhóm đông đảo, tôi rất cảm ơn. 64 họ Đạo có người thay mặt tại đây, còn 41 họ Đạo không phái người đến nhóm mà thôi.

Hội Nhơn Sanh mới khởi sự nhóm kỳ nhứt này, tôi chắc chư hiền hữu ai cũng đến với trọn cái lòng sốt sắng về Đạo, nên chi tôi xin ai nấy cũng lấy hết lòng hòa hảo mà đối đãi với nhau trong lúc bàn luận cho sự kết quả của cuộc nhóm này được hoàn toàn.

Trước khi đem các vấn đề ra mà bàn tính, tôi xin tỏ ít lời vấn tắt để nhắc lại cho chư hiền hữu rõ thêm các việc trong Đạo đã làm hoặc chịu ảnh hưởng tới ngày nay.

NƠI THÁNH ĐỊA TÂY NINH

Cách vài tháng sau khi mở cuộc đại lễ Khai-Đạo năm Dần nơi chùa Thiền Lâm Tự (*Gò Kén*) thì bị người bức sách đòi chùa lại. Hội Thánh lo hối hả mua sớ đất cất Tòa Thánh tạm hiện giờ, dời qua đây là ngày 12 tháng 2 năm Đinh Mão.

Có Thánh ngôn khi đó Thầy đã dạy phải lập Tòa Thánh nơi Tây Ninh đây mà thôi vì là Thánh địa, không nên dời đi tỉnh khác. Thiệt quả như vậy, là tuy Đạo lúc đó còn ít, lại bị nhiều việc khó khăn, mà nhờ nơi đây mở mang thêm rất mau. Trong 4 năm rồi, dầu bị nhiều lần khảo nặng, thế mà Đạo cũng cứ một ngày lên thêm một đồ sộ. Chư hiền hữu đến đây tận mắt đã thấy cuộc

bành trướng hưng sùng của Đạo nơi vùng này là thế nào! Nếu không phải Thiên ý tiền định thì bị các cuộc công kích kịch liệt bấy lâu nay cũng đủ xô qua cái ảnh hưởng điều tàn rồi.

Chư hiền hữu thay mặt cho gần hết thầy tín đồ trong Nam Kỳ được thơ mời, vui đến đây là đã tỏ cái đức tin nơi đây là gốc. Tôi nhắc mấy lời trên này cốt để làm cho cái đức tin ấy được thêm bền vững mà thôi.

SỐ ĐẠO HỮU

Tôi tưởng cũng nên cho chư hiền hữu biết mà mừng, số Đạo hữu chúng ta nay được 35 muôn (350.000) có đem vào bộ chắc chắn. Còn một phần mờ hồ còn để ra ngoài, đợi có tỏ thiệt dấu chắc tu mới đem vào bộ Đạo. Nơi mấy tỉnh trung ương, số Đạo hữu đông hơn hết: như Mỹ Tho, Bến Tre, Chợ Lớn, Gia Định, mỗi tỉnh được từ 3 muôn rưỡi tới năm muôn Đạo hữu. Ở miền Hậu Giang, Đạo còn thưa thớt, bởi sự phổ thông nơi ấy lúc trước không được dày công.

SỐ THÁNH THẮT

Hiện nay, Đạo đã cất được 62 cái Thánh thất. Có 43 cái lập tạm nơi nhà của Đạo hữu dâng, cộng hết thầy là 105 cái Thánh thất trong Nam Kỳ.

Cũng vì sự làm lễ sùng bái Đấng Chí Tôn nơi mấy Thánh thất không được thông thả nữa nên tôi thường nghe Đạo hữu than thở về sự này lắm. Ấy gốc bởi đức hạnh của phần đông còn kém mới mất lòng tin của chánh phủ đã đối với Đạo chúng ta khi ban sơ. Những tờ giao ước của tôi xin chư Đạo hữu các Họ vui lòng ký tên vào cái châu tri số 28 buộc chư Đạo hữu phải học tập và giữ Ngũ Giới Cấm là phương châm làm cho chánh

phủ vui xét sự thành thật của chúng ta mà đem lòng tin trước lại. Những tờ giao ước ấy, tôi đã đem nạp cho chánh phủ rồi. Chư hiền hữu về cần nhắc lại cho chư Đạo hữu biết, giữ việc tu hành chơn thật thì chúng ta sẽ mau được sự thông thả của chúng ta yêu cầu đó.

TÀI SẢN

Hội Thánh tới ngày nay có mua sắm được một số đất 96 mẫu để làm Thánh địa cất Tòa Thánh và các Viện, một số kế cận 50 mẫu để cho Đạo hữu cất nhà ở và lập nghĩa địa.

Hai sở đất này khi mua để tên bà Nữ Chánh Phối Sư là Lâm Thị Thanh và tên tôi là Nguyễn Ngọc Tương đứng bộ chung, thế mặt cho Đạo.

Muốn tránh sự bất hảo xảy đến ngày sau, tôi có làm cho Hội Thánh cầm một tờ khai rằng: Tiền mua đất này Hội Thánh trả hết, tôi có đứng thế mặt mà thôi.

Hội Thánh còn thuê nhiều sở đất của Đạo hữu dâng để cất Thánh thất các nơi, cũng mượn tên tôi đứng bộ thế và một sở ruộng 100 mẫu tại Bến Sỏi Tây Ninh của ông Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh và Bà Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh dâng để làm của chung trong Đạo.

Tôi cũng cố làm cho Hội Thánh cầm một cái Khai chứng rằng: Từ ngày tôi về Tòa Thánh hành Đạo sắp đến, những tài sản chi mua sắm mà để tên tôi đứng tức là của Hội Thánh, cái tên của tôi không còn dùng ngoài đời mà mua sắm đứng bộ riêng cho tôi một tài sản chi nữa hết.

VIỆC CẤT TÒA THÁNH

Chư hiền hữu thấy trước Bửu điện đây một cái

hầm lớn, đó là cái nền. Bát Quái Đài đã đổ gần 200 thước khối bê tông trắng ở dưới rồi. Đá sạn đã mua và dùng công quả lấy nơi hầm được ước 300 thước khối, cát cũng được gần như số đá, còn thiếu sắt và xi măng, ít tuần trước khi khởi sự đúc bê tông lên thì sẽ mua.

Hiện giờ họa đồ vẽ chưa rồi, song ông bác vật Kinh đã lãnh tất rồi số tiền 3000 đồng tiền mượn ông vẽ. Việc này Anh Cả chúng ta còn đương lo thư từ bàn tính với ông Kinh. Như xong thì ra giêng sẽ khởi công làm đặng.

Cái Tòa Thánh thế nào tôi tưởng cũng phải cất, nhưng đương thời kỳ kinh tế khuân bách này, đồng tiền eo hẹp, phải đình đãi ít lâu. Bây giờ có sẵn cát đá, năm tới lo đúc nội Bát Quái Đài lên mà thôi, còn Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài mắc tiền hơn, để sau nữa sẽ làm.

THÂU XUẤT

Từ ngày tôi về Tòa Thánh là 8-5-1931 tôi đã thấy có một bàn ủy viên đã cử lên để cầm quyền thủ bản và giữ sổ sách thâm xuất của Đạo. Trong bàn ủy viên ấy, bên nữ có Bà Chánh Phối Sư Hương Thanh, hai bà Giáo Sư Hương Tâm và Hương Lự, bên nam có ông Phủ Cao Bình, hai ông Hội Đồng Hiến và Mên, 2 ông Giáo sư Lai và Thành, ông Giáo Hữu Bộ, ông Khưu Kim Ngọc và ông Lý Tân Sĩ, hết thầy là người đáng tin cậy, nắm giữ tiền tài của Đạo. Sự thâm xuất phân minh, đầu đó có sổ sách và toa vé chiếu đối.

Năm nay ai cũng bản chặt đồng tiền, nên số hành hương hỷ cúng kém hơn mấy năm trước, vừa đủ chi dụng trong Tòa Thánh, như là nuôi miệng những người

đến công quả, học Đạo tu hành. Số người ăn ở thường trong Tòa Thánh nay còn chừng 400 lớn và nhỏ. Lúc trước số ấy kể đến ngàn, phần nhiều người còn ở lại đều có phận sự biết lo học Đạo theo đường Đạo đức.

NHÀ IN

Nhà in Thái Hòa Ấn Quán là của 3 Anh lớn (*Thượng, Ngọc và Thái*) vay 5000 \$ mà lập riêng, có lời để hết cho Hội Thánh, lỗ thì 3 anh chịu. Kể từ đầu tháng 6 qua rồi tới nay, 3 anh đã tạm giao nhà in này về cho Hội Thánh. Đã trả nợ được 2000 \$, còn thiếu 3000 \$ nữa. Chừng nào Hội Thánh trả tất số nợ này thì sẽ làm chủ vĩnh viễn nhà in.

Khi trước, sở tốn công thợ mỗi tháng gần 300 \$ và tiền lời của 5000 \$ bạc là 75 \$ nữa, cộng 375 \$. Vì Hội Thánh nay dùng công quả nên công thợ sụt xuống còn vài chục và tiền lời còn 45 \$, hiệp cộng là 62 \$ mỗi tháng mà thôi.

Thế ít tốn như vậy, Hội Thánh lãnh nhà in mà dùng được, chừng trả tất số 3000 \$ bạc nợ rồi thì còn ít sở phí nữa. Cái nhà in thiệt hữu ích cho Đạo, có sẵn để in Thánh ngôn, các kinh sách Đạo, nhưt là châu tri dạy Đạo khỏi mất công và tốn kém nhiều khi lên xuống Sài Gòn mỗi khi có đồ cần in.

GIÁO HUẤN

Việc này là chánh phận sự riêng của tôi. Tôi hết sức lo lắng sắp đặt, dạy dỗ khắp cả trong ngoài, ước mong làm sao cho mỗi người bước vào đường tu đều được nếm mùi Đạo hạnh.

Hiện nay trong Tòa Thánh có lập một “*Đạo Đức Học Đường*” để dạy trẻ em. Có 8 lớp học: 6 lớp con.

trai (*súc học tới lớp nhì*), 1 lớp con gái An Nam và 1 lớp con nít đàn Thổ. Cả thầy cộng được 274 trò: 206 trai, 57 gái, 11 thổ. Trong số này có 67 trò mồ côi cha mẹ hoặc nghèo khổ, Hội Thánh nuôi ăn ở trong để tập đồng nhi.

Học trò đến học trường này đều là con cháu của Đạo hữu ở xung quanh Tòa Thánh. Nơi trường không thu học phí. Máy thầy giáo và cô giáo đều có bằng cấp sơ học, dạy trẻ em để dâng công quả, không có lương bổng chi hết. Có vài vị còn ăn cơm nhà mà đi dạy nữa.

Mỗi đêm, từ 7 giờ tới 9 giờ, hết thầy những người công quả hiện diện trong Tòa Thánh đều phải học. Có nhiều lớp dạy: học chữ, học kinh, học Đạo, tùy người dốt hay là hay chữ sẵn.

Tôi cũng đã lập, kể từ đầu tháng 9 an nan tới nay, 1 lớp học để dạy mấy vị Giáo Hữu học Đạo, nhứt là khệp vào cái thật hành Ngũ Giới cấm và Tứ Đại Điều Qui. Lớp này dạy mỗi kỳ 20 vị trong 15 ngày, mỗi vị phải đến học ít nữa là 3 kỳ, sau mới được đem vào chánh vị hoặc thăng cấp.

Sẽ có 1 lớp dạy Lễ Sanh, mở kể từ ngày 16 tháng 10 này, mỗi kỳ học 20 vị, trong 15 ngày, cũng như Giáo Hữu vậy. Lễ Sanh có học được 3 kỳ trong lớp này, sau mới được ứng cử vào hàng Giáo Hữu.

Nơi Tòa Thánh là gốc, tôi sắp đặt như vậy, ước mong Ôn-Trên bố hóa cho nhứt nhứt đều ra về Đạo đức, cho người trông vào hết để lời kích bác. Còn ở ngoài các tỉnh, tôi cũng lo cách thế mà chỉ dẫn, diu dắt chư Đạo hữu trong đường Đạo đức.

Hôm ngày 29 tháng 9, tôi đã có gởi một tờ châu tri số 28 khuyên hết thầy Đạo hữu ráng học và tập tánh

theo Ngũ Giới Cấm.

Tôi tính mỗi tháng sẽ gọi 2 lần châu tri dạy Đạo cho các Thánh thất. Nếu Đạo hữu vui nhận mà noi theo thì bước Đạo của mỗi người sẽ được vững vàng mà lần lần đến chốn.

Tòa Thánh, ngày 24.11.1931

Chánh Phối Sư THƯỢNG TƯỚNG THANH

**11. ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG GỬI THƠ ĐẾN CÁC
NƯỚC (NGÀY 22-10 TÂN MÙI 1931)**

Bức thư viết bằng tiếng Pháp, Hội Thánh dịch ra tiếng Việt sau đây:

Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 1-12-1931

Kính gửi: Chư vị Hoàng Đế, Quốc Vương,

Quý vị Nguyên Thủ, Lãnh Đạo các nước,

Chư vị Giáo Lãnh các tôn giáo.

Kính thưa quý Ngài,

Chúng tôi trân trọng và thành kính thông báo cùng quý Ngài: Đấng Tối Cao tức là Đấng Thượng Đế toàn năng, mà cũng là Đại Từ Phụ của tất cả nhưn loại, đã giáng lập trên một góc của nước Việt Nam thuộc tỉnh Tây Ninh, một nền tôn giáo. Nền tôn giáo này có thể canh tân toàn thể thế giới bằng một lý tưởng cao quý: Đó là tình thương vạn vật. Rồi đây, bởi sự chuyển xây của tạo hóa, các sắc dân sẽ đồng tâm hiệp lực, kết tình anh em với nhau và chùng ấy nền hòa bình thế giới sẽ phát hiện.

Chiến tranh! Cuộc chiến tranh tội lỗi giữa huynh đệ giết nhau một cách ghê tởm, sự ghê tởm của thế

kỷ 20 được mệnh danh là tiến bộ văn minh, vẫn có thể tránh được.

Sở dĩ chúng tôi nói đến “*tội huynh đệ giết nhau*” là vì, dầu cho chủng tộc nào có phân chia nòi giống nhưng tất cả đang sống trên quả địa cầu này đều là con cái và tùy thuộc dưới quyền năng ngự trị của một Đấng Cha chung là THƯỢNG ĐẾ, hay nói rõ hơn, là Đấng Chủ Tể cầm vận mạng của họ. Một khi các dân tộc gây hấn chiến tranh với nhau, điều đó có khác nào anh em một cha đã tự diệt nhau đó vậy.

Nhận lãnh nơi Đức Thượng Đế, bậc Từ Phụ của toàn nhân loại, chúng tôi có sứ mạng truyền bá nền chánh giáo của Người đến khắp hoàn cầu. Chúng tôi có đầy đủ bằng chứng về sự giáng hạ của Người trên đất nước này: Nhiều phép lạ đã xảy ra giống như thời Chúa Jesus ngự đến ban phép lạ xưa kia ở Lourdes và các nơi khác.

Tin tưởng mãnh liệt vào hiệu năng của của nền Tân Tôn Giáo này và hoàn toàn vững tin nơi thiện ý của mình, chúng tôi đã trình lên nhà cầm quyền thuộc địa Pháp một bản minh thệ viết tay (*kèm theo đây có một bản*) mà nội dung chúng tôi cam kết với lời hứa chịu tử hình rằng: Chỉ chăm lo về mặt Đạo giáo chứ không mảy may nào làm rối loạn an ninh trật tự. Ngược lại, chúng tôi yêu cầu được sự giúp đỡ và hộ trợ của nước Pháp để thi hành sứ mạng truyền bá nền Tân Giáo này khắp hoàn cầu.

Đối với sự kính trọng của chúng tôi, tiếc thay, các vị đại diện của nhà cầm quyền thuộc địa Pháp vẫn không có hảo ý đáp ứng. Một số ít tỏ ra thông cảm,

khoan dung. Một số khác lại áp dụng đủ mọi cách cốt để ngăn chặn sự truyền bá này.

Đức Thượng Đế đã giảng dạy chúng tôi hoàng hóa chánh Đạo của Người đến khắp hoàn cầu. Chúng tôi quả quyết không có gì lầm lẫn trong sứ mạng ấy. Đặt mình vào bốn phạm, chúng tôi khẩn thiết yêu cầu quý Ngài thông truyền cho toàn thể nhưn loại thế giới hiểu biết việc làm của chúng tôi, để mọi người hiểu rằng: **Giờ đại xá của Đức Thượng Đế đã điểm... và sự thống hợp của con cái Đấng Tạo Hóa là để phụng sự cho hòa bình hơn là tiếp tục tìm kiếm kế hoạch thống trị thế giới.**

Muốn được vậy, chỉ cần làm sao cho tất cả người đời biết thương yêu đồng chủng và giữ gìn hạnh đức đúng theo đường lối mà Đức Chí Tôn đã vạch.

Chúng tôi chắc rằng: Hơn ai hết, quý vị Đế Vương, Quốc Vương, Quốc Trưởng, Giáo Chủ v.v.. đều muốn cho thần dân và thuộc hạ đang sống dưới quyền uy của quý vị, đều được sống mà không bị ám ảnh bởi sự sợ hãi triền miên về một trận chiến tranh tương lai mà các vũ khí tối tân sẽ gây nên những sự tàn phá và những sự ghê tởm không tả xiết. Hơn thế nữa, quý Ngài mong muốn họ sống một đời sống an bình hạnh phúc và vĩnh viễn thoát khỏi cơn ác mộng về một trận chiến tranh cận đại.

Chúng tôi yêu cầu quý Ngài sớm phái đến chúng tôi một số người để họ có thể hiểu rõ hơn những gì mà chúng tôi đã gây dựng nên.

Đức Thượng Đế phán dạy chúng tôi như vậy: *“Các con, mỗi Đạo của Thầy, nếu các con phát triển một ngày*

thì mỗi ngày qua sẽ là dịp để cho hàng trăm ngàn linh hồn bị đọa lạc nơi chốn trầm luân.”

Giờ đây lời kêu gọi đã được truyền ra khắp chốn, chúng tôi nghĩ rằng mình đã làm tròn bổn phận. Tuy nhiên, khi nào có đủ phương tiện, chúng tôi sẽ đi khắp hoàn cầu để truyền đến mỗi dân tộc lời Thánh giáo mới mẻ này.

Kính mong liệt vị chiếu cố và thể nhận nơi đây lòng tôn kính sâu xa của chúng tôi.

Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật.

Ông Lê Văn Trung

Người Việt Nam thuộc Pháp,

Đệ ngũ đảng Bắc Đẩu Bội Tinh,

Nguyên Nghị viên Hội Đồng Soái Phủ Đông Dương,

Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ,

Đại Ân Xá kỳ ba của Thượng Đế ở Đông phương,

Đạo Cao Đài hay Phật giáo Canh Tân,

Tại Tây Ninh, Nam Kỳ thuộc Pháp.

12. GIÁO HỮU TRẦN QUANG VINH VẬN ĐỘNG TỰ DO TÍN NGƯỠNG (NGÀY 22–11 TÂN MÙI 1931)

Giáo Hữu Trần Quang Vinh sau thời gian truyền Đạo và vận động tự do tín ngưỡng cho Đạo Cao Đài tại Pháp nay trở về Việt Nam. Như dịp có cuộc đấu xảo quốc tế thuộc địa tại Vincennes – Paris vào năm 1931, chánh phủ bảo hộ Miên quốc phái ông Trần Quang Vinh là một công chức (*thông phán hạng nhì*) đi dự cuộc.

Tháng chạp năm 1930, Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung và Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đến viếng Thánh Thất Kim Biên. Lúc ấy ông Thượng Vinh Thanh

đã thăng Giáo Hữu. Hai vị đại Thiên phong biết Hiến Trung sắp đi công cán bên Pháp nên dạy phải nương cơ hội này mà truyền giáo và tìm phương xã giao với các chánh khách Pháp triều, sở cậy họ binh vực quyền tự do tín ngưỡng của Đạo Cao Đài ở Đông Dương, đương bị chánh quyền thuộc địa và bảo hộ áp chế.

Ít hôm sau, Anh Cả Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp mời Giáo Hữu Thượng Vinh Thanh đến Thánh thất một lần nữa mà lần này hai anh lớn dạy đủ mọi việc khi đến Pháp phải lo, về mặt truyền giáo cũng như việc kêu ca với chánh phủ Pháp ra lệnh chấm dứt sự áp chế Đạo Cao Đài ở Đông Dương.

HOẠT ĐỘNG TẠI PHÁP QUỐC

Hiến Trung (*Giáo Hữu Thượng Vinh Thanh*) đáp tàu đò của hãng Nhà Rồng, chiếc Chenonceau, tách bến Sài Gòn ngày 10-2-1931, tới Marseille ngày 5-3-1931, Paris ngày 7-3-1931. Thời gian ở Paris từ 7-3-1931 tới 5-12-1931, trọn 9 tháng.

Ngoài phận sự lo cho cuộc đấu xảo Vincenne – Paris, Hiến Trung có thừa ngày giờ lo Đạo, hằng tiếp xúc với nhiều nhân vật, nào là Nghị sĩ, Luật sư, Giáo sư, Sĩ quan, Ký giả, đại khái là Hội Nhân Quyền (*Ligue des Droits de l'Homme*) mà Tổng Thư Ký là ông Emille Kahn, kế tiếp là ông Henri Guernut, ông này là Nghị sĩ danh tiếng ở quốc hội Pháp.

Mọi việc hoạt động trọn 9 tháng ở Pháp không thể kể xiết, những tài liệu sanh hoạt lần lượt gửi về Tòa Thánh cho Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật.

Công việc truyền giáo và vận động cho Đạo Cao Đài được tự do tín ngưỡng ở Đông Dương, ông Hiến

Trung thuyết phục và gây dựng được một số nhơn vật và chánh khách Pháp có thiện chí đối với Đạo Cao Đài, trong số ấy có 5 vị kể tên sau đây được thọ phong Chức sắc vào năm 1932:

1. **Tiếp Dẫn Đạo Nhơn:** Gabriel Gobron, Giáo sư Trung học.
2. **Nữ Giáo Sư:** Bà Félicien Challaye, bạn của ông Giáo sư Đại học Sorbonne.
3. **Giáo Hữu:** Charles Bellan, cựu tham biện ở Đông Dương.
4. **Giáo Hữu:** Gabriel Abadie de Lestrac, Lục sự Tòa án Paris
5. **Nữ Lễ Sanh:** Bà Marguerite Gobron, sau thăng Giáo Hữu (*bạn ông Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Gabriel Gobron*)

Cuối mùa đông năm Tân Mùi (1931), ông Trần Quang Vinh đã mãn hạn công tác tại Pháp quốc và trở về Việt Nam. Bận về cũng trùng với chiếc tàu Chenonceau nữa. Tàu tách bến Marseille ngày 5–12–1931, cập bến Nhà Rồng Sài Gòn ngày thứ tư 30–12–1931, lúc 7 giờ sáng.

Hiển Trung đứng trên boong tàu ngó xuống, ngoài mẹ và gia đình thân quyến, lấy làm bất ngờ nhận thấy có dạng các anh lớn trong Đạo cũng đồng đi rước Hiển Trung, xin kể ra:

1. Anh Cả Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt.
2. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc.
3. Ông Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh.
4. Ông Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu.
5. Giáo Sư Thượng Tụy Thanh (*Từ Huệ*).

6. Giáo Hữu Thái Gấm Thanh (*Tử Hóa*)

7. Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến, Bí thư của Đức Hộ Pháp

Thuở ấy tình hình trong nước được yên tĩnh dễ dàng, nên khi tàu cập bến xong xuôi, rập thang lên tàu vũng vàng, thì thay vì hành khách lên bờ, trái lại thuyền trưởng cho phép những người đi rước xuống tàu trước, rồi để cho bà con thân quyến tự tiện đi tìm người mình rước mà mừng rỡ.

Hiển Trung quá xúc động, một đàn ông là mẹ, cả gia đình bà con, một đàn ông nữa là Anh cả, Đức Hộ Pháp và các bạn Chúc-sắc bao quanh. Mừng không thể tả, trả lời người này, nói chuyện với người nọ, rồi tất cả xuống phòng ăn, bảo “*garçon*” là bồi giúp việc đem trà, café, bánh mì bơ và đủ thứ bánh trái. Thật là một tiệc bất ngờ, ai ai cũng ăn uống vui vẻ chuyện trò. Lúc thái bình có sự dễ dàng như vậy đó. Hiển Trung ngồi gần Anh Cả, Đức Hộ Pháp và các Chúc-sắc chung một bàn, bà con thân quyến ngồi nối tiếp và thêm một bàn nữa.

Mãn tiệc trà cũng gần 9 giờ, thay vì Hiển Trung bao trả tiền tiệc trà này, mấy bà con ở Long Xuyên lên rước giành trả tiền hết. 9 giờ đem hành lý lên bờ.

Hiển Trung xin phép mẹ và gia quyến để đi cùng một đoàn với Chúc-sắc, từ bến tàu ra tới cửa Nhà Rong, vì xe đậu ngoài đường Jean Eudel. Đi bộ, vừa đi vừa nói chuyện hết sức vui vẻ. Anh Cả nắm tay Hiển Trung kéo đi sụt lại sau nói nhỏ như vậy: “*Thơ nó nhờ moi mời toi chiều nay lối 7 giờ đến nhà nó ăn cơm. Nó ngại toi phiền nó rồi từ chối nên mới cậy moi.*”

Hiển Trung liền đáp với Anh Cả như vậy: “*Anh Cả mời thì tự nhiên em phải vâng, mà dầu cho Anh lớn*

Thơ mời thì em cũng nhận, không lẽ em cố tâm phiền ảnh về vụ trước hay sao?”

Đó rồi Anh Cả chỉ nhà của Anh lớn. Thơ ở Tân Định và hẹn cho đúng giờ.

Ra tới đường cái, Anh Cả, Đức Hộ Pháp và các Chúc-sắc bắt tay từ già Hiến Trung, hẹn nhau là chiều tối sẽ tái ngộ.

13. THƯỢNG HỘI AN XÁ CHÚC-SẮC THIÊN PHONG (5-12 TÂN MÙI 1931)

Sau khi lập Tòa Tam Giáo Cửu Trùng Đài xử phạt định án 37 Chúc-sắc cao cấp CTĐ và HTĐ, việc định án này làm cho nhơn sanh và Hội Thánh cảm thấy có điều gì như chưa ổn lắm, nên trong kỳ Đại Hội Nhơn Sanh lần đầu Tiên vào ngày 15-10 Tân Mùi, Hội Nhơn Sanh dâng thỉnh cầu lên Hội Thánh xin ân xá cho 37 Chúc-sắc kể trên. Hội Thánh sau đó nhóm họp, xin dâng ý kiến này của nhơn sanh lên Thượng Hội quyết định.

Thượng Hội nhóm tại Tòa Thánh ngày 29-11 Tân Mùi (dl 6-1-1932), quyết định ân xá cho tất cả Chúc-sắc bị Tòa Tam Giáo định án trong 2 kỳ Tòa Tam Giáo vừa qua, nếu như các vị Chúc-sắc này trở về Tòa Thánh chung lo việc Đạo trong vòng 3 tháng kể từ ngày 15-12 Tân Mùi.

14. CHƯƠNG TRÌNH HÀNH SỰ CỦA HIỆP THIÊN ĐÀI (NGÀY 17-12 TÂN MÙI 1931)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ lục niên.)

CHÂU TRI

Cho chư vị Thiên phong Chúc-sắc,

Đầu Họ Đạo, chủ Thánh Thất và chư Đạo hữu nam nữ.

Ngày mừng 8 tháng Giêng năm tới đây, nhằm ngày vía Đấng Chí Tôn, chư Chúc-sắc Hiệp Thiên Đài sẽ về Tòa Thánh mà tái thủ phận sự, hiệp với Chúc-sắc Cửu Trùng Đài lo vun bồi nền Đạo. Ấy là ngày hội hiệp, là ngày ra về cơ Đạo phục hưng, chúng ta nên vui mừng mà cảm ơn Thầy và chư Thần Thánh Tiên Phật. Vậy, khuya mừng 8, xin chư Đạo hữu, ai không đến Thánh thất được, ở nhà hãy cúng thời Tý mà dâng lễ vui mừng lên Đại Từ Phụ và cầu xin Đấng Chí Tôn ban bố ân huệ cho trong Đạo nơi nơi được thượng hòa hạ lục.

Tôi xin tuyên bố ra dưới đây cái chương trình của Hiệp Thiên Đài lập ra mà đặt bày phận sự.

Tòa Thánh, ngày 1.2.1932.

Chánh Phối Sư THƯỢNG TƯỚNG THANH.

CHƯƠNG TRÌNH

* * *

Khoản thứ nhất: Về cơ bút

Phận sự hiện thời về cơ bút của Chúc-sắc Hiệp Thiên Đài theo lời giải của Hộ Pháp.

Buổi mới lập Đạo, Thánh ý đã định giao trách nhiệm phò loan cho 4 cặp cơ và mỗi cặp đều có phận sự đặc biệt là:

- ▣ Cơ lập Đạo (*Enseignements religieux*)
- ▣ Cơ pháp (*Législation – Sacerdoce*)
- ▣ Cơ phổ độ (*Propagande de la Foi*)
- ▣ Cơ bí pháp (*Enseignements ésotériques*)

1. Hộ Pháp và Thượng Phẩm là cơ lập Đạo.

Tiên khởi Đức Chí Tôn đã dựng đặng rửa lỗi cho chúng sanh, xây nền Đạo, dựng Hội Thánh, lập Tân Luật và Pháp Chánh Truyền mà thể cho Thiên điều và Hiến pháp Thiên Đạo.

Khi Thượng Phẩm qui vị thì cơ phong Thánh đã xong phận sự và nền Đạo cũng đã lập hoàn toàn thì Chúc-sắc phải chịu luật lệ công cử và duy có tuân y Pháp Chánh Truyền mà điều độ chúng sanh, Đạo hữu duy có tuân y Tân Luật đoạt lần phẩm vị. Cho nên về cơ bút thì cơ lập Đạo tức là Hộ Pháp và Thượng Phẩm đã trọn vẹn phận sự rồi.

2. Hậu và Đức là cơ pháp.

Chuyên về Hiến pháp của Đạo (*Legislation religieuse*). Hiến Pháp của Đạo là Tân Luật và Pháp Chánh Truyền thì không ai đặng phép can thiệp thêm bớt mà cơ Pháp không biết và nhứt là không có Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài công đồng nhìn nhận, cũng như buổi lập luật, Thánh ý đã muốn cho cả Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài phải công đồng nhận chịu.

3. Mỹ Ngọc và Sang là cơ phổ độ để dẫn chúng sanh vào cửa Đạo.

4. Nghĩa và Tràng là cơ bí pháp của Đạo, nhưng hiện thời Tịnh Thất của Đạo chưa thành lập thì phận sự chưa đến.

Những lời chép trên đây là do theo lời Hộ Pháp giải.

Khoản thứ nhì: Kiểm duyệt Thánh ngôn cũ và làm lịch sử Đạo

Hiệp Thiên Đài phải có một Ban Kiểm Duyệt để

thâu hết về một mối các Thánh ngôn, từ ngày Khai-Đạo đến giờ.

Cả Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài phải hành Đạo do theo Thánh ngôn, kiểm duyệt rồi mà thôi.

Ban Kiểm duyệt Hiệp Thiên Đài phải lãnh phần làm lịch sử của Đạo.

Khoản thứ ba: Thể lệ chấp cơ và ban hành Thánh ngôn.

❖ ĐIỀU THỨ NHẤT: Mỗi khi Hội Thánh Cửu Trùng Đài muốn cầu Đức Chí Tôn thì phải viết tờ cho Hộ Pháp biết ý nguyện của mình về phận sự của cặp cơ nào.

❖ ĐIỀU THỨ NHÌ: Hộ Pháp sẽ tùy theo mà cho cặp cơ ấy hay, nghĩa là như cầu hỏi về luật pháp thì Hộ Pháp sẽ cho cặp cơ Hậu và Đức biết trước, vv... đoạn trả lời cho Hội Thánh Cửu Trùng Đài và định ngày giờ thỉnh cầu.

❖ ĐIỀU THỨ BA: Không được phép cầu nơi nào khác hơn là tại bửu điện Hiệp Thiên Đài.

❖ ĐIỀU THỨ TƯ: Mỗi lần cầu, duy có Hộ Pháp và Giáo Tông đứng hầu đàn và một Chức-sắc Hiệp Thiên Đài làm ký lục mà thôi, trừ ra khi nào cơ giảng dạy kêu ai thì người ấy mới được đến hầu.

❖ ĐIỀU THỨ NĂM: Chấp cơ rồi thì Hộ Pháp, Giáo Tông và 3 Chức sắc Hiệp Thiên Đài có tại đàn sẽ kiểm duyệt Thánh ngôn liền, rồi giao cho Giáo Tông ban hành.

❖ ĐIỀU THỨ SÁU: Trước khi ban hành, Giáo Tông phải để cho Bàn Kiểm Duyệt Thánh ngôn của Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài xem trước, như Bàn

Kiểm duyệt nầy xin ngưng ban hành thì Giáo Tông phải trả lại cho Hộ Pháp đặng định ngày cầu Đức Chí Tôn hỏi lại.

Chức sắc Thiên phong Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài ký tên dưới đây đồng nhìn nhận tờ chương trình hành Đạo nầy và định:

❖ THỨ NHỨT: Tuyên bố tờ chương trình nầy

❖ THỨ NHÌ: Ngày mùng 8 tháng giêng tới đây là ngày cả Chức-sắc Hiệp Thiên Đài sẽ về Tòa Thánh mà tái thủ phận sự.

Làm tại Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 24 tháng 1 năm 1932 (*âl 17.12 Tân Mùi*).

Ký tên:

- Thượng Đầu Sư Quyền Giáo Tông
THƯỢNG TRUNG NHỨT
- Thượng Chánh Phối Sư
THƯỢNG TƯƠNG THANH
- Thái Chánh Phối Sư
THÁI THƠ THANH
- Ngọc Chánh Phối Sư có xin kiếu.
- Hộ Pháp
PHẠM CÔNG TẮC
- Hiến Pháp Đức
- Khai Pháp Nghĩa
- Tiếp Pháp Tràng
- Bảo Thế Phước
- Khai Thế Thâu
- Tiếp Thế Vĩnh
- Tả Phan Quân Mùi

CHƯƠNG IV: HỘI NHƠN SANH

1. ĐỨC HỘ PHÁP LẬP PHẠM MÔN (NGÀY 3-1 NHÂM THÂN 1932)

Đúng ngày mùng 3 tháng Giêng năm Nhâm Thân, tất cả các anh em Phạm Môn nam nữ và luôn cả cha mẹ vợ con của anh em đều tựu đến Sở Trường Hòa rất đông, phỏng chừng lối ngàn người.

Nhắc lại, Phạm Môn phôi thai từ năm Mậu Thìn (1928), khởi thủy do Đức Hộ Pháp mua lại phần đất tại xóm Trường Đua, thuộc xã Hiệp Ninh, quận Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, tạo một ngôi nhà đầu Tiên bằng cột cây lợp tranh, do ông Lễ Sanh Thượng Nguyên Thanh lãnh làm khoán. Trong lúc đang kiến tạo ngôi nhà này thì có một số người Đạo tâm đến xin làm giúp cho Đức Hộ Pháp, mục đích của họ là muốn gần gũi Đức Hộ Pháp để học Đạo và cứ như thế số người Đạo đến xin làm giúp mỗi ngày một đông.

Đến năm Canh Ngọ (1930), Đức Hộ Pháp mới nói với những người này rằng: *Chỗ này không phải chỗ làm công quả, nếu ai muốn làm công quả thì vô Tòa Thánh mà làm. Còn như em nào muốn theo Qua thì phải làm tờ hiến thân trọn đời vào Phạm Môn và phải có cha mẹ với vợ bằng lòng ký tên cho hiến thân mới đặng, đồng thời tờ hiến thân phải có Đầu Hộ Đạo vi chứng.*

Những anh em này họp nhau bàn tính, kết quả anh em đồng ý làm tờ hiến thân. Khi làm xong đệ lên Đức Hộ Pháp, Ngài xem xong rồi Ngài đệ luôn qua Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật.

Từ ngày anh em làm tờ hiến thân rồi, Đức Ngài buộc làm công quả mỗi tháng phải đủ 27 ngày, nghỉ 3

ngày là: mùng 1, 30 và nếu tháng thiếu thì nghỉ ngày 29.

Đến đây thấy số người hiến thân khá đông, phần ăn uống có phần thiếu thốn, mấy người lớn tuổi có phần hiểu biết hơn, mới phân ra một số đi cửa cây làm cửa để trang trí ngôi nhà mới cất, còn một số thì lo kiếm ruộng dựng làm. Khi bàn tính xong thì trình lên Đức Ngài hay, được Đức Ngài chấp thuận và hỏi mượn số ruộng của Bà Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh ở Bến Sỏi Tây Ninh. Vụ làm ruộng do ông Võ Văn Lẽ làm chủ sở và nhờ anh em ở xã Ninh Điền và Trà Siêm giúp trâu cày ruộng và lúa giống.

Khi ngôi nhà được trang trí xong thì Đức Hộ Pháp dạy làm tấm bảng đề 2 chữ lớn PHẠM NGHIỆP và đăng đôi liễn:

- PHẠM NGHIỆP THỪA NHÀN, LỢI LỘC CÔNG DANH VÔ SỞ DỤNG,
- MÔN QUAN TÍCH ĐẠO, TINH THẦN PHÁP BỬU HỮU CƠ CẦU.

Sau đó, Đức Ngài lại dạy anh em vô gần Tòa Thánh để tạo Sở Khách Đình, kế lộ Phước Đức Cù, phía sau là rừng cấm. Đức Hộ Pháp giao nhà sở này cho ông Nguyễn Văn Lữ làm chủ sở. Trong lúc tạo cơ sở này thì lương thực rất thiếu thốn, mỗi bữa ăn toàn là khoai mì với lá đậu rồng, lá cây búng chấm với nước muối, đời sống rất kham khổ nhưng tinh Thần anh em thì rất mạnh.

Đến cuối năm Canh Ngọ (1930), Đức Hộ Pháp cho anh em xuống mở sở Phạm Môn tại Tâm Lạch thuộc xã Trường Hòa, do ông Lê Văn Lưu làm chủ sở, sắp đặt việc nhà cửa và canh tác ruộng rẫy.

Ông Phạm Văn Màng lãnh nhiệm vụ coi anh em người Miên làm hằng ngày, vì sở này có lối 40 người Miên kể cả nam nữ, còn người Việt lối 20 người, ông

Lại Văn Sắc lo về lương thực và ngoại giao. Khi mới đến thì ở tạm nơi nhà của ông Út Giáp (*Phạm Văn Giáp*) vì nhà của ông Giáp gần chỗ tạo nhà sở, phần lớn trong nội vụ kiến tạo tại nhà sở này đều nhờ sự giúp đỡ của anh em ông Giáp. Nguyên bởi lúc này ông Giáp đang giúp việc cho Đức Hộ Pháp tại Hộ Pháp Đường. Khi khởi sự mở ruộng rẫy tại sở này, chính Đức Hộ Pháp ra cầm cày, anh em dắt trâu, cày đủ 3 vòng rồi, Đức Ngài mới trao lại cho anh em Phạm Môn ở sở tiếp tục cày.

Cũng trong năm này, Đức Hộ Pháp dạy anh em Phạm Môn phải học thuộc lòng Thập Điều Giới Răn đặng khi Đức Ngài biểu đọc lại thì phải đọc liền. Thập Điều Giới Răn như dưới đây:

1. Phải tuân y Luật pháp Chơn truyền của Chí Tôn.
2. Phải trọn hiếu với Tông đường phụ mẫu, trọn nghĩa vợ chồng, vẹn phận làm cha.
3. Phải trọn giữ trai giới.
4. Phải xa lánh các đảng phái.
5. Phải thật hành phước thiện, nuôi người già, dưỡng trẻ nhỏ.
6. Không đặng thù của chúng sanh.
7. Coi anh em đồng Đạo như ruột thịt.
8. Không được bội sự phản bạn.
9. Phải ở như các Thánh Hiền, đừng phạm tội vong công bội đức.
10. Phải thương yêu loài người và loài vật, kính trọng mạng sanh vừa theo Thánh chất của Chí Tôn là Chúa sự sống.

Đến năm Tân Mùi (1931), Đức Hộ Pháp dạy ông Trịnh Phong Cương ra tạo:

- Sở Giang Tân, kế mé sông Vàm Cỏ Đông thuộc xã Trường Hòa, sát ranh với xã Long Thành.
- Sở Nam Công Nghệ gần Ngã Ba, đi Suối Đá và đi Chà Là, tại nách đường đi vô Thái Bình Nghĩa Địa, do ông Võ Văn Đợi tự Đại làm chủ sở.
- Sở Nữ Công Nghệ ở gần Ngã Tư Ao Hồ, kế bên cửa số 7 ngoại ô Thánh địa, do ông Đinh Văn Tiết làm chủ sở.
- Sở Dưỡng Lão Đường cũng gần Ngã Tư Ao Hồ, do ông Lê Văn Tri làm chủ sở.

Đến cuối năm Tân Mùi (1931), Đức Hộ Pháp cho hay đến ngày mùng 3 tháng giêng năm Nhâm Thân (1932) sẽ làm lễ Hồng Thệ (thọ Đào Viên Pháp) tại sở Trường Hòa.

2. HỘI THÁNH IN THÁNH NGÔN HIỆP TUYẾN (NGÀY 14-1 NHÂM THÂN 1932)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ (Đệ thất niên.)

Kính cùng chư vị Chúc-sắc Thiên phong, Đầu Họ Đạo, chủ Thánh thất và Đạo hữu nam nữ.

Ngày lễ Vía Đấng Chí Tôn vừa rồi, chư Chúc-sắc và Đạo hữu các nơi, không có thơ mời gọi chi hết, mà tựu về Tòa Thánh rất đông đảo, hội hiệp cùng nhau, làm cho cuộc lễ thêm long trọng. Ấy là cái ảnh hưởng hưng sùng của Đạo đó. Ai lên đây cũng đều tỏ dấu vui mừng, trước là châu lễ Thầy, sau gặp gỡ bạn tu, chúc Đạo đức cho nhau năm mới.

Y như lời tôi đã nói trong châu tri số 42, ngày lễ đó, chư vị bên Hiệp Thiên Đài có hiệp về Tòa Thánh đủ

hết, trừ ra một vị mắc việc có xin vắng mặt mà thôi.

Nay chư Chúc-sắc bên Hiệp Thiên Đài được trắng như băng, tái thủ phận sự lại rồi, nên tôi cho chư hiền hữu hay mà mừng cho nền Đạo, từ đây sẽ đặng vững vàng thêm nữa và đường Đạo của chúng ta sẽ được mau trở bước.

Nhơn dịp, tôi để lời cảm ơn chư hiền hữu có lòng sốt sắng mà thi hành châu tri số 41 về sự giữ trọn chay 3 ngày Tết. Tuy nhiều nơi được châu tri trễ, song tôi hay phần đông sẵn lòng làm theo, vậy cũng đủ chứng cho Đạo tâm phấn chấn của chư hiền hữu.

Nơi Tòa Thánh đã in Thánh Ngôn Hiệp Tuyển lại rồi, khi trước, thỉnh theo giá cũ là 1 \$ một cuốn, nay nhờ nhà in của Hội Thánh nên hạ xuống 0 \$20 một cuốn, đủ tiền giấy và tiền in, thiệt rẻ cho Đạo hữu ai ai cũng có thể thỉnh được, coi cho biết rõ tôn chỉ ĐĐTKPĐ. Tôi ước mỗi Đạo hữu biết chữ, nên có một quyển trong nhà mà đọc đi đọc lại cho rõ thông các lời Thánh giáo của Thầy. Còn Lễ Sanh, Chánh Phó Trị Sự và Thông Sự nam nữ, mỗi người đều phải có một cuốn mà học....

3. NỘI LUẬT THƯỢNG HỘI (NGÀY 22-1 NHÂM THÂN 1932)

THƯỢNG HỘI

NỘI LUẬT

Toàn thế giới Càn Khôn chỉn có 2 quyền: trên là quyền hành Chí Tôn của Đấng Tạo Hóa, dưới là quyền hành của vạn linh, nghĩa là sanh chúng.

Quyền hành Chí Tôn trọn nơi thế này là tại quyền Giáo Tông và Hộ Pháp hiệp một. Hai bên phản khắc nhau thì Chánh Trị Đạo phải bị đổ.

Quyền hành vạn linh nghĩa là của sanh chúng đều có đủ trọn vẹn nơi: Thượng Hội, Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh hiệp đồng. Nếu 3 Hội phản khắc nhau thì quyền hành ấy tiêu hủy.

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có 3 Đài:

1. **Cửu Trùng Đài:** là thể phần xác, vì Đấng Chí Tôn không xuống thể với xác thân trong buổi Khai-Đạo nơi miền Á Đông kỳ thứ 3 này. (*3è Amnistie de Dieu en Orient*)

Lại dùng huyền diệu vô vi bí mật cơ bút y theo thiên thư tiền định mà khai và truyền Đạo. Ấy vậy, Cửu Trùng Đài là TINH là thân thể.

2. **Hiệp Thiên Đài:** là KHÍ, là khí lực, nghĩa là luồng điển quang liên kết cả Thánh đức cùng xác thịt (*Lien de relation ou flamme divine*) làm trung gian hiệp Cửu Trùng Đài với Bát Quái Đài.
3. **Bát Quái Đài:** là THÂN là Thiêng Liêng (*Puissance maitresse qui dirige l' Univers ou autrement dit: Sagesse ou Intellegence divine*).

Cửu Trùng Đài là hình thể hữu vi của Đấng Chí Tôn, chia ra 3 Hội: Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh, Thượng Hội.

Ba Hội này hiệp cùng nhau là hình thể hữu vi của Đấng Chí Tôn nên phải có quyền đặc biệt đủ phương độ tận nhơn sanh vô nền Đại Đạo lo tu hành ra bậc thượng sanh.

THƯỢNG HỘI

❖ ĐIỀU THỨ NHỨT: Thượng Hội gồm có:

1. Giáo Tông Hội Trưởng

2. Hộ Pháp. Phó Hội Trưởng
3. Thượng Phẩm. Hội viên
4. Thượng Sanh. —nt—
5. Ba vị Chưởng Pháp. —nt—
6. Ba vị Đầu sư nam phái. . . —nt—
7. Đầu Sư nữ phái. —nt—

❖ **ĐIỀU THỨ NHÌ:** Mỗi khi hội thì mỗi vị phải có mặt, trừ ra khi nào vì việc Đạo mà phải đi xa thì mới được phép vắng mặt, khi nào có bệnh không dự hội được thì phải có thư xin kiếu và chọn vị nào trong hội thay mặt cho mình.

❖ **ĐIỀU THỨ BA:** Thượng Hội để xem xét và phê chuẩn:

1. Các điều của Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh bàn luận về việc Đạo.
2. Các điều ước (*voeux*) của Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh, trừ ra các điều nào, hoặc của Hội Nhơn Sanh mà Hội Thánh đã đánh đổ, hay là của Hội Thánh mà đã bị Hội Nhơn Sanh đánh đổ, thì không được phép đem vào Thượng Hội, nếu không có đơn của hai ông chủ hai Hội kêu nài.
3. Thượng Hội bàn luận và định đoạt các việc cần gấp hoặc yếu trọng phải ban hành trong Đạo.

❖ **ĐIỀU THỨ TƯ:** Trừ ra mấy vị Đại Thiên phong có quyền trong Thượng Hội chỉ trong điều thứ nhất, thì không có ai khác được dự thánh Thượng Hội.

❖ **ĐIỀU THỨ NĂM:** Thượng Hội chọn một vị Từ Hàn trong hàng Thiên phong Cửu Trùng Đài từ Giáo Sư đỡ lên.

Từ Hàn lo giữ gìn giấy tờ, sổ sách của Thượng Hội và trước mỗi kỳ Hội, phải tụng Giáo Tông đặng lập

chương trình và viết thư mời hội, khi Thượng Hội nhóm thì dự thính và lo biên các lời luận của mỗi Hội Viên đăng chừng mãn Hội, tức cấp lập Tờ Kiết Nhận mỗi kỳ Hội, với phải nhắc nhở những điều Thượng Hội đã có định trước mà Hội Viên quên trong lúc hội nhóm. Sau khi hội nhóm, phải lo phụ giúp Giáo Tông thi hành các điều bàn định.

❖ ĐIỀU THỨ SÁU: Từ Hàn được lãnh phạt sự công quả trong 4 năm kể từ ngày Thượng Hội chọn. Trong 4 năm, nếu Từ Hàn không tròn phạt sự thì Thượng Hội chọn người khác thế; nếu tròn phạt sự công quả, siêng năng Đạo đức đủ, khi mãn 4 năm thì Thượng Hội cũng chọn cử lại nữa.

❖ ĐIỀU THỨ BẢY: Ba vị Đầu Sư nam phái và Đầu Sư nữ phái có quyền cai trị về phần Đạo và phần đời của chư môn đệ Chí Tôn thì phải lập Tờ Phúc những điều bàn tính của Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh. Tờ phúc ấy phải đệ lên cho Giáo Tông xét nét rồi đem ra Thượng Hội bàn tính trước Hội thường niên ít nữa là 15 ngày.

❖ ĐIỀU THỨ TÁM: Cả tờ giấy chi đem ra Thượng Hội phải cho cả Hội Viên quan sát xét nét trước khi ngày nhóm Hội ít nữa là 7 ngày.

❖ ĐIỀU THỨ CHÍN: Mỗi vị Hội Viên có trọn quyền bàn cãi các việc đem ra Hội đăng cho Giáo Tông và Hộ Pháp rõ thấu chơn lý mà định quyền chánh trị của Đạo. Thượng Hội cốt yếu là giúp Giáo Tông và Hộ Pháp hiểu thấu tâm lý nhơn sanh và Hội Thánh đăng xây chuyển quyền hành Chí Tôn theo vạn linh ước vọng.

Nếu muốn bàn cãi việc chi thì xin phép ông Hội

Trường rồi chờ được phép mới mở lời bàn tính, chớ nên can lời của Hội Viên khác đương luận và tỏ ý kiến.

Thảng như có nghe một Hội Viên bàn tính điều chi không phù hợp với mình thì biên cho nhớ rồi khi Hội Viên ấy dứt tiếng, xin phép Hội Trường đăng tỏ ý kiến của mình. Trong mỗi việc đem ra bàn luận, mỗi Hội Viên được xin nói đến ba lần, mỗi lần không quá 5 phút đồng hồ, hay là một lần không quá 15 phút.

❖ **ĐIỀU THỨ MƯỜI:** Trong mỗi việc, chừng cả Hội Viên tỏ hết ý kiến và bàn luận rồi thì Hộ Pháp và Giáo Tông có ý kiến chi thì mới tỏ bày sau rốt, chừng rồi, Hội Trường định bỏ thăm, bên nào phần đông thì Thượng Hội tuân theo.

❖ **ĐIỀU THỨ MƯỜI MỘT:** Giáo Tông và Hộ Pháp hiệp một thì là Quyền Chí Tôn nên không có bỏ thăm. Nếu cả Ba Hội phần khác nhau thì quyền Chí Tôn, nghĩa là của Giáo Tông và Hộ Pháp hiệp một vi chủ, định thế nào thì chánh trị của Đạo y theo thế ấy. Còn như quyền hành Giáo Tông và Hộ Pháp phần khác nhau thì cả thầy về chánh trị và chúng sanh đều bị hủy bỏ. Chừng ấy, Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh và Thượng Hội phải nhóm lại mà định đoạt sửa cải lại nữa. Nếu có việc chi trái luật Đạo thì Giáo Tông và Hộ Pháp hiệp cùng nhau đăng trọn quyền ban xuống cho Đầu Sư định đoạt lại.

❖ **ĐIỀU THỨ MƯỜI HAI:** Mỗi năm, sau ngày lễ Noel thì nhóm Thượng Hội thường lệ đăng xem xét và phê chuẩn:

1. Các việc Đạo đã ban hành trong năm.
2. Các việc của Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh đệ lên.
3. Các việc Đạo sẽ ban hành năm tới.

4. Sổ thân xuất năm qua rồi.
 5. Sổ thân xuất và phỏng định năm tới.
 6. Sổ trực xuất tín đồ, án Tòa Tam Giáo hình phạt và các việc tạp tụng Hòa Viện.
 7. Cầu phong.
- ❖ ĐIỀU THỨ MƯỜI BA: Ngoài hội thường lệ thì 3 tháng Thượng Hội nhóm một lần. Còn có việc gấp thì Hội Trưởng gọi tờ mời hội liên hay là gọi tờ hỏi ý kiến của chư Hội Viên.
- ❖ ĐIỀU THỨ MƯỜI BỐN: Sau khi hội Thượng Hội thì Giáo Tông và Hộ Pháp phải đình hội lại 15 phút đồng hồ đặng hai người vào đại diện mật nghị rồi phải trở ra cho Thượng Hội hay những điều của hai đảng nhứt tâm quyết định.
- ❖ ĐIỀU THỨ MƯỜI LĂM: Ngày sau có điều chi cần ích cho Thượng Hội thì sẽ đem thêm vô Nội Luật này.

Làm tại Tòa Thánh, ngày 22 tháng
Giêng năm Nhâm Thân.

(dl 27-2-1932)

HỘ PHÁP	QUYỀN GIÁO TÔNG
Phạm Công Tắc	Thượng Trung Nhựt
(ấn ký)	(ấn ký)

4. NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU LIỄU ĐẠO (NGÀY 13-3 NHÂM THÂN 1932)

Ở Cần Thơ, Ngài Ngô Văn Chiêu không chịu ở nhà ai hết. Các đệ tử của Ngài bèn cất cho Ngài, một cái am cách châu thành Cần Thơ 3000 thước trước Chiêu Minh nghĩa địa. Ngài dạy phải làm bằng cây lợp lá đơn sơ thôi, bởi chỉ dùng chừng một tuần nhứt, làm tử tế

không ích gì lại tốn kém. Trong lúc cất am, Ngài tạm ở cái am của bà tư Huỳnh kế bên.

Những ngày ở Cần Thơ có những điều đặc biệt sau đây:

1. Ngài dạy dùng vải để chép những bài Thánh giáo dạy giữ y qui củ của Ngài Khai-Đạo kỳ ba nầy. Một ít bài thi chép trên vải còn giữ lại tại nhà bà Đốc Lý ở Thủ Đức hiện giờ.
2. Hai ngày trước khi liễu Đạo, Ngài kêu bà hội đồng Thơm dặn như sau và phải truyền nháy lại lời của Ngài :
 - a. Trước đàn hay chùa, phải làm 8 cái bồn trồng bông, tròn vuông dài gì cũng được, để trồng 8 thứ bông khác nhau. Nếu có viên cỏ chung quanh bồn thì cũng phải cho phân mình, không được lộn một bồn mà hai ba thứ bông.
 - b. Bông chưng trên thiên bàn cúng thì phải chưng đủ 3 thứ : bông sen, cây trước và cây dương liễu, không có dương liễu thì dương thường cũng được, vì là ý Đạo sẽ dùng ngày sau.
 - c. Chưng trái cây cũng chỉ 5 thứ mà thôi, không được 6 hay 7 vì năm thứ ấy tượng trưng cho ngũ hành trong cơ thể mình, tức là ý Đạo.
 - d. Là Đại Đạo Vô Vi nên ý Ngài muốn bảo mua cái vỏ trái bầu khô treo giữa nhà rồi thả nhang cặm cúng được rồi.

Nhưng trong lúc ấy, ông hội đồng Huy và tư Huỳnh mua xong cái ghế thờ chở vô và xin thầy dạy cách sắp đặt thờ cho đúng. Ngài thấy chở vô là có ý buồn rồi, Ngài nói với Bà Thơm: Sau nầy sẽ có cơn khảo đảo về

việc sắp đặt Thiên bàn.

Giờ Tý ngày 13, tại nhà ông tu Huỳnh có đàn. Bạch Hạc đồng tử báo riêng rằng ông tu Huỳnh có lỗi với Ngài và hiện Ngài còn đó, mau vô xin lỗi, để Ngài qui rồi thì khó xin được. Lối bốn năm giờ sáng, thì ông tu Huỳnh áo khăn đường hoàng, vào quì ngay tại thảo lư trước màn vừa thưa vừa khóc xin lỗi Ngài. Một hồi lâu, Ngài bảo ông Tư Huỳnh ra sau lấy con dao xắt chuối, ông Tư cũng không hiểu ất giáp gì, đi lấy con dao đem lên. Ngài biểu: Anh tư Huỳnh lấy con dao chuối đó chặt tôi ít dao cho rồi. Ông Tư hoảng sợ bỏ dao, lạy Ngài xin tha thứ. Ngài bảo ông Tư về. Ông Tư mới đứng dậy, vái dài rồi ra về. *(Theo lời Bà Tư Huỳnh thì Ngài biết sau này ông Tư Huỳnh nghe lời ông Phán Quý mà đổi Tam Thanh ra Tam Giáo).*

Khi ông Tư ra về rồi thì Ngài kêu, bà Thơm và bà Huỳnh lại nói rằng: “*Anh Tư bảo tôi đi đấy.*” Các đệ tử sau này mới biết rằng lời nói ý kín trên đây ứng lời Thánh ngôn tại nhà ông Tư.

LIỄU ĐẠO TRÊN CỬU LONG GIANG (TIỀN GIANG)

Ngài thường nói rằng: Đức Đại Từ Phụ đã định cho Ngài bỏ xác trên sông Cửu Long, nên mới có câu:

*“Giờ này Thấy điểm thâm công,
Ngày sau con sẽ cõi rồng về nguyên”*

Sáng ra Ngài nhắc chừng bà Tư Huỳnh lo dùm xe cộ cho Ngài về Tân An và cứ nói hoài câu đó sợ trễ giờ. Bà Tư kính trọng Ngài lắm, nên muốn dẫn dìa lưu Ngài lại. Thấy vậy, Ngài biểu mời ông hội đồng Thơm vô. Ông Hội đồng khăn áo bước lên thảo lư lại

quì trước Ngài rồi Ngài dạy chi không biết và dùng tiếng Pháp làm mấy bà lên nghe mà không hiểu gì hết chỉ thấy ông Hội đồng quì khoanh tay và kính cẩn nghe, vâng vâng dạ dạ.

Đến khi ông Thơm đem xe vô, các bà bàn tán xôn xao, Ngài nói đi quanh đây rồi trở lại chớ không đi đâu xa.

Lúc ấy, cô năm Nguyệt hỏi Ngài: Cha đi về Tân An phải không? Ngài cười bảo: Cha đi bí mật.

Giờ Ngọ ngày 13, Ngài triệu tập tất cả đệ tử hiện diện công phu và sắp đặt: Ngài ngồi trên giữa, hai hàng hai bên:

- ▣ Bà hội đồng Thơm
- ▣ Cô Tám Lưu
- ▣ Bà đốc Thượng
- ▣ Ông đốc Thượng
- ▣ Bà tư Huỳnh
- ▣ Cô năm Nguyệt
- ▣ Bà Niệm
- ▣ Ông hội đồng Huy.

Sau giờ công phu, anh đồng Ngưng công Ngài ra xe, đi theo có bà Thơm, bà Huỳnh, cô năm Nguyệt và anh đồng Ngưng. Ngài thì ngồi một mình băng sau, còn Bà Tư, Bà Thơm ngồi sọt xuống hai bên dưới chân Ngài.

Da mặt và mình mấy Ngài từ từ đổi ra vàng như nghệ. Xe đến bến đò Cần Thơ, ngừng để mua vé đò, bọn trẻ nhỏ xúm lại hỏi ông đau chi mà vàng lờm như vậy ông? Bà Thơm lấy mấy tấm màn xe che lại thì Ngài gỡ xuống mà không nói.

Đến dò Mỹ Thuận, bà Tư vào chờ mua vé, mấy đứa nhỏ cũng bu xem và hỏi như ban nãy. Ngài bảo: Đã đến giờ rồi mà chưa đi, kêu chị Tư ra đi. Cô năm Nguyệt thưa: Còn chờ mua giấy dò rồi đi liền.

Xe xuống dò Mỹ Thuận xong, dò xô ra độ hai ba phút đồng hồ tại sông Tiền giang thì hồn Ngài lia xác. Ngài xuất hồn đi êm ru, không ai hay cả, cho đến mấy người đệ tử theo trên xe hầu Ngài cũng chẳng hay. Tới chùng có người làm ở dưới dò Mỹ Thuận thấy tri hô lên nói: Mấy bà đi đâu mà đem ông già chết đi theo, có giấy phép hay không? Mấy Bà hoảng hốt, khóc và xin quày dò trở lại.

Thế là Ngài liểu Đạo nhằm ngày 13-3 Nhâm Thân lối 3 giờ chiều (*dl 18-4-1932*).

Đò quay lại, xe lên bờ thì vừa kịp lúc xe của ông tư Huỳnh và ông hội đồng Huy vừa đến. Tất cả hay sự việc đều quay trở lại thảo lư Cần Thơ. Đến nơi phò xác vô đặt ngôi tại thảo lư, lúc bấy giờ nước da mặt Ngài trở lại trắng và con mắt bên trái bắt đầu mở to ra, có đủ tinh Thần như khi còn sống, còn con mắt bên mặt thì nhắm như thường.



ĐỨC HỘ PHÁP THUYẾT ĐẠO TRONG LỄ HỘI YẾN ĐTC TẠI CỬU LONG ĐÀI NĂM 1948



HỌC SINH ĐẠO ĐỨC HỌC ĐƯỜNG BIỂU DIỄN VÀ CỘ DIỄU HÀNH
TRONG LỄ HỘI YẾN DTC NĂM 1948

CHƯƠNG V: ĐIỀU TRỊ CUNG CHO THI

1. HỘI THÁNH CẢN THẬN CƠ BÚT (NGÀY 30-5 NHÂM THÂN 1932)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ thất niên.)

Tòa Thánh, ngày 3-7-1932 (30-5 *Nhâm Thân*)

Kính cùng chư vị Thiên phong, chư vị chủ Thánh thất, chư vị Chánh Phó Trị Sự và Thông Sự, chư Đạo hữu lưỡng phái.

Chư hiền hữu,

*Đời thường tôn vong ưu liệt,
Đạo có động tịnh chuyển xoay.*

Từ thử nền Đạo truân chuyên biết mấy, nào cuộc thử Thánh vì công bình thiêng liêng phải vậy, lắm lúc bị thế tình biếm nhẽ chê bai, đòi phen gặp nội biến, khiến chư hiền hữu ưu sầu đổ lụy thắm bầu! Mấy cuộc giông tố qua rồi, mới thấy rõ tâm thành đức vẹn của Đạo hữu lưỡng phái, gan đồng dạ sắt của Thầy un đúc bấy lâu không dời đổi.

Thiệt là:

*Chí hào kiệt trí trí dễ núng,
Dạ anh hùng trài trại không lay.*

Vậy mới gọi là người thử chung như nhút, dầu chết cũng thử trung giữ hiếu. Người như vậy dầu không biết Đức Từ bi đi nữa thì Ngài cũng tầm mà rước về đặng ban ân huệ cho. Ấy là nền Đạo mới qua rồi.

VIỆC CƠ BÚT

Thầy hằng nhắc tôi hồi buổi ban sơ:

“Dầu một Chí Thánh hạ trần mà trong thiên thơ không định để cầm bút cho Thầy truyền Đạo thì Thầy cũng không dùng.”

Thánh giáo này chỉ cho ta hiểu rõ rằng:

Cơ truyền Đạo khác hẳn với cơ bút khác.

Trước khi Đạo khai thì nhiều người lập đàn cầu Tiên Phật đặng xin thuốc chữa bệnh hay là hỏi việc gia đình thế sự. Mỗi lần lập đàn thì trầm hương nghi ngút, bông hoa rục rở, ăn chay nằm đất mấy ngày rồi khẩn cầu Tiên Phật. Tiên Phật thấy lòng thành cầu nguyện mới từ bi giáng dạy, cho thấy huyền diệu và mầu nhiệm thiêng liêng. Ấy là cơ thế.

Còn Khai-Đạo thì có Thiên cơ tiền định, mấy vị phò loan thì có định trong Thiên thơ.

Chẳng vậy sao nhiều người trường trai giới sát chơn tu mà Thầy không biểu phò loan cho Thầy truyền Đạo, còn mấy vị phò loan của Hiệp Thiên Đài, Thầy không phú việc chánh trị của Đạo?

Nếu ai cũng phò loan truyền Đạo được thì chữ Thiên cơ không giá trị, nội hoàn cầu cũng phò loan lập ĐĐTKPĐ, như vậy mới ra sao há?

Việc thế thì cũng có các tư kỳ phận, việc Đạo lớn lao tối trọng tối quý thì cũng phải có riêng phần tiền định.

Tôi xin sao lục Thánh ngôn về việc cơ bút ra đây cho chư Hiền hữu xem tường tận.

Lục rút Thánh ngôn của Đúc Lý hồi ban sơ:

► Ngày Thứ bảy, 15-1-1927.

THÁI BẠCH

Hỷ chư Đạo hữu, chư Đạo muội, chư chúng sanh.

Chư Đạo hữu bình thân.....

Đạo của Thầy ngày nay và từ đây sắp tới, nhưn loại hoan nghinh lắm đó. Lão rất vui mừng thấy hạnh của chư hiền hữu, công quả trong lúc Tam Kỳ Phổ Độ này lắm nổi nặng nề.

Mười phần nhưn sanh, chư hiền hữu phải độ tới chín. Than ôi! Hễ Đạo càng thịnh thì nghịch lại càng nhiều. Trên chánh phủ hằng để mắt nghi nan, dưới bọn ma hồn quỷ xác theo kích bác. **Chư Hiền hữu phải chịu và sẽ phải chịu hổ nhục trăm điều.** Nếu Lão có lời căn dặn là thấy sự cực nhọc của chư hiền hữu muốn toan cất bớt, nên phải dặn lấy sự cẩn thận. **nhịn nhục dè dặt mà hành Đạo.** Chánh phủ hằng dòm hành chư Hiền hữu.

Nghĩ nổi buồn cười.....

Trị nhi vô giáo, nay đặng hữu trị hữu giáo mà lại nghi nan. Ấy cũng một lũ phàm.

Lão khen nhiều người chẳng kể quyền cao tước trọng, phể trọn sự đời mà hành Đạo, nhưt là người đương thời dưới quyền chánh phủ, như hai cột Đạo là Tương và Trang, kế nữa người đại công là Hóa. Chẳng cần phải nói đến mấy em nhỏ chịu cực nhọc cùng Đạo trăm điều. Khen thay! Đường ấy mà chẳng một lời than thở.

Lão mới để dạ lo lường, nếu Lão nói rõ ra, e cho chư hiền hữu phải kinh khủng sợ sệt, nên dặn rằng: **Đạo vốn nơi cơ bút mà phát thành. Vậy Lão khuyên cẩn thận cho lắm.**

Đời với Đạo chẳng đồng, tuy biết có đời mới có Đạo, có Đạo mới nên đời, nhưng Đạo đời hằng nghịch lẫn.

Vậy Lão tử thí như trong bọn chư hiền hữu muốn phản loạn, nắm cơ viết đưa ra hay là quỉ nhập, viết ra rằng: Thấy xúi chư hiền hữu làm giặc, thì Đạo phải thế nào?

Thượng Trung Nhựt trả lời: *Như có Thánh ngôn bất chánh thì chư đệ tử không tuân theo.*

Cười... Nếu nói dễ dàng dường ấy còn luận đến làm gì.

Như Lão chẳng vì lời Thầy dặn bảo thì đã cấm cơ bút rồi. Vậy Đạo chưa thành, Lão kỳ tới cuối tháng 6 năm tới thì cấm tuyệt cơ bút phổ độ, sắp đặt lại: Dạy Đạo thì có Cừ, Tắc phò loan, đại đàn thì có Đức, Hậu, Mỹ Ngọc và Sang phò, còn kỳ dư dùng khai tiểu đàn mà thôi, nghe à!

Chẳng phải vậy gọi chắc, chánh trị muốn thế nào thì đảng thế ấy, nhứt là quốc gia chư hiền hữu còn dưới quyền chánh phủ Lang Sa cai trị. Lão tưởng chẳng nói thì chư hiền hữu cũng đủ hiểu, mấy đứa nhỏ là mấy tướng soái của Thầy lập thành Đạo. Vậy cứ tuân y theo lời Lão dặn, nếu muốn chắc nĩa thì cứ đem chúng nó cả thầy là 15 đứa với Mỹ Ngọc mà tuyên bố cho cả quốc dân biết thì đủ, nhưng lão dặn thêm một điều này là còn cả thầy mấy em chẳng phải phò loan đảng huyền diệu hết, như kể ra thì có 3 cặp mà thôi, còn các cặp khác phải cẩn thận cho lắm, vì Thần chúng nó không đủ trọn mà cầm tánh mạng nhưn sanh, hay là ngăn

ngừa tà ma quỷ mỵ xung nhập, nghe à! Thăng.

(LỤC RÚT Y BỐN CHÁNH)

Còn nhiều Thánh ngôn dạy về cơ bút, tôi không thể đem ra đây cho choán giấy. Luôn dịp, tôi cũng lục rút ra đây những lời của Đức Allan Kardec là ông tổ của việc cơ bút bên Thái Tây than trong cuốn sách “*Le livre des Médiums*” của Ngài, những điều rất khó khăn trong việc cơ bút. Người Âu Mỹ học việc chi cũng tâm cho thấu đáo tôn chỉ chớ không phải biết niệm chú vẽ bùa mà đốt rồi dám xưng là pháp sư.

Tại sao nguồn Đạo phát tại Tây Ninh?

Kinh sách xưa nay là Thánh ngôn từ ban sơ cũng chỉ rõ, Đạo phát ư Đông.

Như mấy câu sau nầy chỉ rõ có ấy:

“*Ánh thái dương gọi trước phương Đông.*” (*De V Orient, F Occident voit poindre r aurore*).

Hồi ban sơ, Bàn cổ sơ khai, Đạo Phật, Tiên, Thánh khai cũng tại miền Á Đông phát ra trước. Chừng Đạo truyền qua Thái Tây, cũng phát ra tại Asie-Mineure (*Tiểu Á*) là hướng Đông của Âu Châu, Tây Ninh là Đông phương của Nam Kỳ. Bởi có ấy và Thiên cơ tiền định, nên Đạo khai tại Tây Ninh y như mấy lời Thánh ngôn sau đây:

➤ “Ngày mừng 1-8 Bính Dần (7-9-1926).”

CAO ĐÀI

Thầy, các con.

Trung, con nghe;

Con biết rằng Tòa Thánh, Thầy phải lập tại Tây Ninh, Thầy đã cho con hiểu là Thánh địa nữa. Nguồn.

Đạo Thầy do nơi đó mà xuất thẩu thế gian.....

Hồi năm Bính Dần, ngày Ngươn đán, có đàn trong chùa Phật tại làng Long Hòa (*Rạch Kiến*) Chợ Lớn.

Thượng Tương Thanh, Thượng Hóa Thanh và Thượng Hoa Thanh chứng đàn. Sau khi Tam Giáo Chủ giảng cơ, Thần Hoàng làng Long Hòa giảng cho bài thơ này:

*Thần tải lộ an độ chúng sanh
Hoàng Thiên nhứt nhân đáo thiên thanh.
Long Thành chí hiệp tùng chơn Đạo,
Hòa nhã hiệp đồng thị thái khanh.*

(*Long Thành: làng Long Thành là chỗ lập Tòa Thánh bây giờ*)

Tự nơi Trời định, nào có ai dám ôm giành Đạo ca-cùm cho mình dạng.”

Trong mấy năm ban đầu, sau khi Khai-Đạo tại Gò Kén, phận tôi phải đông xông tây đục, đi nâng đỡ đức tin của chư Đạo hữu các nơi, Hộ Pháp phải đi mở Đạo tại Kim Biên, để cho Thượng Phẩm điều đình Tòa Thánh với anh Thái Bính Thanh giúp việc, còn anh Ngọc Lịch Nguyệt thì điều đình Vĩnh Nguyên Tự và lên xuống Tòa Thánh.

Trong lúc ấy, tại Tòa Thánh, hôn Đạo tạnh hành, chùa rách Phật vàng, lều tranh xịch xạc, gạo le thưa thớt, Thánh địa hoang vu rừng rậm mà trọn câu phổ độ, người tới Tòa Thánh tầm Đạo dư muôn.

Tuồng đời ấm lạnh biết bao! Trong Đạo tranh giành lẫn nhau, người hiền phải lui chơn thối bước. Hơn một năm kể đó, hôn Đạo điều hui, Tòa Thánh thưa người

lui tới, thuyền Bát Nhã gần xa bến.

Trống Lôi Âm tiếng giục cơn sầu!

Chuông Bạch Ngọc hơi reo đoạn thảm!

Đấng Chí Tôn dạy tôi phải về chưởng quản Tòa Thánh, vào ngày 15-4-1928 (âl 26-2 nhuận Mậu Thìn), trước khi tôi về Tòa Thánh, Thiên phong ở Tòa Thánh có cầu Đức Lý Giáo Tông chỉ dạy công việc, vì nền Đạo truân chuyên.

2. NGƯNG CHỨC PHỐI SƯ THÁI CA THANH (NGÀY 24-7 NHÂM THÂN 1932)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ thất niên.)

NGỌC CHÁNH PHỐI SƯ

kiêm chủ trưởng Chức-sắc nam phái.

Chiếu theo Đạo Nghị Định số 4 lập ra ngày mùng 3-10 Canh Ngọ (dl 22-11-1930), điều thứ 2, thứ 5 và thứ 7, định quyền hành của Ngọc Chánh Phối Sư;

Nghĩ vì khi nhập môn cầu Đạo thì Phối Sư Thái Ca Thanh có minh thệ như sau đây: “*Biết một Đạo Cao Đài Thượng Đế mà thôi, chẳng đổi dạ đổi lòng, hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài.....*”

Nghĩ vì ngày mùng 1-9 Mậu Thìn (dl 13-10-1928), nơi Ngọc đàn lập tại Thánh Thất Thủ Đức cho Thiên phong hồng thệ thì Thái Ca Thanh có lập thệ rằng: “*Nhứt nhứt do một lệnh Thầy, chẳng dám chuyên quyền mà chia phe lập phái...*”

Nghĩ vì tôn chỉ của Đạo buộc cả môn đệ của Chí Tôn phải hòa thuận nhau, phải tuân theo trật tự, lớn nhỏ phải phân minh, cấm lập phe phân phái,

Nghĩ vì Phối Sư Thái Ca Thanh đã không tuân lệnh Tòa Thánh mà lại còn lập ra một phái, trước kêu là Đại Đạo Tam Kỳ Minh Lý Hội, sau sửa lại “*Minh Chơn Lý, Hiệp Ngũ Chi*”, dùng cơ bút không phải nơi Hiệp Thiên Đài mà mê hoặc nhơn sanh, làm cho Chức-sắc và tín đồ xa chơn truyền của Đại Đạo, rồi nghịch với Tòa Thánh là nguồn Đạo của Đức Chí Tôn, ấy là một bằng cứ phản Đạo.

Nghĩ vì Đạo hữu nầy lấy chức Phối Sư của ĐĐTKPĐ ban cho mà hành Đạo rồi làm ra nhiều chuyện rối loạn hại cho nền Đạo, nên nay cần phải cho nhơn sanh và tín đồ rõ, lại cũng là một phương ngừa Phối Sư Thái Ca Thanh khỏi thêm tội nữa mà phải nặng hình phạt về phần thiêng liêng, cho nên:

NGHỊ ĐỊNH

- ❖ ĐIỀU THỨ NHẤT: Ngưng chức Phối Sư Thái Ca Thanh kể từ ngày ký tên lời nghị nầy đến hạn 3 năm, đo theo án Tòa Tam Giáo đã định hôm kỳ rằm tháng 7 năm nay.
- ❖ ĐIỀU THỨ HAI: Kể từ ngày nay, Thái Ca Thanh không đăng quyền hành Đạo theo chức Phối Sư nữa.
- ❖ ĐIỀU THỨ BA: Quản Lý Lại Viện và chủ tỉnh Đạo Mỹ Tho lãnh thi hành lời nghị nầy, phải sao lục ra mà dán trong các Thánh Thất của ĐĐTKPĐ và cho cả trong Đạo hay.

Tòa Thánh Tây Ninh,
ngày 25-8-1932 (24-7 *Nhâm Thân*)
NGỌC TRANG THANH

3. ĐIỀU TRÌ CUNG GIÁNG CHO THI (NGÀY 15-8 NHÂM THÂN 1932)

ĐIỀU TRÌ KIM MẪU

*Diêu độ phạm phu chiếu ánh linh,
Trì Thiên Mẫu thích thị thâm tình.
Kim quang độ tận phạm chơn phách,
Mẫu địa chuông an phục Thánh hình.*

Nhứt nương:

*Hoa huỳnh nở trời thơm mấy dặm,
Lần xem Thu lần ngắm qua Đông.
Sông mai lạc lối dặm hồng,
Đề thơ cây lá ngô đồng rơi tin.*

Nhị nương:

*Cấm phong nhụy đào thơ nở bóng,
Về trần cam lồng lộng mùi thơm.
Kìa nghe tiếng hạc bay hôm,
Giải sầu gửi bóng khuyển hồn chơi Tiên,*

Tam nương:

*Tuyển đẹp về thêu bông nổi mặt,
Đoạt kinh luân nặng thắt túi thơ.
Kìa ai nhớ lúc khua tở,
Tài ba có biết đã nhờ ở ai?*

Tứ nương:

*Gấm hiển trước vì vài câu nói,
Dựa người nhưn chẳng mỗi đường xa.
Ngừa loan phải gọi phòng hòa,*

Trường hồng đã tạo mấy nhà tài văn.

Ngũ nương:

LIỄU dựa bên lá cành đã dưới,
Hỏi buồn chi nên phải xơ rơ
Trăng khuya dựa cửa đương chờ,
Tiếng kêu tình mộng bấy giờ mới trao.

Lục nương:

HUỆ phong nguyệt nhập vào hung thắm,
Điều phong ba đã lậm màu trần.
Xưa từng làm tướng cầm quân,
Nay quen thói khách hồng quần phấn son.

Thất nương:

LIỄU kính bái chị em thương tưởng,
Nhớ nhau không cân lượng dễ sâu.
Dường như biển thắm không cầu,
Kẻ thì cuối bãi, người đầu gành khơi.

Bát nương:

HỒN hỏi ai là mắc cỡ,
Dựa bên mình còn nợ tiền khiên.
Tìm thành toan bỏ cửa chiến,
Cũng vì bị nạn ông tiền ghét Tiên.

Cửu nương:

KHIẾT tình Thần đẹp phong hình bóng.
Trợn hình soi phải lóng nước trong.
Giương xưa vì chút tình nồng,
Không ai biết vợ gọi chồng chi chi.

4. LẬP BAN CAI QUẢN THÁNH THẮT (NGÀY 16-9 NHÂM THÂN 1932)

Theo châu tri số 49 ngày 22-2-1932 (âl 27-1 *Nhâm Thân*) qui định việc thành lập ở mỗi Thánh thất các Ban Cai Quản nữ phái biệt lập hẳn với Ban Cai Quản nam phái.

Bà Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh nhận thấy có điều bất tiện, khó làm việc Đạo, nên ra châu tri số 75 ngày 15-10-1932 (âl 16-9 *Nhâm Thân*) kêu gọi sự hợp tác 2 Ban Cai Quản nam phái và nữ phái:

“Tôi được biết có một Thánh thất ở tỉnh Bến Tre lập một Bàn Cai Quản như vậy thiệt là giản tiện quá: nam nữ đồng một lòng chung lo việc Đạo với nhau, trên thuận dưới hòa, không một lời xích mích.

Bàn Cai Quản Thánh thất ấy như vậy:

Hội Trưởng: Nguyễn Văn X

Phó Hội Trưởng: Trần Thị V

Từ Hàn: Lê Văn C

Phó Từ Hàn: Mai Văn L

Thủ bốn: Trần Thị M

Phó Thủ bốn: Nguyễn Thị L

Hội viên (lo về *Nông và Công vụ*): Nguyễn Văn A, Trần Văn M, Lê Văn N, Đỗ Thị Q, Đào Thị K, Bùi Thị S.

Hội viên (lo về *Lương vụ và Phòng Trù*): Phạm Văn M, Trần Thị N, Đỗ Thị B, Lê Văn R, Nguyễn Văn E, Lê Thị T.

Xem trong Bàn Cai Quản này thì cũng có một vị bên phái nữ tư cách đặc cử Phó Hội Trưởng và một vị được tín nhiệm làm chánh thủ bốn, còn phần đông

bên. nữ thì lại đắ cữ vào Nông Công Lương vụ và Phòng Trù, vậy mới giúp phận sự của nữ phái lập đại công trong Bàn Cai Quản và cũng một cơ chỉ rõ rằng nam nữ đồng quyền.

Vậy tôi xin chư hiền muội Đầu Tỉnh Đạo nữ phái hiệp với Đầu Tỉnh Đạo nam phái, lập Bàn Cai Quản cho có thể nam nữ hiệp nhau như trên đây trong Thánh Thất nào chưa có lập.

5. BÀ ĐOÀN THỊ ĐIỂM GIẢNG CƠ CHO NỮ TRUNG TÙNG PHẬN (NGÀY 26-2 QUÍ DẬU 1933)

ĐOÀN THỊ ĐIỂM

Tiền trào nữ sĩ

Đức Quyền Giáo Tông hỏi:

- Có phải bà viết ra quyển Chinh Phụ Ngâm chẳng?
- Phải. Tùng Thất Nương.

Đức Quyền Giáo Tông hỏi tiếp:

- Sao trong quyển “Quốc Văn Trích Điểm” ghi bà họ Nguyễn?
- Chánh tông Đoàn, cải tông Nguyễn.

Đức Quyền Giáo Tông nói: Anh em tôi rất mừng bà và sẵn đây xin bà cho thi đặng dạy Nữ phái.

- Xin nghe:

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN.

*Dụng văn hóa trau tria nữ phách,
Lấy kinh luân thúc thách quân hồng.
Gươm thư giúp sức gươm hùng,
Điểm tô nghiệp cả con Rồng cháu Tiên.*

Bởi rẻ rúng thuyên quỳên thiếu học,
Dầu chí thân tơ tóc cũng khi.
Tinh Thần cao thấp nhờ thi,
Đục tài nữ sĩ sánh bì cùng nam.
Chinh phụ trước treo nên giá quý,
Áng văn làm nhuệ khí cầu vinh.
Thêm duyên chước quý giao tình,
Mỹ ngôn nương ý gia đình an vui.
Nấu kinh sử ra mùi sơn phấn,
Cầm bút nghiên đặng thắm má đào.
Quần xoa đỡ ngọn binh đao,
Xây hình thực nữ giặm màu nước non.
Xin phò loan kỳ sau tiếp.

* THĂNG.

**6. NHÓM HỘI VẠN LINH NGÀY 11-6-1933 LÀ
SÁI PHÉP (NGÀY 18-5 QUÍ DẬU 1933)**

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ bát niên.)

Tòa Thánh, ngày 10-6-1933

KÍNH CÁO

Hội Thánh cho hay rằng: buổi kê nhóm ngày 11-6-1933 là sai phép. Xin chư Chức-sắc và chư Đạo hữu lưỡng phái đừng vội tin, đừng nhóm hội mà phải lầm muu kẻ muồn giục loạn đặng diệt Đạo.

Ai tự quỳên nhóm hội thì Hội Thánh sẽ chiếu y theo châu tri số 2 của 3 vị Chánh Phối Sư mà thi hành. Chức sắc nào hay là Phái viên nào chưa đặng châu tri kịp, về lẽ thì phải vô Hạnh Đường hay là Nội Chánh

nghe việc.

Nay kính.

Thái CPS Thượng CPS Ngọc CPS
Phạm Tấn Đãi Thái Văn Thâu Trần Duy Nghĩa.

Y PHÊ:

Hộ Pháp Quyền Giáo Tông
Phạm Công Tắc Thượng Trung Nhựt

**7. QUYỀN ĐẦU SƯ NGỌC TRANG THANH TỔ CHỨC
“HỘI VẠN LINH” (NGÀY 19–5 QUÍ DẬU 1933)**

Hiện diện trong Hội Vạn Linh này gồm có:

– 4 vị Hội viên của Thượng Hội gồm: Quyền Đầu Sư Ngọc Trang Thanh, 3 vị Quyền Chương Pháp: Bảo Pháp, Bảo Thế, Hiến Đạo.

– Các Chức-sắc Thiên phong Cửu Trùng Đài:

Phẩm Giáo Sư: Ngọc Kinh Thanh, Thượng Lai Thanh, Thượng Thành Thanh, Thái Minh Thanh.

Phẩm Giáo Hữu gồm quý ông: Ngợi, Hiến, Lợi, Đối, Thêm, Thành, Bảy, Học, Giáp, Dành, Đàng Huỳnh, Tri, Bộ, Họa, Môn.

Còn nhiều vị Giáo Hữu, Lễ Sanh, Đầu Hộ Đạo, chủ Thánh thất, chức việc nữa nhưng không mặc Đạo phục nên đứng theo hàng vạn linh.

Các phóng viên nhà báo đến tham dự gồm có:

– Ông Vabois (*báo Coumer de Saigon*).

– Ông Boncivini (*báo Opinion*).

– Trạng sư Diệp Văn Kỳ và Nguyễn Thế Phương (*báo Công Luận*).

– Ông Nguyễn Phan Long (*báo Đuốc Nhà Nam*).

Bắt đầu, ông Quyền Ngọc Đầu Sư Ngọc Trang Thanh trình bày lý do khai hội và yêu cầu đại hội cử ra một ban ủy viên điều khiển Đại hội, gồm 4 vị:

– Nghị trưởng: ông Nguyễn Phan Long.

– Phó Nghị trưởng: ông Trương Duy Toàn.

– Từ hàn: Giáo Hữu Tuyết Tân Thanh.

– Phó Từ hàn: Chánh Trị Sự Phạm Văn Long.

Ban này thay mặt cho cả 3 Hội kêu là Hội Vạn Linh, được quyền đối phó cùng quyền hành Chí Tôn. (!)

Nội dung của cuộc Hội Vạn Linh này cũng giống như nội dung của phiên họp 6 vị Chức-sắc cao cấp ngày 14-6-1933, là để vạch lỗi của Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung và dùng số đông áp đảo để lật đổ, truất phế Đức Ngài.

Hai ông: Nghị trưởng Nguyễn Phan Long và Nghị phó Trương Duy Toàn không phải là Chức-sắc của Tòa Thánh Tây Ninh. Ông Nguyễn Phan Long vào dự Hội với tư cách là phóng viên nhà báo, chứ không phải là một Chức-sắc nên ông mặc âu phục: quần sọc áo cụt tay. Thế mà khi Giáo Sư Ngọc Kinh Thanh đề nghị ông làm Chủ tọa (*Nghị trưởng*) thì ông lại không từ chối.

Giữa bừu điện Tòa Thánh có một ông mặc âu phục (*quần sọc áo cụt tay*) ngồi chênh chệ làm chủ tọa thì thật không còn cái thể thống của Đạo, làm cho nhiều người rất bất mãn mà không thềm nói ra, vì cho đây là trường hợp quỉ lộng.

Luật pháp của Đạo Cao Đài không có hội nào gọi là “*Hội Vạn Linh*”, chỉ có trường hợp 3 Hội Lập Quyền.

Vạn Linh.

Ba Hội nầy họp riêng rẽ từ thấp lên cao, mỗi Hội đều có Nội Luật riêng, qui định Nghị trưởng là ai, Hội viên là ai, không có việc bầu cử Nghị trưởng và không có việc họp chung một lượt ba Hội. Ba Hội đó từ thấp lên cao là:

- Thứ nhứt là Hội Nhơn Sanh có Thượng Chánh Phối Sư là Nghị trưởng, Nữ Chánh Phối Sư là Phó Nghị trưởng.
- Thứ nhì là Hội Thánh có Thái Chánh Phối Sư là Nghị trưởng, Nữ Chánh Phối Sư là Phó Nghị trưởng.
- Thứ ba là Thượng Hội có tất cả 11 vị, Đức Giáo Tông làm Nghị trưởng, Đức Hộ Pháp làm Phó Nghị trưởng.

Luật pháp của Đạo qui định rất rõ ràng, không thể hiểu cách khác hay lầm lộn được.

8. CÁCH TUYỂN CHỌN HỘI VIÊN VÀ PHÁI VIÊN HỘI NHƠN SANH (NGÀY 14–10 QUÍ DẬU 1933)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ cửu niên)

Tòa Thánh Tây Ninh

Văn phòng

Nội Chánh

Số: 15

CHÂU TRI

Hội Nhơn Sanh Thường niên.

Thái, Thượng, Ngọc Chánh Phối Sư gửi cho:

- Chư Đầu Tỉnh Đạo, Đầu Họ Đạo, Đầu Quận Đạo,
- Chư Chức việc và chư Đạo hữu lưỡng phái.

Kính chư Hiền huynh, Hiền tử,

Hội Thánh ấn hành dưới đây bốn Đạo Nghị Định thứ 20, đại để sắp đặt cách tuyển chọn Hội viên và Phái viên Hội Nhơn Sanh nam nữ, mong rằng chư Hiền huynh Hiền tử lưu tâm ban hành tức cấp hầu cho kịp ngày rằm tháng 10 đến đây có nhóm Hội Nhơn Sanh thường niên.

ĐẠO NGHỊ ĐỊNH thứ 20

Chiếu y PCT ban quyền hành cho Giáo Tông và Hộ Pháp,

Chiếu theo Thánh giáo của Đức Lý Giáo Tông và Đạo Nghị Định thứ nhì của Đức Lý Giáo Tông và Đức Hộ Pháp, giao quyền Giáo Tông phần xác cho Thượng Trung Nhật,

Chiếu theo Đạo Nghị Định thứ tư, điều thứ 4 của Đức Lý Giáo Tông ban quyền Chủ tọa Hội Nhơn Sanh cho Thượng Chánh Phối Sư,

Chiếu theo Thánh giáo của Đức Chí Tôn ngày 10-12-1930 về Quyền Chí Tôn và Quyền Vạn Linh,

Chiếu theo Nội Luật Hội Nhơn Sanh,

NGHỊ ĐỊNH:

- ❖ ĐIỀU THỨ NHỨT: Lễ Sanh, Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự và Thông Sự, tuy là được trọn quyền dự Hội Nhơn Sanh, nhưng nếu không trường trai giữ giới thì mất quyền ấy.
- ❖ ĐIỀU THỨ NHÌ: Tín đồ trường trai giữ giới ít nữa trên 2 năm mới đăng quyền dự cử và công cử Phái viên Hội Nhơn Sanh.
- ❖ ĐIỀU THỨ BA: Các vị đăng dự cử và công cử vào Hội

Nhơn Sanh phải có giấy kết chứng của Đầu Quận, Đầu Họ và Đầu Tỉnh Đạo sở tại khai quả quyết rằng có trường trai giữ giới trên 2 năm mới đăng tờ cấp bằng của Hội Thánh ban cho quyền dự cử và công cử.

❖ **ĐIỀU THỨ TƯ:** Những người đã đăng quyền hành ấy rồi mà ngã Đạo, nghĩa là phạm ngũ giới cấm và thực nhục, đã có bằng chứng của Đầu Quận, Đầu Họ và Đầu Tỉnh Đạo sở tại trừng trị thì tự nhiên mất quyền ấy.

❖ **ĐIỀU THỨ NĂM:** Luật dự cử và công cử phải tuân y theo Nội Luật Hội Nhơn Sanh mà thi hành.

❖ **ĐIỀU THỨ SÁU:** Ba Chánh Phối Sư lãnh thi hành Đạo Nghị Định này.

Làm tại TTTN, ngày 14-10 Quý Dậu (1-12-1933).

Hộ Pháp Quyền Giáo Tông
Phạm Công Tắc Thượng Trung Nhựt

1. **Về điều thứ nhất:** Chiếu y Đạo Nghị Định thứ 20 đã nói trên thì từ nay, các Lễ Sanh, Chánh Phó Trị Sự và Thông Sự muốn được quyền Hội viên dự Hội Nhơn Sanh thì phải trường trai giữ giới mới có quyền dự nhóm.
2. **Về điều thứ nhì:** Trong hạng tín đồ, muốn được quyền Phái viên dự Hội Nhơn Sanh, phải có đủ trường trai giữ giới từ 2 năm trở lên mới có quyền dự cử và công cử. Cách sắp đặt việc công cử Phái viên và dự cử Phái viên như vậy:
Mỗi Họ Đạo đủ số 500 tín đồ nam đã trường trai giữ giới mới đăng công cử 1 tín đồ nam làm Phái

viên thay mặt; Họ Đạo lớn, số tín đồ nam từ 501 tới 1000 nam mà đủ trường trai giữ giới thì được công cử 2 Phái viên thay mặt, kỳ dư mỗi số 1000 tín đồ trường trai giữ giới thì cứ công cử thêm lên 1 Phái viên và không được quá số nhứt định, nhiều hơn hể là 5 Phái viên trong mỗi Họ.

- VỀ ĐIỀU THỨ BA:** Người nào đăng quyền dự cử Phái viên Hội Nhơn Sanh hay là người có quyền công cử Phái viên ấy, phải có giấy kết chứng của Đầu Quận, Đầu Họ và Đầu Tỉnh Đạo sở tại và đã có dâng về Hội Thánh. Giấy kết chứng ấy phải có đủ chứng chắc rằng mấy người dự cử hay là công cử có đủ trường trai giữ giới từ 2 năm đổ lên mới đăng.

Trước ngày công cử Phái viên Hội Nhơn Sanh, những người đăng quyền dự cử hay là người đăng quyền công cử phải có giấy cấp bằng của Hội Thánh ban cho mới đăng quyền ấy.

Hội viên hay là Phái viên Hội Nhơn Sanh phải có giấy chứng của Hội Thánh mới đăng quyền dự nhóm hội.

Nay kính.

Thái CPS

Thượng CPS

Ngọc CPS

Phạm Tấn Đãi

Thái Văn Thâu

Trần Duy Nghĩa

Đồng ý kiến

Nữ Chánh Phối Sư

Hương Thanh

**9. KHAI TRỪ TẤT CẢ KẸ NÀO VI PHẠM KỶ LUẬT
CỦA HỘI THÁNH (NGÀY 27-10 QUÍ DẬU 1933)**

CHƯƠNG DẠO NGUYỆT TÂM hay VICTOR HUGO

Xin chào Đức Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp thân mến,

Chào các bạn trong Hội Thánh Ngoại Giáo.

Cao Tiếp Đạo, Hiền hữu vui lòng mời Phục Thành ra khỏi nơi đây. Chẳng có lý do nào để sống bằng cách tước đoạt tất cả sự che chở của Thiên liêng.

– Biện pháp cưỡng chế không quá khắc nghiệt, phải không?

Hộ Pháp: – Ngài nói về Phục Thành?

– Phải.

Hộ Pháp: – Bản Đạo xin Ngài thương xót nó.

– Nhưng, nhiều lần nó không tuân lệnh của Bản Đạo.

Tiếp Đạo: – Tôi xin Ngài vui lòng tìm cách cứu độ nó.

Thượng Bửu Thanh: Khóc và van xin tha thứ.

– Trong khi chờ đợi, nó bị cách chức, Bản Đạo không muốn trông thấy nó nữa. Xin chư Hiền hữu hãy tuân lệnh.

Hiền hữu Quyền Giáo Tông, Bản Đạo xin báo trước cùng Hiền hữu, trước sự hiện diện của Đức Hộ Pháp: Phán quyết của Ngọc Hư Cung lên án khai trừ khỏi Thiên đường tất cả những người nào vi phạm kỷ luật của Hội Thánh.

Bản Đạo là người đầu tiên thi hành tức khắc quyết định trên. Tất cả những người dưới quyền Bản Đạo phải được chánh thức cảnh cáo kể từ ngày hôm nay và những ước muốn của Bản Đạo phải được thông báo

cho tất cả những Chức-sắc của Hội Thánh Ngoại Giáo, cả nam phái và nữ phái.

– Tiếp Đạo hiền hữu lập Thánh lệnh về việc này.

– Từ Huệ, thầy của chúng ta đặc biệt cảm động quyết định can đảm của hiền hữu. Bản Đạo ban khen hiền hữu cũng như những vị Thánh của Bạch Vân Động. Phải, đã đến lúc mà mọi người phải hành động cho danh dự của đoàn thể thiêng liêng của chúng ta. Hiền hữu đã thực sự chậm trễ, hãy lấy lại khoảng thời gian mà Hiền hữu đã để mất. (*Từ Huệ là Đạo hiệu của GH Tuy*)

– Phong Chí, hãy can đảm trong nhiệm vụ. Người ta không được gì cả trong sự thoái thác. Hãy trung thành với các vị lãnh đạo. Bằng giá đó, Hiền hữu sẽ được hân hoan thân thiết.

Hội Thánh Ngoại Giáo sẽ nhận được dưới một ít dấu tích của sự ban ơn huệ thiêng liêng. Tạm biệt.

10. TỜ GIAO QUYỀN

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ cửu niên)

Tòa Thánh, ngày 29-1-1934

TỜ GIAO QUYỀN

Số: 24

Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật

Kính cùng Đức Hộ Pháp, Chương quản HTĐ, Tòa Thánh.

Kính Hiền hữu,

Vì có sự hiểu lầm mạng lệnh của tôi đã ký ngày

27-12- 1933, nên tôi tưởng cần phải giải rõ cách thi hành mạng lệnh ấy như sau đây, xin Hiền hữu truyền lại cho 3 vị Quyền Đầu Sư và Nữ Chánh Phối Sư biết:

1. Tôi đã nhứt định an dưỡng một ít lâu thì cả trách nhiệm Quyền Giáo Tông tôi đều tạm giao cho Hiền hữu. Vậy từ đây, Hiền hữu đã cầm trọn 2 quyền Đạo nơi tay, thì việc chi cũng do nơi Hiền hữu tự quyền định liệu, rồi ban mạng lệnh cho toàn Đạo tuân cứ.
2. Tôi vui lòng để cho nhị vị Quyền Đầu Sư Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh tái thủ phận sự, nghĩa là được trở vào địa vị Quyền Đầu Sư mà hành chánh theo luật Đạo. Về việc tòng quyền thì tức nhiên từ đây duy có tòng lệnh của Hiền hữu mà thôi. Nay kính.

Quyền Giáo Tông

Ký tên: **Thượng Trung Nhựt**

11. LỤC NƯƠNG GIÁNG CƠ DẠY CHUYỂN CHO HIỆP THIÊN ĐÀI CẨM QUYỀN ĐẠO (NGÀY 29-12 QUÍ DẬU 1933)

Phần đầu của bài Thánh ngôn, Bát Nương nhắc lại lúc lập pháp ĐĐTKPĐ, Ngọc Hư Cung định giao cho HTĐ cầm số mạng của nhưn sanh, lập thành chánh giáo, nhưng Đức Chí Tôn lại trở pháp, giao cho CTĐ cầm quyền lập Đạo.

Phần tiếp theo là Lục Nương cho biết:

Ngọc Hư Cung lo chuyển pháp trở lại, cả Thiên thơ hủy phá, sửa cải Pháp Chơn Truyền, truất quyền của Cửu Trùng Đài, giao cho Hiệp Thiên Đài cầm quyền nền Đạo.

Tạo sao Cửu Trùng Đài bị truất quyền như thế?

Do bài thi sau đây (*có lẽ của Bát Nương*) nói với Đức Hộ Pháp:

*Bắt ấn trừ yêu đã tới kỳ,
Ngọc Hư định sửa mối Thiên thi.
**Cửu Trùng không kể an thiên hạ,
Phải để Hiệp Thiên đứng trị vì.**
Thành pháp điều đời qua nẻo khổ,
Nên công giúp thế lánh cơn nguy.
Quyền hành từ đây về tay nắm,
Phải sửa cho nên đáng thế thì.*

* Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn trước đây giáng cơ ở Kim Biên (*Thánh địa Bạch Vân ở Nam Vang*) cũng đã có báo trước việc này, nhưng chưa chánh thức, là các Chức-sắc Cửu Trùng Đài lo tranh quyền đoạt vị, tố cáo lẫn nhau làm cho nội bộ chia rẽ trầm trọng, khiến một số Chức-sắc bất mãn, rút lui khỏi Tòa Thánh Tây Ninh để về địa phương lập chi phái, điển hình là quý ông Chức-sắc ở Thánh Thất Cầu Kho như Giáo Sư Vương Quan Kỳ, Giáo Sư Thượng Bản Thanh, Giáo Hữu Minh lập ra chi phái Cầu Kho, kế đến là ông Phối Sư Thái Ca Thanh rút về Thánh Thất Cầu Vỹ (*Mỹ Tho*) nơi quê nhà của ông để lập chi phái Minh Chơn Lý; Ngài Chưởng Pháp Trần Đạo Quang cũng rút lui, hợp tác với Ngài Phối Sư Thái Ca Thanh; còn Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt thì rút về Vĩnh Nguyên Tự,...

Các Chức-sắc cao cấp Cửu Trùng Đài đã làm hư nền Đạo, nay Ngọc Hư Cung muốn chỉnh đốn lại thì phải truất quyền của Cửu Trùng Đài, giao cho Hiệp Thiên Đài cầm quyền nền Đạo.

Đức Quyền Giáo Tông đã được Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn báo cho biết trước, nên giờ đây Đức Ngài cáo lão, giao cho Đức Hộ Pháp và 3 vị Quyền Đầu Sư cùng với Nữ Chánh Phối Sư lo chỉnh đốn nền Đạo. Cho nên mới có Tờ Nghị Hòa ngày 11-11- Quý Dậu như đã chép ở trên.

Việc Đức Hộ Pháp nắm quyền chưởng quản Nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng sau khi Đức Quyền Giáo Tông qui thiên là do lệnh của Ngọc Hư Cung chớ không phải do Đức Hộ Pháp tham vọng chiếm đoạt quyền hành của CTĐ.

Nhiều kẻ xấu miệng của chi phái còn xuyên tạc là Đức Hộ Pháp âm mưu giết chết Đức Quyền Giáo Tông để chiếm đoạt tất cả quyền hành về tay mình!

Tất cả công việc điều hành Đạo Cao Đài đều do Đức Chí Tôn và các Đấng nơi Ngọc Hư Cung quyết định, không một người nào ở mặt thế này định đoạt được cả. Đạo Cao Đài huyền diệu và tồn tại đến thất ức niên là do nơi đó.

12. TIẾP DẪN ĐẠO NHƠN HỐI TIẾC CHUYỆN BẤT HÒA

NỐI TIẾP NIỀM ĐAU

Theo sự khảo cứu của hiền huynh Lê Văn Bảy, chúng tôi rút ra được vài lời chỉ dẫn về những vị bất phục tùng, những người anh thù địch, than ôi!

Ông Phủ Chiêu, khi không thắng nổi sự thử thách mà ông bị bắt buộc nhận chịu, Đấng Thiêng Liêng tự xưng Cao Đài yêu cầu các vị phò loan di tìm ông Lê Văn Trung, Nghị viên của Hội Đồng chánh phủ, để ông nhận chức Đầu Sư phái Thượng. Đạo Cao Đài đã

được khai sanh.

Nhưng ông Phủ Chiêu, trước khi tách riêng ra, ông đã thành lập ở thành phố Cần Thơ một chi phái dựa vào Đấng Cao Đài và Thần linh học, xây dựng một Đền thờ mà nơi đó ông có vài trăm tín đồ. Ông Phủ Chiêu mất năm 1932 và từ đó đoàn thể tôn giáo này phát triển.

Sau khi Ngài Lê Văn Trung tạo lập một Thánh thất Cao Đài tại Chợ Lớn, những tín đồ ở Sài Gòn lập nên một Thánh thất tại Cầu Kho. Nhưng sau một thời gian, những tín đồ Cao Đài tại Cầu Kho lại tự tách riêng ra khỏi Tòa Thánh để lập thành một chi phái thứ nhì bất phục tùng. Vài cố gắng truyền Đạo ở Trung Kỳ (1930–1932) với sự giúp đỡ của Ngài Chương Pháp phái Ngọc. Thế lực của những kẻ bất phục tùng gom lại chỉ vài trăm người ở Sài Gòn và cũng bằng chừng ấy ở Trung Kỳ.

Năm 1934, Cầu Kho trở thành trung tâm của một chi phái khác, có thể gọi bằng tiếng Pháp là “*Union de toutes les sectes Caodaïstes*” (*Hiệp nhất các chi phái Cao Đài*), ông Nguyễn Phan Long làm Chủ tịch. Ông Long là Cựu Nghị viên Hội Đồng Thuộc địa, hiện nay là ký giả của báo La Dépêche tại Sài Gòn. Tòa Thánh Tây Ninh (TTTN) trách cứ những người bất phục tùng này vì họ theo chủ nghĩa xu thời chánh trị, nên đã từ chối tất cả những cuộc giảng hòa.

Năm 1930, một chi phái khác: Minh Chơn Lý do ông Nguyễn Văn Ca lập ra ở Mỹ Tho. Ông Ca là Quận trưởng hành chánh ngoại hạng, tự xưng là Chương Pháp, sau khi hành Đạo tại TTTN từ năm 1927 đến 1930, với chức vụ: Chủ trưởng Chức sắc và Chương quản Nam.

Tông Đạo. Năm 1930, ông Ca ở Mỹ Tho trong một Thánh Thất được xây dựng do tài sản riêng của ông mà ông đặt tên là “Tòa Thánh Trung Ương”. Được sự giúp đỡ của ông Krautheimer, Thống đốc Nam Kỳ, ông Ca chuyên chú vào công việc truyền Đạo, thu nhận nhiều tín đồ, nhất là trong vùng Tây Nam Kỳ. Nhờ người em khá trẻ của ông (*rất được ông Krautheimer yêu mến*), kẻ đối nghịch kịch liệt của Ngài Lê Văn Trung, mà Tòa Thánh Trung Ương chiêu mộ.

Một cách cá nhân, tôi (*tác giả*) có mối liên hệ anh em với ông Ca, ở thời kỳ mà tôi không muốn mọi người can thiệp vào những bàn cãi này, biết rất rõ tất cả sự chia rẽ tôn giáo, tất cả những khoe khoang, những cái hư vinh, tất cả cái vô giá trị của chi phái và tiểu chi phái, có trong Đạo Cao Đài và không phải không có lý do! Sự khinh thường sâu sắc của nhà cầm quyền, có giá trị chỉ thấy trong sự lan tràn vô nghĩa lòng kiêu căng mà sự biểu lộ chắc chắn của đám người bịp bợm hay tham vọng.

Lúc đó tôi không biết sự ganh đua giữa Ngài Trung và ông Ca đã lên cao trong thời gian trước đây khá xa: “Vào năm 1895, ông Nguyễn Văn Ca học lớp năm thứ năm trường trung học Adran, tại Sài Gòn, trong lúc đó ông Lê Văn Trung, ít hơn ông Ca 5 tuổi, học lớp năm thứ ba trường Trung học Chasseloup-Laubat, cũng tại Sài Gòn.

“Trường Trung học Adran, được điều khiển bởi các huynh Công giáo và được chánh phủ trợ cấp, lúc đó bị bãi bỏ. Người ta tổ chức một kỳ thi chung cho các học sinh lớp năm thứ tư và thứ năm của trường Adran với các học sinh lớp năm thứ ba của trường Chasseloup-

Laubat (*trường này chỉ được lập ra từ 3 năm nay*). Lê Văn Trung đậu hạng nhì, trong lúc đó học sinh ở lại lớp là Nguyễn Văn Ca chỉ đậu hạng sáu. Cả hai ông cũng như nhiều thí sinh thi đậu khác được bổ nhiệm làm Thơ Ký cho chánh phủ Nam Kỳ.

“Ông Lê Văn Trung nổi tiếng là tinh nghịch và ông Nguyễn Văn Ca thì hay cau có và thù vặt. Ông Trung rất được cấp trên yêu mến, nên được thăng tiến nhanh.

“Năm 1906, ông Trung được bầu làm Nghị viên Hội Đồng Thuộc địa và vài năm sau, ông đạt danh hiệu mong muốn nhất là Nghị viên Hội Đồng Chánh Phủ (*một nhân sĩ hạng nhất Việt Nam*), địa vị này trở nên trống bởi cái chết của Tổng Đốc Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn (*Ông Đỗ Hữu Phương là quan chức cao cấp nhất của Nam Kỳ*), trong lúc đó, ông Ca tiếp tục làm nghề Thơ Ký tầm thường.

“Năm 1926, hai cựu học sinh trung học lại gặp nhau trong nền tân tôn giáo. Ông Trung trở thành Đầu Sư Thượng Trung Nhật và ông Ca chỉ được phẩm Phối Sư Thái Ca Thanh, ở địa vị thuộc cấp của ông Trung.

Nhưng ông Trung tinh nghịch thuở trước nay thì khôn khéo hơn và trở nên một Chức-sắc gương mẫu. Ông tỏ ra rất tôn trọng Thái Ca Thanh và đối đãi với ông Ca như người anh lớn tuổi hơn. Để chứng tỏ thiện cảm của mình đối với Thái Ca Thanh, ông Trung tin nhiệm giao phó cho ông Ca điều khiển Hội Thánh và bổ nhiệm ông làm chủ tọa Hội Thánh mặc dầu phẩm trật của ông Ca không được dành cho những chức vụ cao như vậy.

“Cái vẻ bề ngoài của hai vị làm cho người ta

tưởng rằng, Thượng Trung Nhật và Thái Ca Thanh sẽ cùng nhau đi qua những ngày cuối của cuộc đời tại Tòa Thánh và từ đây sống với nhau trong tình huynh đệ không thể phân ly.

“Tuy vậy, cuối năm 1930, vàng sắc lệnh của Đức Giáo Tông, qui định các Chức-sắc từ phẩm Phối Sư trở lên phải ở hẳn tại Tòa Thánh. Ông Thái Ca Thanh đến lúc này vẫn đi lên xuống như con thoi giữa Tây Ninh và gia đình ở quê nhà tại Mỹ Tho. Ông Ca yêu cầu Ngài Thượng Trung Nhật cho phép ông trở về gia đình trong 15 ngày để thu xếp việc nhà một lần cho tất cả, để rồi có thể tiếp tục trở lại Tòa Thánh và ở hoàn toàn cố định nơi đó.

“Vậy là ông Ca đã tự ý từ bỏ các bạn tốt.

“Nhưng lạ lùng thay số phận của Thái Ca Thanh!

“Mặc dầu có lời hứa chánh thức là ông không dừng lại ở Thánh thất bất phục tùng Cầu Kho (*Sài Gòn*), khổ thay ông bị lôi kéo bởi những người cầm đầu chi phái Cầu Kho và ông không có can đảm chống lại. Ông Ca ở lại Cầu Kho trong vài tuần, nơi đó ông bị thay đổi hoàn toàn.

“Phần khác, không nghi ngờ gì nữa, ông Ca được cố vấn sai quấy bởi những người bất phục tùng tại Cầu Kho, nhứt là bởi Cựu Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang, ông này tổ chức chống lại Ngài Thượng Trung Nhật, và phần khác, ông Ca có nhiều sự buồn phiền trong gia đình (*vợ và các con của ông không chịu theo Đạo Cao Đài, làm cho ông rất khổ sở*), ông Ca không trở về Tòa Thánh nữa.”

Lúc ấy ông Ca lập chi phái Minh Chơn Lý và ông

xem Tây Ninh là chi phái đối trá và là tác phẩm của ma quỷ! Chúng tôi xin kể thêm:

“Các Thần linh tinh quái ban cho Thánh thất của Thái Ca Thanh cái tên là: Tòa Thánh Trung Ương. Bởi cơ bút của những đồng tử ấy, Cựu Chương Pháp Trần Đạo Quang được cất nhắc lên làm Đại diện của Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch, phẩm tước thuần túy là danh dự hàm, nhưng thực tế thì Ngài Trần Đạo Quang dùng làm bù nhìn cho ông Ca, ông Ca mới là lãnh chúa, người chủ duy nhất.

Ông Thái Ca Thanh được chỉ định là Đầu Sư Thái Ca Nhựt. Ngài Lê Văn Trung mang Thánh danh là Thượng Trung Nhựt: Thượng (*phái Tiên*), Trung (*tên*), Nhựt (*mặt trời*), Thánh danh ấy có nghĩa là: Đạo đức của Ngài được so sánh với ánh sáng rực rỡ của mặt trời. Ông Thái Ca Thanh tưởng rằng, khi được chỉ định làm Đầu Sư thì đổi chữ Thanh phía sau thành chữ Nhựt. Ngài Lê Văn Trung tự thấy mất cái danh hiệu Đầu Sư của Ngài và mất luôn Thánh danh Nhựt (*mặt trời*).

Ước vọng của ông Ca được tràn đầy vì nó không còn chịu đựng tình trạng thấp kém thể hiện đối với Thượng Trung Nhựt mà mặc cho tất cả, cái tên Lê Văn Trung vẫn còn trong trí não của ông Ca, là địch thủ may mắn năm 1895 và là nhân sĩ hạng nhất trong hạnh phúc phi thường.

Chỉ có những kẻ phạm tục sống xa các trung tâm tôn giáo, tỏ ra ngạc nhiên về bài đọc này. Những Thánh thất, tịnh thất, những giáo hội và phái tu khác, những người tu Đạo và những người thế tục, những hệ thống Chúc-sắc mà với những sự ganh đua và thù hận bi thảm.

Lúc ấy, Mỹ Tho rõ ràng là được nâng đỡ bởi những đồng minh cao cấp trong chánh quyền, mưu toan phá hủy Tây Ninh đúng vào lúc có những cơn biến động của cộng sản: ông Krautheimer luôn luôn không chịu ảnh hưởng, cũng không hành động, vì xem ông Lê Văn Trung là Nghị viên của Hội Đồng chánh phủ.....

Sự thịnh vượng ấy rất ngắn ngủi, hơn thế nữa. Từ năm 1936, Mỹ Tho không còn biết những thành công lớn của thời trước và những đổi thay tận gốc rễ có tính cách mạng của Đạo Cao Đài, bởi hận thù Tây Ninh, không chỉ là một kỷ niệm lịch sử.

Tôi khổ tâm khi viết ra các việc này. Cá nhân tôi với ông Ca chỉ có các liên lạc thân ái tuyệt vời. Nhưng tôi thử viết lịch sử, điều đó rất khó khăn đối với tất cả mọi người, lịch sử của một tôn giáo với những khó nhọc và say mê buổi khởi đầu.

Một chi phái khác du nhập từ Trung hoa (*Minh Đường*), thành thạo về Yoga, lợi dụng sự khao khát những điều kỳ diệu và Thần bí của người Việt Nam:

“Trong một đàn cơ, THẦY (*Đức Chí Tôn*) biết được ông Trần Đạo Quang còn ham danh lợi và muốn lập một nhóm gồm nhiều người phe mình để dự bị việc phân chi lập phái, nên THẦY nói với ông bằng các câu này:

“Đạo Quang, hãy biết rõ rằng, THẦY xem người nào tìm cách chia rẽ là kẻ thù của THẦY”

“Đó là một lời cảnh cáo!

“Để làm cho tất cả con cái của Đức Chí Tôn thấy rõ rằng, Đạo đức không ở trong một thân hình đẹp hay trong bộ râu rậm, hay trên một dáng ngoài đáng kính,

THẦY ra lệnh làm 7 cái ngai cho các chức vụ Giáo Tông, Chưởng Pháp và Đầu Sư để đặt trong Tòa Thánh Tây Ninh, ngay sau chánh điện và hướng mặt ra các Chức sắc và tín đồ.

“Vào một ngày nhứt định cho lễ khánh thành, Ngài Trần Đạo Quang và các vị Chưởng Pháp và Đầu Sư khác, lên ngồi trên những cái ngai nầy để tham dự một đại lễ. Những Chức-sắc và tín đồ phía trước đều quì xuống hưởng mặt lên các ngai nầy. Những vị Chưởng Pháp và Đầu Sư khác lên ngồi trên ngai một cách yên ổn, về phần Ngài Trần Đạo Quang thì khó nhọc lắm mới ngồi được trên ngai của ông, thì một lực vô hình đẩy ông té xuống đất: ông không xứng đáng với phẩm vị của ông. Lúc ấy, những người dự lễ xét đoán được cái giá trị Đạo đức thực sự của Ngài Chưởng Pháp Trần Đạo Quang.

“Không thể tạo ra một phương kế nào nơi Tòa Thánh, mà nơi đó ông phải cư trú luôn luôn cho đến khi thoát xác và là nơi mà sự tu luyện Yoga không được chấp nhận, Ngài Trần Đạo Quang liền bỏ đi. Trước Tiên Ông liền kết với Thánh thất Cầu Kho vào năm 1928 và sau đó năm 1930 ông đến với người chiếm đoạt Thái Ca Nhứt, để sang năm sau ông đến Giồng Bướm (*Rạch Giá*) để xây dựng một Thánh Thất mà ông là chủ từ đấy.”

Như phần trên chúng ta đã thấy, người ta phải nghĩ rằng, đó là những lời tố cáo độc ác nhứt.

Bài khảo cứu của hiền huynh Lê Văn Bảy rất nghiêm khắc đối với vị Giáo Tông của chi phái Bến Tre, bạn thân của ông Pagès mà ông nầy nhận được nhiều báo cáo bí mật của Bến Tre.

Nhưng ở đây, chúng tôi không muốn lợi dụng tất cả tài liệu mà chúng tôi có được dưới mắt. Bao nhiêu đó có giá trị ném dầu vào lửa. Khốn khổ thay cho cái yếu đuối của con người. Nếu những tâm hồn của người tu còn đó, làm thế nào để ngạc nhiên thấy rằng, những người tà giáo và kẻ phạm tục đến đó tàn hại nhau một cách có định kỳ? Chúng tôi chỉ thuật lại cái lịch sử rất đau lòng ấy trong đoạn sau đây (*Những lời than phiền, mục số 3, 4, 5*):

3. Tiếp theo những cuộc vận động của những ông Juda mới, cuộc thông mưu với một viên chức trẻ đã chỉ ở trên, tỉnh trưởng Tây Ninh đã ra lệnh chánh thức cho các thân hào nhân sĩ trong làng Long Thành (*nơi đặt Tòa Thánh*) hoàn toàn từ chối giúp đỡ những vị điều khiển Tòa Thánh khi họ yêu cầu và chỉ can thiệp khi có đổ máu, để rồi có thể nghiêm trị những người điều khiển Tòa Thánh và đóng cửa đền thờ, cả trường hợp những người nầy hay đồng Đạo của họ là nạn nhân.

4. Từ Tòa Thánh đi ra vài trăm thước là một nơi gọi là Thái Bình Thánh Địa (*một làng hòa bình nơi Thánh địa*), với diện tích 80 mẫu rừng, được khai khẩn bởi sự chăm sóc của Hội Thánh, Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật tạo lập một ngôi làng kiểu mẫu, nơi đây chỉ chấp nhận những gia đình tín đồ Cao Đài mà tất cả người trong gia đình đều ăn chay trường hoàn toàn, có đời sống lương thiện và tập quán tốt và nhứt là những tín đồ đức hạnh, biết phục tùng luật pháp của giáo hội. Đó là một thị trấn với hơn 500 nhà có hơn 2000 người (*nam và nữ*) cư trú, không kể trẻ con, trong đó xây dựng một cái chợ chi bán toàn thực phẩm chay, không một miếng thịt, không một miếng

cá, cũng không cả nước mắm.

Những người chơn thật, thực sự hòa bình và hạnh phúc, không biết kẻ thù, cũng không biết kẻ đối nghịch, luôn luôn đi cúng và dùng thời giờ nhàn rỗi để trau luyện đức tánh.

Ông Thượng Tương Thanh, lúc ấy đại diện Đạo Cao Đài bên cạnh chánh quyền, tự đặt bắt buộc phá hoại cái chợ này. Tỉnh Tây Ninh liền cất một cái chợ công cộng trên một mảnh đất công, cách nơi ấy chừng vài trăm thước, nơi đây, các thực phẩm ăn mặn được bày bán đầy đủ.

Với sự giúp đỡ của chánh quyền, Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh thúc giục những cư dân trong làng kiêu mẫu nổi lên chống lại quyền hành của Giáo Tông. Lợi dụng việc đứng tên làm chủ miếng đất cất chợ, Thượng Tương Thanh cất lên tại miếng đất ấy, với sự tán thành của chánh quyền, một cái nhà liên hiệp dành cho những người nổi loạn đến nơi đó để tạo ra những rối loạn khác, chửi mắng Đức Quyền Giáo Tông và những Chức-sắc khác, tìm cách làm hại tất cả những người nào còn mến mộ Ngài Thượng Trung Nhật. Người ta đi đến Tòa Thánh để giục loạn nơi đó.

Kể từ lúc đó, ngôi làng kiêu mẫu trở thành một nơi tiêu khiển phạm tục, những sòng bạc được lập ra và hoạt động thường xuyên bởi đủ các hạng người. Tòa Thánh không thể kiểm soát được và có rất nhiều người ăn chay thuở trước trở thành người ăn mặn một cách đau khổ!

Những người chơn thật phải rời bỏ làng này và đi đến ở trên những mảnh đất khác chung quanh Tòa

Thánh hay trở về xứ sở của họ. Chẳng bao lâu sau, những kẻ chống đối bị lôi cuốn vào cuộc sống phóng đảng, truy lạc, sự vô Đạo còn đi xa hơn nữa, xa khỏi đất Thánh. Một số người trong bọn họ từ bỏ tôn giáo hay tập hợp vào một chi phái chống đối khác. Hiện nay, nơi ấy chỉ còn chừng 30 nhà và các tín đồ nhìn ngôi làng ấy từ thời phồn thịnh, không thể cầm giọt lệ trước một khung cảnh điêu tàn.

Như thế, ngôi làng kiểu mẫu đã bị tàn phá mà cố Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt đã lăm nhọc nhằn tạo lập ra và làm cho nó phồn thịnh. Ngài Thượng Trung Nhựt lập ra ở Tòa Thánh những tiểu thủ công nghiệp để dạy nghề các tu sĩ và con cái của họ, như là các trẻ mồ côi, có một cái nghề để cho chúng mưu sinh một cách lương thiện.

Thượng Tương Thanh đã nhận lãnh sứ mạng phá tan tất cả công trình của Thượng Trung Nhựt và tìm kiếm các lý do cho cái hiệu quả đó. Ông Tương giảng Đạo cho những người mới đến rằng, muốn đạt đến cuộc sống của một tu sĩ thật sự, chỉ cần tụng kinh từ sáng đến chiều mà không cần làm việc như người thế tục và người ta có thể nên bắt chước các nhà sư khất thực của Cao Miên hoặc Thái Lan.

Có nhiều tu sĩ công quả làm nghề trồng rau trong khu vực Thánh địa. Dưới cái cớ là hiệu quả thấp, không lợi nhiều, tiền nhân công mắc hơn các sản phẩm thu hoạch, nên ông Thượng Tương Thanh cho ngưng lại tất cả các nghề này và gọi trả tất cả tu sĩ làm vườn về gia đình của họ.

Sự bãi bỏ các nghề thủ công và ngưng lại các nghề

trông trọng có hai mục đích:

- Thứ nhất là vâng theo lệnh của chánh quyền.
- Thứ nhì là làm nãn lòng tất cả tín đồ Cao Đài ở tại Tòa Thánh để cho họ trở về nhà của họ, bởi vì phần lớn những người này đều tiếp tục ái mộ Ngài Thượng Trung Nhật và họ tôn sùng Ngài như Thượng Đế, mặc cho tất cả những xác tín, những áp lực và đe dọa.

5. Vài tín đồ ở chung quanh Tòa Thánh không thể trả tiền thuế kịp thời, họ bị bắt và bị kiện trước tòa án vi cảnh. Tòa kết án, họ bị phạt tù và phạt tiền.

Người chịu trách nhiệm dân sự về tiền phạt vậy là Ngài Thượng Trung Nhật, thay vì là Ngài Thượng Tương Thanh đại diện tôn giáo lúc ấy bên cạnh chánh quyền.

Để phản kháng bản án bất công, Ngài Thượng Trung Nhật không trả các món tiền phạt ấy và Ngài để cho họ bắt bỏ tù Ngài với tấm huy chương Bắc Đẩu Bội Tinh của Ngài!!

Trong sự mong muốn làm nhục Ngài Thượng Trung Nhật, ông Vilmont tỉnh trưởng Tây Ninh đã không dùng một nghi thức nào để tước bỏ tấm huy chương này.

Người ta không có một sự tôn trọng nào đối với Ngài Lê Văn Trung, một nhân sĩ bậc nhất của Việt Nam, cũng không tôn trọng tấm huy chương cao quý nhất của nước Pháp mà dưới con mắt của Ngài Lê Văn Trung, nó không có một giá trị nào hết.

Ngay khi ra khỏi khám đường, Ngài Lê Văn Trung liền viết một văn thư gửi Tổng Thống nước Cộng Hòa Pháp để hoàn trả tấm huy chương Bắc Đẩu Bội Tinh (*một sự kiện lịch sử rất quan trọng*). Để phản đối sự bất

công nầy và sự chửi mắng vào nhân phẩm của người Anh Cả cao cấp đáng kính, tất cả tín đồ Cao Đài nam nữ và nhi đồng trú ngụ nơi Tòa Thánh và vùng phụ cận chung quanh, làm một cuộc tuyệt thực phản kháng kéo dài 48 giờ, đây là khoảng thời gian bị bắt bỏ tù của Ngài Thượng Trung Nhật và chính Ngài cũng bằng lòng tuyệt thực trong tù, chỉ uống một ly nước mát mỗi ngày. Đó là sự phản nộ toàn thể.

Trong tủ sắt của người thủ bổn của Tòa Thánh, để bảo toàn những tài liệu của Đạo, được ông Lê Bá Trang (*Ngọc Trang Thanh*) giao lại, để dẫn chứng những lời oán trách chống lại Ngài Thượng Trung Nhật, ông Lê Văn Bảy (*Giáo Sư Thượng Bảy Thanh*) lúc đó là chánh Từ Hàn của Thượng Hội, bị ông Lê Bá Trang theo đuổi và lừa gạt.

Ông Trang đòi hỏi, nói rằng những giấy tờ nầy là của riêng ông, ông đòi Lê Văn Bảy trả lại cho ông vì Lê Văn Bảy giữ những giấy tờ nầy không hợp pháp, trong lúc ông vắng mặt tại Tòa Thánh. Một giấy đòi triệu tập gọi ông Lê Văn Bảy nhưng ông Bảy không nhận.

Người ta lợi dụng việc nầy để chống lại ông Lê Văn Bảy bằng một trát đòi. Ông Bảy ở Nam Vang, phải mượn một chiếc xe hơi để tự vận chuyển về Tây Ninh, dưới sự hộ tống của một nhân viên an ninh. Ông Bảy bị còng hai tay và được chở đi trong một chiếc xe có mui thông thường để chở người bị bắt. Nhưng với sự can thiệp của trạng sư Lortat-Jacob, người binh vực Đạo Cao Đài, đã phản kháng cách xử trí đó và bảo đảm với quan tòa rằng, ông Bảy là người rất được kính trọng tại Cao Miên.

Dù rằng các tài liệu được tìm thấy một cách chắc chắn, niêm phong nguyên vẹn trong tủ sắt của Tòa Thánh, nhưng vị quan tòa Tây Ninh vẫn gọi ông Lê Văn Bảy đến chỗ trắc lượng và chụp hình, tất cả giống như đối với một kẻ cướp đường. Sự oán than được sắp hạng sau đó, nhưng vì khinh thường công lý, quan tòa trả lại cho Lê Bá Trang những giấy tờ đáng ra phải thuộc quyền sở hữu của Đạo.

Chúng ta đã ở vào thời buổi của sự ngược đãi khởi phát chống lại tất cả những người nào ái mộ Quyền Giáo Tông, trong lúc đó, Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang cùng những người phe cánh của họ cho đó là điều cấm kỵ.

Tuy luật pháp tôn giáo cấm các tín đồ kiện cáo những vụ án dân sự, nhưng các Chức-sắc lớn thì tự cho phép mình khởi tố về tội nhẹ những Chức-sắc khác đối với một vụ việc thuộc tôn giáo. Những tài liệu tôn giáo là thuộc sở hữu của Hội Thánh, chứ không phải của cá nhân Giáo Tông hay của một tín đồ nào, trong mọi trường hợp.

Ông Lê Bá Trang muốn sử dụng những thứ đó vào cuộc vận động báo chí để chống lại Ngài Thượng Trung Nhựt, để làm mất danh dự của Thượng Trung Nhựt. Những mưu toan làm ra là để chiếm đoạt ngôi vị Giáo Tông của Thượng Trung Nhựt tại TTTN vì lợi ích cho chi phái Bến Tre, làm hiện ra những sự thỏa mãn khá đau khổ và những kẻ đồng mưu. Những phương thức áp dụng thật quỷ quái.

Thời kỳ tiếp theo sau cái chết của Ngài Lê Văn Trung chịu nhiều đau khổ.

Đây là kết luận của hiền huynh Lê Văn Bảy:

“Hiện nay, tiếp theo những lời phê bình chỉ trích, bao nhiêu thân hữu và người ủng hộ ông Nguyễn Ngọc Tương, không gọi ông là Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương nữa, mà gọi đơn giản là Anh Cả. Thời gian vừa qua, ông Tương ký tên vào các văn thư và các châu tri với phẩm cấp Đầu Sư Thượng Tương Thanh.

Từ năm 1938, ông tự giam mình trong căn phòng ở lầu một của Thánh thất Bến Tre, chỉ ăn một bữa cơm mỗi ngày vào giờ Ngọ (*ăn Ngọ*), tu luyện Yoga và đắm mình vào Thần linh học: năng lực thông công bởi sự hiệp nhập. Đáng thương hại thay! Ông tưởng rằng, Chơn-Linh Đức Lý Thái Bạch hiệp nhập vào ông để làm những điều kỳ diệu!

Từ năm 1932, ông Tương có những sự nghi ngờ về khả năng thông công của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc (*người lãnh Đạo hiện nay*), nhưng từ năm 1935, ông tin tưởng hoàn toàn vào vào khả năng thông công của một mục đồng trẻ tuổi có tên là “Cho”, đồng tử ứng khẩu.

Sự trừng phạt chính xác: Người ta bị trừng phạt bởi những gì mà người ta phạm tội, Ông Tương muốn giam hãm Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật, và bây giờ tới phiên ông bị giam hãm: Công lý hằng cửu!

Chi phái “*Thiên sứ Đại Đạo*” đếm được những Nguyên soái và những Nữ chiến sĩ. (*Nhóm Tuyệt Cốc*). Chắc chắn không? Có những người trong chi phái này viết ra trong tờ giấy nào đó các lời khiêu khích, dù rằng có những cây kiếm bằng gỗ mà họ mang theo và họ nhớ lại họ là những chiến sĩ Trung Hoa cổ trong tiền kiếp của họ. Những đền thờ kỳ quái của họ có những

cái tháp giống như những pháo đài bằng gỗ. Chi phái Tuyệt Cốc gồm những người tà giáo mà họ tưởng rằng, muốn trở thành Phật thì cần phải cũ ăn ngũ cốc: gạo, bắp, đậu nành, đậu, mè.

Năm 1932, một nhóm chừng 12 người (*gồm nam, nữ, nhi đồng*) ở tại TTTN trong một cái nhà gọi là nhà tịnh (*chỗ thiền định*) được tạo lập bởi sự coi sóc duy nhứt của ông Thượng Tương Thanh, được dành cho những người nào muốn thực hành thiền định và tu luyện Yoga.

Đó là sở thích của ông Tương. Nhà tịnh nầy tiếp giáp với một ngôi nhà khác cũng của ông Tương mà nơi đây ông rất thích đắm mình vào Thần bí và tà đạo. Những người nầy đều nhịn ăn ngũ cốc và chỉ nuôi sống bằng rau cải. Đàn ông, đàn bà và trẻ con đều cạo đầu trọc và mặc áo thầy chùa nhưng bằng vải đen. Họ thường tụng kinh Phật giáo.

Vào lúc đó, họ đều lên đồng vào mỗi buổi chiều và đôi khi kéo dài suốt đêm, đến cả ngày mai. Ban ngày họ không làm gì cả hay gần như vậy.

Ông Tương xem những người nầy như là những tu sĩ thực sự và ông đặt họ dưới sự che chở của ông. Trong lúc đó, họ đốt nhiều lần ngôi nhà mà họ ở và trò chuyện, bởi tà đạo của họ.

Những sự rối loạn như thế làm cho Đức Quyền Giáo Tông tự thấy bắt buộc phải làm cho họ rút lui khỏi Tòa Thánh. Họ đi cất một ngôi chùa trên miếng đất kế cận đất của Tòa Thánh. Như thế đó là do ông Tương, một trong các đối tượng bất đồng ý kiến, chống lại Quyền Giáo Tông.

Trưởng nhóm Tuyệt Cốc ấy tên là Điền tự xưng là

Nguyên soái, ông này bị bắt 3 lần đưa vào nhà thương điên Biên Hòa, nơi đây sau vài ngày quan sát, người ta thả ông ra vì thấy ông là một người điên vô hại.

Cuối năm 1932, vào một đêm, tất cả nhóm Tuyết Cốc đi đến Tòa Thánh, mưu tính lên ngôi trên những cái ngai của Giáo Tông, Chương Pháp và Đầu Sư, vì họ nói rằng họ đã đắc đạo thành Phật sống.

Hiện nay, nhóm của họ chỉ còn chừng 30 người (gồm nam, nữ và nhi đồng) và họ tiếp tục đời sống tà đạo. Thỉnh thoảng họ tạo ra một câu chuyện làm trò cười cho quần chúng và Tòa Thánh Tây Ninh phải chịu khổ vì người ta xem họ là những tín đồ Cao Đài.



ĐỨC HỘ PHÁP HÀNH PHÁP DÂNG HOA, BẮT ẤN THƯỢNG NGƯƠN

PHẦN THỨ SÁU: ĐỨC HỘ PHÁP CHƯƠNG QUẢN NHỊ HỮU HÌNH ĐÀI

CHƯƠNG I: ĐỨC HỘ PHÁP CHƯƠNG QUẢN NHỊ HỮU HÌNH ĐÀI

1. ÔNG LÊ VĂN TRUNG TRẢ BẮC ĐẤU BỘI TINH (NGÀY 19-1 GIÁP TUẤT 1934)

Tây Ninh, ngày 4 tháng 3 năm 1934.

Kính gửi Tổng Thống nước Cộng Hòa Pháp, Thủ đô Ba-lê.

Thưa Tổng Thống,

Tôi hân hạnh hoàn trả vào đôi tay của Ngài với lòng tôn kính, cái huy chương Bắc Đẩu Bội Tinh mà nước Pháp đã ban cho tôi do Sắc lệnh ngày 18-5-1912.

Là một công chức được yêu mến và khen ngợi trong 12 năm, tiếp theo là làm Hội viên Hội Đồng Quản Hạt trong 8 năm, cuối cùng làm Nghị viên Hội Đồng Soái Phủ Đông Dương trong 12 năm, cả thảy là 32 năm làm việc trung thành với nước Pháp, nên nước Pháp mới ban cho tôi phần thưởng cao quý như thế.

Sau đời sống công chức của tôi, tôi chuẩn bị sống hết tuổi già trong một nơi vắng vẻ nào đó của đất Nam Kỳ. Khi bỗng năm 1926, tôi được Đấng Vô hình gọi đến giao cho phận sự qui nhút tất cả các nền tôn giáo hiện hữu, để gieo rắc giữa các dân tộc, lòng thương yêu điều thiện và thương yêu chúng sanh, sự thực hành đức hạnh, học tập thương yêu công lý và sự an phận: tiết lộ cho nhơn loại biết về quả báo, tất cả để thanh khiết hóa linh hồn.

Từ 8 năm nay, tôi hoàn toàn chú tâm vào công cuộc kết tình huynh đệ của các chủng tộc loài người, tin chắc rằng nền tôn giáo thiết lập được một trong những yếu tố mạnh mẽ và cần thiết để thực hiện một sự hợp tác chân thành của tất cả các dân tộc, của một nền hoà bình thế giới lâu dài.

Đạo Cao Đài hôm nay có hơn một triệu tín đồ, gồm phần lớn là người Việt Nam, kế đó là người Pháp, người Miên, người thiểu số và Hoa kiều.

Có lẽ Chánh quyền thuộc địa không hiểu chúng tôi chẳng? Phải chăng Đạo Cao Đài luôn luôn bị áp bức một cách bất công? Với những kêu ca và thỉnh nguyện của chúng tôi, họ trả lời bằng những hành động chuyên chế và sự ngược đãi tôn giáo.

Ngay thời buổi này, họ đang làm đủ cách để hãm hại người đứng đầu của Tân Giáo Hội trong danh vọng của họ. Trong nhiều tài liệu, tôi xin trích ra đây những đoạn điển hình trong một cái thư mà tôi đã viết mới đây gửi cho ông Vilmont, tỉnh trưởng tỉnh Tây Ninh, Nam Kỳ.

“Thuộc về những chỉ thị mới đây của Ngài, tôi rất muốn biết đến bao giờ các qui tắc mới về sự thờ cúng mới được áp dụng.

Về phần những sự việc mà Ngài đã ám chỉ trong văn thư của Ngài, tôi mạn phép xin Ngài chú ý rằng, nếu Ngài xét đến những thỉnh nguyện và quyền lợi của tôi, nếu không là chủ của Hội Thánh Đạo Cao Đài, ít ra cũng là chủ của Thánh thất Long Thành (*Tây Ninh*) thì những vụ lộn xộn này không bao giờ xảy ra.

Hơn nữa, Ngài biết rằng những vụ lộn xộn mà

Ngài đã báo hiệu, nó không xuất phát từ chúng tôi.

Cuộc họp ngày 24 tháng 11 năm ngoái, được Ngài cho phép, tại Thánh thất của chúng tôi, với những người xa lạ đối với tôn giáo chúng tôi, và mặc dầu văn thư của tôi số 394 ngày 22-11-1933 là một thách đố thật sự, nếu không, một điều sỉ nhục ném, một cách vô cớ, vào mặt của một công bộc già nua và trung thành của nước Pháp đã được đeo huy chương Bắc Đẩu Bội Tinh.”

Thật là khó khăn mới nhận định được những sự việc lúc đó, mà tất cả những cố gắng và nhiệt tâm của tôi, quả thật đã phụng sự cho lợi ích chung của hai dân tộc, nghĩa là với sự hòa hợp tốt đẹp và thành thật, hai sắc dân được kêu gọi bởi ý chí mạnh mẽ muốn sống trong cộng đồng đời sống và quyền lợi.

Đương nhiên, những thỉnh nguyện ấy bị xếp lại, không trả lời, trái lại, những sự ngược đãi lại càng thêm nữa.

Mới đây, ngày 22 tháng 2 vừa qua, bởi 34 người đồng Đạo của tôi thiếu thuế nhà nước, mà tôi bị bắt bỏ tù, cái lý do hoàn toàn giả dối. Cái Bắc Đẩu Bội Tinh của tôi, ở vào năm bình minh của tuổi 60, đã bị ném vào tù, tuyệt đối không có một hình thức nào qui định bởi pháp luật, được tuân thủ.

Tôi bị giam 2 ngày rưỡi trong một phòng giam nhỏ tại khám đường Tây Ninh với cái huy chương đeo trên mình và cái thẻ Bắc Đẩu Bội Tinh.

Như thế, dưới con mắt nhà cầm quyền thuộc địa, cái Bắc Đẩu Bội Tinh chẳng có nghĩa lý gì cả, một sự ô nhục có thể đạt tới. Tất cả lầm lỗi đó, phải chăng do nước Pháp không nên trao cái dấu hiệu danh dự ấy cho

một người bốn xứ khốn khổ?

Tôi thực hiện cái cử chỉ ấy với sự luyến tiếc cay đắng, nhưng tôi không thích mang cái huy chương ấy nữa, vì nó bị nhà cầm quyền thuộc địa không một chút tôn trọng, và nó cũng không trở thành một bằng chứng rõ ràng của lòng ái mộ của tôi đối với nước Pháp.

Tuy nhiên, tín tưởng vào công lý của nước Pháp hiền hòa và độ lượng mà tôi hằng yêu mến, tôi sẽ theo đuổi đến cùng phận sự của tôi, không hờn giận, không hận thù, hy vọng một ngày nào đó, họ sẽ biết rõ những lầm lỗi đã vấp phạm và trả lại công lý cho một tôn giáo mà nó không có ý muốn nào khác hơn là đem lại cho thế giới một nền hòa bình và hòa hợp.

Kính xin Tổng Thống nhận nơi đây lòng tôn kính sâu xa của tôi.

LÊ VĂN TRUNG

- Lê Văn Trung, Quyền Giáo Tông của Phật giáo canh tân, hay Đạo Cao Đài.
- Cựu Nghị viên Hội Đồng Quản Hạt Nam Kỳ
- Cựu Nghị viên Thượng Nghị Viện Đông Dương. Long Thành, Tây Ninh, Nam Kỳ.

Giấy đính kèm:

- Một chứng thư của Cục Trưởng Cục Bắc Đẩu Bội Tinh.

2. ÔNG NGUYỄN NGỌC TƯƠNG DÙNG BẠO LỰC CHIẾM TÒA THÁNH (NGÀY 20-1 GIÁP TUẤT 1934)

Vào ngày 15-1 Giáp Tuất, sau khi cúng đại lễ Thượng ngươn xong, Đức Quyền Giáo Tông nhận được giấy báo cho biết: Ngày 20-1 Giáp Tuất, ông Nguyễn Ngọc

Tương và phái đoàn của ông sẽ về Tòa Thánh, đúi Đức Quyền Giáo Tông ra khỏi Tòa Thánh và ông sẽ đăng điện lên ngời Giáo Tông.

Đức Quyền Giáo Tông lấy làm lo lắng, liền đến cho Đức Hộ Pháp hay và nhờ Đức Hộ Pháp liệu cách bảo vệ Tòa Thánh cho được an toàn.

Đức Hộ Pháp nói:

- Xin Anh Cả yên tâm để mặc em lo liệu. Đức Quyền Giáo Tông an tâm ra về. Đức Hộ Pháp liền ra lệnh cho thủ bổn Phạm Môn là ông Nguyễn Văn Gia khẩn cấp kêu hết anh em chủ sở và Đạo sở nam nữ nơi các Sở Phạm Môn, phải có mặt tại Tòa Thánh trước 5 giờ sáng ngày 20 tháng Giêng năm Giáp Tuất để Đức Ngài dạy việc. Mỗi Sở chỉ chứa lại 1 người giữ nhà mà thôi.

Vừa rạng chơn trời ngày 20-1 Giáp Tuất (1934), cả anh em lớn nhỏ nơi các Sở Phạm Môn tụ tập đủ mặt tại Hiệp Thiên Đài. Đức Hộ Pháp giao cho ông Giáo Sư Thượng Minh Thanh trách nhiệm điều động thống nhất. Ông Giáo Sư Minh liền ra lệnh cho các anh em Phạm Môn chia nhau ra giữ các cửa ra vào Nội Ô Tòa Thánh, không cho người lạ xâm nhập.

Đúng ngày đã định, khoảng 7 giờ sáng ngày 20-1 Giáp Tuất (dl 5-3-1934), nhóm người của ông Nguyễn Ngọc Tương từ Sài Gòn kéo lên Tòa Thánh rất đông, vừa đến cửa Hòa Viện (cửa số 1) thì ngừng lại rồi phân ra: một nhóm kéo vào cửa số 1, còn một nhóm thì kéo đến cửa số 2, đồng xông vào Nội Ô. Những người giữ cửa được lệnh của vị làm đầu bảo ngăn lại, không cho vô và nói rằng: Các hiền huynh nán đợi chúng tôi vào báo

cáo với Đức Quyền Giáo Tông và đợi có lệnh của Anh Cả cho mời các hiền huynh sẽ vô cũng không muộn.

Nhưng nhóm người này không chịu chờ đợi, mà vẫn ngang nhiên tông cửa xông đại vào. Những người giữ cửa cố ngăn lại, khiến nên kẻ ngoài lẫn vào, người trong xô ra. Cuộc xô lẫn ồn ào như vậy khá lâu, rồi rốt cuộc lại bên ngoài dùng võ lực để giành phần thắng, diễn tiến mãi đến 9 giờ mới kết thúc là nhóm người của ông Tương cam đành thất bại, đồng thui thui trở về mà trên vẻ mặt của mỗi người đều đầy khí sắc căm hờn giận dữ.

Bọn họ chấp nhận thất bại hôm nay, nhưng họ quyết trả thù bằng cách sẽ nhờ bàn tay nhà cầm quyền Pháp tỉnh Tây Ninh khủng bố những người công quả của Phạm Môn.

Ngày hôm sau, Đức Quyền Giáo Tông làm một bữa tiệc tại Giáo Tông Đường mời Đức Hộ Pháp và tất cả các công quả Phạm Môn đến dự tiệc khoản đãi.

Trước khi nhập tiệc, Đức Quyền Giáo Tông nói:

– Lúc trước, Đức Hộ Pháp mở Phạm Môn, có một phần Chúc-sắc lớn trong Hội Thánh đánh đổ, chớ ít ai nhìn nhận là đúng. Hễ ai nói sao thì Qua nghe vậy, chớ thật ra Qua cũng không biết Đức Hộ Pháp mở Phạm Môn có ích lợi gì. Đến hôm nay, Qua mới biết, nhờ có mấy em dám hy sinh để bảo tồn nghiệp Đạo.

Cũng trong bữa tiệc này, Đức Quyền Giáo Tông ngỏ ý yêu cầu Đức Hộ Pháp cho Hội Thánh Cửu Trùng Đài mượn một số người Phạm Môn để bổ đi các tỉnh trấn an tinh Thần bốn Đạo đang rất hoang mang. Đức Hộ Pháp hứa chịu.

Trong biến cố vừa qua, nhóm người của ông Nguyễn Ngọc Tương thất bại cay đắng, nên mỗi thù nung nấu khiến ông Tương trả thù bằng cách vu cáo những người Phạm Môn làm cách mạng chống Pháp, để cho nhà cầm quyền Pháp tỉnh Tây Ninh bắt bớ giam cầm, tra khảo những người Phạm Môn chết đi sống lại.

Ông Tương tin chắc rằng, nhóm của ông sẽ chiếm được Tòa Thánh một cách dễ dàng, bởi vì ông nhận thấy Tòa Thánh lâu nay không được phòng thủ, chỉ có chừng mười Bảo Thế gác cửa Tòa Thánh và các dinh thự.

Cho nên lúc trước nhóm Tư Mắt kéo về đây dễ dàng và dùng bạo lực xô đuổi Đức Cao Thượng Phẩm phải rời khỏi Tòa Thánh; gần đây là kỳ Hội Vạn Linh, 3 Chánh Phối Sư cấm không cho hội vì sai phép Đạo, nhưng Hội Thánh không có lực lượng bảo vệ đủ mạnh để thi hành luật lệnh của Hội Thánh và buộc các tín đồ phải tuân hành các luật lệnh này, nên họ vẫn ngang nhiên bẻ khóa, mở cửa Tòa Thánh để vào hội; rồi sau đó lại có nhóm Tịch Cốc vào Tòa Thánh quậy phá, lại còn hăm đốt Tòa Thánh mà cũng không có ai ngăn cản được.

Ngày nay, ông Tương vẫn tưởng như thế, ông chắc chắn thành công nên viết giấy báo ngày giờ ông kéo đến, tỏ ra là một người anh hùng. Ông không ngờ rằng Đức Hộ Pháp đã lập Phạm Môn từ mấy năm nay, sau khi Đức Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Phẩm bị đàn áp bởi bạo lực của nhóm Tư Mắt.

Ông Tương thảm bại vì các công quả Phạm Môn kiên quyết giữ gìn Tòa Thánh, không cho kẻ phản Đạo xâm nhập làm chuyện bất chánh. Ông không ngờ

Phạm Môn có thừa sức mạnh và lòng trung kiên để bảo vệ Đạo pháp, chống lại những kẻ phản Đạo có mưu toan bất chánh, dùng bạo lực chiếm đoạt Tòa Thánh với những tham vọng ngông cuồng.

Do đó ông Tương rất oán hận Đức Hộ Pháp và những người Phạm Môn. Cho nên sau vụ này ông Tương mật báo với Tỉnh Trưởng Tây Ninh, vu cáo những người Phạm Môn làm cách mạng chống Pháp, và cho Phạm Môn là chi phái do Đức Hộ Pháp lập ra để khuynh đảo Tòa Thánh. Tỉnh Trưởng Tây Ninh ra lệnh bắt một số vị Phạm Môn giam vào khám Tây Ninh, tra khảo tàn ác chết đi sống lại, buộc khai cho ĐQGT và ĐHP lập Phạm Môn để chống Pháp. Các vị Phạm Môn thà chết chứ không chịu khai quấy như vậy, nên cuối cùng chúng phải thả ra, có người đi về nhà không nổi và phải mang tật suốt đời.

Ông Tương đã lợi dụng uy tín và thế lực mạnh mẽ của ông với Pháp, vì ông là người theo Pháp triệt để từ lâu nay, để chống lại Đức Hộ Pháp và Đức Quyền Giáo Tông, thỏa mãn mộng bá quyền của ông. Sau đó, chánh quyền Pháp tỉnh Tây Ninh ra lệnh đóng cửa và giải tán các cơ sở Phạm Môn.

Khi đã rút về Bến Tre lập Ban Chính Đạo, ông Tương vẫn còn oán hận, viết nhiều châu tri đặt điều nói xấu Phạm Môn rất nặng nề, làm cho bốn Đạo nơi Bến Tre lâm tương. Lòng thù hận này có lẽ ông Tương ôm ấp mãi tới năm 1941.

3. ÔNG TRẦN VĂN THOÀN GIÁNG CƠ

6 vị Phạm Môn bị bỏ tù tại khám Tây Ninh (ngày 29-1 Giáp Tuất 1934)

Lối 10 ngày sau biến cố 20-1 Giáp Tuất, thất bại trong việc đem bộ hạ lên đánh chiếm Tòa Thánh Tây Ninh, ông Nguyễn Ngọc Tương vu cáo với Chánh Tham Biện tỉnh Tây Ninh, nên họ ra lệnh vào Tòa Thánh bắt các công quả Phạm Môn đem ra giam tại khám đường Tây Ninh, lính công an buộc tội vu vợ như đánh đui tít đồ chi phái không cho vào Tòa Thánh bái lễ; nhứt là buộc phải khai cho Đức Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp lập Phạm Môn để âm mưu chống Pháp, nhưng những người Phạm Môn nhứt định thà chết chứ không chịu khai quấy như vậy, nên bị công an Pháp tra tấn rất tàn nhẫn. Lối 20 ngày sau thì mới được lần lượt thả về, vì không có bằng cứ buộc tội, nhưng giữ lại 6 người Phạm Môn mà nó cho là cầm đầu những người kia.

Phần 6 vị Phạm Môn còn lại bị công an Pháp dùng cực hình tra tấn, nhưng 6 vị này cương quyết không chịu khai như bọn họ hướng dẫn và cuối cùng họ phải thả 6 người này ra vì không lý do buộc tội. Khi thả về, có người đi không được.

Khi 6 vị công quả Phạm Môn về thì vào trình diện với Đức Hộ Pháp và Đức Quyền Giáo Tông, tối hôm ấy lập đàn cơ tại Giáo Tông Đường, ông Trần Văn Toàn về nói chuyện.

4. PIERRE PASQUIER BỊ THIÊU VÌ ÂM MƯU DIỆT ĐẠO

PASQUIER: Pierre Pasquier, Toàn Quyền Đông Dương từ năm 1928 đến 1934. Ông quyết tâm tiêu diệt Đạo Cao Đài, nên làm giả nhiều hồ sơ đem về Pháp,

để chứng minh với chánh phủ Pháp là Đạo Cao Đài làm chánh trị chống Pháp. Pasquier đi máy bay về Paris, đến Marseille; còn đang bay trên bầu trời, bỗng nhiên phi cơ phát cháy nổ tung. Pasquier cùng với gia đình và toàn bộ hồ sơ ngụy tạo đều bị cháy ra tro.

Đó là vì Pasquier phạm Thiên điều nên bị chư Thần diệt thác, linh hồn bị đọa vào Phong đồ.

Hai năm sau, Pasquier được phép giảng cơ để xưng tội cùng Hội Thánh. Bài giảng cơ chép ra như sau:

► Tòa Thánh, ngày 18-8-1936 (Âl 2-7 Bính Tý)

PIERRE PASQUIER

Tôi nói tiếng An Nam.

Tôi đã cầm đặng một cuốn sách Nho, học thông đạo lý. Cái tư tưởng của tôi buổi nọ, nó thiên về bên Khổng giáo chứ không phải hướng qua bên Phật Đạo. Tôi càng suy xét thì lại lấy làm lạ vì có lẽ nào tôi lại dùng nhà Thiên toan phá Đạo Cao Đài buổi nọ. Quái dị thay!

Tôi đã dám xưng mình là văn sĩ Nho phong, kinh truyện, văn chương trước mắt mà lại chịu thiệt thòi sai sót, chẳng hiểu đặng rằng Nho giáo chuyển luân tạo dựng toàn cầu Tân thế. Sự lạ lắm ấy do đâu mà có?

Ôi! Quan trường! Ôi nha lại! vì mi mà làm cho ta phải đui mắt, linh hồn phạm tội nghịch ý Chí Tôn. Thiên điều tàn sát. Hận thay ngôi vị đế vương là đao kiếm trừ mạng linh hồn mà chớ. Gớm thay! Ghê thay!

THI

*Vương bá bửu ngôi thị ngục hình,
Thiên lao như thử tặc công khanh.
Đồ thân phát phối cầm dân mạng,*

Y phục đai cân thị tử thành.

* THẮNG

5. ĐỨC CAO THƯỢNG PHẨM KHUYÊN CAO QUỲNH ĐIỀU TRỞ VỀ TÒA THÁNH (NGÀY 15-7 GIÁP TUẤT 1934)

Ngài Bảo Văn, Pháp Quân, Cao Quỳnh Diêu ngã theo hai Ngài Quyền, Đầu Sư Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh, chống lại Đức Quyền, Giáo Tông và Đức Hộ Pháp.

Đức Cao Thượng Phẩm, thấy vậy sợ Ngài Diêu bị tội cùng Ngọc Hư Cung, nên giáng cơ khuyên, nhủ.

Hôm sau, ngày 16-7 Giáp Tuất (*dl 25-8-1934*), Đức Thái Thượng Đạo Tổ cũng giáng cơ khuyên, nhủ Ngài Diêu thức tỉnh. Nhờ vậy Ngài trở về lập công nơi TTTN. Đây là một điều may mắn, vô cùng cho Ngài Diêu.

6. NỘI LUẬT THÁNH THẮT (NGÀY 15-7 GIÁP TUẤT 1934)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ cửu niên.)

CHÂU TRI

Tòa Thánh, ngày 15-7 Giáp Tuất (24-8-1934)

THÁI, THƯỢNG, NGỌC CHÁNH PHỐI SỬ

Kính cùng chư vị Đầu Tỉnh Đạo, Đầu Họ Đạo, Đầu Quận Đạo và chư Đạo hữu lưỡng phái.

Chư Hiền, huynh và chư Hiền, tỷ,

Việc hành chánh nơi các Thánh thất đã có chỉ rõ trong Nội Luật Thánh Thất, ban hành từ ngày 1-7-1933.

Hội Thánh xin nhắc lại cho chư chức việc và chư Đạo hữu các Thánh thất biết rằng, chi chi cũng phải do

nơi Đầu Quận hay Đầu Hộ và Đầu Tỉnh Đạo sở tại xem xét trước và phê chuẩn rồi mới được thi hành.

Từ đây, việc thu xuất tại Thánh thất, những việc tạo tác và những số lương thực như lúa, dưa, tương, vv... của chư Đạo hữu hỷ cúng đều phải có Đầu Tỉnh Đạo phê chuẩn. Chư vị chủ Thánh thất không được tự quyền nhứt định số lương thực phải để tại Thánh Thất bao nhiêu, hộ về Tòa Thánh bao nhiêu, phải công đồng chư Chức việc lại đăng quyết định trước rồi lập vi bằng đệ lên cho Đầu Tỉnh Đạo phê chuẩn rồi thi hành liền, chớ chẳng nên bê trễ.

Nay kính.

Thái CPS	Thượng CPS	Ngọc CPS
Khai Đạo HTĐ	Khai Thế HTĐ	Khai Pháp HTĐ
Phạm Tấn Đãi	Thái Văn Thâu	Trần Duy Nghĩa

7. ĐỨC LÝ VÀ ĐỨC HỘ PHÁP ĐỊNH QUYẾT CHI PHẢI LÀ TẢ ĐẠO BÀNG MÔN (NGÀY 16-7 GIÁP TUẤT 1934)

CAO THƯỢNG PHẨM

Bản Đạo chào Đức Quyền Giáo Tông, Hộ Pháp, Thượng Sanh, Cao Tiếp Đạo và Lê Tiếp Thế:

Xin mời Thái, Thượng, Ngọc Chánh Phối Sư và Nữ Chánh Phối Sư nhập nội.

Bản Đạo chào chư vị Đạo hữu và Đạo tử.

Thưa cùng Đức Quyền Giáo Tông, xin Ngài làm ơn nhắc nhở giùm chư vị Chánh Phối Sư phải nhặt gìn phận sự.

Xin chính đàn cho nghiêm đăng tiếp rước Lý Giáo Tông.

Bản Đạo khuyên cả Hội Thánh nam nữ đừng ai tư

mật mà làm cho Người phát nộ thì rủi cho Hội Thánh lắm nghe:

Cao Tiếp Đạo, em ráng nâng loan có Qua trợ lực.

*Thăng.

► TÁI CẦU:

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ LÝ THÁI BẠCH

Chào chư Hiền hữu và Hiền muội.

Quyển Giáo Tông bạch:.....

Ừ, Lão còn cầm quyền ngày nào thì Lão quyết trừ diệt những kẻ tà tâm cho tận tuyệt.

Lão nói thật, nền chánh giáo của Chí Tôn phải ra thiệt tướng, bằng chẳng vậy, thà Lão thối bước lui chơn, hơn thấy Thánh thể của Người phải ra ô trước.

Ngọc Chánh Phối Sư, mỗi Đạo Nghị Định của Lão viết ra phải chính mình hiền hữu đọc lại cho toàn. Chúc-sắc Thiên phong có mặt tại đây nghe rõ.

ĐẠO NGHỊ ĐỊNH THỨ BẢY ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Chiếu y PCT ban quyền hành cho Giáo Tông và Hộ Pháp,

Chiếu y Đạo Nghị Định số 2 ban quyền Giáo Tông phần xác cho Thượng Trung Nhật,

Chiếu y Đạo Nghị Định số ba và số bốn ban quyền hành cho Hội Thánh Cửu Trùng Đài nam nữ lưỡng phái,

Chiếu y Đạo Nghị Định số năm định cho Chúc-sắc cầm quyền hành chánh thiệt thọ,

Chiếu y mật chỉ Chí Tôn,

NGHỊ ĐỊNH

❖ **ĐIỀU THỨ NHỨT:** Cả Chúc-sắc nam nữ Cửu Trùng Đài đã trọn hiến thân cho Đạo buổi sơ khai đăng đẳng đồng thăng nhứt cấp, trừ ra:

- Một là người nào hiến thân cho Đạo sau ngày rằm tháng 10 năm Canh Ngọ.
- Hai là người không trọn tuân luật pháp, không trọn giữ phận sự của mình
- Ba là người cầm quyền hành chánh chẳng toàn công,
- Bốn là người nghịch chơn truyền chánh giáo, gây tả đạo bàng môn,
- Năm là mới thọ ân phong thưởng.

❖ **ĐIỀU THỨ HAI:** Cả Chúc-sắc Thiên phong Hội Thánh Ngoại Giáo tòng quyền Chưởng Đạo Nguyệt Tâm đã đủ ân phong công nghiệp, chẳng đăng đẳng cấp.

❖ **ĐIỀU THỨ BA:** Những người đã có công nhưng đắc tội cùng Hội Thánh thì phải giao nạp cho Hiệp Thiên Đài, chừng nào Tòa Tam Giáo Hiệp Thiên cho trắng án thì đăng đẳng đăng cấp như Chúc-sắc Thiên phong hữu công cùng Đạo.

❖ **ĐIỀU THỨ TƯ:** Quyền Giáo Tông và cả Chúc-sắc Thiên phong Hội Thánh Nhị Hữu Hình Đài phải thi hành Đạo Nghị Định này.

❖ **ĐIỀU THỨ NĂM:** Bát cả sơ cầu phong thưởng.

Làm tại Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 15 tháng 7 năm Giáp Tuất.

ký tên:

HỘ PHÁP
Phạm Công Tắc

GIÁO TÔNG
Lý Thái Bạch

ĐẠO NGHỊ ĐỊNH THỨ TÁM

* * *

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Chiếu y Pháp Chánh Truyền, cửu Trùng Đài và HTĐ,
Chiếu y các Thánh giáo của Chí Tôn,
Nghĩ vì Đạo duy có một,

NGHỊ ĐỊNH:

- ❖ ĐIỀU THỨ NHỨT: Những chi phái nào do bởi ĐĐTKPĐ làm gốc lập thành mà không do nơi mạng lệnh Hội Thánh thì cả chúng sanh chẳng đặng nhìn nhận là của Chí Tôn và phải định quyết là bàng môn tả đạo.
- ❖ ĐIỀU THỨ NHỊ: Các tôn giáo xin nhập môn vào mỗi chơn truyền phải có đủ Quyền Vạn Linh và Quyền Chí Tôn công nhận.

Lập tại Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 15 tháng 7 năm Giáp Tuất.

Ký tên:

HỘ PHÁP
Phạm Công Tắc

GIÁO TÔNG
Lý Thái Bạch

.....

Thượng Trung Nhựt, hiền hữu phải để ý rằng quyền hành của hiền hữu riêng với phần của Lão, nên Đạo Nghị Định phải lập riêng ra nghe:

* * *

Kể từ ngày Đức Lý Giáo Tông và Đức Hộ Pháp lập Đạo Nghị Định thứ 8 thì Chúc-sắc bất mãn với Hội Thánh không còn dám tách ra lập chi phái nữa,

bởi vì Đạo Nghị Định thứ 8 này là Thiên điều, mà hề phạm vào Thiên điều thì phải bị tiêu diệt, không thể nào tránh khỏi.

Cho nên, những Chi phái của Đạo Cao Đài đã lập ra từ trước đến nay, nếu không tự giác qui hiệp về Tòa Thánh Tây Ninh thì dần dần rồi đây sẽ suy tàn và mất hẳn.

Chúng ta nhớ 4 câu thơ Tiên tri của Đức Chí Tôn:

*Đạo Thấy nhiều nhánh các con coi,
Nhánh có trái bông, nhánh cụt còi.
Rốt cuộc cành khô cùng lá héo,
Còn gì tươi tốt để con coi!*

Nhờ Đạo Nghị Định thứ 8, từ đây về sau, Đạo Cao Đài không còn nảy sinh chi phái, trở thành một nền Đại Đạo có được 4 cái duy nhất:

- Một hệ thống giáo lý duy nhất,
- Một hệ thống luật pháp duy nhất,
- Một Hội Thánh duy nhất,
- Một Tòa Thánh duy nhất là Tòa Thánh Tây Ninh.

8. NGUYỄN DU GIẢNG CƠ (NGÀY 21-7 GIÁP TUẤT 1934)

NGUYỄN DU

Thưa chào quý vị.

Tệ sĩ hàng nghe cảm mộ và cũng là người một hội một thuyền, nên bạo gan đến chung cùng bàn luận.

Thanh Tâm Tài Nhân đời hàng ít có, đặc thời thì cần nhiếp chánh hóa dân, thất thế năm văn chương tô điểm tục.

Thưa cùng quý Ngài,

Giọt huyết lệ của Tệ sĩ đổ tại bốn Kiều, chẳng khác chi câu văn ai oán của mấy Ngai nơi: Nữ Trung Tòng Phận.

*Khối đa sầu có thể nhắc sầu,
Tâm ái quốc rộng thương phục quốc.*

Cười... Tệ sĩ không muốn viết.

THI

*Dặm hồng không ngán trận phong ba,
Đồ ngọc mong tô đẹp nước nhà.
Mượn bóng hồng nhan lau nét hận,
Cây đường phong nguyệt trở hơi hòa
Khóc than thổ võ thanh lâu khách,
Thúc giục quan nha cây mụ bà.
Dời đổi triều đình Từ Hải chí,
Chấn hưng văn hiến tiếng diêu ca.*

Có nhiều câu chưa đoạt ý nhưng quen văn pháp rất nhiều không trọn phù ba như trước, dạ câu thi thường làm mới hay, bỏ lâu ra lặt.

THĂNG.

**9. ĐỨC QUYÊN GIÁO TÔNG QUY THIÊN
(NGÀY 13–10 GIÁP TUẤT 1934)**

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ thập niên)

Tòa Thánh Tây Ninh

Văn phòng

Nội Chánh

Số: 16

CHÂU TRI

Cho chư Đầu Tỉnh Đạo, Đầu Họ Đạo, Đầu Quận Đạo, chư chức việc và chư Đạo hữu lương phái.

Kính chư Hiền huynh và chư Hiền tỷ,

Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ rất đau đớn mà cho chư Hiền huynh, Hiền tỷ hay tin buồn rằng: Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật đã qui Tiên tại Giáo Tông Đường (*Tòa Thánh Tây Ninh*) ngày 13-10 Giáp Tuất (*dl 19-11-1934*) hồi 3 giờ chiều, người hưởng thọ đặng 59 tuổi.

Lễ tổng chung định tới ngày 26-10 Giáp Tuất, đúng 9 giờ sớm mai, nhằm ngày chúa nhật 2-12-1934. Cuộc lễ này là tang chung cho toàn Đạo, vậy nên Hội Thánh sau khi hội nghị, định cho cả Chức-sắc Cửu Trùng Đài có tòng luật Hội Thánh, nghĩa là từ Giáo Hữu trở lên, kể từ nay cho tới ngày an táng, được về Tòa Thánh mà viếng liên đài Đức QGT và thành tâm tang phục cho người; còn ai về không được thì phải hiệp nhau nơi Thánh Thất sở tại mà cầu nguyện và tang chế, y như lệ tang phục Hội Thánh định sau này:

1. Chức sắc từ Giáo Hữu trở lên, bịt khăn tang mà thôi cho tới ngày mãn phục là một năm.
2. Từ Lễ Sanh đến tín đồ thì tùy ý, nghĩa là vị nào thành tâm thương tiếc Đức Quyền Giáo Tông thì tùy tâm, hoặc bịt khăn tang, hoặc dùng để một miếng vải tang bề ngang chừng 3 phân buộc nơi tay trái, cùng tang phục cho hạng này để tỏ lòng thương tưởng của mọi người, Hội Thánh không nhứt định.

Hội Thánh xin để lời cần yếu hơn hết là kể từ nay, nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mới khuyết một vị Đại Đức như Đức Quyền Giáo Tông, sở dĩ Hội Thánh

bổ cáo cùng toàn Đạo rõ, xin tạm ngừng các việc vui trong 3 tháng để thành tâm chia buồn cùng Hội Thánh.

Nay kính.

Làm tại Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 13-10 Giáp Tuất
(19-11-1934)

Thái CPS	Thượng CPS	Ngọc CPS
Khai Đạo HTĐ	Khai Thế HTĐ	Khai Pháp HTĐ
Phạm Tấn Đãi	Thái Văn Thâu	Trần Duy Nghĩa

Nữ Chánh Phối Sư
Hương Thanh

* * *

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ thập niên)

Tòa Thánh Tây Ninh

V.P. Nội Chánh

Số: 17

CHÂU TRI

Cho chư Đầu Tỉnh Đạo, Đầu Họ Đạo, Đầu Quận Đạo, chức việc và chư Đạo hữu lương phái.

Kính cùng chư Hiền Huynh và chư Hiền tỷ,

Từ nay cho đến ngày an táng phần xác của Đức Quyền Giáo Tông như kịp ngày giờ, thì mỗi Thánh thất phải may một lá cờ tang, bề ngang 1 thước 2 (1m20), bề dài 2 thước (2m), treo trước cửa Thánh thất. Cờ toàn bằng vải trắng, có chạy bìa bằng vải đen bề khổ 1 tấc (0m10).

Mỗi đêm phải tụng kinh tam bửu và động u minh.

Đến ngày an táng, nghĩa là ngày 26 tháng 10 tới đây, đúng 9 giờ ban mai, phải làm lễ tại Thánh thất cho những vị nào không về Tòa Thánh được đến cầu nguyện.

Tòa Thánh, ngày 20-10 Giáp Tuất (*dl 26-11-1934*).

Thái CPS	Thượng CPS	Ngọc CPS
Khai Đạo HTĐ	Khai Thế HTĐ	Khai Pháp HTĐ
Phạm Tấn Đãi	Thái Văn Thân	Trần Duy Nghĩa

.....

Bài thái hiến lễ ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG:

*Cần khôn quen thú phước Linh Tiêu,
Thấy khổ trần gian nghịch Thánh điều.
Mượn xác phàm riêu cây phát chủ,
Nương cơ tạo xử phước tiêu diêu.
Bầu linh khổ hải đưa thiêu cạn,
Gậy sắt nhưn sanh chống dặt dều.
Muôn dặm cửa Tiên chờ bước tục,
Cõi lau trở gót ruột trăm chiều.*

**10. BUỘC CHỨC-SẮC PHÉ ĐỜI HÀNH ĐẠO
(NGÀY 8-11 GIÁP TUẤT 1934)**

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ thập niên.)

Tòa Thánh Tây Ninh

Văn phòng

Phạm Hộ Pháp

ĐẠO NGHỊ ĐỊNH THỨ 38

Chiếu y PCT ban quyền hành cho Giáo Tông và

Hộ Pháp,

Chiếu y Đạo Nghị Định thứ 5 ngày mùng 3-10 Canh Ngọ (1930) của Đức Lý Giáo Tông buộc cả Chức-sắc đã thọ phong phải phế đời hành Đạo.

Chiếu y Đạo Nghị Định thứ 6 của Đức Lý Giáo Tông và Phạm Hộ Pháp lập tờ ước hẹn, phải điều đình hiến pháp sửa trị Đài mình cho hiệp Pháp Chánh Truyền,

Nghĩ vì về phần CTĐ thì Ngọc Chánh Phối Sư đã lập đủ phương ban hành Đạo Nghị Định thứ 5 nói trên đây và về phần HTĐ thì Bản Đạo đã lắm phen thối thúc.

Chiếu y theo mấy bức thơ sau này: Thơ số 1 đề ngày 4-12-1932 và Thơ số 15 đề ngày 2-8-1934.

NGHỊ ĐỊNH

- ❖ ĐIỀU THỨ NHẤT: Cả Chức sắc CTĐ và HTĐ kể từ ngày ban hành Đạo Nghị Định này phải phế đời hành Đạo.
- ❖ ĐIỀU THỨ HAI: Những vị nào dẫu đã thọ phong nơi cơ phong Thánh mà từ khi Khai-Đạo đến nay không hành Đạo, đều bị sa thải.
- ❖ ĐIỀU THỨ BA: Những vị nào đã có công hành Đạo mà chẳng trọn công, phải tức cấp về Tòa Thánh cho Hội Thánh định tội và đem vào chánh vị, bằng chẳng, quá kỳ 3 tháng thì bị sa thải.
- ❖ ĐIỀU THỨ TƯ: Những vị nào đã thọ phong và Hội Thánh đã công nhận mà không hành Đạo thì chẳng đặng xưng phẩm tước và mặc Thiên phục vào châu lễ tại Tòa Thánh và các Thánh thất của Đại Đạo.
- ❖ ĐIỀU THỨ NĂM: Những vị không cầm quyền hành chánh

thì không quyền dự Hội Thánh và mọi trí ý chi hay đã dâng cho Hội Thánh cũng không đặng thân dụng.

❖ ĐIỀU THỨ SÁU: Hội Thánh phải ra lệnh cho Lại Viện CTĐ làm sổ những Chức sắc cầm quyền hành chánh mà tuyên bố cho cả toàn Đạo đều biết.

❖ ĐIỀU THỨ BẢY: Lê Tiếp Thế thế quyền Đẩu Sư, Cao Tiếp Đạo Chủ Trưởng HTNG, 3 Chánh Phối Sư nam và Nữ Chánh Phối Sư phải thi hành Đạo Nghị Định này.

Lập tại Tòa Thánh ngày mùng 8-11 Giáp Tuất

(14-12-1934)

HỘ PHÁP

Chưởng Quản nhị hữu hình Đài

Hiệp Thiên và Cửu Trùng

Ký tên:

PHẠM CÔNG TẮC

* * *

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ thập niên.)

Tòa Thánh Tây Ninh

Văn phòng

Phạm Hộ Pháp

ĐẠO NGHỊ ĐỊNH THỨ 39

Chiếu y Pháp Chánh Truyền và Tân Luật,

Do theo Châu Tri số 7 ngày 22-6 Giáp Tuất (2-8-1934)
của 3 Chánh Phối Sư,

Nghĩ vì gặp hồi khuẩn bách tiền tài, nhưn sanh đồ thán, nên Hội Thánh chẳng nên tăng khổ của tín đồ thêm nữa.

NGHỊ ĐỊNH

❖ **ĐIỀU THỨ NHẤT:** Cấm cả Chức-sắc trong Đạo kể từ Chánh Phó Trị Sự đổ lên chẳng đặng phép thâu tiền của ai hết.

❖ **ĐIỀU THỨ HAI:** Những người hảo tâm hỷ cúng thì duy có mấy Đầu Tỉnh Đạo mới đặng phép thâu, nhưng phải có biên lai rãng cửa giao hồi cho người hỷ cúng đó, còn chánh bốn phải trình cho Hội Thánh khi thâu nhập tiền ấy vào Hộ Viện.

❖ **ĐIỀU THỨ BA:** Tiền Quan Hôn Tang Tế gọi là tiền nhưn Đạo thì cả Chức-sắc nhỏ, Chánh Phó Trị Sự được phép thâu, nhưng phải trình chánh bốn biên lai cho Đầu Tỉnh Đạo công nhận.

❖ **ĐIỀU THỨ TƯ:** Những Chức-sắc Thiên phong nào đã quá quyền thâu của nhưn sanh, có đủ bằng có thi Hội Thánh phải buộc tội trước mặt luật đời là người lường gạt nhưn sanh đặng thủ lợi.

❖ **ĐIỀU THỨ NĂM:** **Chẳng ai đặng phép buộc tín đồ phải cúng, duy để tự do cho những người từ tâm phước thiện hỷ cúng mà thôi.** Kiểu biên lai phải như vậy:

“Tôi có thâu của Đạo hữu..... số tiền là..... (bao nhiêu) đã có tâm phước thiện hỷ cúng đặng (cất Tòa Thánh, hoặc sở phước thiện, hoặc hành hương, v.v...)”

Mọi việc đều phải trích ra minh bạch đặng cho Hộ Viện đem vào sổ chánh, y theo lòng của tín đồ sở định và để nhập vào phần dự định mỗi khoản.

Hộ Viện sẽ do theo đó mà lập thông qui những tiền của đã thâu mà dán tại Thánh thất sở tại đặng cho người thiện tâm hỷ cúng số tiền ấy biết đã vào tay

Hội Thánh.

❖ ĐIỀU THỨ SÁU: Lê Tiếp Thế, Cao Tiếp Đạo Chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo, 3 Nam Chánh Phối Sư và Nữ Chánh Phối Sư lãnh thi hành Đạo Nghị Định này.

Lập tại Tòa Thánh ngày mùng 8-11 Giáp Tuất

(14-12-1934)

HỘ PHÁP

Chưởng Quản nhị hữu hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng.

Ký tên

PHẠM CÔNG TẮC

**11. TOÀN QUYỀN PHÁP CHO PHÉP ĐẠO CAO ĐÀI PHỔ
THÔNG BẮC KỲ (NGÀY 9-11 GIÁP TUẤT 1934)**

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ thập niên.)

Tòa Thánh Tây Ninh

VP. Nội Chánh

Số: 20

CHÂU TRI

Nữ Chánh Phối Sư và Thái, Thượng, Ngọc Chánh Phối Sư

Kính cùng chư Chức sắc Thiên phong nam nữ, chư chức việc và chư Đạo hữu lưỡng phái.

Kính chư Hiền huynh và chư Hiền tỷ,

Hội Thánh ĐĐTKPĐ rất hân hạnh cho chư Hiền huynh và chư Hiền tỷ hay tin mừng rằng, mới đây, Quan Toàn Quyền Đông Pháp có ký Nghị Định cho Đại Đạo được tự do phổ thông nơi xứ Bắc Kỳ.

Vậy, chư Hiền huynh và chư Hiền tử cho chư Đạo hữu lưỡng phái hay đặng cảm ơn và ghi nhớ ân đức của Ngài.

Nay kính.

Tòa Thánh, ngày 15-12-1934 (9-11 Giáp Tuất)

Thái CPS Thượng CPS Ngọc CPS

Khai Đạo HTĐ Khai Thế HTĐ Khai Pháp HTĐ

Phạm Tấn Đãi Thái Văn Thâu Trần Duy Nghĩa.

Nữ Chánh Phối Sư

Hương Thanh

* * *

CÔNG CUỘC TRUYỀN ĐẠO CAO ĐÀI NƠI BẮC VIỆT

Đầu năm Giáp Tuất (1934), Hội Thánh bổ một vị Chức-sắc đầu Tiên đi truyền Đạo nơi Bắc Việt là ông Giáo Hữu Thượng Tuất Thanh (*Nguyễn Văn Tuất*).

Giáo Hữu Tuất là người miền Bắc, quê quán tại Nam Định, ông di cư vào Nam để lập nghiệp, gặp thời kỳ Đức Chí Tôn Khai Đạo, ông nhập môn vào Đạo Cao Đài ở Tây Ninh, đắc phong Lễ Sanh, sau được thăng Giáo Hữu.

Khi ông Giáo Hữu Tuất lãnh lệnh Hội Thánh ra Bắc truyền Đạo, ông đến Hà Nội chưa đầy 1 tháng thì chẳng may Ông bị bệnh nặng và qui liễu. Ông được an táng tại Nghĩa trang Hợp Thiên tỉnh lỵ Hà Đông.

Hội Thánh truy phong ông Giáo Hữu Thượng Tuất Thanh làm Đầu Địa Phận Đạo Vô Vi Bắc Việt. Do đó, ông thường giảng cơ giúp ý kiến cho các Chức-sắc sau

này hành Đạo tại Bắc Việt để điều đình tốt đẹp nên Đạo tại đây và thường báo trước những điều khó khăn sắp xảy đến để Chúc-sắc dự bị kịp thời đối phó.

Hội Thánh tìm kiếm một vị Chúc-sắc gốc miền Bắc khác để bổ đi truyền Đạo Bắc Việt, nhưng không có ai, nên bổ ông Giáo Hữu Thượng Chũ Thanh (*Đặng Trung Chũ*) ra Bắc Việt truyền Đạo. Ông Chũ là người miền Nam, nên khi ra Bắc rất bỡ ngỡ, không thông hiểu tâm lý và tục lệ của người Bắc nên rất khó hoạt động. Ông tạm ngụ tại nhà một người quen ở ngõ Túc Mạc, phố Ga Hàng Cỏ. Trong lúc đó, mật thám Pháp tại Hà Nội theo dõi ông rất gắt, đề phòng ông ra Bắc hoạt động chánh trị chống Pháp. Ông Chũ lại không quen khí hậu lạnh lẽo, hơn nửa năm mà không làm được việc gì trong việc truyền giáo, nên viết thư về Hội Thánh TTTN xin trở về Nam.

Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh lần này cử một phái đoàn truyền giáo ra Bắc Việt, gồm 4 vị: Giáo Hữu Thượng Ngoại Thanh, Lễ Sanh Thượng Điểm Thanh, Chánh Trị Sự Thạch, Phó Trị Sự Phòng.

Khi đặt chân đến Bắc Việt, phái đoàn liền tìm cách bắt liên lạc với những người miền Nam trong “*Hội Tương Tế Nam Kỳ*” để nhờ giúp đỡ. Hội này có trụ sở tại phố Thi Sách, hội do những công chức ở Nam Kỳ đổi ra Bắc lập nên để giúp đỡ lẫn nhau, nên không có nhiều hội viên.

Phái đoàn truyền giáo Cao Đài trình bày rõ mục đích truyền giáo của mình, được các hội viên của Hội Tương tế Nam Kỳ hưởng ứng và giúp đỡ. Ba vị Hội viên: Mai Văn Biên, Mai Văn Nghĩa, Hồ Trọng Tuấn, sau

khi biết Đạo Cao Đài liền xin nhập môn vào Đạo, mặc dầu 3 ông đương là công chức của Pháp, nhưng các ông không sợ bị Pháp sa thải. Mọi vài hội viên khác cũng noi theo 3 ông Biên, Nghĩa, Tuấn nhập môn vào Đạo. Do đó, Hội Tương Tế Nam Kỳ tại Hà Nội trở thành chỗ dựa tốt đẹp của phái đoàn truyền giáo Cao Đài tại Bắc Việt.

Phái đoàn và các vị tân tín đồ bàn bạc đi đến quyết định thành lập một Thánh thất đầu Tiên tại Hà Nội để làm cơ sở truyền giáo. Hai ông Biên và Nghĩa lãnh nhiệm vụ đi tìm nhà, 2 ông thuê được một căn nhà nhỏ tại phố Harmand, để lập nên tại đây một Thánh thất và văn phòng làm việc cho phái đoàn truyền giáo. Đây là Thánh thất đầu Tiên của Đạo Cao Đài tại Hà Nội, được thiết lập vào đầu năm 1934.

Ông Mai Văn Nghĩa lo vận động xin giấy phép lập Thánh thất và lễ Khai-Đạo tại Thánh thất. Quý vị khác thì lo lập Thiên bàn, sắm chuông, trống, mõ, tập lễ sĩ dâng lễ và đồng nhi tụng kinh. Công việc chuẩn bị gần 3 tháng mới xong. Phái đoàn truyền giáo quyết định ngày mùng 1–3 Giáp Tuất (dl 14-4-1934) làm lễ khai Thánh thất “*Harmand*” tại Hà Nội.

Đúng giờ Tý ngày 1–3 Giáp Tuất, tiếng trống và tiếng chuông từ Thánh thất vang lên giữa Hà Nội, thu hút được nhiều người đến xem buổi lễ khai Thánh thất Cao Đài. Họ ngạc nhiên thấy áo mão của các Chức-sắc Cao Đài giống như những quan đại Thần trong triều vua thời xưa, còn tín đồ thì mặc toàn màu trắng rất tinh khiết, các lễ sĩ mặc áo lễ và đội mão rất trang nghiêm, xướng những câu văn nho nghe rất hay, nhứt là các đồng nhi tụng kinh giọng trầm bổng những câu kinh

bằng tiếng Việt dễ hiểu theo điệu nhạc cổ truyền tấu lên bởi những nhạc cụ cổ truyền Việt Nam. Họ đồng nhìn nhận cùng nhau, Đạo Cao Đài này đúng là Đạo của người VN chúng ta.

Buổi lễ khai Thánh thất này của Đạo Cao Đài gây được tiếng vang lớn, tốt đẹp trong các giới ở Hà Nội, nên sau đó, nhiều người đến Thánh thất tìm hiểu về nghi lễ và giáo lý của Đạo Cao Đài, để rồi họ xin nhập môn vào Đạo. Số người nhập môn càng lúc càng đông khiến cho chánh quyền Pháp rất ngạc nhiên và nghi kỵ, nên họ cho mật thám theo dõi rất gắt và tìm cách ngăn trở sự truyền bá của Đạo Cao Đài tại Hà Nội.

12. HỘI THÁNH ĐỒNG Ý ĐỨC HỘ PHÁP CẨM QUYỀN NHỊ HỮU HÌNH ĐÀI (NGÀY 10-11 GIÁP TUẤT 1934)

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

(Đệ thập niên.)

Tòa Thánh Tây Ninh

Văn phòng

Nội Chánh

Số: 21

CHÂU TRI

THÁI, THƯỢNG, NGỌC CHÁNH PHỐI SƯ

Kính cùng chư Chức-sắc Thiên phong nam nữ chư chức việc và chư Đạo hữu lưỡng phái.

Kính chư Hiền huynh và chư Hiền tỷ,

Hội Thánh xin cho toàn Đạo hay rằng: Chiếu theo tờ Vi bằng kỳ nhóm Hội Thánh HTĐ và CTĐ tại Tòa Thánh ngày 26-10 Giáp Tuất (dl 2-12-1934) thì quyền hành Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài đều giao cho

Đức Hộ Pháp cầm, ấy là tuân theo thể pháp định cho Hộ Pháp phải kiêm quyền hành Giáo Tông khi Giáo Tông qui vị, cũng như Giáo Tông phải kiêm quyền hành Hộ Pháp khi Hộ Pháp qui vị.

Giữa Đại hội, Đức Hộ Pháp có tỏ ý cho Hội Thánh biết rằng: Ngài muốn lập một Ban Phụ Chánh để giúp Ngài, trong Ban Phụ Chánh có đủ Chức-sắc HTĐ và CTĐ nam nữ. Sau này sẽ có Đạo Nghị Định nói về ban này.

Sự xây trở trong nền chánh trị của Đạo chẳng qua là vì Thiên thư tiền định, đến lúc Chí Tôn chuyển thế thì tức nhiên phải có chuyển pháp, điều ấy nếu ráng kiểm hiểu thì cũng không chi lạ.

Hội Thánh chỉ ước mong cho chư Hiền huynh và chư Hiền tỷ biết rằng dầu HTĐ hay CTĐ đều là người của Hội Thánh, còn sự hiệp nhứt của nhị đài là phương thuốc hay đương thời, xin chư Hiền huynh và chư Hiền tỷ ráng tận tâm đôi lúc nữa thì sẽ thấy điều vui mừng chung trước mắt và hiểu rõ Thiên ý của Đức Chí Tôn buổi này.

Rất mong thay. Nay kính.

Tòa Thánh, ngày 16-12-1934 (10-11 Giáp Tuất).

Thái CPS

Thượng CPS

Ngọc CPS

Khai Đạo HTĐ

Khai Thế HTĐ

Khai Pháp HTĐ

Phạm Tấn Đãi

Thái Văn Thâu

Trần Duy Nghĩa

.....

**13. ĐỨC HỘ PHÁP LẬP TÒA HIỆP THIÊN ĐÀI
(NGÀY 21-11 GIÁP TUẤT 1934)**

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ thập niên.)

Tòa Thánh Tây Ninh

Văn phòng

Phạm Hộ Pháp

ĐẠO NGHỊ ĐỊNH THỨ 40

Chiếu y PCT ban quyền hành cho Giáo Tông và Hộ Pháp,

Chiếu theo thể lệ hành pháp nơi Tòa Hiệp Thiên Đài,

NGHỊ ĐỊNH

❖ **ĐIỀU THỨ NHỨT:** Nơi Tòa Hiệp Thiên Đài có những Chức-sắc làm phận sự như sau đây:

Hộ Pháp. Chủ Tọa.

Hiến Pháp Trương Hữu Đức. . . Nghị án.

Tiếp Pháp Trương Văn Tràng. . . Nghị án.

Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh dâng biểu buộc tội.

Tiếp Đạo Cao Đức Trọng Trạng sư

Hiến Thế Nguyễn Văn Mạnh. Lục Sự.

Tả Phan Quân Giáo và 1 Giáo Hữu cầm cờ biểu hiệu Hiệp Thiên Đài.

❖ **ĐIỀU THỨ HAI:** Giao phận sự điều tra các vụ sẽ đệ ra Tòa Hiệp Thiên Đài cho Bảo Thế Lê Thiện Phước.

❖ **ĐIỀU THỨ BA:** Vị Chủ Tọa sẽ định ngày nhóm Tòa Hiệp Thiên Đài và ban lệnh mời các Chức-sắc trên

đây dự nhóm.

❖ ĐIỀU THỨ TƯ: Đặt Hiến Thế Nguyễn Văn Mạnh thủ lĩnh Văn phòng HTĐ và thi hành Đạo Nghị Định này.

Lập tại Tòa Thánh ngày mùng 27-12-1934

(21-11 Giáp Tuất)

HỘ PHÁP

Chương Quản nhị hữu hình Đài

Hiệp Thiên và Cửu Trùng

Ký tên:

PHẠM CÔNG TẮC

**14. ĐỨC HỘ PHÁP ĐÒI SỔ BỘ, ĐẤT ĐAI THÁNH ĐỊA VÀ
ÔNG TƯƠNG TRẢ LỜI (NGÀY 5-12 GIÁP TUẤT 1934)**

Ngày 6-11 Giáp Tuất (dl 12-12-1934), Đức Hộ Pháp viết một cái thư gửi cho ông Thượng Tương Thanh đòi ông Tương giao trả cho Tòa Thánh Tây Ninh các giấy tờ, bộ sổ đất đai nơi Thánh địa do ông Tương chấp chưởng trước đây.

Ngày 5-12 Giáp Tuất (dl 9-1-1935), ông Thượng Tương Thanh viết thư trả lời, chép ra như sau đây:

Bến Tre, ngày 9-1-1935

Kính Đức Hộ Pháp, Tôi có được bức thư của Ngài đề ngày 12-12-1934 và một bốn nghị định xin tôi giao các đất Thánh địa cho một ban của Ngài đặt lên và tự mình Ngài tọa chủ, nói rõ tức là giao cho Ngài làm chủ vậy.

Lúc này là lúc có thể hội hiệp cho Đạo được hòa bình, nhưn sanh được yên ổn mà tu hành, sao Ngài lại muốn gây thêm chuyện bất bình cho nhưn sanh nữa?

Anh Cả qui rồi, Ngài là Hộ Pháp lại quyền luôn

Giáo Tông, rồi Ngài còn đòi làm chủ các Thánh địa nữa. Trong Đạo nghe nói thêm buồn lòng thối chí nữa, Ngài có tưởng tới đó không?

Khi mua miếng đất cất Tòa Thánh Tây Ninh bây giờ đây, Đức Lý Giáo Tông chọn tôi đứng bộ làm chủ. Anh Cả muốn cho lưỡng phái làm chủ nên đem thêm tên chị Nữ Chánh Phối Sư vô đứng chung với tôi. Vì vậy nên phần chị thì dễ, muốn giao cho ai cũng được, còn phần tôi lại khó, nếu không có mạng lệnh của Đức Lý thì tôi không dám giao cho ai hết.

Vả lại tôi đứng bộ giúp cho Đạo, tức là cho nhơn sanh, vì tiền của nhơn sanh mua sắm. Muốn làm chi cũng phải do nơi ý kiến của nhơn sanh nữa.

Vậy ngày mùng 8 tháng giêng tới đây, nhơn ngày vía Đức Chí Tôn có Hội Nhơn Sanh, tôi sẽ tỏ sự Ngài muốn đó. Như nhơn sanh thuận tình hết thầy thì Ngài sẽ được thỏa nguyện một phần, còn phần của Đức Lý, tôi về Tòa Thánh hiệp với Ngài cầu huyền cơ mà nghe dạy được chăng?

Xin Ngài trả lời cho tôi biết.

Nay kính.

THƯỢNG TƯỚNG THANH

CHƯƠNG II: LUẬT LỆ CHUNG CỦA CÁC HỘI

LUẬT LỆ CHUNG

CÁC HỘI QUYỀN VẠN LINH

Khi nhóm hội, chư Nghị viên tuân y điều lệ sau đây:

❖ ĐIỀU THỨ NHỨT: Lễ trước lúc mở Hội.

Khi Nghị Trưởng vào Hội lại ghế Chủ Tọa thì cả thầy Nghị viên phải đứng dậy thủ lễ với người chờ người ngồi rồi mới ngồi sau.

Khi cả thầy ngồi xuống thì Nghị Trưởng đứng dậy trước, rồi cả thầy đứng dậy sau và giữ vẻ nghiêm trang, đoạn tay bắt Ấn Tý lấy dấu và mật niệm năm câu chú và cầu khấn Đức Chí Tôn bố trí chung, rồi cả hội đọc Kinh Nhập Hội.

Khi đọc rồi niệm câu chú của Đại Từ Phụ, đoạn chờ cho Nghị Trưởng ngồi rồi thì Nghị viên mới ngồi xuống sau.

❖ ĐIỀU THỨ NHÌ: Mở Hội

Khi đầu đó ngồi xong xả êm tịnh thì Nghị Trưởng rung một tiếng chuông cho chư Nghị viên nghe đặng lắng lặng, rồi Nghị Trưởng mở Hội, bảo Từ Hàn đọc tờ Vi bằng nhóm kỳ trước. Thoảng như cả Nghị viên có đọc tờ Vi bằng ấy rồi thì Nghị Trưởng hỏi Nghị viên tờ Vi bằng ấy đặt ra có y theo lời đã bàn định chẳng, và cả Nghị viên đều công nhận hết chẳng?

Nếu có điều chi mà cả Hội định phải sửa đổi vì không y theo lời đã bàn định thì Nghị Trưởng cho lệnh Từ Hàn lập tức sửa lại liền và cho biết luôn sự kết quả các lời bàn định trong tờ Vi bằng ấy. Kế đó, đem các

vấn đề trong chương trình bữa nhóm mà bàn định.

❖ **ĐIỀU THỨ BA: Phận sự Nghị Trưởng.**

Trong hội nhóm, Nghị Trưởng hay là Chủ Tọa đem các vấn đề sắp đặt có thứ tự trong chương trình cho Nghị viên bàn luận. Nghị viên không đăng bàn tính việc gì khác hơn là vấn đề đương tranh luận cho tới vấn đề “*Tạp vụ*”.

Nghị Trưởng khi xướng đề ra nói rành rẽ cho chư Nghị viên thông hiểu, rồi để cho Nghị viên tự do bàn luận, chẳng nên cãi lầy điều chi với Nghị viên và chờ khi bàn cãi rồi thì kết luận những ý kiến của chư Nghị viên và cho hiểu rõ mà công nhận hay hủy bỏ.

❖ **ĐIỀU THỨ TƯ: Phận sự Phó Nghị Trưởng.**

Phó Nghị Trưởng giúp Nghị Trưởng về việc ban hành các lời bàn định, trước khi mời nhóm hội, chung trí với Nghị Trưởng lập chương trình và khi Nghị Trưởng vắng mặt vì bận việc, hoặc phải hành Đạo phương xa, hoặc bị đau ốm thì Phó Nghị Trưởng đủ quyền thay thế.

❖ **ĐIỀU THỨ NĂM: Phận sự Từ Hàn.**

Từ Hàn giúp Nghị Trưởng lập chương trình, thiệp mời, lập Vi bằng và lo các giấy tờ trong Văn phòng Nghị Trưởng và Phó Nghị Trưởng.

Khi hội nhóm, lúc Nghị viên bàn tính, thì chăm chỉ biên các lời bàn tính, rồi chùng bải Hội, lập Vi bằng và tờ sao lục các lời bàn tính. Từ Hàn được chọn lựa người phụ sự đăng giúp mình trong việc giấy tờ.

❖ **ĐIỀU THỨ SÁU: Cách bỏ thăm.**

Việc bỏ thăm có hai cách:

- Khi việc cần yếu trọng hệ thì phải bỏ thăm kín.
- Khi việc thường thì bỏ thăm giờ tay.

Những việc chi bàn tính, nếu được phân nửa số thăm của cả Nghị viên hiện diện, thêm một lá nữa thì việc ấy được công nhận. Thoảng như số thăm đồng nhau, Nghị Trưởng bỏ thăm bên nào thì lời bàn tính ấy được công nhận.

Nếu 3/5 Nghị viên hiện diện xin bỏ thăm kín thì Nghị Trưởng cho lệnh y theo.

❖ **ĐIỀU THỨ BẢY: Số Nghị viên**

- Kỳ nhóm lệ:** Dấu số Nghị viên hiện diện bao nhiêu, Hội cũng cứ nhóm và lời bàn định cũng có giá trị như khi nhóm đều đủ vậy.
- Kỳ nhóm ngoại lệ:** Số Nghị viên phải được phân nửa cái số chung và thêm một vị nữa. Nếu chẳng đủ số định trên thì Nghị Trưởng đình lại và cho Quyền Chí Tôn hay, hoặc là hủy bỏ quyền hội, hay là trùng trị cách nào tùy ý, còn Hội cũng cứ việc hội như số hội viên đều đủ.

❖ **ĐIỀU THỨ TÁM: Những việc Nghị viên muốn đem ra Hội.**

Nghị viên nào muốn xin canh cải, thêm bớt, hủy bỏ điều chi trong Luật Đạo hoặc nơi khác, xin hạch hỏi kích trách tại giữa Hội thì phải gởi tờ xin trước ngày nhóm y theo hạn lệ đã định trong Nội Luật mỗi Hội nhóm.

❖ **ĐIỀU THỨ CHÍN: Quyền bàn tính.**

Mỗi Nghị viên được quyền nói thông thả, xong phải giữ lễ nghĩa, giữ hạnh khiêm cung, lấy lời tao nhã

êm thuận, chẳng nên nóng nảy và lớn tiếng làm cho mất vẻ ôn hòa của Hội. Mỗi khi muốn nói, phải đưa tay xin phép, rồi chờ Nghị Trưởng phân theo thứ tự cho phép mới được nói.

Trong một vấn đề đem ra bàn luận, thì Nghị viên được phép nói 3 lần, mỗi lần chẳng đặng quá 5 phút.

Nghị viên nào có xin trước, y theo điều thứ tám đã buộc, thì được quyền đem việc mình muốn xin sửa cải, hoặc mình muốn tra vấn, ra nói một lần trong nửa giờ; khi phải minh triết thêm nữa, thì được nói thêm hai lần nữa, mỗi lần 10 phút đồng hồ. Khi hai hoặc nhiều Nghị viên đưa tay lên một lượt xin phép nói thì Nghị Trưởng định cho người chức lớn, hoặc như đồng chức nhau thì người tuổi tác lớn nói trước, rồi kể cho đến hết người xin một lượt.

❖ **ĐIỀU THỨ MƯỜI: Buổi nhóm.**

Mỗi buổi nhóm không nên quá 4 giờ đồng hồ. Chư Nghị viên phải đến cho đúng giờ nhóm, chớ nên vô cớ mà bê trễ. Như Nghị Trưởng định nhóm giờ nào, khi quá giờ ấy 15 phút đồng hồ mới mở hội, không kể số Nghị viên nhiều ít.

Thoảng như Nghị Trưởng vắng mặt hoặc đến trễ thì Phó Nghị Trưởng thay thế. Một Nghị viên chức lớn, hoặc cũ hơn hết, hoặc tuổi tác lớn hơn hết, ngồi ghế Phó Nghị Trưởng. Chừng Nghị Trưởng đến thì ngồi chỗ Nghị viên.

Còn như Nghị Trưởng và Phó Nghị Trưởng vắng mặt, hoặc đến trễ, thì hai Nghị viên chức lớn, hoặc lâu cũ hơn hết, ngồi Nghị Trưởng và Phó Nghị Trưởng, chừng Nghị Trưởng và Phó Nghị Trưởng đến thì ngồi

chỗ Nghị viên.

Nếu vô cớ mà không đến nhóm hội thì phải bị phần phạt có định trong các Nội Luật.

❖ ĐIỀU THỨ MƯỜI MỘT: **Tư cách Nghị viên.**

Nghị viên, nếu là Chức-sắc hay chức việc thì phải mặc Thiên phục hoặc Đạo phục, còn tín đồ thì phải mặc y phục thường cho trang hoàng sạch sẽ, phải bạch y theo hàng Phái viên của Hội Thánh ban cho.

Cả Nghị viên đều phải thủ lễ nghĩa chung với nhau, ngồi trên ghế mình phải ngay thẳng, không nên dựa nghiêng dựa ngửa, hoặc xếp bằng, hoặc co chân lên, vén ống quần mà gãi, không nên hút thuốc, ăn trầu, phải ngồi một chỗ chờ đến khi Hội giải tán. Trước khi giải tán thì Nghị Trưởng và Nghị viên đồng đứng dậy như trước khi nhập Hội và tụng Kinh Xuất Hội, đoạn lấy dấu niệm câu chú của Đại Từ Phụ, xá 3 xá, rồi lui ra cho có hàng ngũ thứ tự.

Đương nhóm mà vị nào có việc phải ra ngoài thì phải xin phép Nghị Trưởng, xong rồi phải vô liền.

Nếu vị nào làm mất cách lịch sự của Hội thì Nghị Trưởng rung chuông, xin vị ấy giữ phép lịch sự.

Khi Nghị viên đương nói mà nổi giận, làm điều vô lễ thì Nghị Trưởng rung chuông ngăn lại để khuyên giải.

Nếu chẳng khứng nghe thì Nghị Trưởng hỏi ý kiến của cả Nghị viên khác, như phần đông đồng ý kiến thì Nghị Trưởng mời ra khỏi Hội. Thoảng như cưỡng ngạnh thì Nghị Trưởng rung chuông, ngưng bàn tính chừng 5 phút trở lại, đệ vị ấy ra ban nội trị, chùng yên.

rồi thì rung chuông nhóm lại.

Khi một Nghị viên đương bàn luận thì người khác ngồi nghe chẳng nên xen vô làm đứt đoạn. Nghị Trưởng sẽ rung chuông chỉ trách người làm mất phép lịch sự ấy.

Nghị Trưởng, khi thấy Nghị viên nào tỏ sắc giận, dỗi xin phép nói đặng cố ý tỏ nét giận của mình ra thì được quyền không cho phép nói.

❖ **ĐIỀU THỨ MƯỜI HAI: Hỏi ý kiến Nghị viên.**

Khi có điều chi phải hỏi ý kiến từ Nghị viên, Nghị Trưởng phải hỏi trước hết vị nào nhỏ chức hơn hoặc khi đồng chức, thì vị nào nhỏ tuổi hơn hết, cứ như vậy cho đến Phó Nghị Trưởng.

❖ **ĐIỀU THỨ MƯỜI BA: Đại Hội tại Tòa Thánh: Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh.**

Hai Hội này nhóm tại nhà nhóm trong Tòa Thánh.

Lễ Khai mạc:

Trước giờ mở Hội thì Nghị Trưởng phái vài Nghị viên đi rước Giáo Tông và Hộ Pháp đến dự lễ.

Khi nhị vị Đại Thiên phong này đến thì Lễ Viện cho linh nhạc trở tiếp mừng: Chánh, Phó Nghị Trưởng, Chức sắc HTĐ và Nội Chánh nam nữ ra tại cửa đón rước, cả Nghị viên đồng đứng dậy, chờ cho nhị vị an tọa mới ngồi sau.

Giáo Tông ngồi ghế Chủ Tọa, bên tay mặt thì Hộ Pháp, bên tay trái thì Nghị Trưởng.

Giáo Tông đọc bài diễn văn khai Hội, Hộ Pháp chú giải những luật pháp mà Hội không hiểu rõ. Kế đó, Nghị

Trưởng đọc bài diễn văn về chương trình buổi nhóm.

Khi nhị vị Đại Thiên phong về, Chánh, Phó Nghị Trưởng và Chúc-sắc đồng đưa ra đến cửa, còn Nghị viên cũng đứng dậy như khi hai vị Đại Thiên phong đến.

“*Ty Cảnh Sát Tuần phòng*” ở ngoài hầu giữ.

Lúc nhóm Hội Nhơn Sanh thì một Lễ Sanh phái Ngọc lãnh cai quản ty ấy, mặc Thiên phục, buộc dây sắc lệnh tam sắc Đạo của HTĐ ban cho trong lúc hội nhóm. Khi Hội giải tán thì đem nạp lại cho HTĐ.

Lúc nhóm Hội Thánh thì một Giáo Hữu phái Ngọc cai quản ty ấy, mặc Thiên phục, buộc dây sắc lệnh tam sắc Đạo của HTĐ ban cho trong lúc hội nhóm. Khi Hội giải tán thì đem nạp lại cho HTĐ. (*mỗi 2 giờ đồng hồ đổi phiên canh*).

❖ ĐIỀU THỨ MƯỜI BỐN: **Ban ủy Viên Ngánh.**

Khi Nghị Trưởng và cả thầy đều trở về chỗ ngồi yên rồi thì chọn cử bốn Ban ủy Viên Ngánh:

1. Phái Thái
2. Phái Thượng
3. Phái Ngọc
4. Phái Nữ

đặng chia các việc đã đem vào chương trình hầu bàn tính ít người cho dễ dàng thấu đáo mọi việc. Mỗi Ban ủy Viên Ngánh có chừng 5 hoặc 7 Nghị viên: 1 Nghị trưởng, 1 Phúc sự viên và mấy vị kia làm Nghị viên.

Mỗi khi bàn định điều chỉ rồi thì phúc sự viên tóm tắt lại, lập một tờ phúc để đệ ra Đại Hội nghị quyết.

Chư Nghị viên của ban ủy viên Ngánh khi nhóm thì mặc Đạo phục dùng hằng ngày.

❖ ĐIỀU THỨ MƯỜI LĂM:

Hội Nhơn Sanh thường xuyên và Hội Thánh thường xuyên cũng nhóm tại nhà nhóm, nhưng không có lễ nhạc rước đưa Giáo Tông và Hộ Pháp, vì 2 vị này không cần đến nhóm hội.

Ty cảnh sát tuần phòng cũng canh giữ, nhưng không mặc Thiên phục và Đạo phục với dây sắc Lịnh.

❖ **ĐIỀU THỨ MƯỜI SÁU: Thượng Hội.**

Bữa lễ khai Hội thường lệ thì ba nam Chánh Phối Sư đến rước Giáo Tông và Hộ Pháp, Nữ Chánh Phối sư thì đi rước Nữ Đầu Sư.

Cả Chúc-sắc HTĐ và CTĐ nam nữ hiện diện tại Tòa Thánh mà không có phận sự cần yếu, mặc Thiên phục đến trước điện hầu chực tiếp rước.

Khi Giáo Tông và Hộ Pháp đến thì Lễ Viện cho lịnh đánh 6 hồi trống và chuông (*đánh bát nhã, mỗi hồi 12 tiếng*), dứt hồi chuông trống thì chư Nghị viên vào Đại Điện làm lễ bái Đức Chí Tôn, nhạc đánh bản Nhạc Tấu Quân Thiên. Chừng nhạc dứt, cả Nghị viên tọa vị mới khai Hội.

Bốn Chánh Phối Sư tạm xuất ngoại, chờ có lịnh mời mới đến. Cả Chúc-sắc khác vào Thiên Phong Đường chờ, chừng bái Hội đến hầu lễ đưa.

Hội nhóm tại Bửu Điện, nơi Đại Điện nổi hương đăng, cửa màn mở ra, 6 Lễ Sanh ba phái đứng hầu trong Bát Quái Đài, 2 Nữ Lễ Sanh hầu bàn Phật Quan Âm, 2 Lễ Sanh phái Ngọc hầu bàn Quan Thánh. Mỗi giờ đồng hồ phải thay đổi.

Ty tuần phòng cảnh Sát và Bảo Thể Quân có một Giáo Sư phái Ngọc cai quản đứng trước cửa hầu giữ

chỉnh tề cho đến bãi Hội. Mỗi 2 giờ thì đổi phiên. Chức sắc ấy mặc Thiên phục và buộc dây sắc lệnh tam sắc Đạo của Hiệp Thiên Đài ban cho trong lúc hội nhóm, khi Hội giải tán, đem nạp lại cho HTĐ.

Lúc bãi Hội, chư Nghị viên ra về, Lễ Viện cũng cho lệnh đánh 6 hồi chuông trống, là lễ đưa. Bốn Chánh Phối Sư đưa chư Nghị viên đến dinh mỗi vị.

❖ ĐIỀU THỨ MƯỜI BẢY:

Thượng Hội thường xuyên thì nhóm tại Giáo Tông Đường, không có mấy lễ rước đưa như hội thường lệ.

Ty Cảnh Sát Tuần Phòng cũng canh giữ nhưng mặc y phục thường và không buộc dây sắc lệnh. Lễ Viện không đổ chuông trống và đánh nhạc.

❖ ĐIỀU THỨ MƯỜI TÁM: Nếu ngày sau có điều chi sửa cải, hủy bỏ hoặc cần ích thì truất bỏ hoặc thêm vô luật lệ này.

Lập tại Tòa Thánh, ngày 16-11
Giáp Tuất (dl 22-12-1934)

HỘ PHÁP

Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài

Hiệp Thiên và Cửu Trùng

PHẠM CÔNG TẮC

(ấn ký)

HỘI NHƠN SANH

NỘI LUẬT

Chương thứ I: Về Đại Hội tại Tòa Thánh

❖ ĐIỀU THỨ NHỨT: Chiếu theo Đạo Nghị Định thứ tư, điều thứ bảy của Đức Lý Giáo Tông và Phạm Hộ Pháp thì

Thượng Chánh Phối Sư là Nghị Trưởng của Hội Nhơn Sanh.

Hội Nhơn Sanh sắp đặt như vậy:

1. Thượng Chánh Phối Sư: Nghị Trưởng
2. Nữ Chánh Phối Sư: Phó Nghị Trưởng
3. Lễ Sanh, Chánh, Phó TS, ThS, Phái viên: Nghị viên
4. Một Nghị viên nam và 1 Nghị viên nữ: . Từ Hàn
5. Hai Nghị viên nam và 2 Nghị viên nữ: . . Phó Từ Hàn

❖ **ĐIỀU THỨ HAI:** Thái và Ngọc Chánh Phối Sư và các Quản Lý Tòa Nội Chánh (*ngày nay gọi là Thượng Thống các Viện*) đều đến dự Hội hoặc trả lời những điều nào Nghị viên không rõ mà xin bày tỏ, hoặc minh triết những vấn đề Nghị viên hạch hỏi. Nếu một vấn đề nào bị công kích thì Chánh Phối Sư hay là Quản Lý thuộc về vấn đề ấy phải trả lời hay bày tỏ cho khỏi sanh điều khó khăn cho việc bàn cãi.

❖ **ĐIỀU THỨ BA:** Một Chúc sắc HTĐ đến chứng kiến và bảo thủ luật lệ không cho Hội phạm đến.

❖ **ĐIỀU THỨ TƯ:** Hội Nhơn Sanh để bàn tính những việc:

1. Giáo Hóa-Nhơn sanh.
2. Lo liệu phương hay cho Đạo với Đời khỏi điều phản khắc, và nâng cao tinh Thần trí thức của nhơn sanh.
3. Phổ độ nhơn sanh vào cửa Đạo, dìu dắt tín đồ cho khỏi trái bước và trọn vâng các luật lệ của Đạo.
4. Xin sửa cải thêm bớt hay hủy bỏ những luật lệ của Đạo không phù hợp với trình độ trí thức, tình thần của nhơn sanh.

5. Lo cho nền Đạo được trong ấm ngoài êm và đủ phương liệu đặng phổ thông nền chơn giáo.
6. Xem xét và công nhận phương diện chánh trị của Đạo, quan sát sổ thâm xuất tài sản và nghị số phỏng định năm tới.

❖ ĐIỀU THỨ NĂM: Mỗi năm, Hội Nhơn Sanh nhóm nhằm ngày Rằm tháng Giêng, những Hội viên và Phái viên phải có mặt tại Tòa Thánh ngày 13 tháng đó và phải ở lại cho đến ngày bãi hội. Khi đến Tòa Thánh thì lại Nội Chánh (*Lại Viện*) ghi giấy thông hành, chùng về cũng trở lại Nội Chánh ghi giấy thông hành. Nếu vô cố đến trễ thì không đặng dự nhóm.

❖ ĐIỀU THỨ SÁU: Mỗi năm, mùng 1 tháng Chạp thì Nghị Trưởng gửi chương trình những vấn đề sẽ đem ra bàn giải cho các Đẩu tỉnh Đạo lúc Hội Nhơn Sanh nơi tỉnh Đạo nhóm ngày Rằm tháng này, đem ra bàn cãi xem xét trước cho kỹ lưỡng.

❖ ĐIỀU THỨ BẢY: Hội viên và Phái viên nhớ mỗi năm đến lệ về nhóm chớ không có thơ mời, cũng nhớ đem giấy chứng rằng mình là Nghị viên hay Phái viên đặng nhập Hội.

❖ ĐIỀU THỨ TÁM: Nghị viên muốn xin canh cải, thêm bớt, hủy bỏ điều chi trong Luật Đạo hay là điều chi khác nữa thì phải gửi tờ xin 20 ngày trước bữa hội nhóm, cũng phải chỉ rõ mình xin sửa cải, thêm bớt hay là hủy bỏ việc gì.

❖ ĐIỀU THỨ CHÍN: Khi nhóm hội, cả Nghị viên phải tuân y thể lệ của bốn “*Luật Lệ chung các Hội*”. Nếu vô cố mà không đến nhóm hội, thì phải bị mất quyền Hội

viên hay là Phái viên. Nếu là Hội viên thì mất quyền ấy 3 năm, còn Phái viên thì trong 3 năm không quyền ra ứng cử. Cả Nghị viên phải mặc Thiên phục hay là Đạo phục tùy theo phẩm mình.

❖ ĐIỀU THỨ MƯỜI: Nội trong 20 ngày sau khi hội nhóm thì Từ Hàn phải lập vi bằng cho rồi, trong đó có Nghị Trưởng, Phó Nghị Trưởng, Từ Hàn nam nữ và một Chức sắc HTĐ ký tên vào. Vi bằng này phải lập 5 bản: 1 bản gửi cho Thượng Hội, 2 bản gửi cho Hội Thánh, 1 bản cho HTĐ, và giữ lưu chiếu 1 bản. Khi Hội Thánh và Thượng Hội gọi lại Thượng Chánh Phối Sư 3 bản đã công nhận hay là bác bỏ khoản nào thì Thượng Chánh Phối Sư giữ lưu chiếu 1 bản và gửi ngay cho Nữ Chánh Phối Sư và Ngọc Chánh Phối Sư mỗi vị 1 bản đăng lo liệu cách thi hành.

❖ ĐIỀU THỨ MƯỜI MỘT: Trước bữa Đại Hội mà nam nữ phải nhóm chung nhau, Thượng Chánh Phối sư hoặc Nữ Chánh Phối Sư đăng có điều chi phải hỏi ý kiến riêng Hội viên phái của mình thì được quyền mời nhóm nam theo nam, nữ theo nữ.

Kỳ nhóm này, Từ Hàn phái nào theo phái nấy, lập vi bằng 2 bản, Nghị Trưởng và Từ Hàn ký tên, để lưu chiếu một bản, còn một bản, như Chánh Phối Sư Nam thì gửi cho Chánh Phối Sư Nữ, còn Chánh Phối Sư Nữ thì gửi cho Chánh Phối Sư Nam, hầu hiểu rõ những điều của mỗi phái đã bàn tính.

❖ ĐIỀU THỨ MƯỜI HAI: Nhóm ngoại lệ:

Khi có việc chi thật trọng hệ cần yếu thì được phép nhóm ngoại lệ Đại Hội tại Tòa Thánh, một năm một kỳ mà thôi. Thiệp mời nhóm gửi trước 15 ngày, hoặc gửi

điện tín thì 3 ngày trước.

Chương thứ II: Về sự chọn cử Phái Viên

❖ ĐIỀU THỨ MƯỜI BA: Lễ Sanh, Chánh, Phó Trị Sự và Thông Sự đều có quyền đến dự nhóm Hội Nhơn Sanh, nhưng bữa ấy mà cả thầy đều đến Tòa Thánh thì nơi làng nơi quận không còn Chúc sắc, chúc việc, phận sự phải bỏ bê, ư xảy ra điều khó khăn. Vậy định như sau đây rất tiện:

Sau khi nhóm tại tỉnh, đặt bàn cãi quyết định và lập vi bằng các vấn đề trong chương trình của Thượng Chánh Phối Sư gửi đến thì mỗi phẩm chọn cử một Hội viên đặt thay mặt cho tỉnh mình hầu đến Tòa Thánh mà dự Đại Hội.

Còn Phái viên thì cũng một vị như mấy phẩm đã kể trên đây. Việc chọn cử này phải tuân y Đạo Nghị Định thứ 20 của Đức Quyền Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp. Tại tỉnh thành Tây Ninh là tỉnh Thánh địa, cũng tùy một luật ấy.

Nghị viên Hội Nhơn Sanh lãnh trách nhiệm một hạn kỳ là 3 năm. Phái viên đắc cử Nghị viên Hội Nhơn Sanh chụp 3 tấm hình giao Đầu Tỉnh Đạo, gửi cho Nội Chánh (*Lại Viện*) đặt gắn vào giấy chứng và sổ bộ, cùng vô khuôn treo tại nhà Hội.

Cả Lễ Sanh, chúc việc và Phái viên không đắc cử Nghị viên Hội Nhơn Sanh được thông thả đến Tòa Thánh nhập Hội, nhưng được dự thính mà thôi. Nơi Hội có sắp đặt chỗ ngồi cho chư vị được dự thính.

Muốn tỏ ý chi cho Hội thì do nơi chư Nghị viên tỉnh Đạo của mình mà thôi.

Chương thứ III: Hội Ngánh thường xuyên.

❖ **ĐIỀU THỨ MƯỜI BỐN:** Lập một Hội Ngánh thường xuyên, đăng bàn tính các điều thường, ngoại chương trình, không việc trọng hệ cần yếu xảy ra thành linh, nhứt là việc Thượng Chánh Phối Sư hoặc Chức-sắc nào mà Hội Thánh cho quyền thông công cùng chánh phủ. Thượng và Nữ Chánh Phối Sư cũng làm Chánh, Phó Nghị Trưởng, Từ Hàn Chánh Phó nam nữ cũng lãnh y phận sự, Nghị viên thì sắp đặt y như sau đây:

Cũng có mặt một vài Chức-sắc Nội Chánh tùy theo việc bàn tính và một Chức-sắc Hiệp Thiên Đài.

Một năm nhóm 3 kỳ (4 tháng 1 kỳ):

- ▣ **Nhóm kỳ nhứt:** mồng 6 tháng 4
- ▣ **Nhóm kỳ nhì:** ngày 13 tháng 8
- ▣ **Nhóm kỳ ba:** ngày 13 tháng 11

Phải đến trước bữa Hội 1 ngày.

Khi có việc trọng hệ gấp rút thì Nghị Trưởng được quyền gọi điện tín mời nhóm, nhưng mà một năm không quá 2 lần. Điện tín mời nhóm gọi 3 ngày trước bữa nhóm.

Nội trong 10 ngày sau khi nhóm hội thì lập vi bằng và làm y như nhóm Đại Hội.

Chánh, Phó Nghị Trưởng, Từ Hàn nam nữ với một Chức-sắc HTĐ ký tên tờ vi bằng. Lúc Đại Hội Nhơn Sanh thường lệ, trước khi giải tán, thì chư Nghị Viên các tỉnh Nam Kỳ (*nam, nữ riêng nhau*) phải phái mỗi tỉnh một vị đăng thay mặt nơi Hội Ngánh thường xuyên cho tỉnh của mình.

Toàn các nước lân bang cũng đồng quyền y như

phép công cử nơi Việt quốc mà sắp đặt những Phái viên nhập về Đại Hội Nhơn Sanh theo luật lệ sở định này. Nghị viên Nam và Nữ phải đồng một số. Tòa Thánh sẽ lập nhà khách để cho chư Phái viên ngoại bang đến cư ngụ, nhứt là sẽ cấp đất Nội Ô Tòa Thánh đặng chia cho mỗi tỉnh Đạo cất nhà cửa cùng cơ sở vĩnh cửu đặng người thay mặt mình ở thường xuyên gần Tòa Thánh.

❖ ĐIỀU THỨ MƯỜI LĂM: Ban ủy viên xem xét tài chánh.

Hội Ngánh thường xuyên chọn 3 Nghị viên nam và 3 Nghị viên Nữ, đặng mỗi kỳ nhóm lệ thường xuyên, 3 ngày trước bữa nhóm, xem xét sổ sách của Hộ Viện, rồi lập tờ phúc đem ra trình cho Hội.

Mỗi kỳ nhóm lệ thì Nghị Viên lãnh làm kiểm soát phải đến Tòa Thánh trước 3 ngày đặng có thì giờ xem xét sổ sách.

❖ ĐIỀU THỨ MƯỜI SÁU: Nếu ngày sau có điều chi sửa cải, hủy bỏ hoặc cần ích thì truất bỏ hoặc thêm vô luật lệ này.

Lập tại Tòa Thánh, ngày 16 tháng 11 năm Giáp Tuất

(Le 22 Decembre 1934)

HỘ PHÁP

Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài

Hiệp Thiên và Cửu Trùng

PHẠM CÔNG TẮC

(ấn ký)

HỘI THÁNH NỘI LUẬT

Chương thứ nhứt: Đại Hội Hội Thánh

❖ **ĐIỀU THỨ NHỨT:** Chiếu theo Pháp Chánh Truyền và Đạo Nghị Định thứ tư, điều thứ 5 và thứ 6 của Đức Lý Giáo Tông và Phạm Hộ Pháp thì các phẩm vị Chức-sắc kể sau đây đăng vào Hội Thánh:

1. Thái Chánh Phối Sư : Nghị Trưởng
2. Nữ Chánh Phối Sư : Phó Nghị Trưởng
3. Phối Sư, Giáo Sư, Giáo Hữu nam nữ : Nghị viên
4. 1 Nghị viên nam và 1 Nghị viên nữ : Từ Hàn
5. 2 Nghị viên nam và 2 Nghị viên nữ : Phó Từ Hàn
6. Thượng và Ngọc Chánh Phối Sư với Chánh, Phó Quản Lý Cửu Viện thay mặt Nội Chánh đứng minh triết các vấn đề chư Nghị viên không rõ đem ra hạch hỏi, được quyền bàn cãi và bỏ thăm.
7. Thập nhị Thời Quân HTĐ phải có mặt tại ba Hội Nhóm đăng lo bảo thủ Đạo luật không cho Hội phạm đến.

Nếu một vấn đề nào, sau khi bàn cãi rồi mà Cửu Trùng Đài bỏ thăm thuận, còn Hiệp Thiên Đài thì bỏ thăm nghịch hoặc là Cửu Trùng Đài bỏ thăm nghịch mà Hiệp Thiên Đài bỏ thăm thuận thì vấn đề ấy phải bàn tính lại mà bỏ thăm lại. Nếu hai phen bàn cãi mà vẫn cũng còn phản khắc nhau thì Chánh Chủ Hội tuyên bố liền rằng vấn đề ấy sẽ dâng lên Thượng Hội định đoạt.

❖ **ĐIỀU THỨ HAI:** Chức sắc hàm phong được dự thính mà thôi. Có chỗ sắp đặt riêng cho những vị này ngồi.

❖ **ĐIỀU THỨ BA:** Hội Thánh bàn định mấy việc sau đây:

1. Các vấn đề của Hội Nhơn Sanh đã bàn định hoặc của Thượng Hội gửi xuống đặt lập phương ban hành
 2. Lo về sự phổ độ, việc hành Đạo tha phương, tài liệu, tài chánh của Đạo và của nền chánh trị của Đạo
 3. Bàn cãi và công nhận số phỏng định thu xuất năm tới.
 4. Xin sửa cải thêm bớt hay là hủy bỏ những luật lệ không phù hợp với sự tấn hóa về tâm lí Nhơn sanh.
 5. Các việc có ảnh hưởng về nền Đạo.
- ❖ ĐIỀU THỨ TƯ: Mỗi năm hội nhóm thường lệ một kỳ, ngày Rằm tháng 7. Nội trong ngày 12 tháng 7, Nghị viên phải có mặt tại Tòa Thánh và phải ở lại cho đến ngày mãn hội. Khi đến Tòa Thánh thì lại Nội Chánh (*Lại Viện*) ghi giấy thông hành, chùng về cũng trở lại Nội Chánh ghi giấy thông hành. Nếu vô cơ mà đến trễ thì không được dự nhóm.
- ❖ ĐIỀU THỨ NĂM: Nghị Trưởng lập chương trình các việc sẽ đem bàn tính, rồi nội ngày Rằm tháng 6, gửi cho cả Thiên phong mỗi vị một bản.
- ❖ ĐIỀU THỨ SÁU: Nghị viên mỗi năm đến lệ về nhóm, chớ không có thơ mời riêng.
- ❖ ĐIỀU THỨ BẢY: Nghị viên muốn xin canh cải thêm bớt, hủy bỏ điều chi trong luật Đạo hay là điều chi khác nữa, thì phải gửi tờ xin trước ngày mồng 1 tháng 6 đặt Hội Thánh xem xét và Nghị Trưởng ghi vào chương trình.

Như có điều chi muốn hạch hỏi hay là công kích tại giữa Hội, thì trong tờ xin chỉ rõ ràng về khoản chi, trước ngày Rằm tháng 6 đặt Hội Thánh đủ thời giờ

mà minh xác.

Trong mấy ngày hội nhóm, Nghị viên được quyền xin hạch hỏi hoặc công kích Nội Chánh. Nội Chánh có quyền trả lời liền lúc đó, hầu làm cho vui lòng Nghị viên. Thảng như nhằm việc trọng hệ phải quan sát lại, thì Nghị Trưởng được quyền đình lại đến kỳ hội nhóm thường xuyên đem vấn đề ấy ra mà minh triết, hoặc gọi thơ cùng châu tri trả lời các điều hỏi.

❖ ĐIỀU THỨ TÁM: Khi nhóm hội, chư Nghị viên tuân y luật lệ chung các Hội. Buổi nhóm, nếu vô cố mà không đến nhóm hội thì phải bị đệ ra Tam Giáo Tòa.

Tư cách Nghị viên: Cả Nghị viên phải mặc Thiên phục cho trang hoàng giữ vẻ nghiêm trang.

❖ ĐIỀU THỨ CHÍN: Nội trong 20 ngày sau khi nhóm, thì Từ Hàn lập vi bằng (5 bốn) (*Nghị Trưởng Chánh Phó và Từ Hàn nam nữ với một Chức sắc Hiệp Thiên Đài ký tên*) giữ lưu chiếu 1 bốn, đệ lên Thượng Hội 3 bốn, và Hiệp Thiên Đài 1 bốn. Chừng Thượng Hội gọi trả 3 bốn lại, Nghị Trưởng giữ lưu chiếu 1 bốn, và giao cho Ngọc Chánh Phối Sư và Nữ Chánh Phối Sư mỗi vị 1 bốn đăng ban hành.

❖ ĐIỀU THỨ MƯỜI: Nhóm ngoại lệ:

Khi có việc chi thật trọng hệ cần yếu thì được phép nhóm ngoại lệ, một năm một kỳ mà thôi. Thiệp mời nhóm gửi trước 15 ngày hoặc gửi điện tín thì 3 ngày trước.

❖ ĐIỀU THỨ MƯỜI MỘT: Trước bữa Đại Hội mà nam nữ phải nhóm chung nhau, Thái Chánh Phối Sư hoặc Nữ Chánh Phối Sư có điều chi phải hỏi ý kiến riêng Chức-

sắc phái của mình thì được quyền mời nhóm riêng. (*Nam theo nam, nữ theo nữ*).

Kỳ nhóm này, Từ Hàn phái nào theo phái nấy, lập vi bằng 2 bốn, Nghị Trưởng và Từ Hàn ký tên để lưu chiếu 1 bốn, còn 1 bốn thì như Chánh Phối Sư nam gửi cho Chánh Phối Sư nữ, còn Chánh Phối Sư nữ thì gửi cho Chánh Phối sư nam, hầu hiểu rõ những điều mà mỗi phái đã bàn tính.

Chương thứ hai: Hội Ngánh thường xuyên

❖ **ĐIỀU THỨ MƯỜI HAI:** Lập một Hội Ngánh thường xuyên để bàn tính các việc thường, ngoại chương trình hoặc điều trọng hệ cần yếu xảy ra thỉnh linh, như là việc Thượng Chánh Phối Sư hay là Chức-sắc nào của Hội Thánh được quyền giao thông với chánh phủ. Mỗi năm nhóm 3 kỳ. (*4 tháng 1 kỳ*)

- **Kỳ nhứt:** ngày 13 tháng 2
- **Kỳ nhì:** ngày 13 tháng 6
- **Kỳ ba:** ngày 13 tháng 10

Nội ngày 12 phải có mặt tại Tòa Thánh. Nội trong 10 ngày sau khi nhóm thì lập vi bằng và làm y như nhóm Đại Hội. (*Vi bằng cũng có 5 vị kể phẩm tước trong điều thứ 9 ký tên vào*).

Khi có việc trọng hệ cần kíp thì Nghị Trưởng được quyền gọi điện tín mời nhóm, nhưng mà một năm không quá hai kỳ. Điện tín mời gọi 3 ngày trước bữa nhóm. Nghị viên, nếu vô cố không đi nhóm thì bị đê ra Tam Giáo Tòa.

Hội viên của Ban thường xuyên phải lập như sau này:

- Thái Chánh Phối Sư cũng làm Nghị Trưởng
- Nữ Chánh Phối Sư làm Phó Nghị Trưởng
- Từ Hàn nam nữ lãnh y phận sự

Số Nghị viên định như sau đây:

- a. Thượng và Ngọc CPS và chư Quản Lý Nội Chánh, như Quản Lý Viện nào vắng mặt thì Phó Quản Lý thay thế.
- b. Chín Nghị viên chọn trong Thiên phong các tỉnh chia ra 9 quận như sau đây :
 1. Sài Gòn, Chợ Lớn, Tân An
 2. Gia Định, Tây Ninh
 3. Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một
 4. Mỹ Tho, Gò Công
 5. Bến Tre, Trà Vinh
 6. Sa Đéc, Vĩnh Long
 7. Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên
 8. Cần Thơ, Rạch Giá
 9. Bạc Liêu, Sóc Trăng

(Mỗi Quận cũng cử thêm 1 Nghị viên)

Mỗi nước lân bang như Cao Miên, Ai Lao, được cử từ 1 đến 3 Nghị viên tùy ý (*cũng cử 1 hoặc 3 chánh và 1 hoặc 3 phụ*).

Nghị viên quận ở Nam Kỳ lãnh trách nhiệm 1 năm mà thôi. Còn Nghị viên các nước lân bang được lãnh 1 năm hoặc 3 năm tùy ý. Nghị viên nam và nữ phải đồng một số. Tòa Thánh sẽ lập khách đình để cho chư vị ấy đến cư ngụ.

❖ ĐIỀU THỨ MƯỜI BA: Ban ủy viên xem xét tài chánh. Hội ngành thường xuyên chọn 2 Nghị viên nam và

2 Nghị viên nữ ở các tỉnh Nam Kỳ hoặc các nước lân bang đăng mỗi kỳ 4 tháng, 3 ngày trước khi nhóm hội thường xuyên, xem xét sổ sách bút toán của Hộ Viện một lần rồi lập tờ phúc đem ra trình khi nhóm hội.

Mỗi kỳ nhóm Hội gánh thì Nghị viên lãnh làm kiểm soát, phải đến Tòa Thánh trước 3 ngày đăng có thì giờ xem xét sổ sách.

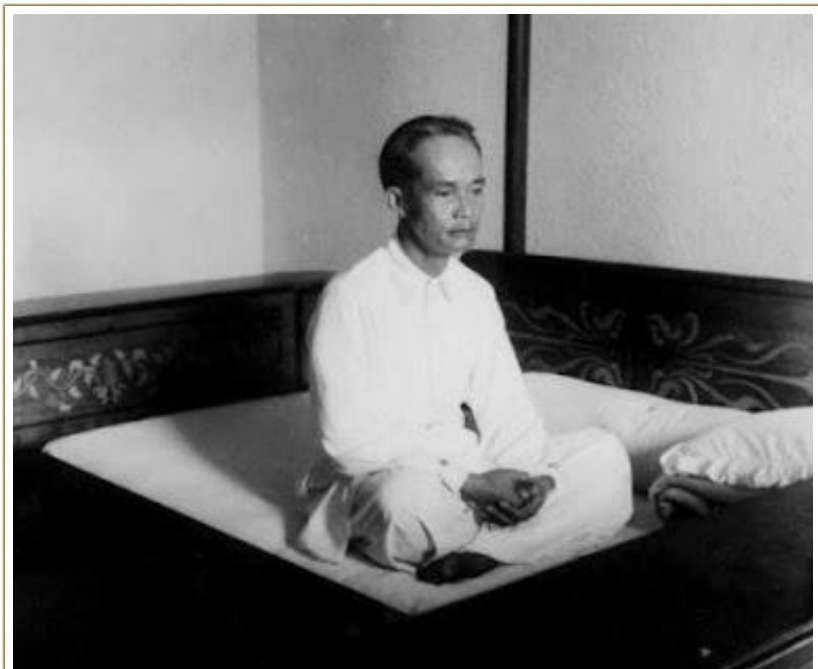
❖ ĐIỀU THỨ MƯỜI BỐN: Nếu ngày sau còn điều chi sửa cải, hủy bỏ hoặc cần ích cho Hội Thánh thì truất bỏ hoặc thêm vô luật lệ này.

Lập tại Tòa Thánh, ngày 16 tháng 11 năm Giáp Tuất
(*Le 22 Decembre 1934*)

HỘ PHÁP

Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng
PHẠM CÔNG TẮC

(ấn ký)





PHẦN THỨ BẢY: ĐỨC HỘ PHÁP CHUYỂN PHẠM MÔN THÀNH PHƯỚC THIỆN

CHƯƠNG I: CHỨC SẮC HIỆP THIÊN ĐÀI CẤP DƯỚI

1. ÔNG NGUYỄN NGỌC TƯƠNG LÊN CHỨC GIÁO TÔNG CỦA BAN CHÍNH ĐẠO (NGÀY 8-1 ẤT HỢI 1935)

Chi phái Bến Tre lập đại hội Vạn Linh kéo dài 4 ngày, từ ngày 8-1 Ất Hợi đến ngày 11-1 Ất Hợi (*dl từ 11 đến 14-2-1935*) dưới quyền chủ tọa của ông Lê Bá Trang (Thượng Chương Pháp Bến Tre để biểu quyết các vấn đề sau đây:

1. Chọn cử người cầm giềng mối Đạo, thay thế Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung đã quy vị.
2. Định thái độ đối với bức thư của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đòi các giấy tờ đất đai nơi Thánh địa do ông Nguyễn Ngọc Tương đứng tên trong bộ trước đây.
3. Việc trở về làm việc nơi Tòa Thánh Tây Ninh.

Về việc chọn cử người cầm giềng mối Đạo thay thế Đức Quyền Giáo Tông. Sau 3 ngày bỏ phiếu bầu cử chức Giáo Tông, khai thùng phiếu, kết quả đếm được:

- Ông Lê Bá Trang được 27 phiếu
- Ông Nguyễn Ngọc Tương được 5326 phiếu
- Về Tòa Thánh Tây Ninh hành Đạo được 5225 phiếu.

(Theo tài liệu của Ban Chính Đạo Bến Tre)

Như vậy ông Nguyễn Ngọc Tương đắc cử Giáo Tông Bến Tre và ông nhận sự đắc cử này trong ngày 11-2 Ất Hợi.

Đại hội Vạn linh tại Thánh thất An Hội Bến Tre

đều bỏ phiếu tán thành việc trở về Tòa Thánh Tây Ninh hành Đạo, nên cử ra một phái đoàn đại diện rất đông đảo do ông Lê Bá Trang dẫn đầu đi lên Tây Ninh vào ngày 20-1 Ất Hợi để điều đình với Đức Hộ Pháp cho họ được làm lễ tấn phong ông Nguyễn Ngọc Tương lên chức Giáo Tông tại TTTN, sau đó tổ chức cử viện và làm việc luôn tại Tòa Thánh.

Tin này được lan truyền nhanh chóng đến TTTN. Hội Thánh Tây Ninh liền triệu tập cuộc họp khẩn cấp để đưa ra các biện pháp đối phó cần thiết trong trường hợp chi phái Bến Tre gây bạo động chiếm đoạt Tòa Thánh giống như ngày 20 tháng Giêng năm trước. Ba vị Chánh Phối Sư nam và vị nữ CPS liền khẩn cấp ra Châu Tri cho toàn Đạo biết, kêu gọi các Đạo hữu gấp rút về Tòa Thánh cho kịp xem tận mắt cuộc khuấy động này.

Phái đoàn do ông Lê Bá Trang hướng dẫn lên TTTN rất đông đảo, gồm khoảng 800 người vào ngày 16-1 Ất Hợi (*dl 19-1-1935*) trước ngày ấn định khi hội ở Bến Tre 4 ngày, để gây bất ngờ cho TTTN không chuẩn bị đề phòng kịp.

Nếu có lòng chơn thật hòa hợp hòa bình thì ông Trang chỉ cần lập phái đoàn gồm năm bảy người là đủ, cần gì phải 800 người để gây áp lực. Đến nơi, ông Trang nhìn thấy Tòa Thánh được giữ gìn nghiêm ngặt với một lực lượng bảo vệ trật tự hùng mạnh nơi các cửa ra vào Nội Ô. Phái đoàn của ông Trang mất hết khí thế tỏ ra e dè, ông Trang viết 2 cái thơ: 1 gởi Đức Hộ Pháp và 1 gởi ban phụ chánh, cho biết ông và nhóm sanh muốn vào Tòa Thánh để điều đình việc hòa hiệp chung cùng lo việc Đạo như xưa (*không dám nói việc làm lễ đăng*

điện tại TTTN cho ông Tương lên ngôi Giáo Tông).

2. THẦY PHONG DƯƠNG VĂN GIÁO CHỨC BẢO CÔ QUÂN (NGÀY 10-1 ẤT HỢI 1935)

HUYỀN KHUNG CAO THƯỢNG ĐỂ viết CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

Thầy chào các con,

Thầy đã hết lòng cầu khẩn Lý Thái Bạch cho các con, song chánh trị Đạo là quyền đặc biệt của Thầy đã ban cho nó, lại gặp buổi khó khăn, chinh nghiêng rồi rầm nên nó phải giữ nghiêm luật pháp khó nổi tuân vì.

Thầy đã sai Trung đến yết kiến nó đặt cầu rỗi cho toàn Hội Thánh, nhưng đặt hứa có một điều là thâu nạp cả số cầu phong, nhưng dặn buộc những kẻ ấy phải trọn hiến thân cho Đạo. Hộ Pháp dẫn đến trước mặt nó từ người đặt cho nó định phân phẩm tước.

Tắc! Con nghe Thầy dặn: Con ngày nay đã cầm sanh mạng của Đạo nơi tay, con lại đủ quyền năng Đạo đúc với nghị lực tinh Thần, con phải có dạ yêu thương những người vô duyên bạc phước. Con cầm một cây phước chiêu hồn đi đầu Thánh thể của Thầy thì con phải nhớ đường trường sơn hải, nguy hiểm khó khăn của bước Thiên Liêng là đường nào, rồi chậm chậm dừng chơn đợi đoàn con đại của Thầy với nghe. Con ráng lấy chút dạ từ bi chờ che đũa bịnh, ấy là con làm ơn riêng cho Thầy đó.

Giáo! Con đặt phong vào chánh vị Bảo Cô Quân. Thầy cậy con một điều là để hết dạ yêu thương, binh kẻ hèn, giúp người khổ. Con nắm lưới gươm huệ kiếm đặt dẹp lối chông gai cho Đạo êm đềm bước tục. Ấy là trách nhiệm khó khăn nhưng cũng là phương làm.

con nên vinh diệu.

Tắc! Con phải tuyên bố linh Thầy cho nhơn sanh đều biết nghe. Con đã cầu xin, lần lượt Thầy sẽ ban chúc phẩm.....

3. ĐỨC HỘ PHÁP CHUYỂN PHẠM MÔN THÀNH CƠ QUAN PHƯỚC THIỆN

Sau khi cầu phong cho các vị công quả Phạm Môn vào hàng Lễ Sanh Giáo Thiện (*chỉ có ông Trịnh Phong Cương được phẩm Giáo Hữu*), Đức Hộ Pháp định bổ mỗi vị lãnh trách nhiệm làm Đầu Hộ Phước Thiện một tỉnh.

Như vậy, Đức Hộ Pháp chính thức khai mở Cơ Quan Phước Thiện kể từ ngày 15-2 Ất Hợi. Phạm Môn đã bị chánh quyền Pháp đóng cửa nên biến thành Cơ Quan Phước Thiện khắp cả các địa phương.

Đức Hộ Pháp chọn 20 vị Lễ Sanh Giáo Thiện để bổ đi làm Đầu Hộ Phước Thiện 20 tỉnh trong Nam Kỳ, rồi dạy bắt thăm hễ ai trúng đầu thì đi đó.

Đức Hộ Pháp lại ban cho những vị được cầu phong kỳ này (15-2 Ất Hợi, dl 19-3-1935) mỗi vị một Đạo hiệu.

Đức Hộ Pháp có thuyết Đạo về Phạm Môn ngày 30-8 Quý Tỵ (dl 7-10-1953) như sau:

Phạm Môn là gì? Do nơi đâu mà nảy sanh ra Phạm Môn?

Phạm Môn là nhà Phật, Phạm là Phật, Môn là cửa, tức cửa Phật.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển I trang 119 về khoảng thi văn có một bài thi tứ tuyệt, chính mình Đức Chí Tôn giảng cho thi như vậy:

*Tĩnh ngộ xá thân tại Phạm Môn
Khuyến tu hậu nhứt độ sanh hồn
Vô lao bất phục hồi chơn mạng
Tĩnh thế kỳ thân đắc chánh tôn*

- *Tĩnh ngộ xá thân tại Phạm Môn*, nghĩa là gì? Nghĩa là Chí Tôn kêu cả con cái Đức Chí Tôn thúc giục cho mau hiến thân vào cửa Phạm.
- *Khuyến tu hậu nhứt độ sanh hồn* nghĩa là khuyên chúng sanh ráng tu hành, tùng khuôn viên kỷ luật nhà Phật thì ngày sau linh hồn đăng siêu thăng thoát hóa vào cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.
- *Vô lao bất phục hồi chơn mạng* nghĩa là Đức Chí Tôn dạy con cái của Ngài, không có công lao khổ hạnh trong cửa Đạo thì không thể nào trở về ngôi xưa vị cũ cho đăng.
- *Tĩnh thế kỳ thân đắc chánh tôn* nghĩa là nhằm lúc thế kỷ 20 này, thời kỳ Đức Chí Tôn rộng mở cửa Phật độ toàn con cái của Ngài, chỉ khuyên chúng ta ráng tu tĩnh ngộ, hủy cả hành vi thế sự đem thân vào cửa Đạo chịu nẫu sòng khổ hạnh cho đăng thì tự nhiên đắc Đạo tại thế đó vậy.

Thưa chư Chức-sắc Thiên phong nam nữ,

Bài thi này do chính Đức Chí Tôn giảng dạy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển hai mươi mấy năm trước, song ít ai để ý tìm hiểu nghĩa lý sâu xa có ẩn nhiều huyền vi mầu nhiệm của Đạo. Do bởi tấm màn bí mật nên khó nổi truy tầm, song cũng có lắm người vén được màn bí mật ấy, nên ngày nay như sanh mới hưởng được giọt nước cam lồ của Đức Từ Bi chan rưới cho toàn nhưn loại.

Đời quá bạo tàn cho nên Đức Chí Tôn giáng trần mở Đạo cho con cái của Ngài biết các ngôi Thần Thánh Tiên Phật đều tình nguyện hạ thế cứu đời, xuống bao nhiêu lại càng mất bấy nhiêu.

Trong thời ấy, Bản Đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn xuống thế mở Đạo thì Đức Chí Tôn mới hỏi rằng:

– Con phục linh xuống thế mở Đạo, con mở Bí Pháp trước hay Thế Pháp trước?

Bản Đạo mới trả lời: – Xin mở Bí Pháp trước.

Chí Tôn nói:

– Nếu con mở Bí Pháp trước thì phải khổ đa, đang lúc đời cạnh tranh tàn bạo, nếu mở Bí Pháp trước cả sự bí mật huyền vi của Đạo, đời thấy rõ xúm nhau tranh giành phá hoại thì mỗi Đạo phải ra thế nào? Vì thế nên mở Thế Pháp trước, dầu cho đời quá dữ có tranh giành phá hoại cả cơ thể hữu vi hư hủy đi nữa thì cũng vô hại, xin miễn là mặt Bí Pháp còn thì Đạo còn.

- Bí Pháp là Hiệp Thiên Đài giữ.
- Thế Pháp là Cửu Trùng Đài cầm quyền đặng giáo hóa.

Đang khi cơ quan Cửu Trùng Đài mở mang bành trướng về mặt phổ thông chơn giáo thì bên Hiệp Thiên Đài, Bản Đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn mở Phạm Môn. Dùng tấm màn bí mật bao phủ khuất lấp cả hành vi, không kẻ phàm nào hiểu đặng.

Mười mấy năm khổ hạnh nâu sòng trong cửa Phạm ẩn dật, tạo nên cả cơ thể hữu tướng dường ấy. **Hại thay!** Chúa qui biết rõ cơ mầu nhiệm nên mới tương liên cùng chánh phủ Pháp tìm hiểu yếu lý huyền vi của Phạm Môn, liền ra lệnh đóng cửa thì lại nảy sanh

ra trăm ngàn sở Phước Thiện.

Từ ngày Phước Thiện ra đời cho đến nay thì toàn cả hơn sanh nam nữ vào cửa Phước Thiện này mà đoạt vị rất nhiều, đã hiển nhiên đi theo bài thi của Đại Từ Phụ mà Bản Đạo vừa đọc trên đây.

Thư chú Chức-sắc Thiên phong nam nữ.

Cơ Đạo của Chí Tôn giáng lập kỳ ba là cốt yếu vớt cứu nhị úc Nguyên-Nhân phần nhiều còn hỗn loạn trong hàng tín đồ, đặng vạch lối tìm đường mở ngõ hầu trở về ngôi Phạm.

Trường xuất Thánh của Đạo, Đại Từ Phụ đã mở rộng mà hại thay những người giữ cửa rất hẹp hòi lại quá ư nghiêm khắc, Phước Thiện Phạm Môn ra đời kêu réo mỗi hơi, song hàng Nguyên-Nhân phần nhiều bị đóng cửa chẳng vào thì ngày nào độ tận chúng sanh mới trọn chữ phổ độ.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Chí Tôn nói rằng: *“Nếu con người ở dưới thế này muốn làm giàu thì phải làm ra nhiều của, còn Thần Thánh Tiên Phật muốn đắc Đạo thì phải có công quả. Thầy đến thế này, Thầy lập một trường công đức. Vậy các con muốn đoạt thủ địa vị mình thì phải đến trường Thầy mà thi thố, chớ không đi nơi nào khác mà đắc Đạo bao giờ”*.

4. ĐỨC NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN LẬP CÁC PHẨM CHỨC-SẮC CẤP DƯỚI HIỆP THIÊN ĐÀI

(ngày 16–2 Ất Hợi 1935)

CHƯƠNG ĐẠO NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN hay VICTOR HUGO

Cười... Khi nầy có Thượng Phẩm và Quyền Giáo Tông nơi đây, song hai vị mới hô tiếng nữ phái.

Cười... Quý hóa dữ ha!

Thưa Hộ Pháp, Bản Đạo để lời chia vui cùng Ngài. Khi hôm qua, nhờ có Thánh chỉ Chí Tôn nên mới đăng rộng đường xuất Thánh.

Bản Đạo có để lời trân trọng cầu thưởng cho học tu nên mới đăng cao phong phẩm giá. Cười...

Phẩm trật rắc rối khó nói rõ, nhưng chia ba:

Pháp, Đạo, Thế thì theo sự hiểu biết của Bản Đạo như vậy:

- **Sĩ Tải** là Secrétaire Archiviste
- Lên phẩm **Truyền Trạng** là Greffier
- Rồi lên phẩm **Thừa Sứ** là Commissaire de la justice
- Phẩm **Giám Đạo** là Inspecteur
- Lên phẩm **Cải Trạng** là Avocat
- Lên phẩm **Chưởng Ấn** là Chancelier
- Lên phẩm ấy rồi tùy phái lên đại vị Hiệp Thiên Đài nhưng phải biết rằng: Chưởng Ấn phải lên địa vị **Tiếp Dẫn Đạo Nhơn** mà đắc công phổ thông đăng một nước nào rồi mới vào chánh vị.

Lợi và mấy vị kia là Sĩ Tải của HTĐ mà thôi.

* Thăng.

CHƯƠNG II: CÁC ĐĂNG CHO KINH TẬN ĐỘ

1. TOÀN QUYỀN PHÁP CHO ĐẠO CAO ĐÀI ĐƯỢC TỰ DO TÍN NGƯỠNG (NGÀY 12-4 ẤT HỢI 1935)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ thập niên)

Tòa Thánh Tây Ninh

Văn phòng

Phạm Hộ Pháp

Số: 3

SẮC LỆNH

Cho Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài.

Bần Đạo xin cho chư Chưc-sắc Thiên phong và Đạo hữu lương phái rõ, vì quan toàn quyền có lòng nhen cho ĐĐTKPĐ được sự tự do tín ngưỡng và cúng kiếng thông thả như các Đạo đã có nơi miền Đông Pháp nên Hội Thánh cần phải tái mở rộng cửa các Thánh thất, hằng ngày cho nhen sanh đến sùng bái Đức Chí Tôn, kể từ ngày 22-5-1935 (20-4 Ất Hợi) là ngày vía kỷ niệm Đức Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn hay là Victor Hugo.

Chư Đầu tỉnh Đạo phải chăm nom việc cúng kiếng tứ thời và ngày vía, cúng sóc vọng theo kiểu mẫu đã thi hành nơi Tòa Thánh từ thử.

Hội Thánh phải ban tờ kết chứng và giấy căn cước của Đạo cho chư Đầu tỉnh Đạo đăng mỗi khi hành Đạo nơi nào đều trình cho viên quan quý chức ngoài đời, hầu ngăn ngừa những điều giả dối đã xảy ra lâu nay.

Xin Ngọc Chánh Phối Sư phải tức cấp ấn tống sắc

lệnh này đăng truyền bá cùng các nơi.

Tòa Thánh, ngày 12-4 Ất Hợi (14-5-1935)

HỘ PHÁP

Chương quản nhị hữu hình đài

Hiệp Thiên và Cửu Trùng

Ký tên

Phạm Công Tắc

2. Thành lập họ Đạo và Thánh thất Hà Nội (ngày 20-5 Ất Hợi 1935)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ thập niên)

Tòa Thánh Tây Ninh

Địa phận Bắc Kỳ

Thánh thất Hà Nội

Văn phòng Tiếp Thế

CHÂU TRI

Cho Chúc-sắc Thiên phong nam nữ.

Cho Chúc việc và Đạo hữu lương phái.

Châu tri số 1:

Kính cùng chư hiền huynh và chư hiền tử,

Mỗi Đạo nơi Bắc thành đã trải qua một cơn khảo đảo rất dữ dội nhưng cũng vì đó mới thấy được tâm thành trí vẹn của chư hiền huynh chư hiền tử và cuộc hiệp nhứt ngày 14 tháng 5 rồi đây đăng hành đại lễ tại Thánh thất Hà Nội là một bước rất vẻ vang cho Đạo lâm vậy.

Bần tăng xin để lời khen ngợi tất cả chư Chúc-sắc, chúc việc và chư Đạo hữu lương phái: cái công

trình vĩ đại của nhiều vị, Hội Thánh vẫn chẳng quên, mà sự lạc lảm của một vài người Hội Thánh cũng vui lòng hỷ xả.

Hiện nay Đạo đã đến thời kỳ phải ra thiết tướng thì tất nhiên toàn Đạo phải chung chịu dưới một mặt luật mà thôi, thế nên Bản tăng xin khuyên toàn Đạo từ đây phải tuân y theo luật lệnh dưới đây mà hành chánh tùy theo phẩm trật và chức trách của mỗi vị. Bản tăng buộc lòng cho hay trước rằng, thoảng còn ai vi lệnh tự quyền lập điều phạm pháp thì Hội Thánh sẽ tức cấp chiếu y luật Đạo mà trục ra khỏi Thánh thể Chí Tôn cho khỏi rối loạn chơn truyền chớ không dung dưỡng nữa.

LUẬT LỆNH

Về việc lập họ Đạo Hà Nội.

- ❖ ĐIỀU THỨ NHỨT: Xứ Bắc Kỳ (*Hà Nội và Hải Phòng*) đối với Đạo là một địa phận Đạo dưới quyền chưởng quản của một vị Đầu địa phận Đạo.
- ❖ ĐIỀU THỨ NHÌ: Kể từ ngày 14-5 Ất Hợi (14-6-1935), châu thành Hà Nội đối với Hội Thánh là một họ Đạo ở dưới quyền chưởng quản của một vị đầu họ Đạo và một vị phó đầu họ Đạo.
- ❖ ĐIỀU THỨ BA: Họ Đạo Hà Nội chia ra 3 quận Đạo ở dưới quyền chưởng quản của 3 vị đầu quận Đạo. Chư vị đầu quận Đạo phải do theo họa đồ của Bản tăng đã vẽ và có treo tại Thánh thất Hà Nội mà trông nom quận mình.
- ❖ ĐIỀU THỨ TƯ: Quận Đạo chia ra Hộ Đạo, Hộ Đạo chia ra Ấp Đạo. Chánh trị sự làm đầu một Hộ Đạo, Phó trị

sự và Thông sự làm đầu một Ấp Đạo.

❖ ĐIỀU THỨ NĂM: Mỗi vị Đầu quận Đạo sẽ tùy theo số Đạo hữu trong quận mình mà chia ra Hộ Đạo và Ấp Đạo, công cử Chánh, Phó trị sự và Thông sự.

❖ ĐIỀU THỨ SÁU: Mỗi khi công cử chức việc Đầu hộ Đạo phải nhóm Đạo hữu tại Thánh thất phải lập vi bằng rồi lập tờ phúc nạp cả vi bằng cho Đầu quận Đạo phê chuẩn.

Chức việc được đắc cử phải có Đầu hộ Đạo công nhận và ngày nào được chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo ban Đạo cấp rồi mới vào chánh ngạch

❖ ĐIỀU THỨ BẢY: Mỗi tháng Đầu quận Đạo phải lập Nguyệt để (*y theo kiểu mẫu HT ban hành*) đệ lên cho Đầu hộ Đạo biết rõ tình hình và cả cơ hành động của Đạo trong quận mình. Đầu hộ Đạo cũng phải lập Nguyệt để gửi cho đầu địa phận. Đầu địa phận gửi Nguyệt để đến chủ trưởng HTNG.

❖ ĐIỀU THỨ TÁM: Đầu địa phận phải tòng vị chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo (HTNG)

Đầu hộ Đạo phải tòng lệnh Đầu địa phận.

Đầu quận Đạo (ĐQĐ) phải tòng lệnh Đầu Hộ Đạo Chánh, Phó trị sự và Thông sự phải tòng lệnh ĐQĐ

Không ai được vượt bậc giao thiệp ngay với Chức-sắc trên mình, hay là điều chi mà không cho người mình tòng quyền hay trước.

THÁNH THẤT HÀ NỘI

❖ ĐIỀU THỨ CHÍN: Từ đây, hộ Đạo Hà Nội duy có một tòa nhà chung để sùng bái Đức Chí Tôn là Thánh thất Hà Nội, hiện nay đặt tạm nơi đường Lê Lợi số 61.

Thánh thất là nơi trụ cả khối đức tin của nhơn sanh, là nhơn chống vững ngọn cờ Đại Đạo. Vậy chúng ta phải để hết lòng nhiệt thành về việc tô điểm và tu bổ làm sao cho Thánh thất càng ngày càng được hưng sùng cường thịnh. Thế tình thường hay trông nơi ngọn cờ ấy mà định phân thế lực và mối tương thân tương ái của Đạo, xin chư hiền huynh và chư hiền tử khá nhớ.

❖ **ĐIỀU THỨ MƯỜI:** Ngoài ra ngày sóc vọng mỗi tuần đều có đại đàn tại Thánh thất bữa thứ bảy, đúng 8 giờ rưỡi tối.

❖ **ĐIỀU THỨ MƯỜI MỘT:** Duy có tại Thánh thất mới được cho phép nhập môn, được làm phép giải oan, phép tắm Thánh vv... Đầu quận Đạo chỉ được nhóm Đạo hữu cùng là chức việc tại Thánh thất mà thôi, trừ ra khi nào có làm lễ thượng tượng cho Đạo hữu hay có quan hôn tang tế thì mới được tựu nhóm tại nhà riêng.

❖ **ĐIỀU THỨ MƯỜI HAI:** Đầu họ Đạo phải do theo nội luật Thánh thất mà sắp đặt việc hành chánh tại Thánh thất và do theo quyển Nghi tiết Đại đàn và Tiểu đàn mà hành lễ.

❖ **ĐIỀU THỨ MƯỜI BA:** Mỗi khi hành lễ, phải có trật tự, phải êm thắm, không được vô lễ trước bửu điện.

VỀ VIỆC BAN HÀNH LUẬT ĐẠO

❖ **ĐIỀU THỨ MƯỜI BỐN:** Bản tăng hạn kỳ cho 1 tháng. Chức sắc và chức việc phải có đủ Đạo phục, phải biết trách nhiệm mình tức là phải thông thuộc luật Đạo.

Chư Đạo hữu phải thuộc tất cả kinh điển của Đạo.

VỀ TÌNH ĐỒNG ĐẠO

❖ **ĐIỀU THỨ MƯỜI LĂM:** Toàn Đạo phải biết thương yêu và kính trọng nhau như con một cha, anh em một nhà,

cần lấy lòng thành thật đối đãi nhau, gặp lúc tai nạn hết lòng giúp đỡ, như là khi tang chế, phải sốt sắng, phải chịu khó đến viếng thăm an ủi, lo việc người đồng Đạo như việc nhà mình.

* * *

Bước đường Đạo nơi đây còn dài, chư hiền huynh và chư hiền tử còn phải gặp nhiều khó khăn, vậy Bản tăng xin rắng cầm vững Đạo tâm, chung chịu khổ hạnh với Đức Chí Tôn được đủ tinh Thần xem những ma lực của tà quyền như luồng gió thoảng qua, rồi cứ bắt tay nhau anh trước em sau mà đến nơi Bồng Đảo. Chúng ta phải rắng làm thế nào cho tâm Thánh chủ trương phần vật dục mãi mãi thì mới mong chuyển được cảnh đời loạn ly tà mị ra thế giới chơn chánh hòa bình.

Làm tại Thánh thất Hà Nội, ngày
20-5 Ất Hợi (20-6-1935)

Tiếp Thế, Quyền Đầu Sư
Lê Thế Vĩnh

Vâng lệnh thi hành:

Giáo Hữu Thái Abadie Thanh
Giáo Hữu Thượng Ngoại Thanh
Giáo Hữu Ngọc Biên Thanh
Lễ Sanh Thượng Nghĩa Thanh
Lễ Sanh Thượng Điểm Thanh
Lễ Sanh Ngọc Hòa Thanh

3. CHIA NAM KỲ THÀNH 5 TỈNH ĐẠO (NGÀY 15-7 ẤT HỢI 1935)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ thập niên)

Tòa Thánh Tây Ninh

Vp Nội Chánh

Số: 46

NGHỊ ĐỊNH

Chiếu y PCT ban quyền hành cho Chánh Phối Sư

Chiếu y Đạo nghị định thứ 4 phân định quyền hành Thái, Thượng và Ngọc Chánh Phối Sư

Chiếu y Đạo nghị định thứ 9, 12, 18, 21 và 24 giao quyền hành chánh Chánh Phối Sư CTĐ cho 3 vị: Khai Đạo, Khai Thế và Khai Pháp HTĐ

Chiếu y Đạo nghị định thứ 3 phân định quyền hành và địa phận đặc biệt cho Chức-sắc Thiên phong từ phẩm Phối Sư trở xuống.

Chiếu y Đạo nghị định thứ 5 buộc cả Chức-sắc Thiên phong phước Đồi hành Đạo

Nghĩ vì hiện thời nền Đạo có đủ Chức-sắc Thiên phong từ Giáo Sư trở xuống tới Lễ-Sanh đặng cai quản các Tỉnh Đạo, Họ Đạo và Quận Đạo nên Hội Thánh định sáp nhập các địa phận Đạo lại và lựa chọn trong hàng Chức-sắc ấy các vị xứng đáng đặng bổ dụng.

Nghĩ gì việc cai quản trong địa phận các tỉnh Đạo, các họ Đạo và các quận Đạo phải sắp đặt lại cho Chức-sắc có đủ quyền thay mặt Hội Thánh nên:

NGHỊ ĐỊNH

❖ ĐIỀU THỨ NHỨT: Sáp nhập lại các địa phận Đạo tại Nam Kỳ và phân định làm 5 Tỉnh Đạo kể ra sau nầy và giao cho 5 vị Giáo Sư lãnh cai quản về trách nhiệm Đầu tỉnh Đạo.

1. **Tỉnh Đạo Biên Hòa:** những hạt: Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Bà Rịa, Cáp Saint Jacques đều thuộc về tỉnh Đạo Biên Hòa.
Ông Giáo Sư Thượng Thành Thanh (*Nguyễn Văn Thành*) lãnh làm Đẩu tỉnh Đạo Biên Hòa.
2. **Tỉnh Đạo Gia Định:** những hạt: Gia Định, Chợ Lớn, Tân An đều thuộc về tỉnh Đạo Gia Định.
Ông Giáo Sư Thượng Sáng Thanh (*Trần Ngọc Sáng*) lãnh làm Đẩu tỉnh Đạo Gia Định.
3. **Tỉnh Đạo Định Tường:** những hạt: Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre đều thuộc tỉnh Đạo Định Tường.
Ông Giáo Sư Thượng Minh Thanh (*Nguyễn Văn Minh*) lãnh làm đẩu tỉnh Đạo Định Tường.
4. **Tỉnh Đạo Long Hồ:** những hạt: Vĩnh Long, Sa đéc, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng đều thuộc tỉnh Đạo Long Hồ.
Ông Giáo Sư Thượng Trí Thanh (*Nguyễn Văn Trí*) lãnh làm đẩu tỉnh Đạo Long Hồ.
5. **Tỉnh Đạo An Giang:** những hạt: Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá, Bạc Liêu đều thuộc tỉnh Đạo An Giang.
Ông Giáo Sư Thượng Đức Thanh (*Nguyễn Hữu Đức*) lãnh làm đẩu tỉnh Đạo An Giang.

❖ **ĐIỀU THỨ HAI:** Kỳ cho hạn lệ 2 tháng kể từ ngày ban hành Nghị Định này, nghĩa là tới ngày 15-9 Ất Hợi, mấy vị Giáo Sư kể danh trên đây phải đến ngụ và lập văn phòng tại Thánh thất sở tại địa phận mình được bổ dụng mà hành chánh.

Về các việc giao lãnh các công văn và các việc sắp đặt nơi mỗi hạt đều phải có vi bằng giao lãnh phân minh

đặng đê về Tòa Thánh.

❖ **ĐIỀU THỨ BA:** Chiếu theo Đạo nghị định thứ 5 của Đức Lý Giáo Tông, vị Giáo Sư nào không tuân y điều thứ 2 trên đây thì không kể vào Hội Thánh và mất quyền tham dự việc chánh trị của Đạo.

❖ **ĐIỀU THỨ TƯ:** Nghị định này hủy bỏ các nghị định trước về việc tuyên bố Chức-sắc Thiên phong Đầu tỉnh Đạo Nam phái.

❖ **ĐIỀU THỨ NĂM:** Quản lý Lại Viện lãnh ban hành nghị định này kể từ ngày 15-7 Ất Hợi.

Lập tại Tòa Thánh, ngày 15-7 Ất Hợi (*dl 13-8-1935*)

Đồng ý kiến

Thái CPS

Thượng CPS

Ngọc CPS

Khai Đạo HTĐ

Khai Thế HTĐ

Khai Pháp HTĐ

Phạm Tấn Đãi

Thái Văn Thâu

Trần Duy Nghĩa

Phê chuẩn:

Thái Đầu Sư

Thái Thơ Thanh

4. CÁC ĐẢNG CHO KINH TẬN ĐỘ (NGÀY 1-8 ẤT HỢI 1935)

THƯỢNG TRUNG NHỰT

Chào mấy em,

Mấy em sao không ở Tòa Thánh cầu Kinh, lại về ngoài này?

Hộ Pháp bạch: -.....

- Chưa. Còn Kinh Phổ Hiền, Kinh Từ Hàng và Kinh Nhiên Đăng.

Hộ Pháp bạch: -.....

– **Mấy vị Phật không giảng nơi nào khác hơn Tòa Thánh.** Trễ rồi, thôi thì nghỉ đặng hai em dưỡng Thần, song đừng chơi quá đà nghe. Còn nhiều, song bây giờ có ba vị ấy là cần kíp vì là phép siêu hồn.

Tám! **Mấy bà Diêu Trì** biểu em nán đợi đặng cho kinh, rồi họ sẽ tái giảng. Cười...

Giỏi chọc hoài, có Thánh Màng theo Qua muốn giảng cơ nói chuyện. Qua ngày mai sẽ có mặt trong lúc cho Kinh. Kiểu mấy em.

THĂNG.

**5. GIÁO SƯ THƯỢNG BẢY THANH TRUYỀN ĐẠO
KHẮP ĐÔNG PHÁP (NGÀY 4-8 ẤT HỢI 1935)**

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(3 ème Amnistie de Dieu en Orient)

Tòa Thánh Tây Ninh

Văn phòng

Hộ Pháp

ĐẠO NGHỊ ĐỊNH THỨ 54

Chiếu y PCT ban quyền cho Giáo Tông và Hộ Pháp.

Nghĩ vì nền Đạo cần phải có người chấp chương điều đình nên:

NGHỊ ĐỊNH

❖ **ĐIỀU THỨ NHỨT:** Ông Giáo Sư Thượng Bảy Thanh lãnh trách nhiệm đi truyền bá Đại Đạo toàn khắp cả Đông Pháp.

Chư Đầu địa phận mỗi xứ phải giúp ích Chúc-sắc này về phần phổ thông mỗi khi có người cần dùng việc chi.

❖ **ĐIỀU THỨ NHÌ:** Quyền Thái Đầu Sư Thái Thơ Thanh, Nữ Chánh Phối Sư, Thái, Thượng và Ngọc Chánh Phối Sư, mỗi vị tùy phận sự lãnh thi hành Đạo nghị định này.

Lập tại Tòa Thánh, ngày 4-8 Ất Hợi (1-9-1935)

HỘ PHÁP

Chương quản nhị hữu hình đài

Hiệp Thiên và Cửu Trùng

Ký tên:

Phạm Công Tắc

Vâng lệnh ban hành.

Ngày 29-9 Ất Hợi (dl 28-10-1935)

Quyền Thái CPS Quyền Thượng CPS Quyền Ngọc CPS

Thái Tu Thanh Thượng Thành Thanh Ngọc Trọng Thanh

6. BÀ ĐOÀN THỊ ĐIỂM RA THAI ĐỐ CHO VĂN MINH ĐIỆN (NGÀY 14-8 ẤT HỢI 1935)

ĐOÀN THỊ ĐIỂM

Em chào chư đại huynh,

Em để lời cảm ơn Lê Chơn Quân vì em lo đất Bắc. Cười... Em nói thố lộ, xin Lê Chơn Quân miễn phiền.

Thiếp hèn lâu quên thi phú văn từ rất nhiều nhưng nay vì có lệnh tôn sư của thiếp là Thất Nương giao Văn Minh Điện, nên gắng tận tâm lo cho ra vẻ đẹp, xin chư đại huynh giúp sức. Cười...

Thiếp có điều ngại ngùng muốn xin chư đại huynh nhưng chẳng biết có vui lòng nạp lời chăng?

Hộ Pháp: -.....

- Em muốn những thai đề chi chỉn để danh chư

đại huynh đứng mà thôi. Cười.... Cười....

Tiếp Đạo giỏi về phương ấy lắm nên thiếp cậy làm Giám thai, Khai Pháp làm Giám trường, Tiếp Thế làm giám khảo. Cười.....

* Ra đối để Tiếp Đạo đứng tên

Sơn hà hữu ảnh tri sanh giác

Xã tắc vô ngôn thức tuyết hưng

* Thai cho Khai Pháp đứng

Ví dầu cầu ván đóng đình

Cầu tre lắt lẻo gập ghình khó đi

Xuất vật dụng: Cái khổ vải.

* Thai cho Tiếp Thế đứng

Tỏ soi kia cũng là đèn

Dầu chẳng vẹn tuyên cũng tiếng là Trăng

Xuất vật dụng: Đôi đồng xứng

* Thai cho bà Nữ Chánh Phối Sư đứng

Ai kêu ai hú bên sông

Em đương vá áo cho chồng em đây

Xuất vật dụng: Cặp mắt kiếng

* Thai cho ông Quyên Thái Đầu Sư

Đèn ai leo lét bên sông

Hay đèn mẹ chồng đi rước nàng dâu

Xuất vật dụng: Cái cầu khỉ

* Thôi. Thăng.

Đêm sau, bà Đoàn giảng cơ tiếp tục ra thai đố để giúp vui trong cuộc thi Văn Minh Điện đêm rằm.

ĐOÀN THỊ ĐIỂM

Chào lịnh Hộ Pháp và Lê Chơn Quân,

Em lấy làm tiếc cho cuộc vui này, vì sanh hoạt chi lịnh mà bất minh quang nguyệt điện. Em cũng y phận sự cho thai, tùy ý chú huynh định người thu văn.

* Công chàng đập tuyết vầy sương
Ngày nay thiệp hưởng một đường vinh huê
Xuất quả: Trái mãng quân

* Ba phen lên ngựa mà về
Cầm cương kéo lại xin đề câu thơ
Câu thơ ba bốn câu thơ
Câu đố câu chờ câu nhớ câu thương
Xuất quả: Trái mãng cầu

* Dưới đời ai tốt bằng sen
Quan yêu dân chuộng, rã bèn cũng hư.
Xuất nhứt tự: chữ CỪN

* Đã hay lộng lộng phép trời
Mà chưa ghê sợ, buông lời lộng ngôn.
Xuất vật dụng: Cái khung cửi

* Linh đình một chiếc thuyền tình
Mười hai bến nước gửi mình vào đâu.
Xuất vật dụng: Cái vựa lúa

* Chim khôn kêu tiếng rảnh rang
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe
Xuất nhứt tự: chữ DỊU

* Khát nước cầm gáo mà trông
Chàng như chim nọ xổ lòng bay xa
Xuất quả: Trái đào

7. BÀ NỮ CHÁNH PHỐI SƯ KÊU GỌI NỮ PHÁI ỦNG HỘ VIỆC XÂY DỰNG TÒA THÁNH (NGÀY 15-8 ẤT HỢI 1935)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ thập niên)

Tòa Thánh Tây Ninh,
ngày 15-8 Ất Hợi (12-9-1935)

Văn phòng

Cửu Viện Nữ Phái

Số: VI

CHÂU TRI

Gởi cho chư Chức-sắc Thiên phong, chánh phó đầu tỉnh Đạo, chánh phó đầu họ Đạo, chánh phó đầu quận Đạo, chánh phó trị sự và thông sự và chư Đạo hữu nữ phái và chủ Thánh thất các nơi...

Kính cùng đồng Đạo, chư hiền tỷ, chư hiền muội.

Chiếu theo lời đề nghị của Hội Thánh hôm mừng 9-4 Ất Hợi, bàn tính vấn đề rất thiết yếu là tu bổ HTĐ, CTĐ và BQĐ (*Tòa Thánh*) bố cáo trước 1 năm rồi lai niên sẽ khởi công tạo tác. Tội vì phận sự trên ra tờ Châu Tri nầy.

Điều đại khái trong Đạo cần yếu phải chỉnh đốn bửu điện Thầy, đền thờ cho sum nghiêm, mới có thể cảm xúc lương tâm người, thấy cảnh tịnh trường mà khởi lòng mộ Đạo. Đạo Thầy phát khởi tại Tây Ninh, trở ngỗ khai đường đào tạo nền chánh giáo, rồi lần lần hột giống Thiêng Liêng rải rác mới có Thánh thất tỉnh quận các nơi, Tòa Thánh chánh là cây có cội, nước có nguồn, còn các Thánh thất cũng như ngọn ngành sông rạch. Nay chúng ta muốn cho vững bền mỗi Đạo thì

phải bồi đắp chỗ ngọn nguồn. Ấy là vấn đề đáng thi hành cần gấp.

Tu bổ Tòa Thánh bởi cho 2 chủ nghĩa:

- **Thứ nhất:** Đại Đạo hiện nay phổ thông phát đạt, ngoại giao lân bang, dây liên lạc đã hòa thân thì nghĩa đồng thanh phải nhiều bề giao thiệp. Nếu đến thờ Thầy không lo chấn chỉnh, rồi một ngày kia có ngoại quốc nghe tiếng tới chiêm yết thì chỉ thấy một cái chùa thon von nhen nhúm nơi góc rừng sâu, có ai công nhận rằng nền Đại Đạo. Còn so sánh với các nhà thờ tôn giáo khác, cùng các nơi vân am tự vũ thua kém biết chừng nào. Nghĩ con Thầy hiện nay nhập môn kể ra có số ngàn số triệu mà sao chỗ thờ Thầy lại nở để chật hẹp như lúc Đạo mới sơ khai thì đối với phận sự thì chúng ta e chưa tròn trách nhiệm.
- **Thứ nhì:** Lại càng thiết yếu hơn nữa, lúc ban sơ tạo lập vì người đương ít, tiền không có, chung đậu nhau kẻ của người công, dùng cây tạp gỗ rừng tạm thời sơ lược, tới nay đã kinh niên hủ hoại, nếu không lo sửa sang lại, e cho gặp cơn mưa to gió lớn, một tòa lương đồng phải phũ theo trận cuồng phong. Cung điện Thầy chỉnh nghiêng thì Đại Đạo tất nhiên điên đảo, chừng đó cảnh trạng Đạo nghĩ ra thế nào, nên tốt hơn là phải dự phòng toan trước.

Sự tu bổ đáng lẽ đã làm trước kia ba bốn năm rồi nhưng vì vận hội trong Đạo chưa tới thời kỳ làm nên năm nào cũng bàn tính mà không năm nào chiếm đăng mục đích thi hành. Ấy cũng do làn sóng thị phi nghịch lẫn, nghiêng ngã như tâm, khiến ra công việc Đạo phải ngưng trở.

Nghị định mấy năm trước cũng thiệt rất cảm ơn đồng Đạo quý vị sẵn dạ giúp dùm, nhưng sở dĩ không đủ sức làm là vì Hội Thánh nghèo mà miệng ăn thì đông, nên tọa thực sơn băng, tiền hỷ cúng bao nhiêu cũng phải hết.

Tình cảnh hiện nay muốn tu bổ thì không biết nương cậy thế lực nơi đâu, nên xin cặn kẽ trần tình trong đồng Đạo lấy thiện tâm vun bồi nền tôn giáo, dùng đơn tâm un đúc cảnh Đạo trường, làm con Thầy phải tríu mến theo Thầy, hầu báo đáp hồng ân trong muôn một.

Bởi nghĩ rằng, lòng Thầy vì thương xót dân tộc bơ vơ đường tối hang sâu nên phải giáng hạ phàm trần, dìu dắt dân đen con đỏ, đất Nam Việt dựng nền phổ độ, dẫn con cháu Tiên Long Hồng Lạc lên cảnh thanh hư, ấy lòng bác ái từ bi vô cùng vô tận.

Nay chúng ta biết đặng Đạo chơn mà chỗ đền thờ Thầy lại sơ sài chật hẹp thì trong lương tâm nghĩ lại sao đành.

Bấy lâu vì hoàn cảnh khuynh nguy, bất đắc dĩ phải dằn lòng cam chịu, chớ hiện nay nhờ Ông-Trên chánh phủ chiếu gương huệ nhãn soi thấu lòng chơn thật của chúng ta, cử động hành vi không bề cấm kỵ.

Vậy chúng ta rất nên đội ơn người trên rộng lượng mà cũng nhưn cơ hội may mắn này gắng lòng báo bổ cho khỏi phụ trách nhiệm làm con, nóng nhiệt thành đầu cật chung lưng đem hết cả nghị lực tinh Thần tô điểm vẽ vời cho rõ ràng cung đình Tam Giáo, một mai đặng nở mặt với lân bang chư đồng Đạo, thì nền Đại Đạo chắc có thể thịnh phát trường khai mà chị em ta

cũng bòn mót đăng một phần lập công bồi đức.

Xin khuyên đồng Đạo gắng lòng.

Nay kính.

Chủ trưởng Chúc-sắc nữ phái

Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh

**8. BÁT NƯƠNG GIÁNG CƠ TẠI THÁNH ĐỊA BẠCH
VÂN NAM VANG (NGÀY 24-8 ẤT HỢI 1935)**

BÁT NƯƠNG

Em chào mấy anh. Có Lục Nương và anh què.

Cười... Á! Khí ạ! Chị thấy người ta ăn gian em nên đến hỏi em muốn làm Giáo Sư không? Chị lo cho. Cười... Thằng ham chức quá phải chơi! Cười...

Đây em mới hỏi Đức Hộ Pháp, vậy chớ anh cầu phong cho ai lên chức Giáo Sư nam?

Đức Hộ Pháp:

– Phải. Còn nữa?.....

– Phải. Nghĩa là anh đã xin cho 3 người, duy có Từ Huệ bị bác, còn 2 người kia đăng chớ? Vậy thì mấy anh cả tiếng kêu em Khí và chị Huệ là Giáo Sư giùm coi.

Phong Chí bạch:

– Cười... Nè anh Gió, tôi không cầu anh nghe không.

– Em Hiền, Qua mừng cho em đó. Em muốn kẹo phải không? Ở quì đó em. Thi nè:

Quen chiều non nước lúc xuân xanh

Tên tuổi dài mây đã sẵn dành

Lộc thế rẽ mùi chèo mạn lạt

Ở Trời nên phận gắng đua tranh

*Lấy lừng cánh học xông trường võ
Đắm ấm duyên loan để chí thành
Vùng vẫy võ môn qua mấy cấp
Soi tâm đêm quạnh phó Trường Canh.*

Em nhớ lời chị dặn, gắng trọn trung trọn hiếu nghe!

**9. TIÊU DIÊU ĐẠO SĨ GIẢNG CƠ TẠI THÁNH ĐỊA BẠCH
VÂN NAM VANG (NGÀY 25-8 ẤT HỢI 1935)**

TIÊU DIÊU ĐẠO SĨ

Bần tăng chào chư quý vị,

Bần tăng lấy làm thậm cảm nhưng cơ quan phổ tế Tần nhưn hời còn trở ngại trong năm ba tháng nữa mới yên.

Thi

*Lượng Trên đã mở nổi oan xưa
Tần quốc từ đây hưởng phúc thừa
Dặm khổ dân chưa an bước thảm
Đường hay nước đã vẹn danh xưa
Nóc chiến thiên cổ di hồn tục
Cửa Thánh kỳ ba độ nghiệp vua
Ngán lỗ công bình mười tuế lụn
Khuôn hồng soi rạng đất mây mưa*

Cười... Các tôi con của Rồng nay độ Rắn, hỏi dưới mắt Tạo Công còn chi hay hơn nữa chẳng?

Rồng Rắn, Rắn Rồng, có Rắn mới hóa Rồng, có Rồng mới nên phận Rắn. Xin lấy ý nghĩa sâu xa mà hiểu thì cái vui mới ra thú vị.

Cười... Mừng, mừng, mừng!

Thăng.

(Tiêu Điều Đạo Sĩ là *Bradaya La Hán*)

**10. CƠ QUAN PHƯỚC THIÊN LÀ CỦA HỘI
THÁNH (NGÀY 19-12 ẤT HỢI 1936)**

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ thập nhứt niên)

Tòa Thánh Tây Ninh

VP Nội Chánh

Số: 15

Tòa Thánh ngày 19-12 Ất Hợi (dl 13-2-1936)

CHÂU TRI

Quyền Thái, Thượng, Ngọc Chánh Phối Sư

Hội Thánh xin nhắc lại cho toàn Đạo nam nữ lưỡng phái đều biết rằng: Hội Thánh lập Cơ Quan Phước Thiên cốt để giúp cho những bậc tu hành tìm phương nuôi sống lấy nhau, khỏi phải xin ăn thập phương bá tánh.

Nhóm đủ 3 hội nghĩa là quyền Vạn Linh cũng công nhận điều ấy nên Hội Thánh mới thi hành, trích ra một hạng Chức-sắc Thiên phong Lễ Sanh Giáo Thiện. Vậy thì CQPT là do Hội Thánh làm chủ.

Nay nghe ra như có lời ác cảm gieo truyền rằng: Đức Hộ Pháp tái lập Phạm Môn lại trong mấy tỉnh. Điều ấy là điều huyền hoặc vì chính ngày nay Đức Hộ Pháp đã nắm chủ quyền của Đạo thì người chẳng còn lập chi riêng ngoài quyền Hội Thánh của người nữa.

Xin toàn Đạo đừng tin theo những lời huyền hoặc.

Quyền Thái CPS Quyền Thượng CPS Quyền Ngọc CPS

Thái Tu Thanh Thượng Thành Thanh Ngọc Trọng Thanh

CHƯƠNG III: KINH THỂ ĐẠO

1. ĐỨC HỘ PHÁP TRUYỀN 4 PHÉP BÍ TÍCH (NGÀY 9-1 BÍNH TÝ 1936)

Ngày 27-12 Ất Hợi (1935) Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, chủ trương quân CQPT đánh điện tín cho các vị Đầu họ Phước Thiện, cho phép các vị về nhà ăn Tết Bính Tý, rồi phải có mặt tại TTTN vào ngày mùng 8-1 Bính Tý để cúng đại lễ Đức Chí Tôn và đãi lịnh Hội Thánh.

Qua ngày 9-1 Bính Tý, Đức Hộ Pháp kêu hết những vị Đầu họ Phước Thiện, họp đủ mặt tại Hộ Pháp Đường để Đức Ngài ban cho mỗi vị 4 phép bí tích, kể ra:

- Phép giải oan
- Phép tắm Thánh
- Phép đoạn căn (*hành phép xác*)
- Phép hôn phối

Đức Hộ Pháp gọi từ vị Giáo Thiện đến để trực Thần khai khiếu, truyền dạy cách thức hành pháp. Đức Hộ Pháp lại ban cho mỗi vị một cây bạch đăng (*đèn cây trắng*) dặn khi nào gặp việc khó khăn không giải quyết được, đợi đến lúc 12 giờ khuya đốt cây bạch đăng này lên và thành tâm cầu nguyện thì Đức Hộ Pháp biết và sẽ đến giúp cho.

Khi các việc xong, Đức Ngài dặn cúng lễ Rằm tháng Giêng tại Tòa Thánh xong thì trở xuống địa phương lo phận sự của mình. Bản chỉ dẫn hành các phép bí tích của Đức Ngài sẽ gửi xuống sau. Việc hành pháp này phải ráng tập luyện, khi nhận thấy làm được rồi mới thực hành và khi hành pháp sự kết quả thế nào, nhờ phúc trình về cho Đức Ngài biết.

Nhờ Đức Hộ Pháp truyền Thần khai khiếu và truyền pháp nên việc hành pháp rất kết quả nhưt là phép giải oan và giải bình, sự hiệu lực thấy hiển hiện trước mắt nên mỗi kỳ đàn, bốn Đạo tỳ đến cúng rất đông để được giải oan luôn thể.

2. ĐOÀN THỊ ĐIỂM GIÁNG CƠ CHO TÂN KINH (NGÀY 16-1 BÍNH TÝ 1936)

ĐOÀN THỊ ĐIỂM

Thiếp cúi mình chào chư vị và chư hiền tỷ, hiền muội.

Thưa, thiếp đã đặt lệnh cho thiếp giảng cơ lập kinh thế Đạo nhưng rũi không cơ thành ra trễ nãi. Xin thứ lỗi cho thiếp hầu cơ từ ngày mai đặt làm trọn phận.

Thưa thiếp chào cố nhân. Miền Nam định nhiều vị hữu căn kiếp, xin cố nhân để tâm nơi ấy mà độ giùm thiếp, rất cảm ơn.

Thăng.

3. ĐỨC HỘ PHÁP MỞ KHOA THI LUẬT SỰ HIỆP THIÊN ĐÀI ĐẦU TIÊN (NGÀY 23-5 BÍNH TÝ 1936)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Thập nhưt niên)

Tòa Thánh Tây Ninh

Văn phòng

Phạm Hộ Pháp

Số: 34

SẮC LỆNH

Cho ba Chánh Phối Sư, nữ Chánh Phối Sư

Lê Tiếp Thế, Cao Tiếp Đạo và chủ trưởng HTNG

Nghĩ vì trên phẩm Thông Sự và Chánh Trị Sự là hạng chức việc có cầm máy mún quyền hành pháp luật của Hiệp Thiên Đài chưa định, nên:

Bản Đạo sẽ mở khoa mục, chương trình và ngày tháng sẽ định bởi một sắc lệnh sau nữa, tuyển chọn hạng Luật Sự (*Agent judiciaire*) trong chức việc nam nữ lưỡng phái kể ra sau đây:

1. Chánh Trị Sự nam nữ đăng trọn quyền dự thi khi đã hành Đạo trên 3 năm với trách nhiệm của mình.
2. Thông Sự nam nữ đăng trọn quyền dự thi khi đã hành Đạo trên 5 năm với trách nhiệm của mình.
3. Tín đồ nam nữ đã giữ pháp luật và trọn trung trọn nghĩa cùng Đạo từ buổi ban sơ.

Bốn hồ sơ (*Giấy tánh hạnh, tờ kết chứng công nghiệp và đơn xin dự thi*) nộp về Hiệp Thiên Đài, phải có giấy chứng nhận của làng Đạo, quận Đạo, họ Đạo và tỉnh Đạo sở tại và có Tòa Nội Chánh tiến dẫn cho vào khoa mục mới đăng.

Chức Luật Sự của Hiệp Thiên Đài để trấn nhiệm một họ Đạo làm đầu Chánh Trị Sự và Thông Sự về mặt luật pháp nhưng tòng quyền của Sĩ Tải.

Luật Sự đăng quyền xem xét luật pháp của toàn tín đồ và chức việc trong bốn họ, đăng quyền xem xét về công cử, đăng dự thính ban nội trị và lấy khẩu chiêu, đăng kiểm soát và thi hành trạng án của Sĩ Tải truyền xuống.

Luật Sự không có quyền xử đoán. Mọi điều chi về mặt Tòa Đạo thì Luật Sự không đăng quyền hành định đoạt, duy đăng phép tư lên Sĩ Tải HTĐ mà thôi.

Cấm nhậ Luật Sự không đăng phép tham dự vào

việc chánh trị của Đạo, nếu trái mạng lệnh này phải bị đê ra Tòa Tam Giáo trừng trị nghiêm nhậ tùy theo nặng nhẹ, trọng khinh của tội phạm pháp chánh.

Xin chư hiền huynh và hiền tử tuyên bố sắc lệnh này cho toàn Đạo nam nữ đều biết.

Lập tại Tòa Thánh Tây Ninh, ngày
23-5 Bính Tý (11-7-1936)

HỘ PHÁP

Chưởng quản Nhị hữu hình đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng

Ký tên:

Phạm Công Tắc

4. ÔNG LÊ BÁ TRANG QUY LIỄU TẠI BẾN TRE (NGÀY 29-5 BÍNH TÝ 1936)

Ông Lê Bá Trang (*sinh năm 1879 tại Sa Đéc*), sau thời gian 2 tuần lễ bị bệnh kiết lỵ thì mất tại Bến Tre ngày 29-5 Bính Tý (*dl 17-7-1936*) hưởng được 58 tuổi.

Lúc mất, ông Trang giữ chức Thượng Chưởng Pháp của chi phái Bến Tre nên xác được liệm vào liên đài. Hội Thánh Bến Tre định an táng ông tại phía sau Thánh thất An Hội Bến Tre, nhưng sau đó ông Nguyễn Ngọc Tương cử người về Tây Ninh xin Hội Thánh Tây Ninh cho đem xác ông Trang lên táng nơi Thánh địa, được Đức Hộ Pháp bằng lòng.

Hội Thánh Bến Tre liền cử ông Cao Quỳnh Diêu và ông Phạm Văn Ngọc lên Tây Ninh trước để lo việc xây nền tháp, sắp đặt việc tang và việc ăn ở cho phái đoàn đưa tang.

Liên đài quàng tại Thánh thất An Hội 3 ngày, các

Chức-sắc, chức việc và Đạo hữu của Bến Tre tế lễ đầy đủ.

Sáng sớm ngày 21-7-1935 liên đài được đưa về Tòa Thánh Tây Ninh. Khi đến Bến Kéo cách Tòa Thánh chừng 8 cây số, phái đoàn đưa tang tạm dừng lại, ông Nguyễn Ngọc Tương thay Đạo phục, mặc vào đại phục Giáo Tông rồi tiếp tục đưa liên đài của ông Lê Bá Trang đến Tòa Thánh, đến nơi vào khoảng 3 giờ chiều, phái đoàn dừng lại trước cửa số 1 Nội Ô để báo cho Hội Thánh Tây Ninh biết.

Nhân dịp đưa liên đài của ông Lê Bá Trang về Tòa Thánh Tây Ninh, ông Nguyễn Ngọc Tương ngầm mưu đồ chiếm đoạt Tòa Thánh và lên ngôi Giáo Tông.

Ông sắp đặt kế hoạch rất kỹ, lại được thống đốc Nam Kỳ là Pagès đỡ đầu và tham biện tỉnh Tây Ninh ủng hộ, cho nên ông tổ chức phái đoàn đưa tang rất hùng hậu khoảng 2000 người. Khi liên đài của ông Trang và phái đoàn đưa tang đến cửa số 1 Nội Ô Tòa Thánh thì phải dừng lại vì các Bảo Thế gác cửa không cho vào, đợi lệnh của Hội Thánh. Khi đó ông tỉnh trưởng Tây Ninh Vilmont cho một đám lính da đen vào để giữ gìn an ninh trật tự nhưng sự thật là để ủng hộ ông Tương. Đám lính da đen này không phân biệt ai là Đạo hữu của Tòa Thánh Tây Ninh, ai là tín đồ của ông Tương vì đều mặt đồ trắng giống nhau nên họ ra lệnh giải tán tất cả, không cho tụ tập đông đảo và họ đứng gác dài theo đường. Ông Tương có đến can thiệp nhưng họ nói không biết. Thế là ông Tương bị mất đi lực lượng tay sai hùng hậu.

Đức Hộ Pháp cho người ra yêu cầu ông Tương cổi

Đạo phục Giáo Tông thì mới cho vào Tòa Thánh vì đây là cuộc rước liên đài của ông Quyền. Đầu Sư Lê Bá Trang chớ không phải rước Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương (*Đức Hộ Pháp không nhìn nhận phẩm vị Giáo Tông của ông Tương*) hơn nữa. Đức Hộ Pháp biết rõ âm mưu bất chánh của ông Tương là nhân dịp đưa liên đài của ông Trang vào Tòa Thánh thì ông Tương với phẩm phục Giáo Tông, ông sẽ lên ngự trên ngai Giáo Tông và cho đông đảo đệ tử của ông chiếm đoạt luôn Tòa Thánh Tây Ninh.

Ông Tương không chịu cởi Đạo phục Giáo Tông ra hai bên dẫn cơ mãi như vậy cho đến gần 5 giờ chiều. Bà vợ của ông Trang chờ lâu quá nên đến phản nản với ông Tương và cũng yêu cầu ông Tương nên thay Đạo phục Giáo Tông bởi vì đây là lễ tang của chồng bà, chớ không phải lễ gì khác của Đạo, để sớm đưa liên đài vào Tòa Thánh kéo tối nhưng ông Tương vẫn chưa chịu cởi Đạo phục Giáo Tông.

Bỗng trời chuyển mưa, một cơn mưa rất lớn và kéo dài, những người theo đưa tang bị ướt hết quần áo và cảm thấy rất lạnh. Ông Tương cũng chịu lạnh không nổi, đành phải cởi Đạo phục Giáo Tông ra và mặc quần áo khô vào cho ấm. Lúc đó mưa tạnh, cửa Nội Ô mở ra, Hội Thánh mời phái đoàn đưa liên đài vào Tòa Thánh, lúc ấy phái đoàn đưa tang chỉ còn lại thưa ít người, mọi mưu toan của ông Tương đều thất bại.

Ngày hôm sau, cử hành lễ tang của ông Lê Bá Trang xong thì đưa liên đài nhập tháp, xây bên cạnh đồng lang.

Mọi người nhìn ông Tương với đôi mắt rất lạnh

đạm. Ông Tương nhận thấy không còn có cách nào để thực hiện mưu tính của mình nên đành trở về Bến Tre trong nỗi hậm hực và chán nản ê chề!

Đây là mưu toan chiếm đoạt Tòa Thánh lần cuối cùng để lên ngôi Giáo Tông của ông Nguyễn Ngọc Tương cũng không thành công (vì Đức Quyền Giáo Tông đã giảng cơ mạch trước với Đức Hộ Pháp những âm mưu của ông Tương trong dịp đưa tang này và chỉ rõ cho Đức Hộ Pháp phương cách đối phó với ông Tương và nhóm người của ông).

Kể từ khi ông Trang chết ông Tương như mất cánh tay mặt, lại thất bại ê chề trong mưu toan chiếm đoạt TTTN lần cuối, khiến ông đành an phận tại Bến Tre trong sự đau buồn, không còn muốn tranh đấu với TTTN nữa. Từ đây cơ Đạo tại Tây Ninh được yên và bắt đầu phát triển.

5. ÔNG LÊ BÁ TRANG BỊ ĐẠO Ở CỘI ÂM QUANG (NGÀY 11-6 BÍNH TÝ 1936)

THƯỢNG TRUNG NHỰT

Chào mấy em,

Thượng Phẩm nói với Qua rằng: Mấy em đợi.

Ôi! Qua nghĩ lại quá sức tức mình, mấy em nghĩ coi một kiếp sanh đâu có mấy lát, cái giả cuộc trần hoàn tuy xem như nháy mắt mà ảnh hưởng sâu sắc biết là bao.

Nào là danh, nào là vị, nào là tước, nào là quyền, nào là vinh, nào là trọng, rốt lại thì cũng không còn mấy mún giá trị chút ít gì nơi cõi hư linh hằng sống, bất quá như cơn vui dự đặng một tiệc ngon ngọt của khách phong trần say sưa một lát mà đòi phen chịu

thảm cả đời.

Qua đến viếng Trang nơi Lạc Hồn Trì thấy nó nằm mê man, sáng sốt, đau lòng hết sức như lời Thất Nương và Bát Nương làm chứng thì dẫu Qua có đến gần, nó lúc nầy cũng không bổ ích chút nào cả.

Phải đợi cho nó từ từ định tỉnh, may ra có tay Thất Nương giải mộng thì thỉnh thoảng định tỉnh tâm Thần. Nếu Qua cưỡng cầu thì chẳng khác nào hầu chuyện với một người điên, chọc thêm loạn trí.

Tám! Em nên thường phò loan, đặng Qua truyền tin Trang cho em hiểu. Ấy là một điều mấy em nên học hiểu. Khi nầy Qua thấy em có khách nhiều thì phải Thôi Qua đi.

Vĩnh! Em ráng lo chỉnh đốn lần lần việc làm kéo đẽ Đạo bành trướng đồ xòa ra làm không kịp, em nghe:

Thăng.

6. TOÀN QUYÊN PASQUIER NHẬN TỘI ĐÀN ÁP ĐẠO CAO ĐÀI (NGÀY 3-8 BÌNH TỶ 1936)

PIERRE PASQUIER

Salut Hautes Âmes. Tôi nói tiếng An Nam.

Tôi đã cầm đặng một cuốn sách Nho, học thông Đạo lý. Cái tư tưởng của tôi buổi nọ nó thiên thật về bên Khổng giáo, chớ không phải hướng qua bên Phật Đạo. Tôi càng suy xét thì lấy làm lạ vì cớ nào tôi lại dựng nhà thiên toan phá Đạo Cao Đài buổi nọ.

Quái dị thay! Tôi đã dám xưng mình là văn sĩ nho phong, kinh truyện văn chương trước mắt mà lại chịu thiệt thòi sai sót chẳng hiểu đặng rằng Nho giáo chuyển luân tạo dựng toàn cầu tân thế.

Sự lạc lẫm ấy do đâu mà có?

Ôi quan trường! Ôi nha lại! Vì mi mà làm cho ta phải đui mắt, linh hồn phạm tội nghịch ý Chí Tôn, Thiên điều tàn sát. Hận thay ngôi vị đế vương là đao kiếm trù mạng linh hồn mà chó. Gớm thay! Ghê thay!

Thi

*Vương bá bữu ngôi thị ngục hình
Thiên lao như thử tặc công khanh
Đồ thân phát phối cầm dân mạng
Y phục đai cân thị tử thành.*

* Thăng

7. ĐỨC HỘ PHÁP CẤM CHỨC-SẮC, TÍN ĐỒ LÀM CHÁNH TRỊ (NGÀY 17-8 BÍNH TÝ 1936)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Thập nhứt niên)

Tòa Thánh Tây Ninh

Văn phòng

Phạm Hộ Pháp

SẮC LỊNH thứ 45

Nghĩ vì ĐĐTKPĐ lập thành cốt để làm cho cả thiên hạ đặng thái bình đại đồng thế giới.

Chiếu theo Thánh giáo của Đức Chí Tôn đã dạy rằng: **Thấy lấy gương giải hòa đặng hai nước Pháp – Nam để huề mà làm để mục cho toàn cầu thấu đáo chơn truyền của Đạo và để gương mẫu cho các dân tộc khác noi theo hiệp chúng hầu tránh cho khỏi các nạn phẫn đấu tiêu diệt lẫn nhau.**

Nghĩ vì Đạo chúng ta ngày nay mà đặng Đại Pháp

công nhận cho đặng tự do cũng nhờ các bậc ân nhân của chúng ta tại Thượng và Hạ Nghị Viện Pháp triều mà quan Tổng Trưởng thuộc địa đương kim là ông Marius Moutet đứng đầu trong ấy thi ân nghĩa đối với Ngài Đạo khá ghi lòng tạc dạ.

Nghĩ vì ông Marius Moutet đã để tâm binh vực thương tưởng quê hương nhà Nam từ thử đến chừ đủ bằng có, mà nay Ngài đã lựa một vị cựu Thần là quan Tổng Thống toàn quyền đại Thần Brévié trấn nhậm nơi cõi Đông Dương này thì chỉ rõ rằng Ngài tín nhiệm đặng sai đến làm nên cho xã hội quốc dân nhà Nam mà chớ. Trái lại, nếu có điều chi biến động thì là hại danh thể của ông Marius Moutet, Pháp triều sẽ cho rằng vì Ngài quá thương nhà Nam nên mới có gây nên loạn lạc.

Nghĩ vì Bản Đạo sợ cho tín đồ của Đạo Cao Đài nhẹ tánh nhẹ lòng nghe lời cám dỗ mà lầm lạc, phạm quốc pháp và Đạo pháp, nên:

SẮC LỊNH

Cho toàn Đạo gắng để hết lòng tin cậy nơi quan tân toàn quyền Brévié và cấm ngặt cả Chúc-sắc, chúc việc và tín đồ nam nữ lưỡng phái chẳng đặng xu hướng theo quốc sự, nhứt là những đảng phái đương đồ mưu tính kế làm cho rối loạn quốc gia.

Truyền lệnh cho Đạo phải hiệp đồng cùng chánh phủ đặng lo phương thế cho dân hưởng điều hạnh phúc, mà điều hạnh phúc do nơi tay chánh phủ Pháp triều mà có.

Chức sắc Thiên phong nam nữ của Hội Thánh phải tuyên truyền sắc lệnh này cho toàn Đạo đều biết.

Lập tại TTTN, ngày 17-8 Bính Tý (dl 2-10-1936)

HỘ PHÁP

Chương quản. Nhị hữu hình đài

Hiệp Thiên và Cửu Trùng

Ký tên:

Phạm Công Tác

Vâng lệnh ban hành

Tòa Thánh, ngày 17-8 Bính Tý (*dl 2-10-1936*)

Thái CPS

Thượng CPS

Ngọc CPS

Thái Tu Thanh Thượng Thành Thanh Ngọc Trọng Thanh

8. LỄ ĐẠI TƯỜNG ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG (NGÀY 13-10 BÍNH TÝ 1936)

Tưởng từ khi Khai-Đạo đến giờ chưa có cuộc lễ nào long trọng cho bằng và đối với các lễ lớn ngoài đời cũng chưa có lễ nào hơn được.

Trên một tháng trước ngày lễ, chức việc và Đạo hữu các nơi đã lần lượt về Tòa Thánh đặng công quả về các việc sắp đặt tại Đại Đồng Xã.

Ngày mùng 8, số về trước kể về nam nữ và đông nhi có trên 1500 làm cho quang cảnh tại Tòa Thánh rất nhen náo nhiệt và vui vẻ vô cùng.

Ban ngày thì lớp lo xây dựng cho hoàn thành Báo Ân Từ, lớp phá hai bên rừng thiên nhiên, lớp khai đường đắp lộ, lớp cửa cây cất giàn, đóng cầu, lớp vẽ sơn thủy, lớp may cờ vv... Chiều thì mấy vị giáo viên, thơ ký và giáo nhi dắt đồng nhi nam nữ ra tập dượt lễ mừng Đạo, tối thì nào là tập lễ sĩ, nào là tập học sinh trường Đạo Đức diễn tuồng Thánh Tâm Ái, nào là thuyết Đạo vv... Trọn ngày từ sớm mới tới khuya đi

đâu cũng thấy Đạo hữu lo làm việc rất hăng hái.

Càng gần đến ngày lễ thì Đạo hữu lại về càng đông, quang cảnh càng rộn rịp nhưng vẫn được ở luôn luôn trong một bầu không khí nồng nàn, mùi hòa ái. Quả thật một cảnh bỗng lai ở một góc trời Nam ta vậy.

Đạo hữu các nơi về đều hân hoan là vì thấy trong một thời gian rất ngắn và giữa lúc nền kinh tế trong xứ bị khó khăn mà Hội Thánh ráng tạo lập được nhiều nơi đẹp đẽ.

Tới Tòa Thánh đã thấy được một cái cửa vô cùng đồ sộ kể ở bên trong, hai nhà kỷ niệm nam nữ rất ngộ nghĩnh. Từ cửa vô tới Đại Đồng Xã tới Giáo Tông Đường, Hộ Pháp Đường, Báo Ân Từ vv... thì cờ Đạo phát phơ, xem rất vui mắt.

Công cuộc sắp đặt tại Đại Đồng Xã có trật tự và oai nghiêm lắm.

Ngang qua cái Hầm Bát Quái trước Tòa Thánh có bắc một cái cầu rộng lớn mà Đạo hữu đều gọi là Ngân Hà Kiều, qua cái cầu rồi tới cửa tam quan bề cao trên 7 thước, bề dài 12 thước, trên hết có vẽ thật lớn mấy chữ “Đại Đồng Xã” và “*Place de la Fraternité Universelle*” trên đầu cửa giữa có để năm “1925 - 1936” hai bên là hai câu liễn Giáo Tông như vậy:

- **GIÁO Hóa-Nhơn sanh nhựt nhựt trung tâm qui thiện quả**
- **TÔNG khai tăng chúng thì thì trọng Đạo hiệp chơn truyền**

Hai cửa vô hai bên là cửa nữ phái và nam phái trên có vẽ cảnh nho, có lá nho và trái nho để thể Tinh, Khí, Thần hiệp nhứt.

Hai bên cửa giữa có treo những hình của Đức

Quyển Giáo Tông, một bên về phần đời, một bên về phần Đạo của Ngài. Hai bên cửa nam nữ thì treo hình lễ táng của Ngài. Cả lịch sử vẻ vang của Ngài đều bày giải rõ tại đó cho mỗi người đều biết.

Vào khỏi cửa Đại Đồng Xã thì thấy chính giữa sân một cây cờ Đạo rất lớn, cờ màu trắng có 3 vòng xanh, vàng, đỏ kết treo ngang thể tam giáo quy nhất.

Ở mút đầu sân Đại Đồng Xã là đài Cửu Trùng Thiên bề cao 9 thước, bề dài 20 thước, chính giữa có một chữ Vạn màu vàng thật lớn, trên hết là chơn dung của Đức Quyển Giáo Tông vuông vức mỗi bề 8 thước.

Hai bên Cửu Trùng Thiên từ hai góc bức chơn dung hơn 16 thước bề cao, có giếng qua hai bên rừng thiên nhiên hai hàng cờ Pháp và vạn quốc.

Dài theo hai bên rừng thiên nhiên là giàn để cho Chúc-sắc, chúc việc và Đạo hữu ngồi xem lễ; chung quanh sân Đại Đồng Xã có cắm cờ Đạo và thắt tuột treo bông, đốt đèn điện xem rất ngoạn mục.

9. ĐỨC HỘ PHÁP LÀM LỄ KHỞI CÔNG XÂY DỰNG TÒA THÁNH (NGÀY 1-11 BÍNH TÝ 1936)

Đức Hộ Pháp nhận thấy đã đến lúc tình hình Đạo sự thuận lợi cho việc xây cất Tòa Thánh nên ngày 1-11 Bính Tý (dl 14-12-1936) Đức Ngài làm lễ khởi công xây cất Tòa Thánh.

Đức Hộ Pháp xây cất Tòa Thánh bằng vật liệu kiên cố ngay trên nền Tòa Thánh tạm đã cất bằng cây gỗ trước đây, vì Đức Hộ Pháp dự tính cất Tòa Thánh theo kích thước nhỏ hơn bản cỡ của Đức Lý Giáo Tông, vì Đạo mới trải qua nhiều cơn sóng gió, số tín đồ nghèo

quá và chưa được nhiều, lại bị các chi phái phân chia giành giật.

Trước năm 1934, lúc Đức Quyền Giáo Tông còn khỏe mạnh, Đức Ngài cùng với Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh đã khởi sự cất Tòa Thánh theo họa đồ của Đức Lý Giáo Tông vẽ theo kiểu vở Thiên Đình (bề dài 135m, bề ngang 27m, không kể hành lang 2 bên và phía sau, phía trước có bao lớn dài, bề cao lầu chuông và lầu trống 36m, nền Bát Quái Đài cao 9m), vị trí xây cất là Đại Đồng Xã mà cái hầm bát quái ngay tại cột phước trước Tòa Thánh hiện nay.

Vì có lời dạy của Đức Chí Tôn khi đó Đạo còn rất nghèo, Đức Chí Tôn dạy Đức Hộ Pháp cất Tòa Thánh theo họa đồ của Đức Lý Giáo Tông nhưng dùng thước mộc để kích thước nhỏ hơn cho bớt tốn kém, nên Đức Hộ Pháp cất Tòa Thánh lúc đó với kích thước như sau: bề dài từ bậc 5 cấp đến cuối BQĐ là 98,5m, bề ngang kể cả hành lang 2 bên là 22m, bề cao lầu chuông và lầu trống là 27m, nền BQĐ cao 2,4m.

Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa chủ trương quản PT dạy các vị đầu họ PT trong 20 tỉnh Nam Kỳ tổ chức các sở lương điền, công nghệ, thương mại, phải dành hoa lợi gởi về Tòa Thánh để giúp lương thực cho các công thợ xây cất, đồng thời chiêu mộ các công quả có tay nghề xây dựng: thợ hồ, thợ mộc, thợ cửa, thợ sắt, thợ đắp vẽ vv... đưa về Tòa Thánh nhập với số công quả nơi Tòa Thánh tổng cộng được 500 công quả nam và nữ làm việc thường xuyên.

Đức Hộ Pháp dạy: “Nếu ai bằng lòng hy sinh làm công quả tạo tác Tổ Đình thì phải lập thẻ thủ trình trong

suốt thời gian tạo tác để được tinh khiết, dầu nam hay nữ cũng vậy, không được có vợ hay có chồng, sau khi Tòa Thánh được tạo xong thì nếu công thợ nào muốn lập gia đình thì Đức Ngài sẽ giải thệ cho”.

Đức Hộ Pháp định xây cất Tòa Thánh mới tại vị trí Tòa Thánh tạm nên khi khởi công thì trước hết phải dỡ Tòa Thánh tạm cho trống chỗ, dời quả Càn Khôn và tượng của các Đấng giáo chủ về thờ tạm nơi Báo Ân Từ chùng nào cất xong Tòa Thánh mới thì sẽ làm lễ an vị trở lại.

Khi dời quả Càn Khôn về Báo Ân Từ qua cửa chánh không lọt vì cửa Báo Ân Từ hơi hẹp một chút, buộc phải ép quả Càn Khôn móp vô một chút thì mới lọt qua cửa.

Đức Hộ Pháp khóc và nói rằng: “*Rồi đây Phước Thiện sẽ khổ lắm”.*

Năm Bính Tý (1936), Đức Hộ Pháp lãnh tạo tác Tòa Thánh do Hội Thánh Cửu Trùng Đài không làm được nên giao trọn cho Đức Ngài. Do đó, Đức Ngài triệu tập tất cả các vị công quả hiển thân trong Minh Thiện Đàn, trong Phạm Môn và Phước Thiện với 21 vị đầu họ Đạo PT về hội tại Tòa Thánh để chung lo việc tạo tác cho được thành công. Đức Ngài nói:

– Đã bao phen Cửu Trùng Đài khởi làm Tòa Thánh đều bỏ dở là tại hai ông Tương và Trang phản loạn chống lại Đức Quyền Giáo Tông. Thời gian qua mấy em cố gắng bảo vệ nghiệp Đạo là làm hậu thuẫn cho Giáo Tông và Hộ Pháp, nay mấy em chung sức giúp Qua một thời gian nữa để lo tạo tác Tòa Thánh cho xong vì Qua đã lãnh với Hội Thánh rồi. Các họ Đạo PT lo khai

mở các sở lương điền, công nghệ, thương mại để có lợi tức đem về lo lương thực và vật liệu, đồng thời thân người hiến thân làm công thợ xây dựng Tòa Thánh.

Đức Hộ Pháp giao cho ông Giáo Thiện Nguyễn Văn Thế với Giáo Sư Thượng Minh Thanh đến tỉnh Châu Đốc, sẵn có Giáo Sư Thượng Quyện Thanh (Nguyễn Văn Quyện) và Giáo Thiện Trần Văn Mến lo mộ công quả và người hiến thân vào Phước Thiện để đưa về Tòa Thánh.

Các nơi đều hưởng ứng, số người hiến thân được 670 vị, gửi trước về Hội Thánh 36 vị để bổ vào các sở, trong đó đặc biệt có ông Phạm Ngọc Trấn được bổ làm giáo viên Đạo Đức Học Đường, ông Đinh Công Biện được bổ về ban nhạc, thợ hồ Cương được bổ làm đốc công. Sau khi ông Cương bỏ dở, Giáo Sư Thượng Minh Thanh đưa ông Lê Văn Bàng (*người Cái Bè, Mỹ Tho*) vào làm đốc công tạo tác Tòa Thánh, sau này ông Bàng lên làm Tổng Giám.

Ông Thới là chủ sở Cái Bè lo vận chuyển bằng ghe, ông Giáo Thiện Lê Trung Cang ở Phú Mỹ vận động lương thực cùng chở về Tòa Thánh, rồi lần lượt các họ Đạo đưa công quả hiến thân về tổng cộng được 4120 người. Tùy theo tài sức của mỗi người, Đức Hộ Pháp bổ dụng vào các công việc thích hợp trong công cuộc xây dựng Tòa Thánh.

Việc tạo tác Tòa Thánh khởi đầu rất thuận lợi do Đức Hộ Pháp tổ chức đồng bộ từ trung ương đến địa phương. Những kẻ đối nghịch cùng Đức Hộ Pháp ghen tức, một mặt rơi thơ xuyên tạc, một mặt vu cáo với chánh quyền Pháp để ngăn chặn không cho lương thực vận

chuyển về Tòa Thánh.

Đức Hộ Pháp nói:

– Họ quyết tâm bỏ cho thầy trò mình chết đói, họ lại loan tin thất thiệt để ly gián thầy trò mình không thể xây cất được Tòa Thánh.

Không thể tả hết những nỗi khó khăn khổ sở trong giai đoạn này mà ông Tương Bến Tre là nhân vật chính gây ra dựa vào thế lực của nhà cầm quyền Pháp xúi giục.

Rồi mọi việc vu cáo và phá hoại của kẻ nghịch cũng lần lần được sáng tỏ, như sanh thấy rõ ai là kẻ gian người nịnh, ai là người hết lòng lo cho Thầy cho Đạo.

Công việc tạo tác Tòa Thánh được tiếp tục trở lại tiến hành khả quan như trước.

CHƯƠNG IV: LỄ KHÁNH THÀNH THÁNH THẮT KIM BIÊN

1. GIÁO SƯ THƯỢNG BẢY THANH VÀNG LỊNH HTNG ĐẾN HÀ NỘI HÀNH ĐẠO

(Ngày 27-1 Đinh Sửu 1937)

Mãi đến đầu năm 1937, HTNG ở Kim Biên (*Nam Vang*) bổ Giáo Sư Thượng Bảy Thanh đi hành Đạo Hà Nội thì GS Bảy mới chịu lãnh lệnh ra đi. HTNG đánh điện cho Ban Cai Quản Thánh thất Lê Lợi tại Hà Nội biết để chuẩn bị đón tiếp.

Ông GS Bảy cùng với thư ký Nguyễn Kim Sa khởi hành từ Sài Gòn đi ra Hà Nội bằng xe lửa.

Khi xe lửa tới ga Nam Định thì có Lễ Sanh Thượng Nghĩa Thanh đón tiếp rồi cùng đi Hà Nội.

Đến ga Thường Tín thì có Lễ Sanh Thượng De Lagarde Thanh đón tiếp, rồi hiệp vào phái đoàn đi tiếp đến ga Hàng Cỏ tức là ga Hà Nội. Tại đây có Giáo Hữu Thái Abadle Thanh cùng các Chức-sắc, chức việc và Đạo hữu Hà Nội đón rước. Cuộc đón tiếp rất long trọng và nhứt là GS Bảy mặc áo tiểu phục xanh, đội khăn đóng xanh, trông rất đẹp và lạ mắt.

P phái đoàn Đạo đón tiếp và rước GS Bảy về Thánh thất Lê Lợi, địa phận Hà Nội. Nghỉ ngơi một ngày, Giáo Sư Thượng Bảy Thanh họp các Chức-sắc, chức việc và Đạo hữu tại đây để chào mừng và hỏi han tình hình Đạo sự nơi đây.

Hôm sau, ông bắt đầu đi viếng thăm các Đạo hữu cao niên. Sau đó ông đi thăm xã giao các cấp chánh quyền Pháp Việt cao cấp để tạo cảm tình của các vị này

đối với Đạo Cao Đài: viếng Tổng Đốc Hoàng Trọng Phu và Tổng Đốc Nguyễn Năng Quốc, hai vị này là Chánh và Phó Hội Trưởng Hội Phật giáo tại đây do Toàn Quyền Pasquier dựng ra để đối phó với sự truyền bá mạnh mẽ mau chóng của Đạo Cao Đài.

Tiếp theo, Giáo Sư Bảy đến hội kiến với ông Đồng Lý Văn phòng Rikenbach của quan Toàn Quyền và Thống Sứ Bắc Kỳ Yves Chatel, v.v... GS Bảy nói tiếng Pháp rõ ràng và đung giọng Paris, cử chỉ lịch sự, khiêm tốn, trình bày công việc ngắn gọn mà đầy đủ nên được các quan chức Pháp có cảm tình đặc biệt.

2. NỮ CHÁNH PHỐI SƯ HƯƠNG THANH QUI VỊ TẠI VŨNG LIÊM (NGÀY 8-4 ĐINH SỬU 1937)

Giữa tháng 5 năm 1937 (*Đinh Sửu*), Đức Hộ Pháp cùng Hội Thánh đi Nam Vang chuẩn bị và dự lễ Khánh Thành Thánh Thất Kim Biên, giao cho Bà Chánh Phối Sư Hương Thanh ở nhà lo ngoại giao với nhà cầm quyền Pháp ở những nơi nào Đạo bị làm khó dễ. Bà đi hầu tòa, rồi trở về, kể đó lâm bệnh.

Bà qui vị vào ngày mùng 8 tháng 4 năm Đinh Sửu (*dl 17-5-1937*) đúng vào ngày lễ Thánh đàn của Đức Phật Thích Ca, tại quê nhà ở Vũng Liêm, hưởng thọ 64 tuổi.

Đức Hộ Pháp được tin điện, liền thu xếp công việc rồi trở về để cùng Hội Thánh lo tang lễ cho Bà.

Một điều huyền diệu là khi Bà Hương Thanh còn sống, bà lãnh nhiệm vụ ngoại giao với chánh quyền Pháp lo việc Đạo, thì khi thoát xác đăng Tiên, bà cũng lo y như vậy. Số là Đạo xin phép khai đàn, nhà cầm quyền Pháp lúc đầu thì cho, sau lại cấm. Hội Thánh chưa biết tính sao thì bà giáng cơ nói: Để bà lo việc đó

cho, yêu cầu Hội Thánh cử người đến xin, kỳ sau thì được dễ dàng. Quả đúng như vậy.

Sau khi Bà qui vị được 17 ngày, đến ngày 25-4 Đinh Sửu (*dl* 3-6-1937), bà được Đức Chí Tôn ân tứ lên phẩm Nữ Đầu sư, vì bà là người có đại công với Đạo trong buổi sơ khai và là chị cả của nữ phái, dìu dẫn đàn em nữ phái.

Về sau, Hội Thánh đem hài cốt của bà ở Vũng Liêm về Tòa Thánh, đặt vào bửu tháp Nữ Đầu Sư, xây ở phía Tây Lang, tượng của bà được tạc ở mặt tiền Tòa Thánh, phía Nữ phái, trên Lô Âm Cổ Đài, để nhớ sanh chiêm ngưỡng một bậc Chúc-sắc nữ phái có đại công với Đạo.

Bài thài hiến lễ bà Nữ Đầu Sư Hương Thanh:

*Đầy giỏ hoa lam chất ái tình,
Y theo mặt luật của khuôn linh.
Thử căn linh thể nơi phàm tục,
Mối hưởng hồng ân chốn Ngọc Đình.
Nam Hải là bờ ao thất bửu,
Tây Ninh nền tổ quán Tam Thanh.
Thuyền từ trở lái lìa sông lệ,
Nhớ bạn chơn mây gọi tấc thành.*

3. LỄ KHÁNH THÀNH THÁNH THẤT KIM BIÊN (NGÀY 13-4 ĐINH SỬU 1937)

Trong quyển “*HISTOIRE du CAODAISME*” của Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Gabriel Gobron, có thuật rõ diễn tiến cuộc lễ này, Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng dịch ra Việt văn, xin trích ra nguyên đoạn này như sau:

LỄ KHÁNH THÀNH THÁNH THẤT NAM VANG

Lễ Khánh Thành long trọng Thánh thất Nam Vang được tổ chức vào thứ bảy, ngày 22 tháng 5 năm 1937, trong đó bài diễn văn của Giáo Sư Thượng Vinh Thanh, Phó Chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo của Đạo Cao Đài (*Phật giáo Canh tân*) là phần chánh. (*Người ta tin rằng ông Vinh là Fran Vois Hugo tái kiếp*).

Sau đây là vài đoạn trích lục dài của bài diễn văn trên:

“Khi Hội Thánh chỉ định tôi mở lời hôm nay như dịp chúng tôi sắp khánh thành Thánh thất đầu Tiên được xây dựng trong thủ đô Vương quốc Cao Miên, đã từ lâu tôi ngần ngại nhận lãnh cái danh dự đặc biệt này, sợ rằng không đủ sức cho một sứ mạng nhiều khó khăn và tế nhị.

“Phải cần có sự khẩn khoản của tất cả các hiền huynh trong Hội Thánh, đặc biệt của vị niên trưởng, Giáo Sư Thượng Bảy Thanh là người đáng kính của chúng tôi, có công đầu trong Hội Thánh Ngoại Giáo của Đạo Cao Đài hay Phật giáo Canh Tân, đã chỉ định tôi xuất hiện hôm nay trước đông đảo quan khách để cảm kích và được chọn lựa.

“Nói tiếng Pháp còn chưa chắc chắn và nhất là không quen lên diễn đàn, tôi yêu cầu quý vị khoan hồng đối với tôi.

“... Xin quý bà và quý ông tin rằng trong ngôi nhà này, quý vị sẽ tìm được sự hoà bình và hòa hiệp, sự khoan dung rộng rãi nhưt, ở đây không có một tiếng nói nào có tính cách bất hòa được thốt ra, tất cả mọi người nơi đây đều có bổn phận thương mến nhau như anh chị em ruột, vâng theo một luật pháp duy nhưt của

Thượng Đế, Đấng Tạo Hóa, Đại Từ Phụ của tất cả, không phân biệt chủng tộc và quốc gia.

“Chúng tôi chọn ngày khánh thành Thánh thất đầu Tiên nơi đây là ngày kỷ niệm thoát xác của một người Pháp vĩ đại, một nhân vật vĩ đại: đó là Victor Hugo mà từ năm 1927, Ngài là Chương Đạo thiêng liêng đáng kính mến của chúng tôi.

Chúng tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn nước Pháp, nước đã sinh ra một nhà thơ vĩ đại mà chúng ta đã học và yêu mến khi còn trên ghế nhà trường Pháp, một nước Pháp anh hùng, hào phóng và nhân đạo.

“Chính năm 1927, vị lãnh Đạo cao cấp của Đạo Cao Đài hiện nay, Ngài Phạm Công Tắc đã đến xứ Cao Miên và Chơn-Linh Victor Hugo giáng đàn trước tiên nhờ việc xây bàn, kế đó là nhờ một miếng ván nhỏ làm cơ và sau cùng là cây ngọc cơ. Nhờ đó thiết lập được Hội Thánh Ngoại Giáo của Đạo Cao Đài mà Chơn-Linh Victor Hugo trở thành Chương Đạo thiêng liêng của chúng tôi. Nhờ những lời giáo huấn của Ngài, chúng tôi truyền bá giáo lý mới, trước tiên là trên lãnh thổ Cao Miên, kế đó sang Pháp, rồi Lào, sau đó Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

“Tiếp theo xin bày tỏ lòng kính trọng đến những vị thường xuyên vận động nơi nước Pháp hay nơi Đông Dương để bình vực Đạo Cao Đài như: Luật sư Roger Laseaux, Luật sư Lortat Jacob, Thủ Tướng Albert Sarraut, các Thống sứ Richome, Silvestre, Thibaudeau, các Dân biểu H. Guernut, Marius Moutet, E. Outrey, Paul Ramadler, Marc Rucart, Jean Piot, J.M. Renaitour, M. Voirin, A. Philip, Cô Marthe Williams, Trung tá

Alexis Métois, Félicien Challaye, ông E. Tozza, Gabriel Abadle de Lestrac, Jean Laffray (*Chủ nhiệm báo La Griffre (móng vuốt)*), Charles Bellan, cựu Thống sứ Pháp tại Cao Miên, v.v... Chúng tôi xin cáo lỗi sự thiếu sót ngoài ý muốn trong bài tường trình mau lẹ này.

“Như vậy, chúng ta họp nhau đây trong sự long trọng là để khánh thành “Ngôi nhà của Thượng Đế” tại Nam Vang.

“Thời gian đã qua khá xa, nơi đảo Phú Quốc nằm trong vịnh Thái Jersey, đối diện cái vô tận của biển cả, đối diện cái vô cùng của bí ẩn tâm linh và số phận con người, qua các cuộc xây bàn của bà De Girardin và Victor Hugo.

“Thời gian cũng đã khá xa, Đấng thiêng liêng giáng điển xuống những nhóm nhỏ gia đình ở Sài Gòn, dẫn đến sự nhập Đạo của Ngài Lê Văn Trung và Ngài trở thành nhà lãnh Đạo cao cấp đáng kính của Đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân (*Đại Ấn Xá kỳ ba của Thượng Đế ở Đông phương*).

“Từ năm 1919, nhưng nhứt là từ năm 1925, phong trào của chúng tôi không ngừng trở nên vững vàng và chiếm được lòng tín ngưỡng và những tâm hồn mới trên khắp thế giới.

“Quả thật, giống như tất cả những cái mới nổi bật của thế giới, Đạo Cao Đài đã gặp phải chủ nghĩa hoài nghi, sự nhạo báng, sự ngờ vực về những biểu tượng của Đạo có ý nghĩa nhứt: Thiên Nhân mà người ta thấy trong nhóm Thông Thiên học và Triết lý học, chữ Vạn có nguồn gốc từ tất cả chủ nghĩa biểu tượng và từ tất cả khoa học bí truyền của nền văn minh thế giới.

Những biểu tượng ấy đáng kính nhứt của chúng tôi đã bị chế nhạo hay bị buộc tội vô căn cứ, vì lý do dốt nát và không hiểu biết của những kẻ phàm tục, chỉ thấy chúng tôi ở mặt ngoài.

* * *

Trong dịp lễ khánh thành Thánh thất Kim Biên Nam Vang Đức Hộ Pháp thuyết Đạo về Linh tâm.

Thưa cùng chư viên quan quý chức, quý ông quý bà, chư Chức-sắc Thiên phong nam nữ, chư Đạo hữu lương phái.

Chiếu theo ý nghĩa chữ ĐẠO là một định từ để chỉ tánh đức của loài người đối với Đức Chí Linh cùng Càn Khôn vũ trụ.

Loài người bao giờ cũng chủ tâm tìm tòi. Kiếm cái nguyên do lai lịch của mình, hầu định phận đối cùng tạo đoan vạn vật. Muốn biết mình, con người phải lột cả sự bí mật huyền vi của vạn vật hữu sanh tại thế, gọi là chúng sanh, đặng so sánh. Thấy đặng cái sống của vạn vật mới biết đặng cái sống của mình. Thấy đặng cái năng tri năng giác của chúng sanh mới tìm đặng cái tâm linh của mình là báu. Thấu đáo đặng tâm linh mới biết Thiên lương do Chí thiện. Khi hiểu cái Thiên lương ấy là mẫu nhiệm huyền bí, tả không cùng, hiểu không tột, chẳng biết lời chi mà đặt để, nên định phỏng danh là ĐẠO.

Vì cơ cho nên lấy chữ TÂM làm mục đích. Các Thánh như xưa thường đem cái triết lý ĐẠO TÂM hiệp làm môi giới, nên dầu cho các vị giáo chủ, tuy mỗi Đấng đều có cái tư tưởng đặc sắc nên triết lý cao thấp không chừng, nhưng cũng phải buộc lấy chữ TÂM làm nguồn cội. Ôi! Nếu luận đến hai chữ CHỦ TÂM thì ta cũng thấy rõ

ràng: một vấn đề thuyết không cùng, biện không tận, vì nó quảng đại bao la, vô biên vô giới, bởi nó do nơi Đức Chí Linh là Trời mà sản xuất.

Hễ Càn Khôn vũ trụ này vĩ đại bao nhiêu và cơ bí mật tạo đoan bao nhiêu thì nhơn tâm đều hưởng ứng bấy nhiêu. Dầu cho kiến thức đặng hay là còn ẩn vi mầu nhiệm mà lương tâm của con người đã hưởng ứng, đều cho mọi trí não mọi tinh thần tự hiểu rằng: sự thấu đáo chữ ĐẠO vô cùng vô tận, muôn phần loài người chưa định đặng một, vì vậy các nhà triết học đạo đức tinh thần cho nhơn tâm tức thiện tâm cũng đáng.

TÂM ấy là gì?

Ấy cũng là một định từ để chỉ cái hình bóng của trí thức tinh Thần. Đạo gọi là nhứt điểm Linh-Quang chiếu giám.

1. Đức Chúa Jêsus khi thọ pháp giải oan nơi sông Jourdain thì điểm Linh Quang ấy đến với một cái hình ảnh phi cầm là con bò câu hào quang sáng lạng.
2. Đức Phật Thích Ca khi trì định tại vườn Bồ Đề thì điểm Linh Quang ấy giáng như hình khối lửa.
3. Đức Lão Tử khi thiên định tại thư viện nhà Châu thì điểm Linh Quang ấy giáng như hình sấm sét.
4. Đức Khổng Phu Tử khi vấn đáp với Thần đồng Hạng Thác, thì điểm Linh Quang ấy giáng như hình sấm sét.

Chẳng cần luận cao xa hơn nữa, như Abraham và Moise thấy Đức Chúa Trời trong đạo hào quang sáng suốt; như Đức Lão Tử, Ngươn Thi Thiên Tôn và Thông Thiên Giáo chủ thấy Hồng Quân Lão Tổ trong năm sắc tường vân, như Phục Hy thấy Long mã phụ Hà đồ. v.v...

Nhứt điểm Linh-Quang ấy vẫn nhiều hình dáng, vẽ không nên hình, tả không nên tướng. Ấy là một huyền bí vô chùng mà các nhà Đạo đức từ thượng cổ đến chừ đã để tâm nghiên cứu tìm tàng, đôi phen phải lặn suối trèo non, chun trong hang sâu vào nơi vực thẳm.

Bởi cái chí hướng của loài người bị quyền năng của nhứt điểm Linh-Quang thôi thúc, nên trí não tinh thần cũng xu hướng theo sự bí mật ẩn vi của quyền năng tạo đoan còn chất chứa.

Hễ có tìm thì có biết, hễ biết lại còn phải biết nữa, càng biết lại càng giấu, bởi sự hay biết của tánh đức loài người chưa hề thấu đáo đặng sự bí mật tạo đoan cho cùng tận, tức gọi là “Tâm Đạo”. Hễ càng tìm càng dốt, hễ gọi biết lại là ngu, vì chưa có một mắt phàm như nào tại thế này mà Đức Chí Tôn đã giao trọn huyền vi bí mật. (*De paüvres esprits prétentent qu’ ils sont dans le secret de Dieu. Or, je ne donne à nul humain ici-bas d’ en faire la révélation.*)

Ấy vậy, chữ ĐẠO vẫn để nói mà hình vật của Đạo vốn khó tìm. Đạo do trí thức tinh Thần mà xuất hiện, chưa có một vật chi hữu linh tại thế này mà không có Đạo. Cái vĩ đại của Đạo thật là khó rõ, mà Đạo lại dễ lợi dụng.

Dưới mặt luật tương đối của đời đã biến hình, biết bao tư tưởng phô bày, biết bao tướng diện ảnh hình.

Tranh nhau từ cái khôn cái khéo, hơn nhau từ cái xảo cái ngoan, sánh nhau từ cái cao cái sâu, giành nhau từ cái sang cái trọng, để một trường luận biện chánh chánh tà tà, cho biết cái quyền năng của Đạo nó tạo cái hay sự dở.

Chưa ai lấy một triết lý đầu cao siêu thế nào đặt làm môi giới chuẩn thành hầu định đức tánh của loài người cho cùng tận thì không có một giáo lý nào dưới mặt địa cầu này đã đáng danh là Đạo.

Chúng ta không dám chối, các tôn giáo không phải là Đạo, mà chúng ta quyết hẳn rằng, các nền tôn giáo chưa đáng danh gọi Đạo. Nếu biết cái triết lý do tinh thần sản xuất thì là Đạo đã đành, nhưng nó chỉ là một tư tưởng trong vô cùng vô tận của trí thức tinh thần mà thôi, song chúng ta phải biết bao nhiêu tư tưởng khác nữa. Cái nguồn ấy chưa khô chưa cạn và chúng ta lại quả quyết rằng, hễ còn loài người thì còn có tư tưởng, cả tư tưởng ấy cho đến tận thế cũng vẫn còn.

Ấy vậy, loài người đương bôn xu trên con đường Đạo chớ chưa hề tới tận nguồn cội của Đạo bao giờ. Các tôn giáo tuy đáng danh Đạo chớ chưa phải Đạo. Tỉ như cát kia ở nơi một gò, một bãi biển, một sa mạc thì nhỏ lớn đều đặc biệt cùng nhau. Thay vì chỉ tên một gò, một bãi hay một sa mạc, lại gọi tiếng cát trơn, thì chúng ta chẳng hề chối đặt, bởi dầu một bãi, một sa mạc hay một gò, nó đều có danh là cát.

Vậy thì dầu cho tả đạo bàng môn hay là chơn tông chánh giáo, cũng đặt phép tạm xưng là Đạo, những điều khinh trọng, duy để nơi cân công bình của toàn thiên lương trí thức tinh Thần định đoạt.

Ta không dám xử, nhưng tự nhiên mỗi cá nhân để trí thức mà định phận.

Ta không đủ thông suốt dặng dung nạp các giáo lý của các nền Đạo đương thời mà Linh tâm cho ta hiểu rằng, nó chưa vui hưởng dặng cái hay của mùi Đạo.

Từ cổ chí kim, con người đã mua cái danh Đạo rất nên mắc mỏ. Cái Linh tâm của chúng ta vốn là tự do mà các tôn giáo đã buộc ràng nó trong một hành vi chật hẹp đặng bảo thủ cái thiên lương thì tức nhiên nó đem một cái báu vô giá đặng đổi chuộc một vật thường tình, e cho thế gian thất Đạo cũng do theo lẽ ấy.

Cái khí hứng của Linh tâm bao giờ cũng chú trọng theo cái hoạt động tự do, lấy thiên mạng làm căn bản thì thiên lương là tố, Linh tâm là thầy. Các tôn giáo buộc thầy tòng tố, thì rõ tả đạo bàng môn, làm cho các mối chơn truyền thành ra bất năng vô ích.

Hỏi Linh tâm do đâu mà sản xuất?

Có phải do nơi tạo hóa Chí Linh? đã ban cho loài người đặng có đủ quyền năng làm chúa cả toàn vạn vật hay chăng? Nó là Nhứt điểm linh do nơi Đức Chí Linh mà có, thì nó là con của Trời, tức nó là Trời.

Còn Thiên lương do nơi đâu mà có?

Thiên lương do nơi sự đối phó cùng vạn vật hữu hình lập phương chúc bảo tồn sanh hoạt. Không có thiên lương thì chưa biết nhìn nhau là bạn trong trường khổ nào đau thương hầu bảo thủ mạng sống lẫn nhau đặng diu dắt nhau đi tận con đường giải thoát.

Có Linh tâm mới biết mình là một vật trong vạn vật của Chí Tôn đào tạo, rồi nhìn Chí Tôn trong hình vạn vật mà tự hiểu rằng, Chí Tôn phải có tự nhiên tánh đức bác ái từ bi, mới nuôi nấng trọn chúng sanh vạn vật.

Tâm lành của trời tức là tâm lành của người. Hình ảnh vĩ đại trước kia nó biến ra hình ảnh tối thiểu sau này nên gọi nó là Thiên lương.

Vì vậy, các giáo lý của mấy vị chuông giáo từ trước đều là cơ quan un đúc bảo trọng thiên lương mà thôi. Hễ có Linh tâm tức nhiên có thiên lương, dầu không cần kiểm, tự nhiên nó cũng có. Chúng ta chưa hề dám nói các tôn giáo là vô ích mà ta chỉ than rằng: Chưa đủ.

Dạy đời cho lành mà không dạy đời cho ngoan thì chẳng khác nào dạy cho biết cái sống mà quên cho hiểu cái chết, hay là dạy cho đọc sách mà không cho học chữ. Chớ chi, các tôn giáo biết chú trọng Linh tâm hơn là cần lo gây dựng un đúc Thiên lương thì con đường chí thiện của chúng sanh sẽ đặng quang minh quảng đại hơn nhiều, mà cái Đạo của đời sẽ tùy theo Linh tâm trở nên hiền lương hơn hậu hơn. May ra khỏi khổ não của đời chưa đến nỗi to lớn nguy hiểm như thế này.

Chúng ta thoát nhiên quan sát tận tường, bởi các bằng cứ tạo đời do nơi tư tưởng của các tôn giáo hiển nhiên tại thế nên đoán chắc rằng, nếu giáo lý nào mà rộng mở cho sự tự do hoạt động của điểm Linh tâm thì điểm Linh tâm tùy theo sự nhỏ lớn của sự ân hậu khoan hồng ấy mà hưởng ứng, do đó, các tôn giáo mạnh yếu khác nhau cũng vì lẽ ấy.

Hiện thời, Đạo Thiên Chúa đã đặng thế lực mạnh mẽ, đáng danh là một tôn giáo toàn cầu, kể tổng số hơn các tôn giáo khác. Ngoài ra phương chức làm cho thành tướng các triết lý chơn ngôn, những tay cầm giềng mối Đạo đã rộng mở cho đời đôi chút tự do tư tưởng, Đạo Thiên Chúa nhờ nường cái đức tín của một Đấng Chí Tôn nên thế lực vững vàng kiên cố. Các quốc dân Châu Âu đã đặng khôn ngoan hơn, đặng tài tình hơn, đặng cao trọng hơn, tướng cũng do may hưởng các đặc ân của Đấng Chí Tôn cho rộng thế hoạt động thành hình của

tự do tư tưởng.

Trái lại, chúng ta lại buồn thay cả khu địa giới cõi Á Châu nầy chịu dưới quyền cảm hóa của Phật giáo từ cổ đến kim, nên dân sanh phải chịu lỗ bước văn minh tấn bộ.

Kiểm duyên cớ, chúng ta đã thấy hẳn rằng: Triết lý mà Phật đã bó buộc tư tưởng của con người vào một khuôn khổ hành vi chật hẹp nên mới ra đến đời. Một tôn giáo đã khuyên nhủ, đã dụ dỗ, đã yêu cầu cho điểm Linh tâm tự diệt, rồi lại để cho Thiên lương vi chủ, thì là một nền tôn giáo biểu chủ phải tự tử để cho tổ cầm quyền thì bảo sao không chịu cái nạn tán gia bại sản. Thảm thay! Nếu phải vong phước vì quốc sự bạc nhược ấy, các sắc dân nơi cõi Á châu nầy phải tìm tòi đặng học vấn với một thầy nào, tức nhiên phải đến gõ cửa Khổng gia hay tìm nhà Lão giáo.

Ông Khổng thì biểu ôm một kho sách cho đầy đầy đủ phương lược mưu mô đặng trị an thiên hạ, đặt đủ truyện đủ tuồng, đủ vai đủ vở nhưng rủi thay đời chưa kiếm đặng một mặt kép hay đặng làm tuồng theo đúng vở, thành thử không khác nào một ông thầy tuồng đặt bài vở thiệt hay nhưng không có kép tài đặng hát.

Ấy là một tôn giáo rộng lý thuyết mà hẹp thật hành, bởi thúc phước tự do tư tưởng.

Nho giáo như cái chậu, cái khôn ngoan của đời tức là Linh tâm như cây kiểng, cây kiểng ở trong chậu chẳng hề đặng to lớn bao giờ, duy để cho đời đặng ngoạn mục xem ngắm cái hay của sự u nần cùi cụt.

Ông Lão thì chỉ khuyên nhủ dân sanh nuôi nấng cái điểm Linh tâm cho cường cho thịnh, nhưng không

cho nó hoạt động biến hình, thành thử dạy đời về khôn khéo mà ghét đời về ăn ở thì chẳng khác nào như một ông thầy thuốc đã trị bệnh cho người, biểu đừng ăn cứ ngủ. Tưởng ra thì một giáo lý dạy chúng sanh nằm ngủ đặng đợi hết đời thì dẫu cho các môn đệ của người bảo thủ ven về lấy điểm Linh tâm, thì điểm Linh tâm ấy cũng hóa bất năng vô ích. Cái triết lý của Đạo Lão là một triết lý rộng mở cho điểm Linh tâm, mà trở lại một tôn giáo thúc phược Linh tâm hơn hết.

Đường Đạo vốn mệnh mông, tâm đức đi ngõ nào cho đúng ngõ? Tâm đức vốn vô ngần, Đạo lý nào cho phù hợp? Hai câu vấn đáp mật thiết tương thân này, nếu mấy vị giáo chủ còn đương thời hỏi đến cũng phải nhăn mày nhú mặt. Chúng ta cũng nên riêng tưởng rằng: Chưa có một cái quyền năng nào mà thúc phược đặng điểm Linh tâm, hầu bỏ nó vào một khuôn khổ hữu hình hữu dạng, thì tức nhiên chưa có một nền tôn giáo nào đủ tài đức quyền hành đặng làm chủ đức tin thiên hạ.

Đời phải học với cha mẹ, cha mẹ chưa đủ đức mà dạy cho nên danh, đời phải học với thầy, thầy chưa đủ đức mà dạy cho nên phận, đời phải học với vua, vua chưa đủ đức mà dạy cho nên Đạo, duy phải tìm Trời là Đấng đủ quyền năng tạo thế, lại là Cha của đức tánh loài người, thì mới đủ phương pháp dạy người cho nên người ven về. Đạo Cao Đài vốn là cơ quan để nắm tay của đời đặng dắt vào trường học của Trời mà chớ.”

4. CỨU TẾ NẠN NHÂN LŨ LỤT (NGÀY 1–9 ĐINH SỬU 1937)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(*Thập nhị niên*)

Tòa Thánh Tây Ninh

Hiệp Thiên Đài

Văn phòng

Sở Phước Thiện

Số: 3

THÔNG CÁO

Cho chư Chức-sắc Thiên phong, chức việc và toàn Đạo nam nữ.

Chư hiền huynh, hiền hữu, hiền tử, hiền muội,

Đã trót hơn tháng nay, vì nạn nước lụt càng ngày thêm nghiêm trọng làm cho trong Nam ngoài Bắc, người người đều xôn xao lo phương cứu cấp anh em đồng bào phải chịu nạn đói khó. Các báo Tây, Nam đồng hô hào cổ động kêu gào gọi mỗi thương tâm các nhà từ thiện mở lòng lân ái, kẻ ít người nhiều, đặng làm điều thiện hầu đỡ gạt trong lúc nguy khốn nầy.

Hội Thánh truyền tin buồn nầy cho toàn Đạo rõ đặng để tâm lo tán trợ với quan viên Chức-sắc của chánh phủ, hay là ủy Ban cứu tế nạn dân, đặng giúp ích cho công cuộc nầy mau được hiệu quả.

Bản tăng trần trọng để lời xin chư hiền huynh, hiền hữu, hiền tử, hiền đệ, hiền muội ráng lo phương pháp truyền bá tin nầy cho toàn Đạo hữu, vì tấm lòng từ thiện đáng quý của những bậc hảo tâm trong Đạo chẳng thiếu.

Hội Thánh xin để lời cảm tạ trước, vì phần nhiều

trong Đạo đều là hạng nghèo khó mà biết lo nghĩa hiệp, quyền trợ cho những gia đình đương cơn bị nạn thủy tai đói ỉạnh, biết lo chia sót mảnh áo chén cơm thì có chi quý bằng, xin chư hiền huynh, hiền tử, hiền muội khá để lòng sốt sáng về việc này.

Tòa Thánh, ngày 1-9 Đinh Sửu (dl 4-10-1937).

KHAI PHÁP HTĐ

Chương Quản Sở Phước Thiện

TRẦN DUY NGHĨA

Phê chuẩn

HỘ PHÁP

Chương quản Nhị hữu hình Đài

**5. ĐỨC HỘ PHÁP THUYẾT ĐẠO VỀ LUẬT THƯƠNG YÊU
(NGÀY 14-10 ĐINH SỬU 1937)**

Thưa cùng chư viên quan quý chức, quý ông, quý bà, chư Chức-sắc Thiên phong lưỡng phái, chư Đạo hữu nam nữ.

Thưa, chúng ta đã rũi sanh nơi cõi trần này, tỉ chẳng khác chi người khách du lịch. Trước khi để bước ra đi, hằng mong tưởng rằng: cái tánh háo kỳ của ta sẽ đừng thỏa mãn, ngoan mục đừng một phong cảnh tốt tươi đẹp đẽ, hứng chí thích tình.

Ôi! Biết đâu chúng ta lại chẳng mong tìm mây may sự hứng chí thích tình ấy mà phải chịu đòi phen khổ nhọc, lặn suối trèo non, thẳng nguy mạo hiểm. Chí hướng tâm thần của loài người bao giờ cũng đeo đuổi mãi theo con đường hạnh phúc, chẳng phải hạnh phúc nơi xác thịt hình hài, mà ta lại mong tìm cái hạnh phúc tinh thần hơn hết nên đòi phen ta đây đọa hình hài xông lướt đến nơi

luồng đằm hổ huyết.

Tâm chí của khách du lịch vẫn nhiều hạng tùy theo khí phách của mỗi người.

Có kẻ đã đổ đường lên đèo xuống ải tìm cho ra cảnh an nhàn, khi đến tận nơi gặp phải chốn đìu hiu quanh quẽ, non nguy nước hiểm, phong cảnh âu sầu thì nhắm mắt dậm chơn, nghiêng rặng chắc lưỡi mà than thở rằng: Uống công trình ngàn trùng diệu viễn mà lạc bước đến chốn vô tình.

Cái thất vọng ấy cũng nên cho là quá đáng, nhưng cũng có người đặng thiên tánh tự nhiên thích hợp với nước biếc non xanh, rộng bước tang bồng hồ thủy, ham hứng trăng thanh, vui mùi gió tối, quen cùng điệu thú, bạn với cỏ cây, có sẵn chất phong lưu tài tử thì đâu đâu cũng là cảnh hữu tình: dầu đẹp dầu thô, dầu hèn dầu trọng, dầu lịch xinh tươi nhuận, dầu cùi cụt đìu hiu thì cái cảnh thích của người cũng gần một giá, bởi khí hứng của khách hữu tình vốn đổ vào nơi mật thiết nhiệm mầu của máy hóa công tạo vật.

Những mặt du lịch nhà nghề này, dầu rủi để chơn nơi trái cảnh thì lại đem cả cái ái tình mà châm chế vào chốn bất phước vô duyên đặng thay thế cho cái phước thích tình, ngoạn mục. Thật ra thì nơi nào có vẻ u nhàn âm đạm lại là nơi giục bước khách hữu tình.

Những cuộc đau thảm ngờ ngờ trước mắt con người, đối với khí phách của bậc siêu hoát tâm hồn vốn y một lẽ.

Ta chẳng hiểu rõ đặng đích xác, bởi nguyên do nào mà ta đã sanh nơi thế gian này rồi ta lại chết trong vòng tục nầy, nhưng Thiên lương ta chiêm nghiệm tự biết lấy rằng: vốn chẳng phải là việc ngẫu nhiên hay vô duyên có.

Những khách đồng thuyền của ta phân ra nhiều hạng, con đường tấn bộ trí thức của mỗi kẻ vẫn không đồng, dầu cho ngậm miệng cúi đầu ruỗi dong trên ngã tự tri tự giác, hieu quanh một mình đi nữa, thì mọi điều hành động của ta cũng đã tả thành một bài học hay in vào cuốn sách đời của toàn thiên hạ.

Ôi! Ai đã mang thi phàm xác tục này rồi cũng phải chịu dưới quyền thương yêu của tạo vật, ta dầu không biết thương ai tất cả thì ta cũng buộc biết thương ta mà đã còn biết thương thân ta thì ta chưa hề đặng phép quên thương thân của kẻ khác.

Nơi trường tranh sống của con người, vốn chẳng khác chi chiến trường náo nhiệt. Nếu chẳng có cái năng lực thương yêu của Đấng Hóa Công dính vào óc não của chiến sĩ võ quân thì đời chắc phải tàn diệt lẫn nhau lâu rồi mà chớ.

Ta lại còn dám mạo hiểm xưng hô lên rằng: Con người dầu cho có nạn oán nghịch tàn hại lẫn nhau đi nữa, cũng do luật thương yêu của trời mà có vậy. Nếu như ai vẫn nạn thì ta lại trả lời rằng: Khuôn luật thương yêu chia ra hai mặt:

1. Thương mình
2. Thương người

Hai hình trạng của luật thương yêu ấy phải nương theo cây cân công bình tạo đoan mới hòa bình tâm lý. Nếu quá thương mình mà bỏ người thì bị cái điên vị ngã, còn quá thương người mà quên mình thì bị cái ngây vị chủng.

Ấy vậy, rõ thật ra thì ta đã quả quyết rằng: cũng vì cơ quan vị ngã vị chủng phản khắc tương tranh mà gây

thành loạn lạc vậy. Trời phải định cho có nơi lòng của mỗi người một cây cân công bình thiêng liêng mới đặng. Cây cân công bình ấy là chi? Ấy là Thiên lương, tục gọi là lương tâm của ta đó vậy.

Hại thay! Thiên lương hằng buộc ta phải ngó chăm chỉ sự thật của đời vì chính nó là bạn thương yêu mật thiết của đời, rồi buộc ta phải thú thật rằng: dầu cho ta muốn làm màu chê ghét đời, góm ghê đời, kinh khủng đời, chán ngán đời mà ta chưa hề buổi nào từ bỏ đặng đời bao giờ.

Trái lại, những khách hờn đời lại là người thương đời hơn hết. Cái quyền năng cảm hóa phi thường của tuồng đời, sớm thay hình, chiều đổi dạng, diễn trên sân khấu thế tình nhiều màn mới mẻ, lăm lóp hay ho mãi mãi hoài hoài, làm cho thánh giả khán quan ngồi không biết mỏi, nghe chẳng nhàm tai đặng gây sự nghiệp của đời thêm vĩ đại.

Nơi cảnh tục ta đây, Đạo gọi là sông mê bể khổ, vốn còn náo nhiệt hình bóng của loài người, là nhờ sự khéo khôn của quyền đời đào tạo.

Số khách hữu tình của đời ngày nay đã tăng thêm chín trăm hai triệu mặt.

Đời càng phụ ta lại càng thương, đời càng nguy ta càng thêm mến. Vì cố nên ta hằng thấy, hễ buổi nào đời bị khổ não hiểm nguy thì có Thánh nhưn trở mặt.

Thật sự thì đời có quyền phụ ta còn ta không phép phụ đời. Nhờ đây mà bậc thượng đẳng nhưn sanh thường nương theo bí pháp của đời mới đào luyện tinh Thần siêu thoát. Sự thế còn dài, còn người còn khổ. Có khổ mới có hay, có dài mới có thú. Cơ nghiệp của đời trâu

thập các món thuế của khách trần, phải nạp giọt đau thương, phải đóng sưu sâu thăm.

Nầy đành thương sơn, nọ nguồn lệ thủy hãy càng ngấm càng cao, càng nhìn càng rộng, dầu ta xuống hang sâu hay chen vào vực thăm, trên chẳng đặng trời dưới không thấu đất, hầu mong xa lánh nợ đời quyết tránh hồng trần tính lia thế tục, không muốn gặp mặt của bạn khách trần, kỳ lóng đặng lời ăn tiếng nói hầu mong diệt tận thất tình cho đặng đi nữa thì thoát nhiên ta sẽ thấy cả sắt đá cỏ cây phát động âm thanh xúm nhắc luật thương yêu tạo vật.

Ta dầu cứng lòng chắc dạ, chưa để cho ai cảm hóa với ngôn ngữ thường tình, khi nghe đặng ngôn ngữ của vạn linh thì ắt cái quyền lực ái tình nó tăng thêm vô độ.

Những bậc lánh trần, ta xem kỹ lại là ai?

Có phải mấy vị thầy tu là trước hết chăng?

Vậy thì có tu mới biết thương đời, chẳng phải thương đời với khuôn viên hình bóng mà vì nồng nàn của khí phách tinh ba, thì sự thương ấy mới ra cao thượng.

Ôi! Biết bao nhiêu khách đã chịu riêng đau, ấp thăm, ngậm khổ nuốt sâu, chịu lắm cuộc bể dâu, xem những nỗi nên hư thế sự.

Khi đem tàn canh lụn, ẩn thân nơi nước trí non nhân, đặng lên dòm quanh cuộc thế, gởi tình chung cho gió mát trăng thanh, nạp đức tánh cho trời cao đất rộng, một bóng một hình, không ai là bạn. Cái may của một kiếp sanh bậc siêu hoát tâm hồn đã thường phải vậy. Ấy là một kiếp sanh để cho đời phụ bạc, chớ chẳng phải cốt để phụ bạc lại đời, đến đổi dầu ép thân theo thú hạc cầm, cũng chưa gặp mặt tri âm tri kỷ, sống cũng không ai

hay, thác cũng không ai biết. Ôi! Tưởng cái lịch sử của thế tình, nếu có thiếu sót thì do nơi đây mà ra khuyết điểm.

Hỏi, nếu đời biết cảm tình, gìn ân giữ nghĩa, thì những bạn đồng thuyền ấy, ta phải khếp vào nơi hạng phẩm và giá cả bậc nào?

Đức Thích Ca bị bỏ đói, Đức Lão Tử bị cút côi, Đức Khổng Phu Tử bị xô đuổi, Đức Chúa Jê-sus bị tàn sát, nhưng may thay, dầu cho mảnh thân bị nơi tay ác độc của nhơn sanh tàn hại thế nào, khi qui Thần đời biết hiểu biết nghe, biết nhìn tiếng than thở đau thương, ái nhơn ái vật và đặng công nhận là người ân của nhơn loại thì cũng nên gọi rằng chết gặp kiếp duyên mà trừ cái khổ sống mang kiếp trái. Ta cũng nên chắc hẳn quả quyết rằng, từ thượng cổ đến chừ, cũng còn lắm bậc siêu hoát tâm hồn, thùy từ mẫn khổ, cũng gần như các vị giáo chủ trên đây nhưng thiếu cái bằng chứng ngôn ngữ thế tình mà công nghiệp của kiếp sanh phải ra mai một.

Ôi! Anh cả ôi! Anh cũng là một người đã chịu mang một kiếp sanh để cho đời phụ bạc, chớ chưa hề biết phụ bạc lại đời. Em nhớ khi đêm hôm tam tối, anh hay thuật tâm tình. Ngoài em thì chưa ai hiểu dạng chỗ để tâm trí của anh là nơi nào?

6. TỜ THỈNH NGUYỆN CỦA GIÁO DÂN HÀ NỘI

Nội dung của Tờ Thỉnh nguyện gồm 3 điểm chánh kể ra như sau: (Trích Hồi Ký của Lễ Sanh Phạm Tài Doan)

1. Xin xét lại và đặt địa phận Đạo Bắc Việt trực thuộc HTNG như cũ.
2. Xin Hội Thánh Tây Ninh cử phái đoàn ra Bắc điều tra vụ ông GS Bảy bị kết tội chia phe phân phái

mà không được xét xử.

3. Đề nghị Hội Thánh Tây Ninh cầu xin các Đấng Thiêng Liêng giáng cơ cho bài Kinh Sám Hối khác thay thế bài kinh hiện thời mượn của Minh Lý.

Điều thỉnh cầu thứ nhất nhắc lại thư thỉnh nguyện tháng 6 vừa rồi, xin đặt địa phận Đạo Bắc Việt trực thuộc HTNG như cũ để dễ bề làm việc. Tuy ông GS Bảy hiện giờ ở Vân Nam hành đạo, anh chị em vẫn coi ông như người lãnh đạo tinh thần.

Điều thỉnh cầu thứ hai nhằm giúp ĐHP cũng như Hội Thánh Tây Ninh khỏi mang tiếng nặng tay với một Chức-sắc hữu công như GS Bảy. Một cuộc điều tra và xét xử minh bạch sẽ đánh tan tất cả mọi nghi ngờ và không còn ai trách cứ Hội Thánh Tây Ninh nữa nếu quả thực ông GS Bảy có tội.

Điều thỉnh cầu thứ ba: Chúng tôi nhằm cải tiến Đạo khi nêu lên vấn đề thứ ba. Đạo hữu miễn Bắc phần lớn gồm trí thức tân học và cựu học, rất thán phục giáo lý và hình thức Đạo Cao Đài rất tân tiến như kinh kệ, cách thờ phượng, Đạo phục, việc bỏ vàng mã, bỏ đồng bóng, ma chay giản dị nghiêm trang nghĩa là Đạo Cao Đài tổng hợp cái chí thiện của Phật giáo với cái chí mỹ của Gia Tô giáo.

Nhưng anh chị em lấy làm lạ tại sao chúng ta vẫn cứ sử dụng bài Kinh Sám Hối (KSH) lỗi thời vì trong KSH chứa đựng nhiều đoạn tả cảnh tra tấn tội nhân dưới địa ngục. Chúng tôi nghĩ rằng những cảnh tra tấn dưới địa ngục là do trí tưởng tượng của người phạm phác họa ra để răn đe kẻ ác. Ngày nay con người đã tiến hơn xưa về mặt trí tuệ, chúng ta không thể gạt

họ hay mê hoặc họ bằng những hình thức mê tín nữa.

Chúng tôi thiết nghĩ Đạo Cao Đài xuất phát từ cơ bút nên đề nghị Hội Thánh TTTN cầu cơ xin Đức Chí Tôn bài KSH khác, nếu không đổi thì xin bớt những đoạn tả cảnh tra tấn dưới địa ngục. Việc thay đổi KSH không thể coi là sai chơn truyền vì bài KSH hiện thời mượn của bên Minh Lý, sự thay đổi sẽ lôi cuốn thêm nhiều trí thức vào Đạo.

ĐẠO NHỰT THƯỜNG HÀNH LÀ SÁM HỐI TÂN KINH

Buổi đầu Khai-Đạo, Đạo Cao Đài chưa có đủ kinh nên các Đấng mới dạy ông Vương Quang Kỳ và các vị Thiên sứ qua bên chi Minh Lý thỉnh kinh. Lần thỉnh kinh đó không thấy có ai nói rõ có bài kinh sám hối hay không?

Sự thật đến năm 1928, nhị vị Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt cho in quyển “*Tứ thời nhựt tụng kinh*” (có Hội Thánh kiểm duyệt) không có bài Kinh Sám Hối (tiểu đệ còn giữ nguyên bản)

Năm 1930 trong tập “*Đại đàn nghi tiết*” Ngài Thượng Đầu Sư mạnh dạn bỏ các bài: Cầu cơ, Mừng thay, Tịnh khẩu chú, 3 bài dâng tam bửu của chi phái.

Năm 1937 họ Đạo Hà Nội dâng thỉnh nguyện thư xin thay bài Sám Hối bằng bài khác.

Năm 1970 họ Đạo Định Tường, HTLVT yêu cầu tạm ngưng cúng bài Kinh Sám Hối vì không còn phù hợp với sự tiến hóa của nhơn sanh.

Vào đầu Xuân năm Mậu Dần (1938) Đức Lý Giáo Tông giáng cơ cho bản kinh “*Đạo nhựt thường hành*” có 28 bài lục bát dễ đọc (chỉ có bài 22 và 27 viết theo thể

song thất lục bát). Đạo nhật thường hành dạy thực hành Đạo (cúng, tịnh) hằng ngày. Cuối mỗi bài có niệm danh Thầy (1 lạy rồi đọc tiếp bài kế).

ĐNTH nêu lên phương pháp tu thân có 6 mặt tu thân:

1. Tam cương
2. Ngũ thường
3. Tình thầy trò, thân bằng quyến thuộc
4. Sinh hoạt tâm linh
5. Luyện kỹ
6. Cuộc sống đời thường

Còn về giáo lý, bản kinh có những quan niệm về vũ trụ quan, nhân sinh quan, luân hồi, luật cảm ứng, luật vô ngã, ngũ giới cấm, tứ đại điều quy và công bình bác ái. ĐNTH hơn hẳn kinh sám hối về mọi mặt, quả xứng đáng và đến lúc thay kinh sám hối bằng kinh ĐNTH.

Đức Lý kết luận: *“Những kẻ biết tuân theo ĐNTH thì được Thần linh bảo giám, hộ mạng hằng ngày, chẳng bao lâu sẽ đặng phát huệ và rõ cơ mẫu nhiệm”*

*** Chú thích:**

Đạo Phật, Đức Thích Ca không thuyết pháp ban kinh. Mỗi bộ kinh ra đời đều do một vị thỉnh pháp truyền lại. ĐNTH trong văn tịch pháp do Thái Bạch truyền ở Ngũ Phụng Kỳ Sơn. “Kỳ sơn động, Ngũ phụng cung” là cái động nhỏ nằm trên đỉnh núi Heo, phía sau núi Bà trông qua núi Phụng (nhà Đại Đồng nuôi các hướng Đạo sinh). Trên động có viết 6 chữ lớn: “Kỳ sơn động, Ngũ phụng cung”, nằm trên đất của ông Lê

Văn Sở tín đồ Cao Đài Tây Ninh.

7. CÔNG VIỆC TRUYỀN ĐẠO TẠI HÀ NỘI

Trước khi Hà Nội được Hội Thánh TTTN bổ Chức-sắc ra truyền Đạo thì tại đây đã có ông Bùi Văn Hòa, sanh quán tại Bắc Việt, làm công chức trong Sở Bưu Chính, đổi vào làm việc ở Nam Kỳ, gặp thời kỳ Khai-Đạo Cao Đài, ông liền nhập môn theo Đạo và đắc phong Lễ-Sanh phái Ngọc, Thánh danh là Ngọc Hòa Thanh. Năm 1930, ông Hòa hưu trí trở về Bắc, sống tại Hà Nội. Ông Lễ-Sanh Hòa không có liên lạc với Hội Thánh nên TTTN không biết ông đã về Hà Nội.

1. Năm 1934, Hội Thánh TTTN bổ Giáo Hữu Thượng Tuất Thanh (*Nguyễn Văn Tuất*) quê quán ở Nam Định đi truyền Đạo ở Bắc Việt và Hà Nội. Ông Tuất ra đến Bắc, chưa đầy 1 tháng thì ông lâm bệnh nặng và qui liễu. Ông được Hội Thánh TTTN truy phong: Đầu địa phận Đạo Vô Vi Bắc Việt. Ông GH Tuất thường giảng cơ dạy Đạo trong địa phận Bắc Việt và mách bảo cho Chức-sắc mỗi khi sắp có biến.

2. Hội Thánh bổ ông Giáo Hữu Thượng Chũ Thanh (*Đặng Trung Chũ*) ra thay thế ông Giáo Hữu Tuất. Ông Chũ đến Hà Nội, ở tạm nơi nhà người quen ở ngõ Túc Mặc, phố Ga Hàng Cỏ. Mật thám Pháp tại Hà Nội canh chừng ông quá gắt, ông không hoạt động được gì, nên ông xin Hội Thánh cho ông trở về Tòa Thánh.

3. Năm 1934, lần này Hội Thánh TTTN cử ra Bắc một phái đoàn truyền giáo do Giáo Hữu Thượng Ngoạn Thanh (*Nguyễn Văn Ngoạn*) cầm đầu gồm các vị: Lễ-Sanh Thượng Điểm Thanh, CTS Thạch, PTS Phòng.

Phái đoàn truyền giáo khi tới Hà Nội liền bắt liên

lạc với “*Hội Nam Kỳ Tương Tế*” để nhờ giúp đỡ. Quý ông trong Hội Tương Tế là Mai Văn Biên, Mai Văn Nghĩa, Hồ Trọng Tuân, liền xin nhập môn vào Đạo Cao Đài và tích cực lo lắng, tìm mượn nhà để lập Thánh Thất truyền Đạo.

Quý vị ấy mượn được một căn nhà ở phố Harmand để lập Thánh thất và làm văn phòng. Thánh Thất này được tạm gọi là Thánh thất Harmand là Thánh thất đầu tiên thiết lập tại Hà Nội, là cơ sở đầu tiên để truyền bá Đạo Cao Đài.

4. Đạo mới lập còn rất nghèo, không đủ tiền để mượn nhà lâu dài, đành phải dời đi. Có một Đạo hữu tâm Đạo là Phan Đăng Chúc hiến cho Đạo một phần căn nhà đang ở của ông để làm Thánh thất, ở số 20 ngõ Quỳnh Lôi, đường Bạch Mai, thuộc ngoại thành Hà Nội. Tại đây số người nhập môn theo Đạo mỗi lúc một đông. Thánh thất Quỳnh Lôi trở nên chật chội nên Ban Cai Quản Thánh thất định mượn một căn nhà rộng hơn để làm Thánh thất.

5. Ban Cai Quản thuê được một cái nhà rộng gồm 2 căn tại phố Lê Lợi số nhà 49 – 51. Thánh thất được dọn về đây chiếm 1 căn, còn 1 căn để làm văn phòng. Nơi đây tạm gọi là Thánh thất Lê Lợi.

Phấn khởi về những thành quả tốt đẹp, Hội Thánh TTTN bổ thêm 2 vị Chức-sắc để tăng cường phái đoàn truyền giáo, đó là 2 vị: Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh và Nữ Lễ Sanh Hương Thơm (*Nguyễn Thị Thơm là bạn đời của ông Lê Thế Vĩnh*).

Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh lo tổ chức hệ thống hành chánh Đạo, thành lập địa phận Đạo Bắc Việt,

Họ Đạo Hà Nội, các Quận Đạo và Hương Đạo, tạm cử Chức-sắc và chức việc cai quản các cấp.

Thấy đã ổn định việc Đạo nơi đây, ĐHP liền rút Ngài Tiếp Thế và Bà Lễ Sanh Hương Thơm trở về TTTN. Hội Thánh liền bổ Giáo Sư Thượng Bảy Thanh hành Đạo Hà Nội để tiếp nối và phát huy việc Đạo tại đây và ông Giáo Sư Bảy thành công rực rỡ tại Hà Nội.

Nhưng ông Giáo Sư Bảy lại phạm tội lập phe phân phái nên bị ĐHP buộc lòng phải ra Thánh lệnh ngưng quyền và giáng cấp xuống tìn đồ sau đó thì trục xuất.

ĐHP bổ Giáo Sư Ngọc Non Thanh ra thay thế Giáo Sư Bảy và bổ Lễ Sanh Giáo Thiện Nguyễn Văn Ráng (*Đạo hiệu Hiệp Phố*) ra Hà Nội lập các cơ sở Phước Thiện.

Giáo Sư Ngọc Non Thanh yếu kém năng lực hành Đạo làm việc không kết quả nên Hội Thánh rút về Tòa Thánh và bổ Giáo Sư Thái Đến Thanh ra thay thế.

Giáo Sư Đến là nhà nho học uyên thâm, thuyết Đạo rất hay nên rất được các tìn đồ trí thức cự học tôn trọng. Mấy năm sau, chiến tranh thế giới lan rộng, các Chức-sắc đều trở về miền Nam, giao việc hành Đạo lại cho các chức việc tại Hà Nội.

8. ƯỚC VỌNG CỦA HỘI THÁNH CAO ĐÀI

Cái nguyện vọng thiết yếu của chúng tôi là Pháp triều hải ngoại biến thành như hình chánh quốc. Nó sẽ thay tướng mỗi ngày dưới tài hành động hay ho của Mẫu quốc và cả lực lượng của chúng tôi chú trọng về sự tăng tiến này làm thế nào cho các đồng hương chúng tôi thấy đặng và hiểu đặng.

Một nguyện vọng riêng nữa mà nguyện vọng này liên hiệp với tài cảm hóa Lang Sa là trong phạm sự của chúng tôi khỏi bị khuất nhục đối với các nền tôn giáo khác vì cả người từng giáo có thể bị quấy tưởng rằng lòng phước thiện của chúng tôi không chơn thật bởi không thể biểu diễn nó ra đặng.

Đã trải qua mấy năm rồi, vì không hiểu luật pháp Lang Sa thi hành nơi cõi Đông Dương, chúng tôi nong nả lập một dưỡng lão đường, một ấu trĩ đường, một cơ quan công nghệ cho hạng trai tráng và thất nghiệp và tìm muôn chước mong nâng đỡ các bạn chúng tôi, vì họ cần cho chúng tôi vừa giúp.

Chúng tôi đã bị buộc tội ra trước tòa án, và vì riêng chịu hại mà đặng hiểu rằng: Phước Thiện là điều độc chiếm của quốc gia hay là riêng để cho một phần người thôi.

Sự thi hành luật pháp này phản khác với tôn chỉ cũ kỹ, quảng đại của Nho giáo và cũng là cái trở lực làm cho chúng tôi không thể tuyên truyền tư tưởng Pháp triều cho những hạng người chơn chất đến chúng tôi với tấm lòng chơn thật và trí ý đơn giản trong điều tận thiện. Họ không quen với Machiavel (*mưu Thần của Ý Đại Lợi nghĩa là xảo trá và gian ngược*) và họ cũng không hiểu cái ý định của lẽ quốc chánh là gì?

Trước mắt họ có hiển nhiên nhiều điều nghịch hẳn với tâm lý công bình của họ khi đã thấy những kẻ từng giáo Gia Tô đặng bày bố các cơ quan Phước Thiện mà lại đặng nhờ chánh phủ trợ giúp, còn Đạo Cao Đài đeo đuổi theo mục đích đại đồng và sự hành tàng với nguyên liệu hẹp hòi của họ mà cũng không

đặng quyền lập cơ thể tương trợ lấy nhau rất cần yếu cho những kẻ nghèo hèn là vì Đạo thiếu quyền chủ sản (*Personnalité civile*).

Những huê lợi của chúng tôi đã bị phá tán ngay khi nó mới nảy sanh ra vì Đạo Cao Đài chẳng đặng làm chủ sản nghiệp chi của nó chưa đặng nhìn nhận về chánh thể và cũng không tạo đặng một hội giáo hầu làm chủ sản nghiệp.

Kể một người phẩm giá thường tình mà chống chỏi với dục tâm có thể khai quyết rằng: “*Cả của cải nầy là của tôi*” và đặng làm chủ vĩnh viễn gia nghiệp của họ đứng tên, khi họ đã hiểu chúng tôi không có phương nào buộc tội họ trước tòa án thì mới để tin sao đặng?

Chúng tôi cầu xin thiết yếu cho điều khuất phục ấy tiêu hủy và xin đặng phép lập một Hội giáo rồi lấy đó đứng làm chủ sản nghiệp đặng dùng để cứu giúp kẻ nghèo hèn.

Chừng đó, chúng tôi sẽ có đủ quyền nói đến lòng nơn hậu của Pháp triều và bày tỏ ra rằng tinh thần Thiên Chúa giáo và Nho giáo không có phản khắc cùng nhau và tôn chỉ Lang Sa, nếu thật hành cho chánh đáng thì giúp hay cho sự mở mang và điều hạnh phúc cho quốc dân Nam Việt. Sự tăng tiến nầy, quốc dân Nam chẳng hề trông nơi vương quyền bạc nhược của họ mà có đặng.

Xin cho chúng tôi có phương pháp đặng đeo đuổi theo thượng đạo của chúng tôi tức là cái thượng đạo của các Ngài đó vậy và dùng để cho chúng tôi chịu khuất phục dầu trong xứ bảo hộ cũng vậy là nơi mà Đạo của chúng tôi đã cảm hóa đặng chiến đấu với sự tham tàn

đương nhiên thành hại.

Ấy chẳng phải nhà vua không muốn tôn chỉ của chúng tôi, mà tại các tham quan ô lại bị nó chỉ trích, nên xung đột chiến đấu đặng làm cho ngăn trở cái tài cảm hóa của nó.

Ấy là Việt Nam tối cổ của quan lại buổi xưa, ấy là xứ Cao Miên cũ kỹ với tục lệ lâu đời đã hiểu cả giá trị tinh thần giáo lý của chúng tôi mà do các quan lại phát lộ cho thất phát điều lợi của họ. Thật chẳng hề khi nào phải chính nhà vua vì nhà vua cũng thường muốn cho cả quốc dân mình đặng hưởng hạnh phúc.

Chung quanh chúng tôi, xúm xít những hạng lao động về đất điền, hạng thương như nho nhỏ, hạng người chơn thật chẳng biết mưu chước là gì, hạng người duy biết lành gọi là lành và chỉ trông mong nơi kết quả của sự làm lụng của họ, hạng đã đeo đuổi theo sự sanh hoạt “*không trông công danh mà cũng không trông lợi lộc*” là theo lời của Edmond Rostand; tuy họ không có tìm kiếm cái đặc ân nào, duy ít nữa muốn gìn giữ đặng cả của cải do bởi công trình làm lụng của họ.

Ấy vốn là những người đã không chịu từ bỏ đức tin và thờ phượng tổ phụ của họ, dầu rằng nhiều sở lợi họ có thể thủ, ấy cũng là những hạng người mà họ trọng kính sự phải bất cứ nơi nào mà đến và kể cho rằng: xa lánh một giáo lý cao thâm và tinh khiết có thể gần gũi cùng Đạo nhà của họ là một điều thất đức.

Muốn làm cho ra hiện tượng những phương cách ấy, chúng tôi định, cũng như mọi việc khác là duy để tín nhiệm trọn vẹn nơi Pháp triều vì lịch sử của Pháp đã đứng đầu văn hóa, quyết định lẽ này và chúng

lôi trông đợi với tấm tình nhân nại cho qua đổi khảo đảo thử thất chúng tôi và những điều liễu kết hay ho đã thành tựu, e cho không thường trọn khai cho Pháp triều hiểu thấu.

Chùng ấy nước Pháp sẽ nhìn nhận chắc rằng: do nơi tay của nước Pháp thấu hết đặc ân trước nhứt theo đường tấn hóa ban cho chúng tôi và trong cơn ấy nước Pháp sẽ ân hận lấy mình là trễ rộng đưa tay mà dìu đỡ chúng tôi đó.

Lập tại Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh

Ngày 12 tháng 11 năm 1937

Ký tên

PHẠM CÔNG TẮC

Giáo chủ Đạo Cao Đài hay Phật giáo Chấn hưng

9. ĐẠO LUẬT NĂM MẬU DẦN (NGÀY 8-1 MẬU DẦN 1938)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Thập nhị niên)

Tòa Thánh Tây Ninh

TỜ KIẾT CHỨNG

Của chư Chức-sắc Thiên phong toàn thể Chánh Trị Đạo.

Nhóm tại Tòa Thánh ngày mừng 8 tháng giêng năm Mậu Dần (dl 7-2-1938). Khi Lễ Viện rước Đức Hộ Pháp đến nhà hội, chư Chức-sắc Thiên phong nam nữ đồng đứng dậy chào mừng. Có mặt:

*** HIỆP THIÊN ĐÀI:**

- Đức Hộ Pháp
- Ông Khai Pháp Trần Duy Nghĩa
- Ông Tiếp Lễ Nhạc Quân Trần Quang Thế

- ▣ Ông Tả Phan Quân Trang Văn Giáo
- ▣ Ông Truyền Trọng Nguyễn Tấn Chúc
- ▣ Ông Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến
- ▣ Ông Sĩ Tải Huỳnh Văn Đại
- ▣ Ông Sĩ Tải Nguyễn Văn Hợi
- ▣ Ông Sĩ Tải Võ Thành Quốc
- ▣ Luật Sự Nguyễn Văn Hoa

*** CỬU TRÙNG ĐÀI:**

Nam phái:

- ▣ Quyền Ngọc Chánh Phối Sư Ngọc Trọng Thanh
- ▣ Quyền Thượng Chánh Phối Sư Thượng Chử Thanh
- ▣ Quyền Thái Chánh Phối Sư Thái Phấn Thanh.
- ▣ **Giáo Sư:** 9 vị
- ▣ **Giáo Hữu:** 13 vị
- ▣ **Lễ Sanh:** 187 vị

Nữ phái:

- ▣ Bà Phối Sư Hương Hiếu
- ▣ Bà Giáo Sư Hương Nhiều
- ▣ Bà Giáo Sư Hương Quế
- ▣ Bà Giáo Sư Hương Châu
- ▣ **Giáo Hữu:** 6 vị
- ▣ **Lễ Sanh:**...

Đức Hộ Pháp mời chư Thánh đứng dậy tụng Kinh Nhập Hội, rồi để lời cảm ơn chư Chúc-sắc đương quyền tộ về dự hội đông đủ và dẫn giải các cơ quan trong nền Chánh Trị Đạo, tóm tắt đại ý như vậy:

Hiện nay trong nền Chánh Trị Đạo của Đức Chí Tôn có bốn cơ quan là:

1. Hành Chánh
2. Phước Thiện
3. Tòa Đạo
4. Phổ Tế

- HÀNH CHÁNH là cơ quan để thi hành các luật lệnh của Hội Thánh hoặc của chúng sanh dâng lên mà đã có Quyền Chí Tôn phê chuẩn, nghĩa là buộc chúng sanh phải tuân y luật pháp mà đi trên con đường Đạo đức cho đặng thông dong, hòa bình, trật tự, hạnh phúc, an nhàn, tức là thật hành cả khuôn viên luật pháp cho ra thiết tướng.
- PHƯỚC THIỆN là cơ quan bảo tồn sanh chúng trên đường sanh hoạt nuôi sống thi hài tức là cơ quan giải khổ cho chúng sanh tâm phương bảo bọc những kẻ tật nguyên, cô độc, dốt nát, ít oi, hoặc giúp tay cho bên hành chánh thi hành luật pháp cho đặng dễ dàng trọn vẹn.
- TÒA ĐẠO là cơ quan bảo thủ chơn truyền, gìn giữ luật pháp, chăm nom chư Chức-sắc, Chức việc và Đạo hữu thi hành phận sự, chở che những kẻ yếu tha, binh vực những người cô thế hoặc tiếp cả sự uất ức bất công của toàn sanh chúng, tức là giữ nét công bình trên mặt Đạo, lại cũng là một cơ quan giúp cho Hành Chánh, Phước Thiện và Phổ Tế thêm oai quyền mạnh mẽ, tôn nghiêm đặc sắc. Tóm lại là phương bảo toàn sanh chúng khỏi điều thống thiết đau khổ với nét oai nghiêm của Chức-sắc đương quyền Hành Chánh.
- PHỔ TẾ là cơ quan để cứu vớt hoặc độ rỗi những người lạc bước thối tâm, cùng an ủi khuyên lơn những kẻ đã bị luật pháp buộc ràng mà phước vong

phận sự, hay là độ rồi những kẻ Hữu tâm tâm Đạo.

Tổng hợp 4 cơ quan này lại gọi là toàn thể Chánh Trị Đạo.

Mỗi năm, ngày vía Đức Chí Tôn, cả Chức-sắc Thiên phong nam nữ có trách nhiệm trong nền Chánh Trị Đạo phải hội nhóm lại đăng chia ra quan sát tở Vi Bằng của Quyền Vạn Linh ước vọng, cùng tầm phương pháp thật hành cho nên mặt Đạo.

Sau khi bốn cơ quan hiện hữu của toàn thể chánh trị Đạo hiệp nhau lập luật và quyết định phương pháp thật hành thì buộc Hội Thánh phải thi hành y theo, tức nhiên nó sẽ thành luật, vì bởi theo thiên ý của Đức Chí Tôn là để trọn quyền cho chúng sanh tự lập luật mà tu, nên **các nguyện ước của Quyền Vạn Linh cầu nài và Quyền Chí Tôn công nhận nhập thành với Tân Luật gọi là Luật Hội Thánh.**

Ấy vậy,

- Bên hành chánh, ông Ngọc Chánh Phối Sư hiệp cùng nhị vị Thái và Thượng Chánh Phối Sư lo sắp đặt đăng quan sát.
- Bên Phước Thiện thì có ông Khai Pháp HTĐ làm đầu.
- Bên Tòa Đạo thì chư vị Sĩ Tải HTĐ hiệp nhau lập luật và định phương pháp thực hành.
- Bên Phổ Tế thì có Giáo Sư Thượng Đức Thanh và bà Giáo Sư Hương Quế hiệp nhau lo lắng.

Đến ngày 14 này, phải hội hiệp lại đăng chung nhau bàn định.

Tới đây hết điều bàn tính, Đức Hộ Pháp truyền tụng kinh Xuất Hội. Bãi hội lúc 11 giờ rưỡi

**10. HỘI THÁNH DẠY TOÀN ĐẠO CẦU NGUYỆN CHO THẾ GIỚI
ĐƯỢC HÒA BÌNH (NGÀY 13-8 MẬU DẦN 1938)**

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Thập nhị niên)

Tòa Thánh Tây Ninh

Văn phòng

Nội Chánh

CHÂU TRI số 60

Quyền THÁI, THƯỢNG và NGỌC CHÁNH PHỐI SU

Gởi cho chư Chức-sắc Thiên phong,

Chức việc và Đạo hữu nam nữ,

Kính chư hiền huynh, hiền hữu, hiền tử, hiền muội.

Hội Thánh cho toàn Đạo biết rằng: Trong Càn Khôn thế giới chỉ có một Đấng công bình hơn hết, biết thương yêu như loại là Đức Chí Tôn. Ngài biết cái đời người vì miếng đỉnh chung mới chất đầy oan nghiệt nơi bể khổ sông mê mà phải chịu đọa đày muôn kiếp.

Vì đó, Đức Chí Tôn mới hiệp cùng Thần, Thánh, Tiên, Phật, hầu khai mỗi Đạo huyền vi nơi miền Đông Á cho toàn như loại hưởng nhờ về chủ nghĩa đại đồng hòa bình thế giới.

Muốn cho hòa bình thì phải biết thuận lòng Trời mà thật hành chữ thiện, biết lẫn tuất thương sanh, biết yêu người mến vật, dầu cho cầm thú côn trùng cũng không nỡ đành lòng sát hại.

Hướng cho con người tối linh hơn vạn vật, lại chẳng thương xót đó sao? Dầu sắc dân nào cũng là con chung của một Đấng Tạo Đaoan, đồng sanh đồng hưởng,

nhưng phần đông bất tòng Thiên lý mới hóa ra trường náo nhiệt náo nức, rối cuộc rối biết bao nhiêu thống khổ, những điều đau thảm mất còn, đui hiu cảnh vật.

Ai đứng làm người đã có đủ tai mắt như ai, há chẳng thương tâm đổ lụy về cái nạn ách nước tai trời với đao binh dấy loạn. Bởi vậy mấy tháng nay, chúng ta đã hết lòng cầu nguyện cho toàn thiên hạ được thái bình, diu dắt nhau đi trên con đường Thánh đức. Nhờ chí tâm thiện niệm của chúng ta ngày nay mới thấy câu: Hoàng Thiên bất phụ Đạo tâm nhưn, nên lời chí nguyện kia đã kết quả.

Hiện giờ thế giới đã hòa bình, các nước liệt cường đã yên tịnh, thế thì tai biến đã hầu qua, chúng sanh cũng nên vui mừng thấy được những điều hạnh phúc, với cái lòng sở nguyện của chúng ta từ thử đến giờ, đời người đâu không rõ, Trời Phật cũng quang minh.

Vậy thì khi đến ngày 30-8 Mậu Dần, Chúc-sắc, Chúc việc và Đạo hữu nam nữ tựu lại Thánh thất sở tại, trước dâng lễ Đức Chí Tôn, sau tỏ lòng cảm tạ ơn Ngài và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Nhờ Ngài mà miền Âu Châu được hòa bình yên tịnh. Còn Á Đông cũng được biển lặng trời êm, khỏi xảy ra những điều khốc hại tai nạn cuộc đao binh rối loạn.

Chư Đạo hữu phải thành tâm trai giới, hết lòng cầu nguyện mới cảm hóa lòng Trời thì ắt gặp phước lành chan rười.

Châu Tri nầy gởi cho toàn Đạo thi hành y theo lệnh dạy.

Lập tại Tòa Thánh, ngày 13-8 Mậu Dần (dl 6-10-1938)

Quyển Thái CPS

Quyển Thượng CPS

Quyển Ngọc CPS

GS Thái Phấn Thanh GS Thượng Chử Thanh Ngọc Trọng Thanh
Phê chuẩn

HỘ PHÁP

Chương Quản. nhị hữu hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng
PHẠM CÔNG TẮC

.....

11. HỘI THÁNH DẠY CÁCH LẠY VÀ TANG TẾ SỰ (NGÀY 18-8 MẬU DẦN 1938)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Thập nhị niên)

Tòa Thánh Tây Ninh

Văn phòng

Nội Chánh

CHÂU TRI số 61

Quyền THÁI, THƯỢNG và NGỌC CHÁNH PHỐI SỰ

Gởi cho chư Chúc-sắc Thiên phong, chúc việc và Đạo hữu nam nữ,

Kính chư hiền huynh, hiền hữu, hiền tử, hiền muội.

Từ ngày Đức Chí Tôn Khai-Đạo đã 12 năm rồi mà chư Chúc-sắc, chúc việc và Đạo hữu chưa hiểu cách lay ra sao nên Hội Thánh nhắc lại một lần nữa, trong Tân Kinh trang số 5, còn Thánh Ngôn Hiệp Tuyển trang số 12, có cắt nghĩa rõ ràng, tại sao không chịu hiểu?

Mỗi khi đàn lễ, ngày vía các Đấng hay là tuần tự, có nhiều vị không biết lay là chi? Buộc lòng Hội Thánh phải nhắc lại và chỉ rõ các khoản sau đây:

► Khoản chữ A:

1. **Lạy Thầy 3 lạy, mỗi lạy 4 gật, mỗi gật niệm:** Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.
2. **Lạy Phật, lạy Tiên, lạy Thánh:** 3 lạy, mỗi lạy 3 gật, (1) mỗi bài kinh đều có chỉ câu niệm đã rồi không cần nhắc lại.
(1) Bậc Thánh như Đức Khổng Phu Tử là Tam Giáo Chủ và Tam Trấn mới lạy 9 lạy, còn các Thần, Thánh khác thì lạy có 3 lạy.
Còn xá bàn Hộ Pháp là tại Tòa Thánh và các Thánh thất, còn các nhà tư như tuần tự có vọng bàn Hộ Pháp mới xá. Còn nơi nào không có bàn Hộ Pháp thì không buộc phải xá, có nhiều khi nhà tư hoặc lễ vía hiển các Đấng cũng xá đó là sai phép.
3. Từ Đầu Sư đổ lên qui vị hoặc tuần tự thì lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật, mỗi gật niệm danh hiệu và tước phẩm vị ấy.
4. Từ Chánh Phối Sư đổ xuống Lễ Sanh thì lạy 3 lạy, không có gật.
5. Chánh Trị Sự đổ xuống tín đồ lạy 4 lạy.
6. Còn lạy người thì 2 lạy.

Nhớ lấy dấu Phật Pháp Tăng duy có một mình Đức Chí Tôn mà thôi, còn lạy Thần, Thánh, Tiên, Phật thì không có lấy dấu chi hết.

► **Khoản chữ B:**

1. Về việc tuần tự, người nào được 10 ngày chay sắp lên mới được thọ bửu pháp, nghĩa là có làm phép xác thì được dùng Tân Kinh, từ nhứt tuần cho đến Đại Tường, còn dưới 10 ngày chay thì không được làm phép xác, không được tuần tự y theo Tân Kinh, chỉ được cầu siêu bạt tiến, nghĩa là : Tụng

bài “Đầu vọng bái Tây Phương Phật Tổ” và tụng “Di Lạc Chơn Kinh” mà thôi. Hai hạng này được thượng số cầu siêu cho vong linh.

2. Con nít từ 3 tuổi sắp lên, giữ được 10 ngày hoặc chay trường cũng được làm phép xác y như Tân Kinh. Tuy nhỏ tuổi mặc dầu mà Chơn-Linh trong sạch lại biết từng theo luật pháp của Đức Chí Tôn nên được hưởng ân huệ ấy.
3. Trong nhà con kiến có Đạo, có thờ Đức Chí Tôn mà cha mẹ hoặc một người con nào không có nhập môn, rúi có qui vị thì Đạo hữu được đến cầu siêu hoặc bạt tiến, chớ không làm theo Tân Kinh và không thượng số được vì không có chơn trong Đạo và không phải môn đệ của Đức Chí Tôn, cũng không được đi thuyền Bát Nhã.
4. Việc quan hôn tang tế, nhứt nhứt đều dùng toàn đồ chay, nếu nơi nào còn làm nửa chay nửa mặn, Chúc-sắc chúc việc không được dự đến mà còn phật chủ nhà là khác.

Châu tri này phải truyền bá cho toàn Đạo nam nữ rõ, sau khỏi điều than van oán trách.

Lập tại Tòa Thánh, ngày 18-8

Mậu Dần (dl 10-10-1938)

Quyển Thái CPS Quyển Thượng CPS Quyển Ngọc CPS

GS Thái Phấn Thanh GS Thượng Chử Thanh Ngọc Trọng Thanh

Phê chuẩn

HỘ PHÁP

Chưởng Quản nhị hữu hình Đài

Hiệp Thiên và Cửu Trùng

PHẠM CÔNG TẮC

12. ĐỨC HỘ PHÁP THUYẾT VỀ CHƠN PHÁP (NGÀY 15-9 MẬU DẦN 1938)

Đức Chí Tôn đào tạo Chơn pháp vô lượng vô biên để cho Nhơn loại thi hành mà đoạt phẩm vị Thiêng liêng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Chơn pháp cũng có một như Chơn luật vậy.

Chơn luật của Đức Chí Tôn đã chỉ rõ là thương yêu, còn Chơn pháp là công bình.

Luật pháp của Đức Chí Tôn đã chỉ rõ ra sau đây thì toàn cả Nhơn sanh đều nghe hiểu biết và thường nói: Chỉ có một điều là tại không thực hành. Nếu con người dưới thế này đồng thi hành y theo Chơn pháp công bình thì đời sẽ trở nên tận thiện tận mỹ mà cơ tận diệt sẽ tiêu tan không còn thấy tấn tuồng bi ai thảm đạm như thế.

Tóm lại, cái sở hành Chơn pháp công bình chỉ dùng một câu: “*Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân*”, nghĩa là: **Những điều nào mình chẳng muốn ai làm cho mình phải buồn than đau đớn thì tức nhiên ta không nên làm mấy điều ấy cho người khác.**

Pháp công bình của Đức Chí Tôn là một cây cân song bằng, một đầu là Tiên thật, một đầu là quỷ ma, chánh tà phân biệt đôi bên, ấy là pháp công bình lành thưởng dữ răn, lành siêu dữ đọa.

Đức Chí Tôn muốn cho con cái của Ngài đều đứng cao thẳng phẩm vị Thiêng liêng, chớ không bao giờ Ngài tạo địa ngục để đày đọa hình phạt Nhơn sanh mà trái lại do Nhơn sanh tạo thành cảnh khổ ấy.

Ví dụ như một ông cha trong gia đình, có khi nào

lập khám đường ngục thất để cầm tù con bao giờ. Những điều khổ hạnh ấy là tự nơi con người đào tạo nơi mặt thế này, cũng là một trường học để cho con người suy gẫm, tự giác tâm hồn, hầu giải thoát bến mê, tầm đến cảnh Thiêng liêng an nhàn tự toại.

Nếu con người muốn an nhàn tự toại nơi cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống thì phải thực hành y theo Chơn pháp của Đức Chí Tôn.

Ngày nào như sanh trên mặt địa cầu này mà biết tôn trọng và thật hành y theo luật pháp của Đức Chí Tôn cho ra chân tướng thì mới mong thoát khỏi cơ tự diệt tức là ngày của như sanh chung hưởng mọi điều hạnh phúc của Đức Chí Tôn ban tứ.

**13. THÀNH LẬP HỘI THÁNH PHƯỚC THIỆN
(NGÀY 19-10 MẬU DẦN 1938)**

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Thập tam niên)

Tòa Thánh Tây Ninh

Văn Phòng

Hộ Pháp

Số: 48/PT

ĐẠO NGHỊ ĐỊNH

Chiếu y Pháp Chánh Truyền ban quyền hành cho Giáo Tông và Hộ Pháp

Chiếu theo Đạo Nghị Định số 4/60 phân định quyền hành cho CTĐ và HTĐ ngày 4-11 Ất Hợi (dl 29-11-1935)

Nghĩ vì Hội Thánh duy có một mà quyền Đạo có bốn phương là: Hành Chánh, Tòa Đạo, Phước Thiện và Phổ Tế.

Nghĩ vì CQPT cốt để mở đường Thánh đức cho toàn sanh chúng có đủ phương thế nhập vào Thánh thể, người ngoại giáo có thể nhờ nơi cửa Phước Thiện mà hiệp một cùng Hội Thánh, nên:

NGHỊ ĐỊNH

❖ **ĐIỀU THỨ NHỨT:** Hội Thánh sẽ tuyển chọn trong hàng Chức-sắc Thiên phong đủ hạnh đức, đủ công nghiệp đặng chiếc ra lo khai hóa, giáo hóa cả CQPT đặng cứu thế độ đời.

❖ **ĐIỀU THỨ NHÌ:** Chức sắc Phước Thiện chú trọng nhập vào Thập nhị đẳng cấp thiên liêng, kể ra dưới đây:

- | | |
|----------------|----------------|
| 1. Minh Đức | 7. Đạo Nhơn |
| 2. Tân Dân | 8. Chơn Nhơn |
| 3. Thính Thiện | 9. Hiền Nhơn |
| 4. Hành Thiện | 10. Thánh Nhơn |
| 5. Giáo Thiện | 11. Tiên Tử |
| 6. Chí Thiện | 12. Phật Tử |

❖ **ĐIỀU THỨ BA:** Những người ngoại giáo hay chư vị đạo nhơn các nền tôn giáo khác muốn nhập vào cửa Đạo thì Hội Thánh sẽ do nơi công nghiệp Phước Thiện của họ mà định vị, tùy theo công nghiệp nhỏ lớn đặng định phẩm từ bậc Minh Đức tới Chơn Nhơn mà thôi.

Còn bậc Hiền Nhơn đổ lên thì giúp Hội Thánh giữ gìn Chơn pháp nên các phẩm vị này phải có cơ bút giảng phong mới đặng.

❖ **ĐIỀU THỨ TƯ:** Cả CQPT đều giao cho HTĐ chương quản.

❖ **ĐIỀU THỨ NĂM:** Chức sắc Phước Thiện không có Đạo

phục riêng, duy dạng Hội Thánh ân tứ lệnh bài và sắc lệnh, kể ra sau này:

- **Minh Đức** và **Tân Dân** duy có lãnh cấp bằng, mặc áo Đạo phục trắng trơn mà thôi, không có dấu hiệu chi ngoại thể.
Bậc Chức-sắc Thiên phong hay là Chức việc thì mặc đồ Đạo phục của mình, những người ngoại giáo thì phải mặc khăn đen áo dài theo Quốc phục.
- **Thính Thiện**, **Hành Thiện** và **Giáo Thiện** thì lãnh sắc lệnh phái **Ngọc**, có lệnh bài của mỗi phẩm vị ấy gắn giữa dây Sắc Lệnh ngay ngực.
- **Chí Thiện**, **Đạo Nhơn** và **Chơn Nhơn** mang dây sắc lệnh phái **Thượng**, có gắn lệnh bài mỗi phẩm vị của họ ngay ngực.
- **Hiền Nhơn**, **Thánh Nhơn** và **Tiên Tử** thì mang dây sắc lệnh phái **Thái**, có gắn lệnh bài mỗi phẩm vị của họ ngay ngực.
- Phẩm **Phật Tử** thì do nơi cơ bút của Chí Tôn định và mặc sắc phục chi thì tự nơi Người định đoạt.

❖ **ĐIỀU THỨ SÁU:** Sắc lệnh và lệnh bài của Phước Thiện duy mặc nơi Thánh thất và Tòa Thánh để châu lễ Đức Chí Tôn mà thôi, không được phép dùng theo đồ thường thế.

❖ **ĐIỀU THỨ BẢY:** Cả Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài tùy phận sự mình thi hành Đạo Nghị Định này.

Lập tại Tòa Thánh, ngày 19 tháng 10 năm Mậu Dần
(dl 10-12-1938)

GIÁO TÔNG

(ký tên)

LÝ THÁI BẠCH

HỘ PHÁP

(ký tên)

PHẠM CÔNG TẮC

**14. CHÁNH PHỦ PHÁP KHOAN HỒNG
VỚI ĐẠO CAO ĐÀI (NGÀY 18–11 MẬU DẦN 1938)**

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Thập nhị niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

Văn phòng

Nội Chánh

Số: 66

CHÂU TRI

Quyền THÁI, THƯỢNG và NGỌC CHÁNH PHỐI SỰ

Gởi cho chư Chức-sắc Thiên phong,

Chư Chức việc và Đạo hữu nam nữ.

Vừa rồi, Hội Thánh có tiếpặng thêm một tin mừng nữa, do quan Trạng Sư Idylle cố vấn của Đạo đưa đến là bức thơ của quan toàn quyền Đông Dương đã gởi cho người mà Hội Thánh dịch văn và ghim theo đây.

Chẳng cần nhắc, toàn Đạo cũng hiểu rằng: Thuyền Đạo đã lướt qua trận phong ba vừa rồi mà vẫn đứng vững vàng êm ái là cũng nhờ có ông Mandel, Tổng Trưởng thuộc địa Thượng Thơ đã tận tâm bảo bọc. Nhiều phen vị thượng quan nầy ra lệnh cho nhà cầm quyền nơi đây phải để cho Đạo Cao Đài tự do tín ngưỡng, cúng kiếng và phổ thông chơn giáo, khỏi bị điều trở ngại như việc đã xảy ra vừa rồi.

Kịp đến khi quan tân Thống Đốc Rivoal lên thay thế cho quan cựu Thống Đốc Pagès thì cũng vẫn sẵn có cái tri ý như quan Tổng Trưởng nên liền đổi ngay chánh sách cũ là cốt yếu để cho Đạo Cao Đài vùng vẫy

trong bầu không khí khoan hồng hầu làm cho quyền Đạo và quyền đời đặng tương liên hòa hiệp.

Ấy vậy, Hội Thánh xin toàn Đạo khá để trọn vẹn tín nhiệm nơi sở hành chánh đáng và cao thượng của quan Tổng Trưởng thuộc địa Mandel, quan toàn quyền Brevié và quan Thống Đốc Rivoal mà bôi xóa những sự lầm lạc nhỏ nhen của một đôi nhà cầm quyền nơi đây đã tạo khổ cho Đạo từ thử và nên khắc cốt ghi xương rằng: Những tay phá Đạo tức là ân nhân của Đạo hầu làm cho giống dân Pháp – Nam đặng gầy khối thương yêu mật thiết hơn nữa, y như lời dạy của Chí Tôn buổi nọ.

Hội Thánh để lời khuyến khích chư Chức-sắc Thiên phong và toàn Đạo nam nữ khá sẵn tâm tiến bước thêm mãi trên con đường chánh đáng và cao thượng. Lập tại Tòa Thánh, ngày 18–11 Mậu Dần (dl 8–1–1939)

Đồng ý kiến:

Quyền Thái CPS Quyền Thượng CPS Quyền Ngọc CPS
GS Thái Phần Thanh GS Thượng Chũ Thanh Ngọc Trọng Thanh

Phê chuẩn

HỘI PHÁP

Chương Quản nhị hữu hình Đài

Hiệp Thiên và Cửu Trùng

Ký tên:

PHẠM CÔNG TẮC

**15. ĐỨC CHÍ TÔN LẬP ĐẠO CAO ĐÀI LÀM CƠ QUAN
CHUYỂN THỂ (NGÀY 1–12 MẬU DẦN 1938)**

Nhơn loại trên mặt địa cầu nầy do nơi các Chơn-Linh tùy theo căn quả mà luân hồi chuyển kiếp đến

cõi trần, thành lập ra một trường học của đời.

Trong trường ấy có nhiều lớp và bài vở có nhiều đoạn rất hay ho để cho nhơn sanh phấn đấu cùng nhau mà đoạt cơ tấn hóa đến các bậc Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Con người mỗi hàng phẩm đều có trình độ cao thấp khác nhau noi theo cái trách nhiệm ấy thi hành cho đặng liễu kết hoàn toàn phòng lập cao phẩm nhơn tước hay là Thiêng liêng chi vị.

Nói ví dụ, một cái gia đình hoặc xã hội quốc dân thì có vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bằng hữu, v.v... Mỗi người đều biết cư xử cho trọn bổn phận, thật hành y theo khuôn luật là phụ tử tử hiếu, huynh đệ cùng phu nghĩa phụ tiết, trưởng huệ ấu thuận, quân nhơn thân trung, ngoài ra còn tình bạn giao thiệp cùng nhau, phải gìn lòng thành tín ấy là đủ tư cách làm người, mới mong mỗi vào trường Đạo đức, từ từ noi theo đẳng cấp mà thăng tiến đến phẩm vị Thiêng liêng, tức là cảnh thung dung an nhàn tự tại.

Trái lại, con người ở thế, đã chẳng lo nong nả bước hành trình cho xong mà lại còn chen lấn ồn ào dục vọng theo con đường tăm tối mơ mộng gọi là thích chí hân hoan, chẳng còn nhớ đến cái phận làm người bao nả.

Than ôi! Phong di tục dịch, đảo ngược nhơn luân, trong gia đình mỗi người tự do hành động, cha chẳng biết bổn phận làm cha, con không biết hiếu sự là gì, trai gái không thừa mạng mà cũng không phụng mầu nghi... Còn vợ chồng thì sớm đổi chiều thay, không gìn câu tiết nghĩa, luân lý suy đồi, cang thường hư hoại,

gia đình như thế thì tức nhiên đã mất quyền vi chủ.

Người đời thì tin ngưỡng theo thế lực kim tiên, ưu thắng liệt bại, yếu thiệt mạnh hơn, khôn còn đại mất. Mãng đua chen trên con đường vật chất hữu hình, không chú trọng đến Thánh đức Linh tâm, mượn hành tàng vô nghĩa mà làm cho vừa lòng ái mộ bất lương, tạo khuôn khổ cho đời thành ra trường tự diệt.

Hiện nay, cả hoàn cầu thế giới, như sanh đồng hăng hái xông xu trên chốn võ đài mà diễn ra một tấn tuồng phấn đấu lợi quyền.

Ôi! Lương tâm khuyết điểm, chẳng kể gì đến đạo đức tinh thần, cõi đời ngày nay đã trở ra màn chiến tranh loạn lạc, do nơi các cơ trạng tả trên đây nên Đức Chí Tôn phải đến hoàng khai Đại Đạo đặng hiệp cả tánh chất lương sanh của con người duy nhứt vào đường chí thiện, trau giồi Chơn tánh Linh tâm cho trong sạch, mong ngày phản bổn huần nguyên hiệp cùng vô vi chi Đạo.

Mà muốn thành Đạo vô vi thì trước phải dụng cơ quan hình thức đặng làm nấc thang tiến hóa, nghĩa là mượn chiếc thuyền nhà Nho mà đưa các chơn hồn vào đường Tiên cảnh Phật, nên có câu:

*Phật Đạo cũng như hành bộ khách,
Nền Nho ví tựa chiếc đò qua.*

Nếu muốn đi đến Bồng Lai Đảo, Niết Bàn đặng làm Tiên, Phật, mà chẳng qua đò nhà Nho thì khó mong lên con đường bỉ ngạn.

Con người sanh ra ở thế nếu chẳng chen bước đem thân vào đường học cho lâu thông các thú tướng đời đặng giáo hóa đoàn ấu thơ hậu tấn hay là chẳng

đến trường Đạo đức mà học hỏi cho rõ thấu các phương châm trọng yếu, tâm hỏi những sự chơn truyền cao siêu của Đạo, đặng làm khách u nhân thanh nhã, vui cảnh tự toại thung dung thì phải đành cam chịu phận thiệt thòi, chịu khổ hạnh trong chốn lao lung đời đời kiếp kiếp.

Tóm lại, kỳ Hạ nguơn cuối cùng, luân lý cang thường điền đảo, cho nên Đức Chí Tôn giáng trần khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ lập thành chánh giáo đại đồng, nghĩa là: cải cựu hoán tân, cải ác tùng lương, chuyển tạo cơ đời cho trở nên thuận phong mỹ tục, tức là qui tự Thánh đức của loài người lại Thượng nguơn cho thuận lẽ tuần hoàn, châu nhi phục thì.

16. CÁCH LẬP BAN KỶ LÃO

Mỗi Họ Đạo gồm có một vị nghị viên nam và một vị nghị viên nữ, thay mặt cho Hội Thánh hàm phong.

Hằng năm, đến ngày mừng 5 tháng 5, cả Hội Thánh hàm phong phải nhóm đủ mặt tại Tòa Thánh một lần.

Mỗi vị Chức-sắc hàm phong có mặt tại buổi Hội này hoặc có chơn trong ủy Ban Hội Thánh hàm phong, hoặc không, hoặc vắng mặt mà có đệ tờ xin phép, như trong Thông qui kể sau đây thì đặng quyền lập mỗi vị một Ban Kỳ Lão gồm:

1. Một Chánh Chủ trưởng
2. Một Phó Chủ trưởng
3. Một Chánh Từ Hàn
4. Một Phó Từ Hàn
5. Từ 3 đến 12 Nghị viên tùy theo số kỳ lão nhiều hay ít (*phải chọn trong hàng chức việc hoặc Đạo hữu từ*

61 tuổi đở lên).

Mỗi vị Chức-sắc hàm phong nữ phái cũng đặng quyền lập một Ban Kỳ Lão nữ phái như bên nam phái vậy. Trừ ra những vị Chức-sắc hàm phong nào, dầu nam hay nữ đã vắng mặt trong bữa Hội ngày hôm nay không có xin phép trước thì mất quyền lập Ban Kỳ Lão như mấy vị đã có mặt dự Hội hoặc có xin phép trước.

Trong hạn kỳ 1 tháng, mỗi vị phải cử xong Ban Kỳ Lão của mình và giấy tờ về cuộc công cử nầy nếu thuộc về tỉnh Đạo Biên Hòa, Gia Định, Định Tường thì giao cho Nghị viên, nam theo nam, nữ theo nữ, gởi ngay cho chánh Chủ Trưởng Ngọc Thúc Thanh (*Lê Minh Thúc*) làng Lộc Giang tổng Cầu An Thượng, quận Đức Hòa, Chợ Lớn.

Còn thuộc về tỉnh Đạo An Giang và Long Hồ thì gởi cho ông Phó Chủ Trưởng Thượng Tiên Thanh (*Nguyễn Văn Tiên*) làng Tân Hòa, quận Mộc Hóa, Tân An rồi vị nầy lập tờ phúc gồm cả hồ sơ công cử gởi lên cho ông chánh Chủ Trưởng đặng đệ về Hội Thánh.

Mỗi quận Đạo phải lập một Ban Kỳ Lão dưới quyền điều đình của vị hàm phong. Thoảng như trong quận Đạo hoặc trong Họ Đạo nào có nhiều vị hàm phong thì phải chia nhau cho đồng.

Còn như trong họ Đạo nào chỉ có 1 vị hàm phong thì vị hàm phong ấy đặng quyền lập trong mỗi quận Đạo thuộc về họ Đạo sở tại của mình, một Ban Kỳ Lão và kiêm luôn cho đến ngày có vị hàm phong khác sẽ giao quyền hành ấy lại, nhưng phải đệ tờ Phúc cho Hội Thánh rõ trước khi lập.

Họ Đạo nào không có Nghị viên thì vị hàm phong

sở tại (có quyền lập Ban Kỳ Lão) đặng phép gửi ngay giấy tờ cho ông Chánh Chủ Trưởng hoặc Phó Chủ Trưởng tùy theo địa phận của mình thuộc về nơi nào.

KHAI PHÁP	TỪ HÀN	PHÓ TỪ HÀN
Chưởng quản PT	Sĩ Tải HTĐ	Luật Sự HTĐ
Trần Duy Nghĩa	Đỗ Quang Hiến	Bùi Cung Kính
Quyên Thái CPS	Quyên Thượng CPS	Quyên Ngọc CPS
GS Thái Phấn Thanh	GS Thượng Chử Thanh	Ngọc Trọng Thanh

Phê chuẩn

HỘ PHÁP

Chưởng Quản nhị hữu hình Đài

Hiệp Thiên và Cửu Trùng

Ký tên:

PHẠM CÔNG TẮC

CHƯƠNG V: HỘI NGHỊ QUỐC TẾ VỀ TÔN GIÁO

1. ÂN PHONG, ÂN XÁ, THĂNG THƯỜNG, HÀM PHONG, TRUY PHONG (NGÀY 12–6 KỶ MÃO 1939)

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

(Thập tam niên)

Tòa Thánh Tây Ninh

Văn phòng

Nội Chánh

Số: 73

CHÂU TRI

QUYỂN THÁI, THƯỢNG và NGỌC CHÁNH PHỐI SỰ

Gởi cho chư vị Đầu Họ Đạo, Đầu Quận Đạo nam nữ, Nam Kỳ.

Kính chư hiền huynh, hiền hữu, hiền tử, hiền muội.

Việc cầu phong tới đây có nhiều điều trọng yếu, cần phải do theo Đạo luật và phải quan sát tánh đức, công nghiệp mọi người mà đem vào sổ cầu phong y các khoản sau đây:

- a. **Về khoản ân phong:** Chánh Trị Sự nam nữ phải giữ đủ 5 năm công nghiệp, tánh hạnh tốt, đủ tư cách làm người và giữ từ thập trai đồ lên, sổ phổ độ đăng 300 người, không kể số của Chánh Trị Sự trước đã độ.

Đạo hữu nào có công nghiệp vĩ đại, có tài năng Đạo đức và đặt lòng tín nhiệm của Nhơn sanh dâng lên hoặc công chúng hoan nghinh và buộc phải có chơn trong Đạo hoặc mới nhập môn, phải quan sát đường đời của người coi đủ tánh đức và được

công chúng hoan nghinh hay không, có đủ tài tình đức hạnh ra cầm giềng mỗi Đạo các nơi thì mới đem vào sổ cầu phong nhưng phải độặng 500 tới 1000 tín đồ, được cầu phong vào hàng Lễ-Sanh; từ 1000 tới 3000, được cầu phong Giáo Hữu; từ 3000 tới 10 000 được cầu phong Giáo Sư.

- b. **Khoản ân xá:** Hội Thánh ân xá một lần chót, những hạng Phó Trị Sự và Thông Sự có đủ công nghiệp từ 8 năm sắp lên mà bị kẹt vì Đạo luật, được đem vào sổ cầu phong trong năm Kỷ Mão, rồi sau không được ân xá nữa nhưng phải có độặng 300 người như Chánh Trị Sự mới được.
- c. **Khoản thăng thưởng:** Những Chức-sắc từ Lễ-Sanh đổ lên đúng 5 năm công nghiệp, tánh hạnh từ hòa, siêng năng sốt sắng, được lòng tín nhiệm của nhơn sanh, làm tròn phận sự, không bị một điều lỗi nào trong mấy năm hành chánh, được đem vào thông qui và cắt nghĩa cho rõ ràng đặng đem ra Quyển Vạn Linh công nhận.

Còn những vị nào dưới 5 năm công nghiệp mà lập đặng đại công, toàn sanh chúng đều hoan nghinh và Tòa Đạo minh tra đủ lẽ; có tư cách xứng đáng tài tình mới đặng đệ lên Quyển Chí Tôn cầu xin thăng thưởng, còn những vị đúng 5 năm hành sự có phạm pháp hoặc tánh hạnh không từ hòa, không chánh đáng thì sẽ bị đình lại, không được đem vào sổ cầu phong.

Những vị nào hết tâm vì Đạo, khổ hạnh vì đời mà bị bắt buộc tù lao nơi chốn ngục hình hoặc bị khổ sở tai họa được đem vào sổ cầu phong không cần đủ 5 năm công nghiệp chi hết, nhưng cũng phải

quan sát tánh đức thế nào mới được.

- d. **Về khoản hàm phong:** Những vị Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự và Thông Sự đủ đầy công nghiệp 5 năm mà tuổi quá lục tuần, đăng đem vào thông qui hàm phong nhưng phải chịu các điều kiện như Chúc-sắc ân phong vậy, còn Chúc-sắc đương kim hành chánh tuổi quá lục tuần, nếu còn sức lực và thông minh mãn đạt, lập công thêm nữa được, thì tùy ý của người. Chúc sắc hàm phong đủ đầy công nghiệp 5 năm cũng được thăng thưởng như Chúc-sắc ân phong tùy theo đẳng cấp.
- e. **Về khoản truy phong:** Những vị nào đủ đầy công nghiệp và tánh đức vẹn toàn mà qui vị trước ngày cầu phong, cũng đăng đem vào sổ truy phong sau khi Quyền Vạn Linh công nhận, buộc phải có công chúng hoan nghinh và Tòa Đạo minh tra đủ lẽ.

2. TIẾP DẪN ĐẠO NHƠN GABRIEL GOBRON DỰ HỘI NGHỊ QUỐC TẾ VỀ TÔN GIÁO

(ngày 16-5 Kỷ Mão 1939)

Trước đây vào năm 1934 có hội nghị quốc tế Thần Linh Học ở Barcelone, năm 1936 có hội nghị thế giới về tôn giáo ở Luân Đôn và tiếp theo là năm 1937 có hội nghị Thần Linh Học thế giới ở Glasgown, nước Anh, Hội Thánh đều cử ông Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Gabriel Gobon (*người Pháp*) làm đại diện Đạo Cao Đài đi dự các hội nghị này.

Đến ngày 2-7-1939, Hội Thánh cũng cử ông Gabriel Gobron đi dự hội nghị thế giới về tôn giáo tại Ba Lê, nước Pháp. Hội nghị này kéo dài từ ngày 2 đến 11-7-1939. Sau đây là bài viết của Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Gabriel

Gobron về các hội nghị này, trích trong quyển “*Histoire du Caodaisme*” của chính tác giả.

* * *

Chúng tôi (*Gabriel Gobron*) được Tòa Thánh Tây Ninh (*Nam Việt Nam*) ủy nhiệm làm đại diện Đạo Cao Đài trong các hội nghị quốc tế về tôn giáo.

1. HỘI NGHỊ QUỐC TẾ THẦN LINH HỌC BARCELONE (1934)

Người ta đọc trong tạp chí *La Revue Spirite* (số tháng 10-1934, trang 505) trong một loạt các nguyện vọng được toàn hội chấp thuận:

“Mục thứ 8: Phong trào Cao Đài: Do đề nghị của ông *Gabriel Gobron*, *Tiếp Dẫn Đạo Nhơn* tại nước Pháp của Đạo Cao Đài (hay Phật giáo canh tân, hay Thần linh học VN), Hội nghị quốc tế Thần linh học lần thứ 5 họp ở Barcelone (từ ngày 1 đến 10-9-1934) thỉnh cầu rất cung kính chánh phủ Pháp vui lòng nhớ lại các lời hứa long trọng vào tháng 3 năm 1933 tại quốc hội Pháp của Thủ Tướng *Sarraut*, lúc ông là bộ trưởng thuộc địa, thiết lập với ân huệ cho những tín đồ Cao Đài một qui chế cũng rộng rãi như qui chế được hưởng bởi những người theo Thiên Chúa giáo hay các tín đồ Phật giáo trong các nước của Liên bang Đông Dương.”

2. HỘI NGHỊ THẾ GIỚI VỀ TÔN GIÁO Ở LUÂN ĐÔN (1936)

Báo *Le Cyne* (ngày 20-9-1936) loan tin:

“Tại hội nghị quốc tế về tôn giáo tổ chức ở Luân Đôn, dưới sự chủ tọa của Ngài *Francis Younghusband*, nơi đó ông *Gabriel Gobron*, *Tiếp Dẫn Đạo Nhơn* tại nước Pháp của Đạo Cao Đài, tham dự theo lời mời Tòa Thánh Tây Ninh, Đạo Cao Đài được thừa nhận là tôn

giáo khoan dung như thế giới. Trước đông đảo hội viên gồm đại diện của tất cả tôn giáo lớn trên thế giới và các đại diện báo chí quốc tế, đại diện Cao Đài tại Pháp tuyên bố: “Đạo Cao Đài là một thực nghiệm về sự hòa hợp các chủng tộc và các sắc dân mà quý vị hội họp nơi đây là vì mục tiêu ấy. Đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân chắc chắn là một thực nghiệm sống của sự kết hợp và phục nhưt các tôn giáo”.

Nhiều tràng pháo tay nhiệt liệt hoan nghinh câu kết luận ấy.

3. HỘI NGHỊ THẦN LINH HỌC THẾ GIỚI Ở GLASGOW (1937)

Nhật báo L'Annam nouveau (14-11-1937) loan tin:

“Do đề nghị của ông Gabriel Gobron, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại Pháp của Đạo Cao Đài hay Thần linh học VN, hội nghị Thần linh học thế giới lần thứ 6 họp ở Glasgow (từ ngày 3 đến 10-9-1937), sau hội nghị Thần linh học thế giới lần thứ 5 tại Barcelone, nêu ra nguyện vọng là những người theo Thần linh học VN trong các nước của Liên bang Đông Dương được hưởng những tự do tín ngưỡng và thờ cúng như những người VN theo Thiên Chúa giáo hay Đạo Tin Lành, dầu họ là dân thuộc địa, dầu bảo hộ, dân lai hay người ngoại quốc.

“Nguyện vọng nêu ra trong hội nghị Thần linh học quốc tế ở Barcelone đã mở ra thời kỳ khá rộng rãi cho các tín đồ Cao Đài hay Thần linh học Việt Nam”.

Nguyện vọng này được trình bày và bàn cãi trong bộ phận triết học của hội nghị được nhìn nhận bởi sự hoan nghinh trong buổi hội họp dân chúng tổ chức tại phòng triển lãm mỹ thuật McLellan ngày 9-9-1937.

4. HỘI NGHỊ THẾ GIỚI VỀ TÍN NGƯỠNG TẠI BA-LÊ (1939)

Tóm tắt bài tường thuật của tạp chí La Revue Spirite (*Tạp chí Thần linh học*) (Ba-lê, 8 – 9):

“Hội nghị thế giới về tín ngưỡng đã được tổ chức trước đây ở Luân Đôn, Oxford, Cambridge, năm nay tổ chức tại Ba-lê. Cộng sự viên của chúng ta là ông Gabriel Gobron, được ủy nhiệm bởi các tín đồ Cao Đài hay Phật giáo canh tân ở Đông Dương đến tham dự.

Những lời trách cứ mà ông đã đưa ra trong hội nghị tại Luân Đôn có thể được lập lại nơi đây và hơn thế nữa: Những người tổ chức hầu hết là người Anh chỉ quan tâm đến các tôn giáo xưa có một quá khứ lâu dài và phong phú (*lời phát biểu của ông Lacombe ngày 10-7-1939*) và như vậy là đặt ra ngoài các tôn giáo mới những giáo lý mới và hơn nữa tôn giáo tổng hợp như Đạo Cao Đài có chủ trương dung hợp cơ bản những tín đồ Phật giáo, Công giáo, Lão giáo, Nho giáo, Hồi giáo, v.v...

Vô ích để nói rằng Thần linh học, Thông Thiên học, Nhân loại học, v.v... đều bị bỏ ra ngoài hội nghị này, chỉ tìm kiếm sự hợp tác trong “*tôn kính*” của những tôn giáo lớn và không bao giờ có sự dung hợp cơ bản hay tổng hợp.

Không có một so sánh nào về sự cao trọng của các tôn giáo được tha thứ. Giáo hội Công giáo tuy chánh thức vắng mặt nhưng được đại diện rộng rãi (*Giáo sư Mainten, ông Lacombe, v.v...*) và trong tất cả các ngày, Công giáo đều nhận được sự tôn kính.

Hàng trăm người, phần nhiều là dân anglo-saxon, sĩ quan, viên chức, giáo sư, quý tộc, trưởng giả – tham

dự các ngày Công giáo, Do Thái giáo, Phật giáo, Tin lành, Hồi giáo, Ấn giáo, họ xen vào các cuộc tranh luận, đôi khi ngoài các đề tài nêu ra: Làm thế nào ngự trị tinh Thần huynh đệ trên thế giới bởi sự tụ hội các tôn giáo?

“Sự bảo trợ chánh thức ban cho hội nghị (ông *Champetier de Ribes* và ông *Georges Mandel*) sự tiếp nhận hội nghị tại trường đại học Sorbonne bởi ông Viện Trưởng Roussy, với sự tham dự của các thuộc địa Pháp (một vị tướng ở Tunis, một tỉnh trưởng ở Syrie, v.v...) một “Ủy ban Pháp” làm tăng uy thế của các buổi thảo luận long trọng tại giảng đường Richelieu từ ngày 2 đến 11-7-1939.

“Ưu điểm của hội nghị – ngoài những giới hạn hẹp hòi mà người ta qui định và những dự phòng chánh đáng – là kêu lên những quyền của con người, mà hiện thời bị chà đạp trong tất cả các chế độ độc tài.

“Một nguyện vọng là kêu gọi các nhà độc tài nên nhân đạo hơn nữa được hội nghị chấp nhận và vấn đề người tị nạn phải được ghi vào nghị trình của hội nghị sắp tới tổ chức ở Hòa Lan. Một lời kêu gọi gửi đến các Giáo hội chánh thức được đưa ra.

“Những khách đến viếng thăm điện Versailles, các viện bảo tàng Ba lê, các trung tâm trí thức, Thánh đường Hồi giáo, nơi đó nhân phẩm có tính cách của dân Ba Lê đón nhận một cách lịch sự các hội viên, v.v... đã theo dõi hội tập thường ngày. Quả thật, người ta nói nhiều nhưng người ta cũng hành động: một hội nghị như thế là một sự kiện đáng ghi nhớ. Người ta muốn tuyên bố nó quan trọng hơn cả hội nghị quốc liên, tiếp theo một trong những tiệc trà qui tụ nhiều hội viên mà một ngày

nào đó khơi lên ngọn lửa của những tân tín đồ về lý tưởng tôn giáo”.

Báo La Vérité ở Nam Vang, nơi đó có trụ sở của Hội Thánh Ngoại giáo Đạo Cao Đài, có tường thuật gần giống như trên (ngày 26-7-1939): Đạo Cao Đài trong Hội Nghị các tôn giáo lại Ba lê (trang 1 và 5):

“Đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân đã được giới thiệu vào năm nay trong hội nghị các tôn giáo tại Ba Lê (từ ngày 3 đến 11 tháng 7) bởi ông Gabriel Gobron, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại Pháp của Đạo Cao Đài, ông gặp lại các nhân vật lãnh Đạo mà ông đã quen biết tại Luân Đôn vào năm 1936, Ngài Francis Younghusband là chủ tọa và ông Arthur Jackman làm thư ký.

“Chánh phủ Pháp đã tổ chức và bảo trợ hội nghị các tôn giáo, chính các ông Georges Mandel, Bộ Trưởng Bộ Thuộc địa; ông Champetier de Ribes, Bộ Trưởng Bộ Trợ cấp; ông Viện trưởng Viện Đại học Ba lê, Bác sĩ Roussy, đã cung cấp giảng đường rộng lớn Richelieu của đại học Sorbonne làm nơi hội họp cho hội nghị.

Một ủy ban Pháp dưới quyền của Giáo sư Louis Massignon, gồm nhiều nhân vật: bà De Coral-Rémusat, ông Jean Herbert, bà De Margerie, công chúa A. Murat, ông De Traz, Ông Lacombe, giáo sư Daniel Rops, v.v... điều khiển các cuộc thảo luận, tập trung vào đề tài căn bản: Làm thế nào mở mang tinh Thần hợp tác huynh đệ trên thế giới bởi các tôn giáo?

“Chung quanh vấn đề đặt ra này, người ta chẳng những ghi nhận các ngày Công giáo, Tin lành, Ấn giáo, Hồi giáo, Phật giáo, Do Thái giáo, v.v... tùy theo diễn giả chánh thức thuộc vào một trong những tín điều nào.

Như thế, thứ ba ngày 4 tháng 7 là ngày Công giáo: Giáo hội Công giáo chánh thức vắng mặt không tham dự các công việc của hội nghị nhưng Giáo sư Jacques Maritain, ông Laeombe và vài người Công giáo khác đóng vai trò hàng đầu trong tuần lễ hội nghị. Giáo hội Công giáo vô hình nhưng hiện diện.

“Nói thật ra thì tâm vóc của Hội Nghị không lớn lắm, cũng không quốc tế như người ta mong ước. Điều này do vài hạn chế đặt ra cho các hội viên:

1. Không một tôn giáo nào được bày tỏ ưu điểm của mình để thu hút tín đồ của tôn giáo khác.
2. Không có vấn đề thống nhất hay dung hợp các tôn giáo, nhưng chỉ có sự hợp tác giữa các tôn giáo khác nhau đã bị chia rẽ từ trước. Một tôn giáo thống nhất tổng hợp như Đạo Cao Đài cảm thấy khó chịu trong Hội Nghị; cũng thế, ông Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại Pháp tuyên bố với ông Olivier Lacombe, Phó Chủ tịch ủy ban Pháp, rằng ông ta là người “*tà giáo*” duy nhất trong hội nghị.
3. Tiến trình của hội nghị theo nguyên tắc được dành cho các tôn giáo lớn và xưa, chứng tỏ sự lớn mạnh của họ bởi quá khứ lâu dài. (*Lời nói của ông Lacombe ngày 1-7-1939*).

“Ngài Francis Younghusband lúc bấy giờ tuyên bố với ông Gabriel Gobron rằng ông Gobron là người được trọng đãi, được tự do phát biểu và bàn cãi như tất cả mọi người, sau khi ông trình ủy nhiệm thư của cấp thẩm quyền Đạo Cao Đài với phòng thư ký ở trường Sorbonne:

“Ông Georges Mandel, Bộ Trưởng Thuộc địa xác

nhận sự tham dự của các phần tử của đế quốc Pháp tham gia vào các công việc và tranh luận nơi hội nghị. Do đó, tướng Hasan Husny Abdelwhab ở Tunis một tùy viên của cao ủy phủ của Syrie, đã được lên trình bày về Hồi giáo.

Trái lại, ông Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại Pháp của chúng ta không gặp các phần tử Pháp ở Á châu; Ấn giáo và Phật giáo chỉ được đại diện bởi những người Anh: Tỳ Khưu Thittila (*Tu viện Rangoon*), Giáo sư Dasgupta (*Calcutta*), v.v...

“Mỗi ngày, ở Ba-lê cũng như ở Luân Đôn năm 1936, có một bài thuyết trình vào buổi sáng, kế đó là tranh luận vào buổi chiều, sau đó thì đi viếng thăm các cảnh lạ (*Điện Versailles, các Viện bảo tàng, v.v...*) và đến các trung tâm trí thức của Ba lê (*Viện Văn minh Ấn độ, Hồi giáo, Hội Liên hiệp Pháp Anh, v.v...*).

“Ông Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại Pháp của chúng ta đã phê phán tổ chức Hội nghị ở Luân đôn, nơi đó nhiều bậc trí thức đơn độc, không đại diện cho ai cả (*và đôi khi có một chút tự kiêu*), đã chiếm diễn đàn trong 1 hoặc 2 giờ.

“Nay thì hội nghị ở Ba lê dành cho những đại diện của các cộng đồng theo đúng từ ngữ của qui chế hội nghị tại Sorbonne. Như thế, các người không chuyên nghiệp và tài tử phải tránh ra để nhường chỗ cho những đại danh như Giáo sư Jacques Maritain (*Viện Công giáo Balê*), Giáo sư Dasgupta (*Ấn giáo*), Bác sĩ Sié (*Đại học Nam kinh*), tướng Hasan Husny Abdelwahab, Tử tước Samuel (*Cựu Cao ủy ở Palestine*), Tỳ khưu Thiltila (*Tu viện Rangoon*), Giáo sư Hauler (*Đại học Tin lành*

Strasbourg), v.v...

“Thứ ba, ngày 11 thì chấm dứt các công việc và tranh luận trong tình huynh đệ lịch sử nhưt. Họ chia tay với sự bịn rịn và đau lòng, sau khi biểu quyết những nguyện vọng các giải pháp xem xét các dự án, các cải thiện, quyết định địa điểm cho hội nghị sắp tới ở Hòa Lan, v.v...

Trong số rất nhiều sự việc thú vị, đáng chú ý là nguyện vọng yêu cầu các nhà độc tài cư xử nhân đạo hơn với dân chúng, những lời khen ngợi về công trình hòa bình của ông Chamberlain; lời cảm tạ đối với nhà cầm quyền Pháp đã đối đãi tốt đẹp với các tôn giáo mà không cần chứng minh, khả năng chọn Strasbourg, Jerusalem, Genève, v.v... làm nơi hội nghị sắp tới; sự kêu gọi các Giáo hội nên cho phổ biến các công trình của hội nghị mà một diễn giả đã nói rằng các chánh trị gia và những người cố sù họ. Vấn đề người tỵ nạn được đặt ra cho năm tới.

“Ủy ban Pháp quyết định tiếp tục tại Ba lê công việc làm cho các tôn giáo lớn xích lại gần nhau hơn và hiểu biết nhau hơn. Nhiều hiệp hội liên tôn được chú ý trong thủ đô, cung cấp cho các hội viên thích tham dự các cuộc hội họp và đóng góp các cố gắng.”

Từ đây hội nghị sẽ thay thế Hội Quốc liên đã bị phá bởi “Chúng tôi nghĩ rằng không bao lâu nữa Đạo Cao Đài sẽ có vai tuồng quan trọng bởi cái gương mẫu sống động của nó, trong các Hội nghị quốc tế về Tôn giáo.”

3. KHAI MẠC ĐẠI HỘI PHƯỚC THIÊN (NGÀY 22–10 KỶ MÃO 1939)

(Mở đúng 8 giờ ban mai, Đức Hộ Pháp truyền tụng Kinh Nhập Hội. Khi tụng xong, Đức Ngài liên

lên khai mạc).

Bài diễn văn khai mạc của Qua hôm nay có ý dài một chút, cốt yếu để giáo hóa bên Phước Thiện. Vậy mấy em lắng tai nghe và suy nghĩ cho thấu lý cao xa, để dễ bảo trách nhiệm khó khăn của mình.

Qua đã cho mấy em một dây hằng tâm để nương nó mà đi những bước đường Thánh đức cho khỏi sụt sè bọ ngỡ, lấy cả triết lý cao siêu của Tạo Đoan vi chủ hành tàng thế sự. Ấy là một bài diễn văn mà mấy em chưa nghe từ thử.

Qua chẳng cần phải nói, mấy em cũng vẫn biết rằng: Đức Chí Tôn là Cha của toàn vạn vật, cả cơ tạo đoan chia ra làm hai phẩm giá:

1. Vô động vật
2. Động vật

Vô động vật thì bất tri bất năng, vô tri vô giác; động vật thì hữu tri hữu giác, tức hữu sanh, có sanh có tri giác, có lao động mới có sống, mà sự sống ấy do Chí Tôn vi chủ. Có động vật thì có sanh quang Chí Tôn. Chí Tôn là Cha của sự sống. Người ban cho động vật một gia tài vĩ đại hơn loài vô động vật.

Qua chẳng cần thuyết, mấy em cũng đủ hiểu rằng: Cái tánh đức của động vật vẫn là thiên nhiên, còn tánh đức của vô động vật nó đã triêm nhiễm vào tánh chất của toàn vật loại nhưt là hạng Hóa Nhân nó hóa vô động vật, vì vô động vật là lười biếng, còn lao động là siêng năng. Hại thay, quyền năng của Chí Tôn lại chia ra hai tánh chất nên phân ra hai phẩm người:

1. Hạng lao động thì giúp hay Chí Tôn thêm nữa

2. Hạng vô động thì biếng nhác, duy có thừa hưởng công nghiệp mà an vui gọi là hạnh phúc, nên mới nảy sinh ra trường phần đấu.

Mé lao động coi bên kia như kẻ thù địch, còn bên vô động không chịu làm chi hết mà chỉ kiếm mưu giựt giành cướp bóc, nên mới sinh ra trường hỗn độn tương tranh về sự sống. Cái thuyết quái gở là một món thuốc độc đã làm cho hao mòn tánh đức loài người từ thử.

Vì có nên Chí Tôn giải quyết điều ấy. Là chi một đại gia đình có 10 đứa con, chẳng phải giỏi hết, cũng có đứa khôn đứa dại, đứa siêng năng đứa biếng nhác, đứa thì coi sự cực nhọc hơn của mình là cái dại, chẳng cần nghĩ đến sự hèn hạ của mình, nên muốn trên cả mọi người từ miếng ăn, chỗ ngồi, nơi ngủ, mà chẳng hiểu rằng: Tài năng mình không biến sanh, phải nương theo người mà sống, vì vậy nên hễ có bù sót của cải ra đặng nuôi ai thì để lòng khi miệt. Còn người bị khi miệt thì giận dữ, nên mới tìm phương giựt giành cướp bóc mà không hiểu rằng: Của cải ấy chẳng phải của mình làm ra, đối với anh em trong gia đình ấy, những kẻ siêng năng thì thù địch những người biếng nhác.

Thử hỏi ông cha thấy đứa con nghèo hèn bất năng ấy, có ghét bỏ chẳng? Nếu ghét bỏ cho chúng nó chết đói thì tình cha con đâu có, đã biết lấy của đứa siêng năng mà nuôi đứa biếng là điều bất công nhưng ông cha phải nhắm mắt đánh liều để vậy.

Trên mặt thế, cái khuôn khổ gia đình như trào lưu xã hội, kẻ lười biếng thì nhiều, người siêng năng thì ít, bảo sao đời không biến ra trường tranh đấu, của làm thì ít, tiêu dụng lại nhiều.

Chúng ta thời như đám chim trời, còn lộc ăn như vé lúa rơi xuống đất, con nào lẹ miệng ăn nhiều, giỏi thì no, dở thì đói. Nếu con đói ngược mặt lên trời nói sao Cha không cho ăn để đói, là ngu. Của trên mặt đất này là của chung, của Đấng tạo đoan. Ngài biến sanh cả cơ quan nuôi vạn vật, ta có quyền hưởng lấy no là như mình giỏi, đói là tại mình dở. No đói, trọng hèn là do nơi tài sức mình, chớ có than trách ai đặng đâu.

Việc phân phát trong khuôn khổ gia đình cũng có nặng nhẹ, sang hèn, nếu cả thầy đều lựa nhẹ bỏ nặng, chuộng sang phụ hèn, thì gia đình ấy ra sao?

Từ cổ chí kim, vì cơ sanh hoạt mà biến sanh chẳng biết bao nhiêu trường oán nhiệt, ganh lẫn, ghét nỡ, thù địch tranh giành mà gây nên trường thâm khốc.

Ấy là một điều khó khăn mà từ thử đến chừ, dầu cho các bậc Thánh nhân cũng không giải quyết đặng.

Qua còn nhớ ông Hoàng Sơn (*La Fontaine*) khi đầu thai qua Thái Tây, Ngài có viết một bài ngụ ngôn nói về cái bao tử. Đến sau nơi xứ Hy Lạp (*Grèce*), có một hạng người vì giận nhà vua nên bỏ lên núi ở độc lập một mình, ở đầu non chót núi chớ chẳng chịu về tùng phục pháp luật của nhà vua, vì bọn họ thì cực khổ nghèo nàn quanh năm cuối tháng, chỉ làm lụng để nuôi dưỡng nhà vua sung sướng, nào là cung phi mỹ nữ, đài các nguy nga, nên họ chẳng đại gì mà quì lụy trong xã hội nước Hy Lạp nữa, dầu ai có giảng giải thế nào cũng chẳng chịu về. Buổi đó có một vị đại Thần trong triều đình nước Hy Lạp đem bài ngụ ngôn tựa đề Bao Tử, lên giải nghĩa, họ mới chịu nghe.

Trong bài ấy có ý nghĩa rằng: Tay chơn muốn tẩy chay bao tử, ngụ ý rằng: Mình làm cực nhọc, còn bao tử thì chỉ ở không an hưởng. Mảng nghĩ như vậy nên cả tay chơn đều không làm việc nữa để cho bao tử chết đói, nào dè đâu một hai ngày chẳng sao, qua đến năm bảy ngày bao tử không có ăn, cả tay chơn rũ rết cử động không nổi, rồi chừng ấy mới biết rằng: Nếu bao tử không ăn thì mình cũng phải chết, nên buộc lòng phải làm việc trở lại như cũ.

Vị đại Thần lấy ý nghĩa của bài ngụ ngôn mà khuyên nhủ, làm cho các vị trên núi hiểu, nên mỗi người vui lòng xuống núi chung lộn với người phàm thế, bỏ tánh chấp nê thuở trước.

Trong cửa Đạo ngày nay cũng vậy, có người tưởng sao mình làm lụng khổ nhọc mà chỉ để nuôi những kẻ ngồi ngó đặng thừa hưởng, thậm chí cho đến đổi họ tranh đến Chúc-sắc Thiên phong, từ cái sang, cái áo, cái mào mà họ chẳng tự biết rằng: Mình sẽ làm đặng tự vậy chẳng, đó là một triệu chúng dê hèn, triệu chúng một sắc dân tự diệt.

Trong gia đình cũng vậy, có đứa cọng từ con số lời lỗ, có đứa ở ngoài ruộng, có đứa chăn chim, có đứa cầm vòng hái, có đứa ngồi trong bếp, mỗi phận sự đều khác nhau, nếu người trong bếp than nóng, người ngoài đồng than nắng, gặt lúa than xót thì gia đình ấy sanh rối mà chớ.

Đến đây Qua luận về hai cơ quan: Hành Chánh và Phước Thiện. Chính mắt Qua thấy, tai Qua nghe, hễ mấy em nuôi người thì miệt thị người.

Qua viễn kiến trước điều ấy, nên đã làm hiệu trước

buổi mới Khai-Đạo, Qua đã làm Hộ Pháp rồi, nhưng tám chín năm về trước Qua nào có biết quyền hành Hộ Pháp là chi, Qua chỉ xen lẫn, chia từ hột muối, gánh vác từ phận sự với mấy em để làm gương cho mấy em noi theo. Qua mở Phạm Môn cốt để giáo hóa, tập tâm đức nên ngày nay mới có khoa mục đăng thi vào cửa Phước Thiện. Qua đã nuôi nấng giáo hóa mấy em từ kẻ răng chơn tóc nhưng Qua buồn sao trong trứng nở ra mà không giống hình giống ảnh?

Năm rồi nếu không do miệng mấy em thì mấy đứa con gái nhỏ biết đâu mà nói: Không có Phước Thiện thì Cửu Trùng Đài chết đói. Đó là bằng chứng ỷ nuôi người mà miệt thị người.

Qua nói thật, ngày nào Qua còn thấy như vậy nữa thì Qua nhứt định nâng đỡ Cửu Trùng Đài với hoàn cảnh nghèo hèn, chớ mấy em có làm ra của vụn hộ đi nữa, Qua cũng cấm Cửu Trùng Đài không cho hưởng. Cái trách nhiệm nặng nhọc của mấy em lúc nào Qua cũng phải nhìn nhận, mà chính mình Đại Từ Phụ cũng không bỏ, cần chi mấy em tung hô lên để thị nhục người.

**4. CẤM KÊU ĐỨC HỘ PHÁP BẰNG THẦY
(NGÀY 28-2 CANH THÌN 1940)**

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Thập tứ niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

Văn phòng

Phạm Hộ Pháp

Số: 5 CTĐ/53 PT

ĐẠO THÁNH LỊNH

Khi ban sơ, Đạo mới phôi thai nên phải gặp nhiều điều trắc trở, lớp thì trong Thánh thể của Đức Chí Tôn chứa những hạng người xưa quyền xu mị, chia phe lập đảng để hại Đạo đối thế gạt đời, khiến cho mấy em cô út yếu thế cô thân phải chịu điều áp bức đến đỗi rách rưới không kể ngàn đời khó không người nuôi dưỡng.

Bần Đạo lấy làm đau đớn thương tâm mục kiến lắm điều khổ não nên liêu mình bỏ cả danh giá của phẩm vị chưởng quản HTĐ ra làm bạn với mấy em đảng toan chia khổ. Hễ có thân mật thì ắt có tôn ti nên mấy em đã tặng cho làm thầy vì vậy.

Nhờ phước Chí Tôn chan rưới nay quyền Đạo đã lập thành, Hội Thánh đủ năng lực diệt mị trừ tà làm cho về Đạo đã ra thiệt tướng, bảo trọng nghiệp Đạo đảng giáo hóa chúng sanh. Ấy là hạn lệ Bần Đạo đã gánh cái nạn làm bạn với mấy em cô thế, nghèo hèn đã mãn, mà hễ mãn hạn làm bạn thì tức nhiên mãn hạn làm thầy.

Vậy trong 10 năm khổ não truân chuyên, Bần Đạo đã hao biết bao tinh Thần trí não mới định nghị phận sự nặng nề ấy, nên:

THÁNH LỊNH

❖ ĐỆ NHỨT ĐIỀU: Cấm nhứt chẳng cho ai đảng phép kêu thầy và Bần Đạo nhứt định chẳng làm thầy của ai nữa hết.

Nếu hoàn cảnh Đạo may ra phải biến thiên thay đổi thế nào thì Bần Đạo nếu phải buộc mình làm thầy lại một phen nữa thì chắc là những đứa trẻ con cô út,

chứa hoang đê lạnh, những người hoạn tật nguyên, những kẻ góa bụa đói rách, sẽ may mắn vào hạng môn đệ của Bản Đạo một phen nữa.

Nhưng Bản Đạo tưởng khi qua Hội Long Hoa (*Congrès international des Religions*) rồi thì mới mong mới thấy dạng điều ấy.

❖ ĐỆ NHỊ ĐIỀU: Ba vị Quyền Chánh Phối Sư và Trần Khai Pháp tuyên bố Thánh lệnh này cho toàn Đạo đều biết.

Lập tại Tòa Thánh ngày 28-2-1940 (*dl 5-4-1940*)

HỘ PHÁP

Ký tên

PHẠM CÔNG TẮC

.....

Vâng lệnh ban hành cho Chức-sắc Thiên phong nam nữ, chức việc và chư Đạo hữu lưỡng phái toàn 4 cơ quan của Đạo: Hành chánh, Phước Thiện, Phổ Tế; Tòa Đạo hiểu biết rõ từ đây phải tuân y theo Đạo Thánh lệnh này.

Khai Pháp HTĐ

Q. Ngọc Chánh Phối Sư

Chương Quản Sở PT

Ký tên.: Ngọc Trọng Thanh

Ký tên.: Trần Duy Nghĩa.

PHẦN THỨ BẢY: THỜI THÁI BÌNH THỊNH TRỊ

CHƯƠNG I: TRẦN THÁNH PHI CHÂU

Tin Đức Hộ Pháp bị Pháp bắt và bị đưa đi an trí loang ra làm chấn động cả toàn Đạo. Chức sắc và Đạo hữu xôn xao lo lắng, lại âu lo không rõ rồi đây nghiệp Đạo sẽ ra sao. Chức sắc đương quyền lúc ấy, một số tán cư đi lánh mặt, còn một số quyết chết vì Thầy vì Đạo ở lại làm việc.

✠ Ngày 16-6 năm Tân Tỵ, một phiên nhóm bắt thường của các Chức-sắc tại Tòa Thánh để giao quyền cho ba vị Chánh Phối Sư, trong lúc Đức Hộ Pháp vắng mặt. Nhưng không biết có điều gì bí ẩn mà hai vị Luật Sự Hiệp Thiên Đài là Phan Hữu Phước và Võ Văn Nhơn tranh giành các bốn vị bằng trước mặt ba vị Chánh Phối Sư. Thế nên việc cầm quyền thống nhất của ba vị Chánh Phối Sư không thành.

Tòa Thánh lúc ấy do Giáo Sư Thượng Tước Thanh và Giáo Hữu Thượng Chất Thanh điều hành và sắp đặt mọi việc để gìn giữ cơ nghiệp Đạo. Tuy nhiên, hàng tháng hai ông mới đến thăm một lần chớ không dám ở.

Ngày 1-6 năm Tân Tỵ, Đức Hộ Pháp cùng năm vị Chức-sắc: Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, Giáo Sư Thái Phấn Thanh (*bị bắt ở Cao Miên*), Giáo sư Thái Gấm Thanh, Quyền Chánh Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, Sĩ Tài Đỗ Quang Hiến bị dẫn giải về giam tại Sài Gòn. Sau đây là vài nét về chư vị Chức-sắc trên:

1. Khai Pháp Trần Duy Nghĩa (1889-1954) được cầm Quyền Ngọc Chánh Phối Sư (1930), chương quản Phước Thiện (1937). Năm 1946, Ngài lãnh chương quản Bộ Pháp Chánh, rồi qui vị ngày 22-1 Giáp Ngọ.

2. Chánh Phối Sư Ngọc Trọng Thanh từ lúc Khai-Đạo đã có Ngài, sau ở Mã Đảo về vẫn tiếp tục làm việc Đạo.
3. Giáo sư Thái Gấm Thanh tên họ thật là Thái Văn Gấm, ngòi Đầu Tộc Đạo Châu Đốc (1932-1933), Gia Định (1934-1935), Thượng Thống Công Viện (1936-1937), chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo (1938-1939), đi mở Đạo miền Trung (1940) và qui tại Mã Đảo (1943).
4. Giáo Sư Thái Phấn Thanh tức Trần Văn Phấn giữ chức chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo tại Kiên Biên (1941) thì bị Pháp bắt lưu đày, khi về nước Ngài sống ở Vũng Tàu, sau về Gò Vấp và từ trần năm 1965 (Gia Định).
5. Sĩ Tài Đỗ Quang Hiến chết tại Mã Đảo, Phi Châu và về cơ xưng là Thánh Phi Châu có bài thi như sau :

THI

*Cuộc đời còn lắm nỗi gay go,
 Các Đấng ghe phen đã dặn dò.
 Hành Đạo Cao Đài cho phải Đạo,
 Học trò Xiển Giáo đáng danh trò.
 Lợi quyền chớp nhoáng đừng mơ mộng,
 Đạo đức trường tồn gắng chí lo.
 Một kiếp phù sanh không mấy lát,
 Thật hành cho vẹn Thích, Tiên, Nho.*

✠ Ngày 27-07-1941, Đức Hộ Pháp và 5 vị Chức-sắc bị đưa xuống tàu Compiègne cùng mười hai chánh trị phạm tại cảng Nhà Rồng đi đến bến Diego Suarez, miền Bắc Madagascar. Tại đây đã có 11 chánh trị phạm người Việt khác đã bị Pháp đưa qua trước, hiệp chung là 29 người. Tất cả đều bị đưa đến quần đảo Comores.

Trong số chính trị phạm, gồm có 6 Chức-sắc Đạo Cao Đài, ba nhà cách mạng là Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Thế Song, Ngô Văn Phiến, còn lại là đảng viên đệ tam quốc tế.

Sau khi đày Đức Phạm Hộ Pháp giữa năm 1942, quân Pháp được lệnh vào đóng quân ngay trên nền Đền Thánh mới xây cất, chưa kịp lát gạch và trang trí. Viên tiểu đoàn trưởng ra lệnh cho binh lính đào đất dưới nền Hiệp Thiên Đài (vì chúng cho: "*Hiệp Thiên Đài còn thì Đạo còn, Hiệp Thiên Đài mất thì Đạo dứt*") chôn một trái mìn (*mine*) một ngàn kí lô.

Thực dân Pháp nghi ngờ Đạo Cao Đài có liên hệ với phát xít Đức vì trên nóc Hiệp Thiên Đài có chữ Vạn nên chúng nghĩ thế nào phát xít Nhật cũng đến giải vây Tòa Thánh. Viên tiểu đoàn trưởng lúc đó mới châm ngòi nổ, vừa diệt Nhật vừa diệt Đạo. Nhưng Nhật không tới, viên tiểu đoàn trưởng đã được lệnh đổi đi và bàn giao cho thiếu tá Rouband. Ông Trên xui khiến, viên tiểu đoàn trưởng không ghi "*Mission Impossible*" này trong biên bản nên Rouband khi được lệnh rút khỏi Tòa Thánh đã không thi hành "*Sứ mạng bất khả thi*" này.

Vào tết Bính Thân (1950), anh ba Tất (*Lê Văn Tất*) đọc tin này trên báo Paris Match có trình lên Đức Hộ Pháp. Đức Ngài chỉ cười và bảo: "*Nếu không có ai câu điện mà giựt thì nó sẽ không nổ, để lâu ngày rồi nó cũng sét và trở thành đất mà thôi*". Mới hay, nơi Thầy ngự là Bạch Ngọc Kinh tại thế, đâu thể phá đổ dễ dàng như ý nông cạn của một ít người.

Để hiểu một ít về Madagascar: nước này lệ thuộc Pháp từ thế kỷ XVII. Năm 1943, thuộc địa này bị Anh chiếm nhưng Pháp vẫn còn chủ quyền (*đây là chiến*

lược của phe Đông Minh). Năm 1946, Madagascar được độc lập, chính phủ liên bang được thành lập gọi tên mới là Cộng Hòa Malgache (*Larousse illustré. Paris 1952, trang 1517*).

Năm 1943, tình hình thế giới biến chuyển, Hitler chiếm nước Pháp. Pétain lập chính phủ Vichy. De Gaulle lập chính phủ lưu vong ở Anh. Pháp buộc phải dời Đức Hộ Pháp và các chánh trị phạm tới một đảo nhỏ, kín đáo, sát đảo lớn tên Nosy Lava (*hay Nosy Lave*) ở về phía Bắc Tây Bắc Madagascar. Tất cả bị câu lưu trong trại giam đến ngày 24-11-1944 mới được ra ngoài lao động. Trong những ngày tù đầy làm coọc-vê, Đức Ngài được Đức Chí Tôn che chở, khiến cho bao tai nạn đều qua. Một lần xe hơi chở Đức Ngài cùng mấy chục người tù qua một chiếc cầu bắc ngang sông. Cầu gãy xe rớt theo thế mà bao nhiêu người cùng rơi theo, không ai hề hấn gì cả. Một lần khác cũng xe chở tù trong đó có Ngài. Xe đang leo lên dốc núi thì bị thụt lùi, lăn từ trên cao xuống. May sao chỉ một gốc cây bên bờ vực thẳm mà ngăn được súc xe đang tuột dốc với một tốc độ kỳ dị. Tất cả mọi người đều hồn lìa khỏi xác từ từ tỉnh lại. Bình tĩnh nhìn Ngài mà nói rằng: “*Chúng ta thoát chết đều là nhờ ông lão này*”. Nhờ đó, từ đây về sau ai ai cũng có thiện cảm với Đức Ngài.

Đức Ngài quan sát vùng quê Mã Đảo thấy người dân da đen, nơi nào cũng nghèo nàn. Họ làm ruộng theo phương pháp cổ truyền. Họ lừa trâu bò quăng trên ruộng cho cỏ rạp xuống rồi vạch đất mà cấy, không dùng súc vật cày bừa như ở nước ta. Ngài thấy rõ ràng người Pháp không muốn mở mang nông nghiệp hay bất cứ việc gì mà để dân ngu hòng dễ cai trị. Lòng nhân của

một Thiên Quân xui khiến Ngài phải hành động cứu nhân độ thế, dù bất cứ sắc dân nào. Ngài cùng Giáo Sư Phấn làm cày làm bừa rồi mắc kế bò cày bừa thử nghiệm cho dân Malgache thực hành. Họ tri ân Đức Ngài. Từ đó, phương pháp cày bằng trâu bò của nước ta được truyền rộng rãi trên Mã Đảo.

Dân Malgache cũng chưa biết xay lúa, giã gạo mà chỉ tuốt hạt rồi tọt như dân thiếu số ở nước ta. Ngài nhờ ông Trọng làm cối xay còn chính Ngài đục khoét làm một cái cối giã gạo. Mới được cơm ăn, còn nhà ở của dân đảo hầu hết là tranh lá, Ngài chỉ cho họ cách làm lò nung gạch, in gạch, in ngói. Ngài cho phép dân chúng được phổ biến cách làm gạch để chống lại độc quyền của bọn Pháp.

Cái ăn cái ở đã có nhưng đầu óc còn ngu dốt thì không thể cải hóa dân sinh dân trí một cách hữu hiệu được. Đức Ngài coi dân đảo như đồng bào ruột thịt của mình cần khai hóa và mở mang trí tuệ họ. Ngài lập một trường tiểu học gần nơi Ngài sinh sống, dạy tiếng địa phương và tiếng Pháp. Vì thế họ coi Ngài như một Đấng Sư Biểu.

Chưa hết, Ngài còn chỉ họ cách hầm vôi, cách làm vòng vàng, bông tai, cà rá, kiếng vàng... giúp cho đời tươi đẹp hơn lên.

Một đệ tử đã cảm khái những hoạt động khai hóa và từ thiện của Đức Ngài bằng bài thi sau:

THI

*Mến ông thợ bạc gốc thầy tu,
Nuôi cả nhơn sanh bị nhất tù.
Đẽo mẫu cày, bừa trâu lẫm thóc,
Xây lò vôi, gạch, nhận nhiều xu.*

*Dắt diu kẻ khó thành Vương Khải,
 Dẫn độ người lành ngự Ngọc Hư.
 Thầy tớ gặp nhau trên đảo vắng,
 Pháo đầu như nổ dưới chân cù.*

“Dẫn độ người lành ngự Ngọc Hư”. Thật vậy, nhiệm vụ trọng yếu của Thiên Quân là truyền Đạo độ đời. Một hôm, Thiêng Liêng chuyển Đức Ngài đi qua đi lại nhà một cư sĩ trí thức ba lần. Vì được Sư ông báo trước sẽ có vị Phật sống đến độ dẫn nên vị cư sĩ ra rước Ngài vào nhà rồi quì xuống xin Ngài truyền tâm pháp tu chơn. Ngài mở Huyền Quang Khiếu cho cư sĩ được chứng ngộ tại thế. Một lần khác, cô Marie sinh viên du học tại Pháp năm mộng thấy Thần linh mách bảo: Trong nước xuất hiện vị Phật sống. Cô bỏ học trở về nước dù bị cha mẹ trách mắng, cô kiên trì tìm gặp Đức Ngài. Đức Ngài làm lễ nhập môn cho cô Marie vào Đạo, rồi cô trở thành thư ký cho ông “*thâu khoán bất đắc dĩ*” để giúp nhân sanh.

Đức Ngài được cô Marie đưa đi tham quan cảnh hồ “*Lac Tinivar*”.

Hồ này nằm giữa hai ngọn đồi cao, hình bầu dục, bề ngang độ 300 thước, bề dài 500 thước, chấm dứt bằng một khoé ngắn, bên kia một khoé dài, kết hợp giống như một con mắt, mí dưới thấp, mí trên cao, rặng cây làm viền giống như chân mày. Rõ ràng là con mắt trái: “*Thiên-nhân*”.

Trong những giờ rỗi rảnh nơi xứ lạ quê người, Đức Ngài không bao giờ không vọng tưởng đến Đấng Chí Tôn, Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng. Đức Ngài cùng Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến phò loan, được các Đấng

giáng an ủi. Một hôm Đức Tiêu Diêu Đạo Sĩ giáng cho bài thi như vậy:

THI

*Lược chiến từng quen đã bấy lâu,
Thiên cơ đã rõ máy cao sâu.
Dẫn lòng nhẫn nại chờ đôi lúc,
Sẽ thấy khuôn linh phép nhiệm mầu.*

Chào Thiên Tôn và chư vị Thiên phong, có Đức Nhân Âm Đạo Trưởng đến, để Bản Tăng đi triệu Thần Hoàng Bản Cảnh tới gìn giữ cơ.

NHÂN ÂM ĐẠO SĨ

Cười... Bản Tăng lấy làm cảm xúc cho chư vị dường này. Hận thay cho giống dã man tàn bạo... Trung Quân là Nam Kinh đó vậy. Nơi ấy là ổ của Việt kiều. Thời cuộc Á Đông sẽ kết cuộc nơi đó.

THI

*Quá hải đòi phen đến viếng nhau,
Ngặt không cơ bút để lời giao.
An nhàn đợi thuở triều linh địa,
Chuyển thế gặp thời phải múa đao.
Côi Á đã trở thành nơi chủng-quốc,
Phương Âu sẽ diệt tận nô lao¹.
Lửa hương đất Việt dầu nhen nhúm,
Nhờ đám Trung Quân ở nước Tàu.*

Ít lâu sau cầu cơ, một vị (*phái nữ*) giáng không xưng tên mà cho bài thi sau:

1 (*Tức Ngosi Lave ở về phía Bắc Tây Bắc Madagascar*)

THI

*Nô-si-lao tiếng đặt buồn cười,
Mi đã rước ai, hỡi hỡi người!
Lượn thăm bữa ghénh tình ô ạt,
Gió sầu xô đánh ái toi bời.
Yên Phu điệu gọi thương cành sớm,
Giọng ngạn quyên kêu gọi buổi mai.
Tổ quốc đón đường bao dặm thẳng,
Xa đưa thăm thăm một phương trời.*

Nosy Lava, hòn đảo nhỏ ở phía Tây Bắc quần đảo Madagascar. Về sao Vô Danh thị lại giảng cơ và nhủ:

“Chào Thiên Tôn và chư vị Đại Thiên phong. Thiếp vì có mạng lệnh đến đây làm bạn bút nghiên trong lúc chư vị mang lệnh Chí Tôn cho ngồi nghỉ nơi đây. Chí Tôn than rằng: “Chức sắc Thiên phong bên Cửu Trùng Đài thiếu hùng biện văn tài đặng làm tay qui phục sanh chúng. Vì có ấy mà triết lý Đạo khó phổ thông cho toàn thiên hạ”.

THI

*Đã phong trần phải chịu phong trần,
Có thân âu phải biết thương thân.
Nam xa ví chẳng vì đường khó,
Việt đành mong chi đượm lửa mừng.
Nặng gánh giang sơn là Thương Trụ,
Nhẹ tay cung kiếm ấy Thường Quân.
Ngũ hồ tứ hải không lưu lạc,
Mặt địa cầu ta vốn định chùng.*

Sau khi giải thích Nam xa Việt đành thế nào, Vô Danh thị lại cho thi:

THI

*Hòn đảo này đây trước nhất tù,
Mà nay làm khám nhất thầy tu.
Quả như oan nghiệt, vay rồi trả,
Thì lữ Tây man, Nhật Bản trừ.*

Những bài thơ trên đây đều có tính chất Tiên đoán thời cuộc ở xứ nhà. Vô hình trung tuy xa thiên lý mà gần trong gang tấc. Tuy ít ai tin, nhưng việc gì tới sẽ tới.

Vô Danh thị là ai? Đó là Đức Linh Sơn Thánh Mẫu vâng lệnh Thất Nương Diêu Trì Cung đến viếng các Thánh bị nạn. Dù dấu tên nhưng Đức Hộ Pháp biết được vì chiếc nhẫn ngọc trên tay Ngài phát hào quang khi bà thăng. Hạt ngọc nẩy của ông Lễ Sanh Võ Văn Đợi tìm được ở Núi Bà biểu cho Ngài. Nên biết ông Đợi theo Đức Hộ Pháp học tu tịnh đã chứng ngộ biết trước được nhiều việc nên Ngài đổi tên ông Đợi ra Võ Linh Đoán và cho trụ trì ở Vạn Pháp Cung để rước các thầy tu ở núi lữ vạn.

Biển cổ Núi Điện điều tàn, một nhóm Chức-sắc xin. Đức Hộ Pháp cho rước cốt Bà Đen về Đền Thờ Phật Mẫu, Đức Ngài phê: “*Bần Đạo vì thanh tịnh lúc bị lưu đày, Bà thường đến thăm mà thuận cho*”.

Trong thời gian bị lưu đày, Đức Hộ Pháp thường cầu cơ, lúc với Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến, lúc với Khai Pháp Trần Duy Nghĩa. Theo lời kể lại của ông Nguyễn Thế Truyền, vào năm 1965, với ông Hội Trưởng Thánh Thất Bà Sen, Phạm Duy Tảo và soạn giả (ông Truyền đến nhà anh Hai Tảo để chích thuốc. Ở đây bốn Đạo ai cũng biết): Đêm Noel (1945) (Theo lời kể của ông Nguyễn Thế Truyền, vào năm 1965), Đức Hộ Pháp và Ngài Khai

Pháp phò cơ, ông Nguyễn Thế Truyền làm đọc giả. Đức Lý giảng cơ cho biết các ông sẽ được thả và đưa về Việt Nam vào cuối năm 1946. Rồi Đức Lý ân phong cho ba ông:

1. Ông Nguyễn Thế Truyền phẩm Bảo Địa Lý Quân, giữ tròn vẹn lãnh thổ Việt Nam.
2. Ông Nguyễn Thế Song phẩm Bảo Thương Quân áp dụng việc trao đổi và điều hòa hàng hóa trong chúng sanh.
3. Ông Ngô Văn Phiến phẩm Bảo Tinh Quân để bảo vệ môi trường và sinh mạng nhân loại...

Ngày 1 tháng 10 năm 1946, Đức Hộ Pháp và các ông được tự do và trả về Việt Nam. Hai ông thường liên lạc với nhau.

“Tôi (L. H. CH.) thường gặp ông Nguyễn Thế Truyền khi tại Tòa Thánh Tây Ninh, khi ở văn phòng liên lạc số 145 đường Lagrandière (nay là đường Lý Tự Trọng) hay địa chỉ của Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Giáo chủ Đạo Cao Đài, người bạn tù với ông ở Madagascar”. (Nhân vật lịch sử – Nguyễn Thế Truyền, Tạp Chí Xưa & nay số 60)

CHƯƠNG II: HẾT MÙA PHÁP NẠN

Một hôm Đức Hộ Pháp nói với Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, người được Pháp cử làm đại diện tù nơnon tại Mã Đảo rằng: “*Ba hôm nữa, chúng ta sẽ trở về nước*”. Ngài Trần Duy Nghĩa cho là chuyện huyền hoặc bịa đặt nên đáp: “*Ông đã bày đặt Thượng Đế, Tiên, Phật, chớ làm gì có, để ngày nay đến nỗi này*”. Nói rồi hất quần áo của Đức Ngài từ trên phảng rơi xuống đất. Đức Ngài rơi lệ, cúi xuống nhật và nói: “*Thánh Pierre lần này là lần thứ ba người phản ta*”. Nên biết gương linh của Ngài Trần Khai Pháp là Thánh Pierre.

Ba hôm sau quả như lời, quý vị được trả tự do. Ngài Trần Duy Nghĩa phải lạy Đức Ngài để xin lỗi.

Bởi lẽ, sau khi người Pháp trở lại Đông Dương (tháng 9-1945), tình hình Việt Nam lúc bấy giờ thật rối ren, đảng phái nổi dậy nhiều nơi. Người Pháp muốn nắm lấy một vài đoàn thể có tổ chức chắc chắn, đủ mạnh khả dĩ đương đầu với tình thế lúc bấy giờ. Ở Việt Nam, ngày 8-4 Bính Tuất (8-5-1946), các cơ sở Đạo tại Sài Gòn bị chính phủ Pháp phong tỏa và bắt giam các người lãnh Đạo. Họ hăm dọa đánh khảo và sau cùng yêu cầu hiệp tác. Sau 22 ngày bị bắt, bị đánh đập và sau ba ngày hội đàm, Trần Quang Vinh và Ménage ký thỏa ước ngày 9-6-1946, đại để:

1. **Đối với Pháp:** Quân đội Cao Đài ngưng chiến đấu và giải tán tất cả các bộ đội lưu động kháng chiến.
2. **Đối với Đạo:** Quân Pháp ngưng các cuộc khủng bố, không bắt giam tín hữu, bảo đảm quyền tự do hành giáo và truyền giáo. Mở cửa Tòa Thánh và các Thánh Thất, được tự do tế tự trong phạm vi

tôn giáo. Trao trả Đức Hộ Pháp và chư vị Thiên phong về cố quốc, phục hồi các quyền công dân cho chư vị đó.

Vì các điều khoản đó mà chính phủ Pháp mới trả tự do cho Đức Hộ Pháp. Khởi đầu Giáo Sư Thượng Vinh Thanh (*tức Trần Quang Vinh*), ngày 16-8-1946 đến gặp Ủy Viên Cộng Hòa Nam Kỳ Cédile và Đồng Lý Văn Phòng Frémolle bàn tính việc rước Đức Hộ-Pháp, bằng máy bay để tỏ sự kính trọng đối với vị lãnh Đạo một Tôn giáo lớn.

Ngày 20-8-1946, nhà cầm quyền Pháp báo cho Đạo biết chuyến tàu Ile-De-France cập bến Vũng Tàu, trong đó có Đức Ngài. Giáo Sư Thượng Vinh Thanh vội ra Châu Tri cho toàn Đạo hay đặn chuẩn bị đón rước. Nhưng sau đó được tin mới, trên tàu Ile-De-France sắp cập bến không có Đức Hộ Pháp và chưa rõ ngày nào về. Vì lẽ đó Pháp cho một ít người tuyên truyền rằng: Pháp không biết bao giờ thả Đức Phạm Hộ Pháp. Mục đích của nhà cầm quyền Pháp là tránh dân Đạo tụ tập đông đảo mất an ninh.

Chiều ngày 21-8-1946, được tin chuyển tàu Ile-De-France đã cập bến Vũng Tàu (*Cap Saint Jacques*) trong đó có Đức Hộ Pháp. Nhà cầm quyền Pháp chuẩn bị đi rước bằng máy bay từ Cáp về Sài Gòn.

09 giờ 20 sáng ngày 22-8-1946, phi cơ cất cánh tại phi trường Tân Sơn Nhứt, phái đoàn gồm có Giáo Sư Thượng Vinh Thanh, ông Frémolle, Đồng Lý Văn Phòng của ông Cédile, Ủy Viên Cộng Hòa Nam Kỳ, ông Bazin, Sĩ quan Cò mật thám. Khi đến Cáp, phi cơ bay lượn ba vòng trên chiếc tàu Ile-De-France rồi mới

đáp xuống phi trường... Nơi đó đã có quan chủ tỉnh Cap Saint-Jacques, M.Ropion, chờ tiếp đón. Rồi cả thầy lên xe hơi xuống bến tàu. Khi gặp mặt Đức Phạm Hộ Pháp, ai nấy đều mừng rỡ. Riêng ông Frémolle thì ôm lấy Đức Ngài mà tỏ tình tri ngộ vì lúc ở Mã Đảo hai người đã quen biết nhau. Kế đến là quan tư Pháp Désanges và phu nhơn, người có phận sự đưa Đức Hộ Pháp từ Mã Đảo đến Sài Gòn gặp phái đoàn. Sau khi thủ tục hành chính thông thường xong thì phái đoàn đưa Đức Ngài xuống tàu nhỏ trở vào đất liền.

Ông chánh Chủ Tỉnh, M.Ropion rước Đức Ngài và phái đoàn về tư dinh đãi buổi cơm trưa. Sau đó, Giáo Sư Thượng Vinh Thanh thuật lại giai đoạn mà Đức Ngài bị nạn (1941-1946). Nào là Tòa Thánh bị chiếm, chư Chức sắc phải hành Đạo ở Kiềm Biên (*hạ tuần tháng 3 năm Nhâm Ngọ, 1942*), hiệp tác với Nhật Bản (*1-12 Nhâm Ngọ*), ở hãng tàu Nitinan và Nội Ứng Nghĩa Bình (*1-1 Ất Dậu*), lập Cao Đài Tham Mưu Quân Sự Vụ, hiệp tác với Mặt Trận Việt Minh, tới thỏa ước ngày 9-6-1946. Riêng thỏa ước thì Đức Ngài có vẻ trầm ngâm khá lâu rồi mới nói: *“Luật công bình thiêng liêng của Tạo Hóa, dầu muốn dầu không cũng không thể sửa cãi đặng... còn thiếu 2 năm 10 tháng mới may ra giải khổ ách cho dân tộc Việt Nam dứt đặng...”*

Ý Đức Ngài muốn nói: hoàn cảnh thúc bách đã tạo ra quân đội nhưng cũng là cái nạn mà Ngài phải lưu vong sau này, nhận thay cái khổ cho nhân sanh. Đức Ngài đã biết trước mọi lẽ, nhưng không thể cãi lại luật Thiên điều.

Tín đồ các nơi tấp nập kéo đến thăm Đức Ngài. Đức Ngài giang tay tiếp từng người để tỏ lòng triu mến.

Đức Ngài ngùi ngùi kể lại những năm dài lao khổ nơi hải ngoại mà các Đấng lúc nào cũng giáng cơ an ủi Đức Ngài. Tiếp đó là Giáo Sư Thượng Vinh Thanh và bốn bộ lẫn lượt kể lại tất cả sự việc 5 năm qua buồn vui lẫn lộn.

Ngày 30-8-1946, toàn Đạo và chánh phủ làm lễ rước Đức Hộ Pháp về Tòa Thánh. Đoàn xe gồm 5 chiếc của Đạo và 7 chiếc của Pháp nhưng chỉ có 5 chiếc của Đạo mới đưa về tới Tây-Ninh.

Khi gần tới Tây Ninh thì có chủ tỉnh Tây Ninh ra nghinh tiếp và vào dinh tỉnh trưởng đàm luận. Sau đó đoàn xe tiếp tục về Tòa Thánh đúng 12 giờ trưa. Chức sắc Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài với toàn thể tín đồ nam nữ đã xếp hàng dày đặc hai bên đường nghênh tiếp Đức Ngài. Xe vừa ngừng, Đức Ngài xuống xe bước vào cửa Đền Thánh, Đức Ngài quá cảm động khi đối diện người xưa cảnh cũ đến nỗi không ngăn được dòng lệ cảm hoài. Các Chức-sắc thấy thế cũng chan hòa đồng nhịp tung châu thương hận. Tiếng đại hồng chung đổ hồi mừng người xưa trở lại. Người người trật tự đi sau lưng Đức Ngài bước vào bửu điện đánh lễ Đức Chí Tôn. Sau đó, Đức Ngài qua Giáo Tông Đường làm lễ Đức Quyền Giáo Tông, đoạn xuống phòng khách dự chứng cuộc tiếp nghinh. Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước đại diện cho Hiệp Thiên Đài, Giáo Sư Thượng Vinh Thanh đại diện cho Cửu Trùng Đài và một Sĩ quan Pháp đại diện cho chính phủ bảo hộ, mỗi người đọc một bài diễn văn để chúc mừng. Sau cùng, Đức Ngài đáp từ và tuyên bố về chủ trương của Đạo Cao Đài.

Bữa tiệc mừng ngày hồi loan của Đức Phạm Hộ Pháp bắt đầu trong bầu không khí vui tươi cởi mở. Tất

cả đều hướng về Đức Ngài trông đợi những ngày thanh bình thịnh trị.

Sau đó Đức Cao Thượng Sanh đến thăm Đức Ngài, có lưu một bài thơ cảm tác như vậy:

Cảm Tác

Nhành lá rừng tòng đã điểm tươi,
Còn non còn nước lại còn người.
Xa nhà bỏ lúc thương pha hận,
Gặp bạn này khi khóc lộn cười.
Nguồn Đạo xưa trong đôi cảnh nghịch,
Thuyền từ nay lướt một dòng xuôi.
Trời Nam thử điểm trang tâm sử,
Đổ lệ cùng nhau gương để lời.

CAO THƯỢNG SANH

Họa Vận

Sắc son nhuộm tánh đậm màu tươi,
Hay dỡ khen chê để miệng người.
Đày đọa xét thân không hổ thẹn,
Sang vinh nghĩ phận quá buồn cười.
Vó ký từng trải đường nguy hiểm,
Cánh hạc quen chịu gió ngược xuôi.
Ước trả mây may ơn xã tắc,
Nợ muôn đền một kể chi lời.

ĐỨC HỘ PHÁP

Lại Họa Vận

Màu xe Tây vức ngắm thêm tươi,
Hỏi khách Hồn Ngươn đặng mấy người.
Ly hận ngày qua, non ngó khóc,
Trùng hưng buổi hiện, gió reo cười.

*Cơ huyền trí tịnh tan rồi hiệp,
Phép tạo tay cầm ngược cũng xuôi.
Tỏ đặng nỗi mừng chia hạnh phúc,
Đá kia cũng gặt để nên lời.*

CAO TIẾP ĐẠO

Đức Cao Thượng Sanh ở lại để cúng rằm và dự lễ Hội Yến Diêu Trì Cung, bà Bát Nương giáng cơ cho Đức Hộ Pháp thi:

THI

*Đào Nguyên lại trở trái hai lần,
Ai ngỡ Việt thường đã thấy Lân.
Cung Đẩu ví xa gương Xích quý,
Thiên Cung mở rộng cửa Hà Ngân.
Xuân Thu định vững ngôi lương tế,
Phất Chủ quét tan lũ nịnh thần.
Thổi khí vĩnh sanh lau xã tặc,
Mở đường quốc thể định phong vân.*

BÁT NƯƠNG

Họa Vận

*Chông gai đường Đạo mãng dò lân,
Từ bước ta bà trở cố lân.
Biển Bắc vừa nghe hơi súng nổ,
Gành Nam kể lóng tiếng chuông ngân.
Buồm thuyền tế độ sang mơ mộng,
Gió hạc chiêu Tiên giục định Thân.
Cam lộ kìa ai dành để sẵn,
Cành dương rửa sạch nét phù vân.*

ĐỨC HỘ PHÁP

Lại Họa Vận

*Dựng gậy xã tắc bấy nhiêu lần,
Mong mỗi vùng Nam đặng thấy lân.
Đánh Việt trời che gìn cảnh trí,
Thuyền Nam Đạo vững lướt dòng ngân.
Đài hoa tạc để gương anh kiệt,
Thiên khiển dành riêng đám tội thân.
Gặp phải nước nhà cơn loạn lạc,
Làm trai tua vẹn trí thanh vân.*

CAO THƯỢNG SANH

Sau khi Đức Phạm Hộ Pháp hồi loan, ông Lê Sanh Thượng Tý Thanh vào viếng sư phụ. Đức Ngài nhìn ông rồi hỏi: “Sao mấy em cắt tóc ngắn hết vậy?” Ông Tý trình rằng: Khi vào làm hãng tàu Nitinan, Nhật buộc phải cắt tóc. Các ông có cầu cơ được Đức Lý chuẩn thuận. Đức Ngài chuyển sang việc Nội Ứng Nghĩa Binh tham gia đảo chánh ngày 9-3-1945. Đức Ngài nói: “Các em tham gia đảo chánh thì tự nhận tương lai của mình, không em nào được vào lịch kỷ niệm của Đạo giống như chuyên viên đảo chánh Khương Thái Công cũng không được vào lịch kỷ niệm”.

Ai cũng biết quân đội Cao Đài do ông Trần Quang Vinh lập từ Nội Ứng Nghĩa-Binh (1945), trước khi Đức Hộ Pháp được trả tự do. Thế nên Đức Ngài minh định: “Chỉ có quân đội Cao Đài thi hành những điều đã ký với Pháp, còn toàn thể Đạo đứng trung lập. Văn thư số 115/HP-TTVP đề ngày 17-1-1949 gửi cho Thượng sư Pháp và Đại Tướng Blaizot, tư lệnh quân đội Pháp tại Đông Dương, Đức Ngài đã viết rõ: “Sự hiện diện của những tổ-chức quân-lực Cao-Đài của chúng tôi đã đến

giai đoạn không còn cần thiết nữa. Chúng tôi để cho nhà binh Pháp tự do định liệu ngày giờ để chúng tôi giao hồi khí giới, ước mong được sớm ngày nào tốt ngày ấy”.

Chân dung Đức Hộ Pháp trong những năm bị lưu đày, thể hiện rõ tư tưởng đại đồng, yêu thương nhân loại. Đức Ngài đã giúp dân Malgache cải thiện cuộc sống và thân hữu với kẻ địch. Ngoài lòng yêu dân (Ngài có bút hiệu là *Ái Dân*) còn nhớ cố hương trong những lúc rảnh rỗi, Đức Ngài trò chuyện với ông Nguyễn Thế Truyền rất là tâm đắc.

Ông Truyền kể cho Đức Ngài về hoạt động của nhóm Ngũ Long (*Phan Văn Trường, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh*) trong những năm đầu của thế kỷ hai mươi này ở Pháp. Ông Truyền cho biết ông Nguyễn Ái Quốc có tình yêu nước nồng nàn và mãnh liệt, nhất định phải giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp.

Nhờ đó hai ông thân nhau và lập ra nhóm Ngũ Bạch. Rồi cầu cơ Đức Lý giáng cơ thu nhận ba nhà cách mạng vào hàng Bảo Quân. Xem thế dù hoàn cảnh khó khăn nào, Đức Ngài luôn phổ độ chúng sanh như lời nguyện.

CHƯƠNG III: THỜI THÁI BÌNH THỊNH TRỊ

1. KHÁI NIỆM VỀ THỜI THÁI BÌNH

Nhìn cục diện quốc gia khoảng thời gian (1947–1954) thật là bi đát. Chiến tranh Việt Pháp đến hồi quyết liệt thanh niên bị nung vào trận Điện Biên Phủ. Kết liễu là Hiệp Định Genève (1954) phân chia Việt Nam qua Bắc vĩ tuyến 17 lấy sông Bến Hải thay Linh Giang thời Trịnh Nguyễn.

Trong khi đó toàn thể tín đồ Cao Đài được yên lành, nhất là Thánh địa Tây Ninh suốt gần 10 năm không nghe tiếng súng, dù là một tỉnh biên giới, rừng thiêng lam chướng. Được vậy là nhờ có quân đội Cao Đài bảo vệ. Các Chức-sắc được tự do hành Đạo, khai đàn, thượng trang, cầu kinh, tế tự. Nơi nào có Đạo là nơi đó có bóng cờ *Bảo Sanh Nhơn Nghĩa Đại Đồng* phát phới. Các chiến sĩ chẳng quản đồng sâu, nước mặn hay sắn dã thôn quê, họ chỉ một lòng vì Thầy vì Đạo, còn hy sinh đồng lương eo hẹp của mình để lo cơ sở xã hội như trường học, cô nhi viện.

Chính khoảng thời gian này Đức Phạm Hộ Pháp đã gia công thuyết Đạo, các tốc ký đã ghi chép và sưu tầm thành bộ “*Lời Thuyết Đạo*” sách trên 2 nghìn trang chia làm 5 quyển. Quý nhất là quyển “*Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống*” và quyển “*Bí Pháp*” của Đạo Cao Đài. Các phố chợ, đường sá và nhà đất cũng được kiến thiết và phân chia trong thời kỳ này.

Thời kỳ này, chấm dứt bằng buổi Lễ khánh thành Tòa Thánh Tây Ninh kéo dài trong 10 ngày (*từ ngày 29-1 đến 8-2-1955 năm Ất Mùi*) vô tiền khoáng hậu trong

lich sử Cao Đài giáo. Buổi lễ được hầu hết các quan khách quốc tế đến tham dự, có cả thủ tướng Ngô Đình Diệm, người đã tạo ra biến cố 1955, chấm dứt giai đoạn vàng son đó.

Số tín đồ Cao Đài trong 10 năm này tăng một cách nhanh chóng: 1953 có 1 triệu rưỡi (1.500.000) người, chưa kể các chi phái đến năm 1954 lên đến 2 triệu rưỡi (2.500.000). Cũng nên biết là người theo Đạo Cao Đài nhập môn, lập thế và có “Sớ Cầu Đạo” hẳn hoi. Tất cả đều được liệt kê vào bộ sổ chú không ước đoán.

2. HỘI NGHỊ NHƠN SANH VÀ PHƯỚC THIÊN

Sau khi Đức Phạm Hộ Pháp trở về Tòa Thánh Đức Ngài triệu tập Hội nghị Nhơn Sanh để chấn chỉnh guồng máy Đạo. Trong huấn từ khai mạc Đại Hội ngày 1-12 Bính Tuất, Đức Ngài nói:

“Đã trót 5 năm dư, Bản Đạo bị đồ lưu nơi hải ngoại thì đã từng chịu biết bao nhiêu là sự đau khổ tâm hồn, nỗi lo cho tương lai của Đạo, nỗi sợ cho vận nước tránh không khỏi nạn chiến tranh loạn ly, nặng nơi lòng một tình thương nhớ cả con cái của Chí Tôn trót triệu Chơn-Linh của Người giao gìn giữ.

Con hạc lạc hồi quê, nhìn không nhớ tổ, xem nước non đổi về thay màu, thăm thiết nơi lòng tuôn châu đố ngọc, sắp muốn kêu cùng cuối một tiếng nỉ non giục kẻ tri âm hồi đáp. Ôi! Dưới bức thê lương này ai là tri kỷ, tri âm cùng Bản Đạo, ngoài ra chư hiền hữu, hiền muội thì Bản Đạo đã kiếm đặng ai. Tưởng khi các bạn cũng có lẽ tội nghiệp cho con hạc bịnh này, mà để tai lóng tiếng.

Vậy Bản Đạo cúi mình cậy các bạn một điều rất nên yếu thiết tha hòa giọng đau thương cùng con hạc lạc này

đặng giục lòng bác ái một cảnh an nhàn thiêng liêng cho toàn sanh chúng. Bản Đạo đã nhiều lo ngại cho căn số con cái của Chí Tôn trong buổi phiêu lưu nơi hải ngoại, e ra vì nhẹ dạ của đôi phần tử Thánh thể của Thầy, nên vừa để gót về đất tổ đình thì đã quên hẳn mảnh thân tiêu tụy hao mòn vội cầm quyền của Đạo đặng sửa đường cho đẹp vẻ chơn truyền, rồi lại tìm phương hiểu tận những điều khuyết điểm, hư hại hầu giới mài thêm nữa nên tức cấp mở Hội Nhơn Sanh đặng phục vụ quyền Vạn Linh như trước”.

Mười lăm hôm sau, khai mạc Đại Hội Phước Thiện (tức ngày 15 tháng 12 Bính Tuất 1946) Đức Ngài nói:

“Hội Thánh có hai cơ quan: Hành Chánh và Phước Thiện thường tương khắc nhau, song chưa tìm chơn lý để hòa nhau, ngày nào chưa hòa nhau là còn thất sách, bất lực thì không thi thố phận sự trọng yếu cho ra thiệt tướng được.

Ấy vậy mấy em phải rán sức, định tâm lấy tinh thần vi chủ nêu gương cho mấy em sau này đi theo. Nếu khối phạm còn trong óc mấy em thì không bao giờ đoạt mục đích tối cao, tối trọng được, phải có khối óc thiêng liêng mới mong thay hình Thánh thể Chí Tôn đối với con cái Ngài là quân linh”.

Như vậy vừa khai Hội Nhơn Sanh và Phước Thiện vừa thông báo chính thức cho toàn thể con cái Đức Chí Tôn hay rằng Đức Ngài tái thủ quyền Vạn Linh khuyên toàn Đạo chung hiệp xây dựng Tổ Đình và Chơn Truyền Đại Đạo.

3. LỄ TRẦN THÂN TOÀ THÁNH TÂY NINH:

Vào ngày 6 tháng 1 năm Đinh Hợi (27-1-1947) Đức

Phạm Hộ Pháp làm lễ trần Thần Đền Thánh. Cũng nên nhắc lại Toà Thánh khởi công năm 1933, bị ngưng trệ vì ảnh hưởng lũng củng nội bộ. Năm 1936 Đức Ngài ra lệnh khởi công tạo tác lại. Đến ngày 3 tháng 1 năm Đinh Hợi các công thợ làm lễ bàn giao Đền Thánh cất xong cho Hội Thánh. Đến ngày này thì Đức Phạm Hộ Pháp dạy Lễ Viện cúng giờ meo rồi làm phép Trần Thần.

Đúng chín giờ ngày 6-1 Đinh Hợi, Đức Hộ Pháp mặc tiểu phục, dạy Thừa Sứ Huỳnh Hữu Lợi và Truyền Trạng Phạm Ngọc Trấn theo Đức Ngài đến Báo Ân Từ. Đức Phạm Hộ Pháp vào Điện làm lễ xong dùng nước âm dương giao cho Thừa Sứ Lợi, Đức Ngài lấy 3 bó nhang hành pháp xong thì giao cho Truyền Trạng Trấn.

Khi đến Đền Thánh, Đức Ngài ngó ngay Thiên Nhân trước Phi Tượng Đài rải cam lồ thủy và cầm nhang làm phép Trần Thần. Kế tiếp đến tượng Phật Di Lạc, tượng Đức Quyền Giáo Tông, bà Nữ Đầu Sư đến tượng Ông Thiện, Ông Ác.

Sau đó, Đức Ngài vào cửa Đền Thánh, đứng ngó vào Tịnh Tâm Điện trần Thần cái Cân Công Bình trên ngưỡng cửa, Đức Ngài nói: *“Kể từ đây cái cân công bình thiêng liêng của Đức Chí Tôn đã biến tướng thiết hiện ở thế gian này để phân công chiết tội và định phẩm vị toà sen của toàn con cái của Ngài”*.

Đức Ngài sang phía trái Đền Thánh đứng ngang Cửa Trùng Đài cách 12 thước, trần Thần Long Mã. Trên lưng Long Mã có bộ Lạc Thơ Bát Quái và cây kiếm, nên có câu *“Long Mã phụ hà đồ”*. Long Mã chạy về Tây mà đầu quay về phía Đông, ý nghĩa Đạo xuất từ Đông,

đem từ Đông sang Tây cứu vớt chúng sanh.

Kế Đức Ngài đến Bát Quái Đài ngó lên trên Trấn Thần Tam Thế Phật:

1. **Phật Brahma:** đứng trên một con thiên nga nhìn thẳng, đó là ngôi thứ nhứt, tượng trưng Thánh đức, thuộc về cơ sanh hoá.
2. **Phật Civa:** đứng trên thất đầu xà (*rắn 7 đầu*) nhìn thẳng bên phải về phía Tây lang Toà Thánh. Đó là ngôi thứ hai, tượng trưng phần âm có sanh có diệt, ấy là cơ bảo tồn.
3. **Phật Christna:** đứng trên con giao long nhìn qua trái. Đó là ngôi thứ ba tượng trưng phần trí não, thuộc cơ tranh đấu.

Đức Phạm Hộ Pháp đến trấn Thần bốn con Kim Mao Hẩu ở hai nấc thang bên phải Đền Thánh. Rồi Đức Ngài vào cửa Cửu Trùng Đài, sang qua bên tả trấn Thần 4 con Kim Mao Hẩu. Đức Ngài nói: *“Con Kim Mao Hẩu rất mạnh và khoẻ, tượng trưng cái năng lực tinh thần con người, nhờ nó mà qua các tầng trời về cùng Thầy”*.

Sau đó Đức Ngài vào cửa bên trái Cửu Trùng Đài trấn Thần Thiên Nhân quanh Tổ Đình, lần lượt xuống tới Bát Quái Đài, rồi sang bên phải, cả thấy là 23 Thiên-Nhân ngó ra ngoài. Vào trong đến cửa Cửu Trùng Đài bên phải, lên trấn Thần tượng Bát Tiên và sang bên tả trấn Thần tượng Thất Hiền. Rồi Đức Ngài trở xuống bàn Hộ Pháp trấn Thần chữ Khí, ngai Hộ Pháp có một con rắn 7 đầu: Thất đầu xà, cái thân nó quấn dưới ngai Hộ Pháp, đưa lên trên 3 đầu và gục xuống 4 đầu, choàng cái mình quấn dưới ngai Thượng Phẩm.

và cái đuôi dưới ngôi Thượng Sanh.

Khi tọa, Đức Hộ Pháp hai chân đạp lên hai đầu có tên Ai, Cự, hai tay đè 2 đầu Ố, Dục, 3 đầu sau lưng là: Hỉ, Lạc, Ái.

Còn 23 Thiên-Nhân nhìn vào trong Đền, Đức Ngài không trấn Thần vì người Đạo quì ngang sợ ô uế.

Ngài Trương Hiến Pháp nói: “*Vì lời Tiên tri của Đức Hộ Pháp nên Hội Thánh rất lo ngại nên quyết đức tượng của Đức Ngài gấp rút để trấn trên Thất Đầu Xà, mục đích trấn áp thất tình của con người, để tránh bớt biến cố trong Đạo, vì lời Tiên tri ấy đã biểu hiện rõ nét từ ngày Đức Thượng Sanh về cầm quyền tối cao trong Đạo*”.

4. LỄ RƯỚC QUẢ CÀN KHÔN AN VỊ TOÀ THÁNH

Quả Càn Khôn được Thánh giáo chỉ vẽ từ lâu nhưng chưa thực hiện được như Thánh ý. Đến 8-1 Đinh Hợi mới rước quả Càn Khôn từ Báo Ân Từ về Đền Thánh mà toàn Đạo ngày nay đồng kính bái.

Đức Hộ Pháp đã thuyết giảng: “*Ngày nay đã dời quả Càn Khôn về Đền Thánh, Đức Chí Tôn đã ngự nơi Ngai của Ngài, chúng ta nên mừng cho nhưn loại được ảnh hưởng nơi Đền Thánh này mà tiến hóa mãi lên.*”

Đền Thánh kể từ đây không còn ai xem nó là vô, cát, xi măng nữa, mà là một khối đức tin của toàn con cái của Đức Chí Tôn đã tượng nên hình vậy.

Nhờ những bàn tay khéo léo của mấy em, mấy con, thợ hồ, thợ mộc đã chịu đói rách khổ cực hơn 10 năm trường mới dày công đào tạo nên. Từ đây một sắc dân nào có đủ đức tin nơi Chí Tôn là Chúa Tế vạn loại thì

dầu ở nơi phương trời nào, họ sẽ hướng về Đền Thánh mà cầu nguyện hàng ngày hàng giờ để mong hưởng phước lành của Ngài.

Đền Thánh làm xong, nền Đạo đã vững vàng, chúng ta sẽ dẹp hẳn cái bạo tàn của đời để dẫu dặt nhưn loại đi vào con đường gây dựng lại trật tự hòa bình cho cái năng lực nhưn nghĩa, chúng ta sẽ đem hạnh phúc lại cho Thiên hạ trong buổi chuyển thế này”.

Ngài Trương Hiến Pháp giải thích sự tích quả Càn Khôn như vậy:

“Thế theo Thánh ý, chư Chức-sắc tạo quả Càn Khôn đầu tiên..... vì rủi ro, quả Càn Khôn ấy cháy tiêu hết, duy có Thiên-Nhân thì còn y nguyên.

Hội Thánh kiến tạo quả Càn Khôn khác thay thế. Hội Thánh đồng tình biểu quyết lấy lại Thiên-Nhân cũ đặt lên quả Càn Khôn mới ngày nay... ‘Khi hạ quả Càn Khôn cũ, cả thế giới và trong Đạo đều chấn động”.

5. BÁO AN TỪ

Nơi thờ phượng Đức Phật Mẫu hiện nay gọi là Báo Ân Từ. Đền này được trần thiết thờ Đức Phật Mẫu từ ngày 1-2 Đinh Hợi (1947), sau khi rước quả Càn Khôn về Đền Thánh.

Đức Phạm Hộ Pháp trong ngày lễ an vị có giảng:

“Từ đây chúng ta rất hân hạnh thờ Phật Mẫu tại Báo Ân Từ. Buổi mới mở Đạo Bản Đạo biết công nghiệp của Phật Mẫu thế nào, Ngài và Cửu Vị Nữ Phật dẫu dặt con cái của Đức Chí Tôn từ ban sơ đến ngày đem chúng ta giao lại cho Thầy.

Ngày mở Đạo, vì cái tình cảm ấy các vị Đại Thiên

Phong buổi nọ xin thờ Phật Mẫu ở Đền Thánh thì Phật Mẫu cho biết rằng: Quyền Chí Tôn là Chúa còn Phật Mẫu là tôi, mà tôi thì làm sao ngang hàng với Chúa, chúng ta thấy Phật Mẫu cung kính Chí Tôn đến dường ấy không gì lường được”.

Vào năm Nhâm Thìn (1952) nhân dịp sửa lại Báo Ân Từ. Đức Hộ Pháp chỉ vẽ đắp các tượng:

1. Trên hết, Đức Phật Mẫu cưỡi chim thanh loan.
2. Dưới đắp 9 tượng Cửu Vị Nữ Phật.
3. Liên tiếp đắp bốn vị nữ nhạc
4. Tượng Đông Phương Sóc, nhà văn hoá đời Hán.
5. Tượng Đức Cao Thượng Phẩm

Việc tạc hình Đức Cao Thượng Phẩm thay cho Hán Võ Đế, Đức Hộ Pháp giải thích:

“Nguyên căn Hồn Võ Đế là Hồn Chung Ly giáng sanh thành lập nước. Kỳ Hạ nguơn này, Đức Cao Thượng Phẩm cũng là Nguơn Linh của Hồn Chung Ly tái thế lập thành Quốc Đạo nên tạc hình Đức Cao Thượng Phẩm”.

Đức Hộ Pháp dạy đắp chơn dung Đức Phật Mẫu:

“Hình của Đức Phật Mẫu đắp theo hình chúng cô bông Cửu Nương lần đầu tiên vào ngày 15-8 Đinh Hợi. Hối đó mượn của bà Phôi Sư Hương Hiếu.

Đức Phật Mẫu có từ thuở Khai Thiên do khí Âm Dương tạo thành, có quyền năng vô đối cũng như Đức Chí Tôn, hữu hữu vô vô, nắm trọn mẫu nhiệm của Càn Khôn Vũ Trụ. Chớ không phải bí pháp biến thành thể pháp do hiện tượng sự tích đời Hán. Võ Đế có nghĩa là chỉ mượn ý tạc hình đã có, chớ Phật Mẫu vốn vô vi”.

6. ĐẠO ĐỨC HỌC ĐƯỜNG

Sau khi dời Thánh Tượng từ Gò Kén về chùa mới hơn một năm. Hội Thánh hội nghị quyết định mở trường khai dân trí.

Chương trình học theo chương trình nhà nước.

- **Tiểu học có các môn:** Việt Văn, Pháp Văn, Toán, Lịch sử, Địa lý, Cách trí, Vệ sinh, Nhạc, Vẽ, Thủ công, cộng thêm các môn của Đạo: Giáo lý, Hán văn.

Các lớp: Đồng ấu (*Cours enfantin*), Dự bị (*Cours prépa toire*), sơ đẳng (*Elémentaire*), Trung đẳng (*Moyen*), Cao đẳng (*Supérieur*) để thi tiểu học.

- **Trung học có các môn:** Việt Văn, Pháp Văn, Toán, Vật Lý, Hoá Học, Sử Địa, Nhạc, Vẽ, Thủ công, cộng thêm các môn của Đạo: Giáo lý, Hán Văn.

Các lớp: năm thứ nhứt (*cours 1^{ère} année*), thứ hai (*2^e année*), thứ ba (*3^e année*), thứ tư (*4^e année*) để thi Brevet.

Tháng 9 năm 1928 khai giảng năm học đầu Tiên, trường Đạo Đức Học Đường có tất cả 210 học sinh. Nhân ngày lễ phát thưởng năm đầu Tiên cho học sinh trường Đạo Đức vào ngày 14-7 Kỷ Tỵ (18-8-1929) Ngài Thượng Đẩu Sư đến dự lễ để khích lệ thầy cô giáo và các em học sinh. Ngài nói:

“Trong mấy năm dư Đạo nghèo nên mấy em chịu phần hui hút, còn mấy anh đây lại bị kẻ thúc người đè cũng không sẵn sóc mấy em trẻ dại, để mấy em chiu chút như kia mất mẹ.

Ít người xét cổ suy kim, mới biết rằng tôn giáo nào cũng nhờ học thức mà thìn mới Đạo, truyền chánh giáo

môi đặng tròn câu phổ độ. Đạo nghèo đồng tiền eo hẹp, còn thầy giáo huấn không một đồng lương, lại thêm ngày ngày dạy dỗ ấu nhi, phải làm công quả vui cùng sanh chúng, học sinh đồng nhi nam nữ tập viết bằng lá buông, chỗ ngủ lấy ván sạp làm giường, bữa ăn uống tương rau hẩm hút. Ba năm dư mới rảnh chút thì giờ, mấy anh đây mới lập trường mà phát thưởng,

Lễ đơn sơ để dạ yêu thương,

Giục mấy cháu hết lòng lo Đạo đức”.

Bài huấn dụ của Ngài Thượng Đẩu Sư cho ta thấy mấy ý như sau:

- **Lấy ván sạp làm giường:** Thật vậy, nhà giáo viên, nhà lưu trú học sinh đều kê đơn sơ bằng gỗ xẻ thành ván. Phần bì thân cây thì làm bàn, băng cho học sinh. Ai có sống, có học trong những năm hai mươi của thế kỷ XX mới thấm thía được lời chân thật mà thân yêu, triu mến của người Anh Cả.
- **Ăn uống tương rau hẩm hút:** Thật ra là nước muối, rau lang suốt lá từ gốc tới ngọn (*chớ không chỉ ăn ngọn*), chuối xác nguyên cây, bữa cháo bữa củ mì. Các học trò thời ấy nói vui với nhau: “*Nước tương Đại Đạo, cơm cháo Tam Kỳ, củ mì Phổ Độ*”. Chao ôi! Ăn uống như thế. Học lấy kiến thức để sau này “*phổ độ nhân sanh*”. Lý tưởng của trường đề ra thật cao, qua câu liễn :
 - **ĐẠO ĐỨC TRUYỀN LƯU HẬU TẤN HIẾU TRUNG PHỒ XÃ TẮC**
 - **HỌC ĐƯỜNG GIÁO HOÁ THƠ SANH NHÂN NGHĨA LẬP GIANG SAN.**
- **Tập viết bằng lá buông:** Cái nghèo khó thử thách lòng trang hiếu học. Học mà không có tập mà phải viết bằng lá buông. Các thầy thương trò mà phát minh ra tập lá.

Những ngày nghỉ học, thầy trò đi dã ngoại tìm rừng lá buông cắt đem về rọc bỏ phần sống lá. Thân lá được cắt từng đoạn dài đều nhau độ 20cm, rồi đem phơi khô để lá buông từ màu xanh lục chuyển sang màu vàng nhạt. Sau đó xếp lá chồng lên nhau rồi lấy tấm ván ép cho bằng phẳng gọi đó là tập lá.

Mực viết trên lá buông là cỏ mực. Cỏ mực nhỏ trên ruộng rẫy về rồi giả nhuyễn, vắt lấy nước, vô bình mực chia cho các học sinh. Chao ôi! cái học kiểu “*Trần Minh khố chuối*” như thế mà “*hiếu trung phò xã tắc*” là tấm lòng thiết thạch đối với quê hương, có chi sánh nổi.

Sang năm 1931, Thượng Chánh Phối Sư báo cáo trước Hội Nhơn Sanh có đoạn viết:

“Trong Toà Thánh có lập một Đạo Đức Học Đường để dạy trẻ em, có 8 lớp học, 6 lớp con trai trình độ lớp nhì, một lớp con gái Việt, 1 lớp con nít Đan Thổ (Tà Mun). Tất cả được 274 trò. Các thầy dạy đều có bằng sơ học, làm công quả, không lấy tiền. Học trò cũng không đóng học phí.

Ngoài ra, cứ mỗi tối những người công quả Nội Ô Toà Thánh ước chừng 400 người đều phải theo học. Có những lớp dạy chữ, dạy kinh, dạy Đạo tùy theo sự hiếu học của mỗi người”.

Báo cáo của Hội Nhơn Sanh năm 1932 xác nhận có nhiều tiến bộ:

“Trường Đạo Đức Học Đường năm nay có mở thêm được ba lớp học nam nữa. Một lớp năm thứ nhì (Cours 2 è année) và hai lớp Đông Ấu (Cours Infantin), cộng chung là 11 lớp. Số học trò được 417. Trong đó có 312 trò nam và 105 trò nữ, thêm được 143 trò, nhiều hơn năm ngoái.

Kỳ thi tiểu học vừa rồi, nhà trường có 26 trò đi thi đều đậu hết. Có 21 trò đậu luôn phần Pháp văn (*mention française*). Mấy cô giáo và thầy giáo dạy nơi trường đều siêng năng lo lắng dạy dỗ. Không người nào ăn lương bổng hết”.

Ta thấy tinh thần thầy cô qua mấy chữ “siêng năng lo lắng” và “không lương bổng”. Dạy ngày không đủ, các thầy cô tranh thủ dạy đêm. Các học trò từ xa xôi ngoài ô Thánh địa, tay cầm đèn chông, chân trần mò mẫm đêm hôm khuya khoắt vào Đạo Đức Học Đường để ôn thi. Sự tận tâm kia với kết quả 100% thật là xứng đáng.

Truyền thống đó được nối dài cho đến tận năm 1952. Năm đó trường có 60 lớp lợp bằng tranh, tường xây gạch đất không nung (*gạch sống*), chỉ có một dãy lớp ngói ở phía trước cho các lớp 1è annéc, 2è annéc. Có 10 lớp Cao Đẳng (*Cours supérieur*) đi thi tiểu học với 5.393 thí sinh thi tại tỉnh lỵ, chỉ rớt một trò vì bị bệnh bất thường. Đó là thành quả kỷ lục đền đáp công ơn thầy trò dạy và học hằng đêm làm rạng danh Đạo thời ấy.

Chính năm 1952 ngôi trường phổ thông ở trên đường Hoàng Tông Hướng, ngoài cửa số 7 ngoài ô được trùng tu và cất thêm hai dãy để nhận học sinh vừa mới thi đỗ tiểu học. Nhà trường phải mở 12 lớp đệ thất vì phải nhận thêm hai lớp cho học sinh ngoài tỉnh.

Ngày khai giảng Đức Phạm Hộ Pháp đến dự và đổi tên trường phổ thông thành trường Nghĩa thực Lê Văn Trung để nhớ ơn Đức Quyền Giáo Tông người có công đầu tiên khai hoá nhân sanh tại vùng Thánh địa.

Con cháu nối bước. Năm 1961, giáo sư Trần Văn Rạng dạy trường Trung học Công lập Tây Ninh đưa

đơn xin phép lập “*Hội ái hữu cứu sinh Đạo Đức và Lê Văn Trung*” được Bộ Nội Vụ cấp giấy phép hoạt động số 128-ND ngày 20-10-1961.

7. ĐOÀN HƯỚNG ĐẠO SINH CAO ĐÀI

Cuối năm 1949, ảnh hưởng chiến tranh nhiều gia đình di cư về Toà Thánh đem theo con cái vô nghề rồi công. Trước hoàn cảnh đó, giáo sư Hồ Thái Bạch (*Hiền Tài*) họp cùng một số người đồng chí hướng lập ra Bá Nghệ Đoàn.

Trụ sở Đoàn nằm giữa Đường Nhơn và Bắc Tông Đạo. Bá Nghệ Đoàn dạy cho thanh thiếu niên nhiều nghề như mộc, hồ, đan, khắc mộc gỗ... Trong đó, chỉ có hai nghề đan mây tre lá và khắc mộc gỗ cho Chợ Truyền Ấn Quán có nhiều người theo học và phát triển nhất.

Số thanh thiếu niên tụ tập ngày càng đông. Giáo sư Bạch quyết hợp thức hoá với Đạo và đời. Ông làm đơn gửi lên văn phòng Hộ Pháp xin thành lập Đoàn Hướng Đạo Sinh Cao Đài và Đạo Linh Sơn với Hội Hướng Đạo Việt Nam.

Ngày 5 tháng 5 năm Nhâm Thìn (1952), Đức Hộ Pháp ký Thánh lệnh số 18/TL cho phép Đoàn Hướng Đạo Sinh Cao Đài được phép hoạt động theo lời hứa và Luật Hướng Đạo.

LỜI HỨA HƯỚNG ĐẠO

Tôi xin lấy danh dự của tôi mà hứa rằng:

- Làm tròn bổn phận đối với tôn giáo và tổ quốc
- Giúp ích mọi người bất cứ lúc nào
- Tuân theo luật Hướng Đạo

LUẬT HƯỚNG ĐẠO

1. Hướng Đạo Sinh là người trọng danh dự.
2. Hướng Đạo Sinh tuân theo luật Đạo, luật nước và người cộng sự.
3. Hướng Đạo Sinh giúp ích mọi người bất cứ lúc nào.
4. Hướng Đạo Sinh là bạn của mọi người.
5. Hướng Đạo Sinh lễ độ và nhã nhặn.
6. Hướng Đạo Sinh yêu các giống sinh vật
7. Hướng Đạo Sinh vâng lời.
8. Hướng Đạo Sinh vui vẻ khi gặp khó khăn.
9. Hướng Đạo Sinh biết tiết kiệm của người và của mình.
10. Hướng Đạo Sinh trong sạch từ tư tưởng, lời nói đến việc làm.

BÀI HÁT CHÍNH THỨC CỦA ĐOÀN HƯỚNG ĐẠO SINH CAO ĐÀI

Lời và nhạc: Văn Đăng

Đưa nhau lên đường anh em thanh niên

Kiến tạo thanh bình chúng ta bước đều

Hướng Đạo Sinh Cao Đài! HDS nhân nghĩa,

Hướng Đạo Sinh Cao Đài! Từ bi, bác ái, công bằng.

Ta đi lên gieo vui tươi muôn nơi

Ta đi lên, người HDS. Cao Đài!

Để thực thi luật Hướng Đạo “*giúp ích mọi người*” Ban Huynh Trưởng hội họp quyết định thành lập trường tiểu học Minh Đức – Tân Dân. Cơ sở trường đặt trong Nội Ô ở gần cửa số 3.

Trường do huynh trưởng Lê Hoàng Hải (*Lễ Sanh*)

làm cai trường. Ban giáo viên gồm có: Nguyễn Thành Kinh, Nguyễn Văn Trọng, Lê Văn Cẩn....

Những học sinh cô nhi, con Chức-sắc neo đơn đều được ăn cơm tại trai đường của Đạo. Ban giáo viên ăn cơm tại trụ sở Hướng Đạo do tiền lương của giáo sư Bạch cung cấp. Ngoài ra, không có lãnh khoản tiền nào khác và được cầu phong vào hàng Chức-sắc. Trường phải đóng cửa vì ban thanh trừng.

Các ngày lễ lớn Đoàn Hướng Đạo Sinh Cao Đài lãnh tổ chức các cuộc vui như đốt lửa trại, trình diễn văn nghệ, biểu diễn xếp chữ, trồng tháp.

Hoạt động của Đoàn từ 1952 đến 1955 có ba điểm son lớn:

- Giúp đỡ tương trợ đồng bào bị lụt năm Nhâm Thìn (1952) ở Tây Ninh.
- Lưu diễn văn nghệ ở miền Tây với quái kiệt Trần Văn Trạch giúp đồng bào bị hoả hoạn ở chợ Thiếc năm 1953 (Sài gòn).
- Giúp đồng bào di cư 1954 tại trại tạm cư Trường Trung Học Lê Văn Trung và những hoạt động từ thiện khác.

8. VĂN PHÒNG HIỆP THIÊN ĐÀI

Hiệp Thiên Đài có thì Cao Đài giáo mới phát sinh. Hiệp Thiên Đài là cơ quan thông công với các Đấng Thiêng Liêng. Toà nhà này toạ lạc trên Bình Dương Đạo (nay đổi là đại lộ Phạm Hộ Pháp) và được khánh thành vào ngày 8-12 Đinh Hợi (1947).

Câu liễn:

- **HIỆP NHẬP CAO ĐÀI BÁ TÁNH THẬP PHƯƠNG QUI CHÁNH QUÁ**
- **THIÊN KHAI HUỲNH ĐẠO NGŨ CHI TAM GIÁO HỘI LONG HOA.**

Đức Hộ Pháp có đến thuyết giảng, trích lược một vài đoạn như sau: “Các Đấng tự hữu, hằng hữu, thiên hạ tưởng không có, họ làm từ trước, người ta tưởng Đấng ấy không có, Đấng ấy đã có từ Tạo Thiên Lập Địa.

Đấng ấy có mơ mộng gì vô hạn? Nhứt là Ngự Mã Quân của Chí Tôn biết trước hơn ai hết, bởi vì Ngài có dạy, trước hết là Ngài bỏ Huỳnh Kim Khuyết, bỏ Thiên Cung đòi xuống trần dạy con cái của Ngài lập phương giải khổ. Nếu tôi không lầm, cơ bút đã cho tôi biết các bạn Hiệp Thiên do nơi đâu sản xuất? Do để giữ Quyền Thiêng Liêng nên mới có 12 vị Thời Quân, Thập Nhị Địa Chi tức là cảnh thiêng liêng vô hình của chúng ta.

Trước khi lãnh lĩnh trên Bạch Ngọc Kinh tạo nền chơn giáo, Chí Tôn quyết định có Ngài giáng thế mới được, Ngự Mã Quân không cho, bắt buộc phải có người thay thế cho Ngài tức là Thánh thể của Ngài tại đây.

Ngài đi mà không cho thì phải có hình ảnh thế cho Ngài mới được. **Hình ảnh của Ngài là Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên”.**

Từ ngày lập giáo HTĐ chỉ quy định có 4 cặp cơ:

1. Cơ lập giáo (Cơ, Tắc)
2. Cơ lập pháp (Hậu, Đức)
3. Cơ truyền giáo (Sang, Điều)
4. Cơ bí pháp (Nghĩa, Trạng)

9. PHÁI TIÊN THIÊN VỀ TOÀ THÁNH

Toà Thánh Tây Ninh lúc nào cũng sẵn sàng đón rước các chi phái Đạo trở về hợp tác. Thánh huấn số 380 ngày 22-3 Kỷ Sửu (19-4-1949) ghi: “**Bản Đạo đã ân xá cho toàn cả chi phái, bất cứ là ai, nếu nhập môn lại và vâng y luật pháp Toà Thánh sẽ là tín đồ chánh**

thức của Đạo Cao Đài”.

❖ THÁNH LỆNH SỐ 535: ngày 4-6 Kỷ Sửu (29-6-1949) chấp thuận phái Tiên Thiên do ông Nguyễn Bửu Tài lãnh Đạo đưa về Toà Thánh Tây Ninh. Tất cả Chức-sắc này đều tạm chức Hiền Tài (*Ban Thế Đạo*) để đợi Quyền Thiêng Liêng định đoạt. Nhưng vẫn được giữ các Thánh Thất và được tạm dùng cơ bút tại tư gia để học hỏi riêng chớ không được phổ biến.

❖ THÁNH LỆNH SỐ 302: ngày 27-5 Canh Dần (11-7-1950) thì chư Chức-sắc phái Tiên Thiên có danh sách trong thông qui ngày 30-10 Kỷ Sửu đã đệ trình lên Đức Lý Giáo Tông xem xét ngày mồng 3 tháng 1 Canh Dần được ân phong vào hàng Chức-sắc Toà Thánh như sau đây:

1. Phối Sư Thượng Tài Thanh tức Nguyễn Bửu Tài¹
2. Phối Sư Thượng Hiền Thanh tức Phan Lương Hiền
3. Giáo Sư Ngọc Dừng Thanh tức Đinh Văn Dừng
4. Giáo Sư Ngọc Thiện Thanh tức Phan Lương Thiện
5. Giáo Sư Thượng Tấu Thanh tức Trần Văn Tấu

Còn Giáo Hữu thì đủ 3 phái có 26 vị. Lễ Sanh 3 phái có 35 vị. Từ đây cả thầy tòng quyền Ngọc Chánh Phối Sư, chủ trưởng Chức-sắc.

❖ THÁNH LỆNH SỐ 13/TL: Ngày 23-12 Canh Dần (30-1-1951) Đức Phạm Hộ Pháp lại ký Thánh lệnh số 13/TL phong thêm 5 vị Giáo Sư, 3 vị Giáo Hữu và 17 Lễ Sanh. Nhưng họ không quen việc phước đời hành Đạo nên lần lượt rời khỏi Thánh địa.

10. TỊNH THẮT VÀ TRÍ HUỆ CUNG

Ngoài Thánh Thất ra, Cao Đài giáo còn có Tịnh Thất để cho những tín đồ cần tĩnh dưỡng tiếp diễn.

1 Sau Nguyễn Bửu Tài bỏ Toà Thánh về Sóc Sãi được tôn là Giáo Tông

với các Đấng. Ngày 15 tháng 12 Canh Dần (1950) Đức Hộ Pháp đã trấn pháp Trí Huệ Cung, trong có Thiên Hỉ Động là ngôi Tịnh Thất đầu Tiên, đúng theo kiểu mẫu của nền Đại Đạo do Đức Hộ Pháp chỉ vẽ xây cất.

Trí Huệ Cung là Tịnh Thất của nữ phái, còn nam phái thì có Vạn Pháp Cung, trong có Nhơn Hoà Động ở sân đình dưới chân núi Điện Bà. Trí Huệ Cung thuộc Trường Hoà, cách Toà Thánh khoảng 10 cây số đường trường. Ngoài ra, còn có Trí Giác Cung trong có Địa Linh Động. Đây là nhà tịnh của bào huynh ông Phạm Công Tắc. Đức Hộ Pháp giảng về Trí Huệ Cung như sau:

“Trí Huệ Cung là một cơ quan tận độ chúng sanh đã xuất hiện nơi cửa Đạo Cao Đài này. Bản Đạo nói rằng: Nó không phải của ta, của đặc biệt của chúng ta mà nó là của toàn thể nhưn loại nơi mặt địa cầu này; bởi nó tượng trưng hình ảnh Chí Linh Đức Chí Tôn nơi thế này, mà hễ tượng trưng hình ảnh Chí Linh tức nhiên không có quyền nào nắm nó được vì nó là của đặc biệt của toàn thể nhưn loại, tức nhiên toàn thể con cái Đức Chí Tôn. Nó không có phép phân biệt đảng phái, tôn giáo hay nơi giống nơi mặt địa cầu này.

Cửa Thiên Hỉ Động là cửa Thiêng Liêng Hằng Sống của toàn thể các đảng Chơn-Linh nên nó không chịu thúc phược hay là nô lệ cho một tư tưởng nào, hơn là tượng trưng cái quyền vô tận, vô đối của Đấng Chí Linh hằng tạo dựng đại nghiệp cho con cái của Ngài nơi mặt địa cầu này tức nhiên toàn thể nhưn loại đó vậy”.

Kể từ ngày 16 tháng 1 năm Tân Mão (1951) Đức Hộ Pháp vào Trí Huệ Cung tịnh luyện (vì Vạn Pháp Cung chưa xây cất) trong thời gian 3 tháng. Đêm 17-4 năm

đó, sau khi Đức Ngài ra khỏi nhà tịnh đã thuyết Đạo tại Đền Thánh như sau:

“Vậy Bản Đạo giải rõ hành tàng trong 3 tháng mà Bản Đạo đã làm, cái hành tàng đó cũ kỹ chớ không mới lạ gì. Cái hành tàng về mặt Đạo giống như 40 ngày của Đức Chúa Jêsus ra ngoài sa mạc cầu khẩn với Đức Chí Tôn ban bố hồng ân cho toàn nhơn loại đặng đem cơ quan cứu thế của Ngài giao cho khắp xã hội nhơn quần được hưởng, giống như Đức Thích Ca vào vườn Bồ Đề ngồi thiền định đặng xin giải thoát cho chúng sanh”.

Khi Đức Ngài đến Trí Huệ Cung để nhập Tịnh Thất có nhiều thư gởi đến xin nhập tịnh một lượt với Đức Ngài. Đức Ngài giải thích:

“Ngày giờ ấy chính mình Bản Đạo cũng chưa biết thế nào tuyển chọn những Chơn-Linh đem vào cửa thiêng liêng ấy đặng. Đang lo không biết giải quyết thế nào về phương pháp nhập Trí Huệ Cung nên chưa quyết định. Nhứt là về mặt tuyển chọn không biết trả lời làm sao. May duyên thay Đức Chí Tôn thấy không thể giải quyết đặng, mới cho hội diện cùng các Đấng cầm quyền thiêng liêng của Đạo.

Muốn định Thiên vị của mình Quyền Thiêng Liêng đã buộc. Buộc hẳn mà chớ, phải có Tam Lập của mình mới được, gọi là nhơn luân.

Nếu người nào không có Tam Lập thì không có ở chung với ai được hết, chính mình đối với cơ thể hữu vi của đời tức nhiên Thế Pháp mà không có bằng cơ chi hết thì ai tin rằng có Bí Pháp để đạt Pháp, đạt Đạo.

Ấy vậy Tam Lập là: Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn, con người khi sanh ra mặt địa cầu này không có Tam

Lập thì giá trị con người không có gì hết. Tam Lập ấy quyết định cho ta, ta phải có mối sống chung với xã hội nhưn quần đưọc”.

Vào ngày 1-4-Quý Tỵ (1953) Đức Ngài thuyết về phương pháp tịnh luyện như vậy:

“Hôm nay Bản Đạo thuyết minh cái bí pháp, tức nhiên cái bí pháp tịnh luyện và khuôn luật tấn hóa tạo đoan của con cái Chí Tôn, đối với cơ huyền bí ấy Đức Chí Tôn đã đem đến cho chúng ta đặng cho chúng ta đoạt cơ tấn hóa.

Thật ra Đức Phật Tổ chỉ đoạt đưọc có một kiếp siêu thoát của Ngài mà thôi, mấy người đã đoạt đưọc vị Phật đều là ở trong cái huyền bí tịnh luyện để làm cho chúng ta sống đời, sống lụng lại ba kiếp trước, rồi nhờ kiếp trước ta có thể biết luật nhưn quả của ta rồi nhờ kiếp này có thể đem tương lai cho ta đoạt Phật vị ba kiếp trước đưọc. Đoạt bí pháp ấy chúng ta mới có thể biết ta là ai, ta biết đường lối chúng ta đi thế nào, ta có thể nói ta đoạt đặng cơ siêu thoát chớ không phải làm cơ siêu thoát đặng. Đoạt cơ siêu thoát là một bằng cơ mở khiếu thông minh cho chúng ta đó vậy”.

Nhắc lại, ngày 14-01 Đinh Hợi (1947) Đức Hộ Pháp đã ban hành Đạo lệnh số 209 chỉ dẫn về: Phương luyện kỹ đặng vào con đường thứ ba Đại Đạo, “*Phương pháp trị tâm*” vì tâm là hình ảnh thiên lương và luyện thân luyện trí.

11. LẬP PHỐ CHỢ LONG HOA

Từ lúc Đạo mới gom về quây quần nơi Toà Thánh thì chợ Ngã Năm (gần cửa số 4 Nội Ô) sầm uất sung túc nhất, thứ đến là chợ Thương Binh (vì phần đất này

dành cho thương phế binh Cao Đài, nay là chợ Hiệp Lễ) và chợ Từ Bi trước Tòa Nội Chánh. Số Đạo hữu này về lập nghiệp tại vùng Thánh địa ngày càng đông nên Đức Phạm Hộ Pháp mới cho thiết đồ án lập chợ Long Hoa.

Ngày 5-6-1951, Đức Ngài ban phép lành và trấn Thần Long Hoa Thị và hiểu dụ: “*Bần Đạo cho lập gấp cái chợ này để tạo lại một nguồn sanh sống để dành cho nhơn sanh. Ngày giờ này, tuy là nhìn thấy cái chợ thô sơ nhưng rồi đây nó sẽ bành trướng rộng rãi hơn, long trọng hơn mà chắc chắn con cái Đức Chí Tôn không bao giờ ngờ như thế nhưng Bần Đạo dám quả quyết nó phải có và nhất định có, vì cái chợ chuyển thế và huyền diệu thiêng liêng của Đức Chí Tôn đã định vậy*”.

Sở dĩ, Đức Ngài nhấn mạnh: Phải có là vì bấy giờ khu chợ Long Hoa chỉ là khu rừng toàn gốc cây gò mối, chỉ có một hai đường trườn sinh lầy, giữa đường toàn gốc cây. Người ta khó tin nơi đây trở thành ngôi chợ sầm uất.

Trong ngày 15-7 Quý Tỵ (1953) khánh thành văn phòng Ban Quản Trị Long Hoa Thị, Đức Ngài nói: “*Bần Đạo rất trông cậy ở lòng nhiệt thành của toàn thể hãy giúp cho Ban Quản Trị và Hội Thánh hoàn thành chợ Long Hoa thiệt (vì hiện giờ chỉ là tạm thôi). Khi thiệt thọ rồi Bần Đạo dám chắc rằng đời sống của mấy em sẽ tăng thêm không biết bao nhiêu tươi đẹp nữa và ngôi nhà chung của chúng ta là một Tông Đường để đào tạo đùm bọc sinh tiếp tục làm Thánh thể Đức Chí Tôn thừa chi đem hết năng lực, tâm tình đăng cứu khổ chúng sanh*”.

Ngày hôm sau, Đức Ngài đến đôn đốc công việc

khai phá và hiểu dụ: “*Hôm nay sau chỉ có 2 năm. Qua còn nhớ lại, khi Qua ra khỏi nhà tịnh Trí Huệ Cung về nơi đây Qua ban phép lành nơi chợ Long Hoa là ngày mồng 2 tháng 5 năm Tân Mão khởi sự làm chợ Long Hoa thì tháng 7 năm Tân Mão cho tới tháng 7 này thật ra chỉ có 2 năm mà thôi. Mấy em coi cái đức tin của con người, nếu mà nhờn loại trừ cả đức tin lại làm một khối thì không có gì mấy em làm không làm đặng, Qua vẫn biết cả cái sự nghiệp kinh dinh do tinh thần hoạt bát của mấy em, làm cho Qua được hưởng hạnh phúc trước mắt, cái đền ơn rất trọng hậu của mấy em đối với Qua đó vậy.*”

Chợ Ngã Năm mấy em đừng tưởng có phép tắc huyền bí, Qua chỉ thấy chợ Ngã Năm rất sung túc mà lại ảm thảm chật chội, Qua chỉ biết rằng: Cái tinh Thần của mấy em đi cao tiến triển mạnh, hơn nữa mấy em do vị tổ chức của mấy em mà thôi, đủ thấy chợ Ngã Năm thế nào? Đủ địa thế phương tiện hoạt động vĩ đại hơn nữa. Vì cố cho nên Qua mới lấy khu rừng 47 mẫu, từ thủ chùa có chợ nào có đặng 47 mẫu, mấy em ngó thấy chừng vài năm nữa đây sẽ chật hết, Qua đã ngó thấy chen chúc với nhau rồi đó, Qua liệu phương làm sao mở mang rộng ra nữa cho mấy em”.

Ngoài ra còn có chợ Cẩm Giang, Bến Kéo, Tân Dân thị (*tức chợ Qui Thiện*), Đức Ngài còn hoài vọng lập chợ Thiên Vương ở Thiên Thọ Lộ (*xã Trường Hoà*).

12. TRAI ĐƯỜNG

Từ khi mở Đạo thiết lập Toà Thánh tạm Hội Thánh đã mở rộng cửa từ bi nuôi nấng nhân sanh. Ai ai cũng được đến “*Trai đường*” (*nhà cơm chay*) dùng bữa. Nhất

là khoảng thời gian 1947–1950, học sinh thường ghé ăn-trưa nơi trai đường. Khách thập phương cũng được tự do vào dự cơm chay để nếm mùi Đạo đức.

Trai đường gồm có hai dãy nhà dài xây cất bằng xi măng cốt sắt rất kiên cố có thể chứa hàng ngàn người ăn cùng một lúc, tọa lạc sau Nữ Đầu Sư Đường đối diện với Giáo Tông đường.

Theo Thánh lệnh số 57 ngày 1–7 Tân Mão (3–8–1951) vì tình trạng khó khăn nên Hội Thánh không còn đảm đương cho mọi người như trước nữa. Từ đó, Hội Thánh chỉ cấp dưỡng cho các Chức-sắc Thiên phong nam, nữ Hành Chánh và Phước Thiện, các Chức-sắc Hiệp Thiên Đài các công thợ, giáo nhi và đồng nhi, cô nhi và lễ nhạc.

13. CÁC PHỦ TỪ TRONG VÙNG THÁNH ĐỊA:

Trong Cao Đài giáo ngoài nhà thờ các Đấng thiêng liêng, còn có các phủ từ thờ tông đường như Lê phủ từ, Phạm phủ từ, Văn phủ từ v.v...

Trong năm 1952, Đức Phạm Hộ Pháp cho lập các phủ từ các họ nào chưa lập và phủ dụ: *“Từ trước đến giờ Đạo Cao Đài lấy Tông Đường làm nền móng cho Đạo Cao Đài, từ đây sẽ càng mạnh mẽ hơn nữa, sẽ càng cao trọng hơn nữa. Không vì Đạo mà vì Tông Đường ta tạo dựng rồi bá tộc kia cũng làm, ngày kia ai không Đạo họ cũng về tộc họ. Luôn dịp mấy em tạo Phủ Thờ này công nghiệp mấy em đối với Đạo Cao Đài một cách gián tiếp đó vậy, mấy em không thất Đạo, một gương vĩ đại đối với Đạo mà chớ”*.

Trong dịp đến hội ở Phạm phủ từ, Đức Ngài phát biểu: *“Ngày hôm nay Bản Đạo vào hội đây chẳng phải*

lấy danh thể Hộ Pháp, chỉ lấy danh thể Phạm Công Tắc mà thôi.

Chữ hiệu là đứng đầu hết, không trọn hiệu không thể gì làm mọi điều khác được, chúng ta muốn có một nghiệp Đạo của mình cho đặng tận thiện tận mỹ vĩ đại, có thể nói rằng ta muốn cho danh thể tồn tại nơi mặt thế này bền bỉ lâu dài; đại nghiệp thiết của chúng ta là đây. Về nghiệp Đạo đức tinh thần các bậc tiền bối của ta có nói rằng: **“Lập thân hành Đạo dương danh ư hậu thế”**, ta có thể làm Đạo lập thân danh ta được mà phải có hiệu trước đã,

Tạo Phạm Phủ Từ chẳng phải riêng trong cửa Đạo hay nội trong nước Việt Nam mà thôi. Chúng ta có thể ngó tới Bắc Việt, ngó tới Trung Hoa, Tông Đường của ta ở mé biển nữa thành thử một cơ quan vĩ đại”.

Do quan niệm trên, việc lập các phủ từ cũng nằm trong mục đích truyền Đạo, trong phương tiện tông đường.

14. LỄ ĐĂNG ĐIỆN XÁ LỢI PHẬT

Sau khi Đức Thích Ca viên tịch thì các tông đồ thiêu thi hài của Ngài. Lóng xương chưa thiêu huỷ hết được cất giữ như báu vật gọi là xá lợi Phật.

Đại Đức Narada Thera Phó Giáo Tông Phật giáo Tích Lan đem cho nước Việt Nam 3 hạt ngọc xá lợi: một cho đại thừa, một cho tiểu thừa. Phật giáo Việt Nam và một cho tiểu thừa Phật giáo Campuchia. Vì đại thừa Phật giáo chưa quyết định để hạt ngọc ở đâu nên Đại Đức Narada Thera giao cho Hoàng thái hậu Từ Cung, để đức bà tặng nơi nào tùy ý. Kèm theo 3 hạt ngọc có 3 cây bồ đề: một cây tặng tiểu thừa Việt Nam, một cây

tặng tiểu thừa Campuchia và một cây tặng Tòa Thánh Tây Ninh trồng gần cây phước trước Đền Thánh.

Đêm 18-5 Quý Tỵ (1953) thiết lễ đăng điện Xá Lợi Phật Đức Phạm Hộ Pháp thuyết giảng như sau:

“Hột Ngọc Xá Lợi đem về Tòa Thánh hôm nay là đặc biệt của Đại Đức Narada Théra, Phó Giáo Tông của Đạo Giáo Tích Lan lấy của tư của Ngài hiến cho Tòa Thánh. Chúng ta thấy cả hành tàng cả sự khó khăn đem Ngọc Xá Lợi về Tòa Thánh đều do nơi công nghiệp vĩ đại của Ngài Bảo Sanh Quân Hiệp Thiên Đài, Đức Phật Tổ tức nhiên Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (Boudda Çakyâmouni) cả thầy con cái Đức Chí Tôn đã nghe Đức Narada Théra thuyết Đạo rồi. Ngài nói Đức Phật Thích Ca là người cũng như ta, có xác thân như ta, sống chết như ta, chớ không phải là người ở trong thân thoát. Nhưng cái cao siêu về tâm hồn của Ngài, về tiền căn Thiêng Liêng của Ngài đã lên tới Phật vị. Ngài tái kiếp làm người với mãnh thân phàm của Ngài cũng như ai kia vậy. Trước kia Đức Phật Thích Ca đã thành Phật đặng thì chúng ta cũng thành Phật đặng, chính Ngài làm bằng chứng lẽ ấy. Bản Đạo mong mỗi cả con cái Đức Chí Tôn cố gắng học đòi như Ngài đặng thành Phật như Ngài vậy”.

Cây bồ đề trước Tòa Thánh hiện nay được trồng dịp này.

15. KHẢO CỨU VỤ

Vào Rằm tháng 12 Đinh Hợi (25-1-1948) Đức Hộ Pháp ký Thánh lệnh thành lập Khảo Cứu Vụ để nghiên cứu về giáo lý, triết lý, Đạo pháp, hệ thống hoá tư tưởng Cao Đài. Nội dung:

- Tổ chức giảng Đạo tại Toà Thánh và các Châu Đạo để phổ thông giáo lý ĐĐTKPĐ và các tôn giáo.
- Tổ chức các lớp huấn luyện Chức-sắc, Chức việc để đủ tài sức truyền giáo.
- Xuất bản báo chí để phổ thông chơn Đạo.

Thánh lệnh còn ghi rõ phương pháp làm việc, lề lối tổ chức, chương trình hoạt động. Riêng bí pháp tịnh luyện và phép tham thiền có ghi trong đó.

Sau khi Thánh lệnh ban hành đúng 75 ngày, vào 5-2 Mậu Tý (1948) Đức Hộ Pháp nói: *“Tội nghiệp thay mấy anh lớn già yếu đã giải thoát không được hưởng một đặc ân gì. Hiện thời bí pháp có ảnh hưởng đến nền Đạo. Nơi Hiệp Thiên Đài lấy bí pháp tạo Huyền Linh Đài để tương liên với quyền năng vô hình.”* (Thông tin số 59).

Mãi đến ngày 4-5-Nhâm Tý (1972), Ngài Trương Hiến Pháp Quyền Chủ quản Hiệp Thiên Đài mới ban hành Thánh lệnh số 53-TL tái lập Khảo Cứu Vụ để đáp ứng nhu cầu tiến triển của nền Đạo.

Theo lời thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp: ***Thập Nhị Bảo Quân là Hàn Lâm Viện của Đạo, là hội đồng khoa học xã hội tôn giáo.*** *Tới nay Bảo Quân chưa đủ số nên chưa thực hiện được chức năng. Do đó Khảo Cứu Vụ thay Bảo Quân làm những nhiệm vụ tương đối thấp hơn. Bởi lẽ, công cuộc khảo cứu đòi hỏi phải có tri thức, khả năng chuyên môn và tâm hiểu biết sâu rộng trên mọi lãnh vực. Nếu thực hiện được tư tưởng Đạo Cao Đài sẽ dựng hệ thống hoá và luận tạng sẽ ra đời.*

16. BẢO ĐẠI BAN CHO ĐẠO CAO ĐÀI ĐẤT XÂY DỰNG TTTN

Ngày 17-4 Giáp Ngọ (19-5-1954) Đức Hộ Pháp sang

Âu Châu do lời mời của Đức Quốc Trưởng Bảo Đại. Đức Ngài được coi là cố vấn tối cao của Đức Bảo Đại để hoạch định cho chương trình hội nghị Genève. Mặt khác, Đức Ngài sang Pháp để đáp lời mời của chính phủ Pháp trước đây mà Đức Ngài chưa có dịp đi.

Hôm lên đường các cơ quan chánh trị Đạo đưa tiễn, Đức Ngài nói: *“Hôm nay Thầy lãnh sứ mạng thiêng liêng đem ngọn cờ cứu khổ đến Âu Châu, mong rằng cánh hạc huyền linh của Đức Chí Tôn sẽ đem tình yêu ái vô biên của Ngài đặng an ủi tâm hồn các chủng tộc nơi Âu Châu.*

May ra nhờ lòng yêu ái vô biên, quyền năng vô tận của Đức Chí Tôn tức nhiên Đại Từ Phụ sẽ làm cho một trường hỗn loạn trở nên thái bình và hạnh phúc cho cả nhân loại trên mặt địa cầu này. Một điều trọng yếu hơn nữa là cả thầy cầu nguyện thế nào cho ngọn cờ từ bi bao phủ trên mặt địa cầu này. Nếu mơ ước không có diệt vong mà thiệt hiện ra được. Bàn Đạo dám chắc không có điều chi vui cho Đại Từ Phụ hơn điều đó”.

Chánh phủ Pháp tiếp đón Đức Ngài theo nghi lễ một thượng khách. Tổng thống René Coty, Thủ tướng Laniel, Phó thủ tướng Paul Regnaud, các nghị sĩ và các nhân vật trong chính giới đều hoan hỉ tiếp kiến Đức Ngài.

Trong cuộc phỏng vấn của báo chí tại Pháp, có hỏi Đức Ngài chống Cộng không? Đức Ngài trả lời:

“Chúng tôi là người của tôn giáo, thay mặt Thượng Đế cứu vớt tất cả con cái của người nên dầu kẻ có tội lỗi thế nào cũng cứu vớt hết”.

Các nhân vật chính trị Việt Nam sau đây đều có

đến nơi Ngài ngự để tham luận. Phó thủ tướng Nguyễn Trung Vinh, Tổng trưởng tài chánh Dương Tấn Tài, Trung tướng Nguyễn Văn Xuân và ông Dương Hồng Chương, Đỗ Hùng...

16 giờ ngày 22-5-1954, Đức Ngài đến điện Thorène tiếp kiến với Đức Quốc Trưởng trong 2 tiếng đồng hồ.

Ngày 24, Thủ tướng Pháp Laniel tiếp Đức Ngài tại điện Matignon.

Tình hình chánh trị lúc bấy giờ bất ổn, các chính khách ái ngại. Bản hiệp định Genève đã đăng trên các báo. Người ta phao tin là đã ký rồi. Nhưng thật sự thì hiệp ước chưa ký nên người ta đổ xô mọi hy vọng vào Đức Ngài coi xoay chuyển gì được không.

Ngày 27 đại diện Cao Đài tại Pháp quốc, ông Henri Regnault đến chào mừng Đức Ngài. Những ngày còn lại, Đức Ngài thăm các di tích lịch sử của nước Pháp.

Vào 16 giờ ngày 4-6-1954 Đức Ngài cho tổ chức một bữa tiệc tại nhà hàng Hotel George V để thiết đãi các nhân vật Việt Pháp, Việt Kiều và các lãnh sự các nước. Trong dịp vui này có tin mừng rằng: sau khi tiếp Đức Phạm Hộ Pháp, Tổng thống René Coty đã viết thư cho Thủ tướng Laniel nói là ông đã hứa với Đức Ngài, nhờ Thủ tướng ký tên hai bản Hiệp ước ấy cho vui lòng Đức Ngài. Mới biết rằng người Pháp rất lão luyện và tế nhị trong cách xử thế, đợi đúng ngày 5-5-Giáp Ngọ ngày sinh nhật của Đức Phạm Hộ Pháp mới ký giấy để làm quà sinh nhật hiếm có.

Vào ngày 24-6 Giáp Ngọ, Đức Ngài về Toà Thánh, trong cuộc tiếp đón ngày về, Đức Ngài có phủ dụ: *“Trên hai tháng đến xứ Pháp, nhờ ân thiêng liêng của Đức Chí Tôn ban bố quyền năng vô đối của Ngài mà Bản Đạo*

đã dặng thỏa mãn và có phương kế làm cho đôi bạn đã sống chung cùng nhau trên tám chục năm trường, vì lầm hiểu nhau mà không đem lại hòa bình của hai nước dặng. Y như lời Bản Đạo khi Hội Nghị Toàn Quốc, Bản Đạo có nói một câu Pháp ngữ như vậy: “*Que la France nous aide. Afin que nous puissions réaleser notre indépendance national et édéfier le Temple de l’Union Française*”.

Nhờ câu nói ấy mà toàn thể quốc dân hiểu rằng làm thế nào thiệt hiện dặng nền độc lập.

Trong chuyến Âu du, Đức Ngài có làm bài thơ “*Khó mong độc lập*” đáng lưu ý như sau:

ÂU DU 1954

*Cõi gió tung mây đến Pháp triều,
Đo lường vận nước được bao nhiêu?
Tương lai gởi phận, tay tha chúng,
Mai một thương thân đám Việt kiều.
Cứu quốc khó trông mong gặp Thuấn,
An dân hết sở cậy nhờ Nghiêu.
Cho hay chính nghĩa chưa cần đúng,
Máu mủ vì thương phải đánh liều.*

Để đến ân Đạo Cao Đài có công lớn trong giải pháp Bảo Đại, chánh phủ Bửu Lộc đồng ý tặng cho Đạo phần đất 20.382ha, trước khi làm lễ khánh thành Tòa Thánh tứ cận như sau:

- **Phía Tây:** quốc lộ 22 từ Thiên Thọ Lộ chạy đến ngã ba Giếng Mạch.
- **Phía tỉnh lỵ Tây Ninh:** từ ngã ba Giếng Mạch chạy qua Trảng Dài tới cầu Lâm Vô thẳng theo đường cầu Trà Phí tới ngã ba Khe Đon.

- **Phía đông bắc:** từ ngã ba Khe Đơn đi về ngã ba Suối Đá, chạy qua ranh giới sở cao su Cầu Khởi, Truong Bình Linh giáp lộ liên tỉnh 16 (lộ Chà Lả).
- **Phía Đông Nam:** từ bìa sở Truong Bình Linh qua lộ 16 bên cống suối Lùng chạy thẳng qua Trảng Dầu, Năm Trại bọc về Thiên Thọ Lộ đến quốc lộ 22.

Ranh giới này Đức Hộ Pháp cho cắm trụ mốc đầy đủ với tấm bảng vuông đề 5 chữ: “*Thánh thị vô phòng thủ*”

Nguyên sắc lệnh 5/SL của thủ tướng chính phủ ban quyền sử dụng đất như sau:

Sài Gòn, ngày 6-6-1954

CHÍNH PHỦ QUỐC GIA VIỆT NAM

- Tham chiếu chỉ thị số 12 của Quốc Trưởng Bảo Đại ngày 1-3-1954 giao quyền hành lập nội các chính phủ.
- Chiếu theo quyền hành của thủ tướng chánh phủ.

Xét rằng: Đạo Cao Đài tức là ĐĐTKPĐ là một tôn giáo có nền tảng căn bản đại đồng, đã dày công đóng góp vào nền độc lập quốc gia, đã có thành lập một vùng Thánh địa sẵn tại Tây Ninh nên thủ tướng chánh phủ quyết định như sau:

SẮC LỆNH

- ❖ ĐIỀU THỨ NHỨT: Ban quyền cho Đạo Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh một vùng đất đã thành lập Thánh địa sẵn (*theo bản đồ đính kèm*)
- ❖ ĐIỀU THỨ NHÌ: Có quyền bất khả xâm phạm và đưa ra quốc tế hóa.
- ❖ ĐIỀU THỨ BA: Các tư kỳ phận thi hành sắc lệnh này.

Thủ tướng

Bửu Lộc

17. ĐỨC HỘ PHÁP SANG ĐÀI LOAN

Ngày 20-7 Giáp Ngọ, Đức Ngài sang Trung Hoa Quốc Gia (Đài Loan) theo lời mời của chính phủ này, sau đó thăm xã giao nước Đại Hàn, rồi sang Nhật để bàn việc nước và rước di hài của Đức Cường Để.

Trước các cơ quan chánh trị Đạo, Đức Ngài hiểu dụ: *“Hôm nay Bản Đạo lãnh một sứ mạng mới do ý muốn của Đức Chí Tôn Bản Đạo vừa được chánh phủ Trung Hoa mời đến Đài Loan, chủ định của họ mời Bản Đạo chỉ vì Đạo mà thôi. Hôm nay Thầy được danh dự của Đại Từ Phụ ban cho cầm cây cờ cứu khổ để giải khổ cho nhơn loại, mình đã đau khổ mà đặng lãnh sứ mạng thiêng liêng để an ủi đau khổ của Thiên hạ. Điều ấy làm cho chúng ta suy gẫm lung lắm đó vậy”*.

Sau khi viếng Đài Loan, Đức Ngài sang Nhật rước di hài của Đức Ngoại Hầu Cường Để (quí danh là Nguyễn Phúc Vân) đích tôn của Đông Cung Cảnh về nước. Khi đến phi trường Tân Sơn Nhứt, Đức Ngài tuyên bố: *“Đây là di hài của Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, quí danh là Nguyễn Phúc Vân, Ngài là đích tôn của Đức Đông Cung Cảnh tức là tông chi hoàng tộc. Cả toàn thể quốc dân đều biết dĩ vãng của Ngài.*

Ngài đã hy sinh một đời sống lưu vong nơi đất khách, cốt theo đuổi một mục đích, là làm thế nào phục hồi vận mạng tổ quốc, độc lập thiết hiện.

Ngài cũng như Bản Đạo, tâm hồn của Ngài phù hợp với tâm hồn của Bản Đạo là chẳng lúc nào Ngài phân biệt màu sắc chánh trị cùng đảng phái, đoàn thể, tôn giáo.

Đau đôn thay! Trên bốn chục năm lưu vong nơi đất

khách. Ngài theo đuổi một mơ vọng mà Ngài không đạt được. Công chưa thành, danh chưa toại, Ngài đã thành người thiên cổ nơi đất khách quê người.

Hôm nay di hài của Ngài đã được đem về nước. Do đó khối anh linh của Ngài cũng cùng về hiệp với Khối Quốc Hồn của bốn ngàn năm lập quốc”.

Ngày 20-9 Giáp Ngọ, Đức Ngài về Toà Thánh và tuyên bố trước toàn Đạo: “Tiếp theo lời tuyên bố của Bản Đạo khi về đến Sài Thành đã nói về đời sống của Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Để Bản Đạo chẳng cần nhắc đi nhắc lại thì cả toàn thể quốc dân Việt Nam cả toàn Đạo cũng biết rõ sự hy sinh vô đối của Ngài. Cả thanh niên Việt Nam nên ghi nhớ những lời nhắn gửi của Ngài, trước nửa giờ chết, Ngài còn rón ngời dậy nhắn cho toàn thanh niên Việt Nam phải cương quyết quật cường cứu quốc, mặc dầu còn một hơi thở cuối cùng nhưng Ngài còn rón hô “**Việt Nam Muôn Năm**” rồi mới tắt thở”.

Linh vị của Đức Cường Để được thờ tại Báo Quốc Từ.

18. BÁO QUỐC TỪ

Báo Quốc Từ thành lập từ ngày 1-10-1955 cách cửa chánh chợ Long Hoa về phía Bắc hai ngã tư. Một ngôi đền trang nghiêm lộng lẫy nằm trên con lộ mang tên Báo Quốc Từ.

Hàng năm vào ngày 10-3 âm lịch thiết lễ giỗ Tổ Hùng Vương rất long trọng tại nơi đây.

Trước đền trên hai cột trụ cửa có câu liên:

- **BẢO THỦ CƠ ĐỒ ANH HÙNG DƯƠNG KHÍ PHÁCH**
- **HỘ TRÌ QUỐC VẬN CHÍ SĨ HIỂN UY LINH**

Chính giữa đền thờ trần thiết một bàn thờ cao lớn, sơn son thiếp vàng từ khí bằng đồng. Hai bên có lộng vàng, tàng đỏ, lỗ bộ kim cang. Ngay sau bàn thờ có 8 chữ Hán to:

CỨU QUỐC CÔNG THẦN – CHIẾN SĨ TRẦN VONG

Dưới 8 chữ ấy có 4 bài vị sơn son thiếp vàng là: Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân, Cường Để.

Đức Hộ Pháp giải thích (18-8 Ất Mùi): “Nơi Đền Thờ này, các Ngài đã thấy linh vị của mấy vị Cứu Hoàng và Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, xin các Ngài đừng lầm tưởng rằng: Đạo đã xu hướng theo thuyết “Bảo Hoàng” mà kỳ thật các **Đấng ấy, chỉ liệt vào hàng trung quân ái quốc của xã hội Việt Nam mà thôi.** Vì công nghiệp của họ tranh đấu giải ách lệ thuộc cũng đồng cùng các chiến sĩ cách mạng khác kia vậy”.

19. ĐẠO CAO ĐÀI RA QUỐC TẾ

– Lễ kỷ niệm Cao Đài giáo ra quốc tế:

Sáng hôm đó Đức Phạm Hộ Pháp lên Thiên Hỉ Đài và giảng giải: “Ấy vậy hôm nay là ngày lễ kỷ niệm của Đạo Cao Đài đã ra mặt quốc tế. Nếu luận rằng: Nó đã ra mặt quốc tế rồi thì ta cũng nên luận về tình hình đương nhiên của toàn cả các liệt cường của các quốc gia trên mặt địa cầu. Bản Đạo nói quả quyết rằng: Hai kẻ muốn thôn hoạch cả tinh nhuệ của nhơn loại đặng làm bá chủ toàn cầu này là hai lý thuyết Dân Chủ Xã Hội và thuyết Cộng Sản Xã Hội.

Hai cái đó Bản Đạo tưởng đem để lên mặt cân công lý thì ta thấy “lịch cũng như lương mà lương cũng như lịch” có chi lạ. Ngày giờ nào toàn cả nhơn loại tỉnh

mộng lại, thấy mình làm khí cụ cho thiên hạ tranh đấu với một tấn tuồng làm cho mình đau khổ, thiên hạ sẽ tỉnh mộng lại không cho họ lợi dụng, cả tín ngưỡng đó, tấn tuồng hèn hạ đó dẫu cho các nhà Đạo cũng như hạng côn đồ cướp đảng kia đều cũng vậy. Nếu cả thầy thiên hạ không ngó tới mặt nó, đừng gán gửi nó, thì nó hết sống cùng ta chớ gì.

Giờ phút nào cả quốc gia nhược tiểu không để cho họ lợi dụng mình nữa bất kỳ trong hai khối đó. Tự chủ lấy mình, tự quyền lấy mình, một người làm không được năm bảy người làm, một nước yếu hèn, năm bảy nước hiệp lại đương đầu với họ, vạt bỏ hai khối đó ra thiên hạ mới hòa bình, duy có lẽ đó thiên hạ mới hòa bình mà thôi”.

LỄ KHÁNH THÀNH TÒA THÁNH

23 giờ 30 hôm đó Hội Thánh rước Đức Hộ Pháp đến Đền Thánh dự khán việc đốt pháo bông có chữ:

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

LỄ KHÁNH THÀNH TÒA THÁNH

Đúng 24 giờ, Đức Ngài cắt dây bằng mở cửa Đền Thánh và khởi hành đại lễ. Hôm sau lễ khánh thành Đền Phật Mẫu (*Báo Ấn Từ*).

Đặc biệt cây pháo bông lớn bắn lên nổ bung một lá cờ Đạo vàng, xanh, đỏ. Tiếng hoan hô vang dội một góc trời, mở màn cho các văn phòng triển lãm khai trương. Tại Văn Minh Điện giữa Đại Đồng Xã cuộc thi thơ do Ngài Cao Tiếp Đạo giám đốc Đạo Đức Văn Đoàn khởi xướng hai bài thơ cho các sĩ tử xa gần họa vịnh.

Khánh thành các dinh thự:

Đến ngày 12-1 (4-2-1955) khánh thành các dinh thự như Giáo Tông Đường, Hộ Pháp Đường, Nữ Đầu Sư Đường, Toà Nội Chánh, Văn Phòng Hội Thánh Phước Thiện, Đức Phạm Hộ Pháp nói:

“Khởi đầu Bản Đạo đi viếng các dinh thự nơi Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài. Bản Đạo cho toàn Chức Sắc đương quyền Hành Chánh Đạo được rõ mục đích của Hội Thánh Phước Thiện do đâu mà sản xuất, bởi trong Pháp Chánh Truyền Chí Tôn lập Hội Thánh Hiệp Thiên Đài, Hội Thánh Cửu Trùng Đài mà trước khi Chí Tôn đến giao truyền mới Đạo là Thiên Điều đã định mở cửa Thập Nhị Khai Thiên đặng đem cờ cứu khổ để tại mặt thế này mà cứu vớt toàn cả Cửu Nhị úc Nguyên-Nhân con cái của Ngài.

Chí Tôn giao phó cho Hiệp Thiên Đài mà trong Chức Sắc Hiệp Thiên Đài chỉ có 15 Ngài Thập Nhị Thời Quân với Thượng Phẩm, Thượng Sanh và Bản Đạo, trong 15 thì có 4 - 5 ngài lãnh lĩnh mà thôi. Hội Thánh Cửu Trùng Đài của Giáo Tông, Hội Thánh Phước Thiện của Hộ Pháp tức là Hiệp Thiên Đài đó vậy. Hội Thánh Phước Thiện là thay thế cho Hiệp Thiên Đài lo cứu khổ để giải khổ cho toàn cả nhơn loại, mà Hiệp Thiên Đài chỉ có lãnh lĩnh 4 - 5 vị làm sao lập thành cơ cứu khổ được cái Bí Pháp, Chi Pháp Chí Tôn đưa ra biểu phải làm mà trong Pháp Chánh Truyền không có định, Bản Đạo chỉ lấy bài thi văn của Đức Chí Tôn dạy mà lập thành dấu cho cả chơn hồn đã siêu lạc nơi nào sau này cũng phải nơi cửa Phạm về cùng Ngài.

Bài thi văn như vậy:

*Tĩnh ngộ xá thân tại Phạm Môn,
Khuyến tu hậu nhứt độ sanh hồn,*

*Vô lao bất phục hồi chơn mạng,
Tĩnh thế kỳ thân đắc chánh tôn.*

Vì bài thi văn của Đức Chí Tôn dạy đó mà Bản Đạo mới lập ra Phạm Môn, có Phạm Môn rồi mới có sản xuất Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng”.

LỄ THIÊU XÁC CÁC THÁNH TÔNG ĐỒ

Theo Thánh ngôn của Đức Chí Tôn, chư Chức sắc đại Thiên phong qui vị 3 năm thì thiêu xác. Trong Chương Trình Khánh Thành định ngày 15-1 (7-2-1955) thì làm lễ thiêu xác các Thánh tông đồ.

Đức Phạm Hộ Pháp có thuyết minh về việc này như sau:

“Cả toàn thể quốc dân của chúng ta hạng Đại Đức cũng nhiều, hạng học thức cũng nhiều, nam cũng thế, nữ cũng thế. Vì sao họ không giành chỗ của ông Lê Văn Trung, ông Cao Quỳnh Cư, bà Lâm Hương Thanh, ông Lê Bá Trang, không lẽ trong thế gian này có người đó, mà còn nữa.

Ngon lửa sẽ thiêu các các Thánh ấy, nó sẽ biến thành ngon lửa thiêng nó sẽ làm sáng chói Đạo Cao Đài đặng kêu gọi cả tinh thần như loại tìm một con đường giải thoát của họ, con đường cứu khổ của họ mà nó cũng sẽ là ngon lửa thiêng liêng dìu dẫn cả tâm hồn con cái Đức Chí Tôn luôn cả Thánh thể của Ngài nữa”.

Xem trong cuộc khánh thành còn có các cuộc vui như triển lãm, văn đàn, đánh cờ người, văn nghệ, lửa trại, hoà nhạc, đấu bóng, đấu võ sĩ Đạo, cộ bông, v.v... Cuộc lễ chấm dứt trong niềm hân hoan và tin tưởng tương lai rực sáng của toàn thể tín đồ.

CHƯƠNG IV: QUÁ TRÌNH XÂY CẤT TÒA THÁNH

ĐẠO CAO ĐÀI PHÁT SINH TRONG HOÀN CẢNH NƯỚC NHÀ BỊ LỆ THUỘC PHÁP. NHÂN DÂN NGHÈO ĐÓI thất học. Đa số tín đồ là bần nông nên Đạo Cao Đài là tôn giáo của người nghèo. Đến ngày Khai Đạo, họ chưa có đền thờ nên phải mượn tạm Chùa Từ Lâm (Gò Kén). Chùa nhỏ, người đến dự lễ quá đông do đó xảy ra việc tà quái trong đêm Khai-Đạo (ngày 25-10 Bính Dần), trước mắt viên đại úy Pháp Monet và các tên tình báo của Sở Mật Thám Đông Dương, về sau chúng đúc kết in thành tập “*Le Caodaisme*”.

Chính vì việc tà quái mà Hoà Thượng Như Nhân, chủ chùa Từ Lâm đòi chùa lại. Đúc Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư giữ việc Đạo lúc đó phải tìm đất xây dựng chùa mới. Nhà Ngài ở gần đình Hiệp Ninh (nay gọi là *Thảo Xá Hiến Cung*). Năm 1915 Ngài làm thơ ký sở hoả xa Sài gòn. Năm 1925, nghỉ việc theo Đạo mới, Ngài mua được phần đất của Aspar, viên kiểm lâm người Pháp. Đất này vốn là rừng cấm nằm trên đường dây thép, còn gọi là đường trên (*La route haute*) phân biệt với đường quốc lộ 22, lúc đó gọi là đường dưới (*La route basse*).

Trước Tiên, Đúc Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư cho khai phá khu Bàu Cà Na tới sân bay (khoảng trước chợ Từ Bi). Lúc đó, 1926 vùng này còn rừng cấm, âm u nhiều chướng khí. Nước hết sức đục, uống vào chói nước, thú dữ như cọp, gấu, beo, rắn độc... nhiều vô kể. Loài người và loài thú tranh nhau từng thế đất. Lúc khai phá rừng, người Miên, Tà Mun xuống cả ngàn người

làm công quả. Viên chánh tham biện Pháp nghi ngờ nên gọi Đức Cao Thượng Phẩm ra toà bố hỏi rằng:

- Ông làm cái gì mà đông đảo như vậy?
- Tôi mua đất đặng trồng cao su
- Trồng mấy mẫu?
- Phá tới đâu, tôi trồng tới đó.

Vì lúc đó việc trồng cao su rất thịnh hành và là một nguồn lợi lớn cho Pháp nên họ làm ngơ. Khu khai phá đầu Tiên này trong vùng cây ba nhánh gồm 96 mẫu của hội cựu chiến binh Pháp. Bắc giáp lộ liên tỉnh 13, Đông giáp sân bay chiến lược của Pháp (*chưa sử dụng*), Nam giáp Ao hồ, Tây giáp đường Mít Một.

Chùa mới cất tạm bằng cây và tranh, có nhà thờ chính, hậu điện, Đông lang, Tây lang, trù phòng.

Đến tháng 10 năm Tân Sửu (1933) khởi công xây cất bằng bê tông cốt sắt, do ông Nguyễn Ngọc Thơ trông coi. Ông Thơ người Sài gòn, làm tri huyện Tân Định. Năm 1926 ông theo Đạo thọ phong Đầu Sư. Ông và bà Lâm Ngọc Thanh (*Nữ Đầu Sư*) xuất tiền mua đất cất chùa mới và một miếng rừng khác ở phía Tây Nam, chùa mới đặt tên là Chùa Cực Lạc và phóng nhiều con đường mới như Quan Âm Các, Phước Đức Cù, Long Nữ Điện....

Việc xây dựng Toà Thánh của ông Nguyễn Ngọc Thơ, ông Lê Văn Trung bị dở dang, được ông Lê Thế Vĩnh mượn kỹ sư Phan Hiếu Kinh lãnh làm lầu Hiệp Thiên Đài, đúc cột và đổ plafond chút ít rồi cũng ngừng vì thiếu tiền.

Đến ngày 01-11 Bính Tý (1936) Đức Phạm Hộ Pháp

kêu gọi sự giúp đỡ của bà Lâm Ngọc Thanh quyết tâm xây dựng Toà Thánh với khẩu hiệu “*Bắt gió nắm hình*”. Đứng bên sau ông là Phạm Môn, phát hồng thệ và thủ trình chấp hành sự chỉ dẫn, xây cất của sư phụ.

Năm 1939, chiến tranh thế giới lần hai bùng nổ, quân đội Pháp chiếm đóng Toà Thánh, việc xây cất đình chỉ. Mãi đến ngày 24-01 Ất Dậu (1954), Toà Thánh được mở cửa lại do ông Lâm Tài Khi lo xây dựng. Đến đầu năm Đinh Hợi (1947), tập thể thợ hồ và công quả, đứng đầu là Tổng Giám Lê Văn Bàng bàn giao cho Hội Thánh Cao Đài, Toà Thánh đã kiến thiết xong. Nhưng mãi tới năm 1955 mới làm lễ Khánh Thành.

Toà Thánh là công trình kiến trúc của nhân dân lao động tuyệt đại đa số là ít học hoặc thất học. Họ chỉ với niềm tin sắt đá “*Linh tại ngã*” mà đã hoàn thành một công trình kiệt tác ở miền Nam. Một nhà triết học nói: “*Cho một niềm tin, tôi biến rừng núi ra thành thị*”. Thật vậy, từ năm 1926 vùng núi u tịch, dân cư và phố chợ vùng đất Thánh phát triển không ngừng theo nguyên tắc phổ cập trên thế giới: dọc theo trục lộ giao thông.

Khởi đầu, vùng mà nay gọi là cửa Hoà Viện, hai bên đường trên (*La route haute*) dân Đạo lập chợ Từ Bi, chợ Thương Bình (*nay là chợ Hiệp Lễ*). Dọc theo 20 nhà cửa mọc lên như nấm, dọc theo lộ Quan Âm Các, nhà cửa san sát, chợ Ngã Năm trù phú, chợ cửa số 7 và chợ Mít Một, tới năm 1951 mới có chợ Long Hoa.

Số tín đồ ngày càng đông, Hội Thánh Cao Đài phải mở rộng khu phía Đông Bắc 70 mẫu, tức khu Cục Lạc Thái Bình ngày nay, giáp ngã ba Suối Đá. Đến năm 1932 tăng thêm 70 mẫu, những vùng sau này được dân

chúng kéo đến lập nghiệp, năm 1950 Trí Huệ Cung (tại Trường Hoà hiện nay) khánh thành, vì lòng tin thoát được nợ trần, bốn Đạo phải đi tù Thiên Thọ Lộ, qua cầu Đoạn Trần mới được vào Thiên Hỷ động tức Trí Huệ Cung. Ở Qui Thiện thì có Trí Giác Cung, ở chân núi thì có Vạn Pháp Cung. Đến năm 1950, vùng đất Thánh rộng 20.383 mẫu.

Toà Thánh dài 96 mét, ngang 22,50 mét, cao 27 mét, nằm về phía Đông tỉnh lỵ Tây Ninh, cách 5 km và cách Sài Gòn 95 km. Toà Thánh nằm thiên về phía Tây gần cửa Hoà Viện. Đó là công trình kiến trúc của toàn thể tín đồ Cao Đài, sáng tạo cả bê tông cốt tre. Hằng năm lượt các tín đồ Cao Đài từ khắp lục tỉnh đi về Toà Thánh làm công quả xây dựng. Họ chịu đựng mọi gian khổ, có người tự túc cả lương thực mà không ăn cơm Trại Đường. Các tầng lớp địa chủ, thương buôn giàu có cũng đóng góp để xây dựng Toà Thánh. Sau 14 năm (1933-1947) lao động ngày đêm của hơn sanh Toà Thánh mới hoàn thành.

Để tôn vinh toàn thể nhân dân lao động, ngoài công trình đắp hình các Thánh, ông Bùi Ái Thoại là người bình dân ít học đã đắp Lao Động chi Đài ở bao lơn mặt tiền Toà Thánh, chỗ danh dự nhất, tám hạng người lao động: Sĩ, Nông, Công, Thương, Ngư, Tiểu, Canh, Mục. Ông Bùi Ái Thoại được điểm công hàng đầu đặc phong Á Thánh.

Dưới đây, xin trích đoạn đầu và đoạn chót của “*Tờ Bàn Giao Đền Thờ Đức Chí Tôn cho Hội Thánh*”

Toà Thánh, ngày mùng 3 tháng 1 năm Đinh Hợi
(dl ngày 24-1-1948)

“Chúng tôi đồng đứng tên dưới đây là Tổng Giám, Tá Lý, Nhân công nam nữ xin dâng 3 bản này lên Hội Thánh.

Nguyên vào năm Bính Tý (1936), các con có làm tờ trình nguyện làm Đền Thờ Đức Chí Tôn. Nay các con đã hoàn thành, xin giao lại cho Hội Thánh...

Vi bằng: Vị Tổng Giám xây Toà Thánh Lê Văn Bàng xin phép Đức Hộ Pháp cho toàn nhân công nam nữ làm lễ ra mắt những vị tiền vãng. Đoạn Đức Hộ Pháp mời cả Chức-sắc nam nữ vào lạy Chí Tôn ban ơn huệ cho cả gia quyến các công thợ và những thiện tâm hỷ cúng vào sự tạo tác Toà Thánh.

Khi bái lễ xong, Đức Hộ Pháp, nhân danh Hội Thánh để lời cảm tạ tấm lòng thiết thạch của những môn đệ chí hiếu và tận trung. Kể công, người của đã trải qua biết bao thời gian nguy hiểm, gian lao, gìn giữ đức tin mới lần hồi kiến tạo một Đền thờ vĩ đại oai nghiêm tráng lệ dường này.

Vị Tá Lý Lê Ngọc Lờ thay mặt Tổng Giám Lê Văn Bàng đọc lời chúc mừng.

Toà Thánh là hồn của Đạo, là khối đức tin lớn xuất hiện tại vùng Á Đông vào cuối kỳ Hạ nguơn. Nhờ nơi huyền diệu thiêng liêng mà Đạo đặng phổ thông mau chóng. Nhiều tín đồ đã từng giáo nên Đạo phải có Thánh thể của Chí Tôn tại thế mà tụ khối đức tin của toàn nhơn loại. Vì lẽ đó, Đức Quyền Giáo Tông, ba vị Chánh Phối Sư thi hành theo tiếng gọi của nhơn sanh để làm Toà Thánh. Biết bao nhiêu người hăng

hái vui mừng chung hợp xây Toà Thánh cho mau rồi...

Khi vị Tá Lý đọc xong, Đức Hộ Pháp đáp lời. Bản Đạo không ngờ mấy xem phái nữ đã đạt được kỳ công. Nhớ lại khi mới khởi công, Bản Đạo chỉ chọn phái nam, sau vì nhân công không đủ nên chọn thêm mấy em nữ. Ban đầu trộn hồ, gánh gạch, lẩn hồi xây đắp vách tường, công việc của mấy em làm càng ngày càng tiến như phần đông nam phái. Mọi việc chi đủ nam nữ, Âm Dương mới tạo thành lý Đạo. Ấy là định ý của Đức Chí Tôn đó vậy.

Khi ấy, vì dè dặt, Bản Đạo mới buộc mấy em phải hồng thệ và thủ trinh cho tinh khiết mà xây Đền Thánh. Ngày nay đặng hoàn thành, Bản Đạo sẽ giải thệ cho mấy em nào muốn ra lập gia đình tùy thích.

Đức Hộ Pháp kêu vị Tổng Giám Lê Văn Bàng đem tờ Giao Lãnh mà khi xưa mấy vị này đã ký với Hội Thánh, Đức Ngài ký tên với danh vị người thợ hồ.

Thật vậy, chính người thợ hồ Phạm Công Tắc đã hướng dẫn thiết kế xây dựng và đắp hình tượng trong ngoài Đền Thánh lưu để mai sau.

CHƯƠNG V: KIẾN TRÚC TÒA THÁNH

1. MẶT TRƯỚC ĐỀN THÁNH

Tổng thể Đền Thánh rất nguy nga tráng lệ, chiều dài 97,5 mét và chiều ngang 22 mét. Mặt tiền day về hướng Tây. Bên trái là lầu chuông gọi là Bạch Ngọc Chung Đài, bên phải là lầu trống gọi là Lôi Âm Cổ Đài, cả hai đều cao 27 mét. Ngay giữa phía trước có đúc 4 cây trụ rồng có quần hoa sen chạm trổ rất tinh vi, màu sắc sắc sỡ, tượng trưng Long Hoa Đại Hội.

Năm bậc thêm bước lên, mỗi bậc cao độ 16 cm, tượng trưng Ngũ Chi Đại Đạo. Ngược mắt nhìn ngay giữa thấy ngay bàn tay Đúc Thượng Đế cầm Cân Công Bình. Ngó sang bên phải là tượng ông Thiện, mình mặc giáp, đầu đội kim khôi, tay cầm đại đao mà gương mặt hiền từ, tượng trưng cho điều thiện. Bên trái là tượng ông Ác, cũng mặc khôi giáp nhưng gương mặt dữ dằn, trợn mắt nhăn răng, một tay cầm búa, một tay cầm ngọc ấn tử phù, tượng trưng cho điều ác. Bởi lẽ ác đứng lúc là thiện, thiện không nhằm chỗ là ác.

Phía trên 4 cột rồng, xây hình bán nguyệt đó là Lao Động Đài, có đắp hình tượng 8 nghề trong xã hội: Sĩ, Nông, Công, Thương, Ngư, Tiều, Canh, Mục với ý nghĩa: dù làm nghề gì khi qui vị cũng phải về Tòa Thánh mà xem phước tội.

Ngang đài nầy bên phải người xem có tượng màu trắng của Đúc Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, bên trái là tượng bà Đầu Sư Lâm Hương Thanh. Hai Chức sắc nam nữ nầy có kỳ công khai mở Đạo và xây dựng đền đài.

Phía trên hai tượng này có tạc hình hai đóa hoa đỏ xanh trang nhã siêu thoát. Trong sự tích Vua U Vương nhà Châu nằm mộng thấy bó hoa từ trên rơi xuống mà được Đạo Phật truyền sang.

Nơi lầu chuông, lầu trống, mỗi lầu đều có 6 tầng. Trên đỉnh lầu chuông, dưới ngọn thu lôi có tạc tượng cái hồ lô là bửu pháp của Lý Thiết Quả. Trên đỉnh lầu trống có tạc hình giỏ hoa lam, là bửu pháp của Long Nữ (*đồng tử của Quan Thế Âm*). Hai hình này trên tượng của Đức Quyền Giáo Tông và bà Đầu Sư mà hai vị này vốn là người linh của Lý Thiết Quả và Long Nữ.

Chính giữa hai lầu chuông trống là tượng Thiên Nhân màu xanh tươi thắm, toả ra những tia sáng lung linh, tượng trưng Đấng Thượng Đế toàn năng. Hai bên Thiên Nhân có đắp 2 câu đối chữ Hán.

- **HIỆP NHẬP CAO ĐÀI BÁ TÁNH THẬP PHƯƠNG QUI CHÁNH QUẢ**
- **THIÊN KHAI HUỲNH ĐẠO NGŨ CHI TAM GIÁO HỘI LONG HOA**

Nghĩa là:

- *Hiệp vào Cao Đài, trăm họ mười phương sùng chánh giáo.*
- *Trời khai Đại Đạo, năm nhánh ba giáo hội Long Hoa.*

Trên hai câu đối này có hai chữ nhỏ, bên phải là chữ Nhân, bên trái là chữ Nghĩa. Đó là triết lý của Kinh Dịch mà Đạo Cao Đài phát huy thành giáo luật.

Trên hai chữ Nhân Nghĩa có một hàng chữ Hán và một hàng chữ Việt đều viết: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Phía trên, ngay giữa hàng chữ này có cổ pháp Tam Giáo là Bình Bát Vu (*Phật*), Phất chủ (*Tiên*) và quyền Xuân Thu (*Nho*).

Trên cùng là tượng Phật Di Lạc ngồi trên lưng cọp

để làm kỷ niệm năm Bính Dần Khai-Đạo. Mặt khác, theo Thánh giáo Đức Chí Tôn lập Đạo để đưa nhơn loại đến Hội Long Hoa do chính Đức Di Lạc chấp chương.

Cách thêm ngoài trên 2 mét là Tịnh Tâm Điện, nơi dùng để toàn Đạo tịnh tâm Thần trước khi vào chầu lễ. Trên bức vách chắn tạc tượng Tam Thánh là:

1. Nguyễn Bình Khiêm, Thánh danh Thanh Sơn Đạo Sĩ
2. Victor Hugo, Thánh danh Nguyệt Tâm Chơn Nhơn
3. Tôn Dật Tiên, Thánh danh Tôn Trung Sơn

Tam Thánh ở Bạch Vân Động thay mặt nhơn loại ký với Thượng Đế đệ tam hoà ước: “*Thiên Thượng, Thiên Hạ*” (*Dieu et Humanité*): Trời Người hiệp nhưt qua trung gian cơ bút.

Hai bên Tịnh Tâm Điện có đường lên Hiệp Thiên Đài, có bàn thờ Chúc-sắc Hiệp Thiên Đài đã qui liễu.

Hai bên bàn thờ có hai đường lên lầu chuông, lầu trống. Sở dĩ gọi lầu chuông là Bạch Ngọc Chung Đài là vì tạc chuông theo hình ở Bạch Ngọc Kinh tứ thời, còn lầu trống là Lôi Âm Cổ Đài vì tạc trống sấm theo hình ở Lôi Âm Tự.

Tiến lên tầng lầu chót, đưa mắt nhìn phía Bắc là núi Bà Đen, phía Đông là núi Thị Vải làm hỗn ta lâng lâng xao xuyến.

2. BÊN TRONG ĐỀN THÁNH

Mặt sau bức hoạ Tam Thánh bên trong Đền Thánh là 3 chiếc ngai thất đầu xà (*rắn 7 đầu*) tượng trưng cho Thất tinh: Hỷ, Ái, Lạc, Nộ, Ố, Ai, Dục, trong mỗi con người. Thật ra, con người không thể nào diệt được thất

tình nên phải dưỡng 3 tính tốt: Hỷ, Ái, Lạc tượng trưng bằng ba đầu rắn đưa lên và 4 tính xấu: Nộ, Ố, Ai, Dục bị đè xuống tượng trưng bằng 4 đầu rắn còn lại.

Ngai chính giữa là ngai Hộ Pháp. Trên vách tường sau ngai này là tạc một chữ KHÍ (*tam tự nhất thể*) màu vàng, tức khí sanh quang nuôi sống vạn vật tượng trưng sự miên trường của vạn loại.

Ngai bên trái là ngai Thượng Sanh và bên hữu là ngai Thượng Phẩm. Ba ngai này hiện đã tạc ba tượng của ba vị Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh đã triều thiên.

Bên trong Đền Thánh có 28 cột rồng tượng trưng cho Nhị Thập Bát Tú giáng trần giáo Đạo đứng châu Thượng Đế. Các cột rồng sơn đủ các màu: vàng, xanh, đỏ, trắng là để tượng trưng cho ba kỳ phổ độ.

Nhất kỳ phổ độ có Thanh Dương Đại Hội để phán đoán đức hạnh và công quả tu hành của nhân sanh do Đức Nhiên Đăng chứng pháp.

Nhị kỳ phổ độ có Hồng Dương Đại Hội có Đức Di Đà điều khiển.

Tam Kỳ Phổ Độ có Bạch Dương Đại Hội do Đức Di Lạc tuyển phong Phật vị. Vì vậy các rồng trắng (*Bạch long*) ở Bát Quái Đài dưới quả Càn Khôn là tượng trưng thời kỳ Bạch Dương và cột rồng vàng (*Huỳnh long*) biểu tượng các vị Phật đến chứng Đại Hội Long Hoa.

Các cột rồng há miệng nói lên “*khẩu phát ngôn*” đặc điểm của thời kỳ đại ân xá này dạy Đạo cho nhân sanh tâm theo đường chánh chẫm dứt thời kỳ “*Phật giả vô ngôn*”.

Trên vòm trần nhà ở giữa hai cột rồng có chạm hình rồng nhô ra 6 đầu, chung quanh sơn màu xanh da trời lấy ý trong bài Ngọc Hoàng Kinh là: “*Thời thừa lục long, du hành bất tức*” tức xe Trời (*thiên xa*).

Hai bên vách Đền Thánh tạc hình hoa sen, gương sen và ngó sen trong khung hình chữ nhật đứng, ở giữa có khung tam giác tạc Thiên Nhân phản chiếu các tia rẽ quạt rất sinh động. Thiên Nhân là thái cực, bụi sen trên, bụi sen dưới là Âm Dương tức Lưỡng Nghi, 4 trái sen hai bên là tứ tượng, 8 lá sen là Bát Quái, 12 ngó sen là Thập Nhị Khai Thiên, lấy hình ảnh sen để biểu tượng cho dịch lý của vạn vật luân chuyển không ngừng trong vũ trụ.

Nền của Đền Thánh có 9 bậc thật dài, độ 63 mét, ngang tả ban hữu ban đều sơn trắng có tạc hình tứ linh: Long (*biển dịch*), Lân (*hạnh phúc*), Qui (*trường cửu*), Phụng (*thái bình*).

Gần ngang cửa hông, nhìn lên trần nhà ở giữa, trở lên nóc có xây một cái đài hình tròn, cao 17 mét gọi là Nghinh Phong đài. Trên nóc đắp một nửa địa cầu có vẽ các châu lục trên thế giới. Trên nửa địa cầu này, ngoài trời có tạc con Long Mã đem hàm ấn chạy về hướng Tây, quay đầu về hướng Đông. Bởi lẽ Á Châu là nơi chôn nhau cắt rốn của nhiều tôn giáo như: Bái vật giáo, Ấn Độ giáo, Phật giáo, Do Thái giáo, Kitô giáo... “*Đạo phát ư Đông, di ư Tây, phản hồi ư Đông*”. Và lại, Long Mã tượng trưng cho sự hợp nhất Âm Dương để phát khởi vạn loại vì theo dịch lý rồng thuộc dương, ngựa thuộc âm.

Dưới Nghinh Phong đài có 2 cột rồng uốn theo

khuôn ốc. Cái miệng rộng phun ra 6 chia đỡ Giảng đài nơi để Chúc-sắc đứng giảng Đạo, tượng trưng người tu phải biết đè nén lục trần, còn gọi lục tặc (6 kẻ cướp), nó lợi dụng sơ hở của ta mà xâm nhập vào thân xác. Lục trần là: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc (đụng chạm nam nữ), Pháp (phương cách nhập vào ý).

Ra cửa hông dọc lan can mỗi bên có 6 cửa ra vào. Các bậc lên xây dựng như bậc thang mà hai bên có tượng hai con Kim Mao Hẩu lông vàng gần giống con sư tử. Các tứ linh: long, lân, qui, phụng, chim thú được tạc tượng y như thật, song ý tưởng vượt lên trên hình tượng cụ thể mà biểu hiện Bí Pháp Thiêng Liêng tiềm ẩn bên trong.

Rời Giảng đài, trước Bửu Điện là 7 chiếc ngai sơn son thiếp vàng hình long, lân, phụng. Trước 7 chiếc ngai chắn bức bình phong chạm rồng mạ vàng rất linh động. Hai bên bình phong và 7 chiếc ngai thiết trí hai hàng lỗ bộ bửu pháp của bát Tiên:

1. Hồ lô của Lý Thiết Quả (nai chở)
2. Quạt, phát chủ của Hớn Chung Ly (linh điều chở)
3. Thư Hùng Kiếm của Lữ Đồng Tân (trĩ chở)
4. Gậy của Trương Quả Lão (lộc nai)
5. Giỏ Hoa Lam của Lam Thế Hoà (phụng chở)
6. Hoa sen của Hà Tiên Cô (linh qui chở)
7. Ống tiêu của Hà Tiên Tử (cá chép chở)
8. Cặp sanh của Tào Quốc Cựu (công chở)

Bảy chiếc ngai thú tự từ trong Bửu Điện ra là:

- Một ngai Giáo Tông chạm rồng
- Ba ngai Chương Pháp chạm phụng
- Ba ngai Đầu sư chạm lân

Cuối ngai Giáo Tông là hết 9 bậc của Cửu Trùng Đài. Mỗi lần đi qua một công trình kiến trúc là lòng khách hành hương tiến dần vào nẻo Đạo.

3. BÁT QUÁI ĐÀI

Đến bậc thứ 10 ngắn hơn, gọi là Cung Đạo. Trên nóc Cung Đạo đúc vòm bầu trời, chạm hình Đức Hồng Quân, đại ngọc cơ và quyển Xuân Thu đều được chạm kiếng phản chiếu lung linh.

Mặt trước và phía trên Cung Đạo có đúc bức hoành hình chữ M, tạc tượng các giáo chủ tam giáo, tam trấn và Ngũ Chi Đại Đạo.

- Hàng trên ba vị giáo chủ : **Lão Tử, Thích Ca, Khổng Tử.**
- Hàng giữa ba vị trong tam trấn : **Quan Âm, Lý Bạch, Quan Thánh.**
- Hàng dưới **Lý Bạch, Jésus Christ và Khương Thượng.**

Nếu kể từ Thích Ca xuống thì đại diện Ngũ Chi Đại Đạo là: Phật (*Thích Ca*), Tiên (*Lý Bạch*), Thánh (*Jésus Christ*), Thần (*Khương Thái Công*), Nhơn (*Giáo Tông*).

Bức hoành bên tả thờ Bát Tiên như đã dẫn.

Bức hoành bên hữu thờ Thất Thánh: Vương Tiễn, Na Tra, Vi Hộ, Lý Tịnh, Kim Tra, Lôi Chân Tử, Mộc Tra.

Theo Đức Hộ Pháp đã tạc Thất Thánh. Lẽ ra đắp tượng Thất Hiền Hy Lạp phù hợp với tư tưởng nhập thế của Đạo Cao Đài.

Theo “*Roman des sept Sages*”, Thất Hiền ở vào thế kỷ trước tây lịch là: Thalès, Pittacos, Bias, Solon, Cléobule, Chilon và Périandre.

Thalès kêu gọi từ bỏ những bất lương. Hãy trị chính bản thân mình trước khi ra lệnh cho kẻ khác.

Việc thờ quá nhiều Thần như vậy là một kinh nghiệm tôn giáo trong quá khứ để thu hút nhiều tín đồ. Bởi lẽ “*Phật giáo nhiều Thần, thoạt phép mầu, có vô số vị Thần Thánh làm trung gian giữa tín đồ và Đấng Tối Cao đã thắng Phật giáo nguyên thủy; cũng như Thiên Chúa giáo đa sắc thái chú trọng tới bề ngoài đã thắng Kitô giáo giản dị nghiêm khắc thời nguyên thủy*” (Qill Durant, *Lịch sử Văn minh Ấn Độ*, Nguyễn Hiến Lê dịch, Saigon 1971, tr 255)

Việc thờ Tam Trấn biểu thị cho Tam Kỳ Phổ Độ có một triết lý thật sâu xa. Đó là thờ bi, trí, dũng của loài người.

- Lý Thái Bạch, Nhứt Trấn Oai Nghiêm biểu tượng cho **Trí** vì có lý trí mà Ngài không để lôi cuốn vào đường truy lạc. Cái trí của Ngài sáng rõ như Kim Tinh.
- Quan Thế Âm, Nhị Trấn oai nghiêm biểu tượng cho **Bi** vì thương chúng sanh đau khổ mà bố thí cứu độ. Trí và Bi lúc nào cũng đi đôi với nhau làm nền tảng cho cơ phổ độ.
- Quan Thánh Đế Quân, Tam Trấn Oai nghiêm biểu tượng cái **Dũng**. Cái uy dũng, cái trung can nghĩa khí của ngài là gương sáng cho người tu học.

Kế Cung Đạo là bàn thờ Đức Chí Tôn hương trầm toả nghi ngút. Trên quả Càn Khôn ngay chính giữa có vẽ Thiên-Nhãn. Quả Càn Khôn không chỉ là trái đất mà bao gồm cả thiên cầu. Vì Càn là trời tức là thiên cầu thuộc Dương; Khôn là đất tức địa cầu thuộc Âm.

mà “*Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo*”. Như thế, thờ Thiên-Nhãn trên quả Càn Khôn là thờ Đạo. Thiên thượng (*thiên cầu*), Thiên hạ (*trái đất có người*) hiệp nút đã thể hiện rõ trên quả Càn Khôn. Đó là chủ đích tối cao của nền tôn giáo. Quả Càn Khôn được đặt trên cái đài hình bát giác (8 cạnh). Từ dưới quả Càn Khôn là những khuôn linh vị viết bằng chữ Hán thờ các vị giáo chủ trong các thời kỳ phổ độ trước.

Hai bên có cặp hạc thanh thoát đứng trên lưng rùa (*trường cửu*), cổ vươn cao chầu Thượng Đế. Chung quanh quả Càn Khôn có tạc nhiều con rồng sơn màu trắng biểu tượng cho Bạch Dương đại hội ở kỳ Hạ ngươn này.

Dưới Bát Quái Đài có cái hầm sâu xuống đất gọi là Hầm Tàng Bửu Khánh. Theo các đền xưa, hầm này dùng chứa châu báu, tiền của các người hảo tâm cúng hiến. Khi có thiên tai đao binh đói khổ thì khai ra bố thí cho dân nghèo.

Phía trên Bát Quái Đài xây lên ba tầng: Tầng dưới từ nóc lên độ 15 mét, tầng giữa độ 10 mét và tầng chót độ 5 mét. Trên đỉnh có tạc 3 tượng Phật day mặt về ba hướng (*thời Bà La Môn giáo 3 vị chỉ là Thần*).

- **Phật Brahma:** cưỡi con Huyền Nga, day mặt về hướng Tây, điều khiển Thượng ngươn Thánh đức.
- **Phật Shiva (Siva):** đạp trên thất đầu xà, day mặt về hướng Bắc điều khiển Trung ngươn tranh đấu. Tại sao Phật Shiva đạp trên rắn bảy đầu như Hộ Pháp vì “*Thần Shiva còn giữ vai trò của Dvaparala tức là các Hộ Pháp giữ các đền thờ*” (*Nghiêm Thẩm, Tôn giáo của người Chăm tại VN, Saigon DHVK 1972 tr 18 và 30*)

- **Phật Christna** (hay *Vishnou*): cưỡi con giao long (trong *Thần thoại con rồng cháu Tiên*) dạy mặt về hướng Nam, điều khiển Hạ ngục, bảo tồn hay ngục, tái tạo (Mahabhrata (sử thi *Ấn độ*), Hà Nội 1979).

Đó là 3 vị Thần của Đạo Bà La Môn, đã thành Phật trong Kỳ Ba Phổ Độ.

Trong sử thi *Ấn Độ “Mahabharata”*, Thần Vishnou cưỡi chim Thần Garuda, Shiva cưỡi bò Thần Nandin, mình quấn đầy rắn, Christna là Thần tình yêu có sứ mạng bảo vệ hoà bình.

Tham quan xong, lững thững bước ra ngoài, trong lòng còn luyến tiếc quay đầu lại nhìn mái ngói: trùng trùng điệp điệp, phía dưới có khung tròn vẽ đôi chim hạc bay trước ánh mặt trời mông mênh khiến tâm hồn lâng lâng muốn lánh chốn hồng trần ràng buộc. “*Gà dù sẵn lúa mà bếp lửa cận kề; hạc dù thiếu ăn nhưng trời đất mênh mông*” (*Lung kê hữu mễ than oa cận; dã hạc vô lương thiên địa khoan*).

4. CÁC KIẾN TRÚC QUANH ĐỀN THÁNH

Phần này chỉ giới thiệu các dinh, đường, tháp mà không chuyên sâu vào giáo lý.

Sau Bát Quái Đài là tháp Đức Quyền. Giáo Tông Lê Văn Trung xây ba tầng hình 8 cạnh. Sở dĩ táng liên đài bát giác, xây tháp bát giác vì theo kinh có câu “*Ba mươi sáu cõi thiên tào, nhập trong Bát Quái mới vào Ngọc Hư*”, nghĩa là muốn về châu Thượng Đế thì phải qua Bát Quái Đài.

Sau tháp Đức Quyền, Giáo Tông là hậu điện, nơi ở

của các Chức-sắc phế đời hành Đạo. Bên trái là Đông lang, nhà ở của Chức-sắc nam. Bên trái Đông lang là 3 tháp của 3 vị nam Đầu Sư Thái, Thượng, Ngọc.

Bên phải hậu điện là Tây lang, nhà ở của Chức-sắc nữ. Bên phải Tây lang là tháp Nữ Đầu Sư.

Đền Thánh, Hậu Điện, Đông lang, Tây lang hợp thành chữ Sơn 山 (*nghĩa là núi*) biểu thị sự cao khiết.

Phía Bắc cách Đền Thánh độ 100 mét là Toà Nội Chánh, nơi làm việc của 3 vị Chánh Phối Sư và Cửu Viện hành chánh. Phía Tây cách mặt tiền Đền Thánh 30 mét có cột phướn cao 30 mét, ở chân phướn có chạm rồng và hoa sen. Cách cột phướn 10 mét có cây bồ đề do Đức Narada Théra, Phật giáo Tích Lan tặng. Dưới cột bồ đề có tượng Đức Phật Thích Ca thiền.

Hai bên sân Đại Đồng Xã có hai khán đài rất lớn 12 bậc, ẩn vào trong hai cụm rừng thiên nhiên. Sở dĩ gọi như vậy vì khi xây cất Toà Thánh 2 cụm rừng này được chừa lại như nguyên thủy.

Ở giữa hai khán đài trên sân Đại Đồng Xã có xây cái nền chơ vơ giữa trời hình bát giác có 9 bậc gọi là Cửu Trùng Thiên, nơi dùng để thiêu xác các Chức-sắc từ Đầu Sư trở lên.

Hướng về Tây, tượng Xa Nặc chạy bộ theo Đức Thích Ca cỡi ngựa phía trước. Hai tượng này biểu hiện sự tích tầm Đạo của thái tử Sĩ Đạt Ta.

Về phía Nam Đền Thánh dọc đại lộ Phạm Hộ Pháp có nhiều kiến trúc mỹ lệ. Khởi đầu là Nữ Đầu Sư Đường, nơi thờ các Nữ Đầu Sư và cũng là nơi làm việc của phái nữ. Kế đến là Hạnh Đường, nhà huấn luyện Chức-sắc đi phổ độ chúng sanh. Phía sau Hạnh Đường

là Trai Đường, nhà ăn chung của đồng Đạo phước đời lo Đạo.

Đối diện với Hạnh Đường là Giáo Tông Đường, nơi thờ Đức Quyền Giáo Tông cũng là nơi làm việc của chư Chức-sắc đại Thiên phong.

Cách Giáo Tông Đường một con đường về phía bên phải Toà Hiệp Thiên Đài đó là cơ quan bảo thủ Luật Pháp Chơn Truyền của Đại Đạo, cũng là nơi thờ Đức Cao Thượng Phẩm, Cao Thượng Sanh và 12 vị Thời Quân.

Đối xứng với Hiệp Thiên Đài qua con đường là Ban Tương Trợ cung cấp nhu cầu cần thiết cho mọi người.

Giáp rào Hiệp Thiên Đài về phía bên phải là Hộ Pháp Đường, kiến trúc dạng khối chữ nhật, nóc bằng. Xưa kia là nơi làm việc của Đức Phạm Hộ Pháp, nay là nơi thờ tự và nhà kỷ niệm của Ngài.

Sát bên phải Hộ Pháp Đường là Báo Ân Từ tạm làm Đền Thờ Phật Mẫu. Đây là ngôi Đền dạng khối chữ nhật, phân ra 2 tầng: trệt và lầu, đài duy nhất cao vút gọi là Bạch Ngọc Chung Đài.

Báo Ân Từ là nơi thờ phượng những bậc đại ân, đại hiếu, nên mặt tiền đền này tạc sự tích Nhị Thập Tứ Hiếu để răn đời. Bên trong Đền thờ phân làm 3 gian, gian giữa rộng hơn hai bên. Từ ngoài vào tới cung thờ có tất cả 8 lồng cửa gọi là Bát Cảnh Cung. Trên hai hàng cột phân lòng cửa treo mặt nộm hình quả tim sơn vàng có cắm cờ vàng mang ý nghĩa “*Phái vàng Mẹ lãnh dắt dìu trẻ thơ*”.

Trong Bửu Điện bàn ngoài thờ tượng Nam Bình Vương Phật và bàn trong thờ Phật Mẫu và Cửu Vị Nữ

Phật cưỡi chim loan. Ngay từ buổi đầu dạy Đạo. Đức Phật Mẫu và Chín Cô hết lòng dìu dắt 3 vị Thiên sứ từng bước đi vào cửa Đạo.

Đức Phật Mẫu là Mẹ sanh của toàn thể nhân loại, chưởng quản từng trời Tạo Hoá Thiên. Đức Từ Mẫu còn được gọi là Cửu Thiên Huyền Nữ, Thiên Hậu, Tây Vương Mẫu theo Thần thoại Trung Hoa, Thiên Mẫu, Cửu Trùng Thánh Mẫu theo tín ngưỡng dân gian. Nay Đạo Cao Đài gọi là Đức Diêu Trì Phật Mẫu hay Kim Mẫu (*gọi tắt của chữ Kim Bàn Phật Mẫu*). Như thế, quyền lực của Đức Phật Mẫu rất to lớn, chỉ có từ ngữ Đức Mẹ mà vừa là Thiên, là Tiên, là Phật. Đức Phạm Hộ Pháp đã thuyết Đạo trên Cửu Long Đài hồi 16 giờ ngày 15-8 Đinh Hợi (1947) có câu: “*Bản Đạo tưởng cả thủy toàn Đạo nên biết quyền hành ấy...*”.

“*Phật Mẫu là chủ Âm quang, Chí Tôn là chủ Dương quang, Âm Dương tương hiệp, Đạo Cao Đài nương theo năng lực của hai khối Âm Dương ấy mà phát triển*”.

Như thế, quyền lực của Đức Phật Mẫu đồng đẳng với Đức Chí Tôn.

Nơi Phật Mẫu ngự là Cung Tạo Hoá Thiên Diêu Trì Cung, Tây Hoa Cung (*Hoàng Xuân Hãn, Bích Câu Kỳ Ngộ, Đại Học Huế 1964*) hay Côn Lôn (*Hoàng Trọng Miên, VN Văn học Toàn thư, Saigon 1959*) và theo văn châu thì Thiên Hậu có nhiều cung, lăm điện, mỗi nơi Ngài mặc một sắc áo riêng (*Nguyễn Đăng Thục, Tín ngưỡng dân gian, Saigon 1964*)

Đức Phật Mẫu cho Nhị Nương coi Vườn Đào. “*Cứ ba ngàn năm trái chín một lần, ăn vào thì được trường sanh bất tử, thường dùng để bày tiệc đãi các vị Thần*

Tiên” (Hoàng Trọng Miên, VN Văn Học Toàn thư, Saigon 1959). Bí pháp này được thể hiện hàng năm vào ngày 15–8 âm lịch gọi là Đại Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung.

Như thế, Phật Mẫu là biểu tượng cao cả phổ quát (trong ý niệm vừa là Mẹ, là Thánh, là Tiên, là Phật), của nguồn sống (Vườn Đào), sức cần lao (giữ Vườn Ngạn Uyển) và nguồn vui (đãi yến, sum họp gia đình). Còn việc thay cung đổi áo là do vận hành theo thời gian, do thời tiết, do trình độ tiến hoá của con người nhằm phổ độ, đúng với câu: “Cửu kiếp Hiền Viên thọ sắc Thiên”.

Từ vua Hiền Viên, Đức Phật Mẫu thọ sắc Trời đã 9 lần thay hình đổi dạng giáng trần để phổ độ con cái của Ngài.

Ta có thể kể như sau:

1. Đời Hoàng Đế Hiền Viên giáng trần độ người Trung Hoa và các nước lân cận.
2. Đức Mẹ ISIS ở đền Memphis nước Ai Cập, tay cầm Thiên thơ hoá sanh vạn vật.
3. Thiên Hậu Héra (Junon) nghiêm trang ngự trên ngai rực rỡ ở Hy Lạp.
4. Đức mẹ Déméter là Thánh Mẫu của vũ trụ.
5. Mayâ, Mẹ sanh của thái tử Sĩ Đạt Ta tại kinh thành Ca Tỳ La Vệ được 7 ngày thì bà qui Tiên (563 trước Tây lịch).
6. Đức Mẹ Devi Bhagava (hay Jagadambâ) ở Ấn Độ hiện thân tình mẫu tử, luôn chăm sóc chúng sanh.
7. Thánh Mẫu Maria sanh Chúa Hải Đồng ở hang Bêlem thuộc xứ Jérusalem.
8. Đức Phật Mẫu giáng hạ ban cho vua Hán Võ Đế

quả đào Tiên và độ vua tu hành. Sự tích này được Đạo Cao Đài tạc tượng phụng thờ.

9. Kỳ ba phổ độ này, Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên giáng trần khai mở Đạo Cao Đài.

Khi tuần du trong Càn Khôn thế giới, Đức Phật Mẫu ngự trên lưng chim thanh loan. Chim thanh loan là chim mái có sắc xanh nhiều hơn, một loài linh diệu. Ngược lại chim phụng trống cũng là giống chim ngũ sắc như chim loan mà sắc đỏ nhiều hơn. “*Phụng gáy Kỳ Sơn*” thì Thánh nhân ra đời.

Đức Phật Mẫu chưởng quản Hội Kim Bàn gồm có chín Tiên Nương. Mỗi cô có 3 nhiệm vụ chính;

- Nơi trụ trì hành pháp
 - Nhiệm vụ Hội Kim Bàn giao
 - Vùng phổ độ ở trần gian.
1. *Nhứt Nương Hoàng Thiệu Hoa*, giữ Vườn Ngạn Uyển, chăm sóc sức khỏe vạn linh, nhiệm vụ phổ độ miền Bắc nước VN.
 2. *Nhị Nương Cẩm Tú*, coi Vườn Đào, giữ gìn sự sống của loài người (*bảo sanh*), giáo Đạo ở Campuchia.
 3. *Tam Nương Kim Tuyến*, ở tầng Thanh Thiên, siêu độ khách trần, phổ độ ở miền Trung VN.
 4. *Tứ Nương Lê Thị Gấm*, ở tầng Huỳnh Thiên, dạy chân, thiện, mỹ cho loài người, phổ độ ở đồng bằng miền Bắc VN.
 5. *Ngũ Nương Liễu Hạnh*, ở tầng Xích Thiên, siêu độ khách trần đắc Đạo cho địa vị ngày càng cao thăng.
 6. *Lục Nương Hồ Thị Huệ*, ở tầng Kim Thiên, bảo toàn sinh mạng cho chúng sanh, phổ độ Pháp quốc. Đó là Jeanne d’Arc.

7. *Thất Nương Vương Thị Lễ*, ở tầng Hạo Nhiên Thiên, độ dẫn người theo Đạo Cao Đài, giáo Đạo ở Trung Hoa.
8. ???
9. *Cửu Nương Cao Thoại Khiết*, ở tầng Tạo Hoá Thiên với Đức Phật Mẫu, dạy về khoa học, kỹ thuật, phổ độ ở miền Tây VN.

Sát rào Bá Huê Viên là nam. Đầu Sư Đường, nơi thờ các vị Đầu Sư Thái Thượng Ngọc trên lầu, dưới nhà là nơi hành chánh.

Đối diện với Đầu Sư Đường là nhà Hội Vạn Linh, trước kia là Hội Thánh Ngoại Giáo (*La mission étrangère*) nên bên trong có thờ Tam Thánh vì Victor Hugo là Chứng Đạo của Hội Thánh Ngoại Giáo. Sau dùng làm nơi họp của Hội Nhơn Sanh. Nhà này có thời kỳ thiết lập Viện Đại Học Cao Đài.

Bên kia đường Oai Linh Tiên là Y Viện hành chánh. Cách rào Y Viện là cơ quan Hàm phong. Đối diện với Hàm phong là cơ quan phát thanh và phổ thông giáo lý gần cửa số 8 Nội Ô.

Đọc đường Oai Linh Tiên, kế nhà Hội Vạn Linh là văn phòng Hội Thánh Tân Nhơn, đối diện với văn phòng này là văn phòng Ban Thế Đạo. Sát rào ban này về phía nam là Đạo Đức Học Đường, ngôi trường xưa nhất của Đạo.

Từ Ban Thế Đạo bước qua đường Cao Thượng Phẩm là văn phòng Đại Đạo Thanh Niên Hội, sát rào Hội này là văn phòng Trung Tông Đạo, kế là Bắc Tông Đạo, rồi văn phòng Hội Thánh Đường Nhơn.

Đối diện với Bắc Tông Đạo là Ban Lễ Nhạc, Ban

Đồng Nhi.

Tại góc ngã tư Oai Linh Tiên và Cao Thượng Phẩm là Khách Đình (đúng ra là Trường Đình), nơi quàng quan tài của Lễ Sanh và Đạo Hữu để cúng tế trước khi đem táng. Đối diện với Khách Đình là Nhà Thuyền, nơi để Thuyền Bát Nhã và chỗ ở của nhân viên chèo thuyền và Đạo tỳ.

Trước Thuyền Bát Nhã có câu đối:

1.

*Vạn sự viết vô nhục thể thổ sanh hườn tại thổ
Thiên nhiên tự hữu linh hồn thiên tứ phản hồi thiên*

2.

*Sanh tiên bốn vọng, phú quý công danh kim hà tại
Chơn linh thể sở, công hầu cực phẩm bất đương nhiên.*

3.

*Hữu thể sanh nhi từng tứ khổ,
Vô hình tử giả hoá tam đồ.*

Chư Chức-sắc trường trai được chèo thuyền để độ thăng cả 92 ức Nguyên-Nhân. Bởi lẽ, đời Thượng ngươn có 100 ức Nguyên-Nhân xuống trần độ rồi chúng sanh. Phật Tổ độ được 6 ức, Lão Tử độ được 2 ức, còn lại 92 ức cho Tam Kỳ Phổ Độ.

Các nhân vật trong buổi tối chèo thuyền là:

- Tổng Lái, là Chơn-Linh Hắc Sát Tinh, tượng trưng Bát Quái Đài.
- Tổng Mũi, là Chơn-Linh Bạch Hồ Tinh, tượng trưng Hiệp Thiên Đài.
- Tổng Thương, là Chơn-Linh Huỳnh Long Tinh,

tượng trưng Cửu Trùng Đài.

- Tổng Khấu, tượng trưng cho nhơn sanh, buồn vui thất thường.
- 12 Bá Trạo, tượng trưng 12 con giáp của một lứa tuổi.

Bước qua đường nhỏ là Cơ Quan Phước Thiện, nơi giúp đỡ tương trợ người nghèo, bệnh tật, mồ côi, quan quả cô đơn.

Kế bên là Dưỡng Đường Phước Thiện, có nhiều người già nua ở đây nên còn gọi là Dưỡng Lão Đường. Sát bên là văn phòng nữ phái Phước Thiện, cũng đồng nhiệm vụ giúp Đạo trợ đời như nam phái.

Có dự xem lễ chèo thuyền mới thấy được sự trân trọng linh hồn con người của Đạo Cao Đài là nhường nào!

5. TRIẾT LÝ KIẾN TRÚC

Khi du khách đến thăm Toà Thánh, cái lôi cuốn họ đầu Tiên là hai Lầu Chuông và Trống cao ngất. Một hệ thống kiến trúc đền tháp nằm giữa hai khu rừng thiên nhiên màu xanh biếc. Hệ thống đền tháp này có giá trị về văn hoá lớn nhất ở miền Nam bao gồm bờ thành, đền điện, phủ đường, vườn cảnh...

Jeannine Anboyer trong quyển “*Mỹ thuật Viễn Đông*” nhận định rằng: Người VN đã biết chọn những cảnh thiên nhiên để xây những công trình kiến trúc thờ cúng của họ. (*Les arts de l'Extrême Orient, Paris 1948, tr 83*).

Một danh sĩ Nhật Bản cũng cho rằng Toà Thánh được xây cất trên suối ngầm chảy qua 6 cửa gọi là

“Lục long phò ấn” hay “Lục long kết tụ”. Vùng đất này rất phát triển về Đạo pháp và nhân tài (*Huỳnh Minh, Tây Ninh xưa và nay, Saigon 1972, tr 177*).

Trước kia, Đức Lý giảng đàn dạy:

“Lão khen Thái Thơ Thanh, tưởng chư hiền hữu không thấy nữa. Lão cắt nghĩa vì sao cuộc đất ấy là Thánh địa (tức đất xây cất Toà Thánh hiện nay): sâu hơn 300 thước như con sông giữa trung tim đất giáp lại trùng giữa 6 nguồn làm như 6 con rồng doanh châu. Nguồn nước ấy trùng ngay đỉnh núi gọi là Lục Long Phò Ấn. Ngay miếng đất đó dựng ba đầu: một đầu ra giếng mạch Ao Hồ, hai đầu nữa bên cụm rừng bên kia”.

Về Lục Long phò ấn, ta thấy như sau: Viễn cảnh Toà Thánh, về phía Đông địa lý (*cung Chấn*) gối lên giồng Sân Cu (*đất lành chim đậu*), mặt trước phía Tây (*cung Đoài*) trông ra rạch Tây Ninh. Phía tả (*Nam*) thanh long nước sông Cẩm Giang-Bến. Kéo chảy cuộn quanh. Phía hữu (*Bắc*) bạch hổ núi Điện Bà ôm vòng lại như cánh cung. Đó là điểm kết long mạch sách gọi là hàm rồng. Phong thủy âm dương hội đủ.

Cận cảnh, hồ Động Đình (*bàu Cà Na*) nước chảy không ngừng nghỉ (*pháp luân thường chuyển*) vào rạch Ao Hồ, hướng Tây Nam (*Càn*). Trái phải rừng thiên nhiên xanh biếc hài hoà cảnh trí. Phía Bắc (*cung Ly*) suối Lâm Võ. Phía Đông Bắc (*cung Tốn*) Suối Đá. Phía Đông (*Chấn*) suối cái chảy về Nam (*Khảm*) qua Đoạn Trần Kiều. Suối con lượn ra Giải Khổ Kiều: bốn suối hợp sức tưới mát và bao quanh vùng Thánh địa, kết tụ Lục long phò ấn.

Biểu hiện Tay Long (*dương*), Tay Hồ (*âm*) không

đối lập nhau mà còn hoà hợp lồng vào nhau nhiều lần, viễn cảnh như cận cảnh. Bên trái (*Thanh Long*), bên phải (*Bạch Hổ*) thế sông núi châu đầu vào nhau như hình móng ngựa (*đại kiết*). Địa thế Lục Long phò Toà Thánh đó, không đâu tốt đẹp bằng.

Đó là nhận xét về địa lý, còn các cửa Nội Ô Toà Thánh thì sao?

Ta đem Bát Quái Cao Đài (*Trung Thiên Bát Quái*) du di trước Đền Thánh. Để 12 cửa cài 8 cạnh phù hợp với tám cạnh bát quái (*giả sử ta bỏ 4 góc*). Từ cửa số 2 qua cửa Chánh Môn hướng Tây Bắc (*tức 2+3=5*) từ cửa số 4 qua cửa số 6 hướng Tây Nam (*tức 4+6=10*).

Bây giờ ta xét theo Dịch lý. Cửa số 1 (*cửa Hoà Viện*) ngay hướng Bắc, nhìn lên Bát Quái Cao Đài là quẻ Ly. Ly thuộc tâm hoá là con mắt là minh (*sáng suốt*) để cai quản Đạo. Từ lúc xây cất Đền Thánh, cửa Hoà Viện là cửa chính tấp nập nhứt. Đối xứng với cửa số 2 là cửa số 7 (*Nội Ô*) thuộc thuỷ, tẻ lạnh chỉ là cửa phụ (*theo Trung Thiên Bát Quái*).

Hướng Tây Bắc theo Bát Quái Cao Đài thuộc quẻ Khôn, Khôn thuần âm biểu tượng đất là mẫu Đạo, sanh hoá và nuôi dưỡng vạn vật. Hướng Tây Bắc trùng cửa số 2 sung túc tấp nập và cửa Chánh Môn. Cửa Chánh Môn xây theo Pháp Tam Quan. Không Quan (*cửa bên trái*) là lối nhìn về lẽ không “*Không tức thị sắc*”. Giả quan (*cửa bên phải*) nhìn theo lẽ sắc: “*Sắc tức thị không*”. Không sắc vào trung quan (*cửa giữa*) tức Trung Đạo Trung Dung. Đó là cửa chính của Đạo Cao Đài. Cửa số 2+3 cửa tam quan bằng 5. Theo Dịch Lý số 5 là số sinh đấng là cửa của Đức Mẹ (*Khôn*).

Hướng Tây Nam theo Bát Quái Cao Đài thuộc quẻ Càn. Càn thuần dương biểu tượng Trời là thiên Đạo phụ Đạo điều khiển vạn vật. Hướng Tây Nam trùng cửa số 4 sung túc tấp nập lúc chợ Ngã Năm phồn thịnh và cửa số 6 khai thông về nam, nơi sinh hoạt của nhân sanh. Cửa số 4 cửa số 6 bằng 10. Theo Dịch Lý số 10 là số thành đứng vào cung Càn. Mẹ sinh, Cha đưa con đến thành tựu.

Những điều trên thể hiện được mối quan hệ hài hoà giữa Trời Đất Người (*Thiên Địa, Thiên Nhân, Nhân Địa*). Tất một lời, các cửa Đền Thánh chỉ thể hiện qua ba hướng: Bắc Ly, Tây Bắc Khôn và Tây Nam Càn đứng với thiên thơ nên phát triển không ngừng.

Đó là truyền thống kiến trúc cổ VN theo lối kiến trúc cảnh vật hoá (*Architecture paysagée*).

Kiến trúc đền tháp và phủ đường trong khuôn viên Nội Ô Toà Thánh không vươn lên cao mà dàn trải theo chiều Bắc Nam. Theo quan niệm hướng Bắc là nơi ngự của Đức Chí Tôn “*Cao như Bắc khuyết nhân chiêm ngưỡng*”. Thế nên Toà Thánh không xây dựng ngay trung tâm Nội Ô mà kiến trúc sát về phía cửa số 1 phương Bắc. Những công trình lớn nhỏ kéo dài về phía Nam như Giáo Tông Đường, Nữ Đầu Sư Đường, Hiệp Thiên Đài, Hộ Pháp Đường, Hội Thánh Ngoại Giáo, Nam Đầu Sư Đường vv...theo quan niệm “*Đài tại Nam phương Đạo thống truyền*”. Những kiến trúc này cách nhau bằng những hàng rào và cổng. Mỗi dinh thự có chức năng khác nhau tạo nên những không gian ấm cúng và tôn nghiêm.

Các kiến trúc ở đây mang tính chất tổng hợp giữa

Đạo (*Religion*) và Đời (*Profane*), giữa Thần linh và con người mà con người là chủ thể của kiến trúc và thiên nhiên ở đây. Theo quan niệm chung của các tín hữu “Đời không Đạo không sức, Đạo không Đời không quyền”.

Vòng thành của Toà Thánh hình vuông dài độ 4000 mét, gồm một Chánh Môn và 12 cửa. Nhìn cửa Chánh Môn thấy rõ nét kiểu kiến trúc Đông Tây kết hợp. Trước sau và hai bên của Đền Thánh là các ngôi tháp của các vị Chức-sắc đại Thiên phong như tháp Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh nằm cạnh cửa Chánh Môn. Tháp Giáo Tông ở ngay sau Bát Quái Đài, còn hai bên là tháp vị Đầu Sư Thái Thượng Ngọc. Các kiến trúc tháp âm phần có ngôn ngữ riêng biệt và ý nghĩa sâu xa của nó về mặt tôn giáo. Âm phần này là cõi sống của người chết, các Chức-sắc qui vị này luôn luôn hiện hữu bên cạnh các người còn sống. Các kiến trúc hình tháp đỉnh có lộng kiếng đó, vì thế nó không phải là những nổi tang tóc mà là niềm vinh dự cho chư tín đồ.

Toà Thánh chịu ảnh hưởng ít nhiều kiến trúc Trung Hoa, phương Tây và Ấn Độ. Kiến trúc tuy thể hiện sự du nhập của phương thức kiến trúc và xây dựng nước ngoài, nhưng giá trị truyền thống văn hoá vẫn được bảo tồn và bị địa phương hoá đến nỗi người ta không còn phân biệt đâu là Đông, đâu là Tây.

Mái lợp của Toà Thánh uốn cong nhẹ, mái kép kiểu “trùng thiềm điệp ốc” như các kiến trúc của ta vào đầu thế kỷ 19. Hai lầu trống chuông cao 27 mét như tháp chuông nhà thờ. Ở Đền thờ Phật Mẫu chỉ một tháp, ta thấy rõ ảnh hưởng phương Tây.

Ngay giữa mặt tiền trên nóc có hình Đức Di Lạc thể hiện tính triết lý của Đạo Phật phương Đông. Nhất là các cột dưới bao lơn, tạc hình rồng và hoa sen, tượng trưng Long Hoa Đại Hội. Các tượng hình và hoa văn chuộng nét mềm mại quanh co của các nghệ sĩ dân gian.

Rần 7 đầu (*Thất đầu xà*) ảnh hưởng cấu trúc Đế Thiên Đế Thích (*Angkor Thom, Angkor Vat*). Người được cử đi tham quan Đế Thiên về xây dựng Toà Thánh là Đầu Sư Nguyễn Ngọc Thơ. Những con người Naga này bị địa phương hoá thành thất tinh: Hỉ, Nộ, Ái, Ố, Ai, Lạc, Dục để phù hợp với việc giáo hoá về Đạo pháp cho chúng sanh.

Trên nóc Bát Quái Đài tạc hình 3 vị Thần của Đạo Bà La Môn: Brahma vị Thần sáng thế, Christna (*tức Vishnou*) vị Thần bảo tồn và Shiva vị Thần phá hoại để xây dựng cái mới. Nét đắp vẽ sinh động và vút lên trời cao.

Trên nóc Cửu Trùng Đài là một vòm tròn (*Nghinh Phong Đài*), kiểu kiến trúc Hồi giáo, nhưng bị địa phương hoá, phía trên có tạc hình con long mã (*con thú đầu rồng mình ngựa, khi nó xuất hiện sẽ có Thánh nhân ra đời*). Con Long mã chạy về hướng Tây (*hướng mặt tiền của Toà Thánh*), quay đầu về hướng Đông, mang một ý nghĩa huyền bí về tôn giáo: Đạo xuất tự phương Đông, mang truyền bá ở phương Tây và gốc Đạo vẫn ở phương Đông.

Hai bên sau Toà Thánh còn có hệ thống nhà ngang (*lang*) là Đông lang và Tây lang, tạo nên không gian mở rộng cần thiết cho sinh hoạt Đạo sự và cũng phù hợp

với sinh hoạt của con người vùng nhiệt đới.

Bên cạnh Đền thờ và các ngôi tháp đều có vườn hoa, cây cảnh, bá huê góp phần quan trọng vào ngôn ngữ kiến trúc truyền thống thể hiện quan niệm vũ trụ Á Đông. Tất cả các kiến trúc trong Nội Ô Toà Thánh đều được thiết kế, qui hoạch và thi công có chuẩn định về trình độ mỹ thuật và kỹ thuật đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Ông Henri Regnault trong Hội nghị Thần linh học tại Lausanne, Thụy Sĩ (1948) phát biểu: “*Những vị nào có dự Hội nghị Assise, Haywards Henth, Bruxelles thì đã nhận được cuốn di bút của M.Gobron nói về lịch sử và giáo lý Đạo Cao Đài. Cuốn sách đó có nhiều tranh ảnh. Điều đó cho thấy rằng trong tôn giáo này, nghệ thuật có một địa vị rất quan trọng. Kiến trúc trong và ngoài Toà Thánh là một mỹ thuật đáng được chú ý đặc biệt*”.

CHƯƠNG VI: Ý NGHĨA THỜ THIÊN NHÂN

1. ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ LÀ GÌ?

Tức là Đại ân xá kỳ ba, từ khi có loài người đến giờ.

a) Nhứt kỳ phổ độ: tức nhứt thiết Long Hoa, Thiên khai Tý hội, các vị Thánh nhân sau đây ra đời cứu thế.

- Nhiên Đăng Cổ Phật (*Thích Giáo*)
- Thái Thượng Đạo Tổ (*Đạo Giáo*)
- Văn Tuyên Đế Quân (*Thánh Giáo*) theo Kinh Lễ.

b) Nhị kỳ phổ độ: tức nhị thiết Long Hoa, Thiên khai Sửu hội, các vị sau đây ra đời:

- Thích Ca Mâu Ni (*Thích giáo*)
- Lão Tử (*Lão giáo*)
- Khổng Tử (*Thánh giáo*)

b) Tam kỳ phổ độ tức tam thiết Long Hoa Thiên khai Huynh Đạo hay Dẫn hội.

Ba vị sau đây đại diện cho Tam Giáo:

– Lý Thái Bạch (*Tiên*), – Quan Thánh Đế Quân (*Thánh*) và – Quan Âm Bồ Tát (*Phật*) gọi là Tam Trấn.

2. CAO ĐÀI LÀ GÌ?

Tức tên gọi riêng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đài mà nơi Chí Tôn hằng ngự, cao nhất trong ba đài: Bát Quái Đài, Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài nên gọi là Cao Đài.

Có thi rằng:

*Linh tiêu nhất pháp thị Cao Đài
Đại hội quần Tiên thử ngọc giai
Vạn trượng hào quang tùng thử xuất.
Cổ danh hữu cảnh Lạc Thiên Thai.*

Nghĩa là: Nơi Linh Tiêu Điện có một cái tháp tên gọi Cao Đài quần Tiên thường đến đại hội, hào quang muôn trượng nơi ấy chiếu ra, mà tên cũ là Lạc Thiên Thai.

3. CÁCH XẾP ĐẶT TRÊN THIÊN BÀN

Tân Kinh viết “*Lập vị Thượng Đế thì phải lựa nơi nào cho tinh khiết tốt hơn hết là giữa nhà lập trang thờ cho cao và treo màn cho khuất chỗ thờ phượng*” xếp đặt theo hình chữ chủ (主) là chúa tể 12 phẩm vật tượng trưng cho thập nhị khai thiên.

Thích chữ:

- ① Thiên Nhân,
- ② Đèn Thái cực,
- ③ Trái cây,

- ④ Bông,
- ⑤ Nước trà (*để bên phải ấy là âm*),
- ⑥⑦⑧ 3 ly rượu,
- ⑨ Nước trắng (*để bên trái ấy là dương*)
- ⑩⑫ Hai cây đèn,
- ⑪ Lư hương.

4. Ý NGHĨA THÁNH TƯỢNG THIÊN NHÂN

Người đầu Tiên được dạy thờ Thiên Nhân là Ngài Ngô Minh Chiêu (*từ năm 1921*) mãi đến năm 1925 Chí Tôn mới giải thích cho quý ngài Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư... như sau:

*Nhân thị chủ tâm
Lưỡng quang chủ tế
Quang thị Thần
Thần thị Thiên
Thiên giả, ngã dã*

Nghĩa là: Mặt là chủ cái tâm con người, hai ánh sáng là chúa tế (*vì hướng dẫn mọi sự vật*) mà ánh sáng là Thần, Thần là Trời mà Trời là Ta vậy. Nhớ thờ con mắt trái thuộc dương mà dương là Trời.

Hiện nay hai loại tượng được thờ là tượng Ngũ Chi và tượng Tam Trấn. Thờ tại tư gia như sau:



- TƯỢNG NGŨ CHI xếp đặt như sau
Thiên Nhãn.

Lão Tử
Quan Âm

Thích Ca
Thái Bạch
Giê Su
Khương Thượng
Giáo Tông

Khổng Thánh
Quan Thánh



– TƯỢNG TAM TRẦN (có 3 hàng chữ Hán)

THIÊN NHÂN

QUAN	THÁI	QUAN
ÂM	BẠCH	THÁNH
BỒ	KIM	ĐẾ
TÁT	TINH	QUÂN

a.) **Tam Giáo** là: Thích Ca, Khổng Thánh, Lão Tử.

- **Thích Ca**: tức thái tử Sĩ Đạt Ta, giáo chủ Phật Giáo, Đạo phát sanh ở Ấn Độ. Ngài giảng sanh lối 503 trước Tây Lịch, có vợ có con, xuất gia năm 29 tuổi và đắc Đạo năm 35 tuổi viên tịch tại xứ Câu Thi Na thọ 84 tuổi.
- **Lão Tử**: tức Lý Nhĩ (570–490 TTL) người đồng thời với Khổng Tử, giáo thuyết Ngài nằm trong bộ Đạo Đức Kinh, vì thế mới gọi Ngài là giáo chủ Đạo Giáo.
- **Khổng Tử**: tức Khổng Khâu, hiệu là Trọng Ni sanh năm 551 TTL, châu du khắp các nước trên đất Trung Hoa, sau ngài về dạy 3000 môn đệ chỉ có 72 người xuất sắc, rồi biên soạn Kinh Xuân Thu và san định Kinh Thi.

b) **Ngũ Chi** là: Phật Đạo (*Thích Ca*), Tiên Đạo (*Thái Bạch*), Thánh Đạo (*Giêsu*), Thần Đạo (*Khương Thượng*), Nhơn Đạo (*Giáo Tông*).

Theo hàng dọc có người cho Phật Đạo là:

- **Quan âm**: là một vị Bồ Tát nhiều lần hiện thân trong cõi Ta bà (*trần gian này*) để tận độ chúng sanh, cần Ngài cứu độ thì tụng kinh Cửu Khổ. Trong các lần hiện thân quá khứ Ngài có khi làm

Phật, khi Bồ Tát, Duyên Giác, Thỉnh văn, khi làm Tiên, Thần, làm Quốc Vương, Đại Thần, Trưởng Giả, Tỳ Kheo, Cư Sĩ nghĩa là thiên biến vạn hoá...

- **Quan Thánh:** tức Quan Võ tỵ Vân Trường sanh vào thời Đông Hán dưới triều vua Hoài Đế; người tỉnh Sơn Đông (*Trung Hoa*), Ngài kết nghĩa với Lưu Bị và Trương Phi dựng cờ dẹp giặc Huỳnh Cân. Sau làm trấn thủ Kinh Châu, bị thất thủ, Ngài không hàng nên bị bắt và bị giết ngày 18-2 năm Kiến An thứ 24, thọ 58 tuổi.
- **Lý Bạch:** tự là Thái Bạch (701-762) đại thi sĩ đời Đường (*Trung Hoa*) hiệu là Trường Canh, Lý Trích Tiên, Ngài rất thông minh, lên 5 tuổi đã đọc lục giáp, lên 10 thông hiểu kinh thi, thư và thường xem sách bách gia, lên 15 tuổi thích kiếm thuật. Ngài là người hào hiệp, trọng người, khinh tài, nhẹ phú, thích làm hiệp sĩ.
- **Giêsu:** tức Jésus Christ là giáo chủ Gia Tô giáo sanh vào năm 749 niên hiệu cổ La Mã tại thành Bétnléem trong một máng cỏ. Khi chúa ra đời thì bên phương Đông 3 tu sĩ thấy xuất hiện một vì sao chói sáng nên tiến đến xứ Judée (*Do Thái*) gặp chúa rồi trở về phương Đông nhưng vua Hérodera lệnh tìm giết Ngài, sau Ngài bị đại Giáo Sĩ Caiphe lên án tử hình trên thập tự giá giữa hai tên ăn trộm.
- **Nourn Dinh:** nguyên họ tên là Nour...el...Din... Mahmoud người Hồi giáo sinh năm 1117 làm vua Thổ Nhĩ Kỳ (1146-1173). Một trong những địch thủ đáng kinh sợ của quân Thập tự chinh. Khi chiếm cứ Damas thủ đô nước Syrie (1155) ông đã mở ra

con đường tới Ai Cập. Nhờ đó tướng Saladin chiến cú thủ đô Le Caire (1169).

Bên long vị các Thánh Tử Đạo nam phái nơi Đền Thánh có long vị Nour. Dinh được truy thăng là Thánh Tử Đạo Cao Đài, đại diện cho Hồi giáo trong kỳ ba phổ độ này.

- **Khuờng Thương:** tự Tử Nha, sanh vào khoảng đời Tổ Cảnh nhà Thương (Ngài học Đạo với Đức Ngươn. Thi Thiên Tôn tại núi Côn Lôn hơn 40 năm khi xảy ra Thương Châu dấy động, Ngài hội chư hầu 800 trấn tại sông Mạnh Tân phạt Trụ, rồi treo ấn từ quan về non tu luyện. Tương truyền khi phạt Trụ, Ngài vâng lệnh lập bảng Phong Thần.

② Đền Thái Cực

Đền Thái Cực được Đấng Chí Tôn dạy như vậy: *“Trước khi chưa phân trời đất thì Khí Hư Vô bao quát Càn Khôn, sáng soi đầy trong vũ trụ, nó là một trung tâm điểm tức là Đạo. Đạo ấy mới phát sanh ra Thái Cực, hoá lưỡng nghi, lưỡng nghi là Âm Dương (động với tịnh) có âm dương rồi mới hoá sanh muôn vật.*

“Ngọn đèn các con thờ chính giữa đó là già mượn làm tâm đăng. Phật Tiên truyền Đạo cũng do đó, các con không thành Đạo cũng tại đó, nó ngay chính giữa không lai động xao xuyến chiếu thấu khắp cả Càn Khôn.

“Mặt Nhật, mặt Nguyệt, có lúc sáng lúc tối, chỗ nó thì giờ khắc nào cũng tỏ rạng không lu mờ, như vật nhờ đó mà sanh, nhờ đó mà thành, nhờ đó mà an vui, trời đất nhờ đó mà an ninh trường cửu, người tu hành nhờ đó mà tạo Phật tác Tiên, siêu phàm nhập Thánh, hễ chinh bên tả thì tả đạo, xê qua bên hữu gọi là bàng

môn, ngày chính giữa là chính Đạo.

“Các con nên tường lý ấy trong tâm, tâm an tịnh vô vi bất động là chánh Đạo; tâm còn tính mưu thần chước quỷ độc ác, hiểm sâu ấy là bàng môn tả đạo chớ chi các con”.

– ③ và ④ **Trái và Bông**

Tượng trưng cho bốn mùa, trái cây tượng trưng cho ngũ vị đối với Tiên Thiên Ngũ Khí, còn biểu hiện cho người tu đắc Đạo; bông tượng trưng cho xanh tươi tốt đẹp, chỉ về **Tinh** là hình thể con người. Năm sắc bông tượng trưng cho ngũ hành và tinh hoa trên thế giới tức ngũ châu: Á châu, Âu châu, Mỹ châu, Phi châu, Đại dương châu. Thế nên Cao Đài giáo không phân biệt lãnh thổ chủng tộc vì tất cả là con chung của Thượng Đế.

– ⑤ và ⑨ **nước cúng Âm Dương**

a.) Nước trà: (số 5) để bên hữu ấy là âm. Nước âm là nước trong lòng đất, biển cả, sông rạch, suối nguồn, chúng sanh nhờ nước để uống mà sống.

Nước trà tượng trưng cho **Thần** tức là linh hồn khi cúng rót đúng tám phân, chỉ bát hồn vận chuyển nơi Bát Cảnh Cung của đức Phật Mẫu.

b.) Nước trắng: (số 9) để bên tả ấy là dương. Nước dương là nước trên trời sa xuống, tinh khiết do đấng Thượng Đế ban cho, nếu nguồn nước âm cạn phải cần nước dương chan rưới. Trời Đất tương hoà, âm dương tương hiệp loài người mới thịnh vượng vững bền.

Nhớ nước trắng không được nấu, nếu nấu sôi thì hết dương, tuyệt cơ sanh hoá.

– ⑥, ⑦, ⑧ **là ba ly rượu**

Rượu tượng trưng cho **Khí**, tức Hư Vô Chi Khí. Ba ly rượu tượng trưng cho 3 cõi: Hạ Giới, Trung Giới và Thượng Giới, rượu trong ly chỉ rót 3 phần tượng trưng cho bậc tu hành: Hạ Thừa, Trung Thừa và Thượng Thừa. và 3 hạng người là Hạ Lưu, Trung Lưu và Thượng Lưu. Khí là trí não tương hợp với Tinh và Thần gọi chung là Tam Bửu: Tinh, Khí, Thần để cúng hàng ngày biểu hiệu cho cơ hiệp nhất. Có vậy con người mới mong tu hành đắc Đạo đặng.

– ⑩ và ⑫ là hai cây đèn.

Gọi là Lưỡng Nghi quang, tượng trưng cho ánh sáng Nhật Nguyệt soi khắp Càn Khôn vũ trụ, cũng soi thấu lòng chư môn đệ, quét sạch tà tâm để hướng về Thái Cực.

– ⑪ là lư hương:

Năm cây hương tượng trưng cho “tam thiên (3) lưỡng địa (2) bao gồm cả âm dương tức $3 \times 3 = 9$ là Thái Dương và $3 \times 2 = 6$ là Thái Âm, chín lễ thuộc dương, sáu chẵn thuộc âm bên phải. Khi dâng lễ phải đốt đủ năm cây hương, tức đủ âm dương thay Càn Khôn.

Khi thắp 3 cây nhang hàng trong gọi là án tam tài với ý nghĩa.

- **Vũ trụ có tam tài là:** Thiên (Trời), Địa (đất), Nhơn (người).
- **Trời có tam gương là:** Thượng, Trung, Hạ Gương hoặc Nhật, Nguyệt, Tinh.
- **Đất có tam báu là:** Thủy, Hỏa, Phong
- **Người có tam bửu là:** Tinh, Khí, Thần.

Năm cây hương còn tượng trưng cho năm bậc tiến hoá của người tu hành

- **Giới hương:** Người giữ 5 giới cấm, không chê kẻ khác, không hung dữ, không giận, không tham...
- **Định hương:** người tu thiền, giữ lòng tự nhiên không phiền lụy vì thiện ác ở đời, tâm chẳng loạn động, thiền định.
- **Huệ hương:** Người đặc trí huệ, không chạy theo danh lợi, không sa vào thất tình, tâm sáng suốt phân biệt thiện ác.
- **Giải thoát hương:** Người được giải thoát không nghe theo bọn tà thuật, chăm lo hành thiện.
- **Tri kiến hương:** Người tự biết mình, tâm tự tại, thấy bản tánh Như Lai của mình, Đền bặt Bát nhã tam muội (*chánh thọ*).

Ngũ hương còn gọi là ngũ phần pháp thân hương. Năm sự thân lành hiệp lại làm cái pháp thân. Ngũ hương còn là năm thứ hương thơm để dâng lễ: đàn hương, trầm hương, đình hương, uất kim hương, long não hương.

5. CÁCH HIẾN LỄ

Cách hiến lễ tức việc cúng kiến Đấng Chí Tôn và các Đấng, mỗi ngày cúng 4 lần gọi là tứ thời.

Thời Tý từ 23 giờ (*đêm*) đến 01 giờ (*khuya*)

Thời Ngọ từ 11 giờ trưa đến 13 giờ (*chiều*)

Thời Dậu từ 17 giờ (*tối*) đến 19 (*tối*)

Thời Mẹo từ 05 (*sáng*) đến 07 (*sáng*).

6. TẠI SAO PHẢI CÚNG TỨ THỜI?

- **Thời Tý:** Thời cực âm sanh dương, là thời Ngươn Khí của Đức Chí Tôn phát khởi do nhứt điểm

sanh dương chi khí, vận chuyển Càn Khôn hoá sanh vạn loại nên dạy Dâng Rượu. Nên hiến lễ giờ nầy cho khí phách người được mạnh mẽ, trí óc sáng suốt.

- **Thời Ngọ:** Thời Ngươn Khí của Chí Tôn cực thịnh, đầy đủ dương quang soi sáng khắp vũ trụ nên dạy Dâng Rượu. Nên hiến lễ giờ nầy ta hưởng được Khí Sanh Quang của Đức Chí Tôn.
- **Thời Dậu:** Thời Ngươn Thần của Đức Chí Tôn giáng hạ và tịnh dưỡng âm dương giao thời, thủy hoá ký tế, vạn loại yên tĩnh, nên dạy hiến Trà, ta hiến lễ giờ nầy để hàm dưỡng Chơn-Thần thanh tịnh.
- **Thời Mẹo:** Thời Ngươn Thần của Chí Tôn phát khởi biến hoá, thủy hoá ký tế vạn loại hữu sanh nên dạy hiến Trà. Nên hiến lễ giờ nầy để hưởng quyền lực của Chí Tôn cho Chơn-Thần con người được kang kiện.

7. TẠI SAO PHẢI LẠY?

Theo Thánh ngôn dạy thì lạy là tỏ bề ngoài (*thể pháp*) lễ kính trong lòng đối với các Đấng Thiêng Liêng (*bí pháp*). Pascal nói: “*Muốn có đức tin phải quỳ xuống mà đọc kinh*”.

Chấp hai tay lạy là sao?

Tả là Nhựt, hữu là Nguyệt vị chi âm dương, âm dương hiệp nhứt, phát khởi Càn Khôn, sanh sanh hoá tức là Đạo. bắt ấn tí là kết thành quả, xoè là kết thành hoa (*bông*).

Bắt ấn tý: là ngón cái của bàn tay trái chỉ vào góc ngón tay áp út, bàn tay phải bao ngoài, ngón cái của

bàn tay phải chỉ vào góc ngón trỏ tay trái (*dần*), ám chỉ sự chú tâm kính Trời, tức “*Thiên khai ư Tý, nhưn sanh ư Dần*”.

Nếu tâm nguyên thì:

- Khi Lão Tử dạy Đạo Tiên, bảo chấp hai tay kiết nhị như bông sen búp, khi lạy thì xè ra, hai tay úp xuống đất cúi đầu lạy ba lạy gọi là khế thủ.
- Khi Thích Ca dạy Đạo thì dạy chấp tay hiệp chưởng hoa khai nghĩa là khi lạy thì ngửa hai bàn tay ra để xuống đất mà cúi đầu, gọi là hoà nam.
- Khi Khổng Tử dạy Đạo Thánh thì cung tay đến mày mà lạy gọi là phủ phục.

Còn nay Cao Đài giáo chấp tay thành quả sen, hai tay là âm dương tức Lưỡng Nghi, khi lạy bàn tay úp xuống, hai ngón tay cái gát lên nhau biến sanh Tứ Tượng, tám ngón còn lại là chỉ Bát Quái, Bát Quái biến sanh Càn Khôn vũ trụ. Thế nên Tam Kỳ Phổ Độ là độ rỗi hết cả 92 ức Nguyên-Nhân về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống chẳng bỏ sót một ai.

Lạy Tiên, Phật chín lạy là sao?

Là lạy Đấng Cửu Thiên Khai Hoá, còn lạy Thầy 12 lạy là Thập Nhị Khai Thiên là Thầy, chúa tể cả Càn Khôn thế giới nắm trọn Thập Nhị Thời Thần trong tay.

Mỗi lạy phải niệm câu chú của Thầy (*trừ những bài kinh có câu niệm riêng*): **Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.**

- **Nam Mô** (*Namah*): là qui y, qui mạng, quyết chí dâng theo.
- **Cao Đài**: thuộc Nho giáo vì có câu: “*Đầu thượng viết Cao Đài*”.

- **Tiên Ông:** là ông Tiên thuộc Lão Giáo.
- **Đại Bồ Tát Ma Ha Tát:** là vị Bồ Tát lớn, thuộc Thích giáo.

Câu niệm này đã chỉ rõ sự qui nguyên Tam Giáo.

8. TẠI SAO MẶC ĐỒ TRẮNG?

Vì Cao Đài là một tôn giáo tổng hợp mà màu trắng là tổng hợp của 7 màu: đỏ, cam, vàng, xanh, lam, chàm, tím. Trong Thích giáo chí tâm kinh có câu: “*Thổ khí thành hồng nhi nhứt trụ xanh thiên*” hà hơi thành mống (7 màu) làm trụ chống vững cõi trời.

Màu trắng nhắc nhở mọi tín đồ luôn luôn phải trau sửa tâm tánh cho thanh khiết và trong trắng.

Riêng các Chức-sắc Cửu Trùng Đài thì mặc Thiên phục màu tam giáo: vàng (*Thích giáo*), xanh (*Lão giáo*), đỏ (*Thánh giáo*).

CHƯƠNG VII: NGÔI THỜ ĐỨC CHÍ TÔN

Trong Tòa Thánh trên Cung Đạo có Bát Quái Đài xây thành 12 bậc, tượng trưng cho Thập Nhị Khai Thiên. Từ lúc giáng trần, Đức Chí Tôn ngự tại Tòa Thánh. Nếu có nơi nào nói là Ngài giáng, đó chỉ là phân tánh của Ngài do lời cầu khẩn của nhơn sanh mà thôi.

Trên mặt Bát Quái có vẽ các quẻ và tạo quẻ Càn Khôn tượng trưng cho sự thống nhất các tôn giáo trên hoàn vũ (*van thù qui nhứt bổn*), ở giữa quả Càn Khôn vẽ Thiên-Nhãn (*con mắt trái mở rộng*).

Đức Chí Tôn dạy việc thờ Ngài như sau:

“Một quả Càn Khôn như trái đất tròn quay. Bề kính tâm (đường kính) 3,33 mét, sơn màu xanh da trời. Cung Bắc Đẩu và tinh tú vẽ lên quả Càn Khôn, Thầy kể Tam Thập Lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu ở không không trên không khí, còn Thất Thập Nhị Địa, Tam Thiên Thế Giới đều là tinh tú (hành tinh). Tính lại 3072 ngôi sao, liệu vẽ trên đó cho đủ, trên sao Bắc Đẩu vẽ con Mắt Thầy. Đáng lẽ quả Càn Khôn phải bằng pha lê, đúc bên trong một ngọn đèn thường sáng. Ấy là lời cầu nguyện rất quý báu cho cả nhơn loại”. (Đàn cơ đêm 17-6-1926)

Xem thế, quả Càn Khôn không chỉ là trái đất mà gồm cả Thiên cầu (*Quả Càn Khôn chỉ tạc thờ tại Tòa Thánh, còn các Thánh Thất thờ Thiên Nhãn*). Các tinh tú nói trên xa gần khác nhau nhưng trong đêm mắt ta thấy như ghi trên một hình cầu màu xanh rất lớn (*Do hiệu quả của phép phối cảnh*), đó là Thiên cầu, vì người ở nước VN (*gần địa xích Đạo*) nên thấy sao Bắc

Đầu nằm ngang trên đường chân trời (*tức ngang tâm mắt*) chớ không phải Thiên Nhân vẽ trên địa xích đạo.

Còn ngọn đèn thường sáng đó là giả mượn tâm đấng, Phật Tiên truyền Đạo cũng do đó, nhân loại thành Đạo cũng ở đó. Ngọn đèn Thái Cực để ở ngay chính giữa Thiên cầu, không lay động, không xao xuyến, chiếu soi khắp cả Càn Khôn. Mặt Trời, mặt Trăng có lúc sáng lúc tối (*đối với con người*) chớ đèn Thái Cực, nơi Thầy ngự thì giờ khắc nào cũng tỏ rạng. Như vật từ đó mà sanh, từ đó mà thành, nhờ đó mà an vui. Vũ trụ nhờ đó mà tạo Phật tác Tiên, siêu phàm nhập Thánh. Đó há không phải là lời cầu nguyện rất quý báu cho cả nhơ loại hay sao?

Mặt khác, ngọn đèn cũng biểu trưng nguồn sáng nuôi sống nhơ loại. Đèn tắt là thời kỳ mạt kiếp tới. Khoa học nhận vũ trụ hiện đang ở thời kỳ nở ra (*période de dilatation*). Mọi vật đều giãn ra cùng một nhịp (*Đường dài nào trong vũ trụ cũng nở thêm chừng 0,000.000.01% mỗi năm*). Do đó, các tinh tú ngày càng xa nhau, đến một lúc nào đó điều kiện sống không còn vạn loại sẽ đến thời kỳ mạt kiếp. Cho nên người tín đồ Cao Đài luôn luôn thấp sáng (*sưởi ấm*) trên Thiên Bàn để cầu nguyện cho nhơ loại trường tồn.

TẠI SAO THIÊN NHÂN TƯỢNG TRƯNG CHO THƯỢNG ĐẾ?

Đức Chí Tôn dạy như vậy:

“Chưa phải hỏi các con biết dạng tại sao vẽ Thánh Tượng Con Mắt mà thờ Thầy, song Thầy nói sơ lược:

*Nhãn thị chủ tâm,
Lưỡng quang chủ tế,
Quang thị Thần,*

*Thần thị Thiên
Thiên giả ngã giả”*

Nghĩa là:

*Mắt là chủ cái Tâm
Hai yếng sáng trong mắt là chủ tế,
Yếng sáng là Thần,
Thần là Trời
Trời là TA vậy.*

Đức Chí Tôn lại dạy: “Từ ngày Đạo bế, tu thì nhiều mà người đắc Đạo rất ít vì Thần là cơ mầu nhiệm mà lại bị khiếm. Nay Thầy đến hườn nguyên Tam Bửu cho các con đắc Đạo. Các con hiểu Thần cư tại nhãn thì nên bố trí cho Đạo hữu các con hiểu. Nguồn Tiên Phật yếu nhiệm tại đó”.

Cổ thư có nói: Mắt là nơi chứa Thần. Ngoài con mắt ra không thể chỉ Thần ở đâu cả, nếu không thì Thần người không chỗ nào là không có Thần. Lông tóc không có Thần thì xin nháp mà vàng, răng không Thần thì không sáng bóng, tiếng nói không có Thần thì không thể hài hòa, móng tay chân có Thần mới sáng sủa”. (*Hải Thượng tập Đạo Lưu Dư Vận, Saigon, Khai Trí 1972*).

Như vậy, thờ Thiên Nhân (*tức thờ Thần*) là cách diễn đạt bí pháp muốn đắc Đạo phải có Thần mới hườn nguyên với Đệ Nhị Xác Thân mà nhập cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống.

Đức Chí Tôn đã dạy: “*Con Mắt là gốc ở Tâm*”. Dân Pháp cũng nói “*Con mắt là kiếng soi tâm*” (*L'oeil est miroir du coeur*).

Như vậy, con mắt tượng trưng cho lương tri, lương

tâm (*conscience*). Cả vạn vật hợp lại thành khối đại lương tri, đại lương tâm (*conscience universelle*) tượng bằng Thiên Nhân, nên thờ Thiên Nhân là thờ đức tin của nhân loại.

Trong tứ thời lễ bái lúc nào người tín hữu cũng nhìn thẳng lên Thiên Nhân để soi tâm mình mà kiểm chế tục tánh tội lỗi vì “*Hoàng thiên hữu nhĩ*” (*Trời cao có mắt*).

Trong tam giáo Thích, Lão, Nho đều lấy tâm tánh giáo hóa con người. Tâm tánh có biết được là do “*Lưỡng quang chủ tế*” tức cửa ngõ tâm hồn chủ Đạo. Thế nên:

- **Phật giáo dạy:** *Minh tâm kiến tánh*
- **Lão giáo dạy:** *Tu tâm luyện tánh*
- **Nho giáo dạy:** *Tồn tâm dưỡng tánh*

Trong Kinh Dịch cũng có câu: “*Nhất nhưn chi tâm, tức thiên địa chi tâm, nhân vật chi lý, tức vạn vật chi lý*”. (*Cái tâm của mỗi người là cái tâm của trời đất, cái lý của mỗi người là cái lý của vạn vật*).

Phải nhận rằng Đạo Cao Đài liên quan nhiều với các truyền thuyết và tôn giáo Trung Hoa nhưng không có tham vọng làm y như người phương Bắc mà giản dị nó vừa tầm vóc với mọi sắc dân. Người đệ tử Cao Đài có ước vọng tôn giáo mình sẽ rộng hơn Di Hòa Viên và dài hơn Vạn Lý Trường Thành.

Dưới Bát Quái Đài có cái hầm gọi là Hầm Tàng Bửu Khánh, tượng trưng nơi chứa châu báu để cứu khổ nhưn sanh.

Trên nóc Bát Quái Đài thờ 3 ngôi Thần của Đạo Bà La Môn (*Ấn giáo*) là Brahma, Siva (*Shiva*), Christna (*hay Vishnou*) tượng trưng cho tam thanh: Thái Thanh,

Thượng Thanh và Ngọc Thanh, ba phái trong Đạo Cao Đài. Ba Thần vâng lệnh Đức Thượng Đế điều khiển ba ngươn, công thành quả mãn nên đặc Phật vị.

- Phật Brahma, hướng mặt về phía Tây, điều khiển Thượng Ngươn tức ngươn Thánh Đức.
- Phật Siva hướng mặt về phía Bắc, điều khiển Trung Ngươn tức ngươn tranh đấu như lời cầu khẩn Đức Chí Tôn (*vì Thượng Đế ngự tại ngôi Bắc Đẩu*) tế độ nhơn sanh thoát vòng trầm luân.
- Phật Christna, hướng mặt về phía Nam, điều khiển Hạ Ngươn tức ngươn bảo tồn.

Đức Hộ Pháp có giảng về nhiệm vụ cao trọng của Phật Christna: *“Dầu cho những Chơn-Linh nào chết nơi chân trời hay góc bể đi nữa, nếu đầy đủ công nghiệp tâm đức thì được Phật Christna (Vishnoun) lãnh lệnh Đức Chí Tôn mà rước Chơn-Linh ấy về ngay nơi Bạch Ngọc Kinh”*.

Đức Hộ Pháp giảng thêm: *“Tòa Thánh là hình ảnh của Bạch Ngọc Kinh tại thế, tương quan bí pháp nơi cõi Thiên Liêng”*.

Tóm lại Cao Đài giáo chọn biểu tượng Thiên Nhân để tôn thờ vì lẽ Đấng tối cao vô hình, vô ảnh. Nếu một vị giáo chủ bằng xương bằng thịt là người Tây phương sẽ làm người Đông phương mặc cảm và ngược lại. Thế nên, hình ảnh thi phàm mắt thịt là hàng rào ngăn cách khó có thể thực hiện một tôn giáo đại đồng nhơn loại.

Lẽ đương nhiên, Cao Đài giáo nhất Thần tượng trưng bằng con mắt trái mở rộng. Còn những thể thức bày biện bên ngoài Thiên Nhân chỉ là sự biểu lộ lòng tôn kính đối với hàng giáo lãnh của các tôn giáo, đồng

thời giúp việc truyền Đạo được mau chóng.

Bình tâm mà nhận rằng, không tôn giáo nào chỉ duy nhất một vị Thần mà phải nói là các tôn giáo có một vị Thần độc tôn mà còn không biết bao nhiêu vị Thần khác bao quanh.

Hãy bình tâm nhìn cách thờ phượng chính thống tại Tòa Thánh Tây Ninh. Ta thấy có hai phần rõ rệt: cái nhìn ngang thấy được và cái ngẩng đầu lên mới thấy được.

– Cái ngẩng đầu lên là nơi thờ Thần Thánh Tiên Phật trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ. Những Thần linh đã có sẵn trong nhân dân các nước. Tam Kỳ Phổ Độ tạc tượng thờ là để kính trọng (*Kính nhi viễn chi*) để xác nhận các tôn giáo đều có chung nguồn gốc. Các thức giả chắc thấy được mỹ ý đó.

– Cái nhìn ngang đều thấy được là ngôi thờ các Thần linh của Đạo Cao Đài. Từ Tam Thánh, tam vị thiên sứ, bảy ngài: 1) Giáo Tông, 2) Chưởng Pháp, 3) Đầu Sư tới Thiên Bàn thờ quả Càn Khôn trên có Thiên Nhân đều là Thần linh của Tam Kỳ Phổ Độ.

Thánh thi, Thánh ngôn dạy hợp với trào lưu tiến hóa sau thời Khai-Đạo Cao Đài mới được chấp nhận. Lời của các bậc giáo lãnh phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Đạo Cao Đài được trân trọng.

Thế thì, Đạo Cao Đài là Đạo Cao Đài, có bản sắc riêng của mình. Khi làm lễ, Đức Chí Tôn dạy các đệ tử nhìn ngay vào Thiên Nhân mà không nhìn nơi nào khác. Lời dạy ấy có ai còn dám bảo Đạo Cao Đài đa Thần không?

“Không ai chối cãi rằng Đạo Cao Đài đã làm sống

lại cái quyền hạn tối thiên liêng của con người với những tư tưởng quảng đại và nhân từ. Họ đã đem đến cho dân chúng Đông Dương một sự hấp dẫn mãnh liệt, nên đến năm 1931 họ đã tập hợp trên một triệu tín đồ” (Báo *Progrès Civique* ngày 19-12-1931).

CÀN KHÔN LÀ GÌ?

Quả Càn Khôn không phải chỉ là Trái đất (*Khôn*) mà gồm cả Thiên cầu (*Càn*) trùm lên nhau, biểu tượng âm dương hợp nhứt chi vị Đạo. Vậy Đạo bao gồm cả Âm Dương, mà Âm Dương là Thái Cực, mà Thái Cực là ngôi Đức Cao Đài. Chung qui thờ Quả Càn Khôn là thờ Đức Chí Tôn. Thờ Âm Dương là thờ sự biến dịch của vạn loài. Đó là triết lý cao khiết về mặt tôn giáo và cả khoa học nữa. Bởi lẽ đời người ngắn ngủi, con người chỉ là hiện tượng nhất thời phát sinh do tác động giữa âm dương mà sinh thành. Nguyên tử cũng chỉ do sự hóa hợp điện tử âm và điện tử dương mà sinh thành. Tất cả mọi việc trong vũ trụ đều lấy Càn (*Dương*), Khôn (*Âm*) làm điều kiện cơ bản.

Vậy Càn Khôn là gì? Càn Khôn là Đạo, là Thái Cực, mà “*Đạo sinh nhứt, nhứt vi Thái Cực*” (*Thiệu Tử, Văn Ngữ Lục*).

Lý giải đơn giản:

- Càn là Trời, là vua, là cha, là chồng, là đầu, là cứng, là lãnh Đạo, là vàng, là băng, là thiên thể...
- Khôn là Đất, là nhân dân, là vợ, là mẹ, là thuận tòng, là mềm, là sắc vàng, là vắn, là bụng...

Càn Khôn là âm dương trong Trời Đất. “*Một âm một dương quanh đi quẩn lại cái vòng tròn không đầu*

mối. Nói rằng âm dương là một (Thái Cực) cũng được, mà bảo là âm dương thiên biến vạn hóa vô cùng tận cũng được” (Nhất âm nhất dương nhi hoàn vô đoan. Vị âm dương khước thị thiên biến vạn hóa nhi vô cùng điệp khả) (Hồ Cư Nhân, Dịch Tương Sao, quyển II, tr.8).

Chu Hy trong “Chu Dịch Bản Nghĩa” giải thích cụ thể hơn “Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn rừ áo xiêm mà thiên hạ trị; đó là lấy tượng ở quẻ Càn, quẻ Khôn” (Hoàng Đế, Nghiêu Thuấn thù y thường nhi thiên hạ trị, cái thủ như Càn Khôn).

Trong Dịch Hệ thượng (Chương IV), Chu Tử chú giải về Càn Khôn như vậy: “Đạo dịch chỉ là Âm (Khôn) với Dương (Càn) mà thôi. U uẩn hay rõ ràng, sống hay chết, quỷ cũng như Thần, tất cả đều là biến tướng của âm dương, là cái Đạo của Trời Đất”.

Và ông quả quyết: “Cái Khí (mà khoa học gọi là Éther) bàn bạc khắp trong trời đất để biến hóa tạo lập ra muôn loài, thực ra chỉ là hai khí âm dương trước sau, suy thịnh mà thôi” (Doanh Thiên Địa chi giao, sở dĩ vi tạo hóa giả, âm dương nhị khí chi thủy chung thịnh suy nhi dĩ).

Đức Chí Tôn cũng dạy: “Đạo Thầy không chi lạ, không ngoài hai lẽ âm (Khôn) dương (Càn)”.

Như vậy, hai động lực căn bản tạo thành vũ trụ là âm dương. Nếu dương cực thì âm sinh, âm cực thì dương sinh. Khoa vật lý cũng chứng minh rằng: một nguyên tử có hai yếu tố căn bản là âm điện tử (électron) và dương điện tử (proton) hoạt động nhộn nhịp chứ không im lìm. Nếu nguyên tử chỉ có thuần một âm tử hay dương tử thì nguyên tử ấy chẳng thể nào phóng

xạ sinh hóa được.

Giả dụ, nếu mạch điện bị cắt một dây dương thì không thể nào tạo ra điện năng được. Như thế, âm dương không thể tách rời. Âm dương chỉ là hai trạng thái tịnh động của lý Thái Cực, chu hành trong vũ trụ cùng tác động với nhau để biến hóa vạn vật.

Chung qui “Đạo vốn chỉ một âm một dương mà thôi. Trước sau, đầu cuối, động tịnh, tối sáng, trên dưới, tiến lui, qua lại, đóng mở, đấy với, tiêu trường, tôn ti, quý tiện, biểu lý, ẩn hiện, hướng hội, thuận nghịch, tôn vong, đắc thất, xuất nhập, hành tàng; có cái gì thích hợp mà chẳng phải một âm một dương?” (Trần Thúc Lượng và Lý Tâm Trang, Tổng nguyên học án, quyển III, tr.643).

Vậy “Vật có gốc ngọn, việc có trước sau” và có “Biết được trước sau mới gần được Đạo” (Tiền Mục, Tứ Thư thích nghĩa, tập II, tr.2)

KINH DỊCH GIẢI VỀ CÀN KHÔN RA SAO?

Trong Kinh Dịch phần toán truyện do Đức Khổng Tử viết có đoạn: “Đức nguyên, Càn lớn, vạn vật bắt đầu từ Càn (nảy nở) thống cả thiên Đạo, Càn làm mây mưa khiến cho vạn vật hình thành sinh trưởng. Bậc Thánh Nhân thấy cả trước sau, cả 6 hào của quẻ thuần Càn, mỗi hào có một vị nên thuận thời mà hành Đạo như cưỡi 6 rồng (ám chỉ 6 hào dương của quẻ thuần Càn) mà thống ngự cả vùng Trời. Đạo Càn biến hóa khiến cho bậc Thánh Nhơn đứng đầu muôn vật, theo Đạo Càn thì muôn nước đều bình an” (Đại tai càn nguyên, vạn vật tứ thủy, nãi thống thiên, vạn hành vũ chí phẩm vật lưu hình. Đại minh chung thủy, lục vị thời thành, thời thừa lục long dĩ ngự thiên. Càn Đạo biến hóa, các chánh

tính mệnh, bảo hợp thái hòa nãi lợi trinh, thủ xuất thủ vật, vạn quốc hàm ninh).

Trong Hệ từ truyện, Thiên Thượng, chương 1 có viết “Đạo Càn tạo thành người Nam, Đạo Khôn tạo thành người Nữ” (Càn Đạo thành nam, Khôn Đạo thành nữ).

Câu: “Thời thừa lục long dĩ ngự thiên” như câu: “Thời thừa lục long du hành bất tức” trong bài Ngọc Hoàng Kinh, lại nữa Càn Khôn còn tạo ra con người. Vậy ta xét Đạo Càn Khôn theo Kinh Dịch như sau:

Theo quẻ thuần Càn thì Càn có 4 đức tính: Nguyên (đầu Tiên), Hanh (thông), Lợi (thích đáng), Trinh (chính bền). Trời có đức Nguyên vì là nguồn gốc của vạn vật, có đức Hanh vì làm ra mây mưa để cho vạn vật sinh trưởng, có đức Lợi và Trinh vì biến hóa làm cho mọi vật giữ được bản tính và nguyên khí dạng thái hòa. Càn còn tượng trưng cho người quân tử với 4 đức tính Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí.

Chu Công giải nghĩa 6 hàm của quẻ thuần Càn thành 6 rồng, con vật ngự của Đấng Chí Tôn như sau:

- **Hào đầu:** Rồng còn ẩn náo chưa (đem tài) dùng được (tiềm long vật dụng), tức rồng còn dưới vực sâu chưa lên mây nên chưa biến hóa được. Ý nói: người chưa gặp thời thì nên trau dồi hạnh đức, luyện thêm tài trí, ở ẩn không cần danh, không ai biết mình thì cũng chẳng buồn.
- **Hào hai:** Rồng đã hiện ở cánh đồng, ra mắt đại nhân thì lợi (hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân). Người giúp đời mà không khoe công lao, giữ được lòng thành tín và được trung chánh gặp đại nhân.

thì lợi.

- **Hào ba:** Người quân tử suốt ngày hăng hái tự cường đến tối vẫn còn thận trọng, dù nguy hiểm nhưng không tội lỗi (*quân tử chung nhật, càn càn tịch tịch nhược. Lê vô cửu*) Người quân tử giữ lòng trung tín mà tiến đức lập ngôn, lấy lòng thành lập nên sự nghiệp. Ở địa vị cao mà không tự kiêu, ở địa vị thấp mà không lo lắng.
- **Hào bốn:** Như rồng có khi bay lượn, có khi nằm vục, tùy thời mà không lầm lỗi (*hoặc đợc, tại uyên vô cửu*). Thận trọng tùy thời cơ, nên tiến thì tiến (*như rồng bay*) nếu không thì chờ đợi (*rồng nằm vục*) chuẩn bị cho kịp lúc ra giúp đời.
- **Hào năm:** Rồng bay trên trời ra mắt đại nhân thì lợi (*Phi long tại thiên lợi tiến đại nhân*) mây bay theo rồng, gió bay theo cọp. Ý nói Thánh nhân ra đời người người trông theo.
- **Hào cuối:** Rồng lên cao quá có hối hận (*kháng long hữu hối*). Rồng bay cao quá khó xuống, nếu hành động sẽ xảy ra điều đáng tiếc vì cực thịnh tắc suy nên lui bước để giữ Đạo người quân tử.

Trên đây quẻ Thuận Càn dạy người nam, dưới đây quẻ thuận Khôn dạy người nữ. Thật ra hai quẻ Càn Khôn đều dạy chung con người.

Đạo Khôn có đức đầu tiên và lớn, hanh thông, thích đáng, đức chính và bền của con người cái (*nguyên hanh lợi, tấn mã chi trinh*) vì Văn Vương cho con ngựa cái có tính thuận theo đức như Khôn thuận theo Càn.

Càn tạo ra vạn vật ở cõi vô hình thuộc Khí mà phải nhờ Khôn, vạn vật mới tượng hữu hình rồi sinh trưởng.

Cho nên công của Khôn (*Mẹ*) cũng lớn như công của Càn (*Cha*), chỉ khác là Khôn phải ở sau Càn, tùy theo Càn bổ túc cho Càn. Thế nên, các đức nguyên, hanh lợi, Khôn có đủ như Càn. Riêng về đức trinh thì Khôn hơi khác: tuy chính và bền mà phải thuận.

Chính vì Khôn có đức thuận mà mọi việc khởi xướng đều là Càn. Khôn chỉ tiếp tục công việc của Càn. Người đời nếu ở địa vị Khôn thì phải tùy thuộc theo người trên mà làm không nên khởi xướng mà lầm lỡ. Như thế, Đức Mẹ chở đờng vạn vật cũng lớn sánh bằng Đức Cha.

Cái lý của 6 hào thuận Khôn gần ý như vậy nên không bàn thêm. Thế thì, người xưa “*Thấy trời cao, đất thấp mà lập ra quả Càn Khôn động và tĩnh nhất định nhờ đó mà phân biệt được cương nhu*” (*Thiên tôn, Địa ti, Càn Khôn định hi, động tĩnh hữu thường, cương nhu đoán hi, Hệ Từ Thượng Truyện*).

Tóm lại, “*Đạo Càn lúc tĩnh thì chuyên nhất, lúc động thì tiến thẳng, cho nên sức sinh của nó lớn. Đạo Khôn lúc tĩnh thì nhu lại, lúc động thì mở ra, cho nên sức sinh của nó rộng*” (*Phù Càn kỳ tĩnh dã chuyên, kỳ động dã trực, thi dĩ đại sinh yên. Phù Khôn kỳ tĩnh dã hấp, kỳ động dã tịnh thị dĩ quăng sinh yên. Hệ Từ Thượng Truyện, chương 6*).

Nói cách khác “*Đạo Càn mạnh nhất trong thiên hạ, đức hạnh của Càn là làm việc gì cũng dễ dàng, bình dị mà vẫn biết được chỗ nguy nan. Đạo Khôn nhu thuận nhất trong thiên hạ, đức của nó đơn giản mà vẫn biết được nơi trắc trở*” (*Phù Càn thiên hạ chi chí kiện dã, đức hạnh bằng di, dĩ tri hiểm. Phù Khôn, thiên hạ chi khí*

thuận dã, đức hạnh bằng giản, dĩ tri trở. Hệ Từ Thượng Truyện, chương 12).

Qua lý giải trên ta nhận rằng: Đức Chí Tôn chọn quả Càn Khôn tạo Thiên Nhân làm ngôi thờ thiêng liêng cho toàn Đạo đã nói lên ý tưởng cao xa huyền nhiệm vô biên. Càn Khôn biến đổi vô thường như Dịch lý không ngừng tạo ra vạn loài và “*thống ngự vạn vật*”, hữu thi vô chung.

Xem thế, “*Sự biến dịch của Càn Khôn uẩn ảo quá: Khi Càn Khôn hình thành thì đã có dịch ở trong. Nếu Càn Khôn bị hủy thì không thể có dịch, nếu dịch không thể phát hiện thì Càn Khôn tắc nghì*” (Càn Khôn hủy tắc vô dĩ hiện dịch. Dịch bất khả hiện, tắc Càn Khôn hoặc, cơ hồ hi) (Chu Hy, Chu Dịch Bản Nghĩa, Hệ Từ Thượng, chương XII).

Muốn Càn Khôn (âm dương) không xung khắc phải theo học thuyết Trung Dung của Đức Khổng Tử mà Albert Einstein gọi là “*Thuyết Tương Đối*” là đại biểu cho tính sáng tạo của khoa học hiện đại và cả tính thống nhất (Trương Kỳ Quân, Trung Hoa Ngũ Thiên Niên Sử, quyển II, chương XII, tr.25).

Trong Hệ Từ Thượng, Khổng Tử viết “*Thiên hạ cùng qui về tuy khác đường, một mối mà trăm lo*” và trong Hệ Từ Hạ, Ngài viết: “*Đạo cùng đi mà chẳng chống đối nhau, muôn vật nuôi nhau mà chẳng hại nhau*” (Đạo tịnh hành nhi bất tương bội, vạn vật tịnh dục nhi bất tương hại) (Chu Hy, sđđ, Hệ Từ Hạ)

“*Đạt được trung hòa thì trời đất định vị, muôn vật đều hóa dục... Trung là gì? Trung là cái gốc lớn của thiên hạ. Hòa là gì? Hòa là sự đạt Đạo của thiên hạ*” (Trí

trung hòa, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên... Trung dã giả, thiên hạ chi đại bản dã. Hòa dã giả, thiên hạ chi đạt Đạo dã).

Đạo đó là Đạo Trung Dung mà Đức Khổng Tử cho là không thể phút giây nào rời xa được (*Đạo dã giả, bất khả tu du ly dã*) (*Tiền Mục, Tứ Thư thích nghĩa, tập II, tr:31-36*).

Đạo Trung Dung quan trọng như vậy nên vua Thuấn phải dặn dò ông Vũ: “Lòng người dễ khuynh nguy, lòng mến Đạo lại yếu cho nên phải xét cho tinh một mực mà quyết giữ cho bằng được Trung Dung” (*Nhân tâm duy nguy, Đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung*) (*Couvreur Seraphin, les Annales de la Chine, Paris 1950, tr:39*).

Tóm lại, Đạo Cao Đài mục đích là qui Tam giáo, mà đời Lý Trần gọi là Tam Giáo Đồng Nguyên là Quốc Đạo đã bắt nguồn từ hai luồng tư tưởng lớn trên bán đảo Ấn Trung: Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo mà nhiều người tin tưởng trong tương lai những luồng tư tưởng này có thể dung hợp thành một ý thức hệ kiêm đủ chân thiện mỹ, khả dĩ đem lại được cho Đông phương và toàn thể nhân loại một cuộc sống tinh thần cũng như vật chất đầy đủ, tốt đẹp, luôn luôn khai phóng và hướng thượng.

Sự tin tưởng cũng là một liều thuốc linh nghiệm để đối phó với bệnh tình cấp bách hiện tại của Tây phương. Thúc giả Tây phương đã nhận thấy sự kém cỏi của mình hơn một lần tự hạ mong học hỏi và cầu xin Đông phương giải cứu cho họ. (*Nguyễn Hữu Lương, sđđ, tr:27*)

ĐẠO DỊCH VÀ LÂN MÃ

Vào ngày 15/6/1997, Bảo tàng Vĩnh Long đã “*Phát hiện lân mã ở Vĩnh Long*” trong báo cáo có ghi rõ:

“Theo một số bà lão bà con trong vùng cho rằng cách nay trên dưới 80 năm có cụ Đức Lợi là người chuyên về đúc đồng, có thể cụ là người đúc ra con Lân Mã này, mà thực tế cụ đã đúc ra nhiều con như vậy. Một số khác còn cho biết, hiện nay trong Tòa Thánh Tây Ninh cũng có một con tương tự nhưng đã bị hỏng, sắt mẻ còn lại ở đâu đó trong Thánh địa (?)..

“Lại có một tin nữa cho rằng trong thời kỳ Pháp thuộc trong tỉnh Vĩnh Long có bà Hương Thanh, người có vai vế trong Hội Thánh Cao Đài nên trong Thánh Thất (Vũng Liêm) nơi bà ở có để con Lân Mã này, nên ngày nay có người nhận là chính con Lân Mã hiện nay là con Lân Mã của bà” (Báo cáo Bảo tàng Vĩnh Long, trang 23)

Trong “*Đại Nam Quốc Âm Tự Vị*” của Huỳnh Tịnh Của giải thích về chữ kỳ lân như vậy: “Kỳ thú có nhơn, chính là con đực, lân là con cái... Lân con thú giống sư tử mà hiền lành, người ta gọi là linh vật, đem vào tứ linh là long, lân, qui, phụng. Vua chúa có nhơn đức mới thấy nó”. (Huỳnh Tịnh Của, *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* (tập 1) Sài Gòn 1895, tr.510 và 538)

Trong “*Hán Việt Từ điển*” của Đào Duy Anh giải thích thêm: “Kỳ lân, con thú có tính lành giống con hươu mà lớn hơn, đuôi trâu vút ngựa, không ăn sinh vật nên người ta gọi là nhân thú” (Đào Duy Anh, *Hán Việt Từ điển*, Hà Nội 1992, tr.435-436 và 334-513).

Về con Long Mã ông viết: “Long Mã, ngựa cao

trên 8 thước, người Tàu gọi là Long Mã, con rồng hình dáng ngựa..... Hà Đồ xưa truyền rằng, đời vua Phục Hy trong sông Hoàng Hà có con Long Mã xuất hiện trên lưng nó có vẽ nét từ số 1 đến 10, Phục Hy mới theo đó mà vạch ra ‘Bát Quái’” (Đào Duy Anh, Hán Việt Từ điển, Hà Nội 1992, tr.435-436 và 334-513)

Năm 1919, L. Cadière công bố về “mỹ thuật ở Huế” trong tạp chí Bulletin des Amis du vieux Hue (những người bạn cố đô Huế) giới thiệu về nhiều con Kỳ lân, nếu đem đối chiếu với lân đồng ở Vĩnh Long thì chính là lũ Kỳ lân dùng để đốt trầm, Lân Mã này cao 1,36m dài 1,48m, cân nặng 323 kg. Đó là vật cổ quý hiếm thuộc mỹ thuật thời Nguyễn có niên đại vào khoảng đầu thế kỷ XX (Tạp chí xưa và nay số 88 tháng 3 năm 2001, tr:37-38).

Số là năm 1936 Đức Phạm Hộ Pháp tái xây dựng Tòa Thánh có đến Vũng Liêm xin bà Lâm Hương Thanh tài trợ vì bà rất giàu có nhờ thừa kế của người chồng Pháp là Perrier gốc Thụy Sĩ. Bà không đủ tiền mặt nên đưa châu báu cho Đức Hộ Pháp, Ngài không nhận và nói: “Sau khi Tòa Thánh cất xong phải có lũ lân mã xông trầm”. Vì thế mà bà Hương Thanh mới làm con Lân Mã để tại Thánh Thất Vũng Liêm và một con Lân Mã bằng đồng đen nặng 3 kg để tại đại điện Tòa Thánh.

Năm 1941, Pháp chiếm đóng Tòa Thánh thì con Lân Mã bị thất lạc. Ngày nay Hội Thánh làm con Ngọc Kỳ lân thay thế (Ngọc đây ám chỉ cái quý của đồng đen) để múa trong các dịp lễ:

Về bí pháp của Lân mã ta thấy:

– Cao: 1,36 m là $1+3+6 = 10$ chỉ Hà Đồ: con Rồng

– Dài: 1,48 m là $1+4+8 = 13$ giờ Ngọ chỉ con Ngựa.

– Nặng: 323 kg là $3+2+3 = 8$ chỉ Bát Quái Cao Đài

Nếu đem so Bát Quái Cao Đài với hai Bát Quái trước, ta thấy những nét đặc thù sau:

- Đệ I Bát Quái Phục Hy – Hà Đồ – Long Mã 10 (*cộng từ 1 đến 10*) = 55
- Đệ II Bát Quái Văn Vương – Lạc Thư – Linh Qui 9 (*là 9*) = 45
- Đệ III Bát Quái Cao Đài – Thiên Thư – Lân Mã 8 (*là 8*) = 36

Số 36 là Tam Thập Lục Thiên với không gian bốn chiều 4×9 tầng bằng 36 tầng trời. Theo Dịch lý giảm dần từ 10,9,8 đến 1 (*Thái Cực*) biểu hiện con người xa dần vật chất tiến tới tinh thần.

– Phạm trù Càn Khôn:

Dịch Hệ Từ viết: “*Cương nhu tương dịch, duy biến sở thích*”. Trong Thái Cực, âm dương bên nhau đương nhiên có sự trao đổi lẫn nhau. Âm hút Dương, Dương hút Âm để thể hiện sự quân bình của vũ trụ. Trong Hậu Thiên Bát Quái chẳng hạn, khí Dương của Càn hút khí Khôn Âm để biến thành các quẻ Khảm, Cấn, Chấn, còn khí Âm Khôn đoạt khí Dương Càn để biến thành các quẻ Tốn, Ly, Đoài. Đó là luật nhị khí giao cảm, hóa sinh vạn vật. Mọi việc trên đời đều có cặp mâu thuẫn đối đãi mang tính tất nhiên và phổ biến như Âm Dương.

Bàn về quan niệm vũ trụ, Dịch Hệ Thượng viết: “*Dịch có Thái Cực, Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái*”. Thánh Ngôn của Đạo Cao Đài cũng dạy: “*Thầy phân Thái Cực*

ra *Lưỡng Nghi*, *Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng*, *Tứ Tượng sinh Bát Quái*, *Bát Quái biến hóa vô cùng*” (TNHT quyển II, tr.62). Hai ý trên như định có cùng một gốc.

Trong Dịch Hệ Thượng, Đức Khổng Thánh lưu ý: từ chất co giãn vô hình, Thái Cực chia ra hai Nghi là Âm Dương rồi biến hóa ra Tứ Tượng thành Bát Quái. Bát quái biểu tượng cho vạn vật. Thế thì vũ trụ được hình thành từ vô thỉ đến vô chung, từ vô hình qua hữu hình với quá trình biến hóa đi lên của nó. Quả thật “vũ trụ có những mãnh lực bí mật lớn lao đã hợp nhất lại và vô số hình thể sống động của nó đã đảm bảo sự liên tục cho chúng”.

(Les grands forces mystérieuses de la Nature étaient désormais unifiées. Les innombrables formes vivantes affirmaient leur enchainement) (Réne judre, Les Nouveles Enigmes de l’Univers, Paris 1951, tr.14)

Vì thế, Kinh Dịch mới nói: “*Sinh rồi lại Sinh thì gọi là Dịch*”. Cái gì sinh? Chu Hy lý giải: “*Âm sinh Dương, Dương sinh Âm, sự biến hóa của chúng vô cùng*” (*Âm sinh Dương, Dương sinh Âm, biến hóa vô cùng*) (Chu Hy, *Chủ Dịch Bản nghĩa, Hệ Từ Thượng, Chương V*).

Đức Chí Tôn cũng dạy: “*Đạo Thầy không chi lạ, không ngoài hai lẽ Âm Dương*”. Tất một lời, quan niệm vũ trụ theo phương Đông, trời đất, vạn vật chịu ảnh hưởng của hai yếu tố căn bản là Âm Dương, biến hóa luôn luôn, chảy quanh khắp nơi, khắp chốn một cách vô thường. Đó là Đạo, Đạo vốn không có hình, nhưng ở đâu cũng có Đạo, thiếu Đạo thì không có sự vật nào tồn tại được.

Theo Soothill: “*Trong vũ trụ đều là Âm hay Dương*.”

Trời, ánh sáng, khí nóng, đàn ông, cha, sức mạnh, sự sống là dương – Đất, bóng tối, hơi lạnh, đàn bà, mẹ, sức yếu, sự chết là Âm” (Tout est Yin ou Yang dans la Nature. Le Ciel, la lumière, la chaleur, l’homme, le père, la force, la vie Yng. La Teere l’obscurté, le froid, la faiblesse, la mort sont Yin) (W.E.Soothill, Les rois religions de la Chine. Paris 1946, tr.161).

Âm Dương là Thái Cực là Đạo vì “nhất âm nhất dương chi vị Đạo”. Trước Thái Cực còn có khoảng trống không gọi là Vô Cực. Thánh Ngôn dạy: “Khí Hư Vô sinh một Thủy, Thủy là Thái Cực, Thái Cực phân cực Âm Dương, Âm Dương sinh Ngũ Hành mà tạo thành vạn vật”.

Châu Liêm Khê viết trong Thái Cực Đồ thuyết như sau: “Vô Cực mà là Thái Cực. Thái Cực động thì sinh Dương, động cực thì tĩnh, tĩnh thì sinh Âm, tĩnh cực lại động, một động một tĩnh cùng làm căn bản cho nhau. Rồi khi đã phân chia ra Âm Dương thì Lương Nghi thành lập. Đến lúc Dương biến, Âm hợp, thì Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, Thổ sinh ra. Năm khí đó nếu được xếp đặt thuận lợi thì bốn mùa sẽ vận hành đều đặn.

Ngũ hành nếu hợp nhất thì thành Âm Dương. Âm và Dương nếu hợp nhất thì thành Thái Cực. Thái Cực có gốc Vô Cực. Ngũ Hành sinh hóa đều có tính chất duy nhất. Cái chân không của Vô Cực, cái tính chất của Âm Dương và Ngũ Hành, tất cả phối hợp một cách kỳ diệu và kết tụ lại với nhau. Thế rồi, Đạo Càn làm thành trai, Đạo Khôn làm thành gái, hai khí giao cảm mà sinh ra muôn vật, muôn vật sinh rồi lại sinh, sinh sinh mãi mãi và biến hóa vô cùng”. (Trần Thúc Lượng, Lý Tâm Trang, Tống Nguyên học án, tập I, quyển 9, tr.131)

Thật vậy, “Trong lịch sử có lẽ không có gì chính xác hơn việc biến dịch. Vật đổi thay. Người đổi thay. Đất đổi thay. Phong tục, quan niệm đổi thay” và tôn giáo cũng đổi thay cho phù hợp với sự tiến hóa của nhân loại.

(Perhaps nothing is more certain in history than change. Animals change. Men change. The Earth changes. Customs, opinions ideas change) (Platt N. and Drummond M.J. *Our world through the ages*, New York 1959, tr.6).

Về nhân sinh quan, sự hình thành con người cũng do sự giao thoa của Âm Dương mà hóa thành, nên trong mỗi con người đều có gen Âm Dương.

Chu Hy quả quyết rằng: “Người người đều có một Thái Cực, vật vật đều có một Thái Cực” (Nhân nhân các hữu nhất Thái Cực, vật vật các hữu nhất Thái Cực) (Chu Hy, Ngũ loại).

Chu Hy còn viết thêm: “Thái Cực tự nó bao gồm cái lý động tịnh, chứ không thể lấy trạng thái động tịnh mà phân thể dụng. Bởi vì tịnh là thể của Thái Cực, còn động là dụng của Thái Cực” (Trần Thúc Lượng, Lý Tâm Trang, Tổng Nguyên học án, tập II quyển 44, tr.505).

Nếu ta coi động tịnh là hai trường hợp khác nhau của Thái Cực thì “Âm Dương chỉ là một khí. Khí âm lưu hành tức là khí dương, khí dương ngưng tụ tức là khí âm. Thực chẳng có chuyện hai vật chống đối nhau bao giờ” (Hồ Cư Nhân, Dịch Tượng Sao, quyển 1, tr.2)

Thật vậy, luật “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu” của âm dương trong Kinh Dịch rất tâm đắc. Theo G.Lakhousky trong thuyết “*Dao động tế bào*” (*Oscillation cellulaire*), mỗi vật đều phát ra một luồng sóng đặc biệt:

có cảm mới có ứng, có tương đồng mới có thể giao cảm. Đó là nguồn gốc cơ bút và cách trị bệnh bằng nhân điện trong Đạo Cao Đài buổi đầu.

Cặp Âm Dương giống như cặp Ác Thiện, tuy thấy như mâu thuẫn nhưng chẳng bao giờ rời nhau. Khi ta gọi là Dương vì phần Dương lấn phần Âm. Khi ta gọi là Âm vì phần Âm lấn phần Dương. Thế nên, ta khó tìm được thuần âm hay thuần dương cũng như thuần thiện hay thuần ác. Không có người tốt nào không mang trong mình một tật xấu. Thế nên người ta phải biết vượt lên trên Thiện Ác, thị phi mới thanh thoát. Nếu còn bị ràng buộc trong giả tướng của hiện tượng giới thì chưa có thể giác ngộ vào cõi Phật. Nên nhớ “*Những kẻ đại gian ác là những kẻ đại Thánh thiện*” (*Les grands pécheurs seront de grands Saint*).

Madeleine trước khi thành Thánh là người đàn bà sa đọa, Thánh Augustin thuở nhỏ cũng là một kẻ nhiều lầm lỗi, còn Thập Bát La Hán nguyên là những kẻ trộm cướp giết người. Trong “*Con đường Thiêng Liêng Hằng Sống*”, Đức Hộ Pháp xác nhận “*Quý Vương là phần trước của Thượng Đế*” (*Satan est la doublure de Dieu*)

Xem thế, Thần hay Quỷ ở tại bản thân của mỗi chúng ta. Hồ Cư Nhân cũng nói: “*Thần của mộc, hỏa sinh vật ở hướng Đông Nam. Quỷ của kim, thủy diệt vật ở hướng Tây Bắc*”.

Nói một cách khác “*U uẩn hay rõ ràng, sống hay chết, Quỷ cũng như Thần, tất cả đều là biến tướng của âm dương. Như thế, Quỷ Thần không xa ta, Thiên đàng hay Địa ngục đều nằm trong tâm của mọi người. Tránh*

hạng người “*Thân Công Báo*”, kẻ mở cửa ma giới trần gian đó. Họ gây xáo trộn trong mỗi con người: hữu vi (*xác*), vô vi (*hồn*) lia nhau, Đạo Đồi không còn tương đắc, Âm (*xác*) Dương (*hồn*) rời rã...

Hãy nghe Pháp Chánh Truyền giải thích về Đạo Đồi tương đắc. “*Hội Thánh có hai phần tại thế. Phần hữu hình là Cửu Trùng Đài tức là Đồi, nghĩa là xác, một phần bán hữu hình là Hiệp Thiên Đài, là Chơn-Thần, nghĩa là nửa Đồi nửa Đạo, còn phần vô vi là Bát Quái Đài tức là hồn, ấy là Đạo*”.

Rõ ràng PCT phân giải Đạo là Bát Quái Đài, còn Cửu Trùng Đài là Đồi (*nhân sanh của Đạo*), chớ không phải Đồi là chỉ người ngoại Đạo. Chẳng hạn Thế Đạo là Đồi của Đạo, chỉ những người Đạo còn sống lẫn lộn với Đồi.

Đọc tiếp PCT ta sẽ thấy rõ hơn: “*Thầy là Chúa tể của sự vô vi, ắt Bát Quái Đài thì Thầy là Chủ, mà chủ Bát Quái Đài là chủ của Hồn Đạo. Hồn hiệp với xác bởi Chơn-Thần. Ấy vậy, Chơn-Thần là trung gian của Hồn và Xác. Xác nhờ Hồn mà nên, thì Cửu Trùng Đài cũng nhờ Hiệp Thiên Đài mới mong đạt Đạo*”, nói cách khác “*nếu muốn cho sự vô vi (Đạo) và sự hữu hình (Đồi) đặng tương đắc thì cả hai ông chúa (Đạo, Đồi) phải liên hiệp với nhau*”. (Chu Hy, *Dịch Hệ Thượng*, chương IV)

Xem thế, Đạo Đồi tương đắc rõ ràng là chỉ cách luyện Đạo. Thế mà người sau xa rời kinh sách lại hiểu méo mó là người Đạo và quyền đòi phải tương đắc! Sự lầm lẫn đó phải trả giá của nó khá cao! “*Sự ngạc nhiên của chúng ta quá lớn khi chúng ta thấy điều mê tín kém nhất lại là một điều phổ biến rất lâu dài*”. (... la

superstition la plus basse a été, pendant si longtemps, un fait universel) (André Ruffaf, *La superstition à travers les ages*. Paris 1952, tr:211)

Chúng ta phải làm như thế nào như Lord Acton nói: “Tôn giáo là cái chìa khóa của lịch sử”. (*La religion est la clé de l’histoire*) (Christopher Dawson, *La religion et la formation de la civilisation Occidentale*, Paris 1953, tr:9).

Bởi lẽ, “nếu không có tôn giáo thì lịch sử hẳn hoang lương tiêu điều, cuộc đời hẳn cũng giảm sinh thú. Ngoài tính chất thẩm mỹ, tôn giáo còn có một ảnh hưởng quan trọng đối với nền văn minh nhân loại” (Nguyễn Hữu Lương, sđđ, tr:58. xem “Lý giải Quả Càn Khôn” cùng người viết.)

CHƯƠNG VIII: VÍA ĐỨC CHÍ TÔN

Tại sao chọn ngày mùng 9 tháng giêng làm lễ vía Đức Chí Tôn?

Theo tục lệ, mùng 7 hạ nêu để chấm dứt Tết Nguyên Đán thì nhân sanh mở ngay ngày Tết Khai hạ. Theo Dịch lý, ngày mùng 7 ứng vào con ngựa trong Thập Nhị Chi, ngày mùng 8 ứng vào lúa, ngày mùng 9 ứng vào Trời. Cho nên lấy ngày đó làm lễ Vía Đức Chí Tôn. Mặt khác, số 9 là số thái dương, số 8 là số của thiếu âm, số 7 là số của thiếu dương và số 6 là số của thái âm.

Theo thứ tự trong Tứ tượng thì thái dương là ngôi số 1, lấy 1 trừ 10 còn 9 dùng làm số đặc biệt của Thái dương, tức Trời vậy.

Thờ quả Càn Khôn là thờ Cửu Thiên Khai Hóa vì Càn 3 hào, Khôn 6 hào cộng lại là 9. Vả lại, quẻ Khôn chống lên quẻ Càn thành quẻ Thái có nghĩa là thông suốt. Quẻ Thái làm chủ tháng Giêng. Kết hợp lại, mùng 9 tháng Giêng là Vía Trời.

Thêm vào đó, trong Kinh Dịch gọi số $9 = 3 \times 3$ là số Tham Thiên hằng số.

Nhà toán học Pythagore cũng nói: *“Chín là số hoàn hảo, là bình phương của ba, tam hợp hài hòa trọn vẹn”*. (*Neuf est le nombre parfait en tant que carré le trois qu'est le trinité de l'harmonie complète*).

Vả lại, các ngày hội lễ trong năm này sanh từ nền văn minh nông nghiệp. Mùa Xuân tháng Giêng lễ Cha, tức Vía Đức Chí Tôn, mùa Thu, tháng 8 lễ Mẹ tức Vía Đức Phật Mẫu. Các ngày lễ này, các Chức-sắc phải về triều lễ tại Tòa Thánh.

Ngoài nghi lễ tôn nghiêm, Hội Thánh còn cho tổ chức các cuộc vui như dựng cột bông, lửa trại, thai đố, ngâm thơ... vừa nâng cao đời sống tâm linh, vừa buông thả tình cảm để thư giãn. Thế nên lễ Vía xen lẫn cái huyền nhiệm và cái thực tế, cái chính thống tôn giáo và cái buông thả của nhân gian.

Trong ba ngày lễ Vía Đức Chí Tôn, trừ ngày mừng 9 chánh lễ còn các ngày khác là lễ tạ ơn. Tổ Tiên hoặc tổ chức các cuộc vui, trong đó Văn Minh Điện thu hút nhiều người nhất.

Trong nắng xuân ấm áp, Hội Thánh cho dựng một cái đài lục giác giữa Đại đồng xã, gồm tầng trệt và tầng cao để mọi người đứng xa đều thấy rõ người điều hành. Ban tổ chức gồm một trưởng ban cầm cái mõ (*thường là Phối Sư Thái Đến Thanh*). Một ban cổ nhạc trần thiết ở tầng trên giữa căn nhà lục giác. Phía trước Văn Minh Điện có một cái cầu thang duy nhất lên và xuống, phía bên trên có đề 3 chữ: Văn Minh Điện, tức nhà văn minh về Đạo đức, văn học, mỹ thuật...

Các cuộc vui gồm: Thai đố, thi thơ, hát vè, ngâm thơ. Ai trúng thì được thưởng kinh sách có giá trị.

Văn Minh Điện bắt nguồn từ hai câu thơ giáng cho của bà Đoàn Thị Điểm được sửa từ và rút ra trong truyện “*Chinh Phụ Ngâm*” như sau:

*Chín tầng ngói báu trao tay,
Nửa đêm truyền lệnh định ngày xuống ngai.*

Xuất nhứt nhơn (*một người*). Rõ ràng đây là câu đố. Mãi đến cách mạng tháng tám năm 1945, Bảo Đại xuống ngói, người ta mới biết nhứt nhơn đó là Vĩnh Thụy. Từ đó, thú chơi thai đố ngày càng thịnh hành. Cái

vui của Văn Minh Điện là những câu thai đố được lý, hò, ngâm, diễn, đọc với điệu bộ dễ cười của các diễn viên nghiệp dư. Chính nhờ điệu bộ đó, người xem đoán được phần nào nội dung câu đố.

Một diễn viên đọc với điệu bộ câu này:

*Cất mình qua ngọn tường hoa,
Lân đường theo bóng trăng tà về Tây.*

Xuất nhứt điếu (một con chim), âm điệu thơ Kiều mà lại là câu đố hóa búa. Một tín hữu mặc áo dài trắng giơ tay xin giải đáp. Trưởng ban cuộc thi mời anh lên thang gác. Anh nọ đứng lưng chừng cầu thang đáp: Con chim cút. Viên giám khảo giơ cao tay đánh vào mõ cái cốc. Mọi người đều biết sai, cười ồ lên. Anh nọ bẽn lẽn xuống cầu thang. Nếu ai đáp đúng mõ được đánh một hồi. Ban nhạc tiếp thanh âm hòa tấu một bài để tuyên dương người đáp đúng. Một thiếu nữ giơ tay trả lời là con quạ vàng. Ban giám khảo yêu cầu giải thích. Cô gái đáp: “*Lân đường theo bóng trăng tà về Tây*” thì chỉ có mặt trời mà mặt trời là Kim Ô. Ban ngày đôi khi có mặt trăng nhưng do ánh sáng của mặt trời làm ta không thấy trăng. Một hồi mõ dài được gõ lên. Ban nhạc hòa tấu khúc “*Trạng nguyên hành lộ*”. Cô gái được thưởng một chồng kinh sách với những tràng pháo tay vang dậy.

Kế đến là cuộc thi ngâm thơ, thí sinh có thể lấy thơ trong “*Thi văn hiệp tuyển*” hay tự biên tự diễn.

Một nhà thơ trẻ với giọng ngâm ngọt ngào truyền cảm hòa lẫn tiếng đàn cò, tiếng tiêu, diu dặt như bay bổng giữa tầng không:

VỊNH TÒA THÁNH

*Tòa Thánh vút cao đứng giữa trời
Ánh vàng tỏa rộng khắp nơi.
Hiệp Thiên vang tiếng Lô Âm Cổ.
Bát Quái lặng thình Bạch Ngọc ngồi.
Cung Đạo thiêng liêng miền thượng giới.
Cửu Trùng dung tục cõi người đời.
Thoáng nhìn trụ phước, bỏ đề cội.
Tòa Thánh vút cao đứng giữa trời.*

Trên đây chỉ là những trích đoạn về thai đố, thi thơ để người đọc hiểu phần nào thú vui tao nhã nhân ngày Vía Đức Chí Tôn, vừa phù hợp với truyền thống lễ nghi huyền nhiệm, vừa tác động cuộc vui chơi dân Đạo, thích đáng với quan niệm cổ truyền “*Trời Người hiệp nhất*”. Tiếc thay, Văn Minh Điện không vĩnh tồn với thời gian.

Tất một lời, ngày Vía Đức Chí Tôn là ngày hạnh phúc lớn của đại gia đình nhà Đạo, không phân biệt sang hèn, màu Đạo sắc tộc, mọi tín hữu khắp mọi nơi trên mọi nẻo đường hướng về Tòa Thánh mừng lễ Đấng Cha Lành.

Người Đạo Cao Đài luôn luôn tâm niệm và thực hành lời Đức Đại Từ Phụ dạy: *Tất cả nhơn loại là con một Cha. Tất cả mọi tôn giáo có cùng một gốc*. Thế nên người tín hữu Cao Đài không thấy ngại ngùng khi vào lễ trong một chùa Phật hoặc nhà thờ Thiên Chúa hoặc đền thờ Hồi giáo. Bởi lẽ, người tín hữu Cao Đài biết rằng các Đấng giáo chủ ấy đều do Đức Chí Tôn phân tánh giáng sanh nên chịu dưới quyền điều khiển của Ngài.

Người tín đồ nào cũng thuộc lòng câu: “*Cùng nhau*

một Đạo tức một Cha”. Thế nên, họ không kỳ thị tôn giáo và không kỳ thị chủng tộc, coi tất cả mọi sắc tộc trên thế giới dù khác màu da sắc tóc, ngôn ngữ hoặc chánh kiến đều cùng chung huyết mạch.

Khi nói Đức Cao Thượng Phẩm là người linh Hớn Chung Ly hay Thanh Sơn Đạo Sĩ là người linh của Hồng Y Richelieu là xác nhận Đạo Cao Đài tin có luật chuyển luân. Ngày trước là người Trung Hoa, ngày nay đầu kiếp làm người VN hay ngược lại. Điều ấy nói lên mọi sắc dân, trước mặt Đức Chí Tôn đều là con cái, là đồng chủng. Nếu tiền kiếp là người Ấn Độ thì theo Đạo Phật hoặc người Tàu sao tránh khỏi theo Đạo Lão hay Đạo Nho. Vậy ta đã từng là môn đệ của các vị đó trước kia, nay tôn vinh các vị đó làm thầy là lý đương nhiên.

Với tinh thần ấy, người tín hữu Cao Đài lúc nào cũng tôn kính các tôn giáo khác và đặt các vị giáo chủ ngang hàng nhau, không có sự đặt biệt trọng khinh nào.

Thế thì tôn thờ Đức Chí Tôn là tôn thờ đức tin của hơn loại.

LỄ VÍA ĐỨC CHÍ TÔN

Lễ Vía Đức Chí Tôn lúc 0 giờ ngày mùng 9 tháng Giêng âm lịch hàng năm. Đây là buổi lễ trang nghiêm nhất, tất cả mọi sinh hoạt đều im lặng nhường cho tiếng trống tiếng chuông và lời cầu kinh.

Sau khi Lôi Âm Cổ (trống) dứt hai hồi, vị Tả Phan Quân cầm phướn Thượng Sanh hướng dẫn các phẩm Lễ Sanh, Giáo Thiện nam nữ lên lan can lầu Đền Thánh, nam tả nữ hữu (trong bửu điện nhìn ra), đồng thời cho 6 vị Lễ Sanh và 6 vị Giáo Thiện nam nữ vào

hầu Bát Quái Đài.

Khởi Bạch Ngọc Chung (*chuông*), vị Hộ Đàn Pháp Quân cầm cờ Tam Thanh (*cờ Đạo*) và vị Hữu Phan Quân cầm phướn Thượng Phẩm hướng dẫn chú Chúc-sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Phước Thiện vào Đền Thánh (*hoán đàn*). Hai bên Chúc việc, Đạo hữu nam nữ cũng đi vào hoán đàn. Đoạn phân ban nam nữ. Đồng thời 3 vị Chánh Phối Sư và Nữ Chánh Phối Sư vào Nội Nghi. Một vị Phối Sư ở Ngoại Nghi.

Tiếp Lễ Nhạc Quân lên giảng đài nữ cầm hiệu. Một vị Giáo sư phái Ngọc lên giảng đài nam xướng lễ:

Dứt chuông, Hộ Đàn Pháp Quân ra cờ lệnh nhập đàn.

Vị Giáo sư phái Ngọc xướng

1. Nội Nghi, Ngoại Nghi tựu vị
 2. Thiên phong dĩ hạ các tứ kỳ vị.
 3. Nhạc tấu quân thiên: nhạc đờn 7 bài.
- **Xàng xê:** nghĩa là đưa qua trộn lại, biểu tượng cho thời kỳ hỗn độn sơ khai.
 - **Ngũ đối thượng:** là năm tầng trên trời tức khí thanh bay lên làm bầu Trời
 - **Ngũ đối hạ:** khí trược hạ xuống thành đất
 - **Long đăng:** rồng bay lên, tượng trưng cho Dương
 - **Long ngâm:** là rồng xuống, tượng trưng cho Âm. Nhút Âm nhút Dương chi vị Đạo.
 - **Vạn giá:** là muôn việc đã định an, muôn loài vạn vật đều có tên.
 - **Tiểu khúc:** nhỏ ngắn đều có tên, có luật.

Kể từ ngày mừng 9 tháng Giêng năm Bính Dần.

(1926) Đức Chí Tôn đã nhận 12 đệ tử đầu Tiên của Đạo Cao Đài, thì giai đoạn đầu đó do Đức Ngô Minh Chiêu dìu dắt. Từ ngày Khai-Đạo (18-11-1926), cơ phổ độ do Đức Cao Thượng Phẩm, Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Sanh (1957-1971) lãnh Đạo. Tất cả là 5 vị (*số 5 là số tham thiên lưỡng địa*), nên Đạo tính vừa đủ 45 năm gồm 9 số mà tổng số từ 1 đến 9 ($1+2+3+4+5+6+7+8+9$) là 45. Mồng 9 lại là ngày vía Đức Chí Tôn, đem nhân 9 với số 5 (*5 vị cao đồ tiên khai Đại Đạo*), (9×5) vẫn là 45. Điều ấy có huyền diệu gì không?

Thế thường mỗi khi có Hà Lạc xuất hiện thì có Thánh nhân ra đời. Khi không thấy Hà Đồ xuất hiện, Đức Khổng Tử than: “*Phượng điểu bất chi, Hà bất xuất đồ, ngô dĩ hỉ phù*” (*Chim Phượng không tới, bức đồ chẳng hiện trên sông Hà, ta hết hy vọng rồi*).

May thay! Kỳ ba phổ độ này ta thấy Long Mã tải Trung Thiên Bát Quái trên có Lạc Thiên Thư xuất hiện là điềm lành cho toàn thể nhân loại.

Thời khai nguyên Đại Đạo theo Dịch lý là thời Thái Dương gồm 5 vị:

1. **Ngô Minh Chiêu:** (*từ tháng 2 đến tháng 11-1926*) dìu dắt 9 tháng. Số 9 là số Cửu Trù (*hay Cửu Thiên Khai Hoá*) của Hà Đồ. Số 9 là số đặc biệt của Chí Tôn.
2. **Cao Quỳnh Cư:** (1926-1929) xây dựng nghiệp Đạo 4 năm là số tứ tượng trong Kinh Dịch hay Tứ Thời (*Ngọ, Dậu, Tý, Mão trong bốn thời dâng lễ Đức Chí Tôn*).
3. **Lê Văn Trung:** (1929-1934) chưởng quản Đạo sự

trong 5 năm, số 5 là số Tam Thiên (3), *Lưỡng Địa* (2).

4. **Phạm Công Tắc:** (1935–1956) 21 năm trừ gần 1 năm an trí Di Linh, Sơn La và 5 năm hơn bị đày ở Madagascar còn lại 15 năm, số 15 là số sinh thành của Hà Đồ. Số trời 5 hợp cùng số đất 10 ở trung ương mà sinh Thổ (*Thiên ngũ dữ địa thập hợp ư trung nhi sinh Thổ*) tức là 15.
5. **Cao Hoài Sang:** (1957–1971) cầm quyền Đạo trong 14 năm (*hay hơn 13 năm cũng vậy*) báo hiệu cho thời Thái Dương của các cao đồ chấm dứt (12 giờ trưa là cực dương của thái dương tính theo tứ thời), bước sang 13 hay 14 giờ là bắt đầu thời thiếu âm (vì cực dương sinh âm) của Thập Nhị Thời Quân mà khởi đầu là Thời Quân Hiến Pháp.

Đức Cao Thượng Sanh thay mặt các vị cao đồ chấm dứt thời khai nguyên Đại Đạo bằng câu:

“Sứ mạng làm xong giữ trọn nguyên”

HẾT

PHỤ LỤC**Những bộ sử viết về Đạo Cao Đài**

1. Hương Hiếu, Đạo Sử, quyển I và II, tiểu bang California, Hoa Kỳ, 1995.
2. Hoài Nhân, 40 năm lịch sử ĐĐTKPĐ (*Tây Ninh*), Biên Hòa, 1966.
3. Cao Hiền, Lịch sử ĐĐTKPĐ, Saigon, 1967.
4. Đồng Tân, Lịch sử ĐĐTKPĐ, Saigon, 1972.
5. Lê Anh Dũng, Lịch sử Đạo Cao Đài thời kỳ tiền thân (1920–1926), Saigon, 1993.
6. Trần Văn Rạng, Đại Đạo Sử Cương, quyển I, II, Saigon, 1970.
7. Trần Văn Rạng, Đại Đạo Sử Cương, Sydney, 1993.
8. Trần Văn Rạng, Đại Đạo Sử Cương, tập 1, California, 2003.
9. Trần Văn Rạng, Đại Đạo Sử Cương, tập 2, California, 2004.
10. Trần Văn Rạng, Vị thế Đạo Cao Đài Tây Ninh trong quốc sử (1937–1954), 1975.
11. Nguyễn Văn Hồng, Đạo sử nhật ký, quyển I và II, Saigon, 2005.
12. Trần Văn Rạng, Lịch sử Đạo Cao Đài về giáo lý (1925–1955), Tây Ninh, 201.

LỊCH SỬ
ĐẠO CAO-ĐÀI VỀ GIÁO-LÝ

Soạn Giả: TRẦN VĂN RẠNG